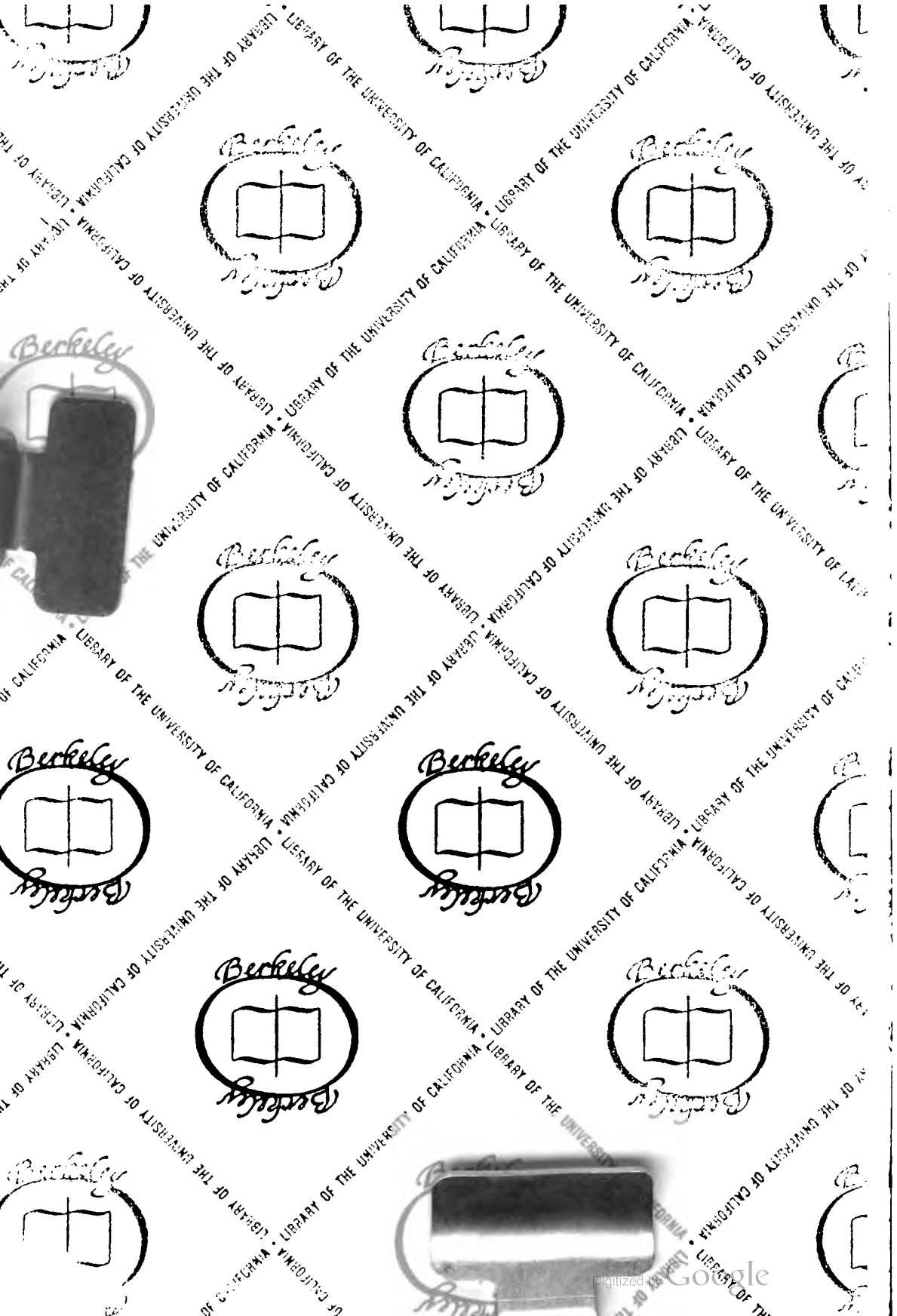
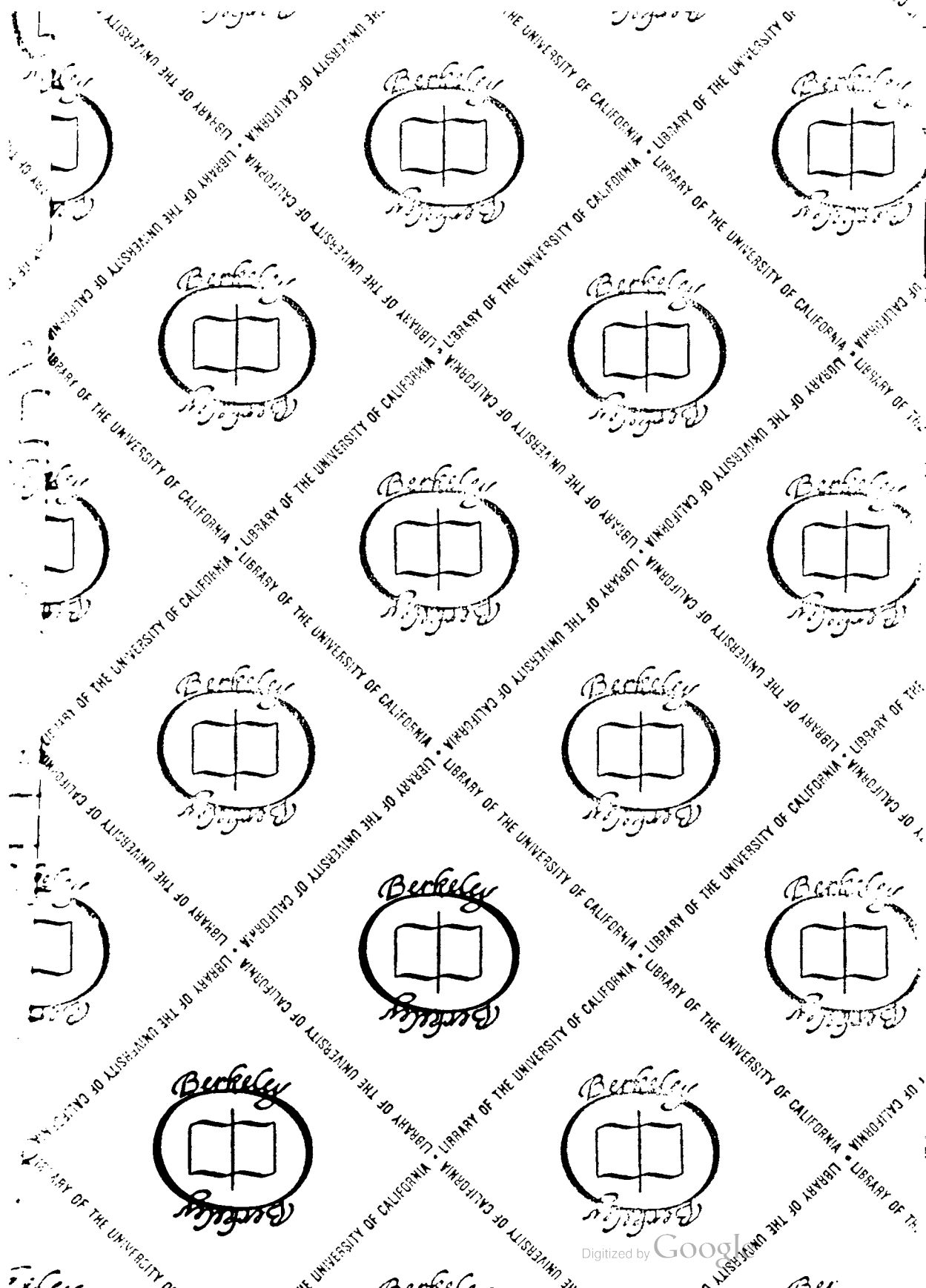






Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

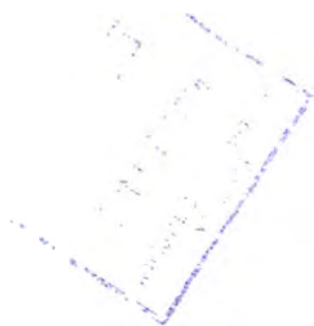


I

I . 1981

Tạp chí Cộng sản

DO HUỖNG ÁN MÃU Ý HƯỚNG DO
CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



1954
1955
1956
1957

CỤC DIỆN CÁCH MẠNG NƯỚC TA VÀ NHIỆM VỤ KINH TẾ NĂM 1981

 HỮNG ta bước vào năm 1981 sau chặng đường hơn năm năm chiến đấu gian khổ nhưng cũng rất vẻ vang trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn lại công việc những năm qua, chúng ta cần đánh giá đúng những thành tựu đã đạt được, hiểu đúng tình chất, nguồn gốc của khó khăn, xác định rõ phương hướng tiến lên của cách mạng nước ta.

Hơn năm năm qua, bằng cuộc chiến đấu đầy gian khổ, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước hết, do thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta đã thiết lập và củng cố một bước nền chuyên chính vô sản, chế độ làm chủ tập thể trong cả nước. Với thắng lợi đó, vấn đề cơ bản của cách mạng — chính quyền thuộc về ai, cả nước Việt-nam đi con đường nào — đã được giải quyết sau nửa thế kỷ đấu tranh của dân tộc ta, một cuộc đấu tranh rất ác liệt chống lại những lực lượng phản động nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Đây là thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam, là điều kiện đầu tiên và trọng yếu nhất để nhân dân ta thực hiện mục tiêu, xây dựng một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong những năm còn lại của thế kỷ XX. Việc thiết lập chính quyền vô sản và chế độ làm chủ tập thể trong cả nước làm cho lực lượng cách mạng ở nước ta mạnh hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây. Đó là một cản trở lớn đối với mưu đồ bành trướng của bọn bá quyền Trung-quốc ở vùng Đông Nam Á. Chúng ta kết với các thế lực đế quốc, coi Việt-nam là một đối tượng trọng yếu trong chiến lược phản cách mạng của chúng. Và tập tục chúng phản kích ta một cách toàn diện.

Hai là, do lực lượng cách mạng Việt-nam đã mạnh hơn các thời kỳ trước đây, cho nên nhân dân ta đã nhanh chóng đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc mình, góp phần giải phóng nhân dân Cam-pu-chia khỏi họa diệt vong, phá tan căn cứ bành trướng của bọn phản động Trung-quốc ở Cam-pu-chia, xây dựng khối đoàn kết vững chắc giữa ba nước Đông-dương. Thắng lợi ấy càng củng cố niềm tin vững chắc của nhân dân ta vào sức mạnh vô địch của mình trong sự

nghep bảo vệ độc lập của Tđ quốc. Có thể nói rằng suốt hơn 20 thế kỷ qua, **đời ng** trước chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc, từ Tần-Thủy-Hoàng cho đến tập đoàn phản động theo Mao hiện nay, chưa bao giờ dân tộc ta có thể và lực tđt như bây giờ để đối phó thắng lợi với mưu đồ xâm lược của chúng

Ba là, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi quan trọng trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và hình thành cơ cấu kinh tế thống nhất trong cả nước. Cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất được tăng thêm một bước quan trọng: diện tích canh tác tăng thêm trên 1 triệu ha, các công trình thủy lợi mới xây dựng đã làm tăng diện tích được tưới nước trên 60 vạn ha. Nông nghiệp được cung cấp thêm trên 2 vạn máy kéo. Năng lực sản xuất công nghiệp đã tăng thêm 20 vạn kW điện, 50 vạn tấn xi măng, 2 triệu tấn than, 5 vạn tấn giấy, chưa kể công suất khá lớn của một số công trình sẽ được huy động vào sản xuất giữa thời kỳ 1981 - 1985. Chúng ta đã khôi phục và xây dựng mới gần 1500km đường sắt, 4 vạn mét cầu. Trên 9 triệu lao động mới được thu hút vào sản xuất. Cả nước có 16 triệu người đi học, bình quân 3 người dân có một người đi học.

Bốn là, chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng đã tạo được những nhân tố quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta. Trước hết là khối đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia vững chắc hơn bao giờ hết. Đó là điều kiện không thể thiếu được để mỗi nước bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống mới của mình. Với Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô và việc nước ta chính thức gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế, sự liên minh giữa nước ta với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự liên minh toàn diện với Liên-xô, được tăng cường và củng cố, đó là một bảo đảm đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tđ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta, đồng thời là điều kiện để nhân dân ta thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình một cách xứng đáng.

Năm năm vừa qua cũng là thời kỳ xuất hiện trên thế giới một đợt bùng nổ cách mạng. Sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt-nam, một loạt Nhà nước cách mạng đã ra đời ở Nam Á, Tây Á, Trung Đông, châu Phi và châu Mỹ. Tình hình đó chứng tỏ so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới đã có sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng. Mặc dù bọn đế quốc phản kích điên cuồng, và giết cầm quyền Bắc-kinh phản bội lợi ích của nhân dân Trung-quốc, đứng vào hàng ngũ đế quốc, nhưng trong thời gian qua chủ nghĩa đế quốc vẫn chưa giành lại được những vị trí quan trọng đã mất và liên tục bị đẩy lùi. Căn cứ bành trướng của Trung-quốc ở Cam-pu-chia bị đánh sập, cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của chúng bị thất bại. Mỹ thất bại ở I-ran, Anh buộc phải rút khỏi Rô-đê-đi-a và chấp nhận sự ra đời của Nhà nước Dìm-ba-bu-ê cách mạng... Những sự kiện ấy nói lên điều đó. Nhân dân ta tự hào là hàng cuộc đấu tranh gian khổ và thắng lợi vẻ vang của mình, đã góp phần tích cực vào những thắng lợi nói trên, đẩy mạnh thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam trong năm năm qua là do nhiều nhân tố đem lại, trong đó nhân tố đầu tiên là Đảng ta đã giải quyết kịp thời và đúng đắn các vấn đề về đường lối cách mạng. Đại hội thứ IV của Đảng đã xác định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tđ quốc xã hội chủ nghĩa. Khi những hành động chống Việt-nam của tập đoàn phản

động Bắc-kinh bộc lộ rõ ràng. Hội nghị thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương chống mưu đồ xâm lược của chúng. Đó là đường lối rất cách mạng và khoa học; nó kịp thời chỉ rõ cho toàn dân ta kẻ thù nguy hiểm mới và phương hướng để đánh thắng chúng. Chủ trương giúp nhân dân Cam-pu-chia đánh em đệp tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, căn cứ bành trướng của bọn phản động Bắc-kinh, là một chủ trương rất sáng suốt. Việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô và việc nước ta gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế đã nhanh chóng tạo cho nước ta một thế vững vàng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đường lối, chủ trương đúng đắn về đối nội cũng như đối ngoại, về xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như bảo vệ Tổ quốc thể hiện sự già dặn về chính trị, sự từng trải trong chiến đấu của Đảng ta. Không có đường lối, chủ trương sáng suốt như vậy, thì nhân dân ta không thể giành được những thắng lợi vĩ đại nói trên, mà còn có nguy cơ mất đi những thành quả đã giành được, phải chịu những thảm họa không thể lường hết được.

Dương nhiên, con đường lên lên của chúng ta không phải chỉ có thắng lợi. Khó khăn còn nhiều. Sản xuất chưa đủ tiêu dùng, lương thực thiếu, ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động của đời sống xã hội. Nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư chưa đáp ứng được yêu cầu, mặt trận phân phối, lưu thông không ổn định, thậm chí có mặt rồi. Đời sống của công nhân, viên chức có nhiều khó khăn.

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ nguồn gốc của những khó khăn đó:

Chúng ta lên lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, nghèo nàn và lạc hậu, đó là nguồn gốc sâu xa của khó khăn. Càng ngày chúng ta càng thấm thía luận điểm của Lê-nin: một nước càng lạc hậu về kinh tế bao nhiêu thì khi lên lên chủ nghĩa xã hội càng gặp khó khăn bấy nhiêu. Nước Nga, một nước tư bản phát triển trung bình, năm 1913 đã sản xuất được 4 triệu tấn gang, nhưng khi lên lên chủ nghĩa xã hội cũng gặp không ít khó khăn. Còn nước Việt-nam ta hiện nay với số dân gần 55 triệu người, bằng nửa số dân nước Nga lúc đó, chỉ sản xuất khoảng 1/40 số gang thép của nước Nga năm 1913. Hơn nữa, chúng ta không phải đã lên được bước dài trong thời kỳ quá độ, mà mới ở bước đầu của thời kỳ đó, cho nên khó khăn càng gay gắt.

Hiện quả của 30 năm chiến tranh rất nặng nề chưa được khắc phục thì bọn bành trướng Bắc-kinh lại gây hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, và hiện nay chúng vẫn xúc tiến mưu đồ thôn lĩnh nước ta, gây nên những trở ngại lớn đối với công cuộc xây dựng kinh tế của ta. Đứng trước nguy cơ xâm lược của bọn bành trướng Trung-quốc, để bảo vệ Tổ quốc thân yêu của mình, chúng ta buộc phải lãng phí ngân sách quốc phòng, điều động một lực lượng lớn lao động cho nhu cầu chiến đấu.

Cũng cần nhắc lại là những thay đổi lớn về kinh tế và xã hội sau khi miền Nam được giải phóng đã gây sự đảo lộn không nhỏ về các mặt này. Đó là chưa nói đến thiên tai gay gắt dồn dập xảy ra trong bốn năm qua.

Đó là những nguyên nhân khách quan của khó khăn.

Về chủ quan, chúng ta mắc những sai lầm trong việc chấp hành đường lối của Đảng. Sau khi miền Nam được giải phóng, chúng ta thấy được một thuận lợi, thấy được những tiềm năng của đất nước và đã dự kiến những tình huống xấu có thể xảy ra: sự đảo lộn về kinh tế và xã hội, bọn phản động Trung-quốc có thể gây chiến tranh xâm lược; nhưng chưa nhận thấy đầy đủ, sâu sắc những khó khăn do sự đảo lộn về kinh tế và xã hội, do tình hình từ chiến

tranh chuyển sang hòa bình, do hậu quả của chiến tranh, do tình chất bất hợp lý của cơ cấu kinh tế, cơ cấu tiền dùng mà lịch sử để lại, gây ra. Do đó trong công tác kế hoạch chưa bố trí thích hợp cơ cấu kinh tế, cơ cấu tiền dùng phù hợp với khả năng thực tế và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chưa chú trọng phát huy hai thứ vốn quý nhất là lao động và đất đai, chưa kết hợp tối lao động và đất đai nhằm giải quyết bằng được vấn đề lương thực, thực phẩm, tạo nguồn xuất khẩu, từ đó mà có nguồn tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chưa tập trung đầu tư đúng mức cho việc khai thác tiềm năng lao động và đất đai; vốn đầu tư bị phân tán ra quá nhiều mục tiêu; công trình xây dựng dở dang nhiều. Cơ chế quản lý kinh tế mang nặng tình chất bao cấp hình chính quan liêu đã kìm hãm sản xuất, kìm hãm việc phát huy tiềm năng về nhiều mặt. Nhiều chính sách về phân phối, lưu thông ban hành từ lâu không còn phù hợp với tình hình mới chưa được sửa đổi. Bộ máy Nhà nước ngày càng cồng kềnh nhưng hiệu lực lại giảm; cán bộ không thiếu, nhưng việc bố trí chưa hợp lý, việc bồi dưỡng kiến thức về kinh tế làm quá chậm, v.v.

Đảng ta cho những khuyết điểm trên là nghiêm trọng, vì những khuyết điểm đó gây nên những tổn thất không nhỏ, ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế và đời sống nhân dân. Chúng ta phải có thái độ nghiêm khắc đối với những khuyết điểm ấy và phải tích cực sửa chữa, nhưng không nên từ đó mà cho rằng tất cả những khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay chỉ là do khuyết điểm chủ quan hoặc chủ yếu là do khuyết điểm chủ quan. Nhận định ấy không đúng. Giả sử chúng ta không mắc khuyết điểm hoặc khuyết điểm không nghiêm trọng thì tình hình sản xuất và đời sống có thể bớt khó khăn hơn, vấn đề lương thực có thể giải quyết tốt hơn, một số hàng tiêu dùng không quá căng thẳng như hiện nay,.... nhưng có nhiều khó khăn về cơ bản vẫn chưa khắc phục được. Việc khắc phục những khó khăn ấy đòi hỏi phải có thời gian.

Hiện nay đất nước ta đang ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có khả năng xảy ra chiến tranh. Nhân dân ta phải nắm vững nhiệm vụ chiến lược vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm trước mắt, chúng ta phải nắm vững những nhiệm vụ : đẩy mạnh sản xuất, cải tiến phân phối, lưu thông để ổn định và từng bước phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; tiếp tục xây dựng từng bước có trọng điểm cơ sở với chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; cải tiến quản lý kinh tế một cách toàn diện, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam một cách đúng đắn cũng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở miền Bắc; tăng cường quan hệ đoàn kết, tương trợ, hợp tác với Lào và Cam-pu-chia, đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện với Liên-xô và thắt chặt mối quan hệ với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Năm 1981, phải tập trung cao độ lực lượng cho sản xuất nông nghiệp để giải quyết tốt hơn vấn đề lương thực, thực phẩm tăng nhanh nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và hàng nông sản xuất khẩu bằng mọi cách: thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích cả lúa, màu, cây thực phẩm và cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi. Phải bảo đảm điều kiện phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp năng lượng, cơ khí sửa chữa và chế tạo, phân bón hóa học, phát triển giao thông vận tải, và làm cho các ngành đó trực tiếp phục vụ đắc lực hơn nữa sản xuất nông nghiệp và việc chế biến nông sản. Phải tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu trên quy mô lớn với chất lượng cao nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện nhập vật tư kỹ thuật; mọi ngành, mọi địa phương, mọi

cơ sở để có khả năng thì phải làm hàng xuất khẩu. Thực hiện tốt nghị quyết 26 của Bộ chính trị về cải tiến và tăng cường công tác phân phối, lưu thông, bảo đảm đời sống của những người làm công ăn lương. Đẩy mạnh việc cải tiến quản lý kinh tế, đổi mới công tác kế hoạch hóa, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp và trong các ngành kinh tế khác. Về địa bàn, phát huy vai trò trọng điểm lương thực số một của cả nước là đồng bằng sông Cửu-long; phát huy cao độ khả năng và truyền thống thâm canh tăng vụ của đồng bằng sông Hồng; bước đầu đầu tư khai thác tiềm năng của Tây-nguyên và miền Đông Nam-bộ về cây công nghiệp để phục vụ xuất khẩu; tận dụng mọi khả năng khai thác các vùng khác nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Về sản xuất công nghiệp và về đời sống, phải chú trọng thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh.

Chúng ta có đủ điều kiện để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây. Điều đáng mừng là sau khi có nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương, nghị quyết 26 của Bộ chính trị và các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế, do sự cố gắng của các ngành, các địa phương, các cơ sở, trong đời sống kinh tế đã xuất hiện nhiều nhân tố mới mang lại những kết quả tích cực. Các lĩnh vực Nam-bộ được mùa nhiều vụ liền; các lĩnh vực Bắc tích cực đấu tranh chống thiên tai, khắc phục nhiều khó khăn để phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, làm cho sản xuất nông nghiệp có đà phát triển. Trong công nghiệp xuất hiện nhiều điển hình tốt làm ăn có hiệu quả. Trong phân phối, lưu thông có những tiến bộ quan trọng: Nhà nước thu mua được khối lượng lương thực và nông sản lớn hơn so với các năm trước. Ngân sách một số địa phương bội thu. Đó là kết quả của nhiều cách làm ăn mới: cách khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp, việc trả lương theo sản phẩm trong xí nghiệp quốc doanh, những chính sách và biện pháp mới trong thu mua, v.v. Do những cải tiến nói trên, phong trào sản xuất ở nhiều nơi áp dụng những cách làm mới bắt đầu có khí thế mạnh mẽ. Tình trạng trì trệ trong kinh tế bắt đầu bị phá vỡ. Những hiện tượng tiêu cực bị đẩy lùi một bước. Thực tế trên đây chỉ rõ sự chuyển hướng về lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của Đảng và Nhà nước gần đây đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình, đang tạo ra những nhân tố tích cực mới, tạo ra khả năng hiện thực cho phép khắc phục khó khăn, từng bước đưa nền kinh tế đi lên một cách vững chắc trong những năm tới.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1981, sớm tạo ra một cục diện mới về kinh tế, cần phải ra sức cải tiến quản lý kinh tế. Hướng cải tiến là nhằm làm tốt công tác kế hoạch hóa đi đôi với vận dụng tốt hơn các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, giá cả và tiền lương, thực hiện nguyên tắc kết hợp ba lợi ích, sửa chữa tình trạng xem nhẹ lợi ích của cơ sở và người lao động, kiên quyết khắc phục bệnh hành chính bao cấp, chuyển hẳn sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cần nghiên cứu, tổng kết những điển hình có những bài học hay về quản lý kinh tế, áp dụng rộng rãi cung cách quản lý mới ấy.

Phải có sự chuyển biến sâu sắc về công tác tổ chức và công tác cán bộ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong năm 1981, trước hết phải tích cực đổi mới và tăng cường đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh ở cơ sở và các ngành kinh tế quốc dân chủ yếu theo hướng mạnh dạn đề bạt những cán bộ thật sự có năng lực, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Thực hiện nhanh gọn,

lỗi việc chia tách, sáp nhập, thành lập một số Bộ mới, Ban mới như đã quyết định. Cũng cố tổ chức Đảng, nhất là ở nông thôn, xí nghiệp, gắn liền với việc hoàn thành công tác phát triển đảng viên. Về lề lối làm việc, phát huy ý sửa chữa khuyết điểm trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng và Nhà nước, làm tốt công tác kiểm tra, kịp thời kết luận về những sáng kiến, những nhân tố mới phát sinh, phát huy, cổ vũ tinh thần chủ động sáng tạo của các cấp, các cơ sở, kịp thời uốn nắn những lệch lạc.

Động lực thật sự của phong trào cách mạng là lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân lao động. Công tác tư tưởng có tác dụng quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng, ổn định đời sống. Phải giáo dục cho mỗi người lao động nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhận rõ tình hình và nhiệm vụ, thấy rõ thắng lợi và những nhân tố mới, thấy rõ mức độ, tính chất và nguồn gốc của khó khăn, đặc biệt là nhận rõ chân tướng của kẻ thù, những âm mưu và thủ đoạn xấu xa của chúng, củng cố lòng tin ở cách mạng, ở chế độ, khắc phục những biểu hiện bi quan, tiêu cực, kiên định con đường đấu tranh đánh bại kẻ thù, nêu cao tinh thần cách mạng liên tục, vượt qua khó khăn, giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



- Với đường lối đúng đắn của Đảng, với sự đoàn kết nhất trí của toàn
- Đảng, toàn dân, với truyền thống dũng cảm và lao động cần cù của nhân dân ta, với những nhân tố tích cực, những cung cách làm ăn mới xuất hiện trong nền kinh tế, với những kinh nghiệm, những kiến thức về chỉ đạo và quản lý kinh tế đã tích lũy được của các cấp, các ngành và đội ngũ cán bộ, chúng ta nhất định sẽ sớm tạo ra một cục diện mới về kinh tế, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1981. Đó cũng là một cách thức thực chào mừng Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng sẽ họp vào cuối năm 1981.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA BỐN)
Về việc triệu tập Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ năm của Đảng

Thi hành quy định của Điều lệ Đảng,
Xét tình hình trong nước và quốc tế hiện nay,
Theo đề nghị của Bộ chính trị,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA BỐN)

QUYẾT ĐỊNH

1 — Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm của Đảng vào cuối quý 4 năm 1981. Ngày cụ thể do Bộ chính trị quyết định.

2 — Nội dung của Đại hội là :

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng về kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ tư (chủ yếu là thực hiện kế hoạch Nhà nước năm năm lần thứ hai) và về phương hướng, nhiệm vụ các mặt công tác trong thời gian tới (chủ yếu là phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước năm năm lần thứ ba 1981 — 1985).

b) Thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ cơ bản, những mục tiêu chủ yếu và những biện pháp lớn của kế hoạch năm năm lần thứ ba.

c) Thảo luận và thông qua Báo cáo về những vấn đề lớn trong công tác xây dựng Đảng và quyết định một số điều sửa đổi cụ thể trong Điều lệ Đảng.

d) Bầu Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa năm).

3 — Giao cho Bộ chính trị chuẩn bị các đề án và chuẩn bị nhân sự của Đại hội. Ban bí thư chỉ đạo việc tiến hành Đại hội các cấp, việc chuẩn bị phục vụ Đại hội và các vấn đề khác cần thiết cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tổng bí thư

LÊ DUẬN

Thư của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam

CỬ CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ TOÀN THỂ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VỀ VIỆC TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ NĂM

HỘI nghị toàn thể lần thứ chín của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, họp từ ngày 3 đến ngày 10-12-1980, đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm vào quý 4 năm 1981.

Đại hội đại biểu toàn quốc là sinh hoạt chính trị quan trọng nhất của Đảng. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, tất cả các cấp ủy và toàn thể cán bộ, đảng viên đều tham gia sinh hoạt Đảng để kiểm điểm việc thực hiện những nhiệm vụ và công tác của Đảng, thảo luận đường lối, chính sách và giải quyết những vấn đề về công tác tổ chức của Đảng trong thời gian tới. Công tác chuẩn bị cần được bắt đầu kể từ khi có nghị quyết triệu tập Đại hội. Ban bí thư Trung ương Đảng sẽ có chỉ thị cụ thể hướng dẫn công việc chuẩn bị ở các cấp.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng, họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, đã tổng kết thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quyết định đường lối, nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thông qua phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm năm lần thứ hai xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, bảo đảm và cải thiện đời sống nhân dân. Các hội nghị sau đó của Trung ương đã cụ thể hóa đường lối, chính sách, bố trí lại kế hoạch kinh tế cho phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện những nghị quyết của Đảng, bốn năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã chiến đấu anh dũng, lao động cần cù, vượt qua nhiều khó khăn, giành được những thắng lợi to lớn, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên trong giai đoạn mới.

Thắng lợi vẻ vang của chúng ta là đã nhanh chóng đánh bại cuộc tiến công xâm lược dã man của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, bảo vệ vững chắc bờ cõi nước ta, giúp đỡ quân đội cách mạng và nhân dân Cam-pu-chia xóa bỏ chế độ diệt chủng của bọn Pôn Pốt—Iêng Xa-ry, tay sai của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, giải phóng hoàn toàn đất nước Cam-pu-chia. Ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia hoàn toàn độc lập, tự do đã liên minh chặt chẽ với nhau, tạo ra thế mới phát triển mạnh mẽ, bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân mỗi nước.

Cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội phải đương đầu với muôn vàn khó khăn. Nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hậu quả của chế độ thực dân mới rất lớn, thiên tai diễn ra liên tiếp. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế câu kết với nhau, điên cuồng chống lại cách mạng nước ta. Trong hoàn cảnh phức tạp ấy, nhân dân và cán bộ, đảng viên ở mọi miền đất nước, thành thị và nông thôn, miền ngược, miền xuôi, công nhân, nông dân, lao

đồng trí óc, đều đồng tâm nhất trí, đoàn kết chung quanh Đảng ta, chịu đựng gian khổ, lao động quên mình, hân hoan những vết thương chiến tranh, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, chăm lo đời sống, củng cố quốc phòng, giữ vững trật tự, an ninh, làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Các chiến sĩ ta ở khắp các vùng biên giới và hải đảo luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu kiên cường quyết giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta—cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa—được phát triển đồng bộ và đạt được những thành tích đáng kể. Cách mạng nước ta rõ ràng ngày càng vững bước tiến lên.

Nhưng những khó khăn trước mắt của chúng ta không ít. Nhịp độ phát triển kinh tế, cả nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản đều chậm, nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm lần thứ hai không thực hiện được đầy đủ. Đời sống của nhân dân, nhất là của cán bộ, công nhân, viên chức, đồng bào lao động ở các thành phố, và một số vùng bị thiên tai nặng đang gặp nhiều khó khăn.

Công tác của chúng ta cũng có nhiều nhược điểm và khuyết điểm về vận dụng đường lối, về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, về quản lý kinh tế, về quản lý phân phối lưu thông, về chỉ đạo thực hiện, và về bố trí tổ chức, cán bộ.

Đề thiết thực chuẩn bị Đại hội, toàn Đảng phải nhất trí nhận định về tình hình đất nước, động viên toàn dân và toàn quân, tăng cường đoàn kết, hân hoan tiến lên, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ sau đây:

1—Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, phát huy những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào quần chúng, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tập trung sức cho nông

nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề lương thực, thực phẩm, nguyên liệu công nghiệp, hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu, cải tiến quản lý kinh tế và phân phối, lưu thông, ổn định thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, ổn định đời sống, tạo ra sự chuyển biến tốt của nền kinh tế quốc dân. Mục đích trực tiếp của cải tiến quản lý là tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, chất lượng công tác. Từng ngành và từng địa phương phải khai thác tốt nhất mọi khả năng về ruộng đất, lao động, thiết bị, vật tư làm ra nhiều của cải cho xã hội và thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt.

2—Củng cố hơn nữa lực lượng quốc phòng, làm thất bại chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp của địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3—Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

4—Xây dựng từng bước cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

5—Tăng cường công tác tư tưởng, kiện toàn tổ chức quản lý, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, tăng cường công tác xây dựng và củng cố Đảng để bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ mới của cách mạng.

6—Mở rộng quan hệ hợp tác mọi mặt với Lào và Cam-pu-chia, với Liên-xô và các nước anh em khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Mọi người hãy lao động và công tác hết sức mình với tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội nồng nàn, khắc phục những khó khăn trước mắt và chuẩn bị cho một thời kỳ phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Đảng ta tiến tới Đại hội lần thứ năm với một đội ngũ chiến đấu kiên cường của những người cộng sản, có đủ năng

lực và phẩm chất hoàn thành sứ mạng lịch sử, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mang lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng quang vinh và của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu tới đích cuối cùng. Tất cả các tổ chức của Đảng cần phải kiểm tra lại lực lượng của mình, thu hút thêm những sinh lực mới, loại bỏ những phần tử đã thoái hóa, biến chất và gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, tiến hành ba cuộc cách mạng để xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch, kiện toàn các cấp ủy, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm cho toàn Đảng trên dưới một lòng, triệu người một ý chí. Trong lịch sử đấu tranh lâu dài của mình, Đảng ta đã từng vượt qua những tình thế hiểm nghèo và những bước phát triển phức tạp. Nhờ có đường lối đúng đắn, sự đoàn kết nhất trí và gắn bó với quần chúng, Đảng đã đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đến những thắng lợi lịch sử vĩ đại.

Dân chủ là truyền thống tốt đẹp của Đảng ta. Phê bình và tự phê bình là quy luật phát triển của Đảng cộng sản. Công tác của chúng ta có nhiều ưu điểm, nhưng không tránh khỏi khuyết điểm, sai lầm. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, chúng ta cần kiểm điểm công tác, ở tất cả các cấp, tiến hành phê bình và tự phê bình sâu sắc và thẳng thắn với ý thức trách nhiệm cao để cải tiến công tác, tăng cường đoàn kết, đề cao kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh mọi quyết định của Đảng và Nhà nước. Mục đích cao nhất của Đảng là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chúng ta hoan nghênh và coi trọng sự phê bình của nhân dân đối với công tác của Đảng và Nhà nước. Thực hiện quyền làm

chủ, nhân dân ta cũng tham gia chuẩn bị Đại hội Đảng bằng hành động cách mạng trong sản xuất, xây dựng, chiến đấu và bằng cách góp ý kiến đối với đường lối, chính sách, công tác của Đảng và đối với cán bộ, đảng viên.

Tình hình nước ta còn nhiều khó khăn, cuộc đấu tranh giai cấp còn phức tạp, nhưng Đảng ta chuẩn bị Đại hội trong hoàn cảnh có nhiều thuận lợi. Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi lịch sử của những cuộc kháng chiến chống xâm lược và của những cuộc cải cách xã hội đã mang lại cho nhân dân ta quyền làm chủ đất nước và xã hội. Đồng bào cả nước ta đang hăng hái vươn lên dưới ngọn cờ lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng, xây dựng sự phồn vinh của Tổ quốc và cuộc sống mới văn minh, hạnh phúc. Chúng ta có đầy đủ sức mạnh để bảo vệ sự an toàn của Tổ quốc, đánh thắng bất cứ thế lực xâm lược nào xâm phạm nước ta. Hoàn cảnh quốc tế của cách mạng Việt-nam rất tốt đẹp. Sự liên minh giữa ba nước Đông-dương cũng như sự đoàn kết hợp tác giữa Việt-nam với Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã tỏ rõ sức mạnh to lớn so với chủ nghĩa đế quốc. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt. Ba dòng thác cách mạng đang dâng lên ở khắp các lục địa và ở thế tiến công chiến lược. Hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh chưa từng thấy là thành trì kiên cố của hòa bình và cách mạng thế giới.

Toàn Đảng hãy chuẩn bị Đại hội lần thứ năm bằng những hành động cách mạng thiết thực, tiến tới một cao trào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hà-nội, ngày 10-12-1980

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

BÁO CÁO VỀ DỰ THẢO HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

(Do đồng chí **TRƯỜNG-CHINH**, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp, trình bày)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,



HÀNG 7 năm 1976, sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong không khí vui mừng

Bác - Nam sum họp một nhà, Quốc hội khóa sáu đã quyết định xây dựng Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và cử ra Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng cộng sản Việt-nam, Ủy ban đã xây dựng dự thảo Hiến pháp mới với sự tham gia tích cực của cán bộ và nhân dân cả nước và sự cộng tác của các đại biểu Quốc hội, của nhiều ngành, nhiều cơ quan.

Trước kỳ họp này của Quốc hội, bản dự thảo Hiến pháp đã được Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam xem xét. Đến nay dự thảo đã hoàn thành. Thay mặt Ủy ban dự thảo Hiến pháp, tôi xin báo cáo với Quốc hội về bản dự thảo đề Quốc hội thảo luận và quyết định.

Báo cáo của tôi gồm có bốn phần.

I - Sự cần thiết phải có Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

II - Nội dung cơ bản của dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

III - Cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân.

IV - Những việc phải làm để bảo đảm cho Hiến pháp mới được thi hành nghiêm chỉnh.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ HIẾN PHÁP CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là một văn bản quan trọng của Nhà nước tổng kết những thành quả cách mạng đã đạt được và vạch phương hướng tiến lên của nước ta. Nó thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt-nam trong giai đoạn mới của cách mạng, quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của nước ta, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến cơ sở, v.v. Hiến pháp là luật cơ bản của nước nhà

I - SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ HIẾN PHÁP MỚI.

Từ khi Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thông qua Hiến pháp 1959 đến nay, tình hình nước ta đã có nhiều biến đổi sâu sắc. Hồi đó đất nước còn bị chia làm hai miền. Miền Bắc mới bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Miền Nam còn bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chưa hoàn thành.

Năm 1975, khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ở miền Bắc khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa (bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) đã chiếm 88,4% tổng sản phẩm xã hội và 81,1% thu nhập quốc dân; khu vực kinh tế cá thể của những người sản xuất nhỏ chỉ chiếm 11,6% tổng sản phẩm xã hội và 15,9%

thu nhập quốc dân; khu vực kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh đã được cải tạo hoàn toàn. Thị trường có 18 chức chiếm 75% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội. Nhà nước giữ độc quyền ngoại thương.

Về phát triển kinh tế, trong thời gian 16 năm (1960 - 1975), vừa sản xuất vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 300%; giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 20%.

Trong hoàn cảnh phải chống lại cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ, đồng thời chỉ viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, đời sống của nhân dân miền Bắc vẫn được bảo đảm, về một số mặt còn được cải thiện. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển vượt bậc: cứ 3 người dân thì có 1 người đi học; so với năm 1960 số bác sĩ, y sĩ tăng gấp 13,4 lần, số giường bệnh tăng 2,3 lần; đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ tăng 19,3 lần.

Tình hình thực tế trên đây cho phép ta kết luận: năm 1975, khi miền Nam giải phóng mới bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì ở miền Bắc hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi cơ bản.

Từ một nền kinh tế có năm thành phần: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế công tư hợp doanh, kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh và kinh tế cá thể của những người sản xuất nhỏ, nay miền Bắc còn ba thành phần: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế cá thể, trong đó

khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa (kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) giữ địa vị thống trị và kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất đã được xác lập; chế độ người bóc lột người căn bản đã bị xóa bỏ; cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được tiếp tục tăng cường. Đó là nền tảng vững chắc cho sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Năm 1975, chiến dịch Hồ-Chí-Minh đạt được thắng lợi vĩ đại đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Nước ta thống nhất về mặt Nhà nước. Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã tác động mạnh đến miền Nam hoàn toàn giải phóng. Trong năm năm qua, tình hình miền Nam đã biến đổi nhiều. Sáu khi hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Nam bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, cùng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1980, khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm 69% (1) giá trị sản lượng công nghiệp, riêng kinh tế quốc doanh chiếm 51%. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã thu hút 21,5% số hộ nông dân lao động trong miền (2). Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh. Nạn mù chữ đã được thanh toán. Các tệ nạn xã hội do chế độ Mỹ - ngụy để lại đang được khắc phục.

Tính trong cả nước, đến năm 1980, khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm 57,7% tổng sản phẩm xã hội và 49,2% thu nhập quốc dân; khu vực kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chiếm 42,3% tổng sản phẩm xã hội và 50,8% thu nhập quốc dân, trong đó phần lớn là kinh tế cá thể của người sản xuất nhỏ, còn lại là khu vực kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh. Năm 1980 so với năm 1975, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 17,3%, nông

ng nghiệp tăng 18,7%; số học sinh phổ thông tăng 20%, học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 108%; số giường bệnh tăng 37%.

Những biến đổi về số lượng và chất lượng trên đây đã cho ta thấy gì?

1 - Hiện nay, hai miền nước ta trình độ phát triển có khác nhau, nhưng thực tế đang cùng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc đang hoàn thiện và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam đang đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa; cả nước đang ra sức thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

2 - Những biến đổi về kinh tế đã dẫn đến những biến đổi về thành phần giai cấp, về vị trí và chức năng của mỗi giai cấp trong xã hội ta:

Giai cấp công nhân phát triển nhanh; đến nay đã xấp xỉ một phần mười số dân. Từ chỗ là nô lệ làm thuê của đế quốc và tư bản, giai cấp công nhân đã thực tế làm chủ các xí nghiệp công nghiệp, công trường, nông trường, các phương tiện giao thông vận tải chủ yếu v.v. và đã sản xuất ra của cải vật chất chiếm non một nửa tổng sản phẩm xã hội.

Giai cấp nông dân đã trở thành nông dân tập thể ở miền Bắc và đang trở thành nông dân tập thể ở miền Nam. Từ chỗ bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột thậm tệ và sản xuất riêng lẻ với công cụ thô sơ trên những mảnh đất manh mún, giai cấp

(1) Những số liệu năm 1980 trong báo cáo này là những số liệu ước thực hiện.

(2) Theo số liệu điều tra, đến ngày 1-7-1980, ở miền Nam, tính chung các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đã thu hút 35,6% số hộ nông dân lao động với 17,8% diện tích canh tác toàn miền. Nhưng trong 9350 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, một số tập đoàn chưa tập thể hóa ruộng đất.

nông dân nước ta đã và đang làm chủ tập thể đồng ruộng, sản xuất theo lối hợp tác và bước đầu sử dụng những phương tiện kỹ thuật hiện đại. Giá trị sản lượng nông nghiệp do nông dân tập thể làm ra đã chiếm 53,4% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp nước ta (3).

Tầng lớp trí thức đã và đang biến đổi sâu sắc. Ở miền Bắc, năm 1960, số cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ đã tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp mới có 18 400 người, năm 1975 đã có 356 700 người, năm 1980 đã có 461 800 người, năm 1980 có 776 700 người. Trí thức miền Bắc chủ yếu xuất thân từ giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể, đã trở thành trí thức xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, giới trí thức (trí thức mới và trí thức cũ) nói chung đang phấn đấu theo tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Bắc, các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ. Ở miền Nam giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản mại bản không còn nữa; tư sản dân tộc và những nhà tư sản khác không phải mại bản đang được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội. Tầng lớp phú nông (tức tư sản nông thôn) vẫn còn khá lớn ở miền Nam, tuy vậy họ cũng đang được cải tạo trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Các dân tộc đa số và thiểu số ở nước ta đã từng đoàn kết chiến đấu để giành độc lập, tự do, nay lại tăng cường đoàn kết trong lao động và đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quyết đập tan mọi âm mưu và hành động của bọn đế quốc và bọn bá quyền Trung-quốc.

Ở nước ta, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt. Câu kết với bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và bọn bá quyền Trung-quốc, những phần tử phản

cách mạng trong nước đang cố gắng tuyệt vọng hòng cản trở nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng nhân dân ta quyết đập bằng mọi trở lực, vững bước tiến lên!

Tóm lại, tình hình nước ta hiện nay so với năm 1959 đã thay đổi về cơ bản. Nhà nước ta cần có một bản Hiến pháp phù hợp với các quan hệ kinh tế - xã hội đã đổi mới ở nước ta và tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động lực lượng toàn dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Từ khi nhân dân ta giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám đến nay, nước ta đã có hai bản Hiến pháp: Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959.

Hiến pháp 1946 đánh dấu thắng lợi lịch sử đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám, xác lập Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, phát triển cách mạng dân-tộc dân chủ nhân dân, phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Mục tiêu chiến lược của Hiến pháp đó là hoàn thành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển dân chủ nhân dân, chuẩn bị tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp 1959 xác định thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc nước ta, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân; xây dựng miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; chuẩn bị tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 đã mở ra một giai đoạn mới của

(3) Phần làm ra trong kinh tế tập thể của hợp tác xã nông nghiệp chiếm 35,2%, kinh tế phụ của gia đình xã viên chiếm 18,2%.

cách mạng nước ta. Năm 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra đường lối, chính sách để xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Nước ta cần có Hiến pháp mới để xác định thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đại hội phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà.

Hiện nay, nước Việt-nam đã thống nhất về mặt Nhà nước. Nhưng về một số mặt khác, hai miền còn chênh lệch nhau. Trình độ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền còn khác nhau. Sự chênh lệch đó là tất nhiên, do miền Bắc được giải phóng từ năm 1954 và đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa trước miền Nam hơn hai chục năm. Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thống nhất về nội dung và thực chất, thống nhất về mọi mặt kinh tế, chính trị, hành chính, tư tưởng, văn hóa và xã hội.

Hiến pháp mới kế thừa và phát triển Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959 do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam, toàn dân và toàn quân ta đã giành được những thắng lợi hết sức vẻ vang trong việc thực hiện hai bản Hiến pháp đó. Nhân dân ta luôn luôn tưởng nhớ đến Bác Hồ muôn vàn kính yêu, với niềm tự hào vô hạn và lòng biết ơn sâu sắc.

2 - PHƯƠNG CHÂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

Thưa các đồng chí đại biểu,

Hiến pháp mới phải thể hiện đúng tinh thần nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xác định mối quan hệ khăng khít giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; bảo đảm tiến hành thắng lợi ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa; phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc.

Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là **Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước**. Chẳng những nó tổng kết và xác định những thành quả đã đạt được, mà còn phản ánh phương hướng phát triển của cách mạng nước ta theo đường lối của Đảng. Vì vậy, Hiến pháp mới không tự hạn chế ở những sự việc đã và đang làm, những điều đã và đang thực hiện, mà còn bao gồm một số việc, một số điều sẽ phải làm, làm từng bước và chắc chắn làm được trong quá trình xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội.

Trong khi xây dựng Hiến pháp mới, cần tính đến những mặt còn chưa thống nhất và đồng nhất giữa hai miền, làm cho Hiến pháp thật sự là luật cơ bản của cả nước, mọi quy định đều có thể áp dụng chung cho cả hai miền, tránh được những cái lạc hậu đối với miền này hoặc thái quá đối với miền kia.

Hiến pháp mới phải thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Quá trình xây dựng Hiến pháp là quá

trình phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, động viên cán bộ và nhân dân cả nước tích cực tham gia thảo luận và góp ý kiến. Do đó, sau khi Hiến pháp được ban hành, nhân dân sẽ tự giác, tự nguyện, ra sức thực hiện Hiến pháp, làm cho Hiến pháp tác động tích cực đến hoạt động của Nhà nước và cuộc sống của toàn dân.

Xây dựng dự thảo Hiến pháp là một công việc lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, một cuộc vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa sâu rộng, một quá trình nghiên cứu nghiêm túc. Trong công việc đó, Ủy

ban dự thảo Hiến pháp có những thuận lợi cơ bản: có nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng và các nghị quyết tiếp theo của Ban chấp hành trung ương Đảng làm cơ sở; có kinh nghiệm quý báu của 35 năm xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, kinh nghiệm phong phú về xây dựng và thi hành Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959. Năm vững đường lối, chính sách của Đảng và xuất phát từ tình hình thực tế nước ta, chúng ta còn tham khảo kinh nghiệm xây dựng và thi hành Hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

II

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí đại biểu,

Dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam gồm Lời nói đầu và mười hai chương. Lời nói đầu trình bày khái quát quá trình đấu tranh thắng lợi của nhân dân ta trong nửa thế kỷ qua, những nguyên nhân thắng lợi, những kinh nghiệm lịch sử của cách mạng nước ta, và nêu rõ nội dung cơ bản của Hiến pháp mới là thể chế hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ tư của Đảng đề ra, bảo đảm bước phát triển rực rỡ của xã hội Việt-nam trong giai đoạn mới.

Tính chất, đặc điểm của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và đường lối xây dựng chế độ mới, kinh tế mới, văn hóa mới, con người mới và quốc phòng toàn dân được thể hiện chủ yếu trong bốn chương đầu của dự thảo, nhất là ở Chương I nói về «Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam — Chế độ chính trị». Chương V quy định «Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân». Từ Chương VI đến Chương X là những quy định

về cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Nhà nước ở trung ương, các địa phương và cơ sở. Chương XI quy định quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, thủ đô. Chương cuối cùng quy định hiệu lực của Hiến pháp và việc sửa đổi Hiến pháp.

Bố cục của dự thảo Hiến pháp mới theo bố cục hợp lý của Hiến pháp 1959. Song dự thảo Hiến pháp lần này có thêm mấy chương mới: Chương III nói về «Văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật»; Chương IV về «Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa» và Chương VII về «Hội đồng Nhà nước».

Dưới đây, tôi xin nêu mấy vấn đề lớn thuộc về nội dung dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam:

I — TÍNH CHẤT NHÀ NƯỚC VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

Vấn đề cơ bản nhất của Hiến pháp là xác định bản chất giai cấp của Nhà nước. Đây là một vấn đề quyết định

toàn bộ nội dung của Hiến pháp nước ta.

Dự thảo Hiến pháp quy định:

«Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản» (Điều 2).

Bản chất giai cấp của Nhà nước ta được thể hiện trước hết là ở sứ mệnh lịch sử của nó là «thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên và tổ chức nhân dân tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; xóa bỏ chế độ người bóc lột người; đập tan mọi sự chống đối của bọn phản cách mạng trong nước, mọi hành động xâm lược và phá hoại của kẻ thù bên ngoài; xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản...» (Điều 2).

Nhà nước chuyên chính vô sản không phải chỉ có chức năng trấn áp những hành động phản cách mạng, mà chủ yếu là xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng xã hội mới, kinh tế mới, văn hóa mới, con người mới, con người phát triển toàn diện, có văn hóa, có kiến thức khoa học, kỹ thuật, có kỹ năng lao động, có đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Bản chất giai cấp của Nhà nước ta cũng được thể hiện ở đường lối đối ngoại của Nhà nước là: «tăng cường tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác về mọi mặt với Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản...»; thực hiện chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau,

binh đẳng và các bên cùng có lợi; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội» (Điều 14).

Đường lối đối ngoại đó phản ánh quan hệ tốt đẹp giữa nước ta với Liên-xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời phản ánh quan hệ hợp tác, tương trợ giữa nước ta với hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia đang tiếp tục được củng cố và tăng cường. Đường lối đối ngoại đó bác bỏ hoàn toàn luận điệu bi đỗi của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, câu kết với đế quốc Mỹ, đang ra sức vu cáo nước ta thành lập cái gọi là «Liên bang Đông-dương» và thực hiện «chủ nghĩa bá quyền khu vực». Chúng ra sức vu khống, bịa đặt hồng danh đánh lạc hướng dư luận thế giới, phá hoại tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông-dương, gây chia rẽ, hoài nghi giữa các nước Đông Nam châu Á, che đậy chính sách bá quyền và xâm lược của bản thân chúng ở khu vực.

Nhà nước chuyên chính vô sản phải thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Cho nên, liền sau khi nói về tính chất Nhà nước, dự thảo Hiến pháp đã xác định quyền đó. Dự thảo Hiến pháp chỉ rõ nhân dân lao động bao gồm «giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác, mà nông cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo» (Điều 3). Xác định thành phần nhân dân lao động như vậy là phù hợp với tình hình thực tại xã hội và xu thế tất yếu của sự biến đổi về cơ cấu giai cấp của nước ta trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dự thảo Hiến pháp chỉ rõ: « Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sống trên đất nước Việt-nam, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ » (Điều 5). Nhà nước bảo vệ, tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, có kế hoạch xóa bỏ từng bước sự chênh lệch giữa các dân tộc về trình độ phát triển kinh tế và văn hóa.

Nhà nước chuyên chính vô sản chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Kinh nghiệm lịch sử của chuyên chính vô sản trên thế giới cũng như ở nước ta từ khi miền Bắc bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và từ năm nay cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, đã chứng minh điều đó. Lần đầu tiên ở nước ta, dự thảo Hiến pháp nêu bật vai trò lãnh đạo của Đảng.

« Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lê-nin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội; là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam » (Điều 4).

Vai trò lãnh đạo của Đảng được ghi nhận với tinh thần và lời văn trang trọng như vậy là rất có ý nghĩa. Với điều 4, dự thảo Hiến pháp khẳng định công lao to lớn của Đảng ta, do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sáng lập và rèn luyện, đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của giai cấp công nhân và của dân tộc; thể hiện tinh cảm sâu đậm của nhân dân cả nước đối với Đảng và đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong tình hình mới.

Dự thảo còn quy định: « Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn

khô Hiến pháp của Nhà nước » (Điều 4). Quy định này không những không trái với việc xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, mà còn nêu cao hơn nữa uy tín của Đảng. Thật vậy, Hiến pháp là đường lối chính trị và những chính sách lớn của Đảng được thể chế hóa. Nó thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp là thực hiện đường lối của Đảng, vì lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động. Quy định như vậy có tác dụng góp phần ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện độc đoán, chuyên quyền của một số cán bộ, đảng viên. Trong Điều 4 của dự thảo, không nêu đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, vì đảng viên là thành viên của mỗi tổ chức Đảng, đảng viên là công dân, công dân nào cũng phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

2 - QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG Ở NƯỚC TA

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một vấn đề lớn thấu suốt toàn bộ dự thảo Hiến pháp. Những quy định về vấn đề này nằm trong Chương I và được cụ thể hóa ở hầu hết các chương khác của dự thảo, về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, v.v. Đối với mỗi người dân, quyền làm chủ tập thể được cụ thể hóa thành những quy định trong Chương V nói về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Dự thảo Hiến pháp quy định nhân dân làm chủ bằng Nhà nước, bằng các tổ chức xã hội và bằng sự tham gia trực tiếp vào công việc Nhà nước, công việc xã hội ở cơ sở. Đương nhiên, **làm chủ bằng Nhà nước là chủ yếu.**

Thực chất của vấn đề làm chủ bằng Nhà nước là gì? Dự thảo Hiến pháp quy định:

« Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

« Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân » (Điều 6)

Quan hệ giữa Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các đại biểu dân cử với nhân dân là một vấn đề mẫu chốt bảo đảm tính chất phản dân của Nhà nước ta. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng đã nói: « Quy định chế độ và tạo điều kiện để các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân có thể thu thập và phản ánh ý kiến của nhân dân cho các cơ quan Nhà nước và theo dõi cách giải quyết của các cơ quan ấy. Xây dựng và ban hành các quy định bảo đảm sự kiểm tra và quyền bãi miễn của cử tri đối với đại biểu do họ bầu ra ».

Dự thảo Hiến pháp quy định:

« Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín » (Điều 7).

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ hai mươi một tuổi trở lên đều có thể được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước các quyền đó.

Đại biểu dân cử phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của cơ quan dân cử, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của

cử tri, xem xét và giúp giải quyết những điều khiếu nại và tố cáo của nhân dân

« Cử tri có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu đại biểu đó không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân » (Điều 7).

Quốc hội được xác định là « cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất », và Hội đồng nhân dân các cấp được xác định là « cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương ». Làm chủ bằng Nhà nước thực chất là làm chủ thông qua các cơ quan quyền lực Nhà nước; cho nên, dự thảo Hiến pháp đặc biệt chú ý những vấn đề liên quan đến vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Trong cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp, cán bộ và nhân dân cũng rất quan tâm đến vấn đề đó.

Do tính chất và vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, dự thảo xác định « Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ sở chính trị của hệ thống cơ quan Nhà nước ».

Trong xã hội ta, nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua các cơ quan dân cử: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Đó là chế độ đại biểu nhân dân ở nước ta.

Quốc hội bầu ra Hội đồng bộ trưởng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hội đồng nhân dân các cấp bầu ra Ủy ban nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp. Quyền hạn của các cơ quan này đều bắt nguồn từ các cơ quan quyền lực Nhà nước đã bầu ra mình, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước cơ quan quyền lực Nhà nước và cơ quan quyền lực có quyền bãi miễn những thành viên của các cơ quan do nó bầu ra.

Như vậy, hệ thống cơ quan Nhà nước được xây dựng lên từ chỗ nhân

dân bầu ra các cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân); các cơ quan dân cử bầu ra cơ quan chấp hành và hành chính các cấp, cơ quan xét xử các cấp và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Khái niệm cơ quan quyền lực Nhà nước chỉ bao gồm các cơ quan dân cử là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Tất cả các cơ quan dân cử và các cơ quan do cơ quan dân cử bầu ra hợp thành hệ thống cơ quan Nhà nước mà Quốc hội và Hội đồng nhân dân là cơ sở chính trị.

Làm chủ bằng các tổ chức xã hội là một hình thức làm chủ tập thể rất quan trọng. Lần đầu tiên ở nước ta, vị trí và vai trò của các tổ chức xã hội được thể chế hóa trong dự thảo Hiến pháp.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, dự thảo Hiến pháp khẳng định đây là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước, có chức năng đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí trong nhân dân, thể hiện sự thống nhất hành động của mọi tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục, động viên nhân dân phát huy tinh thần làm chủ tập thể, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Điều 9).

Ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, công đoàn giữ một vị trí đặc biệt, vì đó là tổ chức rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dự thảo quy định: công đoàn, trong phạm vi chức năng của mình, tham gia công việc Nhà nước và kiểm tra hoạt động của cơ quan Nhà nước, tham gia quản lý xí nghiệp; giáo dục công nhân, viên chức; tổ chức phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa; cùng với cơ quan Nhà nước chăm lo đời sống và bảo đảm quyền lợi của công nhân, viên chức (Điều 10).

Các tổ chức xã hội khác, như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam, v.v tham gia công việc quản lý Nhà nước và xã hội theo điều lệ của đoàn thể mình và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Các cơ quan Nhà nước có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận hoạt động có hiệu quả.

Ngoài hình thức làm chủ bằng Nhà nước và bằng các tổ chức xã hội, dự thảo Hiến pháp còn quy định quyền làm chủ trực tiếp của quần chúng ở cơ sở: tập thể nhân dân lao động ở cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, khu dân cư và các đơn vị cơ sở khác tham gia công việc Nhà nước và xã hội ở cơ sở, nghĩa là ở ngay nơi mình làm việc hoặc cư trú (Điều 11).

Tất cả những quy định của dự thảo Hiến pháp về Nhà nước chuyên chính vô sản, về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và về vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Đó là mối quan hệ cơ bản trong đời sống chính trị - xã hội nước ta được thể hiện trong dự thảo Hiến pháp.

3 - VẤN ĐỀ THỂ CHẾ HÓA ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG KINH TẾ MỚI, VĂN HÓA MỚI, CON NGƯỜI MỚI VÀ XÂY DỰNG QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Thưa các đồng chí đại biểu.

Tháng giêng năm 1946, khi trả lời các nhà báo, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh có nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc,

ai cũng được học hành» (4). Trong Di chúc, Người còn dặn lại: «Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân».

Dưới lá cờ quang vinh của Đảng và của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, toàn dân và toàn quân ta đã chiến đấu kiên cường và lao động sáng tạo, giành lại độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, cải thiện một bước quan trọng đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Đại hội lần thứ tư của Đảng đã đề ra đường lối cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện điều ham muốn tốt bậc và Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ

Dự thảo Hiến pháp đã dành một vị trí quan trọng cho vấn đề kinh tế và dân sinh.

Việc xây dựng nền kinh tế mới của nước ta được trình bày ở Chương II của dự thảo, theo tinh thần kết hợp cải tạo xã hội chủ nghĩa với xây dựng chủ nghĩa xã hội, lấy xây dựng làm chính, nhằm thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất và kiện toàn hệ thống quản lý kinh tế.

Dự thảo Hiến pháp xác định mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước ta theo yêu cầu quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội (Điều 15) và quy định «Nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà» (Điều 16). Xuất phát từ đặc điểm tình hình kinh tế nước ta, để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Nhà nước «ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp trong cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát

triển kinh tế địa phương...; kết hợp kinh tế với quốc phòng...» (Điều 16).

Dự thảo Hiến pháp còn thể chế hóa những vấn đề quan trọng khác trong đường lối kinh tế của Đảng, như: cách mạng về quan hệ sản xuất và quyền làm chủ tập thể của nhân dân về kinh tế; chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa; quản lý kinh tế và kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân; việc bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống; việc tăng cường pháp luật kinh tế và đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội; quan hệ kinh tế đối ngoại, đặc biệt là quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Về các hình thức sở hữu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, dự thảo Hiến pháp phản ánh tình hình thực tế hiện nay ở nước ta là còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, xác định phải tiến hành cách mạng về quan hệ sản xuất: một mặt hướng dẫn và sử dụng thích đáng các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa; mặt khác, hạn chế và cải tạo các thành phần kinh tế đó, thiết lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, «nhằm thực hiện một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần: thành phần kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể của nhân dân lao động» (Điều 18). Đây là mục tiêu mà Nhà nước và nhân dân ta phải thực hiện bằng được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cố nhiên trong khi phấn đấu để đạt mục tiêu đó, chúng ta cần luôn luôn nắm vững phương châm tích cực và vững chắc, đề phòng và khắc phục những biểu hiện chần chừ hoặc nóng vội.

(4) Hồ-Chí-Minh: «Trả lời các nhà báo», Tuyến tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1930, tập I, tr. 381.

Điều 18 của dự thảo quy định một vấn đề rất quan trọng là: « Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và được phát triển ưu tiên ». Quy định này nhằm xác định vị trí và vai trò của thành phần kinh tế quốc doanh trong suốt quá trình cải tạo và phát triển nền kinh tế quốc dân.

Dự thảo Hiến pháp có riêng một điều khẳng định quyền sở hữu toàn dân đối với « đất đai, rừng, núi, sông, hồ, hầm mỏ, tài nguyên thiên nhiên trong lòng đất, ở vùng biển và thềm lục địa; các xí nghiệp công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thương nghiệp quốc doanh, ngân hàng và tổ chức bảo hiểm; công trình phục vụ lợi ích công cộng; hệ thống đường sắt, đường bộ, đường sông, đường biển, đường không; đề điều và công trình thủy lợi quan trọng; cơ sở phục vụ quốc phòng; hệ thống thông tin, liên lạc, phát thanh, điện ảnh, truyền hình; cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; cơ sở văn hóa và xã hội, cùng các tài sản khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước — đều thuộc sở hữu toàn dân » (Điều 19)

Dự thảo Hiến pháp quy định: « Các cơ sở kinh tế quốc doanh hoạt động theo phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước; thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, chế độ thủ trưởng và chế độ trách nhiệm cá nhân; bảo đảm việc công nhân, viên chức tham gia quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ và hiệu quả kinh tế; thực hành tiết kiệm; bảo đảm tích lũy cho Nhà nước và xí nghiệp; bảo vệ nghiêm ngặt tài sản Nhà nước; chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và đời sống của công nhân, viên chức » (Điều 22).

Dự thảo Hiến pháp quy định toàn bộ đất đai nước ta thuộc sở hữu toàn dân. Chúng ta biết rằng, về nguyên tắc, trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải xã hội hóa toàn bộ đất đai.

Nhưng bằng con đường nào, bằng con đường hợp tác hóa nông nghiệp hay là bằng cách quy định thẳng đất đai thuộc sở hữu toàn dân?

Trong quá trình xây dựng dự thảo Hiến pháp, vấn đề quyền sở hữu về đất đai đã được cân nhắc kỹ. Qua thảo luận dự thảo Hiến pháp trong nhân dân, đa số ý kiến đều tán thành ghi như trong dự thảo.

Ở miền Bắc, từ năm 1959 ta đã xã hội hóa từng bước ruộng đất thông qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Hầu hết ruộng đất ở miền Bắc đã trở thành tài sản xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, tình hình đã thay đổi, miền Nam có thể làm khác miền Bắc trước đây, tức là có thể xã hội hóa ruộng đất bằng cách quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân.

Vì sao ta cần quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân? Vì những lý do như sau:

— Mỗi tấc đất của Tổ quốc ta đều thấm máu các anh hùng, liệt sĩ cả nước đã hy sinh anh dũng để giành lại từ tay đế quốc và phong kiến, đều thấm mồ hôi của nhiều thế hệ đã có công khai phá, bồi đắp và bảo vệ. Đó là tài sản chung của nhân dân cả nước, không phải của một tầng lớp nào, một địa phương nào.

— Đất đai ở miền Bắc đã thuộc quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể; đất đai ở Liên khu 5 cũ phần lớn là ruộng đất công; đất đai ở Nam-bộ còn bỏ hoang nhiều hoặc mới cấy một vụ. Phải có kế hoạch khai thác hợp lý đất đai trong cả nước.

— Cần chấm dứt tình trạng xáo trộn đất đai do tâu, bán, nhượng lại, tranh chấp, chiếm đoạt, v.v. không có lợi cho việc Nhà nước quản lý thống nhất đất đai.

— Cần quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân để tiện cho việc quy vùng trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng.

làm thủy lợi, v.v., sử dụng đất đai theo kế hoạch, để không những khai thác đất đai hợp lý và tiết kiệm mà còn cải tạo, bồi bổ, bảo vệ đất đai.

Quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân là phù hợp với lợi ích của cả xã hội cũng như lợi ích cơ bản và lâu dài của mỗi công dân. Để bảo đảm cho nông dân an tâm sản xuất, dự thảo Hiến pháp ghi rõ: «**Những tập thể và cá nhân, đang sử dụng đất đai được tiếp tục sử dụng và hưởng kết quả lao động của mình theo quy định của pháp luật**» (Điều 20). Vì vậy, ruộng đất do hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất quản lý và sử dụng thì nay vẫn sản xuất như thường, không có gì xáo trộn; những xã viên hợp tác xã và đoàn viên tập đoàn sản xuất vẫn được hưởng kết quả lao động của mình trên mảnh đất 5% để lại cho họ; những nông dân lao động cá thể chưa gia nhập hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất vẫn được hưởng kết quả lao động trên phần đất xưa nay mình quản lý và sử dụng, v.v.

Dự thảo Hiến pháp còn quy định: «**Tập thể hoặc cá nhân sử dụng đất đai đều có trách nhiệm bảo vệ, bồi bổ và khai thác theo chính sách và kế hoạch của Nhà nước**» (Điều 20).

Ruộng đất là một vấn đề rất phức tạp. Cần làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích trong nhân dân, và Nhà nước cần sớm ban hành luật đất đai để bảo đảm hiệu lực của những điều quy định trong Hiến pháp và để giải quyết các vấn đề cụ thể như thổ cư, vườn tược, ruộng hương hỏa, ruộng tự, v.v. và cũng để ngăn ngừa những trường hợp lạm dụng gây tổn hại đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Sau thành phần kinh tế quốc doanh thì **thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể** giữ vị trí quan trọng. Sở hữu tập thể gồm hai loại: sở hữu của các hợp tác xã, các

tập đoàn sản xuất và sở hữu của công đoàn và các đoàn thể nhân dân lao động khác (chẳng hạn như tiền quỹ, nhà tập thể, nhà ăn dưỡng, câu lạc bộ do công đoàn và các đoàn thể được phép xây dựng bằng lao động và tiền vốn của mình). Dự thảo Hiến pháp nêu nhiệm vụ của Nhà nước là hướng dẫn và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã phát triển; quy định những nguyên tắc kinh doanh và quản lý hợp tác xã; ghi rõ Nhà nước thừa nhận và bảo vệ kinh tế phụ của gia đình xã viên (Điều 23).

Đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và những người lao động cá thể khác, chính sách cơ bản của Nhà nước ta là cải tạo bằng con đường hợp tác hóa. «**Nhà nước khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ nông dân cá thể, người làm nghề thủ công và những người lao động riêng lẻ khác tiến lên con đường làm ăn tập thể, tổ chức hợp tác xã sản xuất và các hình thức hợp tác, tương trợ khác, theo nguyên tắc tự nguyện**» — «**Những người buôn bán nhỏ được hướng dẫn và giúp đỡ chuyển dần sang sản xuất hoặc làm những nghề thích hợp khác**» (Điều 24). Đồng thời, cần chú ý vào đặc điểm của một số ngành nghề ở đó lao động riêng lẻ còn thích hợp và vẫn phục vụ tốt lợi ích của nền kinh tế quốc dân và của nhân dân, dự thảo ghi: «**Pháp luật quy định phạm vi được phép lao động riêng lẻ trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, mỹ nghệ, dịch vụ**» (Điều 24). Với quy định này, mọi khả năng sản xuất, dịch vụ trong nhân dân đều được tận dụng; những tài năng và nghề nghiệp cổ truyền trong nhân dân được giữ gìn và nâng cao.

Đối với các thành phần kinh tế **phong kiến, tư bản**, dự thảo Hiến pháp quy định: «**...những cơ sở kinh tế của địa chủ phong kiến và tư sản mại bản đều bị quốc hữu hóa không bồi thường**» (Điều 25). «**Nhà nước**

cải tạo xã hội chủ nghĩa thành phần kinh tế tư bản tư doanh bằng những hình thức thích hợp» (Điều 26).

Phân công lao động và hợp tác toàn diện về kinh tế, khoa học, kỹ thuật theo tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa là một quy luật phát triển khách quan của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Đặc biệt đối với nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, việc tham gia sự phân công và hợp tác với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác là một điều kiện không thể thiếu, một yêu cầu có tầm quan trọng chiến lược để thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa mà Đại hội lần thứ tư của Đảng đã đề ra. Theo tinh thần đó, dự thảo Hiến pháp nêu bất vấn đề «tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa...» (Điều 16). Xác định như thế là phù hợp với tình hình sau khi nước ta đã trở thành thành viên chính thức của Hội đồng tương trợ kinh tế.

Chương III của dự thảo Hiến pháp quy định những nguyên tắc pháp lý cơ bản làm cơ sở cho việc đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa theo đường lối của Đảng, nhằm xây dựng chế độ mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, con người «có ý thức làm chủ tập thể, yêu lao động, quý trọng của công, có văn hóa, có kiến thức khoa học, kỹ thuật, có sức khỏe, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản» (Điều 37).

Vấn đề then chốt trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là xác lập địa vị thống trị của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Dự thảo Hiến pháp ghi: «Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt-nam».

«Nhà nước tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt-nam, Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam; bảo vệ và nâng cao những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa thế giới; chống các tư tưởng phong kiến, tư sản và ảnh hưởng của văn hóa đế quốc, thực dân; phê phán tư tưởng tiêu cực tư sản; xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nếp sống lạc hậu, bãi trừ mê tín, dị đoan» (Điều 38). Tiếp theo Điều 4 về vai trò lãnh đạo của Đảng, Điều 38 xác định vị trí của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong đời sống chính trị và tinh thần của xã hội ta càng bảo đảm cho cách mạng nước ta tiếp tục phát triển đúng đắn, sáng tạo và giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Các điều tiếp theo của Chương III quy định quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật; thể chế hóa đường lối, nguyên tắc và phương châm phát triển giáo dục, y tế và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; xây dựng và phát triển các ngành văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản, thể dục thể thao, du lịch.

Dự thảo Hiến pháp dành một vị trí quan trọng cho sự nghiệp giáo dục, nhằm đào tạo có chất lượng những người lao động xã hội chủ nghĩa, giáo dục thế hệ trẻ, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; xác định nguyên lý giáo dục của ta là «học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội»; nêu trách nhiệm của Nhà nước, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, gia đình và toàn thể xã hội trong việc giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

Dự thảo Hiến pháp quy định: «Nhà nước đẩy mạnh cách mạng khoa

học-kỹ thuật nhằm phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống nhân dân và củng cố quốc phòng, xây dựng nền khoa học, kỹ thuật tiên tiến của nước ta» (Điều 42); nhấn mạnh khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đều được phát triển mạnh mẽ (Điều 43). Nhà nước khuyến khích nghiên cứu, sáng chế, phát minh và chú trọng nghiên cứu khoa học ứng dụng.

Đối với văn học, nghệ thuật, dự thảo Hiến pháp quy định: «Văn học, nghệ thuật Việt-nam được xây dựng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và theo đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt-nam.»

«Các hoạt động văn nghệ chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp đều được khuyến khích phát triển, nhằm giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao trình độ thẩm mỹ và thỏa mãn nhu cầu về văn hóa của nhân dân» (Điều 44).

Đi đôi với việc phát triển kinh tế và văn hóa, dự thảo Hiến pháp ghi: «Nhà nước chăm lo bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân; xây dựng nền y học Việt-nam theo phương hướng dự phòng; kết hợp y học, được học hiện đại với y học, được học cổ truyền của dân tộc, kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh, lấy phòng bệnh là chính, kết hợp phát triển y tế Nhà nước với phát triển y tế nhân dân đến tận cơ sở - Nhà nước và xã hội bảo vệ bà mẹ và trẻ em; vận động sinh đẻ có kế hoạch» (Điều 47).

Một yêu cầu lớn và thường xuyên của cách mạng nước ta là đi đôi với việc xây dựng đất nước, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, kết

hợp kinh tế với quốc phòng, làm cho đất nước hùng mạnh, nhân dân sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đập tan mọi hành động xâm lược và phá hoại của kẻ địch.

Đó cũng là kinh nghiệm hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Trong hoàn cảnh nước ta ngày nay, nêu vấn đề củng cố quốc-phòng để bảo vệ Tổ quốc thắng lợi là rất cần thiết.

Trên tinh thần đó, dự thảo Hiến pháp đã dành Chương IV nói về «Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa». Chương này quy định những vấn đề cơ bản về đường lối, phương châm, nguyên tắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại; kết hợp xây dựng Tổ quốc với bảo vệ Tổ quốc; kết hợp sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân với sức mạnh của toàn dân; kết hợp truyền thống đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm với sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa; tính chất và nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ của tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân đối với công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

4 - VẤN ĐỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Những quy định trong dự thảo Hiến pháp về vấn đề này thể hiện quan điểm của Đảng ta trong việc giải quyết mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước và tập thể, «kết hợp hài hòa những yêu cầu của cuộc sống xã hội với tự do chân chính của cá nhân, bảo đảm sự nhất trí về lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và cá nhân theo nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người» (Điều 51).

Tinh thần cơ bản được thấu suốt trong các mối quan hệ đó là quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Công dân đã có quyền thì phải có nghĩa vụ; ngược lại, làm nghĩa vụ phải đi đôi với hưởng các quyền được Nhà nước bảo đảm. « Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội » (Điều 54).

Dự thảo Hiến pháp ghi một quyền rất quan trọng: « Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật » (Điều 55). Bất cứ công dân nào cũng được hưởng những quyền và phải làm những nghĩa vụ như Hiến pháp và pháp luật quy định. Là người chủ tập thể của đất nước, làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và được giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, công dân nước ta có những điều kiện cơ bản để được hưởng các quyền và làm nghĩa vụ như nhau, để phát huy tài năng, mang hết sức mình ra gánh vác công việc Nhà nước, công việc xã hội. Pháp luật cụ thể hóa những quy định của Hiến pháp về lao động, học tập, nghĩa vụ quân sự, phân phối, tiền lương, v.v., đề ra tiêu chuẩn, chế độ bảo đảm tính công bằng, hợp lý, tránh bình quân chủ nghĩa, nhưng cũng chống đặc quyền, đặc lợi.

Mặt khác, điều quy định trên đây còn có nghĩa là mọi công dân đều phải tôn trọng Hiến pháp, pháp luật; những hành động vi phạm Hiến pháp, pháp luật phải được xử lý nghiêm minh, dù người vi phạm ở bất cứ cương vị công tác nào. Pháp luật là công bằng: ai phạm pháp thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật tùy theo tội nặng hay là nhẹ, không ai được bênh che, tày vạ.

Công tác tuyên truyền, giáo dục của ta phải làm cho mọi người có ý thức về nguyên tắc « bình đẳng trước pháp luật », một nguyên tắc lớn của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Dự thảo Hiến pháp ghi lại những quyền cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp 1959, với những điểm sửa đổi và bổ sung cần thiết: quyền bầu cử và có thể được bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, quyền có việc làm, quyền nghỉ ngơi, quyền được học tập, quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, v.v. Bên cạnh những quyền đó, Dự thảo quy định một số quyền mới rất quan trọng: quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội; quyền học tập không phải trả tiền; quyền được bảo vệ sức khỏe, được khám bệnh và chữa bệnh không phải trả tiền; quyền có nhà ở; quyền được pháp luật bảo hộ tính mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm, v.v. Việc bổ sung và mở rộng các quyền của công dân như vậy là phù hợp với sự phát triển của cách mạng nước ta trong hơn hai chục năm qua, kể từ khi có Hiến pháp 1959.

Dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam không chỉ ghi những quyền đã hoàn toàn có đủ điều kiện thực hiện, cũng không ghi những quyền hoàn toàn chưa có điều kiện thực hiện, mà ghi cả một số quyền có thể thực hiện, đã bắt đầu thực hiện, nhưng thực hiện từng bước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta (chẳng hạn như quyền có nhà ở).

Dự thảo Hiến pháp ghi: « Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân — không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân » (Điều 67). Nền như thế là để ngăn chặn những phần tử xấu lợi dụng các quyền tự do, đồ để gây rối, phá hoại nhằm chống lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chống lại lợi ích chính đáng của nhân dân.

Dự thảo Hiến pháp còn ghi một số quyền như quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, tự do đi lại và cư trú v.v., và dành cho pháp luật quy định cụ thể những trường hợp và điều kiện thi hành.

Có những quyền như quyền lao động, quyền học tập, đồng thời cũng là nghĩa vụ. Công dân có sức lao động thì phải lao động, phải học tập để nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực tham gia công việc Nhà nước, công việc xã hội.

Những quy định của dự thảo Hiến pháp về quyền của công dân phù hợp với tinh thần của Tuyên ngôn nhân quyền được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

Đối với chúng ta, khi nói đến quyền của con người, trước hết phải nói đến quyền của dân tộc được sống trong độc lập, tự do, quyền của nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột, kể đến là các quyền khác của công dân về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội mà dự thảo Hiến pháp đã ghi đầy đủ.

Dự thảo Hiến pháp chẳng những xác định các quyền cơ bản của công dân mà còn quy định Nhà nước ta có nhiệm vụ tạo điều kiện vật chất để công dân có thể hưởng và sử dụng các quyền đó. Điều đó càng làm nổi bật tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ thật sự tôn trọng quyền của con người, một chế độ dân chủ « hơn gấp một triệu lần bất cứ một chế độ dân chủ tư sản nào » (5).

Việc công bố Hiến pháp mới của nước ta sẽ góp phần vạch trần những luận điệu lừa bịp về cái gọi là « vấn đề nhân quyền » của bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng.

Về nghĩa vụ của công dân, dự thảo Hiến pháp nêu những điều cơ bản :

Trước hết, « Công dân phải trung thành với Tổ quốc - Phần bội Tổ quốc là tội nặng nhất đối với dân tộc » (Điều 76).

Công dân có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có hôn phận làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật Nhà nước, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa thuộc sở hữu toàn dân cũng như sở hữu tập thể.

Công dân có nghĩa vụ đóng thuế và tham gia lao động công ích theo quy định của pháp luật.

Những điều quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân rất súc tích, không những có tính chất pháp lý, mà còn thấm nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa. Pháp luật sẽ cụ thể hóa các điều đó của Hiến pháp đề đề thi hành.

5 - VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NHÀ NƯỚC

Thưa các đồng chí đại biểu,

Căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ mới, vào kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta hàng chục năm qua, dự thảo Hiến pháp mới quy định cơ cấu tổ chức Nhà nước nhằm bảo đảm cho Nhà nước ta thật sự là của dân, do dân và vì dân; đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, dự thảo Hiến pháp xác định sự phân công, phân nhiệm rành mạch giữa các cơ quan Nhà nước, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cơ quan

(5) Lê-nin : « Cách mạng vô sản và tên phần bội Cau-chy ». Tuyên bố, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển II, phần II, tr. 45.

quyền lực Nhà nước với cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước.

Trong quá trình chuẩn bị Hiến pháp mới, một vấn đề được cán bộ và nhân dân rất quan tâm là làm thế nào để thật sự «**nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp**» như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tự của Đảng đã nhấn mạnh, làm thế nào cho các cơ quan quyền lực có thực quyền và sử dụng quyền lực một cách có hiệu quả.

Theo yêu cầu đó, dự thảo Hiến pháp đã có những quy định đầy đủ hơn, có hệ thống hơn về những nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội (Điều 83) và của Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 115). Dự thảo Hiến pháp xác định vị trí của **Quốc hội** là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước (Điều 82). Những quy định của Hiến pháp về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội, Hội đồng quốc phòng, Hội đồng dân tộc, của các ủy ban thường trực của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội bảo đảm cho Quốc hội thực hiện đầy đủ chức năng của mình.

Về **Hội đồng nhân dân**, dự thảo Hiến pháp ghi rõ quyền «**quyết định và thực hiện các biện pháp nhằm xây dựng địa phương về mọi mặt, bảo đảm phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân địa phương và hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao cho**» (Điều 114); kiểm tra đối với các cơ quan Nhà nước của địa phương và «**giám sát việc tuân**

theo pháp luật của các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức khác của cấp trên ở địa phương» (Điều 115).

Muốn thật sự nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thì bản thân các cơ quan quyền lực đó phải làm tròn nhiệm vụ và làm đúng quyền hạn của mình được quy định trong Hiến pháp; mặt khác, phải xác định rõ trách nhiệm và kiểm tra việc làm tròn trách nhiệm của các cơ quan chấp hành đối với các cơ quan quyền lực Nhà nước, đặc biệt là trách nhiệm thi hành các nghị quyết của cơ quan quyền lực Nhà nước và tạo điều kiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được Hiến pháp quy định.

Một quy định mới về cơ cấu tổ chức Nhà nước là thành lập **Hội đồng Nhà nước** để đảm nhiệm những chức năng của Ủy ban thường vụ Quốc hội và của Chủ tịch nước quy định trong Hiến pháp 1959. Việc tập trung những nhiệm vụ, quyền hạn của hai cơ quan đó vào Hội đồng Nhà nước làm cho Hội đồng Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong hệ thống cơ quan Nhà nước, và hoạt động của Hội đồng Nhà nước sẽ được nhạy bén hơn. Ngoài ra, việc thành lập Hội đồng Nhà nước góp phần làm gọn nhẹ bộ máy của chính quyền Nhà nước ở trung ương.

Để phát huy hơn nữa vai trò của **Hội đồng bộ trưởng** là cơ quan quản lý các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại v.v. của nước ta, trong điều 107, dự thảo Hiến pháp đã bổ sung nhiều điểm vào nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bộ trưởng, so với Hiến pháp, 1959. Dự thảo cũng quy định rõ hơn trách nhiệm của các thành viên của Hội đồng bộ trưởng: «**Mỗi thành viên Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm cá nhân về phần công tác của mình trước Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ**

trưởng, và cùng với các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng bộ trưởng trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước» (Điều 112).

Về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, dự thảo Hiến pháp đã có những bổ sung quan trọng so với Hiến pháp 1959. Điều 127 quy định: «Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và phẩm hạnh của công dân».

Ở các cấp, Tòa án nhân dân đều thực hành chế độ bầu thăm phán và hội thẩm nhân dân. Dự thảo Hiến pháp quy định thành lập ở cơ sở các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân. Đây là một quy định mới nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tham gia trực tiếp vào việc quản lý xã hội và bảo đảm thi hành pháp luật. (Điều 128).

Về việc xét xử, Tòa án nhân dân theo nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số và xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định; khi xét xử, thăm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thăm phán; công dân thuộc các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án; quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm; tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý. Tất cả các quy định nói trên đều nhằm thể hiện tính nhân dân của Tòa án, bảo đảm cho việc xét xử và trừng phạt được công minh, góp phần giáo dục nhân dân về ý

thức tôn trọng pháp luật và giữ gìn trật tự xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Ngành kiểm sát nhân dân tổ chức theo chế độ thủ trưởng và tập trung, thống nhất lãnh đạo trong ngành. Viện trưởng và kiểm sát viên tỉnh, thành, huyện và cấp tương đương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, chứ không do Hội đồng nhân dân bầu. Chế độ thủ trưởng và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong ngành kiểm sát bảo đảm cho Viện kiểm sát không lệ thuộc vào bất cứ cơ quan Nhà nước nào ở địa phương, bảo đảm hành động nhất trí, hoạt động nhạy bén, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các việc làm vi phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước hoặc của công dân.

6- VẤN ĐỀ TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG DỰ THẢO HIẾN PHÁP

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết của việc nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Dự thảo Hiến pháp quy định:

« Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

« Tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, nhân viên Nhà nước, nhân viên các tổ chức xã hội và công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, kiên quyết đấu tranh để phòng ngừa và chống các tội phạm, các việc làm vi phạm Hiến pháp và pháp luật » (Điều 12).

Quy định này đòi hỏi Nhà nước ta phải khấn trương trong việc xây dựng và phát triển pháp luật. Điều rất rõ là muốn "quản lý xã hội theo pháp luật" thì phải có pháp luật, phải xây dựng pháp luật. Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác phổ biến và giáo dục pháp luật để công dân tự giác, tự nguyện tuân theo; phải tăng cường các cơ quan làm công tác pháp luật, từ nghiên cứu và xây dựng dự án luật, đến giám sát, kiểm sát, thanh tra, xét xử, v.v. Tất cả các cơ quan đó phải được tổ chức thành một hệ thống, có phân công rành mạch và hợp tác chặt chẽ để đủ sức làm lực lượng nòng cốt cho công tác xây dựng pháp luật và bảo đảm việc thi hành pháp luật.

Phải khắc phục tình trạng không bình thường như hiện nay là hệ thống pháp luật rất không đầy đủ, nhất là thiếu nhiều luật về kinh tế; nhiều khi lấy chỉ thị của Đảng hoặc « văn bản dưới luật » của Chính phủ

thay cho luật; các luật đã có ít được phổ biến và hướng dẫn thi hành; những cơ quan có nhiệm vụ trực tiếp thi hành pháp luật hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp chế lại không nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, không có những kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành; những lệch lạc trong việc thi hành pháp luật không được kịp thời uốn nắn, sửa chữa.

Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được ban hành nhất định sẽ mở đầu cho một thời kỳ mới tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tóm lại, nội dung dự thảo Hiến pháp nhằm hoàn chỉnh và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; xây dựng thành công một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; hoàn thành thắng lợi bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

III

CUỘC THẢO LUẬN DỰ THẢO HIẾN PHÁP TRONG CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN

Thưa các đồng chí đại biểu.

Đầu năm 1978, theo chỉ thị của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam và quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã cùng với các cơ quan hữu quan của Đảng và Chính phủ tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân.

Cuộc thảo luận chia làm hai bước (bước 1 trong cán bộ cao cấp và trung cấp, bước 2 trong các cán bộ khác và trong toàn dân) đã được tiến hành

sâu rộng trong cả nước. Gần 20 triệu người thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội đã tích cực tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp. Ngoài các buổi thảo luận, nhiều người đã tìm gặp cán bộ có trách nhiệm để góp ý kiến hoặc viết thư kiến nghị gửi Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Nhiều đồng chí phụ trách các cơ quan, đơn vị lo không có đồng người tham gia các cuộc thảo luận tổ chức sau giờ sản xuất, giờ làm việc, nhưng thực tế số người tham gia vẫn đông. Các đại biểu Quốc hội vừa tích cực góp phần tổ chức các cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và

nhân dân vừa trực tiếp tham gia thảo luận.

Có thể nói từ trước đến nay chưa có cuộc sinh hoạt chính trị nào thu hút đông đảo nhân dân cả nước tham gia như lần này. Cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp thật sự là một cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa sâu rộng trong nhân dân.

Tình hình trên đây phản ánh một sự thật vô cùng quan trọng: nhân dân ta với cương vị là người chủ tập thể của đất nước, đã tích cực tham gia xây dựng luật cơ bản có tầm quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nước nhà và lợi ích của toàn dân. Tuy mỗi vùng, mỗi miền có tình hình và đặc điểm khác nhau, nhưng ý thức làm chủ tập thể của nhân dân cả nước đều đã được thể hiện rõ qua cuộc thảo luận xây dựng Hiến pháp mới.

Các ý kiến đóng góp xây dựng Hiến pháp phản ánh rõ sự trưởng thành về chính trị của nhân dân ta. Tuyệt đại đa số những ý kiến đều thiết thực, chân thành, xây dựng. Loại ý kiến lạc lõng rất ít. Trong các buổi thảo luận cũng như trong các thư từ góp ý kiến, cán bộ và nhân dân đã đối chiếu nội dung các điều trong dự thảo Hiến pháp với thực tế ở địa phương mình, đơn vị mình, khẳng định những mặt tốt và phê bình những thiếu sót, sai lầm và đề ra những biện pháp sửa chữa.

Ở một số nơi, nhân dân chẳng những phê bình cán bộ, đảng viên, mà còn liên hệ tự kiểm điểm về việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với công việc chung của Nhà nước, của xã hội. Tinh thần tranh đấu cái đúng và cái sai đã được thể hiện rõ trong cuộc thảo luận của quần chúng.

Ý kiến chung của cán bộ và nhân dân là tán thành dự thảo Hiến pháp

và cho rằng dự thảo đã phản ánh trung thành đường lối của Đại hội lần thứ tư của Đảng, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta, đáp ứng yêu cầu của luật cơ bản của Nhà nước ta trong giai đoạn mới.

Ý kiến đóng góp của cán bộ và nhân dân rất phong phú. Có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi, từ Lời nói đầu đến các chương, các điều của dự thảo Hiến pháp. Có những ý kiến đề nghị ghi vào Hiến pháp những quy định chi tiết, những chế độ, thể lệ áp dụng cho từng địa phương, từng ngành. Phần lớn những ý kiến đó là đúng, nhưng trong những ý kiến đúng cũng có nhiều ý kiến không thể ghi vào Hiến pháp được, mà phải ghi vào luật hoặc pháp lệnh; cũng có những ý kiến chỉ có thể ghi vào các văn bản do Chính phủ ban hành. Tuy vậy, những ý kiến đó đều được ghi chép cẩn thận để các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu khi xây dựng các văn bản cụ thể hóa những điều khoản của Hiến pháp và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật của nước ta.

Dự thảo Hiến pháp đã được chỉnh lý trên cơ sở tiếp thụ có chọn lọc những ý kiến đóng góp của cán bộ và nhân dân. Dự thảo Hiến pháp trình Quốc hội hôm nay so với các dự thảo trước đã được hoàn chỉnh một cách rõ rệt, có thêm chương, thêm điều và đã có những sửa đổi, bổ sung vào 138 điều trong tổng số 147 điều của dự thảo. Rõ ràng dự thảo Hiến pháp phản ánh trí tuệ tập thể của đông đảo cán bộ và nhân dân cả nước.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp đề nghị Quốc hội nhiệt liệt biểu dương cán bộ và nhân dân đã hăng hái tham gia xây dựng đạo luật cơ bản của Nhà nước ta.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Dưới đây, tôi xin báo cáo khái quát một số ý kiến quan trọng đã được

phát hiện trong cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp.

1- Cán bộ và nhân dân hoan nghênh dự thảo Hiến pháp nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam đối với Nhà nước, đối với xã hội; cho đó là một biểu hiện đúng đắn lòng tin tưởng của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Với tinh thần xây dựng và bảo vệ Đảng, cán bộ và nhân dân phê phán một số cấp ủy Đảng bao biện, làm thay cơ quan Nhà nước, một số cán bộ, đảng viên vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm pháp luật Nhà nước. Quần chúng yêu cầu các cấp ủy Đảng phát huy vai trò của cơ quan chính quyền các cấp, và phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, cán bộ, đảng viên phải làm gương trong việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; ngăn chặn những hành động độc đoán, chuyên quyền; xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên biến chất, lợi dụng chức vụ và quyền hạn của Đảng và Nhà nước giao cho để ức hiếp quần chúng, xâm phạm tài sản của Nhà nước và của nhân dân.

2- Nhiều người quan tâm sâu sắc đến việc bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, nhất là ở cơ sở, và vấn đề thực quyền của các cơ quan dân cử và của đại biểu nhân dân trong các cơ quan đó. Trong thực tế, hiện nay hoạt động của không ít cơ quan dân cử còn mang nặng tính chất hình thức. Nhân dân mong muốn những biện pháp có hiệu lực để bảo đảm cho các cơ quan dân cử hoạt động có hiệu quả thật sự là cơ quan quyền lực Nhà nước ở các cấp; khắc phục những hiện tượng không đúng là nhiều Ủy ban nhân dân đã vượt quyền Hội đồng nhân dân, khiến cho Hội đồng nhân dân không thể làm đúng chức năng của nó; đồng thời, quần chúng yêu cầu có những biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện cho các đại biểu quan hệ mật thiết với cử tri, phản ánh kịp thời ý kiến của quần

chúng với các cơ quan Nhà nước, làm cho những ý kiến xác đáng của quần chúng nhanh chóng được tiếp thụ và thực hiện.

3- Vấn đề hiệu lực của bộ máy Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng là một vấn đề nổi lên trong cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp. Nhiều ý kiến phê bình các biểu hiện quan liêu, hách dịch, của quyền của cán bộ, nhân viên các cơ quan Nhà nước và lưu ý tình hình bộ máy Nhà nước công kênh, kèm hiệu lực: bệnh quan liêu giấy tờ gây nhiều phiền hà cho nhân dân; pháp luật xã hội chủ nghĩa đã thiếu lại chồng chéo nhau, việc thi hành pháp luật bị buông lỏng, pháp luật ít được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành. Nhân dân yêu cầu chấn chỉnh hiện chế, tinh giản bộ máy và tăng cường hiệu lực của các cơ quan Nhà nước, cơ quan của Đảng và Mặt trận; tổ chức hợp lý, sử dụng và bố trí cán bộ đúng chỗ, đúng việc; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật và kiên quyết thi hành pháp luật.

4- Cán bộ và nhân dân tán thành dự thảo Hiến pháp khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản. Nhiều ý kiến phê bình Nhà nước ta buông lỏng chuyên chính, trừng trị không nghiêm bọn phản cách mạng, bọn bóc lột không chịu cải tạo, bọn lưu manh, côn đồ, bọn ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, phe phẩy. Nhưng nhiều cấp ủy Đảng và cơ quan Nhà nước lại không phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, không tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Nhân dân bất bình với những cán bộ quan liêu, hách dịch, độc đoán, chuyên quyền, tham ô, hối lộ, móc ngoặc, ức hiếp quần chúng mà không bị trừng trị hoặc trừng trị quá nhẹ. Nhân dân mong muốn Đảng và Nhà nước ta có những biện pháp cứng rắn để khắc phục tình trạng đó.

5 - Về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cán bộ và nhân dân cho rằng dự thảo Hiến pháp đề ra như thế là rõ ràng, chỉ đề nghị bổ sung một số điểm cụ thể cần thiết, như các vấn đề: quốc tịch, quyền của công dân được bảo hộ lao động, được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, được tòa án bảo vệ khi tự do cá nhân, danh dự và nhân phẩm bị đe dọa hoặc bị xâm phạm; các cơ quan Nhà nước giải quyết nhanh chóng các điều khiếu tố, v.v. Nhân dân yêu cầu Nhà nước tạo những điều kiện vật chất cần thiết để nhân dân được hưởng thật sự những quyền đã ghi trong Hiến pháp.

Trên đây là những ý kiến quan trọng mà Ủy ban dự thảo Hiến pháp nhận thấy là đúng và đã tiếp thu trong khi chỉnh lý dự thảo Hiến pháp. Bây giờ tôi xin báo cáo một số ý kiến mà Ủy ban dự thảo Hiến pháp thấy không thể tiếp thu hoặc không nên đưa vào Hiến pháp:

1 - Có ý kiến đề nghị nên ghi vào Chương I một điều riêng về Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh.

Dự thảo Hiến pháp chỉ có một điều riêng về Đảng cộng sản Việt-nam, lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng nước ta, và một điều nữa về Tổng công đoàn Việt-nam, tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, có vị trí là "trường học chủ nghĩa cộng sản" và được Nhà nước giao cho nhiệm vụ trực tiếp quản lý đời sống của nhân dân lao động trong một phạm vi nhất định. Đó là điều cần thiết và thích hợp với Hiến pháp một nước xã hội chủ nghĩa.

Thanh niên có vị trí rất quan trọng trong cách mạng. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh là lực lượng hậu bị và cánh tay của Đảng. Vai trò của Đoàn trong đời sống xã hội, quyền và nghĩa vụ của thanh niên đã được nêu ở các Điều 9, 41, 66, 86 và 106. Riêng Điều 66 nhấn mạnh trách

nhiệm của Nhà nước và của xã hội đối với thanh niên và vai trò xung kích của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, không cần thiết có một điều riêng về Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh ở Chương I.

2 - Có ý kiến đề nghị ghi rõ năm thành phần kinh tế vào Chương II dự thảo Hiến pháp.

Nước ta hiện nay đang ở trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế của ta đang thay đổi không ngừng theo đà phát triển của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Về thành phần kinh tế, miền Bắc còn ba thành phần, miền Nam hiện có năm thành phần. Trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, năm thành phần đó cũng đang biến đổi. Hiến pháp là luật cơ bản của cả nước, phải quy định những điều chung cho cả nước, có giá trị trong một thời gian tương đối dài. Do đó, không nên đưa vào Hiến pháp vấn đề năm thành phần kinh tế ở miền Nam.

3 - Có ý kiến cho rằng trong những điều quy định về quyền công dân, như quyền tự do đi lại và cư trú, quyền tự do ngôn luận, v.v. có ghi câu "theo quy định của pháp luật" hoặc "phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân", v.v. như thế dễ gây ấn tượng là Hiến pháp hạn chế quyền công dân hoặc "chốt tay này, lấy lại tay kia".

Ở nước ta, nhân dân nắm chính quyền, làm chủ đất nước; nhân dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội quyết định Hiến pháp. Tất cả những điều khoản trong dự thảo Hiến pháp cốt nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thắng lợi, làm cho nước nhà giàu mạnh, nhân dân tự do, hạnh phúc. Trong các điều quy định về quyền công dân, như quyền tự do đi

lại và cư trú, quyền tự do ngôn luận, v.v cần ghi thêm "theo quy định của pháp luật" hoặc "phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân". Điều đó không ngoài mục đích là đề phòng kẻ địch và những phần tử xấu lợi dụng làm thiệt hại đến lợi ích của chủ nghĩa xã hội, đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Đó là một việc hoàn toàn hợp lý và cần thiết, chỉ có lợi cho nhân dân và cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

4 - Có ý kiến đề nghị cần nhắc xem có nên ghi trong Hiến pháp những quyền mà trước mắt hoặc trong một tương lai gần, ta chưa có khả năng thực hiện đầy đủ hay không? Ví dụ: quyền tự do cư trú, quyền tự do đi lại, quyền có nhà ở.

Các quyền tự do cư trú, tự do đi lại đã được ghi trong Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959. Do hoàn cảnh của nước ta trước đây có chiến tranh (và ngày nay nguy cơ chiến tranh vẫn còn), cho nên ta chưa thực hiện được đầy đủ các quyền đó. Nhưng đây là những quyền cơ bản của nhân dân, trong điều kiện hiện nay vẫn cần và có thể thực hiện một cách hạn chế, và khi nào tình hình cho phép, các quyền đó sẽ được thực hiện đầy đủ. Luật sẽ quy định cụ thể về quyền tự do cư trú và đi lại. Công dân Việt-nam không được tự do đi ra nước ngoài, mà phải xin giấy xuất cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp. Công dân được đi lại tự do trong nước, nhưng không được đến hoặc cư trú tại những nơi dành cho các công trình quốc phòng, những vùng có chiến sự hoặc những vùng có dịch tễ, v.v.

Quyền có nhà ở cũng là một quyền cơ bản nữa của nhân dân. Để thực hiện quyền đó, tất nhiên chúng ta phải phấn đấu trong một thời gian dài. Nhưng ngay trước mắt, dù có khó khăn, Nhà nước vẫn mở rộng dần việc xây dựng nhà ở, đồng thời

khuyến khích, giúp đỡ các tập thể nhân dân lao động và công dân xây dựng nhà ở theo quy hoạch chung, nhằm thực hiện từng bước quyền có nhà ở.

5 - Có ý kiến đề nghị tổ chức chính quyền nội thành các thành phố trực thuộc trung ương chia làm hai cấp?

Vấn đề này đã được thảo luận nhiều. Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã tổ chức hội nghị gồm đại diện của Ủy ban nhân dân các thành phố Hà-nội, Hồ-Chí-Minh, Hải-phòng, Nam-định, Đà-nẵng, Huế, Cần-thơ, đại diện Ban tổ chức trung ương, v.v. để trưng cầu ý kiến.

Qua cuộc hội nghị nói trên và qua hai bước thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân, ta thấy: tổ chức chính quyền thành phố chia làm hai cấp là xu hướng chung của việc tổ chức quản lý các thành phố hiện đại; nhưng tình hình các thành phố của ta hiện nay còn nhiều khó khăn, phức tạp và thiếu các phương tiện hiện đại để quản lý một cách nhạy bén và tập trung cao; trình độ quản lý thành phố của cán bộ ta còn bị hạn chế nhiều. Vì vậy, dự thảo Hiến pháp quy định tổ chức chính quyền nội thành các thành phố trực thuộc trung ương chia làm ba cấp để cho cán bộ đủ sức quản lý và đi sát nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở.

6 - Có ý kiến đề nghị nên có Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân để đề cao vai trò của Hội đồng và bảo đảm cho Hội đồng hoạt động thật sự

Dự thảo Hiến pháp đã xác định mối quan hệ khăng khít giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân thực chất cũng là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực

chất là Chủ tịch cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân. Nếu thêm Chủ tịch của Hội đồng nhân dân hoặc bầu cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân thì vô hình trung lại tách rời Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền thêm công kênh. Vấn đề là phải thi hành nghiêm chỉnh những điều quy định của Hiến pháp và pháp luật về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, nâng cao nhận thức, tư tưởng, năng lực và phương pháp công tác của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, phát huy vai trò và đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng nhân dân, nhất là trên cơ sở thi hành Hiến pháp mới, các cấp ủy Đảng chuyển biến về nhận thức, tư tưởng đối với Hội đồng nhân dân—chứ không phải bầu thêm Chủ tịch, các Phó chủ tịch hoặc bầu cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân thì mới giải quyết được vấn đề.

Trên tinh thần bảo đảm cho Hội

đồng nhân dân hoạt động thiết thực, phát huy tác dụng cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, dự thảo Hiến pháp quy định: Hội đồng Nhà nước « giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhằm phát huy chức năng cơ quan đại biểu nhân dân của Hội đồng nhân dân » (Điều 100, điểm 9). Hội đồng bộ trưởng « bảo đảm cho Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương » (Điều 107, điểm 19) « Ủy ban nhân dân tạo điều kiện cho các đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động—Chủ tịch Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm điều hòa, phối hợp hoạt động của các ban do Hội đồng nhân dân lập ra » (Điều 125).

Trên đây là những vấn đề được đề cập trong cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mà Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã tiếp thụ hoặc không tiếp thụ, xin báo cáo đề Quốc hội xem xét.

IV

NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM ĐỂ BẢO ĐẢM CHO HIẾN PHÁP MỚI ĐƯỢC THI HÀNH NGHIÊM CHỈNH

Thưa các đồng chí đại biểu,

Xây dựng Hiến pháp là một việc rất quan trọng. Nhưng Hiến pháp chỉ thật sự có giá trị khi nó tác động mạnh vào tư tưởng và hành động hằng ngày của quần chúng, và được các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và mọi công dân nghiêm chỉnh thi hành

Đồng đảng cán bộ và nhân dân mong đợi Hiến pháp mới. Nhiều người tự hỏi: Hiến pháp mới có được nghiêm chỉnh thi hành không? Những

hiện tượng tiêu cực trái với Hiến pháp có được kiên quyết sửa chữa không?

Nhân dân ta có truyền thống lâu đời đoàn kết, yêu nước, cùng hy sinh, phấn đấu để xây dựng và bảo vệ nước nhà. Từ khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, nhân dân ta một lòng tin yêu Đảng, vì dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta tha thiết với chính quyền cách mạng và Hiến pháp của Nhà nước, những cái bảo đảm cho mình quyền

làm chủ tập thể và lợi ích thiết thân hàng ngày. Nhưng mặt khác, trong nền kinh tế nước ta, sản xuất nhỏ là phổ biến; tính tự do, tản mạn còn khá nặng nề trong xã hội. Về kinh tế và đời sống, chúng ta đang gặp nhiều khó khăn. Nhà nước ta lại chưa làm tốt việc quản lý xã hội theo pháp luật.

Đó là mặt thuận lợi và mặt không thuận lợi cho việc thi hành Hiến pháp, nhưng thuận lợi là chính. Tuy vậy, chúng ta phải thấy cả hai mặt đó để giáo dục, vận động nhân dân ra sức phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và nhược điểm, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Không phải có Hiến pháp mới là tự nhiên nó được thi hành. Việc thi hành Hiến pháp là một quá trình đấu tranh lâu dài, trên nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, hành chính, pháp luật, tổ chức, tư tưởng, văn hóa, kết hợp giáo dục chính trị cho công dân, phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân với đấu tranh chống địch phá hoại, chống tiêu cực, chống các tệ nạn xã hội. Nhân dân có tự giác, tự nguyện thi hành Hiến pháp, đồng thời Đảng và Nhà nước có lãnh đạo chặt chẽ việc thi hành thi Hiến pháp mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Để bảo đảm cho Hiến pháp được thi hành nghiêm chỉnh, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đề nghị với Quốc hội những công tác dưới đây cần triển khai ngay sau khi Hiến pháp được ban hành:

I - TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC VỀ HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT TRONG CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN

Đây là một công tác cấp bách có tác dụng quan trọng trước mắt và

lâu dài. Để phát huy thắng lợi của việc ban hành Hiến pháp mới, cần tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về học tập Hiến pháp và thảo luận việc thi hành Hiến pháp trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân và trong toàn dân: động viên nhân dân nhận xét, phê bình công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội và tự phê bình những thiếu sót của mình đối với Nhà nước và tập thể; cán bộ, nhân viên, Nhà nước từ trung ương đến cơ sở liên hệ kiểm điểm, sửa chữa những việc làm sai trái như: tham ô, hối lộ, móc ngoặc, lãng phí của công, ức hiếp quần chúng, không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sau đợt tuyên truyền, giáo dục này, Hội đồng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan hữu quan có kế hoạch thường xuyên phổ biến và giải thích pháp luật trong nhân dân bằng các hình thức sách báo, phát thanh, truyền hình, nói chuyện, v.v.

Đưa việc học tập Hiến pháp và một số luật quan trọng hiện hành của nước ta vào chương trình giảng dạy của các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường phổ thông trung học, các trường Đảng, trường công đoàn và trường của các tổ chức xã hội khác. Sửa đổi chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông cơ sở cho phù hợp với tinh thần và nội dung Hiến pháp mới.

2 - ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Sau khi có Hiến pháp, nhiều điều quy định trong Hiến pháp cần được cụ thể hóa bằng pháp luật và pháp lệnh. Ngoài luật bầu cử đại biểu Quốc hội sẽ trình Quốc hội thông qua trong kỳ họp này, Hội đồng Chính phủ, Ủy ban dự án pháp luật của

Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần chuẩn bị gấp luật và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, các luật về tổ chức Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Các luật đó sẽ được trình ra Quốc hội trong thời gian thích hợp.

Trong những năm tới, Quốc hội sẽ lần lượt thông qua các luật như: luật quốc tịch, luật đất đai, luật lao động, luật nghĩa vụ quân sự, luật về các quyền tự do dân chủ (bao gồm luật tự do đi lại và cư trú), luật xét khiếu tố, các luật hình sự và dân sự.

Hội đồng bộ trưởng và các cơ quan, đoàn thể hữu quan chịu trách nhiệm về việc xây dựng và trình ra Quốc hội các dự án luật nói trên và những dự án luật về kinh tế, bảo đảm trong vòng năm năm, Quốc hội sẽ thông qua những luật cần thiết.

3— KIẾN TOÀN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC NÓI CHUNG VÀ KIẾN TOÀN CÁC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH BẢO VỆ PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Trong cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới, nhân dân phê bình bộ máy Nhà nước của ta cũng kèn, quan liêu, kém hiệu lực. Chúng ta cần nghiêm chỉnh tiếp thu ý kiến phê bình đúng đắn đó: nghiêm cứu kỹ đề kết hợp với việc tổ chức bộ máy Nhà nước theo Hiến pháp mới mà kiến toàn các cơ quan, tăng cường chất lượng cán bộ, chấn chỉnh tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, bảo đảm cho bộ máy Nhà nước gọn nhẹ mà lại phát huy được hiệu lực; chú trọng kiến toàn bộ máy quản lý kinh tế ở trung ương, các địa phương và cơ sở; tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý tổng hợp, cải tiến tổ chức và công tác quản lý các ngành kinh tế— kỹ thuật; tăng cường cấp huyện, tích

cực xây dựng huyện thành đơn vị nông—công nghiệp.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân phải hoạt động thật sự, xứng đáng là cơ quan quyền lực Nhà nước ở trung ương và các địa phương, đồng thời là cơ quan đại biểu của nhân dân có quan hệ chặt chẽ với cử tri.

Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Bộ nội vụ, Ủy ban pháp chế, Ủy ban thanh tra của Chính phủ và Ủy ban dự án pháp luật của Quốc hội cần được kiện toàn; đồng thời phải xây dựng tổ chức pháp chế của các bộ, các ủy ban Nhà nước, v.v. với nhiệm vụ giúp các cơ quan đó đề ra sáng kiến pháp luật và thi hành đúng Hiến pháp và pháp luật.

4— TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ PHÁP LÝ VÀ CÁN BỘ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP.

Trong những năm qua, công tác đào tạo cán bộ pháp lý và cán bộ hành chính Nhà nước không được chú ý đúng mức. Phần lớn cán bộ chính quyền chưa được bồi dưỡng có hệ thống về nghiệp vụ pháp lý và hành chính, cho nên nhiều khi họ giải quyết công việc một cách tùy tiện, vi phạm nguyên tắc, pháp luật thể lệ của Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Sau 34 năm giành chính quyền, ta mới mở Trường đại học pháp lý Hà-nội. Đó là một sự chậm trễ tai hại! Hội đồng Chính phủ cần quan tâm giúp đỡ Trường đại học pháp lý sớm ổn định về tổ chức và giảng dạy có chất lượng; cần mở lại trường hành chính để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hành chính Nhà nước theo tinh thần Hiến pháp mới.

Ngoài hệ thống đào tạo chính quy, cần tổ chức các lớp tại chức, các lớp bồi túc nhằm tăng nhanh đội ngũ cán bộ pháp lý và hành chính Nhà nước các cấp

5 - TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT, KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT; XỬ LÝ NGHIÊM MINH CÁC VIỆC LÀM TRÁI VỚI HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật phổ biến và kéo dài là công tác giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật chưa được chặt chẽ, việc xử lý nhiều vụ vi phạm pháp luật không được nghiêm minh và kịp thời.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp cần thực hiện đầy đủ chức năng giám sát và kiểm tra việc tuân theo pháp luật của các cơ quan Nhà nước.

Công đoàn và các tổ chức xã hội khác cần cứ vào điều lệ của đoàn thể mình mà tích cực tham gia giám sát, kiểm tra việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật của các cơ quan Nhà nước và của nhân dân.

Cần phát huy hiệu lực của các cơ quan kiểm sát và thanh tra Nhà nước, đồng thời tăng cường công tác thanh tra nhân dân.

Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và công an nhân dân các cấp phải làm tròn nhiệm vụ phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh các việc làm trái với Hiến pháp và pháp luật.

Chấn chỉnh gấp công tác xét các điều khiếu tố của nhân dân; khắc phục tình trạng đề ứ đọng, dùn dầy, không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời các vụ khiếu tố.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Hiến pháp và pháp luật thể chế hóa, « Nhà nước hóa » đường lối, chính sách của Đảng. Việc nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, do đó, cần được sự lãnh đạo thường xuyên và chặt chẽ của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam và đảng ủy các cấp.

Tôi vui mừng báo cáo với Quốc hội: Ban chấp hành trung ương Đảng đã họp Hội nghị toàn thể từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 9 năm 1980 để xem xét bản dự thảo Hiến pháp. Hội nghị tán thành nội dung cơ bản của dự thảo và cho ý kiến đề hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Quốc hội.

Ban chấp hành trung ương Đảng đã dành nhiều thì giờ để bàn về việc lãnh đạo thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp mới.

Thi hành Hiến pháp là nhiệm vụ của toàn dân, của tất cả các tổ chức Đảng và Nhà nước, các tổ chức xã hội trong hệ thống chuyên chính vô sản do Đảng lãnh đạo. Thi hành Hiến pháp là một quá trình phấn đấu lâu dài, nhưng Hiến pháp lại phải bắt đầu thi hành ngay sau khi được chính thức công bố. Hiện nay, pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta còn thiếu sót nhiều, trình độ hiểu biết và ý thức tuân theo pháp luật của cán bộ và nhân dân còn thấp, hiệu lực của bộ máy Nhà nước còn bị hạn chế. Trong tình hình ấy, vai trò và trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức Đảng, trước hết là các cấp ủy Đảng có ý nghĩa quyết định đối với việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là một người công dân gương mẫu trong việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. Đảng viên có chức có quyền mà coi thường hoặc vi phạm Hiến pháp và pháp luật thì càng phải kiên quyết xử lý.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là người tổ chức và quản lý mọi mặt đời sống xã hội, cũng là người tổ chức thực hiện các điều quy định trong Hiến pháp. Các cơ quan Nhà nước hoạt động kèm hiệu lực, thi Hiến pháp, pháp luật đương nhiên không được thực hiện tốt. Vì vậy, củng cố và tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng. Các cấp ủy Đảng cần cải tiến phương thức lãnh đạo chính quyền, không xem nhẹ các cơ quan dân cử, thật sự tôn trọng

nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, không bao biện, làm thay.

Đảng nghiêm cấm các tổ chức và cán bộ của Đảng tùy tiện đề ra những quy định, thề lệ trái với Hiến pháp và pháp luật, vi phạm quyền công dân, quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Thi hành Hiến pháp mới không tách rời việc nhân dân ta thực hiện những nhiệm vụ bức thiết về kinh tế và quốc phòng.

Hiện nay, nước ta còn nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống. Song gần đây việc công bố và thi hành một số chính sách mới về kinh tế của Đảng và Nhà nước đang tạo ra những tiến bộ mới trong nông nghiệp, công nghiệp, phân phối, lưu thông và chỉ rõ khả năng hiện thực khắc phục khó khăn, đưa nền kinh tế nước ta tiến lên vững chắc trong những năm tới.

Trước mắt, cần tập trung lực lượng phát triển sản xuất nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu; bảo đảm điều kiện phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành công nghiệp năng lượng, cơ khí, phân bón và giao thông vận tải; đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; tiếp tục cải tiến công tác phân phối lưu thông, trước hết làm tốt công tác thu mua lương thực và các hàng nông sản khác; tăng cường quản lý thị trường, quản lý tài chính, tiền tệ, vật tư, hàng hóa của Nhà nước; ban hành các chính sách nhằm khuyến khích sản xuất trên cơ sở kết hợp bảo đảm ba lợi ích: lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích của người lao động; ổn định và cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và của nhân dân; cải tiến công tác quản lý kinh tế, đổi mới công tác kế hoạch hóa nhằm tận dụng lao động và đất đai, thiết bị và vật tư sẵn có; khắc phục từng bước tình trạng mất cân đối trong kinh tế; chú

trọng hiệu quả kinh tế trong xây dựng cơ bản, sản xuất và kinh doanh; nâng cao chất lượng sản phẩm; thực hiện nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và quản lý kinh tế; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, những hành động trái với Hiến pháp và pháp luật; củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Nhân dịp ban hành Hiến pháp mới, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Tổng công đoàn, các đoàn thể nhân dân, các lực lượng vũ trang nhân dân phát động một đợt thi đua xã hội chủ nghĩa trong cả nước để động viên toàn dân, toàn quân hăng hái hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1981, lập nhiều thành tích, tạo ra một bước chuyển biến mới về kinh tế và đời sống, làm cho mọi người tin tưởng, quyết tâm thi hành Hiến pháp, bảo đảm cho Hiến pháp thật sự có hiệu lực.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Quốc hội họp kỳ này đề thảo luận bản dự thảo Hiến pháp, quyết định và thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Hiến pháp mới được thông qua là một sự kiện quan trọng cùng với những ngày kỷ niệm lớn đánh dấu năm 1980 đáng ghi nhớ.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta sẽ sử dụng Hiến pháp mới như một vũ khí sắc bén để đấu tranh giành những thắng lợi rực rỡ hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Với Hiến pháp mới, nhân dân ta càng giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, quyết xây dựng thành công một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng

vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Kỳ họp Quốc hội này thể hiện quyết tâm của nhân dân ta ra sức củng cố về mọi mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, thành viên vững chắc của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Sức mạnh và tinh đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoàn cảnh hiện nay, khi bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, đang cấu kết với bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, đẩy mạnh chạy đua vũ trang, đầu độc bầu không khí quốc tế, gây tình hình căng thẳng trên thế giới.

Đảng cộng sản Việt-nam, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân Việt-nam, hoàn toàn ủng hộ đường lối đối ngoại liên-minh và những cố gắng không mệt mỏi của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác thúc đẩy quá trình hòa dịu, bảo vệ hòa bình. Chúng ta đánh giá cao cuộc gặp gỡ cấp cao ở Mát-xcơ-va ngày 5 tháng 12 vừa qua giữa các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va, nhằm tăng cường đoàn kết xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Tại cuộc gặp gỡ này, các đồng chí lãnh đạo Ba-lan đã nhấn mạnh rằng Ba-lan đã, đang và vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa, một thành viên vững chắc của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Các đồng chí lãnh đạo các nước anh em đều khẳng định tình đoàn kết và sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nước Cộng hòa nhân dân Ba-lan, đối với Đảng và nhân dân Ba-lan. Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng nhân thống nhất Ba-lan, nhân dân Ba-lan, được sự ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của loại người tiến bộ, sẽ phát huy truyền thống và lực lượng cách mạng của

minh, vượt qua mọi khó khăn, làm thất bại mọi âm mưu của bọn phản động, kiên quyết bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tiếp tục phát triển đất nước trên con đường phồn vinh và hạnh phúc. Nhân dân Việt-nam luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân Ba-lan anh em.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được thực hiện thắng lợi thì nhân dân Việt-nam sẽ chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu; đại gia đình dân tộc Việt-nam sẽ an no, hạnh phúc hơn; địa vị của nước Việt-nam văn minh và giàu đẹp sẽ được nâng cao trên trường quốc tế; một tiền đồn chiến lược của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á sẽ được củng cố và tăng cường.

Những điều mong muốn thiết tha của Bác Hồ muốn văn kính yêu và những ước mơ cao đẹp của các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh vì nước sẽ thành hiện thực.

Đồng bào cả nước hãy nghiêm chỉnh tuân theo và ra sức thực hiện Hiến pháp mới sẽ được Quốc hội thông qua trong kỳ họp lịch sử này.

★

— Nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa muôn năm!

— Toàn dân đoàn kết, ra sức thi đua giành nhiều thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc!

— Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thắng lợi muôn năm!

— Đảng cộng sản Việt-nam, người tổ chức và cổ vũ mọi thắng lợi của nhân dân Việt-nam, muôn năm!

— Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vì đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

Những thành tựu to lớn của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia

HAI năm là thời gian quá ngắn đối với việc xây dựng lại nước Cam-pu-chia bị tàn phá, kiệt quệ đến mức "dưới con số không".

Những gì đã làm được trong hai năm qua trên đất nước Cam-pu-chia đang hồi sinh thật là kỳ diệu. Nếu không có sự cố gắng phi thường của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần cứu mạng lẫn nhau của nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia, không có sự giúp đỡ vô tư về nhiều mặt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, thì không thể vượt qua được những khó khăn chồng chất, nghiêm trọng, mà bè lũ Pôn Pốt và bọn quan thầy Bắc-kinh để lại, nhất là việc cứu sống hàng triệu người từ cõi chết trở về.

Biết bao công việc dồn dập kế tiếp nhau: truy quét hàng chục vạn tàn quân Pôn Pốt trong đủ mọi loại địa hình, giải thoát một bộ phận nhân dân bị bọn chúng lừa theo làm lá chắn, làm hàng rào thịt, làm nguồn bổ sung cho chúng; ổn định đời sống, cứu đói, chữa bệnh, giúp đỡ nhân dân về quê cũ, giúp dân sản xuất, xây dựng lực lượng, giữ vững an ninh... Với sự giúp đỡ nhiệt tình của bè bạn và sự nỗ lực của bản thân, nhân dân Cam-pu-chia đã nhanh chóng hồi phục cuộc sống của mình.

Việc đánh tan bọn tàn quân Pôn Pốt, giải phóng hàng triệu dân khỏi hang ổ của chúng, việc sớm ổn định đời sống cho cả một dân tộc, nổi bật nhất là việc cứu dân thoát nạn chết

đói, nạn chết rục xương trong các trại tập trung, là rất đáng khâm phục.

Những thành tựu đạt được trong năm 1979 kể trên đây nói lên sức sống mãnh liệt của nhân dân Cam-pu-chia.

Trên cơ sở thắng lợi đạt được trong năm 1979, cách mạng Cam-pu-chia bước vào năm 1980 với thế và lực vững mạnh, áp đảo kẻ thù.

Đời sống của các tầng lớp nhân dân thêm ổn định, nạn chết đói, hậu quả của chính sách diệt chủng của bọn Pôn Pốt, đã bị loại trừ. Thật sự làm chủ vận mệnh của mình, sau khi thu hoạch thắng lợi vụ mùa 1979-1980, nhân dân Cam-pu-chia đã làm vụ mùa 1980-1981 vượt mức chỉ tiêu diện tích gieo trồng. Chính quyền cách mạng các cấp được xây dựng và củng cố thêm một bước phát huy vai trò quản lý đất nước, chăm lo đời sống và an ninh của nhân dân. Lực lượng vũ trang cách mạng phát triển nhanh, được thử thách trong chiến đấu và trong công tác phát động quần chúng, xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng. Đội ngũ cán bộ cách mạng ngày càng đông, trình độ chính trị, tinh thần yêu nước, thương dân và năng lực công tác của họ được nâng dần lên. Tổ chức Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và các tổ chức quần chúng cách mạng khác phát triển và trưởng thành. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng được bảo đảm. Uy tín quốc tế của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia được nâng cao. Bọn tàn quân Pôn Pốt tiếp tục bị tiêu diệt và tan rã. Nhiều tổ chức chính

trị phản động do Bắc-kinh, Mỹ và Thái-lan nuôi dưỡng, điều khiển, bị khám phá và đập tan; âm mưu của Mỹ gây bạo loạn bị phá sản.



Trong hai năm qua nhân dân Cam-pu-chia đã thu được những thắng lợi to lớn trong công cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù, bảo vệ Tổ quốc.

Sau ngày các lực lượng cách mạng giải phóng Phnom Pênh (7-1-1979), tàn quân Pôn Pốt kéo vào các vùng núi rừng hiểm trở chờ thời cơ « phản kích ». Bị truy quét mạnh, phần lớn bọn chúng phải chạy ra biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan để « củng cố », số còn lại phân tán hoạt động như thỏ phi, quấy rối an ninh của nhân dân. Chúng cưỡng ép một số dân cùng chúng chạy sang Thái-lan. Chúng được Bắc-kinh, Mỹ và Thái-lan hỗ trợ tiếp sức, gây tình trạng không ổn định kéo dài ở biên giới Thái-lan—Cam-pu-chia. Ý đồ của chúng là dùng lực lượng quân sự từ ngoài đánh vào, kết hợp với gây bạo loạn bên trong, chiếm lại một số địa bàn dọc biên giới, đồng thời phối hợp với đấu tranh ngoại giao tại khóa họp thứ 35 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, gây sức ép cho một « giải pháp chính trị » về « vấn đề Cam-pu-chia » hòng xoay chuyển tình thế có lợi cho chúng.

Bọn Pôn Pốt rêu rao khoắc lác còn có hàng chục sư đoàn. Thật ra, lực lượng của chúng chẳng còn bao, chỉ thập thò ngoài biên giới, nếu ló sang Cam-pu-chia là bị dồn đầu, các căn cứ lùm của chúng ở trong nước thì hầu hết bị phá vỡ, tiếp tế của chúng khó khăn và đào đầu ra dân mà làm « chiến tranh du kích »? Thế là bọn chúng phải chia nhỏ, mỗi đơn vị không quá 10 tên như Iêng Xa-ry vừa mới thú nhận, và chỉ còn có thể làm được cái việc của bọn thỏ phi là quấy rối an ninh và ăn cướp của dân. Chúng

lấy đầu ra sức đề từ ngoài đánh vào cho bèn trong nội đây? Trên thực tế, lực lượng trụ cột của Pôn Pốt với 24 vạn quân làm mưa làm gió một thời, đã bị đánh bại về cơ bản trước ngày 7-1-1979 và từ đó đến nay cả chục vạn tên bị loại khỏi vòng chiến đấu. Cột sống mà bọn Pôn Pốt và bè lũ cầm quyền ở Bắc-kinh dựa vào để kéo dài cuộc chiến tranh đã bị sụp đổ không còn gượng lên được.

Muốn làm bạo loạn, chúng cố xây dựng cái gọi là « đội quân ngầm » và tạo ra « chính quyền hai mặt »... Bằng cách dụ dỗ, lôi kéo một số người kém giác ngộ chính trị, đặc biệt là lợi dụng khó khăn về đời sống, chúng kéo dân ở một số tỉnh giáp biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan đến lấy gạo và hàng viện trợ để tuyên truyền, huấn luyện rồi tổ chức tuồn lương thực, vũ khí và tình báo, gián điệp vào nội địa hoạt động. Chúng còn bố trí người chui vào các tổ chức cách mạng để hoạt động phá hoại. Chúng ép buộc những người nhận hàng viện trợ phải làm hậu cần tại chỗ cho chúng. Tất cả những âm mưu đó đều bị phát hiện. Những phần tử hai mặt, đội quân ngầm, v.v. lần lượt ra thú tội. Đế quốc Mỹ, bọn hành trưởng Bắc-kinh và các bọn phản động khác còn lợi dụng việc cứu đói, sử dụng tổ chức « thầy thuốc không biên giới » (MSF) là tổ chức có liên quan chặt chẽ với CIA, bày trò « đi bộ vì sự sống của Cam-pu-chia » từ Thái-lan qua Cam-pu-chia để do thám và gây chiến tranh tâm lý, nhất là tiếp sức cho bọn Pôn Pốt và các bọn Khơ-me phản động khác chống phá cách mạng Cam-pu-chia, kéo dài tình trạng không ổn định ở biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan, phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng lại đất nước Cam-pu-chia. Những thủ đoạn của chúng đã bị dư luận lên án. Những người có trách nhiệm trong các tổ chức UNI CEF, Hội chữ thập đỏ quốc tế, Hội từ thiện, v.v. đang hoạt động ở Cam-

pu-chia đều coi đó là « một sự gay rối quá đần, một trò hề » và « đại dột ».

Kể từ của nhân dân Cam-pu-chia còn tổ chức ra cái gọi là « Hồi hương tự nguyện », đầy một lúc 3 - 4 vạn người bị nạn trở về Cam-pu-chia vào giữa lúc giáp hạt hồi tháng 7, 8 năm 1980. Ý đồ của chúng là cái bọn phản động, tình báo, biệt kích, gián điệp và cả bọn chỉ đạo đầu sỏ từng vùng của Pôn Pốt về theo nhằm móc nối cơ sở, lập căn cứ lõm, xây dựng đảng phái phản động, lập chính quyền hai mặt, v.v. Nhưng nhân dân Cam-pu-chia đã kịp thời chặn lại ngay khi chúng mới về tới Bát-tam-bang. Qua phát động quần chúng, nhất là qua tình hình thực tế ở Cam-pu-chia, mọi người đều thấy là : người Cam-pu-chia thật sự làm chủ vận mệnh của mình, dân có đủ ăn, đầu ốm có thuốc chữa, mọi hoạt động xã hội được khôi phục nhanh chóng, ai cũng được học hành, được tự do tín ngưỡng, quyền sống của gia đình được bảo đảm, phẩm giá con người được tôn trọng, v.v. khác hẳn với sự tuyên truyền của địch. Dần dần những phần tử xấu bị vạch mặt và phải thú nhận tội lỗi. Trò « hồi hương tự nguyện » bị phá sản hoàn toàn. Hầu hết âm mưu vũ trang bạo loạn của các tổ chức phản động bị khám phá trước khi các tổ chức này hành động. Hiện nay bọn bành trướng Bắc-kinh, đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng đang nặn ra cái gọi là « giải pháp chính trị ». Nhưng lực lượng mà Bắc-kinh đặt nhiều hy vọng vào là bọn tàn quân Pôn Pốt thì đang tan rã. Giữa bọn tay sai Bắc-kinh và tay sai đế quốc có ai chịu ai đầu mà hòng lập mặt trận này mặt trận nọ ? Bầy ngựa đó chẳng phải đã nhiều phen đá nhau vỡ mặt trong cùng một chuồng đó sao ? Dù cho bọn bành trướng Bắc-kinh thu xếp cho tên đồ tề Pôn Pốt nương nhờ ngôi cho Khiêu Xâm-phon để lừa dối dư luận, chúng vẫn không lôi kéo được ai vào cái gọi là

« Mặt trận đại đoàn kết dân tộc yêu nước và dân chủ » do chúng nặn ra. Bọn quan thầy thì mỗi tên một phách : kẻ muốn duy trì thầy ma Pôn Pốt, người muốn Xon Xan, Xi-ha-núc, v.v. Đó là chưa kể kẻ thì chủ trương lo an ninh Thái-lan là chính, người lại muốn làm « chiến tranh lâu dài » chống Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Tại Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 35, Bắc-kinh và Mỹ đã tốn biết bao công sức, tiền của và gây sức ép mọi mặt đối với một số nước để giữ chiếc ghế cho Pôn Pốt (nếu không, chúng đã bị đuổi khỏi ghế này như đã bị gạt khỏi phong trào các nước không liên kết từ tháng 9 năm 1979). Nhưng ngay cả những người đã bỏ phiếu cho Pôn Pốt cũng phải nói họ bỏ phiếu cho Pôn Pốt « vì lý do kỹ thuật », chứ không có nghĩa là thừa nhận chế độ diệt chủng của Pôn Pốt.

Rõ ràng là cả thầy lẫn tớ, kẻ thù của nhân dân Cam-pu-chia đang làm vào ngõ cụt. Tuy nhiên, chúng chưa chịu từ bỏ tham vọng xoay lại tình thế và cấu kết với nhau tìm trăm phương nghìn kế phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng lại đất nước Cam-pu-chia. Nhân dân Cam-pu-chia còn phải luôn đề cao cảnh giác đập tan mọi mưu đồ đen tối của chúng để vững bước tiến lên mạnh mẽ hơn nữa.



Trong hai năm qua nhân dân Cam-pu-chia đã lập được những thành tích to lớn trong công cuộc xây dựng lại đất nước.

Vì mục đích củng cố độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ lao động hòa bình, xây dựng đất nước, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đặc biệt chú trọng việc xây dựng quốc phòng và bảo đảm an ninh. Lực lượng vũ trang từ phân tán, nhỏ bé, tiến lên có những binh đoàn chính quy với những binh chủng kỹ thuật thích hợp. Tất cả đều được huấn luyện chính

trị và quân sự, được thử thách trong chiến đấu và trong công tác bảo vệ an ninh cũng như trong việc giúp dân sản xuất và tổ chức đời sống. Các đơn vị còn sản xuất tự túc lương thực để đỡ gánh nặng cho Nhà nước đồng thời nêu gương cứu mạng nhân dân ở những nơi còn khó khăn, nhất là đối với hàng chục vạn người mới bị Thái-lan đẩy về.

Tất cả các tỉnh, huyện đều có bộ đội địa phương. Hàng chục vạn du kích đã được chọn lọc, tổ chức, trang bị, huấn luyện. Nhiều đơn vị du kích đã tiến hành đánh địch, bảo vệ dân, làm chỗ dựa tốt cho chính quyền cách mạng. Nét nổi bật của du kích Cam-pu-chia là hiền dân, biết địch, thạo địa hình, gần bó với quê hương làng mạc, được giáo dục tốt, có phương thức đánh địch thích hợp, gọn nhẹ, cho nên tuy lực lượng nhỏ mà diệt địch gọn hoặc gọi hàng được nhiều toán địch phân tán, thu nhiều vũ khí. Các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia, đặc biệt là bộ đội địa phương và du kích, rất được nhân dân yêu mến, đùm bọc và tin cậy. Nhiều đơn vị được Bộ quốc phòng Cam-pu-chia tặng thưởng Huân chương giải phóng.

Nam nữ thanh niên Cam-pu-chia xem việc được học tập, được hoạt động, vào du kích, vào bộ đội, v.v. là một vinh dự lớn. Đó là nguồn bổ sung vô tận cho lực lượng cách mạng, nhất là cho lực lượng vũ trang Cam-pu-chia.

Đội ngũ cán bộ quân sự được đào tạo ở trường, được rèn luyện trong chiến đấu ngày càng đông, đã được bổ sung cho cơ quan chỉ huy các cấp, các đơn vị chiến đấu, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần và kỹ thuật chuyên môn khác trong quân đội.

Lực lượng an ninh đã phối hợp với nhân dân giữ gìn trật tự xã hội, khám phá và làm tan rã những tổ chức phản động, làm phá sản những âm mưu gây bạo loạn của địch; tóm gọn

nhiều tên tinh báo, gián điệp, biệt kích từ Thái-lan về hoạt động, và góp phần cải tạo những phần tử xấu, giáo dục những kẻ lầm đường hoặc do bị địch khống chế phải nhận làm việc cho chúng. Nhờ được giác ngộ, những người bị địch buộc phải nhận giấy chứng minh là người của chúng hồng «bôi đen» họ và gây ly gián trong nhân dân, đã trở thành những người đấu tranh tích cực chống lại chúng. Nhiều người đã chỉ cho cán bộ cách mạng bắt những tên địch được «cải», «ém» trong nhân dân hoặc những kẻ xấu từ nơi khác đến. Nhiều bà con đã gọi hàng được nhiều tên địch được đào tạo từ Thái-lan, nhiều nơi vận động được nhiều tên tàn quân Pôn Pốt mang súng trở về với cách mạng.

Qua những đợt sinh hoạt chính trị từ các cơ quan trung ương đến cơ sở nhằm nâng cao cảnh giác, giữ vững an ninh, bảo vệ nội bộ, phân biệt ta, bạn, thù, lực lượng an ninh được tăng cường. Ở thủ đô Phnom Pênh an ninh chính trị rất tốt, ý thức trách nhiệm của người dân đối với việc quản lý xã hội được nâng cao. Chính quyền nhân dân đang cố gắng củng cố lực lượng an ninh để kịp thời trừng trị bọn trộm cướp phá rối trị an, bọn tinh báo gián điệp núp dưới các loại chiêu bài và đập tan âm mưu của địch xây dựng đội quân ngầm và phần tử hai mặt trong các tổ chức cách mạng.

Bước vào năm 1980, nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân trở thành nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền cách mạng Cam-pu-chia.

Nhờ sự viện trợ khẩn cấp về lương thực, giống, nông cụ, thuốc men của Việt-nam, Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của một số tổ chức quốc tế, nhất là với tinh thần tự lực tự cường, cứu mạng lẫn nhau, nhân dân Cam-pu-chia đã tiến hành sản xuất nông nghiệp thuận lợi. Nhưng vì thiếu thốn mọi thứ, nhất là

thóc giống, sức kéo, sức lao động, lại bị hạn hán kéo dài, cho nên cả năm 1979 chỉ mới gieo trồng được gần một triệu héc-ta cả lúa lẫn màu, thu hoạch khoảng 50 vạn tấn. Sang năm 1980, sản xuất lương thực được coi là nhiệm vụ trung tâm. Những thứ cần thiết như: thóc giống, nông cụ, sức kéo, thủy lợi, v.v. được giúp đỡ giải quyết kịp thời cho nên phong trào sản xuất nông nghiệp có khí thế sôi nổi. Dầu dẫu cũng có phong trào quần chúng hái thi đua sản xuất, phát huy sáng kiến, tận dụng mọi khả năng và điều kiện để phát triển sản xuất. Chính quyền có chính sách khuyến khích sản xuất như: được làm kinh tế gia đình ngoài việc làm trong tổ đoàn kết sản xuất, Nhà nước mua nông sản theo giá thỏa thuận, chưa thu thuế nông nghiệp, v.v. Nhờ vậy, việc sản xuất lương thực đạt kết quả tốt. Hiện nay nhân dân cả nước đang thu hoạch vụ mùa tháng lợi.

Việc đánh cá được đẩy mạnh. Những người đánh cá yên tâm phân phối trước những chính sách của Nhà nước như: củng cố và phát triển tổ đoàn kết đánh cá, chia "lô" đánh bắt cá phù hợp, cho ngư dân vay vốn, đáp ứng một phần nhu cầu của người đánh cá như lương thực, nhu yếu phẩm trong sinh hoạt, xăng dầu, dụng cụ đánh cá... Nhờ vậy, năm 1980 ngư dân phần đầu đạt gấp hai lần sản lượng cá so với năm 1979.

Ở các đồn điền cao su cũng có phong trào phấn đấu khôi phục từ 5000 đến 7000 ha vườn cao su, đồng thời khôi phục một số ngành công nghiệp phục vụ sản xuất cao su như nhà máy điện, xưởng cơ khí, xưởng chế biến, lò làm chén đựng mủ cao su, v.v. Tính đến cuối tháng 8-1980 đã cạo mủ trên 4000 ha và dự kiến đến cuối năm nay sẽ cạo mủ 7000 ha cao su, đạt sản lượng cả năm khoảng từ 2500 tấn đến 3000 tấn mủ cao su.

Về công nghiệp trong hai năm qua, trên 150 xí nghiệp (riêng Phnom Pênh

có 52 cơ sở) đã được khôi phục và đi vào sản xuất. Các nhà máy điện, nước, dệt, hóa chất, giấy, thực phẩm, v.v. với hàng vạn công nhân đã hoạt động đều. Việc quản lý xí nghiệp tuy còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp nhưng dần dần đi vào nề nếp. Các ngành thủ công nghiệp, thủ công nghiệp như dệt, đan, đồ gốm, v.v. cũng được khôi phục và phát triển.

Đặc biệt là việc phát hành đồng tiền Riên đã làm cho lưu thông hàng hóa phát triển, chợ búa đông vui, hàng hóa trên thị trường thêm phong phú. Đó là kết quả của quá trình tích cực phục hồi nền tài chính của Cam-pu-chia đã bị bọn Pôn Pốt hủy bỏ. Hiện nay, đồng tiền Riên đang phát huy tác dụng trong khắp nước. Chính quyền nhân dân Cam-pu-chia quan tâm làm sao sử dụng tốt đồng tiền để thúc đẩy sản xuất, tạo điều kiện ổn định và phát triển nền kinh tế mới hồi sinh. Vấn đề tiết kiệm, vấn đề chống tham ô, hối lộ, lãng phí đã và đang được đặt ra một cách nghiêm túc.

Giao thông vận tải là ngành rất quan trọng và đạt nhiều thành tích. Cảng Công-pông Xom tiếp nhận một lúc hàng chục tàu hàng, có cái trọng tải 8000 tấn. Cảng Phnom Pênh cũng tiếp nhận thường xuyên nhiều tàu trọng tải 1000 tấn. Sân bay Pô-chen-tông nhộn nhịp với ngày càng nhiều máy bay của nhiều hãng hàng không quốc tế.

Trên 16697 km đường bộ, xe cộ đi lại bình thường. Khả năng vận chuyển đường bộ của Cam-pu-chia khá lớn: từ 25-8 đến 25-9-1980 đã chuyển được gần 5 vạn tấn lương thực và các hàng hóa khác từ cảng Công-pông Xom đến Phnom Pênh, góp phần giải quyết kịp thời việc cứu đói, chữa bệnh, việc cung cấp giống lúa, phân bón cho sản xuất và các nhu yếu phẩm khác của nhân dân.

Nền văn hóa cách mạng mang tính chất dân tộc và tiến bộ phát triển

nhANH. Ngoài rạp chiếu bóng ở thủ đô, các tỉnh đều có đội chiếu phim lưu động. Các đội nghệ thuật ca múa của trung ương và các tỉnh được phục hồi và phát triển đúng hướng, phục vụ đắc lực cho đời sống tinh thần của nhân dân. Ủy ban trung ương bảo tồn di tích lịch sử và những tác phẩm nghệ thuật dân tộc vừa được thành lập. Công tác thông tin văn hóa phục hồi nhanh và đang trên đà phát triển tốt, phục vụ sản xuất, chiến đấu, công tác và qua trao đổi văn hóa tăng thêm tình hữu nghị với các nước anh em. Hoạt động thể dục thể thao cũng được khuyến khích và có nơi, nhất là ở thủ đô, phong trào bóng đá khá sôi nổi.

Đặc biệt là ngành giáo dục được phục hồi và phát triển khá nhanh. Số học sinh, sinh viên năm học 1980-1981 lên đến trên một triệu người. Hai trường đại học Y Dược và Sư phạm đã được mở lại.

Chỉ mới kể trong 9 tỉnh thành, đã có 8000 trẻ em được nhận vào 230 lớp mẫu giáo, vỡ lòng với 267 thầy cô phụ trách. Việc tổ chức chống nạn mù chữ cho người lớn cũng được đẩy mạnh. Có nhớ lại dưới chế độ Pôn Pốt, 80% giáo viên, trí thức bị giết, 9 trường đại học và hàng vạn trường trung học, tiểu học bị biến thành nhà tù, trại lính, thì mới thấy hết thành tựu vĩ đại của ngành giáo dục cách mạng Cam-pu-chia.

Sau giải phóng, Cam-pu-chia chỉ còn khoảng tám chục thầy thuốc. Nay đội ngũ y sĩ, bác sĩ, dược sĩ, y tá lên tới hàng nghìn, đảm nhiệm việc chữa bệnh cho nhân dân, cán bộ, bộ đội ở các bệnh viện trung ương, bệnh viện tỉnh, bệnh xá huyện và trạm y tế xã; mạng lưới các nhà hộ sinh đã hình thành. Công tác phòng và chữa bệnh tiến bộ rõ rệt, sức khỏe của dân ngày càng tăng, số tử vong vì thiếu thốn, thiếu thuốc giảm rất nhiều, đặc biệt bệnh sốt rét được trị khá tốt và không có nạn dịch lớn nào xảy ra.

Chính quyền nhân dân cách mạng các cấp được xây dựng và củng cố. Hiện nay, nhân dân, cán bộ, bộ đội tuy còn có khó khăn trong sinh hoạt, song so với thời bị Pôn Pốt thống trị thì rõ ràng cuộc sống tốt đẹp gấp trăm lần. Do đó, nhân dân càng tin vào chế độ mới, tin vào cách mạng. Định muốn họ "hai mặt", "hai lòng" nhưng họ vẫn một lòng theo cách mạng. Nhiều người bị dịch "hồi lem", sau khi được giải ngộ thì đánh địch rất ngoan cường.

Các tổ chức Mặt trận, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ được củng cố và trong từng tổ chức đã xuất hiện ngày càng nhiều người tích cực trở thành hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú ý. Các lớp học chính trị tập trung hoặc tại chức cho cán bộ các cấp được tổ chức liên tục. Đội ngũ cán bộ được mở rộng nhanh chóng.

Chính sách đối ngoại đúng đắn của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được dư luận rộng rãi trên thế giới đồng tình và ủng hộ. Uy tín quốc tế của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia không ngừng được nâng cao. Hiện nay đã có 30 nước và hai phong trào giải phóng dân tộc công nhận Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Việc Chính phủ Cộng hòa Ấn-độ công nhận Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia có ý nghĩa rất quan trọng.

Nhiều tổ chức quốc tế đã có quan hệ với Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Nhiều tổ chức quần chúng ở nhiều nước trên thế giới đòi Chính phủ nước họ phải công nhận chính quyền mới của Cam-pu-chia. Ở hội nghị La Ha-ba-na hồi tháng 9-1979, bọn Pôn Pốt đã bị gạt ra khỏi phong trào không liên kết. Hai nước Anh, Úc tuyên bố thôi không công nhận "chế độ" Pôn Pốt.

Đề tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp

tác giữa ba nước Đông-dương, tiếp theo những hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác đã được ký kết giữa Cam-pu-chia và Việt-nam, giữa Cam-pu-chia và Lào năm 1979, Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao Cam-pu-chia, Việt-nam và Lào họp ở Phnom Pênh ngày 5-1-1980 lại khẳng định thêm rằng, với sức mạnh hùng hậu của mình, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, có sự đồng tình và ủng hộ của loài người tiến bộ, nhân dân ba nước Cam-pu-chia, Việt-nam và Lào nhất định sẽ đưa sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của mỗi nước đi đến toàn thắng.

Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ba nước Cam-pu-chia, Việt-nam, Lào họp ở Viên-chăn ngày 17 và 18-7-1980 đã tuyên bố ủng hộ giải pháp «bốn điểm» của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia về vấn đề biên giới Cam-pu-chia - Thái-lan, coi đó là sự thể hiện thiện chí của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Hội nghị đã bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ đối với cách mạng Cam-pu-chia.

Tinh đoàn kết hữu nghị giữa Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng chặt chẽ. Sự hợp tác giữa ba nước Đông-dương với Liên-xô càng bền chặt, vững chắc. Liên minh giữa ba nước Đông-dương càng keo sơn gắn bó hơn bao giờ hết. Điều đó thể hiện sức mạnh chưa từng có của các lực lượng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam châu Á.

Mọi âm mưu, thủ đoạn của mọi loại kẻ thù chống phá cách mạng Cam-pu-chia liên tiếp bị thất bại. Chế độ Cộng hòa nhân dân ngày càng ổn định. Cuộc diện cách mạng ngày càng vững vàng và tốt đẹp hơn. Dư luận tiến bộ trên thế giới cho rằng dù Bắc-kinh-Mỹ-Thái-lan có chạy vạy vận động thực hiện nghị quyết sai trái của Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 35 (tháng 10-1980) về việc «triệu

tập một hội nghị quốc tế tìm một giải pháp cho Cam-pu-chia» thì cũng chỉ uổng công vô ích. Nhân dân Cam-pu-chia không cho phép ai can thiệp vào công việc nội bộ của họ.

Tuy nhiên, nhân dân Cam-pu-chia thấy rõ rằng cuộc đấu tranh cho sự tồn tại và phát triển của đất nước mình sẽ còn gay gắt. Họ ngày càng hiểu rõ âm mưu xảo quyệt của mọi loại kẻ thù. Họ cũng ý thức được rằng cái gọi là chủ nghĩa xã hội phật giáo hoàng gia của Xi-ha-núc cũng chỉ vì lợi ích của hoàng tộc và giai cấp tư sản. Còn cái «Cộng hòa Khơ-me» của Lon Non thì chỉ là nhằm tiếp tay cho Mỹ, đưa chiến tranh vào giết hại nhân dân Cam-pu-chia. Kinh nghiệm nhất là bọn «Cam-pu-chia dân chủ» của Pôn Pốt được Bắc-kinh đặc biệt ưu ái. Bọn chúng chỉ có thể đưa Cam-pu-chia đến họa diệt chủng. Chỉ có Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia hiện nay mới thật sự là người cứu nguy dân tộc và mới có thể lãnh đạo nhân dân xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân.



Trong thời gian chưa đầy hai năm cách mạng Cam-pu-chia đã giành được thắng lợi to lớn, toàn diện là nhờ có đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, nhờ có lòng yêu nước và tinh đoàn kết của nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia, nhờ sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ, sự cố gắng của chính quyền nhân dân các cấp, nhờ quyết tâm đánh địch giữ vững an ninh và trật tự xã hội của các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia. Trình độ giác ngộ chính trị của các tầng lớp nhân dân không ngừng được

nâng cao là điều kiện vững chắc đưa cách mạng vượt qua mọi gian nan thử thách và không ngừng tiến lên. Liên minh đoàn kết chiến đấu và hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia với Việt-nam-Lào-Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một bảo đảm quan trọng cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia.

Hiện nay nhân dân Cam-pu-chia đang ra sức thực hiện những nhiệm vụ trước mắt mà Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã đề ra, cụ thể là:

1 - Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng và ý chí chiến đấu, tăng cường đoàn kết, đánh bại mọi mưu mô của kẻ thù về cái gọi là "du kích chiến tranh", "giải pháp chính trị", "kế hoạch hòa bình"... cho Cam-pu-chia.

Phát huy thắng lợi đánh địch trong mùa mưa, sẵn sàng đánh bại ngay từ đầu kế hoạch mùa khô của chúng. Đi đôi với hoạt động của các lực lượng vũ trang và an ninh, phát động phong trào quần chúng củng cố chính quyền cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh xã hội.

2 - Khắc phục mọi khó khăn, phát huy tinh thần tự lực, ra sức đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

Bảo vệ tốt và thu hoạch nhanh gọn vụ mùa 1980-1981, bắt tay ngay chuẩn bị vụ khô 1981, có kế hoạch mùa nông sản đúng chính sách để thúc đẩy sản xuất theo phương châm: vừa mùa được lương thực vừa được lòng dân.

Thực hiện tốt mùa đánh cá, đồng thời cũng cố thêm một bước các tổ đoàn kết sản xuất, nhất là thực hiện việc ăn chia công bằng hợp lý và bồi dưỡng cho cán bộ của tổ về năng lực điều hành công việc trong tổ và về đạo đức cách mạng

3 - Đẩy mạnh xây dựng lực lượng về mọi mặt, bao gồm lực lượng vũ trang và an ninh; xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng cách mạng. Hết sức coi trọng công tác đào tạo cán bộ, đặc biệt là xây dựng tổ nông cốt bằng cách mở lớp bồi dưỡng nông cốt, đưa sinh hoạt tổ nông cốt đi dần vào nền nếp, tiến tới ở ấp, xã nào cũng có nông cốt.

4 - Không ngừng nâng cao cảnh giác đối với âm mưu chia rẽ của địch, tăng cường đoàn kết và hợp tác giữa ba nước Đông-dương, đoàn kết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chống kẻ thù chung.

5 - Tích cực chuẩn bị ngay việc xây dựng chương trình chung, chương trình kinh tế năm 1981, chuẩn bị tốt để tiến tới Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thông qua Hiến pháp.

6 - Thường xuyên giáo dục cán bộ phân đấu rèn luyện nâng cao năng lực và phẩm chất cách mạng, xây dựng lòng tin tất thắng đối với cách mạng, khắc phục tư tưởng chủ quan thỏa mãn, hòa bình chủ nghĩa, nâng cao lòng yêu nước thương dân, tinh thần tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sống trong sạch lành mạnh, cần cù, giản dị, tiết kiệm; chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; xây dựng tinh thần đoàn kết, ý thức làm việc tập thể, chống độc đoán, chuyên quyền, v.v.

Là người bạn láng giềng thủy chung chi thiết của nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng phấn khởi trước những thành tựu to lớn, toàn diện mà nhân dân Cam-pu-chia đã giành được trong hai năm qua và coi đó như những thắng lợi của chính mình. Chúng ta tin tưởng vững chắc ở sự nghiệp chính nghĩa và tất thắng của nhân dân Cam-pu-chia anh em.

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN VÀ DÂN CHỦ TƯ SẢN

HỒNG-CHƯƠNG

HIỆN pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có ghi rõ: « Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản » (chương 1, điều 2).

Vì sao Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản? Nhà nước chuyên chính vô sản khác Nhà nước tư sản ở chỗ nào? Vì sao nước ta không theo chế độ dân chủ tư sản? Đề góp phần làm sáng rõ vấn đề này, chúng tôi xin phát biểu mấy ý kiến về vấn đề « chuyên chính vô sản và dân chủ tư sản ».



Nhà nước chuyên chính vô sản hay Nhà nước dân chủ tư sản đều là Nhà nước, đều là sản phẩm của xã hội có giai cấp. Khi xã hội chưa phân chia thành giai cấp, trong chế độ cộng sản nguyên thủy, loài người chưa hề biết Nhà nước là gì? Chỉ từ khi xã hội phân chia thành giai cấp, Nhà nước mới bắt đầu xuất hiện để làm công cụ của giai cấp thống trị đàn áp giai cấp bị trị. Trong lịch sử loài người đã từng có các loại Nhà nước khác nhau. Nhà nước của giai cấp chủ nô, Nhà nước của giai cấp phong kiến, Nhà nước của giai cấp tư sản, Nhà nước của giai cấp vô sản thay tên gọi là chuyên chính vô sản).

Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp và là công cụ đấu tranh giai cấp. Bất cứ Nhà nước của giai cấp nào cũng dùng bạo lực để chống lại giai cấp đối địch. Vì vậy, Nhà nước trước hết là một công cụ bạo lực. Mặt khác, bất cứ Nhà nước nào

cũng thực hiện dân chủ đối với giai cấp mà nó phục vụ. Do đó, bất cứ Nhà nước nào cũng có hai mặt: chuyên chính và dân chủ. Nhà nước dân chủ tư sản cũng tức là Nhà nước chuyên chính tư sản. Nó thực hiện dân chủ đối với giai cấp tư sản và thực hiện chuyên chính đối với giai cấp vô sản và đối với nhân dân lao động. Nhà nước chuyên chính vô sản cũng tức là Nhà nước dân chủ vô sản, Nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nó thực hiện chuyên chính đối với giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột khác, đồng thời thực hiện dân chủ đối với giai cấp vô sản và các tầng lớp lao động khác.

Lịch sử loài người đã chứng minh rằng, trong xã hội có giai cấp, không giai cấp thống trị nào mà không thực hiện chuyên chính tức là dùng bạo lực để đàn áp sự phản kháng của các giai cấp bị trị. Chính giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa Âu Mỹ đã từng dùng bạo lực để lật đổ bọn vua quan phong kiến, đàn áp và đập tan âm mưu phục hồi của bọn này. Từ khi giành được chính quyền Nhà nước, giai cấp tư sản hằng ngày, hằng giờ dùng bạo lực để áp bức, bóc lột giai cấp công nhân, các tầng lớp lao động khác và các dân tộc bị áp bức. Chế độ chính trị của giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa là chế độ chuyên chính tư sản. Chế độ này được bọn bồi bút của giai cấp tư sản tô vẽ thành chế độ « dân chủ chung chung ». Nhưng trong bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào cũng đều không có thứ « dân chủ chung chung » mà chỉ có thứ dân chủ tư sản. Mà dân chủ tư

sản và chuyên chính tư sản chỉ là một. Giai cấp tư sản nắm quyền lực chính trị chỉ thực hiện dân chủ đối với những người trong giai cấp của nó, còn đối với giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác thì chúng thực hiện chuyên chính. Dân chủ và chuyên chính chỉ là hai mặt của một nền thống trị của một giai cấp trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Dừng về mặt lịch sử mà xét thì chế độ dân chủ tư sản (hay chuyên chính tư sản) là một bước tiến so với chế độ phong kiến trung cổ. Nhưng vì nó được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu cho nên nó chỉ là một thứ dân chủ giả dối. Nó là thiên đường đối với những người giàu có và là cạm bẫy, địa ngục đối với những người nghèo khổ, những người lao động. Chính Mác đã từng vạch rõ tính chất giả dối của chế độ dân chủ tư sản trong đó những người bị áp bức bóc lột «cứ ba hay sáu năm một lần quyết định xem người nào trong giai cấp thống trị sẽ sung vào quốc hội để «thay mặt» nhân dân và chà đạp nhân dân». Lê-nin cũng đã nói rằng: «Những hình thức của các Nhà nước tư sản thì hết sức khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một: chung quy lại thì tất cả những Nhà nước ấy, vô luận thế nào, cũng tất nhiên phải là một nền chuyên chính tư sản» (1). Lê-nin đã từng vạch rõ rằng «ngay cả trong những nước cộng hòa tự do nhất, nền dân chủ tư sản cũng vẫn chỉ là chuyên chính của giai cấp tư sản» (2). Bác bỏ luận điệu về cái gọi là «dân chủ thuần túy» trong các nước tư bản chủ nghĩa, Lê-nin đã vạch rõ rằng trong các nước đó «dân chủ càng phát triển, càng «thuần túy» bao nhiêu, thì đấu tranh giai cấp càng trở nên công khai, gay gắt, không nhân nhượng bấy nhiêu, ách áp bức của tư bản và chuyên chính của giai cấp tư sản càng biểu lộ ra «thuần túy» bấy nhiêu» (3). Luận điệu về cái gọi là «dân chủ

thuần túy» chỉ là âm mưu bảo vệ giai cấp tư sản và những đặc quyền bóc lột của nó.

Chế độ cộng hòa dân chủ tư sản chỉ là bộ máy phục vụ cho giai cấp tư sản đè dân áp những người lao động. Cảnh nô lệ làm thuê là số phận của nhân dân, ngay cả trong nước cộng hòa tư sản «dân chủ» nhất. Chế độ dân chủ tư sản trước sau vẫn chỉ dân chủ đối với một thiểu số, dân chủ cho người giàu. Giai cấp tư sản thường tuyên bố rằng chế độ chính trị của chúng bảo đảm quyền dân chủ của đại đa số, nhưng chừng nào mà chế độ tư hữu về ruộng đất và những tư liệu sản xuất khác vẫn tồn tại thì không bao giờ có thể thực hiện được điều đó. Quyền «tự do» trong chế độ cộng hòa dân chủ tư sản chỉ là quyền tự do của bọn người giàu có áp bức, bóc lột giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác. Ở Mỹ cũng như ở Anh, Pháp, đó là quyền «tự do» bóc lột giá trị thặng dư ở trong nước và «tự do» vơ vét siêu lợi nhuận ở các thuộc địa. Ở Mỹ đó còn là quyền «tự do» bắn giết người da đen.

Dân chủ tư sản chỉ là dân chủ hình thức. Ví dụ trong chế độ dân chủ tư sản quyền tự do xuất bản sách báo được thừa nhận. Nhưng các nhà in, các kho giấy, hệ thống phát hành sách báo, đều nằm trong tay bọn tư bản, cho nên chỉ có bọn tư bản mới thật sự có quyền tự do xuất bản sách báo. Còn nhân dân lao động không có phương tiện để thực hiện quyền tự do đó.

Trong các nước tư bản chủ nghĩa, do phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đòi

(1) V.I. Lê-nin: «Nhà nước và cách mạng», Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, trang 204.

(2), (3) V.I. Lê-nin: *Những bài nói trước những đại hội của Quốc tế công sản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 26.

quyền lợi ngày càng phát triển, các chính phủ tư sản buộc phải nhượng bộ và để cho nhân dân được hưởng một số quyền tự do dân chủ nào đó; nhưng các quyền tự do dân chủ đó thường bị cắt xén và rất bị hạn chế vì nhân dân lao động không có phương tiện để thực hiện các quyền tự do dân chủ đó.

Một số người lấy việc một số đảng cộng sản có đại biểu tham gia quốc hội hoặc chính phủ ở một số nước tư bản chủ nghĩa để nói rằng ở các nước này có dân chủ thật sự. Ở đây có mấy điểm cần chú ý. Một là nếu có trường hợp đó thì là do thành quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà có. Hai là, hoạt động của các đại biểu của Đảng cộng sản trong quốc hội hoặc chính phủ tư sản chỉ hạn chế ở trong khuôn khổ của pháp luật tư sản; khi nào giai cấp tư sản cảm thấy hoạt động của các đại biểu của Đảng cộng sản có thể gây nguy cơ cho nền thống trị của nó thì nó lập tức gạt họ ra ngoài chính phủ hoặc giải tán quốc hội; và nó có thể làm việc này một cách dễ dàng vì nó nắm trong tay các công cụ bạo lực của Nhà nước (quân đội, công an, tòa án, v.v.).

Có người cho rằng chế độ dân chủ tư sản là dân chủ thật sự vì trong chế độ đó ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tách khỏi nhau tức là «tam quyền phân lập». Về hình thức mà nói, việc tách các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ra khỏi nhau, để có thể không chế lẫn nhau, hình như có vẻ dân chủ. Nhưng về thực chất thì việc tách ra như thế là một thủ đoạn để lừa bịp nhân dân lao động. Trong ba quyền đó thì hai quyền tư pháp và hành pháp đều nằm gọn trong tay giai cấp tư sản và rất ít chịu ảnh hưởng của các cuộc bầu cử. Còn quyền lập pháp tuy có chịu ảnh hưởng phần nào các cuộc bầu cử, nhưng trong khuôn khổ của luật bầu cử tư sản, các đại biểu của

giai cấp tư sản bao giờ cũng chiếm đa số ở quốc hội, vì vậy quyền lập pháp cũng nằm trong tay giai cấp tư sản. Tuy có sự phân chia làm ba quyền nhưng cả ba quyền đó đều nằm trong tay giai cấp tư sản, vì vậy chế độ phân chia ba quyền cũng chỉ là nền chuyên chính của giai cấp tư sản.

Chế độ dân chủ tư sản thủy chung chỉ là công cụ của giai cấp tư sản để đàn áp và bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tuy vậy để lừa bịp quần chúng, giai cấp tư sản tìm mọi cách để che giấu bản chất giai cấp của Nhà nước tư sản. Nó hồ tiền ra thuê bọn bồi bút viết bài ca tụng chế độ dân chủ tư sản và nói xấu chế độ chuyên chính vô sản.

Thủ đoạn thường dùng của bọn bồi bút tư sản là tung ra một lần khỏi mồm chung quanh các từ «dân chủ» và «chuyên chính». Chúng nói «dân chủ chung chung» và «chuyên chính chung chung» mà không nói rõ chuyên chính hay dân chủ của giai cấp nào. Chúng cố tình che giấu tính giai cấp của các chế độ chính trị mà chúng ca tụng hay nói xấu. Vì vậy, khi những người cộng sản dùng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp để phân tích một cách khoa học các chế độ đó thì những luận điệu xảo quyết của bọn tư bản và tay sai về các vấn đề «dân chủ» và «chuyên chính» bị vạch trần và sụp đổ một cách thảm hại.



Khác với giai cấp tư sản tìm cách che giấu nền chuyên chính của nó bằng những luận điệu «dân chủ chung chung», giai cấp vô sản tuyên bố công khai rằng sau khi lật đổ ách thống trị của tư bản thì thành lập chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản là vấn đề cơ bản của cách mạng vô sản. Mục đích của chuyên chính vô sản là thiết lập chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp; biến tất cả mọi thành viên

trong xã hội thành người lao động; tiêu diệt cơ sở của tình trạng người bóc lột người. Chuyển chính vô sản là một tất yếu lịch sử trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học là Mác đã nói: «Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một thời kỳ chuyển biến có tính chất cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Tương ứng với thời kỳ đó là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó Nhà nước sẽ không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản». Trong một bức thư gửi cho Oe-đơ-may-ơ đề ngày 5-3-1852, Mác đã nói rằng những cống hiến mới của ông là đã chứng minh rằng: sự tồn tại của giai cấp chỉ liên hệ với những giai đoạn lịch sử của sự phát triển của sản xuất; đấu tranh giai cấp, tất nhiên đưa đến chuyên chính vô sản; chuyên chính đó, chính nó cũng chỉ là bước quá độ tiến lên thủ tiêu mọi giai cấp và tiến lên một xã hội không giai cấp. Dựa vào sự phân tích một cách khoa học sự phát triển của xã hội loài người, những mâu thuẫn trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, tính chất không thể điều hòa giữa lợi ích của giai cấp tư sản và lợi ích của giai cấp vô sản, vai trò của giai cấp vô sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa, Mác đã rút ra kết luận thiên tài đó.

Lê-nin, người kế tục sự nghiệp vĩ đại của Mác, đã nói rõ: «Chỉ những người đã hiểu rằng chuyên chính của một giai cấp là tất yếu không những cho mọi xã hội có giai cấp nói chung, không những cho giai cấp vô sản sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cho suốt cả *thất kỷ lịch sử* từ chế độ tư bản chủ nghĩa sang «xã hội không giai cấp», sang chế độ cộng sản chủ nghĩa, chỉ những người đó mới thấm nhuần bản chất của học thuyết Mác về Nhà nước» (4). Lê-nin còn nói thêm: «Bước chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản,

cổ nhiên không thể không đem lại rất nhiều ~~điều~~ ^{thước} chính trị khác nhau, nhưng thực chất của những hình thức ấy tất nhiên chỉ sẽ là một: *chuyên chính vô sản*» (5). Lê-nin nói: «Chỉ người nào mở rộng việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến việc thừa nhận *chuyên chính vô sản* thì mới là người mác xít. Đó là điều khác nhau căn bản giữa người mác xít và người tiểu tư sản (và cả đại tư sản) tầm thường. Chính phải dùng viên đá thử vàng ấy mà thử thách sự hiểu biết *thật sự* và sự thừa nhận *thật sự* chủ nghĩa Mác.» (6). Lê-nin cho rằng chuyên chính vô sản là một vấn đề thuộc về nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin nói: «Những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ thiết lập chuyên chính vô sản và áp dụng sự cưỡng bách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ» (7).

Sau khi dùng bạo lực đập tan ~~thế~~ ^{thế} mấy Nhà nước của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản lập nên chuyên chính vô sản để thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

— Đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp đã bị cách mạng lật đổ và trên áp những mưu mô và hành động của chúng định khôi phục chính quyền của tư bản.

— Tập hợp các tầng lớp quần chúng đông đảo chung quanh giai cấp công nhân để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện cho việc xóa bỏ hoàn toàn các giai cấp.

— Xây dựng, củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng để chống lại

(4), (5) V.I. Lê-nin: «Nhà nước và cách mạng», *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, trang 204.

(6) V.I. Lê-nin: «Nhà nước và cách mạng», *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần I, trang 203.

(7) V.I. Lê-nin: *Những bài nói trước những đại hội của Quốc tế cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr 170.

mọi âm mưu gây chiến và xâm lược của kẻ thù bên ngoài, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

— Ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức ở các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Chuyên chính vô sản là bộ máy Nhà nước kiểu mới của giai cấp vô sản. Đó là một tổ chức quân chủng công nhân và nhân dân lao động tự quản lý, trong đó không có sự phân chia quyền lập pháp và quyền hành chính. Đó là "giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị". Với việc thiết lập chuyên chính vô sản, lần đầu tiên trong lịch sử loài người chính quyền Nhà nước chuyên từ tay một thiểu số người bóc lột sang tay đa số người bị bóc lột. Chuyên chính vô sản khác với chuyên chính tư sản ở chỗ chuyên chính tư sản dùng bạo lực đàn áp sự phản kháng của nhân dân lao động, còn chuyên chính vô sản dùng bạo lực trấn áp sự phản kháng của bọn tư bản và địa chủ. Chuyên chính vô sản là một Nhà nước dân chủ theo lối mới (dân chủ đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động) và chuyên chính theo lối mới (chuyên chính với giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột khác). Dưới chế độ chuyên chính vô sản quân chủng nhân dân được tham gia thường xuyên, tất yếu và quyết định vào công việc quản lý Nhà nước một cách dân chủ. Đó là điều hoàn toàn trái ngược với tình hình dưới chế độ dân chủ tư sản. Chế độ dân chủ tư sản đã được tổ chức sao cho có thể loại bỏ quân chủng công nhân và nhân dân lao động ra khỏi bộ máy quản lý Nhà nước. Trái lại chế độ chuyên chính vô sản được xây dựng sao cho

quân chủng lao động có thể tham gia một cách quyết định vào bộ máy quản lý Nhà nước. Chính vì vậy mà trong các hình thức tổ chức của chuyên chính vô sản từ Công xã Pa-ri đến chế độ xô viết ở Nga và chế độ dân chủ nhân dân ở các nước xã hội chủ nghĩa ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai, hai quyền lập pháp và hành chính được hợp lại làm một mà không tách rời nhau như dưới chế độ dân chủ tư sản. Chuyên chính vô sản được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ và theo chế độ tập quyền. Mặc dù từng nói rằng tổ chức chính quyền của giai cấp công nhân « không nên là một cơ quan đại nghị, mà nên là một cơ quan hành động, nắm luôn cả quyền lập pháp lẫn quyền hành chính ».

Lê-nin đã nói: « Chuyên chính của giai cấp vô sản không những chỉ nhất thiết thay đổi những hình thức và những cơ quan của nền dân chủ nói chung, mà còn mở rộng nền dân chủ đến một mức độ chưa từng có trên thế giới cho những giai cấp lao động bị chủ nghĩa tư bản áp bức » (8).

Nói về chế độ xô viết là một hình thức của chuyên chính vô sản xuất hiện ở Nga sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã viết: « Chế độ xô viết là chủ nghĩa dân chủ mức cao nhất của công nhân và nông dân; đồng thời, nó bao hàm việc đoạn tuyệt với chế độ dân chủ tư sản và bao hàm việc xuất hiện của một chế độ dân chủ kiểu mới trong lịch sử thế giới, tức là chủ nghĩa dân chủ vô sản hay là chuyên chính vô sản » (9).

Chuyên chính vô sản là chế độ dân chủ mới, tức chế độ dân chủ vô sản.

(8) V.I. Lê-nin: *Những bài nói trước những đại hội Quốc tế công sản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr 30.

(9) V.I. Lê-nin: « Đề kỷ niệm lần thứ tư cuộc Cách mạng tháng Mười », *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, tr 522.

Lê-nin đã từng nói rằng nhiệm vụ của các đảng cộng sản ở các nước là phải « giải thích cho quần chúng công nhân rộng rãi hiểu rõ ý nghĩa to lớn có tính tất yếu chính trị và lịch sử của chế độ dân chủ mới, chế độ dân chủ vô sản, là chế độ phải thay thế chế độ dân chủ tư sản và chế độ đại nghị » (10). So sánh chế độ dân chủ vô sản và chế độ dân chủ tư sản, Lê-nin đã nói: « Chế độ dân chủ vô sản dân chủ hơn gấp một triệu lần bất cứ một chế độ dân chủ tư sản nào » (11).



Sau khi giành được chính quyền Nhà nước, tùy theo mức độ và hình thức phản kháng của kẻ thù giai cấp ở trong nước và ngoài nước, giai cấp công nhân dùng những hình thức đấu tranh thích hợp để buộc các giai cấp bóc lột phải phục tùng ý chí của mình. Các giai cấp bóc lột (giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản) không thể biến mất trong một thời gian ngắn dưới chuyên chính vô sản. Tuy đã bị đánh đổ nhưng chúng vẫn chưa bị tiêu diệt. Sức phản kháng của chúng càng tăng lên gấp bội. Tuy bị thất bại chúng vẫn còn những mối quan hệ xã hội rộng rãi ở trong nước và ở ngoài nước. Chúng có nhiều kinh nghiệm về quản lý Nhà nước, về đấu tranh chính trị và quân sự, về quản lý kinh tế. Sức mạnh của chúng còn nằm ở trong thói quen cũ, trong nền sản xuất nhỏ hằng ngày hàng giờ đề ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản một cách tự phát và trên quy mô rộng lớn. Dưới nền chuyên chính vô sản, giai cấp và đấu tranh giai cấp vẫn còn, nhất là trong thời gian đầu, tiếp sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, đấu tranh giai cấp chỉ thay đổi hình thức nhưng vẫn gay gắt.

Lê-nin dạy rằng: « Các giai cấp vẫn còn tồn tại và sẽ vẫn tồn tại bất cứ ở đâu, trong nhiều năm sau khi giai cấp

vô sản giành được chính quyền. » (12). Chuyên chính vô sản sử dụng những biện pháp tổng hợp, bạo lực và hòa bình, đổ máu và không đổ máu, quân sự và chính trị, hành chính và kinh tế, cưỡng bức và thuyết phục, v.v để chống lại mưu toan phục hồi của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ, để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Lê-nin đã nói: « Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản, là cả một thời đại lịch sử. Chẳng nào mà giai đoạn đó chưa chấm dứt, thì bọn bóc lột vẫn nuôi cái hy vọng hồi phục, hy vọng này ắt sẽ biến thành mưu toan đề hồi phục. » (13). Chủ nghĩa xã hội có nghĩa là xóa bỏ giai cấp. Chuyên chính vô sản cố gắng thực hiện việc xóa bỏ giai cấp, nhưng công cuộc đó không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn được. Lê-nin dạy rằng: « Ở thời đại chuyên chính vô sản, các giai cấp vẫn tồn tại, nhưng bộ mặt của mỗi một giai cấp đều có thay đổi; quan hệ giữa các giai cấp cũng biến đổi. Cuộc đấu tranh giai cấp chưa chấm dứt dưới thời chuyên chính vô sản, nó chỉ diễn biến ra dưới những hình thức khác mà thôi. » (14). Chuyên chính vô sản không có nghĩa là đình chỉ đấu tranh giai cấp mà là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới một hình thức mới và bằng những biện pháp

(10) V.I. Lê-nin: *Những bài nói trước những đại hội của Quốc tế cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1962, tr 44.

(11) V.I. Lê-nin: *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, *Tuyên tập*, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, tr 45.

(12) V.I. Lê-nin: « Bệnh sầu trí (bệnh « tá khuyển ») trong phong trào cộng sản », *Tuyên tập*, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1959 quyển II, phần II, tr 339.

(13) V.I. Lê-nin: « Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky », *Tuyên tập*, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 51.

(14) V.I. Lê-nin: « Kinh tế và chính trị trong thời kỳ chuyên chính vô sản », *Tuyên tập*, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, tr 263.

mới. Theo Lê-nin thì chuyên chính vô sản là cuộc đấu tranh anh dũng và quyết liệt của giai cấp vô sản chống lại một kẻ thù *mạnh hơn*, chống lại giai cấp tư sản là giai cấp có sức phản kháng tăng lên *gấp bội* do chỗ nó bị lật đổ. Việc xóa bỏ các giai cấp là kết quả của một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và bền bỉ, cuộc đấu tranh này sau khi lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản không phải đã chấm dứt mà chỉ thay đổi hình thức và về nhiều mặt, còn trở nên ác liệt hơn. Lê-nin dạy rằng: Chừng nào các giai cấp xã hội còn tồn tại, chừng nào giai cấp tư sản mới chỉ bị đánh đổ trong một nước, còn đang tăng gấp bội sức tiến công để chống lại chủ nghĩa xã hội trong phạm vi quốc tế, thì *chúng ta* vẫn còn cần phải có chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản đóng một vai trò to lớn, quyết định trong công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* đối với các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh và kinh tế cá thể, cũng như trong công cuộc xây dựng nền kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa.

Đánh đổ bọn địa chủ, tư bản, xóa bỏ các giai cấp bóc lột chỉ mới là một phần của công cuộc xóa bỏ giai cấp; và đó chưa phải là phần khó khăn nhất của công cuộc ấy. Muốn xóa bỏ giai cấp còn cần phải xóa bỏ sự khác nhau giữa công nhân và nông dân, làm cho tất cả mọi người đều trở thành những người lao động như nhau. Đây là nhiệm vụ vô cùng khó khăn, đòi hỏi phải có một thời gian rất dài mới có thể hoàn thành được. Nhiệm vụ này chỉ có thể hoàn thành bằng cách cải tổ lại toàn bộ nền kinh tế xã hội, bằng cách chuyển từ nền kinh tế sản xuất nhỏ, cá thể, sang nền kinh tế tập thể sản xuất theo quy mô lớn.

Nhiệm vụ khó khăn bậc nhất của chuyên chính vô sản không phải là ở chỗ dùng bạo lực để trấn áp bọn phản cách mạng mưu toan phục hồi

chế độ cũ — việc này đương nhiên không phải là dễ dàng. *Nhiệm vụ khó khăn nhất của chuyên chính vô sản là xây dựng và phát triển nền kinh tế mới và nền văn hóa mới*. Lê-nin đã dạy rằng: «Chuyên chính vô sản không chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực đó, cái bảo đảm cho sức sống và sự thắng lợi của nó, chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn, so với chủ nghĩa tư bản. Đây là điểm chủ yếu của vấn đề » (15).

Nhiệm vụ chủ yếu của chuyên chính vô sản là xây dựng xã hội mới. Có xây dựng thành công nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thì mới xóa bỏ được hoàn toàn giai cấp và nguồn gốc sinh ra giai cấp, mới đem lại hạnh phúc cho nhân dân và làm cho nước nhà giàu mạnh, mới làm cho chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi hoàn toàn và vĩnh viễn.

Sau khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội — tức giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản — chuyên chính vô sản vẫn chưa hết tác dụng đối nội. Nó còn phải tiếp tục làm nhiệm vụ đấu tranh để khắc phục những tàn dư của giai cấp bóc lột, cùng những thói quen của xã hội cũ; còn phải tổ chức lao động và giáo dục đạo đức cộng sản chủ nghĩa cho quần chúng lao động, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, nâng cao dân chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất lên thành chế độ sở hữu toàn dân, xóa bỏ dần sự khác nhau về giai cấp giữa công nhân và nông dân tập thể, xóa bỏ dần sự khác nhau về căn bản giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và lao động trí óc. Trong thời kỳ này, mũi nhọn của chuyên chính vô sản chủ yếu chỉ

(15) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 29, tr 469.

vào bọn đế quốc bên ngoài và các hạng tay sai của chúng còn lên lút hoạt động phá hoại ở trong nước.

Chỉ khi nào xã hội phát triển đến giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản và không phân chia giai cấp nữa thì chuyên chính vô sản mới hoàn thành chức năng của nó và Nhà nước vô sản mới tự tiêu vong. Lê-nin đã nói: « Sau cùng, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới làm cho Nhà nước trở nên hoàn toàn xó dụng, vì lúc bấy giờ không còn ai đề trấn áp, « ai » hiểu theo nghĩa *giai cấp*, không còn phải đấu tranh có hệ thống chống một bộ phận dân cư nhất định nào đó » (16). Lê-nin còn nói: « Muốn cho Nhà nước mất hẳn đi, thì phải có chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn » (17). Chỉ khi nào công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản hoàn thành thì dự kiến thiên tài sau đây của Angghen mới trở thành hiện thực: « Giai cấp mất đi thì Nhà nước nhất định phải mất theo. Xã hội sẽ tổ chức lại sản xuất trên cơ sở liên hợp tự do và bình đẳng giữa những người sản xuất và sẽ xếp tất cả bộ máy Nhà nước vào chỗ dành riêng cho nó lúc ấy: vào Viện bảo tàng vật cổ, bên cạnh cái xa quay sợi và chiếc búa bằng đồng ».

Chừng nào Nhà nước chuyên chính vô sản vẫn còn thì vẫn còn dang của giai cấp vô sản và tính chất giai cấp của đảng đó vẫn không thay đổi. Chừng nào đảng của giai cấp vô sản tồn tại thì nó phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí về tư tưởng và hành động, chống lại những sự dao động làm yếu những nguyên tắc của đảng và làm lợi cho kẻ thù giai cấp của cách mạng vô sản. Lê-nin đã dạy rằng kinh nghiệm của tất cả các cuộc cách mạng từ trước đều chứng tỏ một cách hoàn toàn rõ ràng và chắc chắn rằng: « nếu đòi tiên phong cách mạng của giai cấp vô sản mà lại lỏng lẻo một chút về mặt nhất trí, về mặt lực lượng và về mặt ảnh hưởng của mình, thì những sự dao động ấy không thể không dẫn

đến kết quả nào khác hơn là khôi phục lại chính quyền và chế độ tư hữu của bọn tư bản và địa chủ » (18).



Chủ nghĩa Mác — Lê-nin không phải là một giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động. Những người cộng sản ở mỗi nước vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước mình để vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn nhằm đưa cách mạng nước mình đến thắng lợi. Lê-nin đã từng dạy rằng chừng nào giữa các nước còn có những sự khác nhau về dân tộc, — những sự khác nhau này, ngay cả sau khi chuyên chính vô sản đã được thiết lập trên toàn thế giới, vẫn tồn tại trong thời gian rất lâu — thì chừng đó, sự thống nhất sách lược quốc tế của phong trào cộng sản các nước không đòi hỏi phải thủ tiêu sự khác nhau về dân tộc, mà đòi hỏi phải vận dụng những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa cộng sản (về chuyên chính vô sản) sao cho những nguyên tắc ấy được cải biến đúng đắn trong những vấn đề chi tiết, sao cho những nguyên tắc ấy thích ứng và áp dụng được vào tình hình khác nhau của các dân tộc và các nước. Vì vậy mỗi Đảng cần phải tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện những đặc điểm dân tộc trong cách thức cụ thể mà mỗi dân tộc dùng để giải quyết vấn đề chung của cách mạng thế giới là thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Nên cao tinh thần độc lập tự chủ. Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ

(16) V.I. Lê-nin: « Nhà nước và cách mạng », *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1959, quyển II, phần I, trang 233.

(17) Như trên, trang 257.

(18) V.I. Lê-nin: « Dự thảo nghị quyết Đại hội lần thứ 10 Đảng cộng sản Nga về thiên hướng công đoàn chủ nghĩa », *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1959, quyển II, phần II, trang 466.

nghĩa Mác - Lê-nin về chuyên chính vô sản vào điều kiện cụ thể của nước ta và đã giải quyết một cách đúng đắn vấn đề cơ bản của cách mạng, tức vấn đề chính quyền Nhà nước. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã đề ra hình thức tổ chức chính quyền Nhà nước cách mạng ở nước ta. Trong *Chánh cương vắn tắt* do Hồ Chủ tịch soạn thảo và được Hội nghị hợp nhất Đảng ngày 3-2-1930 thông qua, bên cạnh các khẩu hiệu «Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến», «Làm cho nước Việt-nam hoàn toàn độc lập» là các khẩu hiệu: «Dựng ra chính phủ công nông binh», «Tổ chức ra quân đội công nông».

Trong *Luận cương chính trị* của Đảng do đồng chí Trần-Phú soạn thảo và được Hội nghị thứ nhất của Trung ương Đảng cuối năm 1930 thông qua có nói rõ: cách mạng nước ta trong lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền rồi tiến lên con đường cách mạng vô sản; sự cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, đánh đổ phong kiến, làm cho nước ta hoàn toàn độc lập. *Luận cương chính trị* viết: «Muốn thực hành được những điều cốt yếu ấy thì phải dựng lên chính quyền xô viết công nông. Chỉ có chính quyền xô viết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến, địa chủ, làm cho dân cây có ruộng mà cây, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ cho mình». *Luận cương chính trị* vạch rõ giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng Việt-nam; quyền lãnh đạo cách mạng thuộc về giai cấp vô sản. *Luận cương chính trị* viết: «Muốn lập công nông chuyên chính thì vô sản giai cấp phải lãnh đạo cho đại đa số quần chúng lao khổ, nhất là dân cây». *Luận cương chính trị* còn nói rõ: «Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ (ngã) về phe

cách mạng, quần chúng công nông thì xô nổi cách mạng, quyết hy sinh phấn đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân mà giành lấy chính quyền cho công nông».

Trong *Chỉ thị về vấn đề chính đồn nông hội đỏ* ngày 20-3-1931, Ban chấp hành trung ương Đảng đã nói rõ: «Cách mạng giành được chính quyền thì hình thức chính quyền là công nông chuyên chính, do vô sản lãnh đạo». Đây là một bước cần thiết để tiến lên giai đoạn thứ hai là giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản.

Ngay sau khi Đảng ta thành lập, một phong trào cách mạng rộng rãi của quần chúng đã bùng lên khắp nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng công nông Nghệ-an và Hà-tĩnh đã nổi dậy đánh đổ bọn cai trị thực dân và phong kiến, thành lập chính quyền xô viết công nông ở một số vùng nông thôn. Xô viết Nghệ - Tĩnh tuy thất bại nhưng đã chứng tỏ khả năng cách mạng rất to lớn của quần chúng công nông.

Từ năm 1936, đứng trước nguy cơ phát xít và chiến tranh đế quốc, Đảng ta chuyển hướng đấu tranh từ bị mật sang hợp pháp và nửa hợp pháp, đòi tự do dân chủ, đòi cải thiện đời sống, chống phát xít xâm lược, bảo vệ hòa bình.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng ta chuyển hướng công tác vào bị mật, tích cực xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng cuối năm 1939 đã nêu khẩu hiệu «Lập chính phủ cộng hòa dân chủ». Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng năm 1941 thông qua *Chương trình Việt minh* trong đó có ghi rõ «Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp - Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân

của Việt-nam dân chủ cộng hòa lấy cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc».

✱

Tháng 8 năm 1945, nhân thời cơ thuận lợi, Đảng ta đã phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, xóa bỏ Nhà nước của bọn thực dân, phong kiến, lập ra nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhà nước cộng hòa dân chủ ra đời ở Việt-nam từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là *một Nhà nước kiểu mới*. Nó không phải là Nhà nước dân chủ kiểu cũ, tức Nhà nước dân chủ tư sản, ra đời sau thắng lợi của cách mạng tư sản kiểu cũ. Nó là *Nhà nước dân chủ kiểu mới* ra đời sau thắng lợi của *một cuộc cách mạng dân chủ kiểu mới*, tức thắng lợi của *cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo*. Nó thuộc phạm trù của Nhà nước vô sản. Nó theo những quy luật chung về phát sinh, phát triển và tự tiêu vong của Nhà nước vô sản nói chung trên thế giới. Đồng thời nó có những quy luật riêng của Nhà nước cách mạng trong điều kiện riêng biệt của nước Việt-nam. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng của giai cấp công nhân, trong giai đoạn đầu nó thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; bước qua giai đoạn thứ hai nó thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hồ Chủ tịch đã nói: «Các cơ quan của Chính phủ, từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh vác công việc chung cho dân». Hồ Chủ tịch còn nói: «Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt-nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước».

Năm vững công cụ sắc bén là Nhà nước cách mạng, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất Tổ quốc, đưa cách mạng Việt-nam chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 25-4-1976 nhân dân ta, từ Cao-lăng đến Minh-hải đã tiến hành Tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội chung của cả nước. Ngày 2-7-1976, Quốc hội quyết định thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản vì nó thể hiện và thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội chung của cả nước, đồng chí Lê-Duẩn đã nêu rõ: «*Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nông, thực hiện bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng liên phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản. Nhà nước ta, vì vậy, là Nhà nước chuyên chính vô sản*»

Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản vì nó có sứ mệnh lịch sử động viên và tổ chức nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế quốc dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội; đập tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù; thực hiện xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp

Trong chế độ ta, nhân dân lao động là người làm chủ tập thể đất nước. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và chuyên chính vô sản không tách rời nhau. Không

có chuyên chính vô sản thì không thể thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Không thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì không củng cố và tăng cường được chuyên chính vô sản. Nghị quyết Đại hội thứ tư của Đảng có nói rõ: «Đề đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động».

Trong nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, vai trò quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, vai trò làm chủ của nhân dân, được quy định rõ ràng. Hiến pháp nước ta nêu rõ: «Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tất cả quyền lực thuộc về nhân dân» (Chương 1, điều 6). Nhân dân ta làm chủ đất nước chủ yếu bằng Nhà nước. Tính chất giai cấp của Nhà nước ta được thể hiện rõ ở mục tiêu, đường lối, chính sách, biện pháp của Nhà nước. Thông qua việc quản lý của Nhà nước, Đảng thực hiện quyền lãnh đạo của mình đối với xã hội. Vì vậy Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản do Đảng ta lãnh đạo.

Vì sao nước ta phải lập Nhà nước chuyên chính vô sản mà không đi theo chế độ dân chủ tư sản? Đó là vì nhân dân ta kiên quyết đi lên chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Con đường của chủ nghĩa tư bản, với chế độ áp bức, bóc lột vô cùng tàn bạo, là con đường đau khổ, đầy máu và nước mắt đối với nhân dân lao động. Nếu đi theo chế độ dân chủ tư sản thì chính quyền Nhà nước sẽ

rơi vào tay một số ít nhà tư bản giàu sù, ngồi mát ăn bát vàng, tha hồ áp bức bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động, còn đông đảo nhân dân chỉ là những người nô lệ làm thuê. Đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa thì nước nhà không thể giàu mạnh được, mà cuối cùng sẽ rơi vào cảnh phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc. Chỉ có lập Nhà nước chuyên chính vô sản, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới có thể đưa nước nhà đến phần vinh, toàn dân đều hạnh phúc, bảo đảm cho nước ta vĩnh viễn độc lập, dân ta vĩnh viễn tự do. Chỉ có đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mới có thể xóa bỏ mọi hình thức áp bức bóc lột, xóa bỏ mọi nguồn gốc phân chia giai cấp, mới có thể tạo nên sự thống nhất hoàn chỉnh về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội trong nước, sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn dân. Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu của cách mạng nước ta, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người trong thời đại chúng ta.

Tháng 7-1976 Quốc hội ta đã quyết nghị tên nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Thể hiện ý chí và nguyện vọng của đồng bào cả nước. Quốc hội ta đã quyết nghị nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải có Nhà nước chuyên chính vô sản. Chỉ có chuyên chính vô sản mới đem lại quyền làm chủ tập thể thật sự cho nhân dân lao động. Chỉ có với Nhà nước chuyên chính vô sản, Tổ quốc ta mới thật sự giàu mạnh, nhân dân ta mới thật sự tự do hạnh phúc. Vì vậy Hiến pháp nước ta ghi rõ Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản.

BỔ TRÍ CƠ CẤU KINH TẾ HỢP LÝ ĐỂ SỬ DỤNG TỐT NHẤT NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ ĐẤT ĐAI CỦA NƯỚC TA

CHÉ-VIẾT-TẤN

NĂM 1981 là năm đầu của kế hoạch

5 năm thứ ba (1981 — 1985), một kế hoạch 5 năm có ý nghĩa rất lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Việc bố trí cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý được thể hiện trong nội dung kế hoạch Nhà nước năm 1981 đã được Hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV vạch ra mô đầu cho việc bố trí hợp lý cơ cấu kinh tế trong kế hoạch 5 năm thứ ba (1981—1985) nhằm phát huy các mặt tích cực của cơ cấu hiện có, khắc phục những mặt cần đổi, những bất hợp lý do lịch sử để lại trong cơ cấu kinh tế hiện nay.

Cơ cấu kinh tế là quan hệ tỷ lệ giữa các ngành kinh tế quốc dân và các bộ phận cấu thành chủ yếu của nó. Thông thường, cơ cấu kinh tế của mỗi nước chịu ảnh hưởng của các nhân tố như: điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên; sự thay đổi trong nhu cầu của xã hội; trình độ khoa học kỹ thuật; nhiệm vụ chính trị của đất nước; và cuối cùng là sự phân công lao động hợp tác quốc tế. Như Đại hội thứ IV của Đảng đã xác định, cơ cấu kinh tế ấy đối với nước ta về lâu dài là *cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại*, được hình thành qua quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo đường lối “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ”, làm cho nông nghiệp và công nghiệp luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, kết hợp thành một thể thống nhất. Cơ cấu kinh tế công—nông nghiệp mà chúng

ta cần xây dựng là *cơ cấu kinh tế thống nhất của cả nước bao gồm kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp giữa việc phát triển kinh tế trong nước là chính với việc mở rộng phân công, hợp tác quốc tế*. Trong cơ cấu kinh tế ấy, cơ cấu công—nông nghiệp là cơ cấu cơ bản và sẽ tùy tình hình trên từng địa bàn cụ thể mà hình thành cơ cấu kinh tế của từng vùng lãnh thổ, của từng địa phương (huyện, tỉnh, thành phố).

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp hoặc nói cụ thể hơn là quan hệ giữa nông nghiệp— công nghiệp nặng và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là một vấn đề cực kỳ quan trọng trong quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế nước ta. Chúng ta quan niệm rằng, trong mối quan hệ đó, công nghiệp là nền tảng chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, và nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng là mấu chốt của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chính là vì công nghiệp nặng là nền tảng của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Song việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng được đặt ra với mức độ khác nhau tùy theo điều kiện từng nước trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Trong khi coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, gắn liền với việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, cả về tốc độ phát triển, về cơ cấu và quy mô. Đồng chí Lê-

Duân đã chỉ ra, chúng ta phải "làm cho nông nghiệp và công nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, cùng phát triển nhịp nhàng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. mỗi bước phát triển luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, phục vụ cho nhau" (1).

Đối với nước ta, sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là các mặt hàng xuất khẩu của các ngành này có tác dụng đặc biệt quan trọng đối với quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa về nhiều mặt: giải quyết khó khăn trong đời sống, bảo đảm yêu cầu về lương thực, thực phẩm cho nước ta với số dân là 60 triệu người vào năm 1985, nguyên liệu cho công nghiệp, tạo ra việc làm để sử dụng tốt 30 triệu người lao động sẽ có vào năm 1985, phân bố lại lao động trên quy mô lớn, thực hiện phân công mới lao động, tạo ra công việc làm cho 7 triệu người lao động cần phải sắp xếp việc làm trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ ba (1981-1985), gồm số người lao động chưa được sắp xếp việc làm và số người lao động tăng thêm. Việc sử dụng tốt nguồn lao động xã hội, nâng cao năng suất lao động xã hội, tạo nguồn hàng xuất khẩu quan trọng phục vụ yêu cầu phát triển của công nghiệp và các ngành khác, sẽ thúc đẩy cơ cấu công-nông nghiệp ngày càng phát triển và lớn mạnh.

Cơ cấu kinh tế của ta hiện nay là cơ cấu kinh tế mới được thống nhất lại trong cả nước, còn nhiều mặt không hợp lý và mất cân đối do chế độ cũ để lại.

Nền kinh tế nước ta hiện nay, tuy đã có một số cơ sở sản xuất lớn, song phổ biến vẫn còn là sản xuất nhỏ. Đặc điểm cơ bản ấy nói lên cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay vẫn còn nhiều nhược điểm của một cơ cấu quá quật, không cân đối, không đồng

bộ, còn nhiều dấu vết của thời kỳ lịch sử lâu dài dưới chế độ thực dân cũ và mới và của nhiều năm chiến tranh liên miên.

Tình hình đó đòi hỏi, từ kế hoạch năm 1981, chúng ta phải thấy thật rõ đặc điểm cách mạng và thực trạng của tình hình kinh tế nước ta, từ đó quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng để tiếp tục bố trí cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý hơn, coi đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để khắc phục những khó khăn, mất cân đối trong nền kinh tế hiện nay, đồng thời tạo cho nền kinh tế những cân đối mới và một thế mới để tiến lên mạnh mẽ trong những năm sau. Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế là hết sức cần thiết để bảo đảm những nhiệm vụ kinh tế, chính trị của thời kỳ mới, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Việc bố trí cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý là một công việc phải tiến hành có cân nhắc, có tính toán, phải được chỉ đạo thận trọng, chặt chẽ và có mặt phải bố trí lại một số năm với những nội dung chính sau đây:

Bố trí lại cơ cấu đầu tư cơ bản là một việc có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với toàn bộ quá trình hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc xác định đúng đắn cơ cấu đầu tư cơ bản lại càng có ý nghĩa quan trọng khi thu nhập quốc dân của ta còn thấp, khả năng đầu tư có hạn.

Kinh nghiệm chỉ rõ, trong khi xác định cơ cấu đầu tư cơ bản, phải quán triệt thật sâu sắc phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch kinh tế-xã hội. Trong những năm trước mắt,

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 57.

phải dành ưu tiên cho việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất lương thực, thực phẩm, một số hàng tiêu dùng thiết yếu và cho xuất khẩu, cho thăm dò và khai thác dầu khí. Chúng ta coi việc đầu tư để tận dụng lao động và đất đai là một hướng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong điều kiện khả năng của Nhà nước về vốn đầu tư, quỹ lương thực cũng như khả năng cung ứng năng lượng, nguyên liệu có hạn, thì việc phát huy mạnh mẽ khả năng hiện có của từng đơn vị, từng cơ sở sản xuất, nhất là trên địa bàn huyện, dựa vào sức dân để mở rộng sản xuất, lấy đầu tư về lao động sống chuyển thành lao động vật hóa có ý nghĩa và tác dụng rất lớn, không thể coi nhẹ. Đường nhiên, để cân đối đồng bộ việc đầu tư, tạo điều kiện phát huy mọi khả năng đầu tư của Nhà nước và nhân dân, cần bố trí vốn đầu tư với một tỷ lệ thích đáng cho các ngành phục vụ các nhiệm vụ ấy như: điện, than, giao thông vận tải, cơ khí. Trong tình hình khả năng vốn đầu tư có hạn, và nhất là công suất máy móc, thiết bị của nhiều cơ sở hiện nay chưa được tận dụng, nên chú trọng đầu tư chiều sâu, đầu tư nhỏ để khai thác khả năng lao động phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Vốn đầu tư cần được bố trí cân đối giữa yêu cầu và khả năng xây dựng nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế trong xây dựng.

Đề bảo đảm đầu tư theo đúng cơ cấu cần thiết, cần soát xét một cách toàn diện các công trình xây dựng. Một số hạng mục công trình không có điều kiện xây dựng hoặc không bảo đảm hiệu quả kinh tế thì kiên quyết không xây dựng. Những công trình quan trọng cần được tập trung lực lượng để xây dựng nhanh. Các công trình dưới hạn ngạch cần được quản lý chặt chẽ hơn. Đề việc xây dựng được nhanh, gọn, dứt điểm, cần tăng cường các công tác chuẩn bị ban đầu, công tác thiết kế và thi công, khắc

phục tình trạng xây dựng phân tán, tràn lan, kéo dài, dở dang, lãng phí. Chỉ có như vậy mới có thể xây dựng tốt những công trình cần thiết, đạt được các mục tiêu trọng điểm đã đề ra.

Một số mặt trong cơ cấu lực lượng sản xuất cũng cần được bố trí lại, dành vật tư, năng lượng, thiết bị cho việc sản xuất lương thực, thực phẩm, cho việc sử dụng tốt hơn nữa các khả năng hiện có, tạo điều kiện tăng dần năng suất lao động xã hội, tạo điều kiện phát triển nhanh lực lượng sản xuất trong các kế hoạch sau.

Ta có một mạng lưới các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp từ trung ương đến địa phương, do nhiều bộ quản lý. Thế nhưng, có những xí nghiệp hoạt động không có hiệu quả, hoặc gặp khó khăn về nguyên liệu, năng lượng... Do đó, cần xem xét lại các xí nghiệp ấy để có sự phân loại cần thiết, có kế hoạch xử lý từng trường hợp cụ thể. Những cơ sở sản xuất không có điều kiện hoạt động hoặc thua lỗ kéo dài thì phải tinh lại: củng cố, bổ sung, sửa đổi hoặc phải đình bản, dành vật tư, năng lượng cho những cơ sở làm ăn khá hoặc những cơ sở quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân.

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cũng cần được xem xét lại, bảo đảm sự cân đối giữa công nghiệp chế biến với công nghiệp khai thác, công nghiệp sản xuất nguyên liệu, theo hướng phát triển sản xuất nguyên liệu, chỉ xây dựng mới các cơ sở công nghiệp chế biến khi đã sử dụng hết công suất của các cơ sở chế biến hiện có. Cần xem xét đề bố trí lại cơ cấu của công nghiệp nhẹ, của cơ khí chế tạo, công nghiệp thực phẩm...

Trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, việc phân công lao động mới với đầy đủ nội dung của nó là hết sức cần thiết. Hiện nay, một số vấn đề về cơ

cấu lao động như vấn đề đào tạo, sử dụng lực lượng lao động khoa học, kỹ thuật, bố trí lại cơ cấu lao động giữa các vùng trong nước, giữa các ngành nghề... đang được đề ra để nghiên cứu và sẽ giải quyết tốt hơn. Phương hướng lâu dài của chúng ta là tiến hành cơ giới hóa và từng phần tự động hóa, nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội, song tốc độ và quy mô cơ giới hóa cần được xác định hợp lý, phù hợp với khả năng thực tế trong từng thời kỳ. Trong điều kiện lao động còn dồi dào, mà khả năng vật chất (xăng dầu, xe, máy...) có hạn, việc sử dụng lao động thủ công phải trở thành phương hướng quan trọng ở các ngành, các cấp, nhất là trong nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, vận tải, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu...

Kết cấu kinh tế hạ tầng là những cơ sở vật chất có ý nghĩa và tác dụng rất quan trọng đối với quá trình tái sản xuất xã hội, cần được tăng cường. Nổi bật nhất hiện nay ở nước ta là sự chênh lệch, mất cân đối khá lớn giữa kết cấu kinh tế hạ tầng với sản xuất, lưu thông. Năng lực vận tải hiện nay, kể cả phương tiện, đường sá, bến bãi, kho tàng... không đáp ứng yêu cầu, gây trở ngại lớn đến các hoạt động sản xuất, xây dựng. Vì vậy, việc cải tiến quản lý, tăng thêm năng lực giao thông vận tải, trước hết là ở các cảng biển, trên trục giao thông bắc, nam và ở một số tuyến chiến lược, có ý nghĩa rất to lớn.

Cơ cấu phân phối lưu thông có tác dụng rất quan trọng đối với việc mở đường và thúc đẩy sản xuất phát triển, phân công lại lao động xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, điều tiết lại sự phân phối thu nhập quốc dân cho hợp lý, tạo thế cân đối mới cho nền kinh tế. Vì vậy, trong tình hình nước ta hiện nay, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, chúng ta

đặc biệt coi trọng việc bố trí lại cơ cấu phân phối lưu thông theo phương hướng, chủ trương được Bộ chính trị đề ra trong nghị quyết 26, nhằm tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ trên mặt trận phân phối lưu thông, ổn định tài chính tiền tệ. Giải quyết tốt vấn đề giá cả, tiền lương nhằm phát huy hiệu lực các công cụ đòn bẩy trong việc phát triển sản xuất, bảo đảm Nhà nước làm chủ được thị trường, phục vụ tốt đời sống nhân dân, không để bọn buôn bán đầu cơ hoạt động lũng đoạn thị trường. Theo hướng đó, chúng ta sắp xếp lại mạng lưới cung ứng vật tư kỹ thuật, mạng lưới thu mua, mạng lưới bán buôn, và bán lẻ hàng tiêu dùng cho hợp lý hơn. Gắn với việc bố trí lại cơ cấu phân phối lưu thông đó, việc bố trí lại cơ cấu tiêu dùng (tiêu dùng cho sản xuất và cho đời sống), điều chỉnh lại nhu cầu, tập trung trước hết cho những nhu cầu bức thiết nhất của sản xuất, xây dựng, đời sống, là rất cần thiết.

Quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại của nước ta gắn liền với quá trình vừa *xây dựng kinh tế trung ương* vừa *phát triển kinh tế địa phương*, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một quá trình phát triển tổng hợp, kết hợp tuần tự với nhảy vọt, kết hợp những sự cân đối chung trong phạm vi cả nước với những sự cân đối riêng trong phạm vi từng địa phương và từng ngành, kết hợp sự phát triển tập trung thống nhất từ trên xuống với sự phát triển rộng rãi từ dưới lên. Do đó, xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương cũng là sự phát triển có tính quy luật của cơ cấu kinh tế ở nước ta » (2).

(2) Lê-Duẩn: « *Mấy vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc* », *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, tr. 330.

Việc đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu trong những năm trước mắt đang đòi hỏi phát triển mạnh kinh tế địa phương. Điều do đòi hỏi sức vươn lên rất mạnh mẽ của các địa phương, nhất là về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, kết hợp chặt chẽ hai thể mạnh, hai tiềm năng to lớn của chúng ta là *lao động và đất đai* ở khắp các địa phương; đồng thời cũng đòi hỏi trung ương phải xúc tiến những công việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của trung ương, tạo điều kiện cho kinh tế địa phương phát triển. Đó là việc định ra chiến lược kinh tế chung của cả nước, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, các định mức, tiêu chuẩn kinh tế-kỹ thuật, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, ban hành những chính sách lớn về phát triển kinh tế, v.v.

Quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng nói trên trong những năm trước mắt đang được diễn ra trong thời kỳ quá độ, mà nền kinh tế có nhiều thành phần, do đó, việc xác định cơ cấu các thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân thống nhất là rất quan trọng. Như Đảng ta đã xác định, miền Bắc nước ta hiện nay có ba thành phần kinh tế, miền Nam trước mắt còn có năm thành phần kinh tế, trong đó, *kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo*. Chúng ta xác định rõ vị trí và tác dụng của mỗi thành phần kinh tế, trong đó phải thấy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh và phải không ngừng tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, đồng thời cũng thấy rõ vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế khác để có chính sách, chủ trương sử dụng có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Việc bố trí cơ cấu kinh tế nước ta trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 không thể không tính đến những yêu cầu cũng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh của Tổ quốc chống lại mọi âm mưu phá hoại, gây chiến tranh của bọn bành trướng, bá

quyền Trung-quốc đối với nước ta.

Cơ cấu kinh tế nước ta được hình thành chủ yếu trên cơ sở những nhân tố bên trong của đất nước. Song trong điều kiện hiện nay, một mặt chúng ta phải tính đến những tác động có phần phức tạp của các nhân tố bên ngoài, mặt khác cần thấy trong thời kỳ tới, chúng ta có thuận lợi lớn, đó là sự liên minh và hợp tác toàn diện với Liên-xô, mối quan hệ liên minh hợp tác với hai nước anh em Lào và Campuchia, sự giúp đỡ và hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đặc biệt là sự liên kết kinh tế giữa nước ta với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Nhân tố này tác động sâu sắc đến việc hình thành cơ cấu kinh tế nước ta và sẽ góp phần bảo đảm cho tái sản xuất mở rộng được tiến hành thuận lợi.



Đề tạo ra một cơ cấu kinh tế mà nòng cốt là cơ cấu công-nông nghiệp hiện đại, trong những năm trước mắt, cần thiết *chuyển biến một cách sâu sắc toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế - xã hội của nước ta, trong đó quan trọng nhất là đổi mới công tác kế hoạch hóa và cải tiến quản lý kinh tế*. Chúng ta phải nghiên cứu đề ra một hệ thống những chủ trương, biện pháp có tính chất cơ bản, lâu dài về kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân, đồng thời lại phải đề ra và giải quyết những vấn đề nóng hổi trong kế hoạch hóa và quản lý để làm chuyển biến tình hình kinh tế và đời sống hiện nay. Công tác kế hoạch hóa phải góp phần thúc đẩy quá trình tổ chức lại sản xuất gắn với sử dụng tốt lao động và đất đai, trong toàn bộ nền kinh tế, ở từng ngành, từng vùng kinh tế, mà bắt đầu ngay từ trong mỗi đơn vị kinh tế cơ sở. Nội dung tổ chức lại sản xuất, tận dụng lao động và đất đai chưa thể hiện được rõ nét trong kế hoạch của chúng ta

hiện nay, nhất là trong kế hoạch huyện, nơi Đảng ta coi là địa bàn đề tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động.

Quá trình tổ chức lại nền sản xuất ấy chính là quá trình làm cho sản xuất lớn không ngừng hình thành và phát triển và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế hoạch hóa mở rộng phạm vi tác động của mình. Việc đổi mới công tác kế hoạch hóa ở buổi đầu của thời kỳ quá độ đòi hỏi phải chú trọng mở rộng không ngừng các đối tượng kế hoạch hóa và nâng cao hiệu lực của kế hoạch hóa không phải chỉ bằng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, mà còn bằng việc kết hợp các đòn bẩy kinh tế và những hình thức, phương pháp có hiệu lực, phù hợp với tính đa dạng của nền kinh tế. Nói cách khác, ở nước ta hiện nay, phải kế hoạch hóa ngay sự hình thành đối tượng cho chính công tác kế hoạch hóa, mở rộng phạm vi tác động cho chính nó, chứ không phải kế hoạch hóa một nền sản xuất lớn đã có sẵn, nay chỉ còn tạo ra những quan hệ tỷ lệ mới. Có thể coi đây là một đặc điểm của công tác kế hoạch hóa ở nước ta trong buổi đầu của thời kỳ quá độ. Chủ trương của Đảng ta về việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp là một bộ phận trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, phù hợp với đặc điểm nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của cả nước. Nhiệm vụ của công tác kế hoạch hóa là phải thể hiện chủ trương đó thành nội dung kế hoạch. Trong tình hình hiện nay, nội dung chủ yếu của kế hoạch huyện chính là tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; dùng các chỉ tiêu kế hoạch kết hợp chặt chẽ với các biện pháp khác mà tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động xã hội theo hướng chuyên môn hóa, hợp

tác hóa, liên hiệp sản xuất của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, theo phương hướng kế hoạch và quy hoạch của tỉnh và của trung ương.

Sự hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại của cả nước bắt đầu từ việc tổ chức lại sản xuất gắn liền với phát triển sản xuất. Ở các đơn vị kinh tế, các huyện, các tỉnh, thành phố và các ngành kinh tế kỹ thuật, trong việc bố trí kế hoạch 5 năm thứ ba (1981 - 1985) và kế hoạch năm 1981, chúng ta cần đánh giá đúng thực trạng của tình hình kinh tế hiện nay, các đặc điểm trong buổi đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta, từ đó, xác định một chiến lược kinh tế với cơ cấu và bước đi thích hợp. Đây là vấn đề lớn trong việc quán triệt đường lối của Đảng, cần được xác định trong quá trình xây dựng, tổng hợp các kế hoạch dài hạn, 5 năm, hằng năm. Chúng ta cần quan tâm giải quyết các vấn đề do thực trạng của nền kinh tế của đất nước đặt ra trong những năm trước mắt để có những thay đổi cơ bản trên nhiều hướng "làm ăn", xây dựng cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý để phát huy cao độ hai thứ vốn quý nhất sản có là lao động và đất đai, sử dụng tốt cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có và sẽ tăng thêm, bố trí hợp lý quan hệ giữa sử dụng lao động cơ giới hóa và lao động thủ công nhằm tạo ra nhiều công việc làm, sử dụng tốt lực lượng lao động. Có như thế mới giải quyết được về cơ bản nhu cầu ăn, mặc, ở, học, cải thiện từng bước việc đi lại, chữa bệnh, đáp ứng ngày một tốt hơn những nhu cầu về hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn, khai thác dầu mỏ, khí đốt, khai thác các tài nguyên phong phú của đất nước, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế xã hội, tạo ra sự cân đối đầu tiên làm bàn đạp vững chắc để đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta từng bước tiến lên.

Cu-ba đẩy mạnh xây dựng kinh tế và cải tiến quản lý

LÝ-VĂN-SÁU

ĐẠI HỘI THỨ II ĐẢNG CỘNG SẢN CU-BA, họp từ 17 đến 20-12-1980, xác định mục tiêu của thời kỳ kế hoạch 5 năm thứ hai (1981 - 1985) là tiến một bước quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Một trong những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch mới là tăng 25% tổng sản phẩm xã hội. Trong 5 năm tới, đi đôi với việc phát triển nông nghiệp, Cu-ba tiếp tục đặt trọng tâm phấn đấu vào việc thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian qua, sản phẩm chủ yếu của Cu-ba là mía, đường, cam, chanh, bưởi, thuốc lá, gia súc và cá biển. Mũi nhọn xuất khẩu là đường, thuốc lá, cam, chanh, bưởi, cá, tôm... Ngoài ra còn có kền. Những ngành sản xuất các sản phẩm nói trên sẽ được phát triển theo quy mô lớn, theo kế hoạch phân công lao động quốc tế của Hội đồng tương trợ kinh tế. Đây là những mặt hàng có sức năng thật sự trên thị trường quốc tế và là nguồn tích lũy quan trọng nhất, trong đó, đường vẫn chiếm trên 80% giá trị xuất khẩu của Cu-ba. Việc tăng sản lượng các mặt hàng này là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của đất nước. Điều kiện để tăng sản lượng là mở rộng diện tích trồng trọt, cải tạo giống, giải quyết vấn đề phân bón, xây dựng hệ thống thủy lợi, tăng công suất các nhà máy đường, các nhà máy chế biến các loại nông sản ngoài đường, các kho đông lạnh... Đồng thời, phải phát triển những ngành công nghiệp có liên quan như điện, cơ khí, giao thông vận tải, cảng, hóa chất.. Như vậy, đường lối chủ trương phát

triển nông nghiệp trong giai đoạn đầu không chỉ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mà ngay từ đầu đã thúc đẩy công nghiệp phát triển. Rõ ràng, đối với Cu-ba, trong thời gian vừa qua và trước mắt, nông nghiệp vừa là cơ sở vừa là động lực để phát triển công nghiệp.

Về nông nghiệp, Cu-ba tiếp tục cố gắng phát triển nhiều ngành nghề trên cơ sở khoa học kỹ thuật tiên tiến. So với năm 1958, năm trước cách mạng, diện tích đất nông nghiệp của Cu-ba hiện nay tăng gấp hai lần. Hiện nay bình quân một người dân Cu-ba có nửa héc ta đất nông nghiệp (số dân Cu-ba hiện nay là 10 triệu). Ngoài mía, Cu-ba còn có ngành trồng lúa với sản lượng năm 1980 gần đủ dùng trong nước; kế hoạch dự kiến năm 1985 sẽ có 61 vạn tấn. Các loại cây ăn quả như cam, chanh, bưởi và cây công nghiệp như cà phê, thuốc lá... phát triển với quy mô lớn. Riêng diện tích trồng cam, chanh, bưởi đã lên tới 100000 ha. Ngoài các ngành trồng trọt, Cu-ba còn có ngành đánh cá khá phát triển với đội tàu có thể hoạt động ở đại dương. Riêng giá trị tôm xuất khẩu năm 1977 đạt 70 triệu đô la, tăng 14 lần so với trước cách mạng. Đàn bò của Cu-ba lên tới trên nửa triệu con với 50% là bò sữa. Trong thời gian 1976 - 1979, đàn bò này cung cấp 2990 triệu lít sữa.

Bước vào thập kỷ 70, Cu-ba đẩy mạnh việc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chú ý tăng cường những ngành công nghiệp then chốt như cơ khí, hóa chất, điện, vật liệu xây dựng. Trên thực tế, trước cách mạng, Cu-ba

chưa có ngành chế tạo cơ khí, nay Cu-ba đã có thể sản xuất đề tự cung cấp 50% thiết bị cho những nhà máy đường đang xây dựng, tương lai sẽ nâng lên 70%. Kể từ 1970 đến 1975, việc cơ khí hóa khâu chặt mía đã giải phóng được 17 vạn lao động. Trong công nghệ sản xuất đường, việc cơ khí hóa cũng giảm được 31000 lao động. Hiện nay, Cu-ba đã thực hiện cơ khí hóa 100% khâu làm đất, 98% khâu bóc mía, 42% khâu chặt mía, 100% khâu vận chuyển, 100% công việc sản xuất lúa. Trên 3 triệu héc-ta đất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt, đồng cỏ... được rải phân và phun thuốc trừ sâu bằng máy bay. Khoảng 1,2 triệu héc ta mía được tưới nước chủ động. Đó là những thành tựu lớn của công nghiệp Cu-ba. Các ngành công nghiệp khác như lọc dầu, điện, thép, phân bón, thuốc trừ sâu, xi măng, giấy... đều phát triển nhiều so với trước cách mạng. Với sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp, tỷ trọng của công nghiệp trong giá trị

tổng sản phẩm xã hội tăng lên nhanh chóng. Nếu như hồi đầu cách mạng, tỷ trọng đó là không đáng kể, thì hiện nay Cu-ba đang chuẩn bị đưa nó lên khoảng 50% trong thời kỳ 1980 - 1985. Đó là sự biến đổi lớn về chất trong cơ cấu kinh tế Cu-ba. Chính vì *công nghiệp tăng lên tương đối nhanh*, cho nên *tổng sản phẩm xã hội cũng tăng lên ngày càng nhanh*, và đó là một trong những chỉ tiêu tổng hợp quan trọng nhất mà người ta căn cứ vào để đánh giá sự phát triển kinh tế của một nước. Trong thời kỳ 1961 - 1965, tốc độ tăng bình quân hằng năm của tổng sản phẩm xã hội chỉ đạt 1,9%; thời kỳ 1966 - 1970, tỷ lệ đó tăng lên 3,9%; thời kỳ 1971 - 1975 ^{*}10%; thời kỳ 1976 - 1979: 6,3%. Như vậy trong những năm 70, Cu-ba đạt được tốc độ phát triển tổng sản phẩm xã hội hằng năm 7% một tốc độ cao hơn nhiều so với tốc độ chung là 5% của các nước đang phát triển. (Tổng sản phẩm xã hội 1976: 14,09 tỉ pè-xô, 1979: 16,9 tỉ pè-xô).

Sản lượng một số ngành kinh tế :

Ngành	5 năm 1971—1975	4 năm 1976—1979	Kế hoạch năm 1985	Đơn vị tính
- Điện	28,59	32,9		tỷ kWh
+ Công suất điện mới tăng	303	950	1300	1000 kW
- Xi măng	8,2	10,5	4,9	triệu tấn
- Thép	1,066	1,3	1,7 [*]	triệu tấn
- Phân bón	3,646	4,2	1,79	triệu tấn
- Vải	600	600	325	triệu mét
- Đường	27,5	35 ^{**}	10,5	triệu tấn
- Cá	725	761		nghìn tấn
- Cam chanh	0,8	1,1	1,3	triệu tấn
- Rau màu	2,07	2,58	2,4	triệu tấn
- Lúa			640	nghìn tấn
- Thịt lợn	137	230	85	nghìn tấn
- Máy thu thanh	233	476		nghìn cái
- Tủ lạnh	182	190		-
- Máy thu hình	26	165 ^{***}		-

* Tính cả 5 năm 1961 — 1965.

** Tính cả 5 năm 1976 — 1980.

*** Ngoài số tự sản xuất, Cu-ba còn nhập khẩu 436 000 máy thu hình, 116 000 tủ lạnh. Trong kế hoạch tới, sản lượng các mặt hàng này đều tăng nhiều.

Trong phương hướng chính của 5 năm tới, Cu-ba đặt lên hàng đầu vấn đề đưa công cuộc công nghiệp hóa tiến lên vững chắc. Kế hoạch phát triển kinh tế 1981-1985 đề ra mức tăng tổng sản phẩm xã hội là 5% mỗi năm. Trong xây dựng, Cu-ba đặc biệt chú trọng hiệu quả đầu tư, trong đó, vốn của nước ngoài phải hướng vào những ngành sản xuất và dịch vụ phục vụ xuất khẩu. Về hợp tác hóa, kế hoạch dự định đưa phần lớn nông dân vào hợp tác xã cấp cao. Trong 5 năm tới, Cu-ba tiếp tục đẩy mạnh đào tạo cán bộ, củng cố chế độ quản lý kinh tế theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, bảo đảm tỷ lệ tăng năng suất lao động cao hơn tỷ lệ tăng lương. Trong quan hệ kinh tế quốc tế, Cu-ba dự kiến sẽ tham gia đầy đủ hơn nữa quá trình nhất thể hóa kinh tế với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, nhất là với Liên-xô; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác kinh tế, kỹ thuật với các nước đang phát triển; duy trì quan hệ thương mại, kinh tế, hợp tác khoa học kỹ thuật với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển trong các lĩnh vực thuận lợi cho Cu-ba.

Kế hoạch 5 năm tới cũng xác định thứ tự ưu tiên các nguồn thu nhập chính là: công nghiệp đường và chế phẩm từ đường, sản xuất kền và cò-ban, cá biển, cam chanh, xây dựng và dịch vụ ở nước ngoài, thuốc lá, du lịch. Trong đó, đáng chú ý là: đường sẽ tăng 30% so với thời kỳ 1976-1980, đạt 10 - 10,5 triệu tấn/năm; về kền, hiện nay mỗi năm Cu-ba sản xuất 36 000 tấn hợp kim kền cò-ban, dự kiến 1984 sẽ có công suất 76 000 tấn/năm. Trong quan hệ kinh tế với các nước đang phát triển, Cu-ba xuất phát từ lập trường quốc tế chủ nghĩa, sẵn sàng giúp đỡ những dân tộc còn khó khăn hơn. Nhờ có trình độ tương đối phát triển về xây dựng, Cu-ba đã ký các hợp đồng xây dựng công trình ở nước ngoài như ở I-rắc, Li-bi, An-giê-

ri... và đã mang về một khoản thu nhập hàng trăm triệu đô la mỗi năm. Đó cũng là nguồn xuất khẩu (kỹ thuật) quan trọng của Cu-ba (1).

Về ngành điện, kế hoạch mới dự kiến năm 1985 sẽ có 1,3 triệu kW công suất mới, trong đó 0,44 triệu kW là của nhà máy điện nguyên tử đầu tiên ở Cu-ba. Về hàng tiêu dùng, Cu-ba đẩy mạnh sản xuất vải xuất khẩu, và đó là một hàng xuất khẩu mới của Cu-ba. Các hàng tiêu dùng như tủ lạnh, máy thu hình, máy thu thanh cũng được chú ý tăng khối lượng sản xuất nhằm bảo đảm nhu cầu của nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, trong thời gian qua, Cu-ba còn giải quyết bước đầu một loạt vấn đề lớn có tầm quan trọng quyết định đối với việc phát triển kinh tế, trước hết là vấn đề lãnh đạo và quản lý kinh tế. Cu-ba chú trọng phân biệt rõ chức năng lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước cũng như vai trò của các đoàn thể quần chúng trong lĩnh vực xây dựng kinh tế và quản lý xã hội. Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô nói rõ: «không thể coi Đảng và chính quyền là một», «vai trò của Đảng ta là không thể và sẽ không bao giờ có thể thay thế chính quyền và cũng không thể thay thế các tổ chức quần chúng, mà vai trò của Đảng là lãnh đạo quá trình ấy» (2).

Đồng thời với việc phân rõ chức năng của Đảng và của Nhà nước, Cu-ba thực hiện việc hoàn thiện bộ máy Nhà nước, chủ yếu là nhằm tăng cường vai trò quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Nhà nước. Một trong các biện pháp quan trọng là từ bốn cấp hành

(1) Hiện nay, Cu-ba đang hợp tác kinh tế với 37 nước, dưới nhiều hình thức khác nhau, phần lớn là do phía Cu-ba giúp đỡ. Khoảng 15000 công dân Cu-ba đang làm việc tại các nước đó.

(2) Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-đơ: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 340.

chính. Cu-ba đã mạnh dạn bỏ bớt một cấp: từ trung ương xuống tỉnh, từ tỉnh xuống thành cơ sở; đồng thời từ 6 tỉnh trước đây nay chia nhỏ thành 14 tỉnh. Như vậy tỉnh hiện nay nhỏ hơn tỉnh cũ và to hơn huyện cũ, trở thành cấp trung gian duy nhất giữa trung ương và cơ sở. Về cơ cấu tổ chức, đã thành lập một số bộ mới, sáp nhập và bãi bỏ một số bộ và cơ quan xét thấy không cần thiết, chủ yếu nhằm tăng cường các công tác kế hoạch, thống kê, giá cả, tài chính, tin dụng, đầu tư, vật tư... Trong 5 năm qua Cu-ba đã giảm bớt số người quản lý hành chính, tăng cường cho quản lý kinh tế và hệ thống kinh doanh sản xuất. Mục đích của biện pháp này là làm cho bộ máy Nhà nước trở thành một cơ quan quản lý có hiệu lực đối với việc phát triển kinh tế và quản lý xã hội. Một biện pháp quan trọng khác là sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành, mạnh dạn đưa những cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực chuyên môn vào những cương vị cần thiết. Đồng thời Đảng chủ trương tất cả cán bộ lãnh đạo các cấp phải đến trường học tập lý luận kinh tế chính trị và các tri thức cơ bản về khoa học kỹ thuật. Theo quy định, cho đến nay, tất cả các bộ trưởng, thứ trưởng và các cán bộ cấp tương đương đều đã trải qua học tập từ nửa năm đến một năm. Tất cả cán bộ quản lý các cấp đều phải chấp hành chế độ học tập tương tự, nhưng đi sâu vào các ngành cụ thể. Cu-ba cũng đã thực hiện chế độ phổ cập giáo dục đến lớp 6 trong toàn dân và dự kiến sẽ nâng trình độ phổ cập giáo dục lên lớp 9. Chỉ tính trong 4 năm đầu của thời kỳ 1975 - 1980, Cu-ba đã đào tạo được 41954 cán bộ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Gần 9000 cán bộ tại chức đã theo học tại các trường chỉ đạo kinh tế: 6000 người tốt nghiệp các chuyên khoa kinh tế cao cấp và 18000 người

tốt nghiệp trung cấp. Việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học, kỹ thuật sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Như vậy, Cu-ba bước đầu giải quyết được vấn đề nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo và quản lý, một vấn đề khó khăn kéo dài kể từ khi cách mạng thành công. Theo đồng chí Phi-den Ca-xtơ-rô, đó là do cách mạng tiếp thụ một nền kinh tế của chế độ cũ, nhưng nhân viên quản lý nó và nhân viên kỹ thuật của nó không còn, bắt buộc những người mà nhiều khi trình độ văn hóa chưa đến tiểu học phải đảm nhiệm chức năng lãnh đạo các quá trình công nghiệp và nông nghiệp phức tạp. Để làm công việc ấy, chủ nghĩa tư bản đã đào tạo từ thế hệ này sang thế hệ khác một loạt nhân viên quản lý của nó, còn ở Cu-ba, « ngay cả những người lãnh đạo cách mạng chúng ta, tuy có khả năng giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc đấu tranh khởi nghĩa và giành chính quyền, trái lại hoàn toàn dốt về những vấn đề cơ bản nhất của khoa học kinh tế và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội » (3).

Trong việc cải tiến quản lý kinh tế, Cu-ba chú trọng xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế nước mình, đồng thời hết sức học tập và tiếp thu kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là của Liên-xô. Trọng tâm của công tác này là bãi bỏ chế độ hành chính bao cấp trong quản lý kinh tế, xây dựng một cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đến nay, 95% cơ sở kinh tế đã thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Dự kiến trong năm 1981, sẽ áp dụng chế độ này trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đây là một tiến bộ lớn, nếu ta nhìn lại lịch sử chế độ quản lý của Cu-ba. Từ sau ngày cách mạng thắng lợi, do phải

(3) Phi-den Ca-xtơ-rô Ru-đơ: Sách đã dẫn, trang 262.

nhANH chóng phục hồi ngành mía-
đường, ngành kinh tế sống còn của
đất nước, Cu-ba đã lấy ngân sách
Nhà nước chi tiêu cho việc chặt mía.
Sau đó, chế độ cấp phát đã được mở
rộng trong đại bộ phận nông nghiệp
và công nghiệp, và kéo dài đến những
năm gần đây. Chế độ quản lý hành
chính bao cấp đó làm cho cán bộ
quản lý không chú ý tới chi phí sản
xuất, tới chỉ tiêu năng suất lao động
và các chỉ tiêu kinh tế khác. Giờ đây,
chế độ quản lý mới đòi hỏi mọi
người phải chú ý tới những quy luật
kinh tế khách quan như quy luật
giá trị, và các phạm trù kinh tế hàng
hóa như tiền tệ, giá cả, tài chính,
ngân sách, thuế, tín dụng, tiền lãi và
các phạm trù khác. Tóm lại, cần phải
biết đích xác mọi hao phí trong sản
xuất, từ đó mà quyết định phương
hướng và quy mô đầu tư. Đồng thời,
qua đó, phát hiện những cơ sở kinh
doanh tốt nhất và ngược lại, nhằm
thi hành những biện pháp thích hợp.

Để thực hiện tốt chế độ quản lý
kinh doanh mới, Đảng cộng sản Cu-ba
đưa ra những yêu cầu như sau: *Một*
là, các cán bộ lãnh đạo của Đảng,
nhất là cán bộ lãnh đạo Nhà nước
phải coi việc áp dụng chế độ mới là
nghĩa vụ, là danh dự cá nhân, phải
dem hết sức mình để áp dụng nó một
cách nhất quán và có phối hợp dưới
sự lãnh đạo thống nhất của một Ủy
ban toàn quốc mới được thành lập.
Hai là, các cán bộ lãnh đạo các cơ
quan Nhà nước và cán bộ quản lý
xí nghiệp phải phát hiện và tiến hành
những thay đổi về bộ máy, về chức
năng cần thiết trong hệ thống tổ chức
cơ. *Ba là*, tất cả, không trừ một ai,
phải tuân theo những thời hạn được
quy định cho mỗi công việc được
giao, nhằm thực hiện chế độ quản lý
mới như dự kiến và có hiệu quả. *Bốn*

là, phải bảo đảm sự quản lý tập trung
và thống nhất, giữ vững tính kế
hoạch của nền kinh tế. *Cuối cùng*, đi
đôi với việc quán triệt chế độ quản
lý mới, cần chú trọng công tác giáo
dục chính trị, tư tưởng, động viên
nhiệt tình cách mạng của đông đảo
quần chúng, không thể lấy kích thích
vật chất thay thế công tác chính trị
tư tưởng.

Đảng cộng sản Cu-ba nhấn mạnh
nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin: chính
trị có vị trí hàng đầu so với kinh tế.
Phải có quan điểm chính trị đúng mới
làm kinh tế đúng, làm kinh tế phải
trước hết bảo đảm lợi ích của giai
cấp thống trị. Để làm việc này, phải
tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.
Trong 5 năm qua, đội ngũ đảng viên
Đảng cộng sản Cu-ba từ 20 vạn tăng lên
đến 40 vạn. Trong số mới được kết
 nạp, 52% là công nhân được chọn
lọc kỹ, với sự tham gia ý kiến rộng
rãi của quần chúng. Về mặt tổ chức,
Đảng hiện có 4800 chi bộ mới ở các
cơ sở trắng trước đây. Nhờ vậy, sức
chiến đấu của Đảng được tăng cường,
bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng
đến tận các cơ sở kinh tế, văn hóa,
xã hội trong cả nước.

Việc thực hiện chế độ quản lý mới
đang tạo ra những thuận lợi cơ bản
để phát triển hơn nữa nền kinh tế.
Đồng thời, nó cũng vấp phải những
khó khăn mới, trước hết là những
khó khăn do lẽ thói làm ăn theo chế
độ hành chính bao cấp và tập trung
quan liêu trước đây gây ra. Đảng
cộng sản Cu-ba yêu cầu cán bộ và
đảng viên của Đảng gạt bỏ mọi trở
ngại và coi việc tiếp tục quán triệt
chế độ quản lý kinh tế theo nguyên
tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa là
một trong những nhiệm vụ hàng đầu
của thời gian tới.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 1 — 1981 Г.

ПЕРЕДОВАЯ — Положение нашей страны на данном этапе революции и экономические задачи на 1981 г.

ЧЫОНГ ТИНЬ — Доклад о проекте новой Конституции СРВ.

☆☆☆ — Огромные достижения Народной Республики Кампучии.

ХОНГ ТЬЫОНГ — Диктатура пролетариата и буржуазная демократия.

ТЕ ВЬЕТ ТАН — Рациональное размещение экономической структуры для наиболее эффективного использования трудовых ресурсов и земельного фонда в нашей стране.

ЛИ ВАН ШАУ — Куба наращивает темпы экономического строительства и ускоряет совершенствование управления.

REVIEW OF COMMUNISM № 1 — 1981

Editorial — The state of the revolution in our country and the economic tasks for 1981. *TRUONG-CHINH* — Report on the draft Constitution of the Socialist Republic of Viet-nam ☆☆☆ — The great achievements of the People's Republic of Kampuchea. *HÔNG CHUONG* — Proletarian dictatorship and bourgeois democracy. *CHE-VIÊT-TÂN* — To set up a rational economic structure with a view to the best possible use of manpower and land in our country. *LY-VAN-SAU* — Cuba makes great efforts for building the economy and improving management

REVUE DU COMMUNISME № 1 — 1981

Editorial — La situation de la révolution vietnamienne et les tâches économiques de 1981. *TRƯỜNG-CHINH* — Rapport sur le projet de la Constitution de la République socialiste du Vietnam. ☆☆☆ — Les grandes réalisations de la République populaire du Kampuchéa. *HÔNG-CHUONG* — Dictature prolétarienne et démocratie bourgeoise. *CHE-VIÊT-TÂN* — Disposer de façon rationnelle les structures économiques pour pouvoir utiliser au maximum les ressources humaines et les terres de notre pays. *LÝ-VĂN-SÁU* — Le Cuba active l'édification économique et l'amélioration de la gestion.

REVISTA DEL COMUNISMO № 1 — 1981

Editorial — La situación de la revolución vietnamita y las tareas económicas de 1981. *TRƯỜNG-CHINH* — Informe sobre el Proyecto de la Constitución de la República Socialista de Viet Nam ☆☆☆ — Los grandes logros de la República - Popular de Kampuchea. *HÔNG-CHUONG* — La dictadura del proletariado y la democracia burguesa *CHE-VIÊT-TÂN* — A disponer de manera racional las estructuras económicas para poder utilizar al máximo la fuerza laboral y las tierras de nuestro país. *LÝ-VĂN-SÁU* — Cuba intensifica la edificación económica y el mejoramiento de la gestión.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 1

1981

NĂM THỨ XXVII (301)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nôi : 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nôi : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Cục diện cách mạng nước ta và nhiệm vụ kinh tế năm 1981	1
Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành trung ương Đảng	7
Thư của Ban chấp hành trung ương Đảng	8
TRƯỜNG-CHINH — Báo cáo về dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam	11
★ ★ ★ — Những thành tựu to lớn của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia	41
HỒNG-CHUÔNG — Chuyên chính vô sản và dân chủ tư sản	49
CHIẾ-VIỆT-TẤN — Bổ tri cơ cấu kinh tế hợp lý để sử dụng tốt nhất nguồn lao động và đất đai của nước ta	60
LÝ-VĂN-SÁU — Cu-ba đầy mạnh xây dựng kinh tế và cải tiến quản lý	66

Bạn đọc thân mến,

Vừa qua có nhiều bạn đọc gửi thư đến Bộ biên tập đặt mua **TẠP CHÍ CỘNG SẢN**.

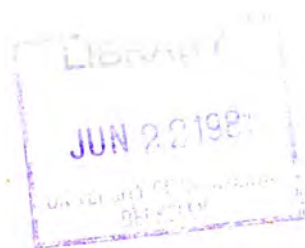
Chúng tôi xin trả lời chung :

Việc phát hành **TẠP CHÍ CỘNG SẢN** do Bureau điện đảm nhận. Các bạn cần mua **TẠP CHÍ CỘNG SẢN**, xin trực tiếp liên hệ với cơ quan phát hành báo chí của Bureau điện.

**BỘ BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CỘNG SẢN**

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



2

2.1981

CHUẨN BỊ TỐT ĐẠI HỘI LẦN THỨ V CỦA ĐẢNG



01 nghị toàn thể lần thứ chín của Ban chấp hành trung ương Đảng đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng vào cuối quý 4 năm 1981.

Đại hội đại biểu toàn quốc là sự kiện quan trọng nhất trong đời sống chính trị của Đảng, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Mỗi lần Đại hội, trí tuệ và sức mạnh của toàn Đảng lại được phát huy cao độ để quyết định những vấn đề về đường lối, phương hướng, nhiệm vụ cách mạng, mở ra thời kỳ phát triển mới tốt đẹp hơn cho cách mạng nước ta.

Được triệu tập theo đúng kỳ hạn mà Điều lệ Đảng quy định, Đại hội lần thứ V của Đảng đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng ta.

Sự trưởng thành của Đảng biểu hiện trước hết ở sự lãnh đạo, chỉ đạo chính trị sắc bén của Đảng ta. Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là đường lối đúng đắn, khoa học và sáng tạo, vừa phù hợp với quy luật chung, vừa đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình nước ta. Với thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước, lẽ ra chúng ta có điều kiện hòa bình thuận lợi để triển khai thực hiện lối hơn Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhưng bọn phản động Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc đã điên cuồng phản kích cách mạng nước ta, gây cho chúng ta vô vàn khó khăn. Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhanh chóng vạch ra phương hướng, kế hoạch và biện pháp chống lại âm mưu bành trướng và xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh đối với nước ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, quân và dân ta đã lần lượt đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, giữ vững toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời chúng ta đã hết lòng giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia anh em đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, tay sai của bọn phản động Bắc-kinh, giải phóng hoàn toàn đất nước Cam-pu-chia, tạo điều kiện cho cách mạng ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia cùng tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Việc ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, việc nước ta tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế và đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại đã nhanh chóng tạo ra cho cách mạng nước ta cả thế và lực vững mạnh hơn bao giờ hết. Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, thứ 3 và nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng và Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, đã từng bước cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế do Đại hội IV đề ra, phù hợp với tình hình mới. Mặc dù trước

một chúng ta đang còn những khó khăn, thiếu sót, những mặt tiêu cực, song những thành tựu mà nhân dân ta đạt được trong những năm qua về xây dựng và tăng cường nền chuyên chính vô sản, về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã khẳng định đường lối của Đảng, các nghị quyết của Đảng là đúng đắn. Tiếp tục thấu suốt đường lối của Đảng, chấp hành triệt để và nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương Đảng, nhất định nhân dân ta sẽ tạo ra bước phát triển quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Gần đây, sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện của Đảng và Nhà nước ta đã mang lại những kết quả tốt. Nhiều nhân tố tích cực đã xuất hiện, nhiều khả năng sáng tạo mới đã nảy sinh, báo hiệu nền kinh tế nước ta đang có chiều hướng dần dần vượt ra khỏi khó khăn từng bước tiến lên.

Sự trưởng thành của Đảng ta còn biểu hiện ở chỗ Đảng ta có một đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất tốt đang trưởng thành nhanh chóng và một hạt nhân lãnh đạo từng trải, vững vàng.

Mặc dù còn một bộ phận cán bộ, đảng viên yếu kém, thậm chí có những phần tử thoái hóa, sa sút nghiêm trọng về phẩm chất, song số rất đông cán bộ, đảng viên ta, trong giai đoạn mới của cách mạng, vẫn tiếp tục nêu cao phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản. Đó là một đội ngũ cán bộ hùng hậu, gồm nhiều loại: cán bộ lãnh đạo, cán bộ quân lý, cán bộ khoa học và kỹ thuật, thuộc nhiều lứa tuổi kế tiếp, xen kẽ nhau, được đào tạo, tuyển lựa từ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác, có quan hệ mật thiết với nhân dân, có lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc; có tinh thần chịu đựng gian khổ, tận tụy hy sinh, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, có năng lực tổ chức chiến đấu và có kinh nghiệm bước đầu trong tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đứng trước những yêu cầu mới, nặng nề của sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, nhiều đồng chí đã cố gắng vươn lên, học hỏi kinh nghiệm, từng bước nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật và đã có bước trưởng thành nhanh chóng.

Tiêu biểu cho đội ngũ cán bộ chúng ta là Bộ chính trị Trung ương Đảng, hạt nhân lãnh đạo vững vàng, trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, gần dân về chính trị, từng trải trong đấu tranh cách mạng, có uy tín lớn trong Đảng, trong nhân dân, và là trung tâm đoàn kết toàn Đảng.

Sự trưởng thành của Đảng và là một mệnh cơ bản của Đảng thể hiện ở chỗ trong lúc cách mạng chuyển giai đoạn, có nhiều vấn đề mới, khó khăn, có những vấp vấp khó tránh khỏi, Đảng ta vẫn giữ vững và phát huy được truyền thống đoàn kết quý báu của Đảng. Nhận thức đúng tầm vóc của những thắng lợi, nhận thức đúng nguyên nhân của những khó khăn và phương hướng khắc phục, toàn Đảng luôn luôn đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Lê-Duẩn kính mến. Đó là khối đoàn kết vững chắc trên cơ sở nhất trí cao về đường lối cách mạng: đường lối chống âm mưu bành trướng và bá quyền nước lớn của bọn phản động Bắc-kinh; đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội; đường lối đối ngoại của Đảng ta. Kẻ thù của chúng ta, cùng với các thù đoạn liên công ta về quân sự, có lập ta về chính trị, bao vây ta về kinh tế, đã tìm mọi cách chia rẽ, kích động lật đổ, hòng phá ta từ bên trong. Chúng tưởng rằng lợi dụng lúc chúng ta gặp khó khăn về kinh tế và đời sống, bằng những ngọn đòn chiến tranh tâm lý hiểm ác, chúng có thể chia rẽ được nội bộ ta. Nhưng mọi thủ đoạn

chiến tranh làm lý của chúng đã không làm suy suyền được khối đoàn kết vững chắc của Đảng và nhân dân ta.

Thực hiện đường lối của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, những năm qua Đảng ta đã tiến hành giáo dục sâu rộng về vấn đề phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và đã từng bước thể chế hóa quyền làm chủ của quần chúng bằng các quy định của Nhà nước. Đặc biệt, gần đây, quyền làm chủ của nhân dân lao động đã được thể chế hóa bằng Hiến pháp, bộ luật cơ bản của Nhà nước ta.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam được ban hành là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Nhà nước và nhân dân ta. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Hiến pháp, đang nghiên cứu kỹ Hiến pháp và tự giác nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp. Thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang « sử dụng Hiến pháp một như một vũ khí sắc bén của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nếp sống có văn hóa, có kỷ cương, kiên quyết bài trừ những biểu hiện tiêu cực, những việc làm gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ».

Việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đã thể hiện trong thực tế sự tăng cường mối liên hệ vốn chặt chẽ của Đảng với quần chúng ở một trình độ cao hơn trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Vốn một lòng tin theo Đảng trong suốt nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng, những năm qua nhân dân ta tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và bước đầu phát huy quyền làm chủ của mình, quyết tâm phấn đấu thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và đã giành được những thắng lợi lớn trong điều kiện hết sức khó khăn phức tạp.

Thấy rõ thắng lợi, thấy rõ sức mạnh của Đảng ta, chúng ta càng phải nghiêm khắc trước những sai lầm, yếu kém, tìm cách vượt qua mọi khó khăn, vươn lên với quyết tâm và khí thế cách mạng mới. Hiện nay nước ta đang đứng trước những thử thách mới : kinh tế phát triển chậm, nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm thứ hai không được thực hiện đầy đủ ; đời sống của nhân dân, nhất là của cán bộ, công nhân, viên chức, đồng bào lao động ở các thành phố và một số vùng bị thiên tai nặng, đang gặp nhiều khó khăn. Từ đó để lại những hiện tượng tiêu cực, những vấn đề xã hội phức tạp.

Những khó khăn, tiêu cực đó có nguyên nhân khách quan là nước ta tiến lên từ nền sản xuất nhỏ, lại chịu hậu quả nặng nề, liên tiếp của mấy cuộc chiến tranh, của chủ nghĩa thực dân mới, của thiên tai dồn dập và ác liệt. Nhưng về phía chủ quan, chúng ta có những khuyết điểm, trong việc chấp hành đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhất là những thiếu sót trong việc cụ thể hóa đường lối đó thành những chủ trương, kế hoạch của Nhà nước, không kịp thời thấy đổi và bổ sung những chính sách kinh tế không còn thích hợp, chưa định ra những biện pháp lịch cực và có hiệu quả để phát huy tiềm năng to lớn của nền kinh tế nước ta. Việc bố trí, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ chưa tốt ; công tác tổ chức điều hành công việc chưa theo kịp yêu cầu ; phương thức công tác cũ kỹ ; pháp chế xã hội chủ nghĩa không được thi hành nghiêm chỉnh, kỷ luật của Đảng còn lỏng lẻo... Đó là những thiếu sót thuộc về năng lực chỉ đạo thực hiện, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế. Đây là chỗ yếu nhất của Đảng

và Nhà nước ta hiện nay. Chủ yếu này có nguyên nhân ở trình độ hiểu biết của cán bộ, đảng viên ta, nhất là những hiểu biết về quy luật của chủ nghĩa xã hội, về khoa học tổ chức và quản lý không theo kịp sự phát triển nhanh chóng của cách mạng. Chúng ta lại chậm trễ kết kinh nghiệm về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, về xây dựng Đảng và chưa chú trọng đầy đủ đến việc học tập, nghiên cứu một cách có hệ thống, có chọn lọc kinh nghiệm của các đảng và các nước anh em.



Trong thư gửi các cấp ủy Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã nêu rõ :

“ Để thiết thực chuẩn bị Đại hội, toàn Đảng phải nhất trí nhận định về tình hình đất nước, động viên toàn dân và toàn quân tăng cường đoàn kết, hăng hái tiến lên, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ sau đây :

1 - Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, phát huy những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào quần chúng, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tập trung sức cho nông nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu, cải tiến quản lý kinh tế và phân phối, lưu thông, ổn định thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, ổn định đời sống, tạo ra sự chuyển biến tốt của nền kinh tế quốc dân. Mục đích trực tiếp của cải tiến quản lý là tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, chất lượng công tác. Từng ngành và từng địa phương phải khai thác tốt nhất mọi khả năng về ruộng đất, lao động, thiết bị, vật tư, làm ra nhiều của cải cho xã hội và thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt.

2 - Cũng cố hơn nữa lực lượng quốc phòng, làm thất bại chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp của địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3 - Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

4 - Xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

5 - Tăng cường công tác tư tưởng, kiện toàn tổ chức quản lý, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, tăng cường công tác xây dựng và củng cố Đảng để bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ mới của cách mạng.

6 - Mở rộng quan hệ hợp tác mọi mặt với Lào và Cam-pu-chia, với Liên-xô và các nước anh em khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế”.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đó, chuẩn bị tốt Đại hội lần thứ V của Đảng, vấn đề mấu chốt là phải **nhANH CHONG NANG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU VÀ NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG.**

Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, trước hết là **NANG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CỦA ĐẢNG.** Để giải quyết vấn đề này, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã có Nghị quyết về công tác tổ chức. Các cấp, các ngành, mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành

Nghị quyết đó, trước hết phải bảo đảm trong một thời gian ngắn thi hành những biện pháp thiết thực cấp bách nhất mà Nghị quyết đã đề ra, làm cho mọi tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng tuân thủ những điểm cơ bản của chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, đề cao trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, thực hiện mọi nhiệm vụ, trước mắt. Lại phải có quyết tâm rất cao để kiên quyết thực hiện bằng được các biện pháp đồng bộ về tổ chức đã nêu lên trong Nghị quyết, thực hiện một sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý, nhất là về kinh tế.

Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng còn là tiếp tục củng cố, kiện toàn các chi bộ, đảng bộ cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là nâng cao phẩm chất và năng lực công tác, bảo đảm cho mỗi người có đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tất cả các tổ chức cơ sở của Đảng cần thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ công tác, với cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội mà kiểm tra lại đội ngũ của mình, thu hút thêm những sinh lực mới, loại bỏ những phần tử đã mất ý chí chiến đấu và thoái hóa, làm trong sạch đội ngũ của Đảng. Cần thông qua việc phát triển đảng viên và chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp để giáo dục, rèn luyện và sàng lọc đảng viên, kiện toàn các cấp ủy, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng thật trong sạch và vững mạnh.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận rõ trách nhiệm của mình trước yêu cầu mới của cách mạng, nâng cao ý chí phấn đấu, giữ vững đoàn kết nhất trí, ý thức tổ chức kỷ luật, ra sức học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực công tác, thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, kế hoạch của Nhà nước. Phẩm chất và năng lực của người cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở việc phấn đấu quên mình, không mệt mỏi, biến chủ trương, đường lối của Đảng thành hiện thực sinh động. Hiện nay, đứng trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, cán bộ, đảng viên, hơn ai hết, phải là những người rất mực vững vàng, kiên định, đấu tranh chống những hiện tượng dao động, những luận điệu xuyên tạc của địch, bảo vệ đường lối của Đảng, bảo vệ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Cách mạng luôn luôn là sự nghiệp gian khổ và khó khăn, nhất là vào những lúc cách mạng chuyển giai đoạn. Không vượt lên trong khó khăn, thiếu vững vàng trước mọi thử thách, dao động, hoài nghi, thậm chí mất phương hướng trước những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, những biểu hiện dao động hoàn toàn xa lạ với bản chất của người cộng sản.

Biện pháp quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là **phê bình và tự phê bình**. Đó chẳng những là một quy luật phát triển của Đảng, một vũ khí sắc bén để củng cố, xây dựng Đảng mà còn là một truyền thống tốt đẹp của Đảng ta. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội toàn quốc và tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, các tổ chức Đảng cần kiểm điểm sâu sắc các chủ trương và biện pháp công tác, tiến hành phê bình và tự phê bình một cách thẳng thắn và chân thành, với ý thức trách nhiệm đầy đủ nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và chỉ đạo, cải tiến công tác, tăng cường đoàn kết, đề cao kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở phát huy đầy đủ trí tuệ của toàn Đảng, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, Đại hội Đảng mới đánh giá đúng tình hình và thông qua những nghị quyết đúng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên mạnh mẽ.

Đại hội Đảng không chỉ là sự kiện quan trọng của Đảng mà còn là sự kiện quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của nhân dân, đến đời sống toàn xã hội. Chuẩn bị Đại hội Đảng là một dịp tốt để vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp phần tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Vì vậy, nhân dịp này, các tổ chức Đảng cần làm cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của việc triệu tập Đại hội Đảng, động viên và tổ chức cho nhân dân phê bình các công việc của Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên, thảo luận các đề án của Đại hội, tích cực thi đua thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ công tác, sản xuất, sẵn sàng, chiến đấu và làm tốt nghĩa vụ quốc tế để thiết thực góp phần chuẩn bị Đại hội Đảng.



Đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta đã trở thành người chủ chân chính của xã hội ta. Cách mạng nước ta đang ở thế tiến công. Lực lượng cách mạng nước ta chưa bao giờ hùng mạnh như ngày nay. Đó là thành quả vĩ đại sau nhiều năm đấu tranh gian khổ và kiên cường của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ ngày đất nước hoàn toàn được giải phóng đến nay, qua một thời gian lãnh đạo và tổ chức quản lý kinh tế, chúng ta đã rút ra được những bài học bổ ích và tích lũy được những kinh nghiệm quan trọng. Điều đó tạo ra những điều kiện thuận lợi mới để đưa cách mạng nước ta tiến lên vững chắc.

Chúng ta đang sống trong hoàn cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi. Đó là khôi phục minh chiến đấu vững chắc giữa ba nước anh em Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia không gì có thể lay chuyển được. Đó là sự hợp tác toàn diện và chặt chẽ giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đó là thế tiến công của ba dòng thác cách mạng đang tiếp tục dâng lên mạnh mẽ ở khắp các lục địa, bất chấp sự phá hoại của bọn đế quốc và các thế lực phản động khác.

Tiến hành trong bối cảnh đất nước và quốc tế có nhiều thuận lợi như vậy, Đại hội lần thứ V của Đảng chắc chắn sẽ thu được kết quả rực rỡ, mở ra một thời kỳ phát triển mới của đất nước ta.

Chúng ta quyết vươn lên với khí thế cách mạng mới, thực hiện đầy đủ lời kêu gọi của Trung ương Đảng, chuẩn bị Đại hội lần thứ V bằng những hành động cách mạng thiết thực, tiến tới một cao trào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

NĂM VỮNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

CHÍNH-TRỰC

KHI cách mạng đã chuyển giai đoạn thì Đảng lãnh đạo phải kịp thời có những chuyển hướng về đường lối, về nhiệm vụ chính trị, về công tác xây dựng Đảng thích hợp với tình hình mới, thúc đẩy cách mạng phát triển một cách thuận chiều, tốt đẹp. Cùng với sự chuyển hướng về đường lối, về nhiệm vụ chính trị, cần có sự chuyển hướng công tác tổ chức, bởi vì một tổ chức phù hợp sẽ bảo đảm tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; ngược lại, một tổ chức cũ kỹ sẽ là một trở ngại có khi rất lớn đối với việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị. «Cách mạng nhất là tổ chức mà bảo thủ nhất cũng là tổ chức» (1). Câu nói đó của đồng chí Lê-Duẩn đã được thực tiễn chứng minh sâu sắc.

Sau thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, công tác tổ chức và cán bộ đã có những chuyển biến quan trọng và thu được những kết quả đáng kể. Hội nghị thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã khẳng định những kết quả của công tác tổ chức và cán bộ, và đã vạch rõ phương hướng phát huy những kết quả đó. Từ đó, trên các mặt công tác tổ chức như kiện toàn các cấp ủy và tổ chức cơ sở Đảng, kiện toàn bộ máy Nhà nước, xây dựng lực lượng quốc phòng và công an nhân dân, chúng ta đã có những cố gắng mới, có những tiến bộ về

nhiều mặt, nhất là về nhận thức trong việc nghiên cứu chuyển hướng công tác tổ chức và quản lý.

Tuy nhiên, công tác tổ chức của ta, vì nhiều lý do, vẫn có những mặt trì trệ không theo kịp những yêu cầu mới, nhất là của việc lãnh đạo và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Những khuyết điểm và nhược điểm của bộ máy, những mặt tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, những thiếu sót trong chính sách cán bộ, những lề thói cũ kỹ trong phương pháp và chế độ công tác, v.v. kéo dài nhiều năm đã hạn chế một phần thắng lợi chung của cách mạng và là một trong những nguyên nhân đưa đến những khó khăn, thiếu sót mà chúng ta đã và đang mắc phải.

Hiện nay, bên cạnh những thắng lợi to lớn, cơ bản, chúng ta đang đứng trước những khó khăn gay gắt: sản xuất có những mặt trì trệ, nền kinh tế quốc dân vẫn còn mặt cần đổi mới nghiêm trọng; mức sống của nhân dân lao động, chủ yếu là của cán bộ, công nhân, viên chức, trong khu vực Nhà nước bị giảm sút, các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chậm được khắc phục. Kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng tình hình đó đang ra sức đẩy mạnh chiến tranh tâm lý nhằm chống phá cách mạng nước ta.

Nhiều nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị thứ 6 và Nghị quyết Hội nghị thứ

(1) Lê-Duẩn: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 260.

9 của Ban chấp hành trung ương Đảng và Nghị quyết số 26 của Bộ chính trị đã nêu rõ những nhiệm vụ chính trị cấp bách nhằm khắc phục có hiệu quả những khó khăn, sớm ổn định tình hình.

Đề bảo đảm cho những nhiệm vụ chính trị đó được thực hiện tốt, gần đây Bộ chính trị đã ban hành *Nghị quyết về công tác tổ chức* (2). Nghị quyết này đã đề cập những vấn đề cơ bản nhất của công tác tổ chức nhằm tăng cường lãnh đạo và quản lý, nhất là về kinh tế. Sau khi đánh giá một cách nghiêm túc tình hình công tác tổ chức những năm qua, nghị quyết đã nêu rõ những nhiệm vụ công tác tổ chức và phương hướng chuyển biến công tác tổ chức trong thời gian tới. Nghị quyết cũng vạch rõ những chủ trương và những biện pháp cụ thể về: hoàn thiện một bước bộ máy tổ chức; nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ, bố trí đúng cán bộ; xây dựng chế độ làm việc cách mạng và khoa học; thật sự bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhất là ở cơ sở, củng cố các cơ quan quyền lực Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.



Đề thấu suốt và thực hiện đúng nghị quyết của Bộ chính trị về công tác tổ chức, cần có một sự đổi mới sâu sắc có tính cách mạng về quan điểm xây dựng tổ chức.

Trước hết, cần nhận thức rõ vị trí của công tác tổ chức.

Nhân tố đầu tiên quyết định thắng lợi của sự lãnh đạo của Đảng là phải có đường lối đúng. Công tác tổ chức căn cứ vào đường lối chính trị của Đảng, đề ra cho mình những nhiệm vụ cụ thể. Mọi biểu hiện tách rời đường lối chính trị của Đảng sẽ làm cho công tác tổ chức lệch hướng, xa rời nội dung hoạt động đúng đắn và có thể trở thành một sức cản đối với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị

chung. Mặt khác, cần thấy rằng công tác tổ chức quyết định thắng lợi của đường lối chính trị. Nói đến tổ chức trong hoạt động xã hội của chúng ta, như đồng chí Lê-Quần đã nêu rõ, là nói đến «mối quan hệ về sự phối hợp hoạt động giữa các bộ phận của một chỉnh thể, là hệ thống lãnh đạo và quản lý các mặt, các ngành, hệ thống các hình thức và biện pháp thực hiện các quyết định kể từ khi vạch kế hoạch tiến hành cho đến bước kiểm tra cuối cùng kết quả sự thực hiện» (3). Như vậy, tổ chức tốt sẽ làm cho bộ máy hoạt động đều từ trên xuống dưới, có sự phối hợp nhịp nhàng, có tính năng động cần thiết, bảo đảm mọi nghị quyết được thi hành với hiệu quả cao nhất, mọi nhiệm vụ được thực hiện một cách tốt nhất. Ngược lại, tổ chức không vững, không tốt thì đường lối chính trị dù có đúng đến mấy cũng không thể được thực hiện tốt, thậm chí có thể bị thực hiện một cách lệch lạc. Tổ chức tốt không những nâng cao hiệu lực của cả bộ máy, làm cho mọi nhiệm vụ đều được hoàn thành, mà còn hướng cho từng cán bộ hành động đúng, kiểm tra chặt chẽ, rèn luyện từng người cán bộ, nhân sức mạnh của họ lên gấp bội. Từng con người khi được đặt đúng vị trí trong một bộ máy tốt thì sẽ có thêm điều kiện để phát huy sức mạnh. Ngay cả khi con người đó có những mặt chưa tốt thì, muốn khỏi bị đào thải, họ vẫn bắt buộc phải làm đúng theo quy định của tổ chức, và từ sự «cường bức» đó, họ có thể tự giác vươn lên.

Vì những lẽ trên, tổ chức là một nhiệm vụ chiến lược, tổ chức tốt là một bảo đảm quan trọng để các nhiệm vụ chính trị được hoàn thành tốt.

(2) Nội dung cụ thể của Nghị quyết đã được giới thiệu trên báo *Nhân dân* số ra ngày 31-12-1980.

(3) Lê-Quần: *Về xây dựng Đảng*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 246.

Biết cách tổ chức, tạo ra được một tổ chức mạnh thì sẽ có một sức mạnh phi thường. Đó chính là ý nghĩa toát ra từ câu nói nổi tiếng của Lê-nin: «Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, chúng tôi sẽ đảo lộn cả nước Nga» (4).

Lâu nay, trong không ít cán bộ, đảng viên ta thường có nhận thức không đúng, chưa coi trọng đúng mức công tác tổ chức.

Thật ra, khâu tổ chức là khâu khó nhất. Lê-nin đã từng nhiều lần nói đến tính chất phức tạp, khó khăn của việc tổ chức trong thực tiễn. Và, nước nào càng lạc hậu mà phải bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thì nước đó càng gặp nhiều khó khăn, cho nên ở nước ta, càng phải đặc biệt quan tâm đến khâu tổ chức.

Về nguyên tắc, ai lãnh đạo thì người đó phải nắm tổ chức. Các cấp ủy, những cán bộ phụ trách muốn lãnh đạo, phải nắm tổ chức, phải quyết định những vấn đề về tổ chức và cán bộ, bởi vì chỉ có họ mới hiểu rõ hơn ai hết những nhu cầu về mặt tổ chức và cán bộ trong phạm vi mình phụ trách. Hiện nay, ở không ít nơi, những đồng chí phụ trách chủ yếu của một cấp, một ngành thường ít quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức, thường khoán trắng công tác đó cho các ban tổ chức. Việc chỉ đạo thực hiện công tác tổ chức cũng thiếu kiên quyết, không triệt để. Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác tổ chức và cán bộ không được thực hiện đến nơi đến chốn, do không được quán triệt ngay từ cơ quan lãnh đạo. Giữa các cơ quan tổ chức thiếu sự phân công rành mạch, thiếu sự phối hợp chặt chẽ. Tình hình nói trên cũng đã khiến cho kỷ luật trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước có nơi, có lúc bị buông lỏng: khuyết điểm kéo dài, người phạm sai lầm không bị phê phán, xử lý, những việc làm sai không được xem xét quy trách nhiệm rõ ràng, việc

kiểm tra thực hiện nghị quyết bị coi nhẹ...

Không thể chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế nếu không có chuyển biến có tính cách mạng trong công tác tổ chức và quản lý. Khi trọng tâm của công tác tổ chức là nhằm tăng cường sự lãnh đạo và quản lý kinh tế, thì sự buông lỏng công tác tổ chức sẽ cản trở việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, hạn chế sự phát triển sản xuất, gây ảnh hưởng không tốt đến việc cải thiện đời sống của nhân dân. Đó là điều mà hiện nay chúng ta đang mắc phải. Đã đến lúc các cơ quan lãnh đạo và người phụ trách ở tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị phải nắm chắc công tác tổ chức và cán bộ, có trách nhiệm đầy đủ đối với công tác này và xem nó là một khâu quyết định để chuyển biến tình hình. Có như vậy, chúng ta mới có thể thoát ra khỏi những lúng túng, vướng mắc hiện nay, để tổ chức có đủ sức mạnh thúc đẩy hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Hai là, muốn làm tốt công tác tổ chức trong giai đoạn mới, phải nắm vững quy luật kinh tế, nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật.

Trước đây, trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, mục tiêu, yêu cầu của chúng ta là đánh thắng bọn đế quốc xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Hiện nay, nguy cơ một cuộc chiến tranh do phía Trung-quốc gây ra vẫn còn; lực lượng quốc phòng của chúng ta phải sẵn sàng đánh thắng những cuộc tiến công xâm lược của kẻ thù, giữ vững an toàn của đất nước. Trong khi cần tiếp tục nâng cao cảnh giác, sẵn sàng giáng trả địch đáng mọi hành động

(4) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tập 5, tr. 559.

phiếu lưu của địch, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. So với thời kỳ kháng chiến, thời kỳ này có những nhiệm vụ cơ bản hoàn toàn khác, có những quy luật riêng. Nói đến chiến tranh là nói đến chuyện một mất một còn với kẻ thù. Trong chiến tranh, chúng ta không ngại ngần trước những hy sinh, mất mát, và trong những trận quyết định, chúng ta có những cố gắng cao nhất để đánh thắng kẻ thù. Trong xây dựng và phát triển kinh tế, chúng ta phải làm ăn có tính toán nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Cách làm ăn đó đòi hỏi phải hiểu biết, sâu sắc và vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế vào thực tế của đất nước, của từng ngành, từng địa phương, đơn vị. Có thể, và chỉ có thể mới khỏi trả giá đắt cho những thành tựu. Do vậy, trong hoạt động kinh tế, cách tổ chức bộ máy phải khác thời kỳ chỉ đạo chiến tranh. Kinh nghiệm lịch sử của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy nếu đem nguyên vẹn bộ máy của thời kỳ chỉ đạo chiến tranh chuyển sang chỉ đạo kinh tế, thì dù cho bộ máy đó có nhiệt tình cách mạng cao đến mấy, mà thiếu những kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế, cũng nhất định không tránh khỏi những lúng túng, và vấp có khi phải trả giá rất đắt. Nhiệm vụ phát triển kinh tế đòi hỏi các bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phải có sự hiểu biết về các quy luật kinh tế, đáp ứng tốt những đòi hỏi của hoạt động kinh tế. Bộ máy đó phải tinh giản, gọn nhẹ có cách làm việc đại công nghiệp, khoa học, thông suốt từ trên xuống dưới, có sự hợp đồng chặt chẽ giữa các bộ phận... Sự chỉ đạo của bộ máy đó đối với các cơ sở sản xuất và kinh doanh phải kịp thời, nhạy bén, thiết thực. Cán bộ của bộ máy đó phải có kiến thức về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật tương xứng với nhiệm vụ được giao và phải biết cách điều khiển,

cách làm ăn để mang lại hiệu quả cao nhất trong sản xuất, trong công tác. Bộ máy đó không thể dung nạp những người chỉ huy sản xuất và kinh doanh, những người phụ trách quản lý chỉ có sự hiểu biết chính trị chung chung.

Nhìn lại công tác tổ chức của ta, nhìn lại bộ máy và đội ngũ cán bộ của ta, thấy rất rõ rằng chúng ta còn phải cố gắng rất nhiều, cải tiến rất nhiều mới đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý kinh tế. Trong một thời gian dài, chúng ta đã quản lý kinh tế theo lối hành chính bao cấp, lấy động viên chính trị thay cho tính toán hiệu quả kinh tế, lấy quan hệ hành chính thay cho quan hệ kinh tế. Chúng ta đã dùng một bộ máy thuần túy hành chính để quản lý kinh tế. Một khi đã đi vào hạch toán kinh tế - và đó là việc tất yếu phải làm của việc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa - thì bộ máy hành chính bao cấp đó gây nhiều khó khăn, trở ngại lớn cho công tác quản lý.

Trong công tác lãnh đạo, nhiều cấp ủy Đảng do chưa thấy hết những đặc điểm của Đảng trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, chưa thấy rõ cơ cấu Đảng lãnh đạo. Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, cho nên thường bao biện làm thay công việc của Nhà nước ngay cả trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Ngược lại, không ít cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước lại thường ý lại vào sự lãnh đạo của cấp ủy, không thấy hết chức năng, quyền hạn của mình. Tình trạng bao biện, ý lại đó dẫn đến hậu quả là sự phân công, phân cấp không cụ thể, thiếu người chịu trách nhiệm một cách rõ ràng cho nên hiệu quả sản xuất, kinh doanh thường bị hạn chế. Đội ngũ cán bộ của chúng ta, nhìn chung, còn yếu về kiến thức quản lý kinh tế. Số đông chỉ đã được học ở các trường về quản lý kinh tế chỉ là số rất ít.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế chủ chốt ở các cấp, các ngành lại chậm được đổi mới mặc dù có những đồng chí qua thực tế công tác đã tỏ ra không đảm đương nổi nhiệm vụ. **Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật tuy đông đảo nhưng do việc sắp xếp, sử dụng chưa tốt cho nên chưa phát huy tác dụng đúng mức trong sản xuất.** Với bộ máy như vậy thì những khó khăn, thiếu sót trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế là điều khó tránh khỏi.

Nắm vững quy luật kinh tế, công tác tổ chức của ta hiện nay phải nhanh chóng góp phần xây dựng được cơ cấu kinh tế mới và thực hiện phương thức quản lý kinh tế mới. Cơ cấu kinh tế mới đòi hỏi phải có bộ máy quản lý có hiệu lực với những cán bộ có năng lực được sử dụng sắp xếp đúng. Phương thức quản lý mới đòi hỏi phải kiên quyết xóa bỏ cách tổ chức và quản lý kinh tế theo kiểu hành chính, bao cấp, chuyển mạnh sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đồng thời phương thức quản lý mới đòi hỏi vừa kiện toàn hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh, vừa kiện toàn cơ quan quản lý của Nhà nước để có đủ năng lực chỉ đạo và quản lý đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Ba là, để xây dựng được cơ cấu tổ chức thể hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý theo quan điểm toàn diện, bảo đảm tính hệ thống, tính đồng bộ của tổ chức, thì phải nghiên cứu để nắm được và vận dụng những kiến thức khoa học về tổ chức.

Những kiến thức khoa học về tổ chức còn mới mẻ đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với ta, những kiến thức khoa học ấy càng mới mẻ, sự hiểu biết của chúng ta về lĩnh vực khoa học đó chưa có bao nhiêu. Chúng ta còn phải dày công nghiên cứu để nắm được chắc và vận

dụng tốt khoa học đó. Tuy vậy, trong bước đầu, chúng ta vẫn có thể nêu lên một số điểm chính để cùng suy nghĩ.

Công tác tổ chức, một khi đã mang tính chất khoa học, phải có tính chính xác cao. Tính chính xác, tính khoa học đó đòi hỏi mọi tổ chức nằm trong cơ cấu chung đều phải có nhiệm vụ chính trị cụ thể, có chức năng rõ ràng, có bộ máy hợp lý, có phương thức hoạt động đúng, có cán bộ tương ứng với nhiệm vụ được giao. Làm thế nào để mỗi nhiệm vụ phải có một bộ máy tương ứng có khả năng làm tốt nhiệm vụ đó, và khi nhiệm vụ đã thay đổi thì bộ máy cũng kịp thời thay đổi thích ứng với nhiệm vụ mới. Làm thế nào để trong từng bộ máy không có bộ phận nào thừa, không có bộ phận nào thiếu; và mỗi bộ phận đều có những người cán bộ thích hợp nhất, có thể phát huy tác dụng một cách cao nhất. Những vấn đề đó không thể giải đáp một cách tùy tiện mà phải được soi sáng bằng những kiến thức khoa học về tổ chức.

Tính khoa học còn biểu hiện ở sự hoạt động đồng bộ về mặt tổ chức. Lê-nin đã từng ví người lãnh đạo như là một nhạc trưởng điều khiển cả một dàn nhạc, nghĩa là phải làm thế nào để có sự phối hợp đồng đều, sự hoạt động nhịp nhàng của các bộ phận. Nói đến kinh tế xã hội chủ nghĩa là nói đến sự hoạt động có kế hoạch, là nói đến kế hoạch hóa. Công tác kế hoạch hóa đòi hỏi các ngành trong lĩnh vực kinh tế—và cả các ngành trong lĩnh vực văn hóa, xã hội—phải có sự hoạt động ăn khớp với nhau, đồng bộ, cân đối, toàn diện, hợp đồng chặt chẽ. Tính đồng bộ đòi hỏi cơ cấu tổ chức phải hoàn chỉnh, phải có những cán bộ giỏi đủ cho từng ngành, từng mặt, từng cấp, và có phương pháp làm việc công nghiệp, khẩn trương, chính xác. Tính đồng bộ cũng đòi hỏi phải triệt để khắc phục mọi biểu hiện bản vị, cục bộ, địa phương, hội thái độ tự do, vô kỷ luật, vô chính phủ.

Nói đến tính khoa học của công tác tổ chức còn phải nhấn mạnh đến việc quy hoạch cán bộ. Mọi khâu trong công tác cán bộ, từ việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đến việc sắp xếp, sử dụng cán bộ đều phải được nghiên cứu một cách khoa học, theo một quy hoạch, kế hoạch hợp lý. Từng loại công việc cần những cán bộ như thế nào, trước mắt và trong tương lai, từng ngành, từng đơn vị cần bao nhiêu cán bộ, những loại cán bộ nào phải được thay thế, những ai sẽ thay thế, cách thay thế phải như thế nào để khỏi gây nên những biến động không cần thiết trong công tác, v.v. tất cả những điều đó cần được nghiên cứu, cần được chuẩn bị với sự tính toán khoa học. Có thể nói làm cho đội ngũ cán bộ không ngừng lớn mạnh, có sự kế tục hợp lý, có sự hoạt động đồng bộ.

Chúng ta đã không thấy hết tính phức tạp và nội dung khoa học của công tác tổ chức, đã nhìn nhận công tác tổ chức một cách đơn giản. Chúng ta chưa chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ tổ chức những kiến thức khoa học về tổ chức, về quản lý. Công tác tổ chức có lúc đã sa vào chủ nghĩa kinh nghiệm, trở nên sự vụ, phiến diện, thiếu nhìn xa trông rộng. Cơ cấu tổ chức và các mối quan hệ phức tạp của nó không được xác định rõ, nghệ thuật lãnh đạo và quản lý, nhất là về kinh tế không được nâng cao, chế độ làm việc còn cũ kỹ, thủ công, thiếu thiết thực và ít hiệu lực.

Trong bộ máy của ta hiện nay, tình trạng không đồng bộ là phổ biến. Các ngành, các cấp hoạt động thiếu nhịp nhàng, thiếu sự hỗ trợ lẫn nhau. Vì vậy có lúc đã xảy ra những trục trặc không đáng có, gây nên những chậm trễ và những lãng phí lớn. Những hoạt động kinh tế ở bất cứ lĩnh vực nào, công nghiệp, nông nghiệp, phân phối lưu thông, v.v. đều có mối liên hệ khăng khít với nhau,

và đều rất khẩn trương. Một khâu bị trì trệ, lúng lúng là lập tức kéo theo sự trì trệ, lúng lúng của hàng loạt khâu khác.

Trong bộ máy đó, công tác cán bộ thiếu quy hoạch, hoặc có quy hoạch thì chỉ mới là hình thức. Việc tuyển chọn cán bộ có lúc thiếu chặt chẽ, không theo những tiêu chuẩn cần thiết, thậm chí có nơi vì người mà đặt việc, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhìn chung chưa sát với đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ, việc sử dụng, sắp xếp, đề bạt cán bộ có lúc còn làm một cách chấp vá, tùy tiện, v.v. Hậu quả là trong bộ máy của chúng ta hiện nay có những cán bộ không đảm đương nổi nhiệm vụ mà chưa được thay thế; có nơi, có lúc vừa thừa cán bộ, vừa thiếu cán bộ, có những cán bộ có năng lực mà không được sử dụng, sắp xếp một cách hợp lý, v.v.

Đi nhiên, chúng ta không chờ đến khi nắm thật vững những kiến thức khoa học về tổ chức mới tiến hành chuyển hướng tổ chức. Chúng ta phải vừa làm vừa học. Với những kinh nghiệm thành công và những thiếu sót của chúng ta về mặt tổ chức những năm qua, với những kinh nghiệm về công tác tổ chức của các đảng anh em, nếu mỗi cấp, mỗi ngành biết phát huy trí tuệ tập thể, đưa các vấn đề tổ chức và cán bộ ra bàn bạc chung, chắc chắn sẽ tìm được những cách giải quyết tốt.

Bốn là, công tác tổ chức không thể tiến hành một cách riêng lẻ mà phải kết hợp chặt chẽ với công tác tư tưởng, hay nói một cách khác phải gắn công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Phục vụ đường lối, nhiệm vụ chính trị là mục tiêu, là lý do tồn tại của công tác tư tưởng và công tác tổ chức; cũng chính trong quá trình phục vụ ấy, chất lượng công tác tư tưởng và công tác tổ chức từng bước được nâng cao. Nói đến tư tưởng là

phải nói đến tổ chức. Không có tổ chức thì những lý luận, những tư tưởng đúng đắn chỉ là những điều nằm trên sách vở, những lời kêu gọi không thể trở thành sức mạnh tác động vào cuộc sống. Nhưng, ngược lại, tư tưởng tự nó cũng tác động mạnh mẽ đến tổ chức. Không một phong trào cách mạng nào có thể diễn ra mà không có sự chuẩn bị và thúc đẩy về mặt tư tưởng. Công tác tư tưởng càng sâu rộng thì càng góp phần tạo nên những biến đổi cách mạng to lớn. Và, một khi đã rơi lỏng công tác tư tưởng thì tổ chức và con người trong tổ chức rất dễ bị tiêm nhiễm những quan điểm tư tưởng lệch lạc, rất dễ phạm sai lầm trong hành động. Cho nên công tác tổ chức muốn có sự chuyển hướng cần thiết thì phải có sự phối hợp đặc lực của công tác tư tưởng. Công tác tư tưởng sẽ làm cho mọi cán bộ, đảng viên, mọi người dân hiểu rõ vì sao sự chuyển hướng tổ chức là cần thiết, vì sao sự chuyển hướng đó lại theo phương hướng này mà không theo phương hướng khác, vì sao lại dùng biện pháp này mà không dùng biện pháp khác. Công tác tư tưởng làm sáng tỏ những quan điểm của Đảng về công tác tổ chức, giúp cho mỗi người khắc phục những nhận thức, những tư tưởng sai trái, những biểu hiện cá nhân chủ nghĩa đề tự giác, tích cực thực hiện những điều mà công tác tổ chức đòi hỏi.

Cùng với việc xác định cho mỗi cán bộ, đảng viên có những quan điểm, nhận thức, tư tưởng đúng về công tác tổ chức và sự chuyển hướng của công tác đó, cần khắc phục những biểu hiện tư tưởng sai trái hiện đang tồn tại ở nơi này, nơi khác trong công tác tổ chức. Đó là tư tưởng bảo thủ, không chấp tiếp thu những cái mới trong công tác tổ chức, những cái mới mà chỉ có thực hiện nó mới làm cho công tác tổ chức thoát khỏi những trì trệ, trở thành một đón bầy có

hiệu lực thúc đẩy việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

Đó là tư tưởng nóng vội, muốn một sớm một chiều làm cho công tác tổ chức đi ngay vào nền nếp, không thấy hết tính phức tạp của công tác tổ chức, sa vào những hành động nóng nảy, phiêu lưu.

Đó là những quan điểm phong kiến và tiểu tư sản trong công tác tổ chức, sắp xếp cán bộ, sắp xếp con người theo một trật tự lỗi thời, đánh giá cán bộ chỉ theo chức vụ, cấp bậc, địa vị, coi thường cán bộ trẻ, cán bộ nữ, đề ra chính sách cán bộ với những mức đãi ngộ quá chênh lệch mang tính chất đặc quyền, đặc lợi.

Đó là tư tưởng vô tổ chức, tự do, tùy tiện trong công tác tổ chức, biểu hiện ở chỗ không tôn trọng những quy định, những nguyên tắc, những tiêu chuẩn chung, đánh giá cán bộ theo sự yêu ghét riêng tư, không tôn trọng lợi ích chung, bản vị, cục bộ, v.v.

Đó là tư tưởng hữu khuynh trong công tác tổ chức, không kiên quyết trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết về tổ chức và cán bộ, không kịp thời khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy, không kịp thời thi hành kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, coi nhẹ việc đấu tranh chống những quan điểm sai trái trong công tác tổ chức, coi nhẹ việc củng cố cơ sở, v.v.

Năm là, kiện toàn bộ máy, tăng cường và đổi mới chất lượng cán bộ tổ chức và phương pháp công tác tổ chức. Đó là một khâu quan trọng để tạo nên sự chuyển hướng mạnh mẽ trong công tác tổ chức. Cũng như trong chiến tranh, muốn đánh thắng thì phải có bộ tham mưu giỏi, trong chỉ đạo tổ chức muốn đạt kết quả tốt phải có bộ máy tổ chức với những cán bộ tổ chức tốt, có năng lực. Cấp ủy và người phụ trách muốn lãnh đạo tốt phải nắm tổ chức, song muốn

nắm chắc tổ chức thì phải sử dụng tốt bộ máy tổ chức. Bộ máy tổ chức của các cấp, các ngành là bộ tham mưu, là cánh tay đắc lực của cấp ủy, của người phụ trách trong công tác tổ chức. Bộ máy đó mà tốt sẽ giúp cho cấp ủy và người phụ trách thấy được sớm, thấy được đúng các vấn đề về tổ chức, tìm được cách giải quyết tốt các vấn đề đó. Bộ máy đó mà kém thì những sự thật về công tác tổ chức có thể bị bùng bít, bị xuyên tạc, cách giải quyết của các cấp ủy và người phụ trách sẽ không đúng, không sát, dẫn đến những hậu quả tai hại.

Hiện nay, bộ máy tổ chức của các cấp, các ngành chưa được củng cố đúng mức cho nên còn yếu so với yêu cầu của nhiệm vụ. Ở nhiều nơi, bộ máy đó còn mang những nhận thức cũ kỹ, còn theo cách làm việc cũ kỹ. Phải có sự đổi mới nhanh chóng bộ máy tổ chức, đó là một yêu cầu khách quan, cấp bách. Sự đổi mới đó phải được bắt đầu bằng việc trang bị cho mọi cán bộ trong bộ máy tổ chức những nhận thức mới, những hiểu biết cần thiết về nhiệm vụ công tác. Sự đổi mới đó còn đòi hỏi phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy tổ chức ở từng cấp, từng ngành, xác định rõ mối liên hệ của nó với cấp ủy và các ban của Đảng, các cơ quan làm công tác tổ chức của chính quyền, tạo nên sự phân cấp hợp lý để các ban của Đảng, và các ngành có thể quản lý cán bộ một cách tốt nhất. Sự đổi mới đó còn cần được thể hiện ở việc cơ quan lãnh đạo và người cán bộ phụ trách phải đích thân nắm công tác tổ chức.

Đội ngũ cán bộ tổ chức lâu nay có nhiều cố gắng, và nhìn chung đã biểu lộ sự kiên định về lập trường, lòng trung thành, tận tụy với nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, đội ngũ đó cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, nhất

là trình độ hiểu biết về khoa học tổ chức, về quản lý kinh tế còn thấp, có nơi quá thấp so với yêu cầu của nhiệm vụ. Nhiều đồng chí còn mang nặng những nhận thức cũ kỹ. Một số đồng chí thiếu khách quan, thiếu công tâm và do đó, thiếu trung thực. Một số ít hư hỏng đã phạm những sai lầm nghiêm trọng.

Làm công tác tổ chức và cán bộ là thường xuyên giải quyết những vấn đề về con người. Người cán bộ tổ chức phải có sự nhạy cảm với tình hình và nhiệm vụ chung, phải nhạy cảm với cái mới, hết lòng vì lợi ích chung, rất mực công bằng, khách quan. Người cán bộ tổ chức phải có những hiểu biết cần thiết về khoa học tổ chức, về tâm lý học, về giáo dục học về quản lý kinh tế, v.v. vì đó là những cơ sở rất cần thiết để có những nhận xét, những suy nghĩ đúng về bộ máy, về con người, về cán bộ. Người cán bộ tổ chức phải có tình thương yêu con người, thương yêu đồng chí sâu sắc. Lòng yêu, ghét của người cán bộ tổ chức phải rất công minh, không được để cho tình cảm cá nhân, những thành kiến, định kiến cá nhân len vào chi phối công tác. Dĩ nhiên công tác tổ chức là công tác khó khăn, phức tạp, nhưng trong bất kỳ tình huống nào, người cán bộ tổ chức cũng phải vì lợi ích chung của cách mạng mà đề xuất cách giải quyết tốt nhất, tuyệt đối không được để cho những tính toán cá nhân ảnh hưởng xấu đến công tác.

Những quan điểm trên đây về công tác tổ chức có quan hệ chặt chẽ với nhau, cần được quán triệt và vận dụng một cách đồng bộ. Nắm vững các quan điểm đó, chúng ta sẽ lĩnh hội được sâu sắc nghị quyết của Bộ chính trị về công tác tổ chức, hiểu được kỹ những chủ trương, biện pháp cụ thể nghị quyết đã nêu ra, và có cơ sở vững chắc để vận dụng, nghị quyết sát hợp với thực tiễn của từng ngành, từng địa phương, đơn vị.

SUY NGHĨ VỀ TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

PHẠM-THÀNH

Tổ chức là cơ cấu tồn tại khách quan của sự vật. Bất cứ một sự vật nào cũng có tổ chức của nó, tức một hình thức liên kết các yếu tố thuộc nội dung. Tổ chức của một sự vật được hình thành theo những quy luật nhất định.

Trong tự nhiên, sự vật tồn tại một cách khách quan độc lập đối với ý thức. Nó được sắp xếp theo một trật tự tự nhiên phù hợp với những quy luật tự nhiên. Trái lại, trong xã hội, mọi hiện tượng đều diễn ra thông qua hành động của con người có ý thức. Đồng chí Lê-Duẩn nói: "Nói đến tổ chức trong hoạt động xã hội của chúng ta, là nói đến mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa các bộ phận của một chỉnh thể, là hệ thống lãnh đạo và quản lý các mặt, các ngành, hệ thống các hình thức và biện pháp thực hiện các quyết định kể từ khi vạch kế hoạch tiến hành cho đến bước kiểm tra cuối cùng kết quả sự thực hiện" (1). Công tác tổ chức là hoạt động của con người nhằm sắp xếp trật tự sinh hoạt, làm việc, tổ chức cuộc sống của mình. Và chỉ có con người mới làm công tác-tổ chức, mới có hoạt động tổ chức, mới hành động có ý thức để tổ chức cuộc sống của mình. Công tác tổ chức đó nhằm xây dựng sự vật theo mô hình đã có trong ý niệm.

Công tác tổ chức là một khoa học. Nếu tổ chức là cơ cấu tồn tại khách quan của sự vật thì rõ ràng công tác tổ chức, hoạt động chủ quan của con người, không thể tùy tiện, mà phải được tiến hành theo một trình tự

nhất định, do quy luật khách quan của sự vật chi phối. Nó bắt đầu bằng việc nghiên cứu, nắm quy luật của sự vật, đề trên cơ sở đó hình dung được mô hình của sự vật đúng như nó phải tồn tại trong thực tế, đồng thời đề ra kế hoạch, biện pháp thực hiện bằng hành động thực tiễn, theo đúng trình tự đã vạch ra nhằm đạt tới mục tiêu là hình thành sự vật trong thực tế.

Như vậy công tác tổ chức vừa phải tuân theo quy luật khách quan của sự vật, vừa phải tuân theo quy luật của bản thân nó. Loại quy luật này đến lượt nó cũng lại do quy luật khách quan của sự vật chi phối. Muốn làm tốt công tác tổ chức phải nắm được những quy luật của nó. Hệ thống những nguyên tắc về công tác tổ chức mà người ta rút ra được qua tổng kết kinh nghiệm hoạt động tổ chức và đề lên thành lý luận, phản ánh những quy luật ấy, là nội dung của khoa học tổ chức.

Công tác tổ chức không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật. Nghệ thuật tổ chức biểu hiện trên mấy phương diện:

Một là, trong thực tế, sự vật là muôn hình muôn vẻ; mỗi sự vật đòi hỏi một công tác tổ chức phù hợp với nó, vì vậy, ngoài việc hiểu biết những nguyên tắc chung của công tác tổ chức, còn phải có kinh nghiệm thực tiễn tổ chức đối với từng sự vật.

Hai là, hoạt động tổ chức là một hoạt động sáng tạo. Thông qua công

(1) Lê-Duẩn: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1978, tr. 248.

tác tổ chức người ta sáng tạo ra sự vật mới. Cùng một sự vật có thể sáng tạo theo những mô hình khác nhau. Cùng một hoạt động tổ chức để đạt tới mô hình đó, người ta có thể có nhiều phương án khác nhau, ở đây nghệ thuật tổ chức biểu hiện ở chỗ phải chọn được mô hình tối ưu, phương án tối ưu.

Ba là, đối tượng của công tác tổ chức không hình thành ngay một lúc mà hình thành từng bước trong quá trình công tác tổ chức. Do đó, không phải ngay từ đầu người tổ chức đã hình dung được hết mọi chi tiết của sự vật và tất cả những việc mình phải làm để sáng tạo nên sự vật hoàn chỉnh. Nghệ thuật tổ chức đòi hỏi chúng ta trong quá trình tổ chức phải hết sức nhạy cảm để phát hiện ra những yếu tố mới xuất hiện, để hoàn thiện mô hình trong ý niệm và bổ sung, điều chỉnh phương án để ra lúc đầu.

Bốn là, nhiệm vụ của công tác tổ chức không chỉ là làm cho sự vật hình thành theo quy luật của nó mà còn làm cho sự vật hoạt động theo đúng quy luật của nó. Ở đây công tác tổ chức biểu hiện thành công tác quản lý. Trong công tác tổ chức có công tác quản lý, trong công tác quản lý có công tác tổ chức. Và như Lê-nin đã nhấn mạnh, quản lý vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật. Mỗi lĩnh vực hoạt động đòi hỏi người làm công tác tổ chức và quản lý phải vừa có kiến thức vừa có kinh nghiệm, và khéo léo.

Tính khoa học và tính nghệ thuật của công tác tổ chức càng đặc biệt nổi bật khi công tác tổ chức có liên quan đến những đối tượng xã hội. Ở đây người ta gặp không phải những sự vật vô tri có thể tùy ý sắp đặt, mà là những quan hệ xã hội muốn hình thành và với những con người sinh động, có nhận thức và tình cảm riêng, đòi hỏi phải có cách đối xử hết sức tinh tế.



Khi nói đến tổ chức phải nói đến chủ thể của tổ chức, đối tượng của tổ chức và hoạt động tổ chức. Ba yếu tố đó của tổ chức có mối liên hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau, quy định lẫn nhau.

Trong xã hội có giai cấp, công tác tổ chức trên quy mô toàn xã hội nằm trong tay giai cấp thống trị. Chủ thể của công tác tổ chức xã hội ở đây là giai cấp thống trị. Nhưng xã hội cũ là xã hội dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Ở đây hoạt động kinh tế chủ yếu là hoạt động tư nhân. Do đó công tác tổ chức trên quy mô xã hội của giai cấp thống trị chỉ giới hạn trong lĩnh vực kiến trúc thượng tầng. Công tác tổ chức của họ chủ yếu nhằm tổ chức đời sống chính trị và tinh thần để bảo đảm cái mà Mác đã nói «điều kiện bên ngoài của sản xuất», còn việc kinh doanh sản xuất thì mạnh ai người ấy làm một cách riêng rẽ, tự phát. Tổ chức kinh tế của xã hội cũ do đó hình thành một cách tự phát. Lực lượng tổ chức kinh tế không phải là hành động có ý thức của xã hội mà là lực lượng tự phát của nhu cầu tự nhiên của con người, là quy luật của thị trường... Lê-nin nói về lực lượng tổ chức của nền kinh tế tư bản như sau: «lực lượng tổ chức cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa — một xã hội được xây dựng lên một cách vô chính phủ — là thị trường trong nước và quốc tế, thị trường này lúc đó đang phát triển một cách tự phát về bề rộng cũng như bề sâu»(2).

Trong xã hội cũ, công tác tổ chức trên quy mô xã hội được tiến hành một cách có ý thức nhưng không phải theo yêu cầu của quy luật khách quan mà theo yêu cầu và lợi ích của giai cấp thống trị. Khi những lợi ích của họ phù hợp với yêu cầu của quy luật khách quan thì những tổ chức do họ tạo ra ở vào tình trạng ổn định. Khi

(2) V.I. Lê-nin: Toàn tập, tiếng Việt, Nhà Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 36, tr. 207.

những lợi ích của họ không còn phù hợp với quy luật khách quan nữa thì những tổ chức ấy trở nên bất bênh, thiếu vững chắc và không tránh khỏi sụp đổ. Những tổ chức Nhà nước, những thiết chế đã được lập, lượt dựng nên rồi sụp đổ trong suốt cả quá trình lịch sử mấy nghìn năm tồn tại của xã hội có giai cấp đã nói lên điều đó.

Như vậy, công tác tổ chức của các giai cấp thống trị cũ mặc dù được thực hiện một cách có ý thức, với những ý đồ rõ rệt, vẫn không phải là một công tác tổ chức thật sự tự giác hiểu theo nghĩa được tiến hành với một nhận thức khoa học. Trong tình hình đó không thể nói công tác tổ chức như một khoa học.

Dưới chủ nghĩa xã hội, công tác tổ chức có tính chất khác hẳn. Ở đây chủ thể của công tác tổ chức là tập thể nhân dân lao động. Đối tượng của công tác tổ chức là toàn bộ sinh hoạt xã hội từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội. Hoạt động tổ chức là hoạt động tự giác đầy đủ nhằm xây dựng, quản lý toàn bộ xã hội trong chính thể của nó theo một kế hoạch chung. Đó là những hoạt động được tiến hành vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, đồng thời cũng phù hợp với quy luật khách quan của sự vật. Chỉ trong chủ nghĩa xã hội, công tác tổ chức mới thật sự trở thành một khoa học. Chỉ trong chủ nghĩa xã hội mới có khoa học tổ chức theo ý nghĩa đầy đủ của nó.

Điểm khác nhau căn bản giữa xã hội xã hội chủ nghĩa với xã hội có giai cấp đối kháng về mặt tổ chức là ở chỗ: nếu đối tượng của công tác tổ chức trong xã hội cũ là kiến trúc thượng tầng thì đối tượng chủ yếu của công tác tổ chức trong xã hội xã hội chủ nghĩa là đời sống kinh tế, hoạt động tổ chức chủ yếu của xã hội xã hội chủ nghĩa là hoạt động tổ chức kinh tế. Trên cơ sở hoạt động tổ chức kinh tế có hiệu quả mà tiến hành

hoạt động tổ chức có hiệu quả về mặt chính trị, xã hội. Đồng thời, hoạt động tổ chức trong kiến trúc thượng tầng cũng trước hết hướng vào phục vụ hoạt động tổ chức kinh tế. Khi nói về nhiệm vụ tổ chức của cách mạng xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đã nhấn mạnh nhiệm vụ tổ chức trong lĩnh vực kinh tế như sau: "Nhiệm vụ chủ yếu mà giai cấp vô sản và nông dân nghèo do giai cấp vô sản lãnh đạo, phải hoàn thành trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào và, do đó, phải hoàn thành cả trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã bắt đầu tiến hành ở Nga, ngày 25 tháng Mười 1917, — nhiệm vụ chủ yếu đó là một công tác tích cực hay là sáng tạo nhằm thiết lập một mạng lưới các quan hệ tổ chức mới, một mạng lưới cực kỳ phức tạp và tinh tế, bao trùm sự sản xuất và phân phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người" (3).

Xuất phát từ nhiệm vụ tổ chức kinh tế với tinh cách là nhiệm vụ chủ yếu của chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã đề ra một loạt phương châm chỉ đạo công tác tổ chức của người cộng sản. Sau đây là một số phương châm quan trọng mà chúng ta cần quán triệt trong hoạt động tổ chức hiện nay của chúng ta.

1 — Công tác tổ chức phải vừa có tinh cách mạng, vừa có tinh khoa học. Nhiệm vụ của công tác tổ chức là xây dựng một xã hội mới trong tất cả những chi tiết, căn bản khác xã hội cũ. Đó là một nhiệm vụ cách mạng rất khó khăn, phức tạp. Để thực hiện nhiệm vụ cách mạng vĩ đại ấy, công tác tổ chức phải kết hợp xây dựng và cải tạo, trong đó xây dựng là chính. Nó phải xóa bỏ tất cả những cái gì là cũ kỹ, lỗi thời, thủ cựu làm cản trở sự hình thành cái mới.

(3) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tập 36, tr.207.

Lê-nin đã nhấn mạnh yêu cầu về tính cách mạng trong tổ chức và nghiêm khắc phê phán tính bảo thủ của nhiều cán bộ và cơ quan sau Cách mạng Tháng Mười như sau: « Trong toàn bộ lĩnh vực những quan hệ xã hội, kinh tế và chính trị, chúng ta đều tỏ ra là cách mạng «ghê gớm». Nhưng về mặt cấp bậc, về mặt tôn trọng những hình thức và những thể lệ về thủ tục hành chính thì «tính cách mạng» của chúng ta lại thường hay nhường chỗ cho tinh thần thủ cựu hủ bại nhất » (4). Lê-nin yêu cầu xóa bỏ mâu thuẫn không thể điều hòa đó giữa tính cách mạng của nhiệm vụ chính trị và tính bảo thủ của công tác tổ chức.

Muốn làm tốt công tác tổ chức mà chỉ có tinh thần cách mạng thì không đủ. Lê-nin luôn luôn nhấn mạnh phải nắm khoa học tổ chức. Nhằm mục đích ấy, phải tích cực học tập, học tập trong thực tiễn, học tập ngay cả ở giai cấp tư sản. Lê-nin nói: « chủ nghĩa đại tư bản đã tạo ra những hệ thống tổ chức lao động mà trong điều kiện có sự bóc lột quần chúng nhân dân, thì những hệ thống đó là một hình thức bóc lột ác nhất để cho một thiểu số các giai cấp hữu sản nô dịch và bóc lột số lao động phụ thêm, bóc lột sức lực, máu và thần kinh của những người lao động; nhưng đồng thời, những hệ thống tổ chức lao động ấy cũng là tổ chức sản xuất có tính chất khoa học nhất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết phải bắt chước và phải cải biến để một mặt thực hiện việc kiểm kê và kiểm soát của chúng ta đối với sản xuất, và mặt khác để sau đó nâng cao năng suất lao động » (5).

Lê-nin đã nhiều lần nêu rõ sự cần thiết phải kết hợp tính cách mạng và tính khoa học trong công tác tổ chức bằng những công thức nổi tiếng là cần kết hợp tinh thần cách mạng Nga với tinh thực tiễn Mỹ, chế độ xô viết với tinh tổ chức khoa học của người Đức.

2 - Công tác tổ chức đòi hỏi kết hợp tính tổng hợp và tính cụ thể. Tổ chức là xây dựng sự vật trong từng bộ phận và chi tiết của nó với một quan niệm hết sức rõ rệt về tính đồng bộ, về những quan hệ hữu cơ của những bộ phận, chi tiết ấy, về tính toàn bộ của sự vật, về những quy luật chi phối mỗi quan hệ hữu cơ của các bộ phận và chi tiết ấy. Công tác tổ chức là hoạt động thực tiễn biến đường lối, lý luận, thành hiện thực sinh động. Vì vậy, phải có tư duy trừu tượng nắm được sự vật trong tính tổng hợp, tính quy luật của nó, đồng thời phải hết sức cụ thể, tỷ mỉ trong hành động thực tiễn. Không nắm được tính tổng hợp, tính quy luật của sự vật, thì không có hướng hành động thực tiễn rõ rệt. Khi đi vào công tác tổ chức sẽ bối rối và mỗi bước lại buộc phải quay trở lại giải quyết những vấn đề có tính nguyên tắc. Ngược lại, nếu chỉ bằng lòng với những nguyên tắc chung, những nhận thức về tính quy luật mà không đi vào hành động cụ thể, tỷ mỉ, thì kết quả sẽ chỉ dừng lại ở sự hão huyền chung chung. ở những khâu hiệu suông mà căn bản không tiến hành được công tác tổ chức, hoặc công tác tổ chức không tiến thêm được một bước cụ thể nào.

Lê-nin yêu cầu phải biết thực hiện trong thực tiễn những chỉ thị, nghị quyết của Đảng, biến chúng thành cái cụ thể. Người nói: « Người ta đòi hỏi các đồng chí, những người cán bộ Đảng, phải dốc sức ra để giải quyết một loạt nhiệm vụ hiện nay mới chỉ được vạch ra dưới hình thức chỉ thị, nghị quyết do các cơ quan chính quyền xô viết cấp trên và do tổ chức Đảng ban hành. Và bản thân các đồng chí cũng biết rằng từ chỗ ra nghị

(4) V. I. Lê-nin: sách đã dẫn, tập 45 tr. 453 - 454.

(5) V. I. Lê-nin: sách đã dẫn, tập 36 tr. 173 - 174.

quyết chung, từ chỗ ra những chỉ thị chung đến việc biến những chỉ thị và nghị quyết đó trên thực tiễn thành hiện thực thì thật là xa biết bao; như thế có nghĩa đó là một gánh nặng rất lớn mà các cán bộ phải gánh vác để thực hành một cách có kết quả những chỉ thị, nguyên tắc đó, sao cho những chỉ thị ấy không phải chỉ được ghi trên giấy tờ, điều mà, tiếc thay, hiện nay không phải là hiếm có ở nước Nga xô viết (6).

3 - Công tác tổ chức phải kết hợp dự kiến khoa học với kinh nghiệm thực tiễn. Phương châm này là hệ quả của phương châm vừa nói ở trên. Phải có dự kiến khoa học dựa trên cơ sở nắm quy luật của sự vật để có mô hình toàn bộ của sự vật, để xây dựng nó trong quan niệm. Một khi mô hình đã được khẳng định, công tác tổ chức đi vào hành động thực tiễn, xây dựng mô hình đó trong thực tế. Nhưng dù tài giỏi đến đâu, người tổ chức cũng không dự kiến được hết mọi chi tiết, khía cạnh của sự vật. Vì vậy trong thực tiễn, người tổ chức phải chăm chú rút kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh những dự kiến ban đầu. Trong công tác tổ chức, Lê-nin phê phán hai khuynh hướng trái ngược nhau: khuynh hướng cầu toàn trong việc đặt kế hoạch tổ chức, và khuynh hướng cứng nhắc trong chủ trương, nguyên tắc đã đề ra. Người nói sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp mới mẻ. Cần có dự kiến khoa học, nhưng phải táo, bạo trong hành động. Người ưa nhắc lại câu nói của Na-pô-lé-ông: « Cờ bắt tay làm rồi sẽ thấy rõ » (*) để chỉ rõ cần kết hợp dự kiến khoa học với kinh nghiệm thực tiễn.

4 - Công tác tổ chức phải kết hợp sự lãnh đạo của Đảng với sáng kiến của quần chúng.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại đòi hỏi tất yếu phải có Đảng lãnh đạo. Sau khi đã đề ra đường lối, Đảng phải

lãnh đạo việc tổ chức thực hiện đường lối ấy. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công tác tổ chức. Không có sự lãnh đạo ấy, công tác tổ chức không thể thực hiện theo đúng đường lối đã đề ra, không có phương hướng đúng đắn.

Chủ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp xây dựng xã hội mới cũng như của sự nghiệp tổ chức dưới chủ nghĩa xã hội là tập thể nhân dân lao động. Tập thể nhân dân lao động thông qua hành động cách mạng của mình là người trực tiếp biến đường lối của Đảng thành hiện thực. Lê-nin nói chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của quần chúng.

Trong quá trình tổ chức xây dựng xã hội mới, quần chúng nhân dân dựa trên phương hướng của Đảng, bắt tay vào thực hiện tổ chức cuộc sống mới và không ngừng sáng tạo ra những hình thức tổ chức, những phương pháp hành động mà đường lối, chính sách của Đảng không dự kiến hết. Lê-nin nhắc nhở những người cộng sản Nga phải chăm chú theo dõi kinh nghiệm thực tiễn của quần chúng, những hình thức tổ chức, những biện pháp công tác mà quần chúng sáng tạo ra. Lê-nin trân trọng mọi sáng tạo của quần chúng, từ những sáng tạo vĩ đại như hình thức xô viết của chính quyền vô sản, hình thức lao động cộng sản của thi đua đến những sáng kiến cụ thể của quần chúng trong tổ chức thi đua, tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hằng ngày, v.v. Công tác tổ chức phải biết nắm lấy những kinh nghiệm ấy, phân tích nó dưới ánh sáng đường lối, chính sách của Đảng, một mặt để hoàn thiện đường lối, mặt khác để tìm ra hình thức tổ chức, biện pháp hành động thích hợp nhất nhằm làm cho sáng tạo của quần chúng trở thành phổ biến.

★

(6) V.I. Lê-nin sách đã dẫn, tập 43, tr. 423.

(*) On a c-gage et puis on voit.

Hiện nay cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang ở vào bước đầu của thời kỳ quá độ. Nhiệm vụ tổ chức của chúng ta hết sức to lớn, nặng nề. Xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta phải tổ chức toàn bộ xã hội nước ta từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần, tất cả hầu như từ không đến có. Về đặc điểm của thời kỳ quá độ ở nước ta, đồng chí Lê Duẩn đã nói, đó không chỉ là một thời kỳ quá độ, thông thường mà còn là một thời kỳ bất đầu hình thành.

Đặc điểm ấy đòi hỏi công tác tổ chức của chúng ta phải hết sức sáng tạo. Chúng ta phải hình dung cho được mô hình xã hội của chúng ta trên mọi phương diện, phải tìm ra được phương hướng hành động đúng đắn để đạt tới mô hình đó. Thành công to lớn của Đại hội thứ IV của Đảng là đã đem lại cho nhân dân ta mô hình đó và phương hướng hành động để đạt tới mô hình đó. Mô hình đó là chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Phương hướng hành động của chúng ta là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Để giải quyết thắng lợi nhiệm vụ tổ chức đó, cần nắm vững những đặc điểm của công tác tổ chức trong thời kỳ quá độ hiện nay.

Mục đích của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng chúng ta không thể đốt cháy giai đoạn. Thời kỳ quá độ là thời kỳ đấu tranh quyết liệt để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư

bản chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ, sự vật mới đang hình thành nhưng chưa hình thành đầy đủ, sự vật cũ đang diệt vong nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn. Vì vậy, nét đặc thù của thời kỳ quá độ là sự vật có tính chất « nửa nọ nửa kia » và chưa định hình. Lê-nin nói: « Chưa nào, chúng ta chưa thực hiện được chủ nghĩa cộng sản toàn vẹn thì không một hình thức nào là vĩnh viễn cả » (7).

Về mặt tổ chức, chúng ta phải tìm ra cho được những hình thức tổ chức quá độ tương ứng với trình độ phát triển từng thời gian của thời kỳ quá độ, tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất, của cơ cấu kinh tế - xã hội, của trình độ văn hóa tư tưởng của các tầng lớp nhân dân. Chẳng hạn như chưa đến chủ nghĩa cộng sản mà đã thỏa mãn mọi nhu cầu bằng hình thức bao cấp thì đó là chủ nghĩa xã hội không tưởng, không tránh khỏi dẫn đến chủ nghĩa bình quân khổ hạnh. Để làm tốt việc phân phối, chúng ta phải tìm ra hình thức phân phối thích hợp nhất thể hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, có tính đến tính chất lao động ở các khu vực sản xuất khác nhau.

Lê-nin nhiều lần chỉ ra rằng muốn đưa một nước mà nền kinh tế cá thể của nhân dân chiếm ưu thế lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải sử dụng những hình thức quá độ từ thấp lên cao: « Không nghi ngờ gì nữa, ở một nước trong đó những người sản xuất tiểu nông chiếm tuyệt đại đa số dân cư, chỉ có thể thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng một loạt những biện pháp quá độ đặc biệt, hoàn toàn không cần thiết ở những nước tư bản phát triển trong đó công nhân làm thuê trong công nghiệp và nông nghiệp chiếm tuyệt đại đa số

(7) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 37, tr. 269.

dân cư" (8). Về trường hợp nước Nga. Người nói cụ thể hơn: « Trong trường hợp tốt nhất thì bước quá độ ấy cũng chiếm mất nhiều năm. Suốt cả thời kỳ đó, trong chính sách của chúng ta, lại thừa ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả các khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả các khó khăn của chính sách và tất cả sự khèo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó" (9). Để bảo đảm xã hội phát triển theo đúng quy luật khách quan của thời kỳ quá độ, L.-n-in đã không ngần ngại sử dụng những hình thức tổ chức xét về mặt chủ nghĩa xã hội thuần túy, là một bước thụt lùi như hình thức tổ chức nhượng, hình thức tư bản Nhà nước, hình thức trả lương cao cho chuyên gia, v.v.

Các nghị quyết của Đảng ta như nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương, nghị quyết 26 của Bộ chính trị đều là những mẫu mực về sử dụng hình thức quá độ trong thời kỳ quá độ hiện nay ở nước ta. Các hình thức khoán như trả lương khoán tập thể theo kết quả sản xuất cuối cùng trong xí nghiệp và khoán sản phẩm trong nông nghiệp là những hình thức phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của nước ta trong bước đầu của thời kỳ quá độ hiện nay.

Sự cần thiết của những hình thức quá độ đòi hỏi hoạt động tổ chức của chúng ta trong thời kỳ quá độ phải hết sức cách mạng và sáng tạo. Đặc biệt đối với nước ta, một nước từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thì tính cách mạng, tính sáng tạo của hoạt động tổ chức trong thời kỳ quá độ càng hết sức quan trọng. Chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội theo một con đường chưa có tiền lệ. Chúng ta cần học tập kinh nghiệm các nước anh em nhưng không thể áp dụng máy móc những hình thức tổ chức của các nước anh

em. Chúng ta phải tìm ra những hình thức tổ chức phù hợp với hoàn cảnh của nước ta từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những hình thức tổ chức đó phải bảo đảm đưa nước ta từ sản xuất nhỏ từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phải có khả năng cải tạo một cách có hiệu quả nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn.

Tính cách mạng và tính sáng tạo trong hoạt động tổ chức đòi hỏi chúng ta phải từ bỏ những hình thức tổ chức mà chúng ta đã quá quen thuộc trong những năm kháng chiến, để áp dụng những hình thức tổ chức mới sinh động do hoạt động kinh tế của thời kỳ quá độ đòi hỏi, nhằm sử dụng mọi năng lực sản xuất, vận dụng các đòn bẩy kinh tế phù hợp với trình độ hiện nay của lực lượng sản xuất, với tâm lý, tập quán của nhân dân lao động.

Yêu cầu và tính cách mạng và tính sáng tạo càng cao khi mà, trong thời kỳ quá độ, toàn bộ xã hội cũng như từng lĩnh vực hoạt động của nó không ngừng biến chuyển theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi yếu tố phát triển mới của lực lượng sản xuất buộc chúng ta phải xem lại hình thức tổ chức của quan hệ sản xuất. Trình độ xã hội hóa về thực chất, với những cơ sở vật chất và kỹ thuật khác nhau ở các hợp tác xã khác nhau, đòi hỏi người lãnh đạo hợp tác xã ở mỗi địa phương không được vận dụng rập khuôn kinh nghiệm tổ chức ở một nơi nào mà phải sáng tạo ra những hình thức tổ chức thích hợp nhất với địa phương. Mặt khác, một hình thức tổ chức chỉ có tác dụng tích cực trong một thời gian nhất định. Hoạt động tổ chức phải kịp thời phát hiện ra tính hình đó và kịp thời thay thế hình thức cũ bằng hình thức mới thích hợp.

(8) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 43, tr. 68 - 69.

(9) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 40, tr. 119 - 120.

PHÂN PHỐI — LƯU THÔNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

VU-HUU-NGOAN.

TRONG quá trình tái sản xuất xã hội, thì phân phối là khâu trung gian nối liền sản xuất với trao đổi và tiêu dùng, bảo đảm mục đích trực tiếp của sản xuất là tiêu dùng, cũng như bảo đảm tác dụng tích cực của tiêu dùng nhằm thúc đẩy sản xuất. Không thể có tiêu dùng và tiêu dùng tốt hơn nếu không có sản xuất và sản xuất tốt hơn. Ngược lại, không thể có sản xuất và sản xuất tốt hơn nếu không có tiêu dùng và tiêu dùng tốt hơn.

Phân phối và tiêu dùng đều bao gồm hai bộ phận: tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt. Việc tiêu dùng tư liệu sản xuất diễn ra ngay trong quá trình sản xuất để chuyển hóa từ hình thái giá trị sử dụng này thành hình thái giá trị sử dụng khác, làm cho hình thái giá trị sử dụng mới gần gũi hơn nữa với nhu cầu của sản xuất và đời sống. Còn tiêu dùng tư liệu sinh hoạt thực chất là quá trình tái sản xuất sức lao động hiện tại và sức lao động tương lai của xã hội—một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất của lực lượng sản xuất. Vì thế, *thái độ xem xét và giải quyết đối với phân phối trước hết phải được coi là thái độ đối với vận mệnh của nền sản xuất xã hội.*

C. Mác và F. Ăng-ghe-n chỉ rõ: phân phối không thuộc quan hệ tự nhiên mà thuộc về quan hệ sản xuất. Trong toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất thì phân phối là nhân tố nổi lên trên bề mặt của đời sống xã hội, làm cho đặc trưng của hệ thống quan hệ sản xuất được biểu hiện ra bên ngoài. Mối quan hệ giữa phân phối và sản

xuất nằm trong khuôn khổ mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Một khi trong xã hội còn tồn tại các lợi ích kinh tế khác nhau thì phân phối là một lĩnh vực rất phức tạp vì nó đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi của các thành viên, các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội. Vì thế, *thái độ xem xét và giải quyết vấn đề phân phối của xã hội xã hội chủ nghĩa còn phải được coi là thái độ đối với quần chúng, đối với quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.*

Trong điều kiện tồn tại quan hệ hàng hóa—tiền tệ thì phân phối có quan hệ chặt chẽ với lưu thông. Và điều đó có liên quan đến hàng loạt cơ chế và cơ cấu tổ chức kinh tế: tài chính, giá cả, ngân hàng, thương nghiệp, thị trường v.v. Bộ phận quan trọng nhất của phân phối sản phẩm diễn ra trên phạm vi lưu thông. Phân phối, lưu thông có tác dụng rất quan trọng đối với việc điều tiết thu nhập quốc dân. Việc phân phối lại thu nhập quốc dân, điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp, các giai cấp diễn ra gay gắt và quyết liệt thông qua phân phối, lưu thông. Các cơ chế và cơ cấu tổ chức kinh tế của phân phối, lưu thông là một thể liên hoàn, ảnh hưởng qua lại tác động đến sự điều chỉnh thu nhập trong xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế quốc dân ở trạng thái vận động quá độ theo chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện ấy, phân phối, lưu thông cũng có những hình thức và mức độ quá độ. So với các hình

ực kinh tế khác thì phân phối, lưu thông diễn ra với nhi u hình nhiều vẻ hơn. Những chín sách cụ thể và những biện pháp phân phối, lưu thông có tác thay đổi một cách nhanh, nhạy. Các địa phương và các cơ sở có thể ph t huy tính sáng tạo để thực hiện tốt các chính sách, biện pháp đó.

Tiêu chuẩn để đánh giá các chính sách, biện pháp, cũng như các sáng kiến về phân phối, lưu thông là: chúng có góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng cường chế độ làm chủ tập thể, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước hay không. Căn cứ vào những tiêu chuẩn đó, chúng ta có thể phân biệt được những chính sách, những biện pháp, những điển hình phân phối, lưu thông tốt và chưa tốt.

Phân phối, lưu thông trong thời kỳ quá độ được gọi là lành mạnh khi giá trị của đồng tiền không bị giảm sút hoặc chỉ giảm sút ít và chậm, giá cả không lên xuống thất thường, không hỗn loạn, thị trường ngoài kế hoạch bổ sung tốt cho thị trường có kế hoạch, các cơ chế và cơ cấu tổ chức của phân phối, lưu thông được sử dụng tích cực vào cuộc đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề ai thắng ai. Kết quả lành mạnh mà phân phối, lưu thông mang lại là góp phần đẩy mạnh sản xuất, cũng có và hoàn thiện thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân...

Hậu quả trực tiếp và nặng nề nhất của phân phối tiêu cực là vi phạm nguyên tắc mà V.I. Lê-nin đã chỉ ra: Ai không làm thì không được ăn, đó là điều lệnh thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, phải tổ chức một cách thực tiễn như thế đó. Một khi lưu thông tiêu cực, bị thả nổi, tính tự phát lấn át và thắng tính kế hoạch, thì những người sống vào tiền lương sẽ gặp khó khăn nhất, những kẻ làm ăn bất chính sẽ có thu nhập tăng vọt lên. đương nhiên, khi nguyên tắc phân

phối xã hội chủ nghĩa bị xâm phạm, thì nó gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, trầm trọng nhất là những người lao động không hằng hái sản xuất, năng suất lao động thấp. Tình trạng sản xuất thấp kém lại làm cho phân phối, lưu thông rối thêm. Đây là một vòng luẩn quẩn.

Đi từ sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, thì trong thời kỳ đầu nền sản xuất mới cần đối rất nghiêm trọng về nhiều mặt. Khó khăn nổi bật nhất là thiếu vốn tích lũy, thiếu nguyên liệu, thiếu lương thực, do đó thiếu cả máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng. Tình trạng mất cân đối ấy, khó khăn ấy không thể dễ dàng giải quyết trong chốc lát. Nếu như về mặt này, chúng ta phát huy tinh năng động, sáng tạo không dễ dàng lắm, thì trái lại có thể làm được điều đó trong lĩnh vực phân phối, lưu thông để góp phần giải quyết những khó khăn trên. Sản xuất có thể chậm phát triển, thậm chí một số nhà máy có thể phải tạm ngừng hoạt động vì thiếu nguyên liệu, nhưng phân phối, lưu thông vẫn phải tiếp tục diễn ra, thậm chí diễn ra hằng ngày, hằng giờ. Hơn nữa, quá trình sản xuất có những ràng buộc có tính tất yếu kỹ thuật. Trái lại, phân phối, lưu thông lại có tính co dãn, mềm dẻo hơn nhiều. Với khối lượng sản phẩm, hàng hóa nhất định, có thể có cách phân phối, lưu thông này hoặc cách phân phối, lưu thông khác. Nếu không có phương thức phân phối, lưu thông có tổ chức thì có phương thức phân phối, lưu thông tự phát, hoặc hai phương thức đó cùng tồn tại và đấu tranh với nhau. Đó là điều tất yếu. Một khi phân phối, lưu thông mang nặng tính tự phát thì sẽ có hiện tượng:

Thứ nhất: sản xuất vốn đã chậm phát triển, phân phối, lưu thông tự phát lại càng mở rộng những mặt

tiêu cực với tốc độ càng cao và quy mô càng lớn.

Thứ hai: sản xuất dù có kế hoạch cũng bị phân phối, lưu thông tự phát làm xói mòn, thậm chí có thể phá hoại tính kế hoạch của sản xuất. Những hiện tượng "chân ngoài dài hơn chân trong", "mất mát vật tư, nguyên liệu, v.v. chứng tỏ điều đó.

C. Mác đã chỉ rõ: sản xuất là gốc, sản xuất quyết định phân phối, lưu thông, và người ta không thể tiêu dùng cao hơn trạng thái kinh tế hiện có. Chính vì sản xuất là gốc mà trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, Nhà nước càng phát huy tính năng động, sáng tạo của mình trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, làm cho phân phối, lưu thông tác động tích cực trở lại đối với sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, làm cho quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa được khép kín và vận động nhanh chóng trong thời kỳ quá độ. Rõ ràng, phát huy tính năng động sáng tạo của Nhà nước đối với lĩnh vực phân phối, lưu thông trong thời kỳ quá độ — nhất là trong thời kỳ đầu — là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Tiến hành phân phối, lưu thông trong giai đoạn đầu không thể giống như các giai đoạn sau của thời kỳ quá độ, càng không thể giống như khi đã sang thời kỳ chủ nghĩa xã hội phát triển.

Trong giai đoạn này, nhất thiết Nhà nước phải đảm nhận: việc phân phối tư liệu sản xuất chủ yếu, thực hiện kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt, sử dụng tiết kiệm nhất nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế mới và đáp ứng đời sống bức bách nhất của nhân dân. Việc phân phối tư liệu sản xuất cho tất cả các đơn vị kinh tế công nghiệp hay nông nghiệp, quốc doanh hay tập thể đều phải gắn chặt với hạch toán kinh tế của các đơn vị đó. Phân phối tư liệu sản xuất mà không dựa trên cơ sở định mức lao

động và tiêu chuẩn kỹ thuật chính xác, không phân biệt nơi làm có hiệu quả và nơi làm không có hiệu quả thì chỉ là phân phối theo lối hạnh chính bao cấp. Đối với nông dân, việc phân phối tư liệu sản xuất, một mặt căn cứ vào đặc điểm thiên nhiên từng vùng, mặt khác phải gắn chặt với việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực và các nông sản khác đối với nhà nước.

Về phân phối tư liệu sinh hoạt cho tiêu dùng cá nhân trong giai đoạn này, cũng không thể có nguyên tắc nào khác phân phối theo lao động đối với người có sức lao động. Trong các giai đoạn của xã hội xã hội chủ nghĩa đều tồn tại cả hai phương thức phân phối cho tiêu dùng cá nhân: phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội. Khối lượng sản phẩm tuyệt đối do mỗi phương thức ấy mang lại ngày càng tăng lên, nhưng tỷ lệ giữa chúng thì có thay đổi. Phúc lợi xã hội được mở rộng dần dần tùy theo đà phát triển của sản xuất. Do đó, tỷ lệ tiêu dùng xã hội mang lại cho tiêu dùng cá nhân ngày càng tăng lên. Phân phối theo lao động xuất hiện ngay khi chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất đã được xác lập. Lúc đầu nó xuất hiện như là một công cụ đấu tranh giai cấp mạnh mẽ để chống ăn bám, bóc lột. Trong khi nói về những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết, Lê-nin đã nhấn mạnh phải kiểm tra chặt chẽ, nghiêm ngặt nhất mức độ lao động và tiêu dùng trong xã hội. Kinh nghiệm của Liên-xô cho thấy: trong thời kỳ quá độ, phân phối theo lao động chiếm tỷ lệ rất lớn trong quỹ tiêu dùng, ngày nay chỉ còn 60—70%; đến năm 1985 phân tiêu dùng công cộng sẽ lên tới 50%. Bỏ rằng lý luận cũng như thực tiễn cho chúng ta thấy rằng: trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ càng phải thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động, chống bao cấp.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, sản xuất còn kém, khối lượng sản phẩm quá ít, năng suất lao động quá thấp, đời sống cũng rất thấp, song phải tạo được tiền đề cần thiết cho sự hình thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sự thống nhất giữa ba lợi ích (Nhà nước, tập thể, cá nhân) là yêu cầu của tất cả các giai đoạn của xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, yêu cầu đó lại càng cấp thiết. Vì thế, cả công việc phân phối tư liệu sinh hoạt và phân phối tư liệu sản xuất đều phải bảo đảm kết hợp được cả ba lợi ích đó. Trong việc phân phối tư liệu sản xuất, vừa phải gắn chặt mỗi người lao động, mỗi cơ sở kinh tế, mỗi địa phương với guồng máy phân công lại lao động trong cả nước nhằm hình thành cơ cấu kinh tế mới, vừa phải phát huy đến mức cao nhất các ngành nghề sản có của địa phương và của người lao động. Việc phân phối tư liệu sinh hoạt cũng phải phục vụ cho yêu cầu phân công lại lao động và phát huy các ngành nghề sản có ấy. Có thứ hàng hóa tiêu dùng bán ra bảo đảm yêu cầu tích lũy cao, có thứ lại nhằm chủ yếu bảo đảm nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Trong thời kỳ đầu, việc tích lũy vốn để tạo ra tiền đề cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa gặp rất nhiều khó khăn. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu tích lũy cao và năng suất lao động thấp, khối lượng sản phẩm thấp, đời sống thấp. Do đó, trong thời kỳ đầu, đi đôi với việc bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, tiết kiệm được đặt ra như một nhiệm vụ chiến lược kinh tế.

Tồn tại nhiều thành phần kinh tế là đặc điểm chung của thời kỳ quá độ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu. Điều đó làm cho quan hệ hàng hóa - tiền tệ còn ở trong phạm vi rộng lớn. Trong giai đoạn đầu, tuyệt đại bộ phận nhu cầu của các thành viên

trong xã hội còn phải được đáp ứng thông qua lưu thông hàng hóa. Do vậy, ở giai đoạn này, lưu thông ảnh hưởng rất lớn đối với phân phối. Năm các cơ chế và các cơ cấu tổ chức kinh tế của lưu thông sẽ tác động vào phân phối, nhất là bảo đảm đời sống cho những người thu nhập bằng tiền lương của Nhà nước, là việc làm rất cần thiết, phù hợp với tình hình khối lượng hàng hóa ít ỏi và đời sống còn thấp.

Về phát hành, quản lý và sử dụng tiền tệ, có đặc điểm riêng của giai đoạn đầu. C. Mác đã chỉ rõ: tiền tệ là hình thái tồn tại của giá trị. Số lượng tiền tệ cần thiết trong lưu thông phụ thuộc vào các nhân tố: tổng số giá trị đã được tạo ra, giá trị của bản thân đồng tiền, số vòng quay đồng tiền trong năm, v.v. Thế nhưng, trong điều kiện từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, lúc đầu tổng số giá trị của hàng hóa được tạo ra còn ít, trong khi đó chúng ta lại có sản lao động - tài nguyên và bước đầu đã thiết lập chế độ làm chủ tập thể, cho nên cần ứng trước một số lượng tiền tệ nhất định để tổ chức sản xuất và lưu thông. Hiện tượng số lượng tiền tệ lưu thông vượt quá mức cần thiết, giá trị đồng tiền giảm sút, giá cả trên thị trường, trước hết trên thị trường ngoài kế hoạch tăng lên, là khó tránh khỏi. Vấn đề cấp bách đặt ra đối với Nhà nước là phải có sự tác động của phân phối, lưu thông để kìm hãm tốc độ giảm sút của giá trị đồng tiền, tốc độ mất cân đối giữa tiền và hàng, nhằm hạn chế bớt khó khăn của đời sống quần chúng. Đánh rằng đẩy mạnh sản xuất là vấn đề mấu chốt, điều ấy chẳng những đúng với giai đoạn đầu mà đúng cả với mọi giai đoạn. Song, trong giai đoạn đầu phải thông qua phân phối, lưu thông mà giải quyết vấn đề ngay một cách tích cực, chủ động.

Thứ nhất, tăng cường và bảo đảm

thu thuế. Thuế bằng tiền và thuế bằng hiện vật giúp Nhà nước nắm thêm được một số lượng tiền tệ do chính mình đã phát hành và nắm thêm được một số lượng sản phẩm. Điều này có tác động tốt về nhiều mặt: tăng thêm giá trị của đồng tiền, góp phần thăng bằng thu chi ngân sách; Nhà nước có thêm lương thực và nguyên liệu; bảo đảm cung cấp hàng hóa theo định lượng cho cán bộ, công nhân, viên chức... do đó có thêm điều kiện cải thiện đời sống của nhân dân lao động, trước hết là đối với những người thu nhập bằng tiền lương của Nhà nước.

Thứ hai, thu mua theo giá chỉ đạo (trong nghĩa vụ) và mua theo giá thỏa thuận (đối với mọi loại cơ sở kinh tế, kể cả nông dân cá thể) là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn đầu. Đối với chủ nghĩa tư bản, do tác động của quy luật giá trị thăng dư, khâu bán hàng ($H > T$) là lẽ sống còn và thực hiện một cách khó khăn. Trái lại, đối với chúng ta, do chế độ làm chủ tập thể và tác động của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, khâu mua hàng ($T > H$) lại trở thành đặc biệt quan trọng và thực hiện khó khăn hơn nhiều so với khâu bán. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, việc này càng quan trọng và thực hiện hết sức khó khăn, đòi hỏi hàng loạt biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục. Thực hiện tốt việc thu mua, Nhà nước sẽ nắm được phần lớn lương thực hàng hóa, nguyên liệu và hàng tiêu dùng. Từ đó, kế hoạch sản xuất có thể thực hiện một cách vững chắc, Nhà nước có thể chủ động tổ chức đời sống trên quy mô toàn xã hội và đấu tranh có hiệu quả hơn với thị trường "tự do". Trong báo cáo về việc dùng thuế lương thực thay cho chế độ trưng mua lương thực thừa ở Nga trước kia, V.I. Lênin đã chỉ rõ: « Nếu trong tay các đồng chí có hàng hóa, thì các đồng chí sẽ giữ được chính quyền » (1).

Thứ ba, giá cả là một công cụ kinh tế đặc lực trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ. Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị. Điều đó có hai nghĩa: một mặt giá cả phải phản ánh giá trị, phải lấy giá trị làm cơ sở, mặt khác giá cả có khả năng chênh lệch với giá trị (thấp hơn hoặc cao hơn). Nhà nước xã hội chủ nghĩa cần và có thể lợi dụng khoảng chênh lệch đó để làm đòn bẩy kinh tế. Buồng lỗng giá cả hoặc làm công tác giá cả không đúng là bỏ lỡ một ưu thế của chủ nghĩa xã hội.

Tính toán đúng giá trị để làm căn cứ xác định giá cả là một hoạt động khoa học. Phải biết chính xác giá trị của hàng hóa thì mới có cái mốc xác định khoảng chênh lệch giữa giá cả với giá trị; không ở giá trị mà làm giá cả thì chỉ là tùy tiện, không còn cái gọi là « khoảng chênh lệch » nữa. Tính toán giá trị của nông sản hàng hóa là việc đặc biệt khó khăn. Ở đây vừa có nhân tố làm tăng giá trị lại vừa có nhân tố làm giảm giá trị của hàng hóa do đặc điểm của nông nghiệp sinh ra. Nếu như xác định giá trị là một hoạt động khoa học thì việc xác định khoảng chênh lệch giữa giá cả và giá trị lại là một nghệ thuật. Nhà nước sử dụng khoảng chênh lệch đó nhằm phục vụ nhiệm vụ kinh tế và chính trị, điều chỉnh quan hệ hàng-tiền mà biểu hiện là quan hệ cung-cầu, phân phối thu nhập quốc dân, bảo đảm về mặt giá trị của việc phân phối lần đầu, điều chỉnh thu nhập giữa các thành viên và các tầng lớp trong xã hội. Định giá hàng nào cao, giá hàng nào thấp, mức cao và thấp bao nhiêu là công việc cơ bản. Nó thật sự là nghệ thuật sử dụng đòn bẩy kinh tế của Nhà nước.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, giá cả chưa được nhiều khả

(1) V. I. Lênin: Toàn tập, Nhà Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 32, tr. 288.

năng thu chi của ngân sách Nhà nước. Nhà nước phải chi bù lỗ đối với những giá hàng cung cấp để giữ vững đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân lao động. Ngược lại, có nhiều mặt hàng, trên cơ sở tính đúng giá trị, xác định khoảng chênh lệch cao hợp lý, có thể đem lại một nguồn thu tiền tệ đáng kể, góp phần giữ vững giá trị đồng tiền và cải thiện đời sống cho những người lao động.

Thứ tư, tăng cường việc thanh toán qua ngân hàng và thu hút tiền nhàn rỗi vào ngân hàng. Muốn thế, phải mở rộng việc mở tài khoản, có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng tiền mặt, có những chính sách khuyến khích mạnh mẽ việc gửi tiền tiết kiệm. Những việc đó mà làm thì sẽ giảm được một khối lượng lớn tiền tệ trong lưu thông, do đó làm tăng giá trị đồng tiền, góp phần kéo giá cả ở thị trường "tự do" xuống.

Thứ năm, Nhà nước sử dụng thị trường làm một công cụ sắc bén trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Thị trường diễn biến hàng ngày hàng giờ, rất nhạy bén với nhu cầu của đời sống và sản xuất, đụng chạm trực tiếp tới đời sống và lợi ích của mọi người. Đáng chú ý là thị trường ngoài kế hoạch có thể phát triển theo hai chiều hướng khác nhau: hoặc là bổ sung tốt cho thị trường có kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi thêm cho đời sống nhân dân, hoặc là đối lập với thị trường có kế hoạch, gây rối cho đời sống. Nếu thị trường ngoài kế hoạch được sự hướng dẫn và sự đấu tranh tích cực, thường xuyên của thị trường có kế hoạch, được thực hiện trực tiếp giữa những cơ sở và những người sản xuất với người tiêu thụ,

hoặc thực hiện qua tiêu thương nhưng có sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước, thì đó là thị trường ngoài kế hoạch lành mạnh. Ngược lại, nếu thị trường ngoài kế hoạch phát triển hoàn toàn tự phát, thị trường "bung ra" mà sản xuất không "bung ra" hoặc sản xuất còn bị thu hẹp lại, thì nhất định phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực. Nói cách khác, với số lượng hàng hóa không tăng, thậm chí còn giảm, mà tiêu thương tăng nhiều thì sự phát triển buôn bán lộn, buôn đi bán lại, đầu cơ tăng giá... là không tránh khỏi, nhất là nếu Nhà nước lại buông lỏng, không thực hiện kiểm kê, kiểm soát.

Những vấn đề nóng hổi của cơ chế phân phối, lưu thông ở nước ta hiện nay liên quan đến toàn xã hội. Bản thân những cơ chế đó ảnh hưởng qua lại với nhau. Việc vận hành những cơ chế đó, đòi hỏi kết hợp chặt chẽ hàng loạt biện pháp kinh tế, hành chính, và giáo dục. Các cơ quan kinh tế, các cơ quan bạo lực và các cơ quan làm chức năng động viên tuyên truyền giáo dục đều có trách nhiệm liên đới. Song, trực tiếp nhất và tác động có tính chất kinh tế nhất, là các cơ cấu tổ chức kinh tế của phân phối, lưu thông: tài chính, ngân hàng, mặt giá, thương nghiệp. Sử dụng tích cực và có hiệu quả các cơ cấu tổ chức kinh tế ấy trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, là vấn đề cấp bách ở nước ta hiện nay. Bản thân việc tổ chức và xây dựng kinh tế đã khó khăn, lại thêm sự phá hoại kinh tế của kẻ thù, cho nên cuộc đấu tranh càng quyết liệt. Công tác phân phối, lưu thông tuy phức tạp nhưng nếu làm tốt thì có thể góp phần giữ vững đời sống nhân dân và đẩy mạnh sản xuất ngay trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC

Giáo sư TRẦN-QUỐC-VƯƠNG

I

1. *Truyền thống* là một vấn đề thuộc phạm vi văn hóa và văn minh.

Truyền thống, tiếng Ấn-Âu là *tradition*, bắt nguồn từ tiếng la-tinh *tradere, traditio*, có nghĩa là trao truyền, truyền đạt, hành động trao truyền, truyền lại (*transmission*).

Một mặt, « truyền thống » được hiểu là toàn bộ những sở đắc, những thành tựu được xã hội trao truyền lại, là tất cả những cái mà các cá nhân—ngoài sự thừa kế do di truyền—nhận được và giữ lại, nắm lấy như một di sản kinh nghiệm xã hội—lịch sử, phù hợp với một sự « thích nghi » (tích cực) vào môi trường nhân văn, do giáo dục, sự tham gia vào phong tục tập quán và vào những thiết chế xã hội.

Mặt khác, « truyền thống » được hiểu là sự truyền lại qua các thế hệ các di sản văn hóa riêng của một cộng đồng nhất định (cộng đồng này được hiểu như một gia đình, một dòng họ, một xóm làng, một dân tộc, một nước...). Truyền thống là sự truyền đạt trung thành những thể *lĩnh* xã hội tập thể bảo đảm sự tồn tại của một cộng đồng (tồn tại như chính nó), truyền đạt toàn bộ lối sống của nó, và đặc biệt là những phương pháp và những kỹ thuật bảo đảm sự thành công của một cộng đồng sống trong một môi trường (tự nhiên và nhân văn) nhất định. Kinh nghiệm lịch sử của một cộng đồng không chỉ hạn chế ở sự

thành công về vật chất cho nên truyền thống cũng gồm cả các kinh nghiệm xã hội và tinh thần, toàn thể những phong tục, những tín ngưỡng, những giá trị và những ý tưởng chi phối.

Truyền thống in dấu ấn sâu sắc lên mọi xã hội, đặc biệt là những xã hội trước Công nguyên. Mác thường dẫn câu thành ngữ Pháp « *Le mort saisit le vif* » (người chết nắm lấy người sống) và Ô-giýt Công-tơ (Auguste Comte) khẳng định rằng: « Những người chết cai trị những người đang sống » (*Les morts gouvernent les vivants*).

Việc chuyển chỗ truyền thống được tiến hành đầu tiên bằng ngôn ngữ nói, bằng ký ức cá nhân và ký ức tập thể rồi sau đó bằng ngôn ngữ viết (chữ viết).

Chúng ta tiếp thu và phát huy tinh hoa truyền thống chứ không theo chủ nghĩa truyền thống (*traditionalisme*) là thứ chủ nghĩa chỉ tin vào những cái gì đã được thể chế hóa và được trao truyền, coi thường những sự đổi mới.

Như thế, có thể thấy truyền thống mang tính chất: (áp) *thể*, cộng đồng; *lịch sử*; ổn định, trường tồn nhưng không vĩnh cửu, đồng thời cũng có tính năng động; có thể học được và truyền lại được.

Và vì vậy, có thể giải thích truyền thống như là một hệ thống các *tín* cách, các thể ứng xử của một tập thể (một cộng đồng), được hình thành trong lịch sử, trong một môi trường

tự nhiên và nhân văn nhất định, trở nên ổn định, có thể được định chế hóa bằng luật hay bằng lệ, và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, để bảo đảm tính đồng nhất của một cộng đồng.

2. Lịch sử Việt-nam mấy nghìn năm qua, ngoài sự phát triển tự thân, độc lập, còn là lịch sử đấu tranh chống xâm lược và đô hộ của phong kiến Trung-quốc, và trong mấy thế kỷ gần đây, là lịch sử đấu tranh chống xâm lược và đô hộ của thực dân (cũ và mới) đế quốc phương Tây, chống ách đô hộ của quân phiệt phát xít Nhật và ngày nay đang phải chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc. Nền văn minh Việt-nam luôn luôn nảy nở và phát triển trong sự độc lập, hòa quyền và đan xen giữa:

a) Truyền thống (dân tộc, nhân dân, kể từ Đông-sơn).

b) Hỗn dung văn hóa (do kết quả tiếp xúc cưỡng chế Việt - Hoa, Việt - Pháp, Việt - Mỹ...). Giữ gìn một số nhân tố truyền thống, tích hợp một số nhân tố ngoại lai, tạo nên một tổng hợp văn hóa mới, qua cái "máy lọc" là xóm làng làm ruộng nước và Nhà nước.

c) Đổi mới (hay cách mạng).

Truyền thống
(tradition)

Hỗn dung
văn hóa

(acculturation)

→
Đổi mới
(renovation)

Cho nên, khi xử lý vấn đề truyền thống dân tộc, vừa phải chú ý đầy đủ những yếu tố nội sinh (endogène), vừa không xem nhẹ những yếu tố ngoại sinh (exogène) của văn hóa Việt-nam. Nhiều yếu tố văn hóa vốn là ngoại sinh (như tam cương, ngũ thường của Nho giáo Trung-hóa; dân chủ tư sản Pháp) cũng đã lũng đi vào đời sống chung của dân tộc ta hoặc

trở thành một vài sắc thái của truyền thống địa phương.

Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới Việt-nam làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân thì bên cạnh nhiều vấn đề khác, phải nhìn lại truyền thống Việt-nam trên ba mặt: thế ứng xử với thiên nhiên Việt-nam; thế ứng xử với xã hội Việt-nam (đối nội, đối ngoại); thế ứng xử với bản thân của người Việt-nam. Nghĩa là phải tìm hiểu thiên nhiên Việt-nam và những quan hệ truyền thống của người Việt-nam đối với thiên nhiên đó; tìm hiểu xã hội truyền thống Việt-nam với tổng thể các quan hệ truyền thống của người Việt-nam với nhau và với người ngoại; tìm hiểu con người Việt-nam truyền thống đối diện với chính mình.

Tìm hiểu truyền thống Việt-nam như vậy phải là công trình có tổ chức của một tập thể rộng lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu một vài suy nghĩ riêng.

II

1. Trái với truyền thống phương Tây khuyến khích thái độ can bản thù địch đối với thiên nhiên, người Việt-nam đã sống vừa hòa điệu vừa đấu tranh với thiên nhiên. Làm ăn: vừa sản xuất, vừa thu lượm sản phẩm tự nhiên. Xây dựng: chú ý cái hướng nhà, "nhà-hiền-vườn"; cái nhân vi hòa điệu với khung cảnh thiên nhiên. Đi lại: tận dụng đường nước; sáng tạo các loại thuyền mảng...

Ứng xử với thiên nhiên, xem thiên nhiên vừa tự-nhiên vừa huyền bí. Khai thác nhưng không phá hoại. Có thần núi, thần sông, thổ thần, thần cây, « ông hùm », « ông voi », « bà ngựa »... nhưng không quá sùng bái đến mức trở thành Bài vật giáo.

Lưu vực sông Hồng, cái nôi của truyền thống Việt-nam, có hai nét cảnh quan địa lý - nhân văn nổi bật, ngoài RUỘNG LÚA NƯỚC, là:

+ Những con ĐE (công trình trị thủy, vừa là đường đi, vừa là lũy thành).

+ Những cái AO (công trình kinh tế và dân dụng phức tạp, nuôi cá, thả rau, bèo, trữ nước rửa tắm, tưới vườn ruộng, ngâm tre gỗ...).

Giữ đê, giữ ao thì phải giải quyết đất bạc màu và cảnh "ao tù nước đọng".

Mối quan hệ giữa số dân và ruộng đất là một phương trình gay gắt phải luôn tìm cách giải. Sức ép về số dân là một nét hàng xuyên. Có một cái "ngưỡng về số dân" trong nghề làm ruộng nước cổ truyền. Phải thâm canh, tăng vụ và chuyển vụ. Phải khẩn hoang thêm miền ven biển và miền trung du. Do khai khẩn miền trung châu thổ mà đẻ ra đê. Nhưng hầu như không có công trình thủy lợi lớn. Do tính cách *hạ hạ, châu thổ* quá ồn cổ dểm mức "hóa thạch" mà người Việt ít "lên rừng, xuống biển" (trừ hoàn cảnh bất hoặc), trong lịch sử thường là nam tiến.

Cần tìm hiểu thật sâu sắc những mặt mạnh mặt yếu khác của người Việt-nam trong thế ứng xử truyền thống với thiên nhiên, trong một cơ cấu năng lượng hầu như chỉ có sức *mạnh cơ bắp*. (Người và gia súc lớn: trâu và bò. Rất ít ngựa). Người Việt ít dùng sức nước và sức gió trong sản xuất nông nghiệp, (chỉ thấy dùng thuyền buồm, lợi dụng sức gió để rẽ lúa...). Bên cạnh cái "ngưỡng về số dân" là cái "ngưỡng về kỹ thuật" trong nghề làm ruộng nước cổ truyền. Người Việt-nam giỏi *nam thời vụ* (nhất thì, nhì thục) cũng như giỏi *chớp thời cơ* trong đấu tranh chống xâm lược và đô hộ, trong đấu tranh cách mạng; giỏi vận dụng biện pháp lèn hoàn (nước, phân, cần, giống); nhưng không giỏi cải tiến công cụ (cuốc,耨,耨... gần như giữ nguyên hình loại từ thời đại đá mới). Trong thủ công nghiệp cũng vậy: người Việt-nam nổi tiếng khéo tay (đan lát, làm đồ mộc,

đệt lụa chẳng hạn) chứ *dùng cơ thể* công thì quá thô sơ (sự chuyên biệt hóa công cụ kém phát triển).

Điều quan trọng nhất là người Việt-nam (nhất là người Việt) giỏi làm ruộng, khéo vận dụng địa hình, địa thế, độ cao thấp của ruộng đất, chất đất... để tổ chức một cơ cấu trồng trọt vừa có tính đồng nhất trong cả nước, vừa có sắc thái địa phương (nhiều thổ sản địa phương nổi tiếng, cần bảo lưu và phát triển). Nhưng người Việt quá gần bó với miền châu thổ, đã xem nhẹ nghề rừng, nghề biển (và cả nghề sông — xuất hiện "mặc cảm dân chài", "không một tác đất cắm dùi"...). Thời Đông-sơn, lối sống còn khá toàn diện. Sau hơn nghìn năm Bắc thuộc và từ Lý, Trần, nhất là từ thời Lê, đã quá nghiêng lệch về *trọng nông*, đã "ức thương" và thậm chí đã đi đến chỗ *bỏ qua tỏa cảng*, trái với tự nhiên Việt-nam tựa lưng vào núi, ngoảnh mặt ra biển. Người Việt đến thế kỷ XIX, đã đi tới chỗ quay lưng lại núi rừng, nhắm mắt trước biển khơi. Cách mạng cần kiên trì xóa bỏ thế ứng xử truyền thống đó với tự nhiên, một hậu quả của "phương thức sản xuất châu Á" ngự trị quá lâu trong xã hội Việt-nam, càng trầm trọng thêm bởi ảnh hưởng độc hại của Trung-quốc ("chính trị lục địa" thay thế "chính trị biển").

2 — Khi xem xét vấn đề truyền thống, cần thẩm định lại toàn diện tính chất của hình thái kinh tế — xã hội Việt-nam từ thế kỷ XIX trở về trước và biến dạng của nó dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, quân phiệt Nhật, đế quốc Mỹ... Không thể chỉ dăn cho nó cái nhãn chung chung là "phong kiến", "thuộc địa và nửa phong kiến". Nói là "phương thức sản xuất châu Á" thì cũng cần tìm ra những biểu hiện đặc thù ở Việt-nam.

Lại cần chú trọng xem xét các *đặc điểm, sắc thái địa phương* Thủ du, cho đến thế kỷ XIX, dưới một chính quyền thống nhất của triều đình nhà

Nguyễn ở Huế, thì ở lưu vực sông Hồng ruộng đất đã gần như hoàn toàn tư hữu hóa, và nói chung là manh mún (số lượng đại địa chủ rất ít); ở miền Trung thì chế độ công hữu ruộng đất còn phổ biến (và rõ ràng là có, như ở vùng Mường, Thái và miền Trung, một lối bóc lột dựa trên chế độ ruộng đất công hữu: đây là một nhận định quan trọng để hiểu cái gọi là «phương thức sản xuất châu Á cổ truyền»); còn ở đồng bằng sông Cửu-long thì lại tồn tại phổ biến chế độ sở hữu ruộng đất lớn của đại địa chủ. Như vậy, kết cấu kinh tế, cơ cấu xã hội và dựa trên cơ sở đó, cơ cấu tinh thần và tâm lý cũng có sự khác nhau. Chế độ thuộc địa cũng có sắc thái khác nhau trên các miền của đất nước. Cho nên, trong truyền thống dân tộc, còn có truyền thống địa phương.

Nếu nhìn chung, và đặc biệt xét riêng ở đồng bằng Bắc-bộ, cái nôi của tâm lý-truyền thống-văn hóa dân tộc, ta thấy, trên nền tảng nghề nông trồng lúa nước, kinh tế tiểu nông là phổ biến. Địa chủ nhỏ sống trong làng mạc thực chất cũng kinh doanh kiểu tiểu nông. Thời Lý, Trần có một số điền trang (thái ấp, đầu thời Lê vẫn còn sót lại một số «tràng trại» lớn, song bên trong điền trang, thái ấp, tràng trại, nói chung vẫn không có sản xuất lớn mà vẫn theo lối kinh doanh tiểu nông. Khác hẳn Trung-quốc, ở ta không có một giai cấp đại địa chủ làm nền tảng xã hội vững chắc cho một chính quyền phong kiến để vương (trừ Nam-bộ, thì đã ở vào thời cận-hiện đại và chính tầng lớp này đã nâng đỡ Nguyễn-Anh và triều Nguyễn, đối kháng mãnh liệt với phong trào nông dân Tây-sơn xuất phát từ miền Trung). Lối kinh doanh tiểu nông truyền thống là «chồng cây vợ cấy con trâu đi bừa». Đây chính là một hàng số lớn của lịch sử truyền thống Việt-nam. Kinh tế tiểu nông có sức

năng động vừa đủ để sản sinh ra một nền buôn bán nhỏ (hết sức phát triển ở đồng bằng Bắc-bộ, với một hệ thống «chợ quê», phần lớn do phụ nữ đảm nhiệm), không có những luồng buôn bán lớn ở nội địa, không nối với luồng thương mại quốc tế, ngoài thương truyền thống là hãn hữu). Không có tầng lớp đại thương nhân. Đô thị không phát triển. Kẻ chợ (Thăng-long) kết cấu cũng chỉ như một cái làng lớn (phường là một đơn vị hành chính chứ không phải là phường hội công thương. Nhiều phường vẫn làm nông nghiệp, đánh cá....).

Đại địa chủ, đại thương nhân không nhiều và không đủ mạnh để có nếp sống riêng in dấu lên nếp sống dân tộc. *Nếp sống của dân tộc là nếp sống tiểu nông. Người tiểu nông Việt-nam là kẻ đóng diện cho tâm lý-truyền thống-văn hóa dân tộc.*

Kết cấu xã hội cổ truyền lấy gia đình cá thể hay gia đình hạt nhân (vợ chồng và con cái chưa đến tuổi trưởng thành) làm tế bào cơ bản. Mỗi gia đình tiểu nông là một nhà (hay một bếp).

Với sự phân công tự nhiên trong công việc nhà nông trồng lúa («chồng cấy vợ cấy»), với việc phụ nữ nắm nền buôn bán nhỏ (và do đó nắm «tay hòm chìa khóa» trong nhà), và do các hoàn cảnh lịch sử-xã hội khác (ví dụ chiến tranh), vai trò người mẹ (cái), người vợ trở nên rất quan trọng. Gia đình Việt-nam, cái khung hình thức là phụ hệ nhưng thật ra là một kiểu gia đình lưỡng đầu chế nếu không muốn nói là được xây dựng trên NGUYỄN LÝ MẸ. Đó là một hàng số của gia đình Việt-nam, của truyền thống phụ nữ Việt-nam.

Các gia đình tiểu nông Việt-nam kết hợp lại thành xóm, thành làng, với một vùng đất ở và đất trồng trọt riêng. Có thể công thức hóa:

XÓM LÀNG Σ NHÀ TIỂU NÔNG

Làng là một « mô », một « tổ chức » hết sức cơ bản, hết sức sống động của xã hội Việt cổ truyền, có diện mạo và cá tính riêng biệt, một sự kiện nhân văn tổng thể kinh tế - xã hội - văn hóa, *hiều chiều* (quan hệ màu mỡ, quan hệ địa vực, (làng giềng), quan hệ lớp tuổi, quan hệ giai cấp...).

Ở nước Việt-nam cổ truyền, không có một nếp sống đô thị và một nền văn hóa đô thị. Văn hóa Việt-nam cổ truyền, về bản chất, là một nền văn hóa xóm làng. Cái mạnh, cái yếu của truyền thống Việt-nam là ở đó! Truyền khẩu là một đặc trưng của truyền thống Việt-nam. Văn hóa Việt-nam truyền thống, về nhiều mặt, là một nền văn hóa *ngôn từ*. Làng ít nhiều có tính chất tự trị, với những thiết chế kiểu công xã do dân làng tổ chức ra.

Ở xóm làng, còn bảo lưu rất đậm một nền dân chủ làng mạc, hay như Mác nói, một « nền dân chủ nông dân », có thể gọi là dân chủ đình trư.

Dân tộc Việt-nam ra đời sớm và đáp ứng đầy đủ cả hai khía cạnh dân tộc - cư dân (nation - peuple) và dân tộc - Nhà nước (nation - Etat). Nhưng khía cạnh thứ hai là cực kỳ quan trọng. Việt-nam trước hết là một cộng đồng chính trị và ý thức dân tộc cũng trùng hợp với ý thức quốc gia. Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý thức độc lập tự chủ của người Việt-nam ngày càng được củng cố và phát triển bởi « cõi bờ sông núi đã chia », « phong tục Bắc Nam cũng khác »...

Một Nhà nước thống nhất, trung ương tập quyền là cực kỳ cần thiết; nó đóng vai trò điều hợp, tổ chức công việc trị thủy của các địa phương (đô) và đặc biệt là vai trò tổ chức công việc quốc phòng ở một đất nước luôn luôn bị đe dọa bởi sự xâm lược và bành trướng của Trung-quốc. Do vậy, nền đế quyền ở Đại Việt không thể tự cho phép tản mạn hóa thành

nhiều lãnh địa độc lập với nhau theo kiểu cách của hệ thống lãnh chúa châu Âu. Ngay dưới thời Lý, Trần, khi ta thấy xuất hiện một tầng lớp quý tộc theo dòng máu nhận được từ tay hoàng đế các thái ấp, điền trang, thì các thái ấp ấy cũng không tạo thành những lãnh địa theo kiểu châu Âu, không được « truyền tử lưu tôn ». Sang thời Lê thì các điền trang đã bị giải thể. Nhưng, khác với Trung-quốc, nền đế quyền ở Việt-nam không có một giai cấp đại địa chủ đủ mạnh để làm nền tảng xã hội vững chắc cho mình. Nhà nước Văn-lang, Âu-lạc mới thoát thai từ hệ thống thủ lĩnh địa phương. Nhà nước Đại Việt thời Lý, Trần có một tầng lớp quý tộc dòng máu (nhỏ bé). Nhà nước từ thời Lê trở đi có một giai cấp trung và tiểu địa chủ. Những Nhà nước Đại Việt thời Lý, Trần và thời Lê, Nguyễn, sắc thái có khác nhau. Những Nhà nước đó không giống những Nhà nước phong kiến ở châu Âu hay ở Trung-quốc. Đó là những Nhà nước « kiểu châu Á » mà bên cạnh một tầng lớp quý tộc dòng máu hay một giai cấp trung và tiểu địa chủ, nó còn phải dựa vào một hệ thống quan liêu và một tổ chức quân đội thường trực ngày càng mở rộng (từ Lý sang Lê, Nguyễn). Cái làm nên tính độc đáo của nền đế quyền tập trung Đại-Việt là nó phải quản không chỉ một hệ thống quan liêu và quân đội mà cả một cái biên làng mạc ít nhiều tự trị như đã nói ở phần trên.

Trong cái thể đó, Nhà nước chỉ có thể có thái độ mềm dẻo bằng cách thi hành một đường lối đối nội mang tính lưỡng trị (như sự mềm dẻo trong đường lối đối ngoại với Trung-quốc cũng mang tính chất lưỡng trị « thân phục giả vờ, độc lập thật sự »): một mặt, sử dụng bộ máy Nhà nước, (bộ máy quan liêu) để hạn chế dần dần tính phân tán tản mạn chưa được thường xuyên trong cấu trúc xóm làng và các vùng địa phương; mặt khác, phải làm

cho bộ máy đó mềm dẻo để có thể thích hợp với nền dân chủ xóm làng. Bên làng có xã, *làng xã* là cái thể tổ chức hai mặt (xã của chính quyền, làng của dân) của cảnh quan xã hội đồng quê Việt-nam cổ truyền.

Tinh quan liêu in đậm trên sắc thái Nhà nước.

Tinh cộng đồng in đậm trên sắc thái xóm làng.

Tinh quan liêu ở trên đội xương, tinh dân chủ làng mạc ở dưới đội lèn, dân xen với nhau, xoắn xuýt lẫn nhau, *nhân nhượng* lẫn nhau. Cả tinh Việt-nam truyền thống là sự *dung hòa*, là xu hướng vươn tới sự nhân nhượng. Nó tạo ra một mối QUAN HỆ LẠNG NƯỚC đặc biệt, với phương châm ứng xử *«phép vua thua lệ làng»* (nhưng mà rốt cuộc vẫn phải tuân theo phép vua về tổ thuế, đi phu và đi lính!). Nền dân chủ làng mạc của những người tiểu nông bị phong tỏa trong một bộ máy quan liêu (từ xã quan đến triều đình), để ra trông thôn xã xóm làng một tầng lớp cường hào (thường xuất thân từ trung nông trở lên) và *tinh cường hào* của những kẻ nắm quyền lực ở làng xã.

Tinh cộng đồng là mặt mạnh, tinh quan liêu, *tinh cường hào* là mặt yếu của một xã hội tiểu nông truyền thống nằm trong khung cảnh của một *«phương thức sản xuất châu Á»*.

Nếp sống tiểu nông và tâm lý tiểu nông in đậm và tạo thành sắc thái chính của *tâm lý dân tộc*. Đó là một nếp sống và một tâm lý *chủ tình* (nghĩ nhiều bằng *«bụng»*, sống nhiều bằng *tình nghĩa*), thích dung hòa, với những *biện pháp nửa vời*, khiến nội bộ xã hội không có những chấn thương lớn nhưng cũng *chậm tiến*. Nhà nước (và người dân) thường lựa chọn sự *an ninh* (*«đi hòa vi quý»*) hơn là sự *tiến bộ xã hội* (mỗi sự tiến bộ thường gây nên sự mất quân bình đã được xác lập từ trước. Đời sống làng - nước

đề ra *lĩnh nghĩa* (lĩnh làng nghĩa nước) nhưng cũng đề ra cái nhìn hạn hẹp trong tay tre xanh, xu hướng *tâm ăn phở*, không quen nhìn xa, trông rộng, làm ăn lớn; *nhảm nhục*, chịu đựng với cả những khắc nghiệt của thiên nhiên và xã hội châu Á.

III

Tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một chế độ mới, một nền kinh tế mới, một nền văn hóa mới với những con người mới, chúng ta thừa hưởng một di sản truyền thống vừa vẻ vang vừa nặng nề của quá khứ xóm làng, đất nước.

Chỉ làm ruộng thôi thì không tránh khỏi nghèo khổ. Chúng ta còn phải biết làm nghề rừng, nghề biển, phải biết buôn bán lớn trong nước và ngoài nước.

Muốn vậy phải từng bước *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* và theo đó là một quá trình *đô thị hóa xã hội chủ nghĩa*, với một giai cấp công nhân ngày càng vững mạnh, thật sự làm nền tảng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, lãnh đạo đất nước tiến lên trên con đường tiến bộ và phồn vinh xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta phải khắc phục tinh quan liêu của bộ máy Nhà nước, tinh cường hào của quyền lực thôn xã, thật sự xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo cách nói của Đảng ta, là xây dựng *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động Việt-nam*.

Biết giữ gìn tinh hoa TRUYỀN THỐNG, giải cái nọc độc của phong kiến Trung-quốc và của đế quốc thực dân, tiếp thu tinh hoa văn hóa loài người, và dám làm cách mạng (làm công nghiệp, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân), đó là đặc điểm dân tộc mới của chúng ta, tạo nên một *truyền thống mới* của Việt-nam, từ Cách mạng Tháng Tám đến nay...

PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRONG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC

HOÀNG-NGỌC-DI

I

Vấn đề giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc lâu nay thường được đặt ra trong phạm vi giáo dục đạo đức, và phần nào trong một số hoạt động nghệ thuật và xây dựng nếp sống mới. Chúng ta cần phải đặt vấn đề này một cách hoàn chỉnh trong sự hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa của người Việt-nam ta ngày nay.

Giáo dục truyền thống dân tộc trong hoàn cảnh xây dựng chủ nghĩa xã hội là giáo dục cái vốn văn hóa dân tộc, cái bản sắc dân tộc trong nhân cách xã hội chủ nghĩa, qua những biểu hiện sáng tạo của mọi người trong lao động, trong chiến đấu cũng như trong cuộc sống bình thường.

Việc giáo dục truyền thống dân tộc phải đem lại cho mọi người những hiểu biết, tình cảm tốt đẹp có màu sắc dân tộc, để giúp họ tự biểu hiện như là sự kết hợp nhuần nhuyễn văn hóa hiện đại với tinh hoa của dân tộc, nâng cao niềm tự hào dân tộc và trách nhiệm phải đóng góp vào nền văn hóa tiến bộ của nhân loại. Vốn văn hóa hiện đại càng cao thì khả năng phát huy bản sắc dân tộc càng lớn. Ngược lại, bản sắc dân tộc càng sắc sảo thì xu hướng đóng góp « cái của mình » vào kho tàng văn hóa của nhân loại càng mãnh liệt, bởi vì nhân loại công nhận một giá trị văn hóa không những căn cứ vào ý nghĩa « sử dụng » của nó mà còn rất coi trọng ý nghĩa độc đáo của nó trong sự biểu hiện. Điều này lại càng quan trọng khi sản xuất đã có thể thỏa mãn nhiều nhu cầu tiêu dùng, đến mức sự lựa chọn sẽ thiên về ý nghĩa độc đáo, nghệ thuật của hình thức.

Trong điều kiện giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trở nên phổ biến, mạnh mẽ như ngày nay, thì giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc là biện pháp quan trọng nhất để ngăn chặn những ảnh hưởng xấu của văn hóa tư sản, để bảo vệ dân tộc như một thực thể có đủ sức mạnh tồn tại và phát triển. Chính vì thế mà trong sự nghiệp cải cách giáo dục ở các nước đang phát triển hiện nay, vấn đề giáo dục truyền thống dân tộc được đặt ra với tầm quan trọng đặc biệt.

2

Một truyền thống lâu đời của dân tộc được đem ra giáo dục cho con người hiện tại phải là một tư thế tinh thần của dân tộc, có khả năng nhập vào nền văn hóa mới, như một giá trị mới. Nó không còn nguyên vẹn như cũ nữa, mặc dù có trường hợp như các bản nhạc cổ, các tác phẩm tạo hình xưa, về khách quan không có gì thay đổi. Song khi nó được con người hiện tại chấp nhận, như nguồn cảm hứng, như phương tiện thỏa mãn nhu cầu tinh thần, thậm chí như một sức mạnh của tâm hồn, thì nó là một giá trị tư tưởng mới khiến cho bất cứ người của dân tộc nào đang xây dựng chủ nghĩa xã hội hoặc có tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều có thể chấp nhận, có thể ngưỡng mộ, tuy có những trường hợp không thể bắt chước như một số phong tục tập quán. Chỉ còn lại cái hình thức của nó tức là cách biểu hiện nó qua đặc trưng tâm lý của dân tộc, qua ngôn ngữ, phong cách của dân tộc, là có tính chất dân tộc.

Nguyên tắc này rất quan trọng đối với sự lựa chọn và hoàn thiện các truyền thống của dân tộc, nó ngăn ngừa khuynh hướng dân tộc hẹp hòi, vị chủng. Đồng thời nó mở ra khả năng lựa chọn vô số truyền thống của dân tộc có thể phát huy, không riêng gì truyền thống đánh giặc. Cần coi trọng các loại truyền thống: đánh giặc giữ nước, lao động sáng tạo, giao lưu xã hội, văn học nghệ thuật... Đừng vẽ mặt giáo dục con người, thì những truyền thống văn học nghệ thuật có tác dụng sâu sắc nhất, vì những truyền thống này tự nó đã chứa đựng tinh hoa của các truyền thống khác, lại cộng thêm từ thể về sự biểu hiện, về khả năng truyền thụ cả phương tiện biểu hiện. Sự phát huy tổng hợp tất cả các truyền thống sẽ tạo nên cái vốn dân tộc của nền văn hóa mới và của con người mới.

3

Muốn giáo dục truyền thống thật sâu sắc, tức là biến truyền thống thành phẩm chất của con người mới thành nhân tố của mọi sáng tạo văn hóa, thì phải kết hợp ba yếu tố: trí tuệ, xúc cảm và hành động.

Về mặt trí tuệ, phải có sự thuyết phục về khoa học, về thẩm mỹ học, về đạo đức học theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin; phải so sánh với những giá trị văn hóa cùng loại giữa các dân tộc, phân tích ưu thế và tính độc đáo, đồng thời phải vạch ra sự tương đồng về ý nghĩa. Cần thấy rằng đây không phải là một việc dễ dàng (lấy ví dụ như so sánh âm nhạc dân tộc với âm nhạc hiện đại). Chống khuynh hướng phi lịch sử trong việc lựa chọn và giải thích truyền thống, đồng thời cũng phải chống khuynh hướng bảo thủ trong việc giới thiệu và giáo dục truyền thống.

Về mặt xúc cảm, đây là một khía cạnh có ý nghĩa quyết định tinh thần vững của việc giáo dục truyền thống. Sự thuyết phục về mặt khoa học là

một tiền đề trong việc giáo dục, tuy đã có ít nhiều yếu tố xúc cảm, song muốn có tác động sâu sắc đối với sự tiếp thu của con người thì phải tìm cách dựng lại và biểu hiện các truyền thống dưới hình thức hình tượng nghệ thuật. Phải tùy theo thị hiếu thẩm mỹ của con người hiện tại mà tìm cách diễn đạt truyền thống để tạo ra xúc cảm mạnh mẽ nhất. Ví dụ, tượng đài các anh hùng dân tộc, trong chế độ cũ đã được dựng lên với đầy đủ trang phục và dáng vẻ, màu sắc tượng trưng cho chế độ ấy; nhưng ngày nay các tượng đài của các anh hùng nhân vật ấy phải có những đường nét tạo hình, cách bố cục thích hợp, gây nên ấn tượng chủ yếu về sức mạnh tinh thần của con người và cả của chế độ mới đã dựng lên nó. Không có nghệ thuật, các truyền thống khó đi vào con người, hơn nữa còn có thể mai một.

Về mặt hành động, các truyền thống phải trở thành phong tục tập quán mới, phải chi phối hoạt động lao động và sáng tạo, phải nhập vào nền nghệ thuật hiện đại. Lòng ngưỡng mộ các anh hùng dân tộc cần được thể hiện qua các ngày giỗ, qua sự chăm sóc phần mộ, bia ký và di tích. Truyền thống nhân ái cần được thể hiện qua thói quen ăn ở, giao tiếp hằng ngày. Con người mới phải sống với truyền thống thì mới tiếp thu truyền thống một cách bền vững.

4

Muốn lựa chọn tốt và hoàn thiện các truyền thống, cần nắm vững triết học Mác - Lênin và có trình độ văn hóa hiện đại cao, vì thế không thể một lúc mà phát huy được tác dụng giáo dục của tất cả truyền thống tốt đẹp của dân tộc; công việc này đòi hỏi cả một quá trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Song trong việc giáo dục truyền thống, thì lại phải coi trọng tất cả các đối tượng, kể từ lứa tuổi trẻ và truyền thống dân tộc phải làm nền tảng cho sự hình thành thế giới quan

cùng với những tri thức khoa học toàn diện của họ.

Thế giới quan quyết định xu hướng của nhân cách. Thế giới quan là hệ thống khái quát các quan điểm, tín niệm và lý tưởng, qua đó con người có thái độ đối với hiện thực chung quanh. Thế giới quan dựa vào triết học, song nó không chỉ có hệ thống phạm trù trừu tượng như triết học; nó là hệ thống khái quát tri thức, kinh nghiệm và cảm xúc, thể hiện đặc điểm đời sống xã hội của con người. Trẻ em vốn trưởng thành trong môi trường sống gắn gũi với nó, nếu được hướng dẫn để tiếp thu tự giác, tức là có chọn lọc, những yếu tố văn hóa vốn có trong môi trường sống đó thì sự tiếp thu sẽ rất bền vững.

Cần đem những truyền thống dân tộc vào nội dung bài ca điệu nhạc, các chuyện kể ở gia đình và nhà trẻ. Cần thể hiện những truyền thống trong các ngày lễ, ngày hội ở địa phương, các buổi giỗ tết, ma chay, cưới xin trong gia đình, trong thôn xóm. Cần quan tâm tu bổ và bảo vệ những di tích lịch sử, di tích văn hóa, nghĩa trang liệt sĩ ở địa phương, đặt việc đó thành phong tục của nhân dân và của các trường học địa phương, thành niềm tự hào của thanh niên, thiếu niên ở địa phương. Nói cách khác, cần tạo điều kiện cho các em tâm minh trong các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, khi các em mới bắt đầu tiếp thu những điều sơ đẳng của văn hóa, với sự điều dắt chặt chẽ của người

lớn. Những hiện tượng phát triển « lai căng » trong một bộ phận thanh niên và thiếu niên ở các thành thị và cả một vài vùng nông thôn chúng mình một thiếu sót nghiêm trọng trong việc giáo dục: đó là sự coi nhẹ giáo dục truyền thống, trước hết là truyền thống văn hóa của dân tộc.

Lâu nay, chúng ta chỉ lo, tuy vẫn chưa đầy đủ, nghiên cứu những truyền thống dân tộc về văn hóa nghệ thuật để phục vụ cho sự sáng tác. Chúng ta còn coi nhẹ giáo dục những truyền thống đó một cách hệ thống và chặt chẽ như những yếu tố không thể thiếu trong chương trình mẫu giáo và phổ thông, trong chương trình hoạt động của Đoàn và Đội. Trong các tập thể thanh niên, nhất là ở các khu vực công nghiệp, nông trường... công tác giáo dục truyền thống cũng yếu. Ngay trong việc giáo dục lòng yêu nước, chúng ta mới làm việc phổ biến kinh nghiệm và truyền thống « cha ông ta đánh giặc ». Lúc này, ngoài việc giáo dục về truyền thống yêu nước, còn phải lựa chọn những giá trị về lối sống, về nghệ thuật. Nếu trong những lĩnh vực này, không thấy cái hay của dân tộc, thì đầu óc tự ti dân tộc vẫn tồn tại, xu hướng tiếp thu vô nguyên tắc, cái ngoại lai vẫn phát triển.

Việc phát huy và giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc cần được đặt ra tương xứng với tầm quan trọng của nó trong cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày nay.

Truyền thống cách mạng Việt-nam

PHONG-CHÂU



Ở năm 1980, nhìn lại những diễn biến lớn của lịch sử vừa qua, và căn cứ vào quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt-nam, chúng ta có thể khẳng định được nhiều truyền

thống cách mạng đã được định hình. Tính từ CÁCH MẠNG nhân dân bước phát triển mới của truyền thống dân tộc ta.

Truyền thống cách mạng Việt-nam trước hết là truyền thống được hình

thành trong năm mươi năm qua, kể từ khi Đảng cộng sản Việt-nam phát cao cờ lãnh đạo nhân dân vùng lên « cứu nước, cứu nhà, cứu mình ». Thời gian 50 năm thật quá ngắn so với hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc. Song, trong thời gian ngắn ấy, lại xảy ra nhiều sự kiện lịch sử hết sức trọng đại đối với dân tộc ta. Năm 1930, Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong phong trào cách mạng và trong đời sống chính trị của đất nước. Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thắng lợi mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Năm 1975, ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc bị đập tan, Tổ quốc ta từ đây hoàn toàn độc lập, thống nhất. Từ 1930 đến 1945, 15 năm liên đấu tranh giành *Độc lập dân tộc*. Từ 1945 đến nay, 35 năm liên chiến đấu bảo vệ *Độc lập dân tộc*. Từ những người dân mất nước, nhân dân ta đã đứng lên làm chủ đất nước và gìn giữ từng tấc đất của Tổ quốc.

Truyền thống cách mạng Việt-nam đã được biểu hiện một cách sâu sắc, hào hùng trong sự nghiệp *cách mạng giải phóng dân tộc*. Đó là truyền thống bất khuất trước uy vũ của kẻ thù, một lòng một dạ trung thành với Đảng, xả thân vì cách mạng, truyền thống yêu nước, đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết:

« Chết năm xuống, còn hồn cô Dưng
Chết còn trao súng đạn, quên đau » (1)

Đó là truyền thống dũng mãnh tiến công địch trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bành trướng bá quyền Bắc-kinh: « Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm », « Mỗi viên đạn là một quân thù », « Nhắm thẳng quân thù mà bắn », « Bám thắt lưng địch mà đánh », truyền thống toàn dân đoàn kết đánh giặc: « Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công », « Nam Bắc một nhà », « Quân với dân như cá với nước », « Hậu phương thì đua với tiền phương », v.v.

Đó là truyền thống văn hóa « tiếng hát át tiếng bom » của đồng đảo quần chúng lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng trong hoàn cảnh đời sống thiếu thốn, khó khăn, nguy hiểm. Truyền thống đó bắt nguồn từ phong trào làm thơ, làm báo, diễn kịch, diễn tuồng của các chính trị phạm ở Hòa-lộ, Sơn-la, Lao-bào, Côn-dảo, từ phong trào báo bãi, báo tường, báo liếp, báo mồm, thơ đầu bóng súng của Vệ quốc quân, hò vè của dân công trong kháng chiến chống Pháp. Bom đạn của đế quốc Mỹ không dập tắt được lời ca, tiếng học văn hóa của nhân dân ta. Nhân dân đã mở ra những lớp học dưới hầm, bên hào cho trẻ em, những lớp bỏ túc văn hóa cho người lớn ở trong thôn xóm, ở ngay cả trên trận địa, giữa lúc hành quân... Xã Cầm-bình (Hà-tĩnh cũ) bị 40 lần máy bay Mỹ dội bom, vẫn kiên trì khẩu hiệu « sản xuất là khóa, văn hóa là chìa ».

Những truyền thống cách mạng về quân sự, chính trị, văn hóa... nói trên còn mang thêm bao màu sắc đậm đà, phong phú của từng địa phương: Vĩnh-linh đất lửa, Củ-chi đất thép, Việt-bắc kiên cường, Tây-nguyên bất khuất..., mang thêm bao dáng nét đa dạng độc đáo của từng đơn vị: binh đoàn Đồng bằng tung hoành ở vùng sau lưng địch, binh đoàn Trường-sơn xông xáo trên núi cao, rừng già, đoàn không quân Sao đỏ đánh địch trên trời xanh...

Trải qua sự nghiệp giải phóng dân tộc, từng làng, xã, từng đơn vị, từng ngành, đều có truyền thống cách mạng của mình. Chúng ta ít nhiều đã từng kết. Kể làm sao cho xiết công lao, thành tích của những người đã

(1) Tô-Hữu: Thơ Tô-Hữu, Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1977, tr 134.

khuất, đang yên nghỉ ở các nghĩa trang liệt sĩ và của bao người còn sống đang tiếp tục đấu tranh vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa quang vinh.

Từ thời kỳ xô viết Nghệ-tĩnh máu lửa, thời kỳ Mặt trận dân chủ, Nam-kỳ khởi nghĩa, Bắc-son khởi nghĩa, Đồ-lương khởi nghĩa sôi sục đến Cách mạng Tháng Tám 1945, rồi qua ba cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp, chống Mỹ, chống bành trướng bá quyền Bắc-kinh, nhân dân ta đã kế thừa và phát huy cao độ truyền thống yêu nước, dân chủ, đoàn kết của ông cha.

Ảnh hưởng chủ đạo của những truyền thống cách mạng Việt-nam là chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Dưới ánh sáng chân lý vĩ đại "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", hành động anh hùng đã gọi hành động anh hùng. Ra ngõ gặp anh hùng, anh hùng ở mọi lứa tuổi, anh hùng ở mọi miền, mọi thành phần dân tộc. Anh hùng trong công việc phi thường và anh hùng cả trong công việc bình thường. Người chiến sĩ đứng trên đồn giặc thăm phục anh cán bộ nằm vùng ở sau lưng địch; cô thanh niên xung phong làm đường trên đỉnh Trường-son kinh mến bà mẹ lái đò chèo thuyền trên quãng sông bom đạn nổ ác liệt. Hành động anh hùng của người này vừa là tấm gương, vừa là điểm tựa cho người kia. Sự cộng hưởng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng không ngừng nâng cao tâm hồn con người và là chất men nẩy tạo nên những truyền thống. Trong những giờ phút gay go của dân tộc, trước những gương sáng của đồng đội, sự phân bội, yếu hèn, nhút nhát bị lên án, lòng trung thành, quả cảm được khơi dậy, lửa căm thù quân địch rực cháy. Truyền thống cách mạng Việt-nam đã hình thành từ những hành động của hàng triệu con người như vậy, thấm thía, lặng lẽ, không ồn ào.

Với Cách mạng Tháng Mười Nga, loài người chuyển từ chế độ nô lệ tư

bản chủ nghĩa sang chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Cách mạng tháng Mười Nga đặt giai cấp công nhân vào vị trí trung tâm của thời đại, thức tỉnh đông đảo quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức, bị bóc lột vùng lên đấu tranh giành giải phóng giai cấp, giành độc lập dân tộc, giành tự do và phẩm giá cho con người, giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. Trong số các dân tộc vùng lên theo con đường của cách mạng Nga, có dân tộc Việt-nam. Nhân dân ta đã kiên trì đường lối cách mạng vô sản do Hồ Chủ tịch nêu ra. Cách mạng Việt-nam ngày nay thắng lợi là nhờ ở đường lối đó. Truyền thống cách mạng tồn tại và phát triển cũng dưới ánh sáng của đường lối đó. Cho nên, cái chất mới, cái chất kim cương ngời sáng và rắn chắc của truyền thống cách mạng là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Cái chất mới này tạo nên những truyền thống cách mạng hoàn toàn mới: truyền thống đoàn kết chiến đấu với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, coi «bốn phương vô sản đều là anh em», truyền thống đoàn kết với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đoàn kết với Lào, Cam-pu-chia, hai nước mà «tình sâu hơn nước Hồng-hà, Cửu-long». Cái chất mới này làm cho những truyền thống dân tộc mang thêm nhiều giá trị mới. Thông qua nhiều phong trào cách mạng, thủ thách, đấu tranh, trong thời đại mới, truyền thống yêu nước trở thành truyền thống yêu nước xã-hội chủ nghĩa, truyền thống dân chủ của công xã được phát huy lên thành truyền thống làm chủ tập thể. v.v. Quần chúng lao động ngày nay tự giác làm ra lịch sử, nhất định sẽ làm giàu đẹp, phong phú thêm truyền thống cách mạng. Cái chất mới này làm cho sức mạnh của truyền thống dân tộc được nhân lên gấp bội. Trong bài diễn văn

kỷ niệm lần thứ 600 Năm sinh Nguyễn-Trãi, vị anh hùng vĩ đại của dân tộc Việt-nam ở thế kỷ XV, đồng chí Võ-Nguyên-Giáp đánh giá cao nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh của Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi, khéo kết hợp đánh địch bằng cả chính trị, quân sự, ngoại giao, đánh địch bằng lực lượng của toàn dân và bằng quân đội dân tộc, kết hợp tiến công của nghĩa quân với nổi dậy của quần chúng và kế tâm công, và đã khẳng định: *«Đảng ta đã kế thừa và phát huy chiến lược đó lên đỉnh cao mới và đã khái quát thành chiến lược tổng hợp»* với sức mạnh cực kỳ to lớn chiến thắng mọi kẻ thù.

Thật vậy, chỉ ở thời đại mới, nhờ sự kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lê-nin với nghị lực cách mạng phi thường và sức sáng tạo vô tận của nhân dân, Đảng ta đã thực hiện thành công «chiến lược tổng hợp» tại tình này, đánh thắng đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế.

Truyền thống cách mạng Việt-nam vừa mang sức mạnh vĩ đại của dân tộc vừa mang sức mạnh bạo táp của thời đại.

Truyền thống cách mạng Việt-nam do những thế hệ sống trong thời đại Hồ-Chí-Minh được sự giáo dục trực tiếp của Đảng cộng sản và của lãnh tụ Hồ-Chí-Minh kiến trúc và tạo hình. Truyền thống cách mạng Việt-nam là sản phẩm của thời đại Hồ-Chí-Minh. Năm mươi năm nay, nhân dân Việt-nam đã kiên cường đấu tranh dưới hai ngọn cờ Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội do Đảng cộng sản Việt-nam giương cao. Có thế hệ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cùng Bác tìm đường, phá đường, vượt muôn ngàn khó khăn, nguy hiểm, lãnh đạo nhân dân vùng lên giành chính quyền. Từ đây toàn dân sống trong bầu không khí tự do, trong sự ân cần dìu dắt trực tiếp của Đảng, của Bác. Vạch đường đi từng bước, từng bước. «Bác bảo đi, là đi. Bác bảo thắng, là thắng» (2). Con đường cách

mạng được Đảng và Bác vạch ra, theo tiếng gọi của Bác, bao thế hệ đã nô nức lên đường. Cho đến khi Bác đi xa, chúng ta vẫn tiếp tục ra sức thực hiện những lời dặn dò trong Di chúc thiêng liêng của Bác.

Bốn nghìn năm lịch sử đã ghi lại nhiều thời đại vẻ vang: thời đại dựng nước của các vua Hùng, thời đại giữ nước, lừng lẫy chiến công của các đời Đinh - Lê, Lý, Trần, Lê..., song thời đại Hồ-Chí-Minh đánh dấu một bước biến chuyển vĩ đại của dân tộc: nhân dân ta được thật sự làm chủ xã hội, đất nước và tự giác xây dựng một xã hội không có người bóc lột người, ấm no, hạnh phúc. Đường còn dài, khúc khuỷu, chông gai, nhưng nhất định chúng ta sẽ đi tới đích.

Thông qua quá trình lâu dài giáo dục, rèn luyện, Đảng ta đã đào tạo hàng vạn cán bộ ưu tú, bồi dưỡng nhiều thế hệ con người mới sống có lý tưởng, có đạo đức, một lòng một dạ «trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội».

Trong năm mươi năm qua, tiếp thụ đạo lý làm người của Bác, nhân dân ta đã «thà chết không chịu làm nô lệ», «nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng».

Những giá trị tinh thần, những phẩm chất cao thượng, những «hợp kim quý của kiên thức, lòng tin và hành động thực tiễn cộng sản» (3) của thế hệ này truyền qua thế hệ khác, của người trước truyền lại cho người sau đã tạo nên những truyền thống vẻ vang của thời đại. Mỗi thế hệ hoặc

(Xem tiếp trang 50)

(2) Tố-Hữu: *Thơ Tố-Hữu*, Nhà Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1977, tr 83.

(3) Va-dim Pet-che-nép: «Linh hồn tác cách mạng của những thế hệ». *Tạp chí Khoa học xã hội*, Viện hàn lâm khoa học Liên-xô (tiếng Pháp), số 2-1979, trang 253.

VỀ CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LẤN, KHIÊU KHÍCH VÀ PHÁ HOẠI CỦA TRUNG-QUỐC Ở VÙNG BIÊN GIỚI NƯỚC TA TRONG HAI NĂM QUA

NGUYỄN-ĐỨC-THIỆNG

7

Ở sau khi thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn (tháng 2-1979) đến nay, nhà cầm quyền Trung-quốc đã gây ra trên 4000 vụ khiêu khích vũ trang ở biên giới phía bắc nước ta. Tính đến cuối tháng 8-1980, họ còn chiếm 34 điểm và cụm điểm thuộc 4 tỉnh: Lạng-sơn, Cao-bằng, Hà-tuyên, Hoàng-liên-sơn, so với 12 điểm trước ngày 17-2-1979. Phần lớn những điểm đó đều có tầm quan trọng về kinh tế hoặc quân sự, một số là những điểm cao, có điểm nằm sâu trong lãnh thổ ta gần 2 km, có điểm rộng tới hàng trăm héc-ta đất trồng trọt.

Hiện nay phía Trung-quốc thường xuyên duy trì 5 quân đoàn ở vùng gần biên giới và 15 sư đoàn áp sát biên giới nước ta. Họ mở rộng và xây dựng thêm nhiều hệ thống đường sá từ nội địa đi thẳng tới các điểm ở biên giới, thậm chí tới các điểm thuộc lãnh thổ Việt-nam mà họ còn chiếm đóng trái phép. Cùng với việc mở rộng đường sá và sân bay, họ đang đẩy mạnh việc chuyển chỗ vũ khí và thiết bị chiến tranh xuống phía nam. Họ đang củng cố và mở rộng các căn cứ quân sự ở đảo Hải-nam và quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam do họ chiếm đóng trái phép. Họ còn không ngừng đưa ra yêu sách đối với quần đảo Trường-sa thuộc chủ quyền Việt-nam. Nhà cầm quyền phản động Trung-quốc còn đi tới chỗ xúi giục một số chính phủ có liên quan tranh chấp lãnh hải với chúng ta. Hiện nay, Trung-quốc có khoảng 300 tàu quân sự lớn nhỏ hoạt động ở biên Đông. Riêng trong năm 1980, hơn 6000 lượt

chiếc tàu, thuyền có vũ trang của họ đã hoạt động khiêu khích, trịnh sát phá hoại việc làm ăn bình thường của ngư dân Việt-nam trên vùng biển của mình. Có thể nói tình hình biên giới giữa nước ta và Trung-quốc, nhất là ở phía bắc, đang ở trong trạng thái luôn luôn có chiến sự quy mô vừa và nhỏ và dễ dàng bùng nổ thành chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Điều đó chứng tỏ nhà cầm quyền Trung-quốc, tuy đã bị thất bại cay đắng, nhưng chưa hề từ bỏ âm mưu thực hiện chủ nghĩa bá quyền và bành trướng đối với Việt-nam và Đông-dương. Những hoạt động phá hoại của họ ở biên giới phía đông, phía tây nam, tây bắc và nhất là cuộc chiến tranh xâm lấn khiêu khích và phá hoại liên tục ở phía bắc nước ta, là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của họ nhằm « phá hoại ta về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, cản trở nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội, hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta, dễ tiến lên thực hiện chủ nghĩa bành trướng và bá quyền trong vùng Đông Nam châu Á » (1).

Do ở gần nước ta, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc tìm mọi cách tận dụng những lợi thế về mặt địa lý để tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nước ta bằng lực lượng vũ trang và tiến công ta bằng chiến tranh tâm lý. Điều kiện địa lý tự nhiên đã tạo nên mối quan hệ láng giềng khi hòa bình khi chiến tranh — tình hình này

(1) Lê-Duẩn: "Làm chủ tập thể — nội dung cơ bản của Hiến pháp mới", *Tạp chí Công sản*, số 12-1980.

tùy thuộc ý đồ của giai cấp thống trị Trung-quốc - trong suốt hàng nghìn năm lịch sử giữa hai nước

Khác với thực dân Pháp hoặc đế quốc Mỹ đều từ phương xa tới, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc ở sát nách chúng ta. Nhân dân ở hai bên đường biên giới thường có quan hệ họ hàng, hoặc quan hệ chủng tộc, là láng giềng gần gũi nhau. Ở nhiều nơi, nhân dân hai bên đường biên giới trước đây có quan hệ chặt chẽ với nhau: cùng cày một đồng, cùng lấy củi một rừng, cùng hợp một chợ, cùng uống nước một dòng sông, cùng chăn trâu một bãi, v.v. Từ quan hệ địa lý phát sinh những quan hệ xã hội (dân tộc, tôn giáo, sản xuất...) và quan hệ gia đình. Ngày nay, bọn phản động Trung-quốc lợi dụng quan hệ đó để thực hiện mục tiêu phản cách mạng của chúng, chống lại lợi ích của nhân dân hai nước.

Một trong những thủ đoạn của bọn phản động Trung-quốc trong hai năm qua là sử dụng lực lượng vũ trang tương đối nhỏ, thường là từ đại đội trở xuống, thường xuyên xâm nhập đánh phá vào lãnh thổ ta. Lúc cần thiết phải chiếm những điểm quan trọng hoặc để gây tội ác tương đối lớn, chúng sử dụng đến tiểu đoàn hoặc trung đoàn như vụ đánh chiếm điểm cao 1392 thuộc xã Xín-mần, tỉnh Hà-tuyên hồi tháng 10-1980. Mục tiêu của những cuộc xâm nhập vũ trang đó là nhằm giết hại đồng bào ta, phá hoại mùa màng, cướp phá của cải của nhân dân ta, hoặc để lấn chiếm đất đai, thực hiện xâm canh, và chiếm giữ những điểm cao có giá trị về mặt quân sự. Đồng thời chúng tích cực hoạt động chiến tranh gián điệp, thám báo. Chính tên phó tư lệnh quân khu Vân-nam hồi tháng 3-1980 đã thú nhận rằng Trung-quốc rất thiếu tin tức ở dọc biên giới Việt-nam và đôi phải đưa thật nhiều tên tay sai trở lại Việt-nam để trinh sát, thám báo. Hầu hết những tên tay sai của Trung-quốc

bị chúng ta bắt được, đều khai là chúng sang Việt-nam để làm gián điệp, thám báo.

Một thủ đoạn quan trọng của địch trong hai năm qua là đẩy mạnh chiến tranh tâm lý hòng làm suy yếu ý chí chiến đấu của đồng bào và cán bộ ta. Chúng sử dụng chiến tranh tâm lý như là một biện pháp chiến lược, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ chính sách phá hoại điên cuồng và liên tục đối với nước ta. Nội dung chiến tranh tâm lý của chúng là xuyên tạc, phá hoại đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Chúng dùng truyền đơn, loa phát thanh dọc biên giới, và bọn thám báo, tay sai len lỏi vào nội địa ta, tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Bọn phản động Trung-quốc bịa đặt đủ chuyện để dả kích, nói xấu các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Thủ đoạn của chúng là chia rẽ nhân dân ta, chia rẽ Đảng ta, kích động cấp dưới chống lại cấp trên, kích động nhân dân chống lại lãnh đạo, nhằm khơi dậy mầm mống đối kháng, tạo cơ sở cho chúng thâm nhập và phá hoại nước ta. Chúng xuyên tạc và công kích chính sách dân tộc, chính sách đối với vùng biên giới của Đảng và Nhà nước ta. Chúng giả vờ bảo vệ tinh hữu nghị Việt - Trung để xuyên tạc và đầu độc quan hệ giữa hai nước. Chúng thay đổi trắng đen, đảo lộn phải trái, hòng làm cho mọi người hiểu lầm rằng không phải nhân dân Việt-nam, mà bọn cầm quyền phản động Trung-quốc mới chính là người quan tâm đến tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt-nam - Trung-quốc. Để làm công việc bỉ ổi này, bọn phản động ở Trung-nam-hải đã lợi dụng tên tuổi Chủ tịch Hồ-Chí-Minh. Chúng vờ vịt đề cao Hồ Chủ tịch để hòng biện hộ cho thủ đoạn phá hoại quan hệ Việt - Trung của chúng. Điều đáng chú ý là chúng đề cao Hồ Chủ tịch để vu khống ban lãnh đạo hiện

nay của Đảng và Nhà nước ta. Chúng bịa đặt một cách vô liêm sỉ giữa thời kỳ còn Hồ Chí Minh và thời kỳ hiện nay, hình như Đảng ta có sự biến đổi về bản chất.

Chúng sử dụng tên Hoàng-Vân-Hoan làm công cụ trong việc tiến hành chiến tranh tâm lý chống nước ta. Tên bán nước Hoàng-Vân-Hoan đã đem sức tàn, dùng ba tấc lưỡi, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, nhất là trên vấn đề quan hệ Việt - Trung. Chúng thành lập tổ chức bán nước giả danh cách mạng, bao gồm cả lực lượng vũ trang, và đưa tên việt gian Hoàng-Vân-Hoan cầm đầu tổ chức này. Cái gọi là «đội quân bảo vệ mùa màng» là một bộ phận của tổ chức đó. Đội quân này chuyên hoạt động phá hoại ở vùng biên giới nước ta, có khi đi sâu vào nội địa nước ta để thu nhập tin tức tình báo hoặc len lỏi vào các cơ quan, đoàn thể ta theo kiểu «trường kỳ mai phục», chờ thời cơ hoạt động. Đội quân này bao gồm những tên phản động nhất được tuyển lựa trong số người Việt gốc Hoa đã chạy sang Trung-quốc. Dĩ nhiên là bọn này khá thông thạo tình hình các mặt của chúng ta ở vùng các dân tộc thiểu số và vùng biên giới. Thực chất đây là «đội quân người Việt» đang được bọn phản động Trung-quốc sử dụng để đánh lại người Việt. Chính sách mà bọn thực dân đế quốc trước đây đã áp dụng: dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đồng-dương đánh người Đồng-dương, nay đang được bọn phản động Trung-quốc thực hiện.

Đặc điểm của cuộc chiến tranh tâm lý của bọn phản động Trung-quốc là chúng luôn luôn núp dưới chiêu bài Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội. Rất hiếm có trong lịch sử những hiện tượng như đội quân xâm lược tiến vào lãnh thổ nước người trong tiếng nhạc quốc tế ca và dưới cờ màu đỏ, mang trong người «bùa hồ mệnh»

chữ tàu với chiến thuật «biên người». Hàng ngày hằng giờ, hàng trăm loa phóng thanh của địch dọc biên giới nước ta oang oang phát ra những bài ca được sáng tác trong những năm trước đây của hai nước. Và không thiếu những bài giả danh cách mạng, giả danh Mác - Lê-nin, giả danh chủ nghĩa xã hội, giả danh tình hữu nghị. Nhưng những hành động của bọn phản động Trung-quốc đều hoàn toàn trái ngược với hết thảy những điều nêu trong nội dung bài hát. Nội dung của chiến tranh tâm lý của địch đã đi tới chỗ phi lý cùng cực khi chúng cố mò tả lý do của hơn 4000 vụ hoạt động vũ trang và xâm nhập vào đất nước ta trong hai năm qua là cốt để bảo vệ mùa màng bên đất nước chúng!

Trong hoạt động chiến tranh tâm lý, bọn phản động Trung-quốc cầu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Trong năm 1980, CIA Mỹ cung cấp cho Trung-quốc 100 triệu đô la so với 80 triệu đô la mà chúng cung cấp cho Đài Châu Âu tự do. Nhờ vậy, đài phát thanh Bắc-kinh, trước năm 1978 mỗi tuần chỉ có hai buổi phát bằng tiếng Việt-nam, năm 1979 có tới 7 buổi, năm 1980: 8 buổi. Trên toàn tuyến biên giới giáp với nước ta, chúng dựng 20 đài truyền thanh thường xuyên phát bằng tiếng Việt-nam, tiếng các dân tộc thiểu số ở Việt-nam. Chúng tung vào nước ta truyền đơn in bằng chữ Việt-nam với số lượng rất lớn, kết hợp với việc tung dư luận, rỉ tai kích động, gây hoang mang, chia rẽ dân tộc, gây mầm bạo loạn.

Nội dung cơ bản của chiến tranh tâm lý của bọn phản động Trung-quốc là lừa bịp, xuyên tạc, vu khống, dụ dỗ, mua chuộc, chia rẽ, gây tâm lý hoài nghi, thấp thỏm, lo sợ, ít nhất là không yên tâm sản xuất và công tác. Mục tiêu hiểm độc của chúng là trực tiếp, phá hoại những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh vô địch của

cách mạng nước ta, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Những yếu tố đó là đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng ta, là ban lãnh đạo kiên cường và sáng suốt với Bộ chính trị Trung ương Đảng do đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn kính mến đứng đầu, là sức mạnh chiến đấu của quân đội nhân dân anh hùng, là tình đoàn kết không gì phá vỡ nổi của đại gia đình các dân tộc anh em trên đất nước Việt-nam thân yêu, đặc biệt là tinh nghĩa gắn bó keo sơn giữa các dân tộc ở vùng biên giới phía bắc nước ta đã bao đời nay tồn tại như một bức tường thành ở ngay tuyến đầu của Tổ quốc, chặn đứng bước tiến của quân xâm lược phương Bắc.

Đĩ nhiên, cuộc chiến tranh tâm lý, cuộc chiến tranh gián điệp của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Trung-quốc nhằm phá hoại về mọi mặt đất nước ta, là được tiến hành trên phạm vi cả nước ta, thậm chí trên phạm vi quốc tế. Tuy nhiên, vùng biên giới là địa đầu của Tổ quốc ta, là cửa ải đầu tiên mà bọn xâm lược phương Bắc phải vượt qua để thực hiện cuộc trường chinh xuống phía nam đầy tội ác của chúng. Do vị trí đặc biệt đó, việc dập tan luận điệu chiến tranh tâm lý, chặn đứng hoạt động chiến tranh gián điệp của địch ngay tại khu vực biên giới phía bắc, là một bộ phận cực kỳ quan trọng trong nhiệm vụ đánh bại cuộc chiến tranh xâm nhập phá hoại và khiêu khích của địch tại vùng biên giới phía bắc.

Bọn phản động Trung-quốc ngoan cố thi hành chính sách thù địch đối với nước ta, từ chối mọi sáng kiến hòa bình của chúng ta, thậm chí bác bỏ cả những đề nghị của chúng ta về ngừng hành động vũ trang trong dịp Tết nguyên đán. Chúng đảo lộn phải trái, vu cáo chúng ta xâm nhập lãnh thổ của chúng, đề lập liên tội ác của chúng. Tại sao bọn phản động Trung-quốc thường xuyên gây rối và

dánh phá vùng biên giới nước ta như vậy? Đó là vì chúng theo đuổi chính sách bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Cứ nhìn vào tình hình biên giới giữa Trung-quốc với tất cả các nước chung quanh, mọi người đều thấy rõ bản chất bành trướng và bá quyền của nhà cầm quyền Trung-quốc quyết định tính chất khiêu khích và xâm lược trong chính sách biên giới của họ. Bọn cầm quyền phản động Trung-quốc chưa bao giờ tỏ ý muốn thành thật trong việc giải quyết vấn đề biên giới với bất cứ nước nào. Đầu những năm 1960, họ có ký kết hiệp nghị biên giới với một số nước như Miến-điện, Nepal..., nhưng đó chỉ là chiến thuật xoa dịu nơi này, tập trung mũi nhọn vào nơi khác, chứ không phải nhằm thật sự giải quyết vấn đề. Chính sách nhất quán của họ là luôn luôn yêu sách lãnh thổ một cách phi lý, đặt vấn đề biên giới giữa nước họ với nước khác thành vấn đề chưa được giải quyết. Lúc chưa có điều kiện thì họ coi đó là vấn đề tranh chấp. Lúc có điều kiện thì họ lấy đó làm cớ để khiêu khích, gây xung đột đẫm máu, thậm chí tiến hành xâm lược như đối với Ấn-độ tháng 10-1962 và đối với chúng ta tháng 2-1979.

Như vậy, cái gọi là vấn đề biên giới đang tranh chấp do phía Trung-quốc gây nên chẳng qua chỉ là một nguyên cớ tiềm tàng để bất cứ lúc nào họ cũng có thể tùy tiện lợi dụng nhằm phục vụ cho chính sách đối nội và đối ngoại phản động của họ. Do đó, chính sách biên giới của Bắc-kinh hoàn toàn vi phạm tính chất pháp lý của đường ranh giới quốc gia giữa Việt-nam và Trung-quốc. Họ đã biến đường biên giới Việt-nam - Trung-quốc thành nơi tranh chấp đẫm máu. Họ gây nhiều tội ác đối với nhân dân ta ở vùng biên giới. Nhà cầm quyền Trung-quốc mưu đồ dùng biện pháp chiến tranh để giải quyết vấn đề biên giới. Thực chất đó là thủ đoạn tàn

bạo, lợi dụng vấn đề biên giới nhằm đạt tới mục tiêu phản cách mạng của họ. Vì rằng "nếu lấy lợi ích quân sự mà quyết định biên giới các nước thì các yêu sách về lãnh thổ sẽ không có giới hạn nào cả" (2).

Nhà cầm quyền phản động Trung-quốc còn định kéo dài tình trạng đó đến bao giờ? Lịch sử đã chứng tỏ, nơi nào có chủ nghĩa dân tộc phản động, nơi nào có chủ nghĩa bành trướng sô vanh, nơi nào có âm mưu quỷ quyệt của bọn đế quốc và phản động quốc tế, nơi đó, vấn đề biên giới cũng rối ren và thường biến thành vấn đề tranh chấp, xung đột kéo dài hàng chục năm, thậm chí hàng trăm năm. Điều đáng chú ý là hầu hết các vụ tranh chấp về lãnh thổ ở biên giới đều xảy ra ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, nơi vốn là các thuộc địa cũ của bọn thực dân phương Tây (3). Đường biên giới Việt-nam và Trung-quốc tuy cũng thuộc châu Á, nhưng lại là đường biên giới duy nhất trong số những đường biên giới giữa Trung-quốc với các nước chung quanh được Hiệp nghị quốc tế xác nhận, và do đó, có giá trị pháp lý quốc tế. Mặc dù vậy, nhà cầm quyền Trung-quốc, đều đã thường xuyên vi phạm đường biên giới đó. Tập đoàn cầm quyền sau Mao ở Bắc-kinh mang danh chủ nghĩa xã hội, đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, mở đầu bằng cuộc tiến công đồng loạt trên toàn tuyến biên giới tháng 2-1979. Đó là một sự xâm phạm nghiêm trọng độc lập, chủ quyền của nước ta, vi phạm thô bạo giá trị pháp lý của đường biên giới giữa hai nước.

Hai năm qua, nhà cầm quyền Trung-quốc vẫn tiếp tục chính sách khiến khích biên giới, hoãn toàn không tỏ ý thay đổi hoặc từ bỏ âm mưu xâm lược và thôn tính nước ta. Chúng chỉ thay đổi chiến thuật và thủ đoạn chứ không từ bỏ bản chất bành trướng và bá quyền. Hai năm qua, đối với chúng ta, là hai năm chiến đấu liên

tục chống lại cuộc chiến tranh của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc xâm lấn, khiến khích và phá hoại ở biên giới nước ta. Đối với nhà cầm quyền Trung-quốc, đó là hai năm xâm lấn, khiến khích, phá hoại điên cuồng và không ngừng bị giáng trả đích đáng. Điều đó thể hiện chính nghĩa sáng ngời và tinh thần cảnh giác cao của quân và dân ta. Chúng ta cần tiếp tục nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi cuộc chiến tranh của địch xâm lấn, khiến khích và phá hoại biên giới nước ta, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Đồng thời, chúng ta kiên quyết tố cáo trước dư luận thế giới âm mưu của nhà cầm quyền phản động Trung-quốc chà đạp lên nguyện vọng hòa bình của nhân dân hai nước Việt-nam - Trung-quốc, hòng lợi dụng vấn đề biên giới để trường kỳ phá hoại, làm suy yếu đất nước ta, tiến tới xâm lược và thôn tính nước ta, thực hiện giấc mộng bá quyền đối với Việt-nam, Đông - dương và Đông Nam châu Á.

(2) C. Mác: « Tuyên ngôn thứ hai của Ủy ban trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Đức », ngày 9.9.1870.

(3) Ở miền Nam châu Mỹ, có một số vụ tranh chấp lãnh thổ biên giới trên bộ và trên biển, kéo dài trên 100 năm, đến nay, có những vụ vẫn chưa được giải quyết.

Tại Tây Âu và Bắc Mỹ, các quốc gia dân tộc tự sản được hình thành sau khi phá bỏ trật tự phong kiến một cách tương đối triệt để, vì vậy ở các khu vực này, đường biên giới tương đối rõ ràng. Ngược lại, chính bọn đế quốc thực dân phương Tây đã để lại những đường biên giới « kém dân chủ » (Lê-nin) ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, và đó là một nguyên nhân cho các cuộc bùng nổ xung đột biên giới hiện nay.

Một khu vực khác vốn có những đường biên giới « kém dân chủ », nhưng nay không có vấn đề tranh chấp lãnh thổ biên giới. Đó là giữa các nước Cộng hòa trong Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và giữa các nước Đông-dương. Đó là những sự thật hùng hồn chứng tỏ chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể giải quyết vấn đề biên giới phù hợp với « nguyện vọng và tinh cảm của nhân dân » (Lê-nin).

Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa Việt-nam

THANH-LÊ

Xã hội nào—lối sống ấy. Một xã hội chỉ được coi là định hình khi đã hình thành được lối sống của nó. Xã hội phong kiến có lối sống phong kiến. Xã hội tư bản chủ nghĩa có lối sống tư bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải có lối sống xã hội chủ nghĩa.

Lối sống xã hội chủ nghĩa là sự kết tinh tập trung nhất của sự phát triển xã hội và kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa. Khi đã hình thành, lối sống xã hội chủ nghĩa lại tác động mạnh mẽ đến sự phát triển xã hội và con người.

LỐI SỐNG LÀ GÌ? NHƯNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Khái niệm «lối sống» rộng hơn khái niệm «mức sống» rất nhiều và hai khái niệm ấy cũng khác nhau về tính chất. «Mức sống» chỉ nói lên trình độ vật chất và văn hóa mà con người được hưởng, «lối sống» chủ yếu nói đến hoạt động chủ động của con người. Mức sống giống nhau, nhưng lối sống lại có thể hoàn toàn khác nhau. Các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển có mức sống gần nhau, nhưng lối sống đối lập nhau. Trong khi đó, giữa các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, mức sống có thể khác nhau, nhưng về lối sống lại giống nhau.

Nói một cách đơn giản, lối sống nói rõ con người sống như thế nào, để làm gì, họ làm những gì, cuộc sống của họ chứa đựng những hạnh phúc gì. Vì thế, về thực chất, lối sống không những chỉ bao quát những điều kiện sống, mà là toàn bộ những hình thức hoạt động sống của con

người trong quá trình sản xuất của cái vật chất và tinh thần, cũng như trong các lĩnh vực xã hội—chính trị và gia đình—sinh hoạt.

Không thể quy lối sống thành một cơ tính thần của những hoạt động sống, thành nếp, tính cảm và tư duy, thành một cái gì thuộc về phản ứng ý thức, vì lối sống không chỉ bao gồm ý thức mà còn bao gồm cả những lĩnh vực ngoài ý thức.

Cũng không thể coi lối sống chỉ là những «hoạt động hàng ngày», thông thường, chỉ là những hiện tượng bên ngoài. Nói đến lối sống là nói đến những nét căn bản, bộc lộ rõ bản chất của hoạt động sống của con người. Nói đến lối sống cũng là đồng thời nói đến quan niệm sống của con người, tức là nói đến nhân sinh quan. Khái niệm lối sống, cũng như khái niệm phương thức sản xuất nói lên những cái chung trong một hình thái xã hội—kinh tế nhất định. Cái chung ấy tất nhiên biểu

hiện trong những cái riêng, trong lối sống của mỗi giai cấp, mỗi tập đoàn xã hội, mỗi cá nhân.

Nói đến lối sống, phải nói đến tất cả các lĩnh vực hoạt động sống của con người trong những lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội và cá nhân, là: hoạt động lao động; hoạt động sinh hoạt - gia đình; hoạt động xã hội - chính trị; hoạt động văn hóa - tinh thần, trong đó hoạt động lao động là hoạt động cơ bản nhất, tuy rằng bản thân nó cũng chịu ảnh hưởng to lớn của những hoạt động khác. Nói đến lối sống mà chỉ bó hẹp vào những biểu hiện hành vi thức nào đó của sở thích cá nhân (như cách ăn mặc chẳng hạn) thì có nghĩa là không hiểu đầy đủ khái niệm lối sống.

Đặc trưng cơ bản nhất của lối sống xã hội chủ nghĩa là *chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa*. Đời sống cá nhân không thể tách khỏi đời sống xã hội. Điều kiện quyết định sự phát triển toàn diện và hài hòa của mỗi cá nhân là sự nhất trí giữa cá nhân và tập thể, giữa cá nhân và xã hội. Chủ nghĩa tập thể là cốt lõi của đời sống xã hội cũng như của đời sống cá nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa: tập thể trong chủ nghĩa xã hội là một tập thể của những người lao động đã thoát khỏi sự thống trị của một số ít người bóc lột và ăn bám, một tập thể sống và hoạt động bằng những phương tiện của chính mình. Một tập thể như vậy là điều kiện để mỗi cá nhân phát triển toàn diện, cho nên giữa cá nhân và tập thể dần dần hình thành một quan hệ hoàn toàn mới: mỗi cá nhân có trách nhiệm với tập thể và tập thể có trách nhiệm với mỗi cá nhân. Theo ý nghĩa ấy, *chủ nghĩa tập thể* chính là đặc trưng quyết định của lối sống xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng ấy thể hiện trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sống của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Một đặc trưng cơ bản khác của lối sống xã hội chủ nghĩa là tính chủ

động sáng tạo của cá nhân trong công đồng tập thể của nhân dân lao động. Tất nhiên, không phải đợi đến chủ nghĩa xã hội, con người mới có hoạt động sáng tạo. Lịch sử cho thấy rất nhiều tấm gương lao động sáng tạo nhằm biến đổi tự nhiên và xã hội vì mục đích của con người. Nhưng rõ ràng là đến chủ nghĩa xã hội mới có điều kiện để cho tính chủ động sáng tạo này sinh một cách tự nhiên từ những điều kiện sản xuất của xã hội và trở thành một thuộc tính của hàng triệu thành viên trong xã hội, chứ không phải chỉ là đặc quyền của một số cá nhân nào. Trong những xã hội có giai cấp bóc lột, những người lao động - tức là đại đa số dân cư trong xã hội - chẳng những không có điều kiện để tham gia một cách chủ động vào những hoạt động xã hội - chính trị và văn hóa - tinh thần mà ngay cả trong lĩnh vực hoạt động lao động, họ cũng bị tước đi mất tính chủ động vì một lẽ đơn giản: họ không sản xuất bằng những tư liệu sản xuất của họ và không sản xuất cho họ. Như Mác đã phân tích sâu sắc trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, họ không cảm thấy mình là người trong khi lao động, họ chỉ cảm thấy điều đó ở bên ngoài lĩnh vực lao động. Thậm chí cả trong lĩnh vực sinh hoạt - gia đình, lĩnh vực xưa nay vẫn được coi là có tính chất riêng tư nhất ấy, con người cũng bị những sức mạnh vật chất và tinh thần đối lập với bản chất người của họ chi phối.

Chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa và tính chủ động sáng tạo cá nhân nói cho chặt chẽ thật ra không phải là hai đặc trưng khác nhau, mà chỉ là một đặc trưng - bao gồm hai mặt gắn bó với nhau. Hai mặt ấy có thể có những phương thức kết hợp khác nhau trong từng lĩnh vực hoạt động của con người, nhưng trong bất cứ lĩnh vực nào cũng đều có sự kết hợp hữu cơ ấy. Bởi vì chủ nghĩa tập thể

xã hội chủ nghĩa là hình thức xã hội của sự phát triển chủ động sáng tạo của cá nhân, và tính chủ động sáng tạo của mỗi cá nhân cũng chỉ có thể phát triển trong cộng đồng làm chủ tập thể của những người lao động.

Đặc trưng bao gồm hai mặt gắn bó với nhau là chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa và tính chủ động sáng tạo

của cá nhân ấy là sự phân biệt ranh giới giữa lối sống xã hội chủ nghĩa với những lối sống đối lập với nó: lối sống tư sản lấy chủ nghĩa cá nhân làm cứu cánh và lối sống theo "chủ nghĩa cộng sản trại lính" kiểu mao ít. Cả hai lối sống này đều nô dịch và hủy diệt cá nhân, kìm hãm sự phát triển của xã hội.

QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC MẶT CƠ BẢN TRONG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lối sống xã hội chủ nghĩa là một tổng thể bao gồm những bộ phận hợp thành liên hệ chặt chẽ với nhau.

Trước hết là *hoạt động lao động*. Trong lối sống xã hội chủ nghĩa, lao động được coi là một giá trị lớn nhất, cao nhất. Khác với các xã hội cũ, lao động bị tha hóa, trong xã hội xã hội chủ nghĩa lao động được trả lại nguyên vẹn giá trị của nó như là bản chất của con người. Lao động không chỉ là phương tiện để con người tồn tại, mà còn dần dần trở thành nhu cầu của con người. Con người nhận thức được giá trị lao động qua việc thỏa mãn những nhu cầu chính đáng của mình, trước hết là nhu cầu lao động sáng tạo.

Ý thức về giá trị của lao động còn thể hiện rõ nhất ở *mức độ hài lòng* đối với lao động. Mức độ hài lòng đối với lao động ấy được quyết định bởi nhiều yếu tố khác nhau: sự quan tâm đến lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động, nội dung của lao động, những khả năng mà mỗi loại lao động đem lại cho sự phát triển thể lực và tinh thần của con người, sự phù hợp của mỗi loại lao động cụ thể với những đặc điểm cá nhân của mỗi người lao động cụ thể. Do đó, để người lao động ngày càng hài lòng với lao động của mình, cần có một loạt biện pháp giáo dục và tổ chức như: tăng

thêm trình độ cơ giới hóa lao động, nâng cao tinh chất sáng tạo của lao động, tổ chức lao động một cách khoa học, nâng cao tinh thần mỹ của lao động, v.v.

Trong lĩnh vực hoạt động *sinh hoạt - gia đình*, lối sống xã hội chủ nghĩa của con người có những biểu hiện khác với lối sống trong các xã hội cũ. Khái niệm "sinh hoạt" bao gồm toàn bộ lĩnh vực hoạt động hằng ngày của con người ở bên ngoài sản xuất, lao động và đời sống xã hội - chính trị. Nó gắn liền với việc khôi phục và phát triển sức lực con người, với việc tái sản xuất giống người, với việc xã hội hóa ban đầu đối với các thế hệ mới lớn lên (giáo dục và nuôi dạy con cái), với việc tự hoàn thiện của con người. Trong các xã hội cũ, hoạt động sinh hoạt chỉ nhằm thực hiện quá trình "tái sản xuất" của con người. Chủ nghĩa xã hội, trong khi vẫn bảo đảm thực hiện chức năng đó, đã đem lại một nội dung mới cho hoạt động sinh hoạt của con người, phát triển cá nhân một cách toàn diện và hài hòa. Chẳng hạn, nghỉ ngơi và giải trí không chỉ là để khôi phục sức lao động, mà còn là phương tiện để phát triển con người. Tiêu dung cũng vậy. Lối sống xã hội chủ nghĩa có phương thức tiêu dùng riêng của nó, khác với phương thức tiêu dùng tư

sản, cũng khác với « chủ nghĩa khổ hạnh cách mạng ». Phương thức tiêu dùng tư sản là tiêu dùng để tiêu dùng và chỉ biết có hưởng thụ vật chất vô độ. « Chủ nghĩa khổ hạnh cách mạng » thì lại hạn chế mọi nhu cầu chính đáng của con người, khiến cho con người trở nên nghèo nàn, cần cỗi. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tiêu dùng là để bảo đảm những điều kiện cần thiết cho hoạt động sống của con người (ăn, ở, mặc, đi lại, v.v.) nhằm phát huy năng lực sáng tạo của con người. Không những tiêu dùng vật chất được chú trọng, mà tiêu dùng tinh thần cũng phát triển mạnh mẽ, có khi tiêu dùng tinh thần đi trước tiêu dùng vật chất. Không coi nhẹ việc thỏa mãn những nhu cầu vật chất của con người, nhưng lối sống xã hội chủ nghĩa loại bỏ sự đánh giá và tự đánh giá của cá nhân căn cứ vào sự giàu có vật chất, vào hoàn cảnh vật chất của họ.

Sử dụng hợp lý thời gian nhân rồi là một vấn đề đang được chú trọng đặc biệt trong hoạt động sinh hoạt của lối sống xã hội chủ nghĩa.

Trong lối sống xã hội chủ nghĩa, gia đình được dời mối về cả cơ cấu lẫn chức năng. Nét chủ yếu về cơ cấu của gia đình xã hội chủ nghĩa là những quan hệ bình đẳng và công bằng trong gia đình, trái với tính chất độc đoán gia trưởng của những kiểu gia đình cũ. Về mặt chức năng, không kể chức năng tái sinh là chức năng thường xuyên của tất cả các kiểu gia đình từ xưa đến nay, chức năng quan trọng nhất của gia đình xã hội chủ nghĩa không phải là chức năng kinh tế như ở các kiểu gia đình cũ, mà chính là chức năng giáo dục con cái và phát triển nhân cách của mỗi thành viên trong gia đình.

Trong lối sống xã hội chủ nghĩa, không thể không nói đến *hoạt động xã hội* — *chính trị* của con người. Mục đích cao nhất của hoạt động xã hội — chính trị của những người lao động

trong xã hội xã hội chủ nghĩa là bảo đảm vai trò chủ thể của nhân dân lao động trong việc quản lý mọi mặt của đời sống xã hội. Nói cách khác, hoạt động ấy, về thực chất, là sự thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Biểu hiện tập trung nhất của chế độ ấy là sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ của công dân.

Trong lĩnh vực hoạt động *văn hóa — tinh thần*, lối sống xã hội chủ nghĩa trước hết thể hiện ở sự phù hợp giữa lý tưởng xã hội của cá nhân với mục đích phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa. Những người lao động được bảo đảm những điều kiện để họ có thể chiếm lĩnh những thành tựu văn hóa và tinh thần mà loài người đã tích lũy được trong hàng nghìn năm lịch sử. Không có một trình độ văn hóa nhất định, không thể có tinh tích cực văn hóa.

Trong hoạt động văn hóa — tinh thần của lối sống xã hội chủ nghĩa, sự giao tiếp có tính văn hóa cao hay văn hóa giao tiếp cao trở thành quy tắc hành vi của mọi người. Những hình thức giao tiếp của con người rất đa dạng: gặp gỡ cá nhân, giao tiếp trong quá trình sáng tạo tập thể, tiêu dùng chung những giá trị tinh thần (xem sân khấu, nhà bảo tàng...). Từ những hành vi giao tiếp ấy mà con người truyền thụ cho nhau những giá trị đạo đức, văn hóa và tinh thần cũng như những tiêu chuẩn hành vi. Nhưng sự giao tiếp của con người không phải bao giờ cũng mang tính tích cực, mà có khi nó còn mang cả tính tiêu cực. Trong trường hợp thứ nhất, đó là những quan hệ có nội dung tinh thần lành mạnh và phong phú, khiến cho con người nhờ đó mà trở nên đẹp hơn, thông minh hơn, vị tha hơn. Còn trong trường hợp thứ hai, đó là những quan hệ giả dối và ích kỷ, trong đó con người lợi dụng nhau, hạ thấp nhau. Năng cao văn hóa giao tiếp là một yêu cầu không thể thiếu của lối sống xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cần đấu tranh

chống lại tình trạng thiếu văn hóa trong quan hệ giữa người và người, bởi vì nó có ảnh hưởng xấu đến không khí đạo đức của xã hội, đến sự phát triển của chính bản thân con người.

Tất cả những lĩnh vực hoạt động sống trên đây của con người có liên hệ khăng khít với nhau, và trong thực tế, chúng hợp làm một chỉnh thể thống nhất của lối sống xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhất là trong giai đoạn đầu của nó, khi chưa có đầy đủ cơ sở cho mọi mặt hoạt động của con người phát triển đến trình độ cao, thì

cần chú ý là *hoạt động lao động vẫn đóng vai trò cơ bản nhất.*

Xác định lối sống xã hội chủ nghĩa về mặt chất lượng, chúng ta có thể và cần phải đi tới xác định những chỉ tiêu số lượng thể hiện đầy đủ nhất mỗi mặt cơ bản trong lối sống của chúng ta. Hệ thống chỉ tiêu số lượng ấy có thể chia thành năm nhóm: lao động, phúc lợi và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, sức khỏe của nhân dân, hoạt động xã hội — chính trị, và dĩ nhiên là phải được xây dựng sao cho phù hợp với những nhiệm vụ kế hoạch hóa kinh tế và xã hội.

XÂY DỰNG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Vấn đề lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang được nhiều người quan tâm. Từ việc đề ra và giải quyết từng bộ phận của nó (vấn đề rèn luyện thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng, vấn đề xây dựng gia đình văn hóa mới, v.v.), chúng ta đã đi đến chỗ đặt ra vấn đề lối sống xã hội chủ nghĩa với đầy đủ nội dung của nó.

Hiện nay, không thể nói ở nước ta chưa có một yếu tố nào của lối sống xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng chưa thể nói là đã có một lối sống xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tuy chỉ mới bắt đầu, nhưng cũng đã tạo ra những điều kiện để cho lối sống xã hội chủ nghĩa xuất hiện từng bước và trong thực tế, đã có những biểu hiện của lối sống ấy, lối sống ấy đang trong quá trình hình thành.

Lịch sử phát triển của chủ nghĩa xã hội cho thấy lối sống xã hội chủ nghĩa không thể hình thành ngay một lúc, mà đó là cả một quá trình lâu dài. Trong thời kỳ đầu, khi chủ nghĩa xã hội phải chống trả những cuộc tiến công quyết liệt của kẻ thù bên trong và bên ngoài, khi cơ sở vật chất và

kỹ thuật của nó còn ít, trình độ văn hóa của đại đa số dân cư còn thấp, lối sống xã hội chủ nghĩa chưa có điều kiện để thể hiện đầy đủ đặc trưng của nó. Sẽ là ngây thơ khi nói rằng mặc dù chưa có cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chưa có trình độ văn hóa tương đối khá của đại đa số quần chúng nhân dân, vẫn có thể có lối sống xã hội chủ nghĩa, thậm chí còn có thể có lối sống cộng sản chủ nghĩa nữa. Cũng sẽ sai lầm nếu nói rằng hãy đợi đến khi chủ nghĩa xã hội có cơ sở vật chất và kỹ thuật của nó, khi trình độ văn hóa của quần chúng đã khá cao, khi đó mới nói đến việc xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa. Cách nói thứ nhất dẫn tới những hành vi theo chủ nghĩa duy ý chí, cách nói thứ hai dẫn tới thái độ thụ động, và cả hai đều có hại cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và cho lối sống xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Một xã hội đi lên từ một nền kinh tế lạc hậu, một xã hội vừa trải qua hơn ba mươi năm chiến tranh liên miên với tất cả những hậu quả nặng nề của tình trạng đó, một xã hội vốn đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của lối sống

sản xuất nhỏ, của lối sống « thuộc địa kiểu mới », — một xã hội như vậy muốn tạo ra cho mình một lối sống xã hội chủ nghĩa, phải có những cố gắng phi thường. Chúng ta không thể chỉ xây dựng cái mới, mà còn phải đấu tranh quyết liệt, chống lại những lối sống cũ, chống lại sự xâm nhập hoặc trôi dạt của lối sống tư sản, chống lại những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cho nên việc bảo vệ, xây dựng và phát huy lối sống xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một cuộc đấu tranh triệt để và toàn diện trong việc phát huy cái mới, loại trừ cái cũ lạc hậu, lối thời báng mọi biện pháp kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, giáo dục, v.v. nhằm phục vụ một sự nghiệp vĩ đại: sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Do đó, khi đặt vấn đề xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở nước ta, còn

phải có một sự đánh giá hết sức tỉnh táo về tình hình lối sống trong xã hội ta hiện nay để từ đó rút ra những kết luận cần thiết, và từ những kết luận ấy mà có những kế hoạch và biện pháp thích hợp. Đây là một công việc có liên quan tới nhiều ngành, nhiều người, và chỉ có một cố gắng tập thể mới giải quyết được.

Trong việc này, chúng ta có những thuận lợi rất lớn. Lối sống xã hội chủ nghĩa đã được đưa vào chương trình nghị sự của Đảng và Nhà nước. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã tích lũy được rất nhiều về lý luận cũng như thực tiễn về vấn đề này. Trong xã hội ta, đã và đang nảy sinh nhiều yếu tố tích cực trong nhận thức và trong hành động, có thể làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp xây dựng một lối sống xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Truyền thống cách mạng Việt-nam

(Tiếp theo trang 39)

cùng hoạt động trong một phong trào, hoặc cùng chiến đấu trong một chiến hào, đều trải qua những niềm vui, nỗi buồn lớn của dân tộc, cũng có những khát vọng, những niềm tin, những kinh nghiệm. Với những truyền thống cách mạng, mỗi thế hệ qua đi đều góp phần tạo nên dấu ấn của cộng đồng dân tộc và cũng ít nhiều mang trong mình dáng vẻ, màu sắc tươi đẹp của dấu ấn ấy.

Truyền thống cách mạng là ngọn lửa cháy sáng trong lòng những người chiến sĩ trên mặt trận chiến đấu và sản xuất và là ngọn lửa thiêng truyền

lại cho đời sau. Chúng ta vô cùng tự hào về những truyền thống cao quý của nhân dân ta trong thời đại Hồ-Chí-Minh về vang này. Bè bạn vui mừng, kẻ thù khiếp sợ trước những chiến công hiển hách của nhân dân Việt-nam. Điều đó chứng minh hùng hồn sức mạnh vô địch, bão táp của truyền thống cách mạng Việt-nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng truyền thống của nhân dân ta trong sự nghiệp cứu nước và giữ nước sẽ biến thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

CÔNG TY QUỐC DOANH CAO SU ĐỒNG - NAI

TỪNG BƯỚC LÀM TỐT VIỆC KẾT HỢP BA LỢI ÍCH (*)

LÊ-SẮC-NGHI

CÁC nông trường cao su của Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai vốn là các đồn điền cao su của tư bản Pháp được quốc hữu hóa sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Hiện nay Công ty có 15 nông trường cao su với diện tích trên 30 000 héc ta, trong đó có 19 000 héc ta cây cao su đã được khai thác và 12 000 héc ta cây cao su mới trồng. Ngoài các nông trường, Công ty còn có 4 nhà máy sơ chế mủ cao su. Công ty có 21 000 công nhân, viên chức.

Khi mới được tiếp quản, các vườn cây cao su thuộc Công ty cao su Đồng-nai ở trong tình trạng bị phá hoại nghiêm trọng vì chiến tranh. Trong các nhà máy thì thiết bị máy móc bị hư hỏng, không có phụ tùng thay thế. Công nhân thì một số bỏ đi nơi khác làm ăn, số còn lại thì đã kiệt sức. Cây cao su bị khai thác kiệt quệ, 60% cây cao su ở độ tuổi từ 30 đến 72 năm. Chính sách khai thác bừa bãi trong những năm chiến tranh, chính sách « dân tư tối thiểu, lợi nhuận tối đa » của bọn tư bản đã để lại những hậu quả nghiêm trọng.

Trong 4 nhà máy sơ chế mủ cao su, có ba nhà máy được xây dựng từ năm 1926, nay đã quá cũ kỹ, thiếu phụ tùng thay thế, còn độ 30% công suất. Các phương tiện vận tải, đường sá bị hư hỏng nặng.

Địa bàn hoạt động của Công ty quá rộng, các nông trường nằm rải rác trong năm huyện (Xuân-Lộc, Tân-phú, Thống-nhất, Châu-thành, Long-

thành) cho nên việc thông tin liên lạc, việc tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh có nhiều khó khăn.

Khi Nhà nước ta tiếp quản, toàn bộ Công ty có 5000 công nhân, trong đó 75% là nữ, đa số chị em lớn tuổi, sức khỏe yếu, đông con. Số công nhân ở tuổi thanh niên, có sức khỏe, có tay nghề giỏi, hầu hết đã bị địch bắt đi lính từ trước. Nhà ở và những công trình công cộng có quan hệ đến đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức thuộc Công ty đã bị chiến tranh tàn phá gần 80%. Cuộc sống của công nhân rất cơ cực, không ổn định.

Trước tình hình đó, yêu cầu cấp bách đối với Công ty là khôi phục và làm trẻ lại vườn cây đã bị kiệt quệ, già cỗi, phục hồi năng lực sản xuất cho 4 nhà máy sơ chế mủ cao su. Trong khi cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, Công ty vừa xây dựng lực lượng sản xuất mới, vừa bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ công nhân cũ, phát huy tiềm năng vốn có của họ, tạo cho họ khi thê mới đi vào sản xuất với tư cách người làm chủ xí nghiệp.

Việc kết hợp « ba lợi ích » trong quá trình sản xuất của Công ty đã được thể hiện trong phương hướng khôi phục và phát triển sản xuất, trong công tác quản lý kinh doanh và trong việc sử dụng các đòn bẩy

(*) Lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động sản xuất.

kinh tế. Việc tính toán kết hợp "ba lợi ích" trong quá trình sản xuất có tác dụng thu hút mạnh mẽ quần chúng tham gia quản lý, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế trong công tác của Công ty.



Trong khi khôi phục và phát triển sản xuất, Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai đã chú ý tổ chức lại lao động, phân công lao động một cách hợp lý và chuyên môn hóa lao động để có năng suất lao động ngày càng cao. Việc tổ chức lao động, chuyên môn hóa và điều hành sản xuất theo kế hoạch thống nhất trong toàn Công ty đòi hỏi mọi công việc lao động sản xuất đều phải có định mức. Đó là yêu cầu khách quan của việc kết hợp ba lợi ích: xã hội, tập thể và cá nhân người sản xuất. Tuy nhiên ở mỗi khâu trong hệ thống dây chuyền sản xuất (khai hoang trồng mới, chăm sóc, khai thác mủ và chế biến mủ) đều phải có định mức cụ thể. Trong việc trả lương theo sản phẩm; trả lương theo định mức, vận dụng thang lương 5, 6, 7 bậc và thực hiện chế độ khen thưởng như thế nào cho thích đáng trong việc kết hợp ba lợi ích, Công ty đều cho làm thử trước để rút kinh nghiệm.

Khai hoang trồng mới là để làm trẻ lại vườn cây cao su, thay thế những cây già cỗi bằng loại cây mới có năng suất cao, là phương hướng sản xuất được Công ty xác định ngay từ đầu. Với phương hướng đó, khi tuyển lao động phục vụ cho khai hoang, trồng mới, Công ty đã kiên quyết tổ chức lao động đi thẳng lên nông trường quốc doanh, không đi đường vòng bằng cách chia đất cho dân làm ăn riêng rẽ rồi mới tổ chức tập thể từng bước. Cách làm của Công ty không những giảm được vốn đầu tư cơ bản của Nhà nước mà còn rút ngắn thời gian xây dựng, sớm ổn định

tổ chức sản xuất, ổn định đời sống của người lao động. Dựa vào tình hình lao động, đất đai, phương tiện, vật tư của Công ty cung cấp, những năm 1976-1978, các nông trường Cầm-đường, Xà-bang, Ông-quế, Cù-bị... đã đi vào khai hoang, trồng mới bằng phương pháp thủ công. Buổi đầu các nông trường đã thực hiện cung cấp lương thực thực phẩm, trả lương theo ngày công cho công nhân, nhưng năng suất lao động không tăng, kế hoạch khai hoang không đạt, Công ty bù lỗ nhiều, đời sống công nhân gặp khó khăn, tính thần lao động của công nhân không hào hứng. Rút kinh nghiệm các năm trước, năm 1979, Công ty đã cho các nông trường áp dụng hình thức khoán theo định mức. Trong khai hoang, định mức khoán là 400 đồng một ha, làm xong có nghiệm thu từng phần và thưởng về phần vượt định mức không hạn chế.

Sau khi khai hoang, việc trồng mới phải bảo đảm thời vụ, và khai hoang đến đâu phải trồng mới đến đó, không để phải phục hóa. Trong việc trồng mới, Công ty đã áp dụng quy trình gieo trồng ngay tại hiện trường, thay cho cách trước kia là làm tại vườn ươm rồi mới bưng cây ra trồng đại trà. Sau một năm, nông trường lựa chọn cây con tốt cho lại ghép tạo giống có năng suất cao. Định mức khoán của việc lại ghép cây lớn cho một công nhân là mỗi ngày 120 cây, và phải bảo đảm 95% cây sống. Nhiều công nhân có tay nghề giỏi đã đưa năng suất lại ghép một ngày, lên 320 cây và bảo đảm sống 100%. Bình quân lương hàng tháng của mỗi công nhân là từ 100 đến 120 đồng, có người 360 đồng. Cây con phải được tiếp tục chăm sóc từ 5 đến 6 năm nữa mới có thể cạo được mủ. Trong thời gian ấy định mức khoán như thế nào để bảo đảm việc chăm sóc cây con làm được tốt, tăng trưởng nhanh. Buổi đầu, Công ty đã khoán cho mỗi công nhân chăm sóc 2,5 ha cây con, khoảng

đất giữa hai hàng cây cao su bỏ trống. Vì chưa biết kết hợp sử dụng khoảng đất trống ấy, cho nên mùa mưa có lớp cao lút cả cây cao su con, mùa nắng có khô dễ gây cháy. Từ thực tế trên, Công ty đã có biện pháp trồng xen, quy định mỗi lao động phụ trách 1 ha chăm sóc tốt 470 cây cao su và tùy theo đất tốt hay xấu, một năm giao nộp cho nông trường từ 400 kg đến 1 tấn lương thực. Hình thức khoán theo định mức trồng xen cây lương thực trên đất khai hoang trồng cây cao su đã đem lại lợi ích cho Nhà nước, cho tập thể và cho từng người sản xuất một cách thiết thực. Nhờ vậy, tốc độ khai hoang và trồng mới của Công ty tăng tương đối nhanh. Chỉ trong thời gian từ 1976 đến 1979, bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới, Công ty cao su Đồng-nai đã khai hoang trồng mới một diện tích bằng 45% diện tích đã có 1975. Tỷ lệ cây con chết phải trồng giảm chỉ có 5 đến 10%, rễ cái của cây con trồng từ 1976 nay đã xuống sâu 1m8 đến 2m. Điều đó chứng tỏ cây tăng trưởng nhanh, có thể bắt đầu khai thác sớm. Các nông trường cao su đã bảo đảm kế hoạch trồng mới và đáp ứng được yêu cầu nhanh chóng thay thế vườn cây cao su đã quá già cỗi. Với việc trồng xen canh, năm 1979, Công ty đã thu hoạch được 4943 tấn ngô, 106 tấn thóc, mỗi gia đình công nhân thu nhập thêm bình quân được 300 kg lương thực. Riêng nông trường Xà-bang thu hoạch 1475 tấn ngô, vượt kế hoạch 107%, nhiều gia đình trong nông trường có vụ thu hoạch gần 5 tấn lương thực.

Năm 1976, đối với việc cạo mủ cao su, Công ty đã thực hiện trả lương theo sản phẩm. Hình thức trả lương này đã bị thất bại: công nhân chạy theo sản lượng, bất chấp quy trình kỹ thuật, làm cho vườn cây mau chóng bị kiệt quệ. Để khắc phục tình trạng ấy, Công ty bố trí công nhân cạo mủ làm theo thời vụ và áp dụng

định mức sản lượng có thưởng theo định mức và thưởng lũy tiến, định quy trình kỹ thuật cho từng nhóm cây, theo từng tuổi của cây và từng giống cây, chia tiền thưởng đều cho cả 3 mặt: sản lượng, kỹ thuật và ngày công. Riêng về sản lượng, việc định mức khai thác theo từng tuổi cây và tùy theo số lượng phân đã bón cho cây hàng năm có quy định cụ thể hơn như: cao su ở tuổi sung sức (từ 21 đến 30 tuổi) được lấy mủ với mức cao nhất từ 250 kg đến 270 kg một nhóm cây (nhóm cây là số cây khai thác trên 1 đơn vị diện tích); cao su ở tuổi non và tuổi gần già (từ 8 đến 20 tuổi và từ 31 đến 50 tuổi) được lấy mủ với mức bình quân là 200 kg/nhóm cây. Việc áp dụng định mức theo phương pháp trên đã khiến cho công nhân cao su gắn chặt việc áp dụng hợp lý kỹ thuật khai thác với việc chăm sóc cây để đạt năng suất cao. Người công nhân cạo mủ mỗi ngày chỉ làm 5 tiếng vào buổi sáng, số thời giờ còn lại trong ngày thì làm việc khác. Ở các nhà máy chế biến mủ cao su cũng đều áp dụng cách trả lương theo sản phẩm cuối cùng. Cách làm này đã buộc các công đoạn sản xuất trong dây chuyền phải hợp đồng chặt chẽ. Ở nhà máy chế biến mủ cao su Dầu-giấy, khi chưa có định mức khoán thì ngày cao nhất cũng chỉ làm được 6,8 tấn sản phẩm, nay thường đạt từ 7,8 tấn đến 8 tấn/ngày và công chi phí cho mỗi tấn sản phẩm cũng giảm, chất lượng sản phẩm được nâng lên rõ rệt.

Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai đã tạo mọi điều kiện sử dụng lao động một cách hợp lý trong hoàn cảnh cụ thể của ngành chuyên canh cao su. Công ty không bố trí lao động theo 8 giờ hành chính, mà tùy theo thời vụ, tùy theo công việc bố trí giờ giấc làm việc thích hợp, bảo đảm đem lại năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt. Ví dụ như công nhân làm cỏ thì làm vào giờ nắng cao để diệt

cỏ, công nhân trồng trọt và lai ghép thì làm vào sáng sớm, và chiều tối, v.v. Cung cách làm ăn đó đã đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cho tập thể và cho từng người lao động sản xuất. Mặt khác, cách làm ăn đó đã nâng cao ý thức làm chủ tập thể và tinh thần trách nhiệm của từng người công nhân đối với nhiệm vụ cụ thể được giao.



Để làm cho mọi người hăng hái đầy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, ngoài việc giáo dục về chính trị, tư tưởng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất dưới nhiều hình thức trả lương và khen thưởng, Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai đã có những biện pháp phát triển trồng trọt và chăn nuôi trong hai khu vực tập thể và gia đình công nhân, tạo điều kiện cải thiện đời sống của anh chị em. Ngoài việc mở rộng diện tích trồng xen cây lương thực, Công ty chủ trương phát triển chăn nuôi. Dân bộ chăn nuôi tập thể của Công ty phát triển từ 234 con năm 1978 lên 401 con năm 1979. Việc trồng rau nuôi cá cũng được chú ý như ở các nông trường Cầm-đường, Cù-bị, Xà-bang, Bình-ba, Dầu-giây và Cầm-mỹ. Công ty còn khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công nhân tổ chức trồng trọt và chăn nuôi trong gia đình. Ở các nông trường Ông-quế, Cầm-đường, Cù-bị, Xà-bang là những nơi có thuận lợi về đất đai, công nhân tranh thủ giờ nghỉ, ngày nghỉ hoặc sử dụng lao động phụ trong gia đình để sản xuất thêm. Ở những nơi thiếu đất, công nhân tận dụng các mảnh đất ven đường ven suối để trồng ngô; trồng đậu... Hoạt động tăng gia sản xuất, chăn nuôi đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi ở khắp Công ty và có tác dụng góp phần ổn định đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức. Tính riêng năm 1979, các gia đình trong

Công ty đã thu được 202 tấn thóc, 5000 tấn ngô, sắn, khoai lang và đậu các loại, nuôi được 10262 con lợn, 617000 con gà, vịt và 282 con bò.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho chị em yên tâm sản xuất, có thì giờ nghỉ ngơi, học tập, giải trí, Công ty đã tổ chức một mạng lưới nhà nuôi dạy trẻ khắp các nông trường, xí nghiệp gồm 24 nhà gửi trẻ với 933 cháu và 30 trường mẫu giáo, mỗi trường 120 cháu. Từ tháng 10-1979, 100% chi phí của các nhà trẻ đều do Công ty đài thọ. Các trường cấp I và cấp II được mở để cho con em công nhân, viên chức đến tuổi đi học. Ngoài ra, Công ty đài thọ hoàn toàn cho số học sinh theo học trường cấp III « vừa học vừa làm » do Công ty tổ chức. Vấn đề nhà ở của cán bộ, công nhân được Công ty quan tâm giải quyết một cách cơ bản. Chỉ trong 4 năm Công ty đã xây mới 171949 m² nhà ở kiên cố và nửa kiên cố, 61817 m² nhà ở tạm. Tính bình quân mỗi cán bộ, công nhân của Công ty có 16 m² nhà ở.

Đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân cũng được Công ty chú ý chăm lo. Ngoài các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, Công ty đã tổ chức một thư viện chung cho toàn Công ty và một tủ sách riêng chip mỗi nông trường, xí nghiệp. Các nông trường khai hoang trồng mới có cầu lạc bộ, có trang bị sách, báo, máy thu hình công cộng.

Công tác bảo vệ sức khỏe, thực hiện vệ sinh phòng bệnh được tiến hành có kế hoạch làm giảm tỉ lệ đau ốm của cán bộ, công nhân trong Công ty. nếp sống mới xã hội chủ nghĩa từng bước được thực hiện. An ninh trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm.

Trong 4 năm qua, Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai đã vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, thực hiện vượt các chỉ tiêu chính của kế hoạch Nhà nước 5 năm; đặc biệt năm 1979

đã vượt mức kế hoạch một cách toàn diện.

So với các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), trong 4 năm (tính đến cuối năm 1979) Công ty đã đạt 79,9% kế hoạch sản xuất cao su, 79,3% kế hoạch giao nộp cho Nhà nước. Năng suất lao động tăng bình quân hàng năm 36,7%. Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch Nhà nước năm 1980 và kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Việc hoàn thành kế hoạch một cách toàn diện và vượt mức vừa đem lại nhiều lãi cho Nhà nước, tăng thu nhập quốc dân, vừa tăng quỹ xi nghiệp, đồng thời đem lại lợi ích thiết thực cho người công nhân sản xuất. Năm 1979, ngoài số lãi nộp cho Nhà nước, Công ty được chia lãi trên 5 triệu đồng để thực hiện chế độ trích 3 quỹ: quỹ phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

Điều đáng phấn khởi nữa là những năm qua, Công ty đã đào tạo được 21000 công nhân, viên chức, ổn định được đời sống cho công nhân và 40000 người ăn theo, bình chọn được 4200 lao động tiên tiến, đào tạo được 720 cán bộ quản lý, kết nạp được 4080 đoàn viên Công đoàn, bồi dưỡng được 400 tổ trưởng công đoàn, xây dựng được một hệ thống tổ chức, lãnh đạo, quản lý, giáo dục chặt chẽ, có hiệu lực làm cơ sở tiến lên định hình Công ty có 10 vạn ha cây trồng.

Phấn đấu để đạt được những thành tích nói trên là một cố gắng lớn của Đảng bộ, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, tổ chức quản lý, và cán bộ, công nhân, viên chức toàn Công ty. Đó là kết quả của một phương pháp lãnh đạo đúng đắn, biết kết hợp lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, biết kết hợp lợi ích toàn xã hội với lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người sản xuất trong những điều kiện cụ thể rất khó khăn, để thúc đẩy sản xuất phát triển.

Kinh nghiệm cho thấy, trong Công ty, nơi nào biết kết hợp ba lợi ích một cách chặt chẽ hài hòa thì nơi đó công nhân hăng hái phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất. Rõ ràng việc quan tâm đến lợi ích cá nhân, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc không thể thiếu được trong công tác quản lý kinh tế. Việc giáo dục, động viên người công nhân hăng hái lao động sản xuất là cần thiết, song không thể không chú ý đến việc khuyến khích một cách thích đáng bằng lợi ích vật chất. Ngược lại, chỉ nhấn mạnh đến lợi ích vật chất của cá nhân người sản xuất mà không chú ý thích đáng đến việc giáo dục tư tưởng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, làm cho người công nhân thấy lợi ích thiết thân của mình gắn bó hữu cơ với lợi ích của tập thể, của xã hội, thì cũng khó nâng cao nhiệt tình cách mạng, lòng hăng say lao động của người công nhân và giữ cho nó được bền lâu. Kinh nghiệm trong công tác quản lý của Công ty cao su Đồng-nai cho thấy rằng có chú ý đầy đủ đến lợi ích của cá nhân người lao động sản xuất, thì mới nâng cao được năng suất lao động, đẩy mạnh được sản xuất, trên cơ sở đó đem lại lợi ích cho tập thể và cho toàn xã hội.



Trên đây mới là những kết quả bước đầu của việc kết hợp ba lợi ích ở Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai. Tuy nhiên, nhìn chung toàn Công ty, việc kết hợp ba lợi ích đó có những hạn chế do việc tổ chức sản xuất và quản lý kinh doanh của Công ty còn một số mặt chưa được cải tiến một cách đầy đủ, toàn diện và đồng bộ. Toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức trong Công ty còn phải cùng nhau phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể, ra sức phấn đấu để không ngừng tiến lên.

CHÂN LÝ...

Không nên tự tôn, tự đại mà phải
nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới

Hồ-Chí-Minh



O cách lựa chọn cán bộ
dùng dẫn của Đảng và
Nhà nước ta, những
người phụ trách từng
ngành, từng địa phương, đơn vị, cơ
quan, v.v. nói chung là những người
có trình độ hiểu biết, có tầm nhìn,
có kinh nghiệm công tác, có phẩm
chất đạo đức cần thiết, tương xứng
với nhiệm vụ được giao. Cho nên
điều có thể khẳng định ngay là, bất
cứ một đồng chí cán bộ phụ trách
nào còn đảm đương được cương vị
công tác, được quần chúng thừa
nhận là người lãnh đạo của họ, thì ý
kiến của các đồng chí đó thường là
đúng, hay nói một cách khác, thường
thể hiện chân lý một cách cụ thể, và
ngay cả khi có ít nhiều sai lầm, nói
chung vẫn bao hàm một phần chân
lý. Bởi lẽ, nếu không thế, nếu "ý"
nào của đồng chí đó cũng sai, cũng
ngược lại chân lý hết, thì chắc chắn
tổ chức mà đồng chí đó được phân
công phụ trách sẽ rối tung lên rồi và
người cán bộ này, sớm hay muộn,
cũng sẽ không thể nào đứng nổi.

Tuy nhiên trong mối quan hệ giữa
người phụ trách với cấp dưới, không
phải không có những điều đáng để ta
suy nghĩ

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã nêu ra
những luận điểm đúng đắn về mối
quan hệ giữa nhận thức chủ quan của

con người với chân lý khách quan.
giữa chân lý tương đối và chân lý
tuyệt đối. Bất cứ một đồng chí cán
bộ phụ trách nào, cho dù trí tuệ sâu
sắc đến đâu, cũng phải không ngừng
bổ sung, làm phong phú thêm vốn
hiểu biết của mình, bằng cách chất
lọc, lắng nghe ý kiến của quần chúng
(thường là tồn tại không phải dưới
dạng vàng ròng mà là quặng vàng).
Bởi vì, chỉ có như thế thì người phụ
trách mới tiếp cận được chân lý khách
quan, xử lý ngày càng đúng đắn, sắc
sảo, toàn diện, thỏa đáng hơn, những
vấn đề — đặc biệt là những vấn đề
mới mẻ — đang được cuộc sống đặt
ra. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ người
cán bộ lãnh đạo phải "biết chú ý và
thật sự tôn trọng những ý kiến của
người khác, bình tĩnh lắng nghe ý
kiến của quần chúng, ngay cả khi
mình không tán thành: có thái độ rộng
lượng đối với con người, có tinh thần
tự phê bình cao, dám nhận sai lầm
và quyết tâm sửa chữa; đó là những
đức tính không thể thiếu ở người
lãnh đạo" (1). Cũng chính với ý
nghĩa đó, không có lý do gì để không
đồng tình với câu nói nổi tiếng sau
đây của Gôrê: "Bạn ơi, lý luận thì

(1) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa
ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976,
tập II, tr. 433.

xám, còn cây đời thì mãi mãi xanh tươi».

Phải chăng chúng ta đã làm đúng hết, so với những điều chúng ta hiểu như vậy? Chưa hoàn toàn như thế.

Một đồng chí lãnh đạo của ta có lần đã nói: trong công tác cán bộ (sắp xếp, đề bạt, tăng lương...) chúng ta có làm giỏi lắm, thì cũng chỉ có thể đúng 90% hoặc 95%.

Không chỉ trong lĩnh vực nhân sự mà cả trong những vấn đề khác cũng thế, rất hiếm có trường hợp «ý» của người phụ trách lại đúng ngay từ đầu 100%. Và, nếu như đã thừa nhận là vẫn có nội dung sai rất khó tránh như thế, thì lẽ nào chúng ta lại không thừa nhận việc cấp dưới có ý kiến trở lại với người phụ trách về một quyết định nào đó, là một điều bình thường, chẳng có gì đáng phải gọi là «hiện tượng tiêu cực» cả.

Ấy thế nhưng, trong đời sống hiện nay, những chuyện như thế này lại đang có thật và cũng không phải là cá biệt lắm: một số đồng chí rất ít chú ý nghe các «hội âm», trừ «hội âm» đồng tình với mình, và còn tỏ ra khó chịu, thậm chí trả đáp những người có ý kiến khác mình. Mỗi quan hệ giữa người phụ trách và cấp dưới lẽ ra phải là tuyến đường hai chiều, nhưng ở một số nơi, nó đang là tuyến đường một chiều, chỉ có chiều từ trên xuống, còn chiều ngược lại thì trên thực tế, có lúc gần như bị treo biển đỏ hoặc biển vàng.

Đã thừa nhận «cây đời mãi mãi xanh tươi», ấy thế mà khi cây đời mang hoa tươi đến tặng, thì có người phụ trách lại quay lưng bỏ đi. Kỳ chưa! Trong tình hình như vậy, thì khoảng cách giữa «ý» của cán bộ, phụ trách với chân lý khách quan, chỉ có càng ngày càng rộng ra thôi.

Đang sau mối quan hệ giữa «ý» của người phụ trách và «ý» của cấp dưới, là mối quan hệ rộng hơn nữa giữa lãnh đạo và quần chúng. Về mối

quan hệ này, ngoài nguyên lý «nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử», Mác cũng đã cho ta những lời giáo huấn quý báu. Mác đã từng nói rằng con người sinh ra ở đời, có rất nhiều người mang sẵn trong mình một Ra-pha-en (2). Chế độ cộng sản phải tổ chức làm sao để các thành viên của nó ai có tài năng Ra-pha-en thì có thể trở thành Ra-pha-en. Mác đánh giá tiềm năng con người rất cao và cũng đòi hỏi rất cao ở con người sự suy nghĩ độc lập, tính năng động chủ quan, tính sáng tạo, sự tự khẳng định tồn tại của mình trong cuộc đời.

Trong đội ngũ cán bộ ta, không phải không có đồng chí thích nhún mạnh đạo dực «thuần phục», thích cấp dưới chỉ là người chấp nhận ý kiến của mình không điều kiện, chỉ là học trò chứ không được «dạy khôn», kể cả trên những lĩnh vực mà họ giỏi hơn mình tuyệt đối; đòi hỏi họ phải «hiền lành», «ngoan», «dễ bảo». Dĩ nhiên, nếu là «thuần phục» chân lý thì không sao, thế nhưng, không ít trường hợp những người được khen lại không phải là phục thiện mà là phục thù trường có khi rất lỗ bịch; thủ trưởng vừa mới nói, chưa biết đầu đuôi ra sao, đã thấy mấy anh «thuần phục» gật đầu tán thưởng lia lịa rồi!

Trong khi đó, những người có bản sắc rõ ràng, có ý kiến có thể chưa đúng ngay được nhưng nếu đưa ra bàn thì rất tốt, nhưng lại không đi vào quỹ đạo suy nghĩ của người phụ trách, nhất là khi cách diễn đạt lại thiếu mềm mỏng, thì chẳng những họ bị «xi» mà không chừng còn bị đánh giá là «không thuần».

Có thật mấy anh A, B, C... này «hiền lành», «cù mi», «thuần» không, hay nhiều khi, đó chỉ là những cái vô biểu hiện ra bên ngoài của một số người mở nhạt, vô vị, bất lực, lười biếng, thậm chí thủ đoạn? Trong

(2) Ra-pha-en: họa sĩ nổi tiếng của nước Ý cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI (P. L).

không ít trường hợp khi đi vào « nhân học » một cách cụ thể, ta vẫn nghe những tiếng chuông như thế và không phải tất cả đều là chuông rè, sai cả đầu.

Một khi người phụ trách không chịu nghe ý kiến của cấp dưới, hoặc chỉ nghe một cách hình thức, chiếu lệ đề rồi cứ nói, cứ làm theo ý mình, thì chẳng sớm thì muộn, những người cộng sự và cấp dưới của anh ta sẽ không muốn góp ý kiến nữa! Tình trạng đó, nếu không sớm được gỡ ra thì chẳng những rất khó mà nói đến chuyện phát huy quyền làm chủ tập thể, mà còn sẽ nhanh chóng dẫn tới tệ độc đoán, chuyên quyền, làm rệu rã khối đoàn kết nội bộ.

Một hậu quả khác cũng rất đáng quan tâm: từ việc người phụ trách chỉ biết có ý mình là đúng, coi thường ý kiến của cấp dưới, đến việc xuất hiện một loại người chuyên nói dựa, chuyên nịnh hót chỉ là một khoảng cách rất bé.

Đám người này hiện đang làm hồng cán bộ phụ trách của họ, trên cả hai mặt.

Một anh cán bộ nọ, một hôm, được cấp trên phái đi nghiên cứu thực tế. Đi vừa, động thái số một của anh ta là thế này: tung ra vài quả bóng, dò thử xem « chính kiến » của người phụ trách mình thuộc « kênh » nào—nói rõ hơn, bức tranh thực tế mà thủ trưởng của mình ngồi ở nhà mường tượng hoặc muốn có, là bức tranh như thế nào. Dò được làn sóng rồi, bấy giờ anh ta mới chấp nhận những chỉ tiêu thực tế thích hợp lại, đưa ra một bản báo cáo cùng tần số, minh họa thêm cho những suy nghĩ của người phụ trách cơ quan mình, bất chấp tình hình thực tế và những ý kiến của anh ta về tình hình đó có thể rất khác.

Kết quả là, nếu không tỉnh táo thì đồng chí cán bộ phụ trách kia lại

càng có thêm « căn cứ » để bám lấy những « ý » của mình, có thể không còn phù hợp nữa so với đời sống đang phát triển rất nhanh. Và nếu đồng chí đó chỉ thuần ngồi nghe những báo cáo loại đó, không chịu đích thân đi kiểm tra lại trong thực tế, thì chỉ cần sau một thời gian mơ màng giữa đám mây mù đối trá như vậy, « ý » của đồng chí đó ngày càng lệch tâm, ngày càng xa rời chân lý khách quan.

Cái « bầy » thứ hai của người nói dựa và nịnh hót này là họ sẽ làm hồng không chỉ tai, mắt, mà còn làm hồng cả con người cán bộ phụ trách của họ.

Có một số đồng chí, lúc mới được giao cương vị phụ trách, rất khiêm tốn. Ấy thế mà, chỉ cần sau một thời gian bị nhiễm xạ giữa một môi trường nịnh hót, được số người xu nịnh luôn mồm tăng bốc cái gì anh « cũng giỏi », cũng « am hiểu sâu sắc », cũng « hoàn toàn đúng đắn », anh ta có thể sẽ biến thành một con người khác hẳn, chủ quan, tự mãn.

Mối quan hệ qua lại ở đây đã diễn ra như vậy đấy. Nếu những cán bộ phụ trách tự cao, tự đại, coi thường cấp dưới, góp phần tạo ra một đám người xu nịnh thì sau khi xuất hiện, đến lượt đám này tác động ngược trở lại, đẩy người phụ trách của họ vào một trạng thái giồng như trạng thái mất trọng lượng, ngày càng tách xa cuộc sống sinh động.

Cho nên lắng nghe ý kiến của cấp dưới là một khía cạnh của tập trung dân chủ, là một yêu cầu có tính nguyên tắc đối với những người phụ trách. Bởi vì, có làm như vậy, trí tuệ của họ mới được nâng lên, sự suy nghĩ của họ mới tiếp cận ngày càng tốt chân lý, và công tác của họ mới ngày càng có hiệu quả.

PHAN-LANG

TIỀN TỆ CỦA LIÊN KẾT KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

X. BÔ-RI-XÔP

ĐỒNG rúp chuyển khoản là khâu quan trọng nhất của hệ thống tiền tệ—tài chính các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Được các nước anh em đặt ra sau khi thỏa thuận chung và tự nguyện, nó xuất hiện trên vũ đài quốc tế như một đơn vị tiền tệ hoàn toàn kiểu mới chưa từng có trong thực tiễn tiền tệ thế giới.

Đồng rúp chuyển khoản xuất hiện là do lý do gì? Trước hết là do cần phục vụ có hiệu quả hơn những mối quan hệ kinh tế, phát triển nhanh chóng giữa các nước anh em. Và muốn thế, cần chuyển từ chế độ thanh toán hai phía đã cũ kỹ sang một chế độ hoàn bị hơn—thanh toán nhiều phía. Tháng bảy năm 1963, Hội nghị các bí thư thứ nhất Trung ương các đảng cộng sản và công nhân và các vị đứng đầu chính phủ các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế, và khóa họp XVIII Hội đồng tương trợ kinh tế đã tán thành dự thảo Hiệp nghị về thanh toán nhiều phía bằng đồng rúp chuyển khoản và dự thảo Điều lệ Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế. Tháng Mười, Hiệp nghị đã được ký kết, và từ tháng 1 tháng Giêng năm 1964, chế độ mới thanh toán nhiều phía trên cơ sở đồng rúp chuyển khoản đã có hiệu lực.

Trong Chương trình tổng hợp về liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng rúp chuyển khoản được đánh giá là tiền tệ tập thể xã hội chủ nghĩa quốc tế của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế, có nhiệm vụ làm các chức năng của mình (thước đo giá trị, phương tiện thanh toán và

phương tiện tích lũy) phù hợp với nhiệm vụ của các giai đoạn riêng rẽ nhằm đẩy mạnh và cải tiến sự hợp tác và phát triển của liên kết xã hội chủ nghĩa.

Bản chất xã hội chủ nghĩa của đồng rúp chuyển khoản dựa trên cơ sở các quy luật chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản và về lãnh đạo kinh tế quốc dân ở các nước anh em, cũng như dựa vào những nguyên tắc chính dùng làm cơ sở cho sự giao dịch quốc tế giữa các nước anh em: chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa; tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập và lợi ích dân tộc; không can thiệp vào công việc nội bộ; hoàn toàn bình đẳng; hai bên đều có lợi và giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần đồng chí.

Từ đó, tất cả các nước và tổ chức có và sử dụng đồng rúp chuyển khoản đều bình đẳng và có quyền như nhau, điều này tương phản rõ rệt với cách thức và lối làm ăn của thế giới tư bản chủ nghĩa. Ở đây, việc sử dụng đô la như là tiền tệ chính nói lên sự thống trị và xu hướng xâm lược của các giới đế quốc chủ nghĩa, sự cướp bóc và khuất phục những nước và những dân tộc tương đối yếu.

Tính chất tập thể của đồng rúp chuyển khoản biểu hiện trước hết ở chỗ đồng tiền ấy là do cố gắng chung của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế đặt ra vì lợi ích chung và mục tiêu chung. Bản thân sự hoạt động của đồng rúp chuyển khoản không thể có được nếu không có thỏa thuận tập thể, nếu không có những

ngiht quyết được thông qua tập thể. Bất cứ vấn đề nào về chính sách tiền tệ, thanh toán hay tín dụng liên quan đến thể chế của đồng rúp chuyển khoản đều được thảo luận và quyết định tập thể bởi cộng đồng tất cả các nước tham gia, hơn nữa, không kể là sự tham gia nhiều hay ít, với phạm vi lớn hay nhỏ như thế nào, mỗi nước đều có quyền ngang nhau (mỗi nước một phiếu). Quan điểm ấy giúp đề ra được những giải pháp tối ưu và các bên đều có thể tiếp nhận, có chủ ý đến lợi ích và khả năng của toàn thể cộng đồng xã hội chủ nghĩa cũng như của mỗi nước gia nhập cộng đồng ấy.

Đồng rúp chuyển khoản xét về bản chất kinh tế của nó là đồng tiền quốc tế, cốt dùng để phục vụ sự chu chuyển tiền tệ và thanh toán chỉ riêng giữa các nước trong cộng đồng. Nó không lưu hành trong nội bộ các nước. Còn số dĩ đơn vị tiền tệ tập thể của cộng đồng chúng ta mang cái tên chung với tên gọi của tiền tệ nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đó là do tính kế thừa và truyền thống lịch sử.

Việc phát hành đồng rúp chuyển khoản chỉ do Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế thực hiện—hoặc thông qua việc trả tiền cho hàng hóa và dịch vụ, hoặc bằng con đường cấp tín dụng. Đồng thời, đồng rúp chuyển khoản được đưa vào lưu thông để trả tiền và tiếp tục lưu hành giữa các nước chỉ theo lối không qua tiền mặt (qua các tài khoản ngân hàng), cho nên không ở đâu nó được lưu thông dưới dạng tiền mặt. Nó có cách tính tỷ giá riêng so với các ngoại tệ khác.

Đồng rúp chuyển khoản làm chức năng thước đo giá trị trước hết khi quy định giá cả hợp đồng trong việc buôn bán với nhau giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ; như ta biết, giá cả này được quy định trên cơ sở giá cả thế giới đã loại bỏ ảnh hưởng tai hại của các nhân tố bất bình của

thị trường tư bản chủ nghĩa. Ngoài ra, đồng rúp chuyển khoản được dùng để đánh giá các công trình cùng nhau xây dựng, và cũng được dùng trong một số lĩnh vực khác của sự hợp tác kinh tế với nhau. Như vậy, thông qua đồng tiền tập thể ấy, có thể bảo đảm so sánh giá trị các hàng hóa khác nhau trên các thị trường khác nhau, và tạo điều kiện cho sự trao đổi ngang giá giữa các nước.

Sức mua của đồng rúp chuyển khoản, dựa trên cơ sở giá cả hợp đồng thỏa thuận, và sự bảo đảm về mặt hàng hóa của nó, ở mức độ lớn, đã được quy định trước ngay trong giai đoạn phối hợp kế hoạch, khi chuẩn bị và ký kết các hiệp nghị buôn bán năm năm và các nghị định thư hàng năm về lưu thông hàng hóa. Do đó mà đã bảo đảm trước cho lưu thông tiền tệ giữa các nước phù hợp với sự vận động thực tế của các giá trị vật chất—hàng hóa giữa các nước, và về khách quan, loại trừ được khả năng đồng rúp chuyển khoản được phát hành không có bảo đảm và lưu thông một cách không có kiểm soát.

Đồng rúp chuyển khoản làm chức năng phương tiện thanh toán trong tất cả những trường hợp trả tiền hàng hóa và dịch vụ mà các nước cung cấp cho nhau hoặc khi thanh toán các tín dụng được cấp. Ở đây, tiền tệ tập thể, khi chuyển từ người chủ này sang người chủ khác, thanh toán được những khoản tiền giao dịch giữa các nước, cũng y như tính hình khi phải trả bằng những đơn vị tiền tệ khác. Như vậy, khi làm chức năng này, đồng rúp chuyển khoản biểu hiện là một thứ tiền tệ thế giới thực tế phục vụ việc thanh toán tiền giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Toàn bộ lưu thông hàng hóa giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế được trả bằng đồng rúp chuyển khoản. Chi phí vận tải và dịch

vụ xây dựng, bảo hiểm và du lịch đều được tính bằng đồng tiền này.

Để thực hiện chức năng thanh toán quốc tế, thủ tục sử dụng và lưu chuyển đồng tiền tập thể quy định là đồng tiền này có « khả năng chuyển khoản », nghĩa là mỗi nước đều có quyền và khả năng tự do sử dụng phương tiện thuộc quyền sở hữu của mình để trả cho bất cứ nước nào khác cùng tham gia hệ thống, bằng cách chuyển tiền từ ngân khoản này sang ngân khoản khác.

Đặc tính « có khả năng chuyển khoản » được các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) sử dụng rộng rãi trong thực tiễn hằng ngày của mình. Mỗi nước đều có trong Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế một tài khoản thống nhất bằng đồng rúp chuyển khoản để thanh toán với tất cả các nước còn lại, và nước ấy tiến hành trả tiền từ tài khoản ấy. Hơn nữa, nguồn vốn trong tài khoản thống nhất này có thể do một số nước chuyển vào, nhưng vẫn được dùng để trả cho các nước hoàn toán khác. Nếu trong quá trình thanh toán ấy, một nước mắc nợ thì món nợ ấy không được coi là món nợ đối với các nước riêng rẽ, mà tạo nên một món nợ tổng hợp bằng đồng rúp chuyển khoản của nước đó đối với cơ quan ngân hàng tập thể là Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế, món nợ tổng hợp này sẽ phải trả trong các nghiệp vụ tiếp sau. Nhờ có cơ chế chuyển khoản ấy cho nên sự lưu chuyển tiền tệ giữa các nước được nhanh hơn, tiết kiệm được phương tiện thanh toán, giảm bớt được nhu cầu về tín dụng.

Trong quá trình thực hiện các mối quan hệ kinh tế đối ngoại của nước này hay nước khác, có thể hình thành những món tiền tạm thời nhàn rỗi. Trường hợp này, đồng rúp chuyển khoản làm chức năng *phương tiện tích lũy*. Quan hệ tín dụng quốc tế giữa

các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế phát triển trên cơ sở ấy.

Khác với chế độ thanh toán cơ lia tính hai phía trước đây, việc sử dụng đồng rúp chuyển khoản cho phép thực hiện trong thực tiễn nguyên tắc cân đối nhiều phía những sự cung cấp hàng hóa và trả tiền. Khi ký kết các hiệp nghị buôn bán và các hiệp nghị kinh tế khác, nước này hay nước nọ tiến hành cân đối các khoản thu chi bằng đồng rúp chuyển khoản không phải với từng bạn hàng riêng rẽ, mà với tất cả các bạn hàng cộng lại. Hơn nữa, trái với chế độ thanh toán hai phía trước kia — theo chế độ này, hàng hóa thực tế được đổi lấy hàng hóa khác, và tiền tệ được chọn để thanh toán chỉ là một đơn vị tính toán nhằm ghi nhận khối lượng hàng cung cấp cho nhau —, bây giờ, mỗi một dịch vụ buôn bán hay một dịch vụ kinh tế phải bởi hoàn khác đều đi đôi với việc thanh toán bằng tiền tệ thực tế đó, là đồng rúp chuyển khoản.

Vì vậy, khi tính toán bằng đồng rúp chuyển khoản, hoàn toàn không nhất thiết là mỗi nước đều phải mong muốn có sai ngạch số không trong cân cân thanh toán của mình với các nước hội viên khác của Hội đồng tương trợ kinh tế. Thật vậy, nước này có thể có bội thu trong ngoại thương và thanh toán phi mậu dịch, kể cả tín dụng, còn nước khác có thể có bội chi. Sự cân đối các số dư đó thực tế được thực hiện trong quá trình trả tiền đều đặn bằng đồng rúp chuyển khoản và với việc sử dụng các tín dụng mà trong trường hợp cần thiết Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế cấp cho. Do đó, khả năng trao đổi lẫn nhau được mở rộng căn bản.

Thực tiễn đã chứng tỏ sức sống và hiệu quả của đồng rúp chuyển khoản với tính cách là đơn vị tiền tệ quốc tế của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Nó bảo đảm đều đặn những sự thanh toán tiền giữa các

nước và phát triển tín dụng quốc tế trên cơ sở ngang giá và công bằng. Nó thúc đẩy sự vận động có kế hoạch của hàng hóa và dịch vụ trên thị trường xã hội chủ nghĩa thế giới, thúc đẩy việc thực hiện các kế hoạch kinh tế quốc dân của các nước anh em. Trong 16 năm sử dụng đồng rúp chuyển khoản trong việc trả tiền giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế, khối lượng tiền thanh toán với nhau hàng năm đã tăng từ 22,9 tỷ rúp chuyển khoản năm 1964 lên 114 tỷ năm 1979, nghĩa là gấp hơn 5 lần so với năm đầu khi chế độ mới có hiệu lực.

Việc sử dụng đồng rúp chuyển khoản để thanh toán cho nhau có ý nghĩa đặc biệt trong tình hình hiện nay, khi hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa thế giới đang trải qua cuộc khủng hoảng sâu sắc và kéo dài. Do có khả năng thực hiện đều đặn tất cả các dạng thanh toán và trả tiền cho nhau, mà không phải dùng đồng đô la và các tiền tệ tư bản chủ nghĩa khác, các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế bảo đảm lưu thông tiền tệ độc lập trên thị trường xã hội chủ nghĩa quốc tế, bảo vệ sự lưu thông ấy một cách chắc chắn chống những cuộc khủng hoảng đang làm rung chuyển các nước tư bản chủ nghĩa.

Việc thực hiện trong thực tế các dịch vụ thanh toán bằng đồng rúp chuyển khoản được giao cho Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế - cơ quan ngân hàng chung đầu tiên trên thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa. Cũng ngân hàng ấy làm nhiệm vụ cho các nước hội viên vay ngắn hạn bằng đồng rúp chuyển khoản, và trong một số trường hợp - bằng cả ngoại tệ có thể chuyển đổi của các nước tư bản chủ nghĩa. Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế nổi tiếng là một cơ quan ngân hàng quốc tế có uy tín. Hiện nay, tổng số dịch vụ do Ngân hàng tiến hành hàng ngày là trên 1 tỷ rúp chuyển khoản.

Chỉ trong 16 năm, tổng số tiền thanh toán với nhau của các nước dùng đồng tiền tập thể này là 841 tỷ rúp chuyển khoản, tổng số dịch vụ bằng ngoại tệ có thể chuyển đổi là 568 tỷ rúp. Cũng trong thời gian ấy, Ngân hàng đã cấp tín dụng hơn 54 tỷ rúp chuyển khoản và thu được lợi nhuận ròng là gần 222 triệu rúp chuyển khoản.

Hiện nay, Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế cung cấp hai dạng tín dụng - tín dụng có thời hạn và tín dụng thanh toán.

Tín dụng có thời hạn (thời hạn có thể đến ba năm) đem lại khả năng nhập siêu, bảo đảm cho người vay có điều kiện để sử dụng tài nguyên có hiệu quả hơn. Với việc cho vay có thời hạn, dạng tín dụng này kích thích việc tăng xuất khẩu, tăng lưu thông hàng hóa giữa các nước với nhau.

Tín dụng thanh toán nhằm bảo đảm có tiền cần thiết khi có những gián đoạn tạm thời trong việc thanh toán cho nhau có thể xảy ra trong quá trình buôn bán hay tiến hành các dịch vụ khác với nhau. Loại tín dụng này thường thường phải trả trong vòng 25 - 30 ngày bằng tiền thu nhập hàng ngày của người vay.

Chính sách lãi suất của Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế đã được cải tiến căn bản, theo hướng từ bỏ việc cho vay mà không lấy lãi, và nâng cao vai trò của lãi suất để kích thích việc sử dụng tiền vay có hiệu quả hơn. Việc cho vay không lấy lãi lúc đầu bị giảm bớt, sau đó bị hủy bỏ hoàn toàn. Hiện nay, lãi cho vay bằng đồng rúp chuyển khoản, tùy theo dạng và thời hạn vay, là từ 2 đến 5% hằng năm, chứ không phải 0,9 - 1,5% như trước. Tuy vậy, đối với Mông-cô và Cu-ba có vận dụng tiêu chuẩn ưu đãi ở mức 0,5 - 1% và 0,5 - 2% hằng năm.

Những ưu đãi và những ưu thế về tín dụng dành cho các nước kém phát

triển về kinh tế là một phương tiện bổ sung để làm cho kinh tế các nước ấy phát triển. Bằng cách đó, chính sách tín dụng và lãi suất của Ngân hàng hợp tác kinh tế quốc tế góp phần cống hiến vào việc làm cho trình độ phát triển kinh tế của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế dần dần xích lại gần nhau và ngang bằng nhau.

Ngân hàng hợp tác kinh tế Quốc tế là tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế kiểu đề nghị, các nước khác cũng có thể tham gia nó. Các tổ chức và ngân hàng những nước không là thành viên cũng có thể sử dụng các dịch vụ của nó. Hiện nay, Ngân hàng có quan hệ đại lý và tiến hành dịch vụ với hơn 300 cơ quan ngân hàng lớn nhất trên thế giới.

Việc cấp tín dụng trung hạn và dài hạn cho các biện pháp liên kết bằng cách tập hợp nguồn lực lượng vật chất - kỹ thuật và tài chính của các nước hợp tác với nhau, được thực hiện qua một cơ quan ngân hàng tập thể khác của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế là Ngân hàng đầu tư quốc tế, thành lập năm 1970.

Số vốn đóng góp của Ngân hàng này hiện nay là 1071,3 tỷ rúp chuyển khoản. Như vậy, đó là một trong những cơ quan ngân hàng lớn nhất trên thế giới. Bộ phận chủ yếu của số vốn đóng góp của ngân hàng - 70% - là bằng đồng rúp chuyển khoản. Đồng thời, để có thể mua sắm trên thị trường thế giới một số thiết bị và bằng phát minh nào đó, 30% số vốn đó được hình thành bằng ngoại tệ có thể chuyển đổi của các nước tư bản chủ nghĩa.

Mục đích chính của Ngân hàng đầu tư quốc tế là bằng mọi cách thúc đẩy sự phát triển và đẩy mạnh hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa, tập trung hơn và động viên nhiều hơn nguồn tiền tệ để xây dựng cơ bản và phối hợp sử dụng nguồn vốn đó.

Một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất đề Ngân hàng đầu tư quốc tế cho vay (hạn vừa - cho đến 5 năm, hạn dài - cho đến 15 năm) là sự quan tâm chung của tất cả hay vài nước hội viên của Ngân hàng đối với công trình xây dựng bằng tiền vay này. Sự quan tâm ấy phải được biểu hiện ở chỗ thu được sản phẩm của xí nghiệp được xây dựng cũng như ở việc cung cấp máy móc, thiết bị, vật liệu để xây dựng nó. Một tiêu chuẩn khác là bảo đảm năng suất cao của công trình được vay vốn để xây dựng, nâng cao hiệu quả của số vốn đầu tư. Với mục đích ấy, Ngân hàng đầu tư quốc tế tập trung nguồn tín dụng của mình trước hết vào việc cải tổ, mở rộng và trang bị lại về kỹ thuật cho các xí nghiệp đang hoạt động.

Do kết quả hoạt động của Ngân hàng đầu tư quốc tế, phạm vi sử dụng đồng rúp chuyển khoản làm phương tiện thanh toán và tín dụng đã được mở rộng căn bản, vì Ngân hàng cho vay hạn vừa và hạn dài phần lớn là bằng đồng tiền này. Nếu trước khi thành lập Ngân hàng đầu tư quốc tế, đồng rúp chuyển khoản chỉ được dùng để cho vay dùng vào lưu thông hàng hóa giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế, thì bây giờ nó còn hoạt động như là một công cụ để cho vay vốn đầu tư hạn vừa và hạn dài. Chất lượng mới ấy của đồng rúp chuyển khoản tạo ra thêm khả năng để sử dụng có hiệu quả hơn hệ thống tài chính - tiền tệ của các nước anh em vì lợi ích đầy mạnh và phát triển sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, thực tế tất cả các nước thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế, và cả Nam-tư - tuy không phải là hội viên - đều được hưởng tín dụng của Ngân hàng đầu tư quốc tế. Đến cuối năm 1979 đã có 65 công trình được vay tiền. Để cải tổ và xây dựng các công trình ấy, Ngân hàng đã cấp tín dụng 3,2 tỷ rúp chuyển khoản.

Tất cả các tín dụng của Ngân hàng đầu tư quốc tế đều mang tính chất có mục đích; trước hết là nhằm để cấp vốn cho việc xây dựng trong các ngành sản xuất then chốt. Trong những năm hoạt động của Ngân hàng, 76,1% tổng số tín dụng đã được dùng vào việc phát triển công nghiệp nhiên liệu - năng lượng, 11,3% - vào việc phát triển ngành chế tạo máy móc, trong đó có kỹ thuật điện tử và điện tử học, 6% - vào việc phát triển luyện kim, 6,6% - vào việc phát triển các ngành công nghiệp khác.

Trong các công trình được vay của Ngân hàng đầu tư quốc tế, có thể nêu ra: việc mở rộng và cải tạo xưởng ô tô « Ta-to-ra » ở Tiệp-khắc; vào điện khí hóa và cải tạo đường sắt ở Hung-ga-ri; việc tăng năng lực sản xuất của xi nghiệp lớn nhất về sản xuất máy đập hạng nặng - xi nghiệp liên hiệp máy đập ở Cộng hòa dân chủ Đức; việc xây dựng xưởng thiết bị kỹ thuật chuyên dùng Nô-vô-vô-lun ở Liên-xô; việc cải tạo và tăng cường năng lực của nhà máy tủy lông cừu ở Mông-cô; việc khôi phục (cải tạo) các xi nghiệp bị hỏng vì động đất năm 1977 ở Ru-ma-ni; việc trang bị thiết bị sản xuất dụng cụ và dây hãm có năng suất cao ở xưởng « Pôn-lơ-mo » ở Ba-lan và nhiều công trình khác.

Một công trình liên kết lớn nhất được Ngân hàng đầu tư quốc tế cho vay đã bắt đầu hoạt động, đó là đường ống dẫn không lồ « Liên hợp », do công sức chung của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế xây dựng nên. Đã có 43 công trình trong tổng số công trình được Ngân hàng cho vay, được đưa vào sản xuất và làm ra sản phẩm. Trong thời kỳ 1971 - 1979, các công trình ấy đã xuất

khẩu hàng vào các nước hội viên của Ngân hàng tổng cộng là 5,5 tỷ rúp chuyên khoản.

Hệ thống quan hệ tài chính - tiền tệ hình thành giữa các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế phù hợp với lợi ích của sự hợp tác kinh tế có kế hoạch, bảo đảm sự ngang giá trong thanh toán, bảo đảm quyền bình đẳng đối với mọi nước tham gia. Đồng thời, - và điều này đã được nhấn mạnh tại các khóa họp của Hội đồng tương trợ kinh tế - , cần phải cải tiến hơn nữa hệ thống ấy, tăng cường vai trò của đồng rúp hối đoái và mở rộng phạm vi sử dụng nó để thúc đẩy có hiệu quả hơn việc giải quyết các nhiệm vụ nêu chốt về hợp tác được đề ra một cách tập thể, thúc đẩy việc làm tròn những cam kết với nhau, việc bảo đảm kịp thời và đều đặn về mặt tài chính - tiền tệ cho các công trình quy mô lớn cùng nhau xây dựng.

Vì điều này có tính chất nóng hổi đặc biệt vì các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế đã đề ra và đang thực hiện những chương trình hợp tác dài hạn và có mục tiêu trong các lĩnh vực kinh tế quốc dân hết sức quan trọng. Việc thực hiện các chương trình ấy đòi hỏi phải động viên những nguồn vật chất và tài chính - tiền tệ lớn, sử dụng tối đa những khả năng thanh toán và tín dụng của hệ thống đồng rúp chuyên khoản, phối hợp chặt các biện pháp tài chính - tiền tệ nhằm đẩy mạnh việc phối hợp các kế hoạch kinh tế quốc dân, phát triển chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất, cải tiến việc tổ chức các mối liên hệ ngoại thương và các mối liên hệ kinh tế đối ngoại khác.

Tình hình thế giới đầu thập kỷ 80

BƯỚC vào thập kỷ 80 này tình hình thế giới có nhiều biến động. Trước sự lớn mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng, bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, ráo riết tập hợp lực lượng để phản kích lại, tăng cường chạy đua vũ trang, gây không khí chiến tranh lạnh. Bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc, cầu kết với chủ nghĩa đế quốc, tích cực chống lại phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa với các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế đã diễn ra quyết liệt, càng thẳng và phức tạp. Nhiều câu hỏi được đặt ra: so sánh* lực lượng hiện nay trên thế giới như thế nào? Phải chăng thế giới đang ở trên miệng hố chiến tranh? Các lực lượng cách mạng có tiếp tục ở thế tiến công chiến lược không?



Các lực lượng đế quốc và phản động phản kích rất quyết liệt, song khả năng của chúng bị hạn chế do chúng đang ở thế yếu và bị động, mâu thuẫn giữa chúng phát triển gay gắt.

Từ đầu năm 1980, đế quốc Mỹ đã lợi dụng vấn đề Áp-ga-ni-xtan để gây căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Xô, hòng phá hoại hòa hoãn, đe dọa hòa bình và an ninh của các dân tộc. Chúng thúc đẩy Tây Âu và Nhật-bản lao vào chạy đua vũ trang. Chúng tăng cường lực lượng quân sự ở Ấn-độ-dương và Địa-trung-hải, lập nhiều căn cứ quân sự mới ở vùng Ấn-độ-dương, Trung Đông, Sừng châu Phi

và vịnh Péc-xích, đồng thời đưa ra cái gọi là «chiến lược hạt nhân mới» với mục đích tăng cường chạy đua vũ trang hòng giành lại thế mạnh về vũ khí chiến lược so với Liên-xô. Dưới sức ép của Mỹ, các nước trong khối NATO, trong khi chuẩn bị triển khai việc đặt tên lửa hạt nhân tầm trung binh ở Trung Âu, từ giữa tháng 9-1980, đã tiến hành cuộc diễn tập quân sự trên quy mô lớn chưa từng có suốt từ Na-uy đến Thổ-nhĩ-kỳ nhằm biểu dương lực lượng, khiến khích Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, uy hiếp phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội ở các nơi.

Mặt khác, đế quốc Mỹ tiếp tục «chơi con bài Trung-quốc», chống Liên-xô, Việt-nam và cách mạng thế giới, xúc tiến chuyển giao một số vật tư kỹ thuật và thiết bị quân sự cho Trung-quốc, ký kết một loạt hiệp định hợp tác về hàng không, hàng hải và thương mại với Trung-quốc.

Vì sao Mỹ chủ trương tăng cường chạy đua vũ trang, gây không khí chiến tranh lạnh, tạo ra những tình thế xung đột ở nhiều nơi trên thế giới? Đó là vì Mỹ muốn cứu vãn nền kinh tế trong cơn khủng hoảng kéo dài và vị trí chính trị suy yếu của nó; lấy lại ưu thế quân sự so với Liên-xô, tạo thế mạnh trong đàm phán với Liên-xô; lập lại vai trò khống chế của Mỹ đối với Tây Âu và Nhật; đẩy lùi cách mạng thế giới, trước mắt là ngăn chặn phong trào độc lập dân tộc ở khu vực Trung Cận Đông - Vịnh Péc-xích để bảo vệ lợi ích dầu mỏ của các nước đế quốc.

Nhưng mưu đồ phản kích của Mỹ là ở trong thế bị động, thế yếu, cho nên Mỹ không thực hiện được ý đồ

của mình, mà còn làm cho nền kinh tế Mỹ tiếp tục suy thoái, khủng hoảng.

Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính của Mỹ ngày càng sâu sắc. Do sản xuất suy thoái, sản lượng công nghiệp của Mỹ trong năm 1980 giảm 0,5% so với năm 1979. Nhiều ngành công nghiệp quan trọng như sắt thép, ô tô, xây dựng bị thua lỗ. Tỷ lệ lạm phát ở Mỹ vẫn ở mức hai con số: 13,5%; số người thất nghiệp lên tới 8,5 triệu nhiều hơn năm 1979 gần 2 triệu. Ngân sách Mỹ hụt liên tục từ năm 1960, năm 1980 hụt 59 tỷ đô la (năm 1979, hụt 27,7 tỷ đô la), trong khi đó thì chi phí quân sự của Mỹ năm 1981 là ngót 200 tỷ đô la. Mâu thuẫn bên trong nước Mỹ cũng như trong nội bộ tập đoàn cầm quyền phát triển gay gắt. Các vụ bê bối kiểu Oa-to-giết tiếp tục xảy ra. Cuộc khủng hoảng lòng tin và thề chề tiếp tục phát triển. Số cử tri đi bỏ phiếu trong cuộc bầu cử vừa qua chiếm tỷ lệ thấp nhất (52,3%) kể từ 1948. Uy tín của Mỹ trên thế giới không ngừng giảm sút. Chính quyền Rí-gân đang đứng trước những vấn đề cực kỳ nan giải. « Một sự mở đầu mới vĩ đại » mà Rí-gân nêu ra chỉ là trò mị dân.

Mỹ đẩy mạnh chạy đua vũ trang không giành ưu thế so với Liên-xô. Nhưng Liên-xô ngày nay hùng mạnh hơn bao giờ hết. Chính đế quốc Mỹ và bọn phản động Bắc-kinh cũng phải thừa nhận sức mạnh đó và lo sợ ảnh hưởng của Liên-xô đang tăng lên trên thế giới. (1)

Mỹ cố dàn xếp mâu thuẫn, lập lại sự không chề đối với các nước khác trong thế giới tư bản chủ nghĩa, nhưng so sánh lực lượng trong nội bộ các nước tư bản chủ nghĩa đã عوض thay đổi nhanh chóng. Mỹ chẳng những không cạnh tranh nổi về những mặt hàng đòi hỏi nhiều sức lao động như may mặc, đóng giày, lắp ráp điện tử, mà còn thua kém cả về những mặt hàng mà Mỹ

vốn nắm ưu thế như sản xuất máy bay cỡ lớn, máy tính điện tử cỡ lớn, mạch tổ hợp tinh vi, v.v. Đồng đô la tiếp tục mất giá. Việc Mỹ tiếp tục nhập siêu từ các đồng minh, gây nên tình hình căng thẳng trong quan hệ mâu địch giữa Mỹ và các nước này. « Chiến tranh thương mại », « chiến tranh tiền tệ » diễn ra liên tục. Do cạnh tranh về thị trường và nguyên liệu, nhiên liệu, giữa Mỹ và đồng minh có những bất đồng sâu sắc trong chính sách đối với các nước đang phát triển. Các nước Tây Âu và Nhật vẫn tăng cường quan hệ với các nước Ả-rập, tranh thủ Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin, không hưởng ứng việc phong tỏa kinh tế I-ran do Mỹ đề xướng. Cũng do lợi ích kinh tế bản thân, các nước ấy cũng hưởng ứng một cách dè dặt chính sách của Mỹ chạy đua vũ trang và gây chiến tranh lạnh trong quan hệ Đông Tây. Pháp và Tây Đức đã tự động nối lại cuộc đối thoại cấp cao với Liên-xô. Qua các cuộc họp của khối NATO, khối Thị trường chung và hội nghị cấp cao 7 nước công nghiệp ở Vo-ni-dơ, người ta thấy rõ mâu thuẫn gay gắt giữa Mỹ và các nước Tây Âu, Nhật trên một loạt vấn đề cơ bản về kinh tế, chính trị và cả về quân sự.

Đế quốc Mỹ « chơi con bài Trung-quốc » để chống Liên-xô, chống sự nghiệp hòa bình và chủ nghĩa xã hội. Nhưng do cả Mỹ lẫn Trung-quốc đều ở thế yếu và bị động, lại muốn lợi dụng lẫn nhau để giải quyết các yêu cầu riêng của mỗi bên, cho nên sự cầu kết giữa chúng tuy có gây khó khăn cho phong trào cách mạng và làm cho tình hình phức tạp, nhưng đã không giúp cho Mỹ giải quyết được bất kỳ vấn đề khó khăn lớn nào trên thế giới, và cũng không giúp

(1) Xem: phát biểu của Hai-gơ trước Ủy ban đối ngoại Thượng nghị viện Mỹ ngày 12-1-1981, và bình luận của Tân hoa xã Bắc-kinh ngày 19-12-1980.

được gì mấy cho Bắc-kinh trong mưu đồ bành trướng và bá quyền của chúng. Cuộc tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn cầm quyền ở Bắc-kinh vẫn tiếp tục gay gắt.

Những thất bại trong việc thực hiện đường lối «bốn hiện đại hóa» càng làm cho những mâu thuẫn nội bộ của bọn phản động Trung-quốc thêm sâu sắc. Kế hoạch bốn hiện đại hóa đầy tham vọng được đề ra tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội Trung-quốc khóa 5 (2-1978) đã bị sửa đổi 2 lần trong 2 năm liền và đang bị thất bại. Các chỉ tiêu kế hoạch (đề ra cho năm 1985) đều phải điều chỉnh xuống: thép từ 60 triệu tấn xuống 40 triệu tấn, lương thực từ 400 triệu tấn xuống 320 triệu tấn... Do tham vọng bành trướng, bá quyền cho nên tư tưởng nhẩy vọt, đốt cháy giai đoạn vẫn là một đặc trưng của những kế hoạch kinh tế phiêu lưu của chúng. Chúng không gây được «dại loạn» trên thế giới mà lại gây ra «dại loạn» ở Trung-quốc. Theo sự thử nghiệm của báo chí Trung-quốc chỉ 1/3 đảng viên ủng hộ đường lối của giới cầm quyền. Đời sống nhân dân khổ cực, làm tăng thêm sự bất mãn trong nước. Đảng chủ ý là cuộc khủng hoảng trong quân đội Trung-quốc. Về mặt đối ngoại, bọn phản động Trung-quốc tăng cường chống phá cách mạng, đặc biệt là kéo các nước ASEAN chống Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, phá hoại xu thế đối thoại giữa các nước ASEAN và các nước Đông-dương. Nhưng các nước ASEAN ngày càng thấy được nguy cơ chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc và sự ủng hộ của Bắc-kinh đối với các tổ chức mao ít trong các nước đó, có hại cho an ninh của chính các nước đó và của khu vực.



Mặc dù phát khắc phục nhiều khó khăn, phức tạp trên con đường phát triển đi lên, các nước xã hội chủ nghĩa,

các lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới không ngừng phát huy thế tiến công và ngày càng lớn mạnh.

Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác tiếp tục lớn mạnh, phát huy vai trò là chỗ dựa, là trụ cột vững chắc của cách mạng và hòa bình thế giới. Liên-xô hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm thứ 10 và bước vào kế hoạch 5 năm thứ 11 với tiềm lực kinh tế và quốc phòng hùng mạnh hơn bao giờ hết. Các nước xã hội chủ nghĩa khác đạt được thành tựu quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa xã hội phát triển. Các nước trong liên đội đồng trợ kinh tế đang đi vào giai đoạn mới của sự hợp tác trên cơ sở liên kết xã hội chủ nghĩa theo các chương trình đồng bộ, có mục tiêu trên năm lĩnh vực kinh tế quan trọng hàng đầu: năng lượng; nguyên liệu, nhiên liệu; cơ khí; sản xuất lương thực và hàng tiêu dùng; giao thông vận tải.

Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác luôn luôn giữ vững cao ngai cờ hòa bình, liên tiếp đưa ra những sáng kiến ngoại giao đánh vào âm mưu của chủ nghĩa đế quốc gây tình hình căng thẳng, chạy đua vũ trang, phục hồi chiến tranh lạnh. Những sáng kiến về giảm tình hình căng thẳng ở châu Âu và giải trừ quân bị, về vấn đề Á-p-ga-ni-xtan, về khu vực vịnh Péc-xích đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa được một bước hàng ngũ các nước đế quốc, cô lập được bọn phản động Bắc-kinh. Chiến dịch của đế quốc Mỹ và Trung-quốc chống Liên-xô trên thế giới và trên vấn đề Á-p-ga-ni-xtan đang thất bại.

Các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa càng tỏ ra đoàn kết, nhất trí và phối hợp chặt chẽ, kiên quyết

bảo vệ Liên-xô, bảo vệ cách mạng Áp-ga-ni-xtan, cách mạng Cam-pu-chia, và chủ động trong đấu tranh cho hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Lợi dụng những khó khăn về kinh tế của Ba-lan, chủ nghĩa đế quốc tìm cách can thiệp vào nội bộ Ba-lan, hòng thực hiện diễn biến hòa bình từ bên trong. Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đang giúp Ba-lan giải quyết khó khăn, đẩy lùi hoạt động phản cách mạng và bảo vệ nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa.

Phong trào độc lập dân tộc tuy có những diễn biến phức tạp như những xáo động chính trị xảy ra ở Ha-mai-ca, Bô-li-vi-a, Ghi-nê Bít-xao, Thu-rơng Vôn-ta, như cuộc chiến tranh I-rac-I-ran, nhưng vẫn tiếp tục phát triển về chiều rộng và chiều sâu với xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thời gian qua, khu vực vòng cung từ Đông Nam Á qua Nam Á đến Tây Á là nơi có những biến động lớn nhất, phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất và cũng là nơi chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế thất bại nặng nề nhất. Mặc dù kẻ thù dùng trăm phương nghìn kế phá hoại cách mạng ba nước Đông-dương, nhất là trên vấn đề Cam-pu-chia, tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông-dương và sự liên minh của ba nước Đông-dương với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác chặt chẽ hơn bao giờ hết, và do đó, tình hình Đông Nam Á cũng có biến chuyển tốt hơn. Ở Nam Á, với việc bà Găng-di lên làm Thủ tướng, Ấn-độ phát huy mạnh mẽ chính sách hòa bình, độc lập và không liên kết tích cực và hợp tác chặt chẽ với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác; đó là một nhân tố mới trong việc hình thành Mặt trận nhân dân châu Á chống chính-sách bành trướng của Trung-quốc và sự cấu kết Trung - Mỹ. Ở Tây Nam Á, với sự giúp đỡ của quân đội Liên-xô, nhân dân Áp-ga-ni-xtan đã bảo vệ được nền độc lập của

minh chống sự can thiệp của nước ngoài; thắng lợi của cách mạng Áp-ga-ni-xtan là không thể đảo ngược. Tình hình I-ran tiếp tục phát triển không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc. Tất cả những thủ đoạn của Mỹ như bao vây kinh tế, uy hiếp quân sự đều không uy hiếp được nhân dân I-ran. Mỹ đang lợi dụng cuộc chiến tranh I-rắc - I-ran để tăng cường sự có mặt về quân sự ở trong khu vực.

Ở vùng Á-rập, với chính sách hiếu chiến và xâm lược của I-xra-en, kiểu hòa bình riêng rẽ giữa I-xra-en và Ai-cập do Mỹ đạo diễn đang ở trong tình trạng bế tắc. Các nước Á-rập bị phân hóa sâu sắc. Các lực lượng chống đế quốc gồm Xy-ri và các nước trong "mặt trận kiên định" chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác để tiếp tục chiến đấu. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Liên-xô và Xy-ri vừa được ký kết là một nhân tố tích cực đối với tình hình vùng Á-rập.

Bất chấp mọi thủ đoạn của bọn đế quốc và phản động, ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội vẫn không ngừng phát triển trong các nước độc lập dân tộc. Các nước dân tộc tiến bộ có xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội (Ăng-gô-la, Mô-dam-bích, Ê-ti-ô-pi-a, Nam Yê-men, Ni-ca-ra-goa) tiếp tục lớn mạnh. Phong trào đấu tranh của các lực lượng dân tộc và tiến bộ ở vùng Trung Mỹ - Ca-ri-bê chống đế quốc Mỹ cũng có những phát triển mới. Mũi nhọn hiện nay của cuộc đấu tranh ấy là cách mạng Xan-va-đô đang không ngừng phát triển, làm rung chuyển mạnh khu vực sản sau của Mỹ. Ở miền Nam châu Phi, sự xuất hiện của nước Cộng hòa Dim-ba-bu-ê là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc miền Nam châu Phi chống chế độ thực dân da trắng và chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi và là sự cổ vũ to lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Na-mi-bi-a và nhân dân

Nam Phi. Những biến đổi chính trị ở Xu-ri-nam (Mỹ la tinh), Li-bê-ri-a (châu Phi) do các sĩ quan trẻ lãnh đạo với nội dung dân tộc chống đế quốc là những biểu hiện mới đáng chú ý.

Phong trào không liên kết cũng có biến chuyển mới. Các lực lượng phản động, tay sai của chủ nghĩa đế quốc và bọn bành trướng Trung-quốc mưu mô lái phong trào đi lệch hướng chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng hàng ngũ chúng bị phân hóa. Các lực lượng cách mạng và tiến bộ phát huy tác dụng tích cực từ Hội nghị cấp cao thứ 6 tại La Ha-ba-na đã giúp cho phong trào giữ vững phương hướng của mình là chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển chống sự bóc lột kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, giành quyền làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mình là một mặt quan trọng của cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Kinh tế của chủ nghĩa đế quốc càng bị khủng hoảng, chủ nghĩa đế quốc càng trở nên gánh nặng khủng hoảng đó lên đầu các nước chậm phát triển thì mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với các nước độc lập dân tộc càng sâu sắc. Thất bại của các cuộc đàm phán toàn cầu về các vấn đề phát triển và mâu thuẫn quốc tế trong năm 1980 đã làm cho nhiều nước độc lập dân tộc không còn có ảo tưởng về con đường thương lượng với bọn đế quốc để tạo lập trật tự kinh tế thế giới mới.

Dưới sự tác động của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và của phong trào độc lập dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế tiếp tục phát triển. Đáng chú ý là ở từng khu vực, các đảng cộng sản đã tổ chức những cuộc hội nghị khu vực để trao đổi ý kiến về những vấn đề có ích lợi chung nhằm phối hợp chiến lược và thống nhất hành động cùng đấu tranh

cho những mục tiêu chung từng thời kỳ. Xu hướng này đang ngày càng phát triển (như Hội nghị các đảng cộng sản châu Âu tháng 4 và tháng 11-1980, Hội nghị các đảng cộng sản Bắc Âu tháng 6-1980, Hội nghị các đảng cộng sản Trung - Mỹ và Mê-hi-cô tháng 11-1980).

Các đảng cộng sản ở nhiều nước Tây Âu và Nhật đã trở thành những lực lượng chính trị quan trọng, đóng vai trò ngày càng lớn trong đời sống chính trị của các nước này. Các đảng cộng sản đều thống nhất trên vấn đề bảo vệ hòa bình, hòa hoãn và giải trừ quân bị. Cuộc sống và thực tiễn đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa làm cho nhiều đảng có lập trường tích cực hơn đối với cuộc đấu tranh chống sự cấu kết Trung - Mỹ chống Liên-xô, đối với vấn đề Áp-ga-ni-xtan, vấn đề Cam-pu-chia.



Sự phản kích điên cuồng của bọn đế quốc và phản động chỉ nói lên thế bị động, thất bại của chúng trước thế tiến công chiến lược của ba đồng thác cách mạng. Sự hung hăng của chúng càng phơi bày bản chất hiếu chiến, phản động của chúng, càng bộc lộ tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh « ai thắng ai » trên phạm vi toàn thế giới. Bước vào thập kỷ 80, so sánh lực lượng tiếp tục biến đổi có lợi cho các lực lượng hòa bình và cách mạng, với xu thế cơ bản là ba đồng-thác cách mạng của thời đại ngày càng lớn mạnh trong khi chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động ngày càng bộc lộ mâu thuẫn cơ bản không thể nào khắc phục được. Hòa bình, hòa hoãn là xu thế không thể đảo ngược được.

Chắc chắn rằng các thế lực đế quốc và phản động còn có nhiều tính toán và hành động nguy hiểm trong việc chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng, chia rẽ mũi nhọn vào Liên-

xô, Việt-nam, Cu-ba và các nước cách mạng và tiến bộ khác. Loài người tiến bộ không thể không cảnh giác. Song bọn đế quốc và phản động không phải dễ dàng đưa được thế giới quay trở lại chiến tranh lạnh như những năm 50. Hồi bấy giờ đế quốc Mỹ còn có ưu thế về vũ khí hạt nhân, có ưu thế tuyệt đối về kinh tế - tài chính, đồng đô la thống trị thế giới tư bản chủ nghĩa; hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới vừa mới hình thành. Tình hình ngày nay đã thay đổi về cơ bản. Lực lượng cách mạng và hòa bình đã lớn mạnh hẳn lên. Lực lượng đối sách trên phạm vi thế giới đã thay đổi không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

Kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, khác với những năm 50 là lúc kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển với tốc độ cao. Âm mưu và hành động của bọn đế quốc và phản động nhằm gây chiến tranh lạnh chỉ có thể làm băng giá quan hệ Đông Tây ở mức độ nhất định, trong thời gian nhất định, chỉ có thể gây khó khăn nhất định cho phong trào cách mạng ở nơi nào đó, song không thể đảo ngược được xu thế hòa bình, hòa hoãn, xu thế cách mạng trên thế giới.

Khả năng giữ gìn hòa bình là khả năng hiện thực. Chiến tranh ngày nay không còn là lối thoát cho khủng hoảng kinh tế của các nước đế quốc chủ nghĩa, không còn là phương tiện để chia lại thị trường, xâm chiếm thuộc địa, cho nên giữa các nước đế quốc chủ nghĩa chỉ có « chiến tranh thương mại », « chiến tranh tơ lụa », « chiến tranh tỉ vi », v.v. Chạy đua vũ trang không còn là yếu tố kích thích đối với toàn bộ nền kinh tế đế

quốc chủ nghĩa. Họ chỉ kích thích một bộ phận nhỏ công nghiệp hiện đại: tên lửa, bom hạt nhân, v.v., chỉ có lợi cho một nhóm nhỏ tư bản tài chính đầu sỏ và bọn cầm đầu tồ hợp công nghiệp-quân sự. Còn muốn gây chiến tranh với hệ thống xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc không thể không tính đến sức mạnh hùng hậu của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa khác, của các lực lượng hòa bình và cách mạng trên thế giới; một cuộc chiến tranh liều lĩnh như vậy chỉ là một sự tự sát đối với chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế sẽ không từ một thủ đoạn nào dễ gây tình hình căng thẳng, tạo ra trạng thái chiến tranh và những tình thế xung đột ở nơi này nơi khác, gây chia rẽ giữa các lực lượng hòa bình và cách mạng, tiến hành can thiệp và lật đổ, v.v.

Các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng hòa bình và cách mạng luôn luôn nêu cao ngọn cờ hòa bình, thi hành chính sách ngăn ngừa chiến tranh, làm thất bại mọi mưu mô phá hoại hòa bình của bọn đế quốc và phản động hiếu chiến. Điều đó xuất phát từ bản chất nhân đạo của chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ lợi ích của cách mạng thế giới, vì chính trong điều kiện hòa bình, hòa hoãn, thế tiến công của cách mạng thế giới được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hòa bình và cách mạng luôn luôn gắn liền với nhau. Trong điều kiện hòa bình của thế giới được giữ vững, cách mạng ở mỗi nước tiếp tục phát triển theo quy luật tất yếu của nó. Chắc chắn rằng thập kỷ mới sẽ dẫn đến những biến đổi rất to lớn và sâu sắc trên thế giới, có lợi cho hòa bình và cách mạng.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 2 — 1981 г.

ПЕРЕДОВАЯ — V съезду партии — достойная встреча!

ТИНЬ ЧЫК — Последовательно усваивать партийные установки по организационной работе.

ФАМ ТХАНЬ — Об организации и организационной работе.

ВУ ХЫУ НГОАН — Распределение и товарное обращение на первом этапе перехода к социализму в нашей стране.

ИССЛЕДОВАНИЕ. ЧАН КУОК ВЬОНГ, ХОАНГ НГОК ЗИ, ФОНГ ТЯУ — О национальных традициях.

НГУЕН ДЫК ТХИЕНГ ★ О войне, развернутой Китаем с целью захвата земли, проведения провокационной и подрывной деятельности в северных пограничных районах в течение 2 последних лет.

Х.БОРИСОВ — Валюта в социалистической экономической интеграции.

☆☆☆ — Международное обозрение «В начале 80-х годов».

REVIEW OF COMMUNISM № 2 — 1981

Editorial — Make good preparations for the Fifth Congress of the Party.

CHINH-TRUC — Firmly grasp the Party's viewpoint on organizational work.

PHAM-THANH — Reflections on organization and organizational work.

VU-HUU-NGOAN — Distribution and circulation in the first stage of the period of transition to socialism in our country.

Studies — On tradition (by Trần-Quốc-Vuong, Hoàng-Ngọc-Di, Phong-Châu).

NGUYEN-DUC-THIENG — On the war aimed at infringement, provocation and destruction waged by China in our border area over the past two years.

X. BORISOV — The currency of socialist economic union.

☆☆☆ — The world situation at the beginning of the 80's decade

REVUE DU COMMUNISME № 2 — 1981

Editorial — Faire de bons préparatifs pour le Ve Congrès national du Parti

CHINH-TRUC — Bien saisir le point de vue du Parti sur le travail d'organisation.

PHAM-THANH — Réflexions sur l'organisation et le travail d'organisation.

VU-HUU-NGOAN — La distribution et la circulation des marchandises dans la première étape de la période de transition au socialisme au Vietnam.

Etudes — Sur les traditions (par Trần-Quốc-Vương, Hoàng-Ngọc-Di et Phong-Châu).

NGUYEN-DUC-THIENG — Sur la guerre d'empiétement, de provocation et de destruction entreprise par la Chine sur nos marches frontalières au cours des deux dernières années.

X. BORISOV — La monnaie de l'intégration économique socialiste

☆☆☆ — La situation du monde au début des années 80

REVISTA DEL COMUNISMO № 2 de 1981

Editorial — Hacer buenos preparativos por el V Congreso Nacional del Partido.

CHINH TRUC — Mantener bien el punto de vista del Partido sobre el trabajo de organización.

PHAM-THANH — Reflexiones sobre la organización y el trabajo de organización.

VU-HUU-NGOAN — La distribución — circulación de mercancías en la primera etapa del periodo de transición al socialismo en Viet Nam.

Estudios — Sobre las tradiciones (por Trần Quốc Vương, Hoàng Ngọc Di y Phong Châu).

NGUYEN DUC THIENG — Sobre la guerra de usurpación, provocación y destrucción llevada por China en nuestras fronteras en el curso de dos últimos años.

X. BORISOV — La moneda de la integración económica socialista.

☆☆☆ — La situación del mundo a principios de la década 80.

MỤC LỤC

Xã luận — Chuẩn bị tốt Đại hội lần thứ V của Đảng	1
CHÍNH-TRỤC — Năm vững quan điểm của Đảng về công tác tổ chức	7
PHẠM-THÀNH — Suy nghĩ về tổ chức và công tác tổ chức	15
VŨ-HỮU-NGOẠN — Phân phối-lưu thông trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	22
Nghiên cứu về truyền thống ★ TRẦN-QUỐC-VƯỢNG — Về truyền thống dân tộc	
HỒANG-NGỌC-DI — Phương pháp luận trong vấn đề giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc	
PHONG-CHÂU — Truyền thống cách mạng Việt-nam	28
NGUYỄN-DỨC-THIỆNG — Võ cuộc chiến tranh xâm lấn, khiêu khích và phá hoại của Trung-quốc ở vùng biên giới nước ta trong hai năm qua	40
THANH-LÊ — Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa Việt-nam	45
LÊ-SẮC-NGHI — Công ty quốc doanh cao su Đồng-nai từng bước làm tốt việc kết hợp ba lợi ích	51
Sinh hoạt tư tưởng ★ PHAN-LANG — Chân lý...	56
X.BỐ-RI-XỐP — Tiên tệ của liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa	59
★★★ — Tình hình thế giới đầu thập kỷ 80	65

SỬA LẠI

Trong Tạp chí Cộng sản số 1-1981, trang 2, dòng 16, xin đọc :
6 triệu.

七 五 書 公
" 3 " 5 "

Các bạn hãy tìm đọc

Tạp chí

**NHỮNG VẤN ĐỀ HÒA BÌNH
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Cơ quan lý luận và thông tin của
các đảng cộng sản và công nhân



*Mỗi tháng ra một kỳ.
Bản tiếng Việt - nam,
mỗi số giá 0đ,70*

**Đặt mua tại các cơ sở
phát hành báo chí của
bưu điện**

In tại Nhà in **TẠP CHÍ CỘNG SẢN**

Chi số : 12651

Giá : 040

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

W. 111 UC-B



3

3.1981

NÂNG CAO CẢNH GIÁC, LÀM TỐT CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

 OT cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó đủ sức tự bảo vệ mình. Kinh nghiệm cách mạng ở nhiều nước chứng tỏ rằng giành được chính quyền đã là việc rất khó, giữ vững chính quyền cách mạng đã giành được lại còn khó khăn gấp bội. Thành công hay thất bại của một cuộc cách mạng là ở chỗ có giữ vững chính quyền cách mạng đã giành được hay không? Chính vì vậy, sau khi chính quyền cách mạng được thiết lập trong cả nước, nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo là phải không ngừng nâng cao cảnh giác, làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội vì có làm tốt công tác này thì mới bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hơn năm năm qua, từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng và cả nước liền lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta đã lập được nhiều thành tích trong công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, lực lượng công an nhân dân cùng toàn quân và toàn dân ta đã làm thất bại nhiều âm mưu và hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch. Chúng ta đã ngăn chặn các hoạt động phá hoại, gây bạo loạn, đã trấn áp kịp thời nhiều tổ chức phản động. Chúng ta đã vây quét, tiêu diệt, làm tan rã các nhóm tàn quân địch, tịch thu nhiều vũ khí và phương tiện hoạt động của địch. Chúng ta đã tập trung cải tạo các đối tượng có thể gây nguy hại về chính trị và hình sự. Chúng ta đã tịch tước quét các văn hóa phẩm phản động, bãi trừ các tệ nạn xã hội. Nhờ đó tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội được ổn định.

Tuy vậy, trên mặt trận an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn có những khuyết điểm và sơ hở. Việc đánh địch có trường hợp chưa kịp thời và sắc bén. Công tác bảo vệ kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa còn nhiều sơ hở. Bọn lưu manh còn dõ dẫm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân chưa

được bài trừ triệt để. Tình hình trật tự xã hội ở một số địa phương còn phức tạp.

Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan là hậu quả của nhiều năm chiến tranh, tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn. Nhưng về nguyên nhân chủ quan, những thiếu sót của chúng ta cũng có trách nhiệm trong việc đưa đến tình trạng trên đây. Trảng Bàng và trong nhân dân còn có những người chưa nhận thức sâu sắc âm mưu xảo quyệt và thâm độc của địch. Nhiều người chưa nhận rõ tính chất phức tạp, gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh chống hoạt động gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch. Tinh thần cảnh giác cách mạng của một số cán bộ và nhân dân chưa được nâng cao. Trong đấu tranh chống địch còn biểu hiện tư tưởng hủu khuynh. Công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội nhiều mặt bị buông lỏng. Trong cuộc đấu tranh chống bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn côn đồ cướp của giết người, bọn đầu cơ buôn lậu, thiếu kiên quyết tiến công liên tục nhằm bài trừ triệt để bọn này. Chưa phát động được một phong trào quần chúng sâu rộng và mạnh mẽ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội. Sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản chưa được phát huy đầy đủ trong cuộc đấu tranh quyết liệt đập tan mọi âm mưu và hoạt động của kẻ thù.

Nếu không có những khuyết điểm và thiếu sót đó, thì trên mặt trận an ninh chính trị và trật tự xã hội chúng ta còn giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.



Nước ta ngày nay đang ở trong tình hình vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh.

Sau thất bại ở Việt-nam, đế quốc Mỹ ngày càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng triền miên, kéo theo sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng thêm của chế độ đế quốc. Nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ tham vọng của nó giữ vai trò sen đầm quốc tế, chưa từ bỏ âm mưu den lối đối với nước ta. Đế quốc Mỹ là kẻ thù của cách mạng Việt-nam và của cách mạng thế giới. Nó ra sức tập hợp lực lượng, gây căng thẳng từng khu vực, cố giành lại những vị trí đã mất và duy trì những vị trí còn lại của nó. Trong tình thế cùng quẫn, đế quốc Mỹ sử dụng con bài Trung-quốc để thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng của nó.

Tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng, đại dân tộc và bá quyền nước lớn trong giới cầm quyền Trung-quốc đang câu kết với chủ nghĩa đế quốc chống Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào cách mạng và hòa bình thế giới. Nó đã phơi bày bộ mặt thật của nó là kẻ phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của cách mạng Việt-nam và là kẻ phá hoại nguy hiểm của cách mạng thế giới.

Bọn phản động Trung-quốc đã công khai thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam. Chúng đã sử dụng bọn tay sai Pôn Pốt - lêng Xa-ry gây chiến tranh ở biên giới tây nam nước ta, sau đó, lại ngang nhiên phát động chiến tranh xâm lược ở biên giới phía bắc nước ta. Hiện nay chúng đang tập trung quan sát biên giới phía bắc nước ta, thường xuyên khiêu khích, gây xung đột quân sự, đồng thời ráo riết tiến hành phá hoại ở nội địa nước ta bằng nhiều cách: chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý

Về chiến tranh phá hoại kinh tế, bọn phản động Trung-quốc thực hiện chính sách bao vây và phá hoại kinh tế nước ta. Chúng xuyên tạc các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, phá hoại sản xuất, phá hoại giá cả, thị trường, làm cho đời sống nhân dân ta gặp khó khăn, gây tâm lý bất mãn, gây tình hình kinh tế không ổn định, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Về chiến tranh gián điệp, chúng tung bọn biệt kích, thám báo, gián điệp vào nước ta để thu thập tin tức tình hình các mặt và tổ chức phá hoại. Chúng móc nối với bọn tay chân của chúng đã cài sẵn từ lâu trong nước ta tổ chức thành mạng lưới gián điệp để điều tra tình hình mọi mặt của ta. Chúng lợi dụng các loại phản động, kích động các phần tử xấu và bất mãn, nhện nhóm các hình thức tổ chức chống đối để xây dựng lực lượng ngầm làm tay sai cho chúng.

Về chiến tranh tâm lý, chúng tung tin đồn nhảm, xuyên tạc và dả kích đường lối của Đảng, nói xấu các cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, gây tâm lý ngờ vực, lôi kéo người trốn ra nước ngoài, hòng làm tê liệt ý chí cách mạng của nhân dân ta, gây tình hình chính trị không ổn định, tiến tới gây ra những vụ bạo loạn ở nội địa.

Bọn phản động Trung-quốc tìm mọi cách phá hoại khối đoàn kết dân tộc của ta, gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng, gây chia rẽ giữa nhân dân ta với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, gây chia rẽ giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cô lập nước ta với các nước khác trên thế giới.

Các thủ đoạn chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của bọn phản động Trung-quốc đều nhằm làm cho nước ta suy yếu để thực hiện âm mưu xâm lược, bành trướng và bá quyền nước lớn của chúng.

Để quốc Mỹ tuy đã bị quân và dân ta đánh bại, nhưng chúng vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược đối với nước ta. Chúng phối hợp với bọn phản động Trung-quốc dùng Thái-lan làm nơi tập hợp, nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị cho bọn gián điệp và phản động người Việt, người Cam-pu-chia, người Lào để tung vào đánh phá ba nước Đông-dương. Các nước đế quốc và tự bản thân chúng cũng hoạt động gián điệp, thu thập tình báo và phá hoại cách mạng Việt-nam.

Bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các loại phản động quốc tế khác đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý chống nước ta. Thực chất đây là một cuộc chiến tranh phá hoại, rất thâm độc và toàn diện, cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao hòng làm cho tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta không ổn định, làm cho ta suy yếu, gây ra cuộc bạo loạn và khi có cơ hội thì chúng tiến hành xâm lược nước ta.



Đứng trước tình hình bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế khác, đầy mạnh chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý chống phá cách mạng Việt-nam, chúng ta phải làm gì? Chúng ta không có cách nào khác là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Chúng ta phải nhận rõ kẻ thù, tìm biết những âm mưu

và thủ đoạn của chúng, kịp thời giáng trả, làm thất bại mọi hoạt động phá hoại của địch; kiên quyết bảo vệ những thành quả cách mạng của nhân dân ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng đã vạch rõ: «**Bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng**» của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết của Đại hội có ghi rõ: «**Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của bọn gián điệp đê quốc, tư bản; kịp thời và kiên quyết trấn áp bọn phá hoại hiện hành; đập tan mọi mưu mô, ngóc đầu dây của các giặc cấp bóc lột và của bọn phản động; ra sức đấu tranh chống các tội phạm khác; tích cực bài trừ tệ nạn xã hội; ngăn ngừa và làm giảm tới mức thấp nhất các tai nạn xã hội**».

Bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp này là **phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động**, phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Cần kết hợp các biện pháp giáo dục, kinh tế, tổ chức, hành chính, pháp luật để động viên hướng dẫn quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người tự giác làm chủ nơi cư trú và nơi lao động sản xuất, tham gia xây dựng lực lượng bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, bảo vệ dân phố, tổ an ninh nhân dân vững mạnh. Cần nắm vững linh hình từng đường phố, từng thôn, từng bản, từng xã, chủ động liên công bọn phản cách mạng và bọn tội phạm khác. Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, chấn chỉnh chế độ báo cáo thỉnh thị, báo đảm nắm chắc tình hình hàng ngày về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, kịp thời giải quyết mọi vấn đề quan trọng, cấp bách.

Công tác đấu tranh chống gián điệp, chống phản động phải được đẩy mạnh. Kịp thời trấn áp bọn phá hoại hiện hành. Đồng thời làm tốt công tác cải tạo các đối tượng có thể gây nguy hại cho an ninh, trật tự.

Cuộc đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch phải được tăng cường. Cần kịp thời làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng khiến cho mọi người thấy rõ tác hại của những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng đấu tranh vạch mặt bọn hoạt động chiến tranh tâm lý. Đi sâu điều tra, truy tìm tận gốc bọn chủ mưu tung tin đồn nhảm, xuyên tạc, bịa đặt, kịp thời trấn áp những phần tử địch. Tích cực đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của địch.

Công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ lực lượng vũ trang, bao gồm bảo vệ đường lối, bảo vệ tư tưởng và tổ chức, cần được tăng cường nhằm bảo đảm nội bộ được trong sạch và hậu phương được vững vàng.

Đi đôi với phát triển sản xuất phải đặc biệt coi trọng bảo vệ sản xuất tăng cường quản lý kinh tế, bịt mọi sơ hở, không để kẻ địch và phần tử xấu phá hoại, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Phải đồng thời coi trọng cả việc bảo vệ lực lượng sản xuất và việc bảo vệ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Cần kiên quyết bài trừ các hoạt động của bọn lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, cướp của giết người, lừa đảo, già mạo, đầu cơ buôn lậu. Cần bài trừ các tệ nạn xã hội, làm giảm các tai nạn, quản lý tốt trật tự công cộng. Đưa việc chấp hành các quy định, luật lệ trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng vào nền nếp. Xây dựng nếp sống trật tự, văn minh, vui tươi, lành mạnh.

Tích cực giải quyết công an việc làm cho nhân dân, bắt buộc những người có sức lao động phải đi lao động, quản lý và cải tạo các đối tượng cần cải tạo lại chỗ.



Muốn cho công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội thu được kết quả tốt đẹp thì phải phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ tập thể của quần chúng và hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cần phải kết hợp chặt chẽ tinh tích cực cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn (công an nhân dân, kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân). Cần phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, sử dụng đồng bộ mọi biện pháp nhằm tích cực xây dựng, chủ động phòng ngừa, chủ động tiến công và liên công liên tục, nhằm tiêu diệt và làm tan rã bọn phân cách mạng và các bọn tội phạm khác.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, lực lượng công an nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng. Công an nhân dân là một công cụ bạo lực trọng yếu của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản, là lực lượng nòng cốt, xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Chúng ta phải ra sức xây dựng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về mọi mặt và đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đập tan mọi âm mưu và hoạt động tình báo gián điệp của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và bọn đế quốc, tư bản; trấn áp kịp thời các loại phản động và tội phạm khác.

Để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cần kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng công an nhân dân. Phải không ngừng tăng cường lực lượng công an nhân dân vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, có trình độ khoa học kỹ thuật khá, có các loại trang bị, thiết bị chuyên môn hiện đại. Cần cải tiến chế độ làm việc, cải tiến công tác lãnh đạo và chỉ huy của các cấp công an. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ công an. Phải xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, nâng cao đạo đức cách mạng, chất lượng chính trị, nghiệp vụ, bảo đảm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Phải chú trọng xây dựng đứng mức công an huyện vì huyện là một cấp hoàn chỉnh lãnh đạo toàn diện trong huyện.

Công an xã, phường, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp có vai trò hết sức quan trọng. Đó là lực lượng bán chuyên trách, trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và giải quyết tại chỗ các vấn đề an ninh, trật tự tại cơ sở theo nhiệm vụ quyền hạn do Nhà nước quy định. Vì vậy phải tăng cường xây dựng, hết sức giúp đỡ, kiểm tra, đôn đốc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho công an cơ sở làm tròn nhiệm vụ.

Nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng. Các tổ chức Đảng cần nắm vững công tác này. Cần làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nhận thức sâu sắc âm mưu và hoạt động của địch chống phá cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới. Cần nghiêm

chính thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc. Công tác bảo vệ an ninh chính trị phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Năm vững chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ chức năng tổ chức xây dựng với chức năng trấn áp bằng bạo lực của chuyên chính vô sản. Quán triệt tinh thần kiên quyết và thận trọng, khách quan và toàn diện; nâng cao cảnh giác, không để lọt kẻ gian, đề phòng lệch lạc, không làm oan người ngay. Nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trấn áp kết hợp với giáo dục cải tạo. Trấn áp và trừng trị phải nghiêm minh, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng pháp luật. Giáo dục cải tạo phải tích cực, kiên trì, sâu sắc, triệt để. Trong tình hình hiện nay cần nhận rõ các đối tượng và địa bàn trọng điểm để xây dựng các phương án tác chiến cụ thể đối với từng loại đối tượng và trên từng địa bàn.

Trong thời gian qua, nhờ lãnh đạo sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, nhiều địa phương đã thu được những thành tích đáng phấn khởi. Đặc biệt tỉnh Quảng-ninh, một tỉnh vùng biên giới phía bắc, đã có nhiều thành tích về bảo vệ an ninh Tổ quốc. Các địa phương và đơn vị liên liền của Quảng-ninh đã có nhiều kinh nghiệm quý báu trong công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Huyện Bình-lieu, đơn vị anh hùng, cùng với các huyện Hải-ninh, Đông-triều, Yên-hưng đã vận dụng nhiều hình thức hoạt động linh hoạt nhằm đoàn kết và hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng của công an, quân đội và tổ chức thanh niên tại chỗ, chung sức cùng nhân dân đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp và vững chắc, bắt gọn nhiều toán thám báo, biệt kích, phát hiện và ngăn chặn nhiều vụ ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, và vượt biên trái phép. Thị xã Hòn-gai, thị trấn Hà-tu, các mỏ Đèo-nai, Cao-son... đều có kinh nghiệm phối hợp hoạt động, bảo vệ sản xuất, quản lý giao thông, xây dựng nếp sống mới, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, giữ vững trật tự, trị an ở những nơi công cộng. Ngành công an nhân dân Quảng-ninh, đơn vị anh hùng, nghiêm chỉnh chấp hành với tinh thần sáng tạo nghị quyết của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đã lập được nhiều thành tích trong công tác đó. Những kinh nghiệm của Quảng-ninh có thể bổ ích đối với các nơi khác. Các nơi khác cần nghiên cứu những kinh nghiệm của Quảng-ninh để làm tốt công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương mình.

Bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là một trong những công tác quan trọng và cấp bách của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hiện nay. Năm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống bọn gián điệp, bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác, nhất định chúng ta sẽ thu được thành tích to lớn trong công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

ĐIỆN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

mừng Đại hội lần thứ 26
Đảng cộng sản Liên-xô

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 1981

Kính gửi :

ĐẠI HỘI LẦN THỨ 26 ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN-XÔ

Các đồng chí thân mến,

THAY mặt Đảng cộng sản Việt-nam, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam, chúng tôi xin gửi tới Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô quang vinh và qua Đại hội, tới những người cộng sản, giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân Liên-xô anh em lời chúc mừng nhiệt liệt nhất.

Cả loài người tiến bộ chăm chú theo dõi Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô, một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô, một sự kiện có ý nghĩa to lớn của cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Hơn 63 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô vĩ đại do Lê-nin sáng lập và rèn luyện, giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô đã liên tiếp giành thắng lợi này đến thắng lợi khác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, biến Liên-xô thành trụ cột của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và của hòa bình, niềm tin cậy của các dân tộc. Liên-xô đã góp phần quan trọng nhất vào việc làm thay đổi bộ mặt của thế giới ngày nay, cũng như làm thay đổi so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho hòa bình và cách mạng, không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế.

Đảng cộng sản Liên-xô, giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí L.I.Brê-giơ-nép, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước xô viết, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đứng đầu, đã đem nghị lực và tài năng sáng tạo xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, làm cho tiềm lực kinh tế và quốc phòng của Liên-xô ngày càng vững mạnh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Liên-xô không ngừng được nâng cao, nền khoa học — kỹ thuật của Liên-xô vươn tới những đỉnh cao mới. Với những thắng lợi đã giành được trong việc thực

hiện kế hoạch năm năm lần thứ mười do Đại hội lần thứ 25 Đảng cộng sản Liên-xô đề ra, giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô đã tiến những bước mới rất quan trọng trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

Trên mặt trận đối ngoại, tuân thủ những nguyên tắc Lê-nin nít, Liên-xô hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, đồng thời đã đưa ra nhiều sáng kiến nhằm giữ gìn hòa bình, thúc đẩy hòa dịu, cải thiện bầu không khí quốc tế, chống những thế lực hiếu chiến. Uy tín quốc tế của Liên-xô không ngừng nâng cao.

Toàn thể đảng viên Đảng cộng sản Việt-nam, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam coi thắng lợi của Liên-xô như của chính mình và từ đây lòng chúc Đảng cộng sản Liên-xô, giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô anh em thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do Đại hội lần thứ 26 đề ra, đưa đất nước xô viết tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa cộng sản.

Các đồng chí thân mến,

Trong suốt mấy chục năm đấu tranh chống đế quốc xâm lược và hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Bắc-kinh, nhân dân Việt-nam luôn luôn được Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên-xô dành cho sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, toàn diện trên tinh thần chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng cộng sản và toàn thể nhân dân Việt-nam, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đối với Đảng Cộng sản và nhân dân Liên-xô anh em.

Chúng tôi rất vui mừng nhận thấy tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác anh em giữa hai Đảng và hai Nhà nước chúng ta đã bước vào một giai đoạn phát triển mới về chất với việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, không ngừng được củng cố và phát triển trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đó là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam.

Đảng cộng sản Việt-nam, toàn thể nhân dân Việt-nam quyết đem hết sức mình vun trồng cho quan hệ thủy chung và trong sáng giữa hai Đảng và nhân dân hai nước chúng ta mãi mãi xanh tươi, đời đời vững bền, quyết kẻ vai sát cánh cùng Đảng cộng sản Liên-xô và nhân dân Liên-xô anh em chiến đấu cho sự toàn thắng của những lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- Chúc Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô thành công rực rỡ!
- Đảng cộng sản Liên-xô quang vinh muôn năm!
- Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết vĩ đại muôn năm!
- Tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt-nam và Liên-xô muôn năm!
- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin bách chiến bách thắng muôn năm!

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM**

LỜI CHÀO MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ-DUẦN

ĐỌC TẠI ĐẠI HỘI THỨ 26 ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN-XÔ

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

VỚI niềm phấn khởi vô hạn, Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt-nam đến tham dự Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô. Đảng của Lê-nin, đội tiên phong chiến đấu trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Từ điển dân trong thế này, thay mặt những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam, tôi xin chuyển đến Đại hội, và qua các đồng chí đại biểu, tới Đảng cộng sản Liên-xô quang vinh và nhân dân Liên-xô vi đại lời chào mừng nhiệt liệt nhất.

Chúng tôi hết sức vui mừng trước những thành tựu rực rỡ của nhân dân Liên-xô anh em mà đồng chí L. I. Brê-giô-nép vừa trình bày một cách sinh động trong bản báo cáo chính trị. Nhờ những cố gắng phi thường và tài năng sáng tạo của nhân dân Liên-xô, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản, đứng đầu là đồng chí L.I. Brê-giô-nép kính mến, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước xô viết, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong năm năm qua, tiềm lực kinh tế và quốc phòng của Liên-xô đã gia tăng đáng kể, nền kinh tế quốc dân phát triển một bước quan trọng, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Đúng như đồng chí L.I. Brê-giô-

nép đã nói: « Kế hoạch năm năm lần này chiếm vị trí xứng đáng trong lịch sử những sự nghiệp anh hùng của nhân dân Liên-xô đang vững bước tiến lên trên con đường đi tới chủ nghĩa cộng sản ».

Thực hiện đường lối đối ngoại lê-nin nít, Đảng và Nhà nước Liên-xô đã phấn đấu không mệt mỏi cho hòa bình và an ninh quốc tế, đưa ra nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy quá trình hòa dịu, giải trừ quân bị, đồng thời kiên quyết chống trả những hành động phiêu lưu mạo hiểm của những thế lực hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc cấu kết với thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Trong toàn bộ hoạt động của mình, Liên-xô luôn luôn hết lòng hết sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của các dân tộc đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nhà nước xô viết ra đời với khẩu hiệu « hòa bình cho các dân tộc », « tự do cho những người bị áp bức » ngày nay vẫn tỏ rõ là thành trì vững chắc của hòa bình, chỗ dựa tin cậy của cách mạng thế giới.

Mỗi thắng lợi của Liên-xô trên con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản là niềm tự hào và hy vọng của các dân tộc yêu chuộng tự do. Kế hoạch năm năm lần thứ 11 chắc chắn sẽ đưa Nhà nước xô viết lên đỉnh cao hơn, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ những người cộng sản và những người yêu

chuộng chính nghĩa khắp năm châu. Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam chân thành chúc nhân dân Liên-xô anh em thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội lịch sử lần này, làm cho đất nước xô viết thêm giàu mạnh, thúc đẩy sự nghiệp hòa bình và cách mạng trên hành tinh chúng ta không ngừng tiến triển.

Thưa các đồng chí thân mến,

Trong thời gian qua, trên thế giới liên tiếp diễn ra những sự kiện long trời lở đất chứng tỏ ba dòng thác cách mạng không ngừng tiến lên với khi thế không gì ngăn cản nổi. Hệ thống xã hội chủ nghĩa với Liên-xô là trụ cột, ngày càng lớn mạnh, tiếp tục phát huy tác dụng quyết định đối với xu thế phát triển của xã hội loài người. Những tên độc tài hung bạo nhất do chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế dày công nuôi dưỡng thay nhau sụp đổ; trên đồng tro tàn của các chế độ đẫm máu đó đã xuất hiện những Nhà nước do nhân dân làm chủ, chọn con đường xây dựng xã hội không có người bóc lột người. Ngay trong sào huyệt của chủ nghĩa tư bản, phong trào công nhân và dân chủ phát triển mạnh mẽ, sôi nổi chưa từng có.

Hoàn toàn tương phản với thực trạng xán lạn và tương lai huy hoàng của các lực lượng cách mạng và tiến bộ là bức tranh âm đạm của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bánh trưởng và bá quyền Trung-quốc. Trong thế suy yếu, bọn chúng ngày càng xích lại gần nhau, xúc tiến liên minh với nhau, ra sức phản kích các lực lượng cách mạng, hòng giành lại những vị trí đã mất. Đó là nguyên nhân chủ yếu gây ra những lỗ căng thẳng hiện nay ở Trung Cận Đông, ở Tây Nam châu Á, Đông Nam châu Á và nhiều nơi khác. Bọn đế quốc và phản động quốc tế cũng mưu toan thực tay vào tình hình nội bộ của

nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa. Song, đó chỉ là ảo tưởng hão huyền! Các dân tộc đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng cuộc sống mới theo chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của lịch sử. Chủ nghĩa xã hội ngày nay là vô địch. Hệ thống xã hội chủ nghĩa là không gì phá vỡ nổi. Không một âm mưu nham hiểm nào, không một hành động hung hãn nào của bọn đế quốc và tay sai có thể đảo ngược được tình thế đó. Đoàn kết lại, siết chặt hàng ngũ dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhất định chúng ta sẽ giành thêm nhiều thắng lợi mới rực rỡ hơn nữa cho sự nghiệp độc lập dân tộc, xã hội chủ nghĩa và củng cố hòa bình!

Thưa các đồng chí thân mến,

Cách mạng Tháng Mười đã mở ra thời đại vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Nguyên vọng của các dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội đang trở thành hiện thực sinh động. Với thời gian, chân lý đó càng sáng tỏ hơn bao giờ hết. Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt-nam đã giành lại được cái cao quý nhất là độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, đưa nước nhà bước vào kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội, kỷ nguyên rạng rỡ nhất trong lịch sử dân tộc mình.

Nhận thức được quy luật của lịch sử và xuất phát từ đặc điểm của đất nước, Đại hội lần thứ tư của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa mà nội dung cơ bản là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ

làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, có quốc phòng vững mạnh, có văn hóa, khoa học, kỹ thuật tiên tiến, làm cho nhân dân có cuộc sống hạnh phúc, văn minh.

Dưới ánh sáng của đường lối đó, nhân dân Việt-nam hăng hái tiến quân vào công cuộc xây dựng đất nước, cải tạo và phát triển kinh tế, nhằm đưa Tổ quốc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh coi nước Việt-nam thống nhất và xã hội chủ nghĩa là một trở ngại trên con đường thực hiện chủ nghĩa bành trướng, bá quyền của chúng ở Đông Nam châu Á, đã công khai thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam, mượn tay những tên đao phủ Pôn Pốt - Iêng Xa-ry - Khiêu Xam-phon ở Cam-pu-chia gây chiến tranh ở biên giới tây nam nước chúng tôi; sau đó, ngang nhiên trực tiếp phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam trên toàn tuyến biên giới phía bắc.

Thấm nhuần lời dạy của đồng chí Hồ-Chí-Minh : « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », nhân dân Việt-nam đã kiên quyết giáng trả, đập tan cuộc tiến quân của bọn bành trướng Bắc-kinh xuống phía nam, giữ vững chủ quyền dân tộc, bảo vệ hòa bình và ổn định trong khu vực.

Hiện nay, nhân dân Việt-nam đang đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề, vừa ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Bất chấp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhân dân Việt-nam quyết thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ lịch sử đó, cùng nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, làm rạng rỡ hơn nữa ngọn cờ về

vang của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình và cách mạng ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Đi theo con đường của Lê-nin, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô là đường lối bất di bất dịch của Đảng và Nhà nước chúng tôi. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết đã đưa mối quan hệ đồng chí, anh em trong sáng giữa Việt-nam và Liên-xô vào giai đoạn phát triển mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. « Làm theo mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ », anh chị em xô viết đã dành cho nhân dân Việt-nam sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, đầy hiệu quả trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dịp này, một lần nữa, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất của toàn Đảng, toàn dân chúng tôi đối với Liên-xô vĩ đại về tình nghĩa quốc tế vô sản cao cả đó.

Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin nhiệt liệt cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản, các phong trào giải phóng dân tộc và hòa bình thế giới đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt-nam.

Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam quyết mãi mãi nắm chắc ngọn cờ đoàn kết với Liên-xô mà đồng chí Hồ-Chí-Minh đã giương cao, kẻ vai sát cánh với các đồng chí Liên-xô tiến lên thực hiện thắng lợi lý tưởng trong sáng của chúng ta là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Quang vinh đời đời thuộc về Đảng của Lê-nin vĩ đại !

Tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt-nam và Liên-xô muôn năm !

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản muôn năm !

Đất nước xô viết với Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô

CÁI loài người chăm chú theo dõi Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô. Những người cộng sản và nhân dân tiến bộ toàn thế giới hướng về đại hội này với niềm vui đặt dào trước những thành tựu rực rỡ của đất nước xô viết. Qua bản báo cáo của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đọc tại Đại hội, nổi bật lên bức tranh sinh động về bước đi vững chắc của công nghiệp Liên-xô, về những phát minh sáng chế xuất sắc của các nhà khoa học xô viết, về những kết quả to lớn gặt hái được trên các cánh đồng của nông thôn Liên-xô, về những công trình xây dựng khổng lồ đã và đang được thực hiện trên Tổ quốc của Lê-nin vĩ đại.

Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô là đại hội của lao động sáng tạo, là nơi tập trung trí tuệ và nghị lực của hơn 17 triệu đảng viên và mấy trăm triệu con người xô viết đang vươn tới những đỉnh cao mới của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đó cũng là đại hội xây dựng hòa bình, mở ra những chân trời mới cho cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Bản báo cáo của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép cũng như các văn kiện khác của Đại hội có ý nghĩa lý luận

và thực tiễn to lớn. Những thành tựu của nhân dân Liên-xô trong chặng đường 5 năm qua, những kinh nghiệm phong phú về mọi mặt của Đảng cộng sản Liên-xô trong việc hoàn thiện xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản đã được tổng kết; chiến lược và sách lược về phát triển kinh tế và xã hội trong những năm 1981 - 1985 và trong thời kỳ cho đến năm 1990 đã được đề ra. Các văn kiện của Đại hội là sự cụ thể hóa và làm phong phú thêm khái niệm chủ nghĩa xã hội phát triển, là một đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận Mác Lê-nin.

Các lực lượng đế quốc và phản động, kẻ thù của hòa bình và cách mạng, theo dõi Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô lòng đầy căm tức, đồng thời không che giấu nỗi lo sợ trước sức mạnh hùng hậu của Liên-xô, trước ảnh hưởng ngày càng tăng của Liên-xô trên thế giới. Chúng tung ra những luận điệu nào là « nền kinh tế xô viết yếu kém và bị khủng hoảng », nào là « sự đe dọa từ phía Liên-xô », nào là « chủ nghĩa bá quyền xô viết ». Song tất cả những luận điệu của chúng đều bị sự thật bác bỏ. Những văn kiện được thông qua tại Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô nói lên sự ổn định và phát triển không

ngừng của nền kinh tế xã hội, quy mô to lớn và chiều sâu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, đường lối đối ngoại hòa bình của Liên-xô, làm sáng tỏ quan hệ khăng khít giữa các khái niệm "hòa bình" và "chủ nghĩa xã hội".



Đất nước xã hội chủ nghĩa, đã trải qua những chặng đường phát triển đầy thử thách nhưng hết sức vẻ vang. Liên-xô đã xây dựng xong về cơ bản chủ nghĩa xã hội vào cuối những năm 30, và đến giữa những năm 60 xây dựng xong chủ nghĩa xã hội phát triển. Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đánh dấu một giai đoạn phát triển hợp quy luật của hình thái cộng sản chủ nghĩa, giai đoạn mà chủ nghĩa xã hội phát triển trên cơ sở của chính nó, các quy luật và ưu thế của nó có điều kiện đầy đủ để phát huy tác dụng trong mọi lĩnh vực sinh hoạt xã hội. Đây là một giai đoạn dài, trong đó phải giải quyết những nhiệm vụ hết sức phức tạp như: xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản; bảo đảm sản xuất đầy đủ vật phẩm thường dùng; làm cho hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất xích lại gần nhau và sau đó hòa hợp với nhau; xóa bỏ các ranh giới giai cấp, dần dần loại bỏ những khác biệt quan trọng giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay; xây dựng con người mới...

Trong những năm chủ nghĩa xã hội phát triển trên cơ sở của chính nó, đất nước xã hội chủ nghĩa lên mạnh mẽ trên tất cả các phương hướng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Các lực lượng sản xuất của xã hội đạt tới mức độ mới về chất lượng. Cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển về chiều sâu và chiều rộng và làm

thay đổi bộ mặt của tất cả các lĩnh vực và ngành sản xuất. Nền khoa học xã hội chiếm những vị trí chủ đạo trong những lĩnh vực kiến thức then chốt. Trong thập kỷ 70 vừa qua, như báo cáo của đồng chí L.I.Brê-giơ-nép đã nêu, năm 1980 so với năm 1970, tổng sản phẩm xã hội tăng 167%, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 178%, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 123%, tài sản cố định tăng 216%, thu nhập quốc dân dành cho tiêu dùng và tích lũy tăng 155%, quỹ tiêu dùng xã hội tăng 182%.

Đó là kết quả của chiến lược kinh tế mới được đề ra tại Đại hội XXIV và Đại hội XXV Đảng cộng sản Liên-xô: phát triển kinh tế theo chiều sâu, lấy hiệu quả và chất lượng là chính; coi việc nâng cao đời sống nhân dân là trung tâm của công tác thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.

Kế hoạch 5 năm thứ 10 (1976 - 1980) vừa qua là một khâu quan trọng trong việc thực hiện chiến lược kinh tế này.

Trong 5 năm qua, Liên-xô đã dành 105,4 tỷ rúp cho quỹ tiêu dùng xã hội, tăng 134% so với kế hoạch 5 năm thứ 9. Điều đó đã mở rộng cơ sở kinh tế để thực hiện các quyền của nhân dân được ghi trong Hiến pháp như: học hành, chữa bệnh không mất tiền, được bảo đảm về vật chất khi già yếu. Thu nhập thực tế theo đầu người tăng 13,3%.

Một vấn đề được chú ý hàng đầu là xây dựng nhà ở. Nhà nước, đã đầu tư vào việc này nhiều hơn dự kiến là 1,5 tỷ rúp, tổng cộng là 87,2 tỷ rúp. Trong 5 năm, nhân dân đã được dùng 530 triệu m² nhà ở. Hơn 50 triệu người đã có nhà ở mới. Gần 80% nhân dân thành thị có căn hộ riêng.

Cơ sở của những thành tựu đó là sự phát triển chung của nền kinh tế, là sự tăng cường lực lượng sản xuất

trong nước. So với kế hoạch 5 năm trước, thu nhập quốc dân tăng 400 tỷ rúp, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 717 tỷ rúp, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 50 tỷ rúp.

635 tỷ rúp đã được đầu tư vào kinh tế quốc dân. Vốn cố định tăng 1,4 lần. Hơn 1200 xí nghiệp công nghiệp lớn được đưa vào sản xuất, trong đó có những công trình rất quan trọng, đáp ứng những yêu cầu cao, như nhà máy A-tô-ma-sơ ở Vôn-ga-đôn, nhà máy điện nguyên tử Lê-nin-grát, các nhà máy thủy điện lớn nhất châu Âu Dap-rô-rô-giơ và U-gơ-lê-go-ro-xo. Đặc biệt là nhân dân lao động Tây Xi-bia đạt được những thành tựu xuất sắc - trong 5 năm, đã nâng việc khai thác dầu mỏ lên hơn 2 lần, khai thác khí tự nhiên lên gần 4,5 lần. Những tổ hợp sản xuất - lãnh thổ hình thành nhanh chóng ở vùng này. Đường sắt Bai-can - A-mua (BAM) dài trên 3000km được tiếp tục xây dựng.

Sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh. Hơn 170 tỷ rúp đã được đầu tư vào nông nghiệp, tức là 27% tổng số vốn đầu tư vào kinh tế quốc dân. Mức trang bị điện cho lao động nông nghiệp tăng 1,4 lần. Việc tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp, sự liên kết nông công nghiệp sâu hơn và nhiều mặt hơn. Nhờ vậy, trong 5 năm, lần đầu tiên, thu nhập ngũ cốc bình quân hằng năm đã đạt 205 triệu tấn. Sản lượng bông trong năm 1980 đạt gần 10 triệu tấn.

Sản xuất hàng tiêu dùng cũng tăng 21%, trong đó hàng phục vụ sinh hoạt và văn hóa tăng 41%, với những mặt hàng và chất lượng được cải tiến.

Trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật, hiệu quả của sản xuất tăng rõ rệt. Năng suất lao động xã hội tăng 17%.

5 năm qua, các mặt khác của đất nước cũng phát triển mạnh mẽ. Nhân dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy đầy đủ. Các dân tộc Liên-xô là một đại gia đình thống nhất, hữu

ngợi. Sức mạnh quốc phòng được duy trì ở mức cần thiết.

Như đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đánh giá, «Kế hoạch 5 năm lần này giữ vị trí xứng đáng trong lịch sử những sự nghiệp anh hùng của nhân dân Liên-xô». Những thành tựu đã đạt được chứng tỏ đất-nước xô viết tiến lên mạnh mẽ về mọi mặt. Những thành tựu đó càng nổi bật hơn trong bối cảnh nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang lâm vào cảnh âm thầm trong cơn khủng hoảng trầm trọng và không lối thoát với những căn bệnh vốn có của nó là suy thoái, lạm phát, thất nghiệp.

Cố nhiên, trong sự phát triển của kinh tế quốc dân Liên-xô, không phải mọi việc đều trôi chảy. Có không ít khó khăn, khuyết điểm, nhưng đó là khó khăn, khuyết điểm trong bước phát triển đi lên. Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô đã thẳng thắn vạch ra những cái đó. Trong 5 năm qua, chỉ có hai năm 1976 và 1980 là tương đối thuận lợi cho nông nghiệp; nhiều mỏ khoáng sản lớn đã cạn, các trung tâm cơ bản của công nghiệp khai thác di chuyển về phía đông và phía bắc trong thời tiết khắc nghiệt với chi phí tốn kém; cơ chế quản lý và kế hoạch hóa, phương pháp làm ăn và kỷ luật thực hiện còn chưa đáp ứng những yêu cầu hiện đại. Mặc dù vậy, nền kinh tế xô viết luôn luôn ổn định, phát triển tiến lên. Có thể nói: suốt thời kỳ sau chiến tranh, nghĩa là 35 năm liên tục, chưa bao giờ thu nhập thực tế bị giảm sút, trái lại, luôn luôn tăng.



Bước vào thập kỷ 80, đất nước xô viết có tiềm lực kinh tế, khoa học kỹ thuật và quốc phòng mạnh mẽ hơn bao giờ hết, có đội ngũ cán bộ đông đảo với trình độ nghiệp vụ cao. Với tinh thần lạc quan có căn cứ, Đảng cộng sản Liên-xô và nhân dân Liên-xô nhìn về những chân trời mới đang

rộng mở: Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô đã quyết định, trong những năm 80 này phải tiếp tục thực hiện chiến lược kinh tế của Liên-xô mà mục đích cao nhất là không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của mỗi người. Lần đầu tiên, phương hướng cơ bản về phát triển kinh tế xã hội của Liên-xô được đề ra không chỉ cho thời kỳ 5 năm, mà cho cả 10 năm tới. Riêng trong kế hoạch 5 năm thứ 11 (1981 - 1985), nhiệm vụ chính được đặt ra là bảo đảm nâng cao hơn nữa phúc lợi của nhân dân Liên-xô trên cơ sở kinh tế quốc dân phát triển lên đến định, đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển nền kinh tế sang con đường phát triển theo chiều sâu, sử dụng hợp lý hơn tiềm năng sản xuất của đất nước, hết sức tiết kiệm mọi loại của cải và cải tiến chất lượng công tác.

Tiềm lực và triển vọng thực tế của nền kinh tế cho phép Liên-xô đề ra trong kế hoạch này nhiệm vụ chuyển mạnh hơn toàn bộ nền kinh tế quốc dân sang giải quyết vấn đề nâng cao phúc lợi của nhân dân. Đồng chí L. I. Brê-giơ-nép nói trong báo cáo tại Đại hội: «Mối quan tâm cụ thể đến con người cụ thể, đến những nhu cầu của cá nhân, đó là điểm đầu tiên và điểm cuối cùng của chính sách kinh tế của Đảng». Điều đó thể hiện rõ bản chất nhân văn thật sự của chế độ xã hội xã viết, một xã hội vì con người, thể hiện rõ Đảng cộng sản Liên-xô luôn tuân theo quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, đó cũng là một nhu cầu cấp bách của bản thân sự phát triển kinh tế quốc dân, là động lực mạnh mẽ kích thích nhiệt tình lao động và hoạt động xã hội của quần chúng.

Vấn kiện Đại hội quy định là trong 5 năm tới sẽ tăng thu nhập quốc dân 18 - 20%, nâng cao thu nhập thực tế theo đầu người lên 16 - 18% Tiền

lương trung bình hằng tháng của công nhân viên chức sẽ tăng 13 - 16%, dự kiến đến cuối kế hoạch sẽ là 190 - 195 rúp một tháng. Thu nhập của nông trang viên do kinh tế công cộng đem lại sẽ tăng 20 - 22%. Quỹ tiêu dùng xã hội cũng sẽ tăng 20%. Điều kiện nhà ở sẽ được cải thiện với tiện nghi đầy đủ hơn, dự kiến đưa vào sử dụng một diện tích nhà ở là 530 - 540 triệu mét vuông. Thương nghiệp và ngành ăn uống công cộng, ngành phục vụ sinh hoạt và ngành giao thông sẽ phát triển hơn nữa. Trong khi nhấn mạnh việc nâng cao phúc lợi của nhân dân, Đảng cộng sản Liên-xô không chỉ chú ý mặt số lượng lương thực, thực phẩm, hàng công nghiệp cung cấp cho nhân dân, mà chủ trương tác động tích cực vào việc hình thành các nhu cầu hợp lý và các thị hiếu thâm mỹ.

Trong những nhiệm vụ kinh tế nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, Đảng cộng sản Liên-xô đặt lên hàng đầu việc cải tiến cung cấp lương thực thực phẩm. Một chương trình riêng về lương thực thực phẩm đã được đặt ra nhằm bảo đảm phát triển nông nghiệp và các ngành phục vụ nông nghiệp, tăng cường tất cả các khâu kinh tế quốc dân làm nhiệm vụ thu mua, bảo quản, vận chuyển và chế biến sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp thực phẩm và thương nghiệp thực phẩm. Ở đây, các tổ hợp nông - công nghiệp - lương thực giữ vai trò quan trọng, và phải được quản lý như một khối thống nhất. Trong điều kiện của Liên-xô hiện nay, với điều kiện thiên nhiên không thuận lợi hơn cho nông nghiệp và chăn nuôi, với lãnh thổ rộng lớn và tình trạng dân cư phân bố trải rộng, việc bảo đảm lương thực, thực phẩm cho nhân dân là hết sức phức tạp. Vì vậy, các tổ hợp nông - công nghiệp - lương thực chẳng những phải bảo đảm phát triển theo chiều sâu mà còn phải bảo đảm phát triển cân đối

và đồng bộ. Từ trước đến nay, Liên-xô rất chú trọng đầu tư vào nông nghiệp. Nếu như phần của nông nghiệp trong chi phí kinh tế quốc dân trong kế hoạch 5 năm thứ 7 là 20%, trong kế hoạch 5 năm thứ 8—23%, trong kế hoạch 5 năm thứ 9—26%, trong kế hoạch 5 năm thứ 10—hơn 27%, thì trong kế hoạch 5 năm thứ 11 này cũng không thấp hơn. Dự kiến: sản lượng nông nghiệp bình quân hằng năm tăng 12—14%, đạt chỉ tiêu 238—243 triệu tấn ngũ cốc. Tốc độ tăng trung bình hằng năm là 40 triệu tấn (trước đây là 38 triệu). Sản lượng thịt đến năm 1985 ít nhất phải là 18,2 triệu tấn.

Đảng cộng sản Liên-xô cũng rất coi trọng kinh tế phụ cá nhân. Đã có một nghị quyết của Ban chấp hành trung ương về những biện pháp bổ sung nhằm phát triển kinh tế đó.

Việc phát triển hàng tiêu dùng được đặt ra với tầm quan trọng to lớn nhằm cung cấp thêm hàng hóa với chất lượng tốt cho nhân dân. Trong kế hoạch này, sản xuất của nhóm «B» phải phát triển với tốc độ cao hơn, dự kiến tăng 27—29%, trong khi sản xuất tư liệu sản xuất tăng 26—28%.

Trong điều kiện hiện nay của Liên-xô, khả năng phát triển kinh tế theo chiều rộng không còn. Vì vậy, kinh tế quốc dân chỉ có thể tiến lên mạnh mẽ trên cơ sở phát triển theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả và chất lượng của sản xuất và công tác. Dự kiến đến cuối những năm 80, toàn bộ nền kinh tế sẽ được chuyển sang hướng này. Điều này gắn liền với việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, tìm tòi các nguồn dự trữ, sử dụng hợp lý hơn tiềm năng sản xuất đã có, hết sức tiết kiệm mọi thứ cở trong tay. Đồng thời phải cải thiện điều kiện lao động, nâng cao năng suất và tính sáng tạo của lao động, giảm hẳn lao động chân tay nặng nhọc và không lành nghề.

Đại hội cho rằng đề cho sản xuất xã hội đạt được những kết quả cuối cùng cao, cần phải hiện đại hóa các ngành công nghiệp cơ sở — luyện kim và chế tạo máy, hóa chất và giao thông vận tải và trước hết là ngành nhiên liệu và năng lượng, khiến cho các ngành đó trở thành cái trục của sự tiến bộ hơn nữa về kinh tế xã hội. Dự kiến, sản lượng công nghiệp trong kế hoạch 5 năm này sẽ tăng 26—28%, đến năm 1985 sẽ đạt 620—645 triệu tấn dầu thô (kể cả khí ngưng tụ), 770—800 triệu tấn than, 1550—1600 tỷ kwh điện, 150—155 triệu tấn phân bón...

Đại hội quyết định, trong 5 năm tăng vốn đầu tư 12—15%, tổng số vốn đầu tư cơ bản dự tính là 711—730 tỷ rúp, năng suất lao động trong xây dựng sẽ tăng 15—17%. Đại hội đặt ra nhiệm vụ nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư, bảo đảm tốc độ xây dựng, tránh phân tán vốn, kịp thời đưa vào sản xuất và khai thác các năng lực sản xuất, hiện đại hóa và tăng cường thiết bị cho các công trình đã có. Việc xây dựng mới chỉ đặt ra một khi cần thiết.

Một vấn đề quan trọng nữa của kinh tế quốc dân Liên-xô là cải tiến việc phân bổ lực lượng sản xuất trên cơ sở tiếp tục chuyên môn hóa và đẩy mạnh sự phát triển cân đối của kinh tế các nước cộng hòa liên bang và các vùng kinh tế trong khuôn khổ tổ hợp kinh tế quốc dân thống nhất. Trong kế hoạch 5 năm này, tiềm lực kinh tế ở các vùng phía đông sẽ tăng, các tổ hợp sản xuất — lãnh thổ sẽ phát triển hơn nữa. Tiếp theo việc hoàn thành xây dựng đường sắt Bai-can — A-mua sẽ là việc khai thác vùng chung quanh Bai-can — A-mua.

Khâu chính trong một loạt nhiệm vụ đặt ra là nâng lên một trình độ mới về chất toàn bộ hệ thống quản lý, trước hết nhằm kết hợp những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại với những ưu thế to lớn của chủ nghĩa xã hội phát

triển. Như Đại hội nêu ra, phải nâng cao vai trò của kế hoạch hóa là khâu trung tâm trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho mọi chỉ tiêu kế hoạch có tính đồng bộ và cân đối, phản ánh và kích thích đầy đủ hơn sự phát triển của sản xuất và hiệu quả của nó, sự nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm thời gian làm việc và của cải vật chất. Đồng thời, phải cải tiến cơ chế kinh tế, chấn chỉnh cơ cấu tổ chức của quản lý, khắc phục tình trạng rời rạc giữa các bộ, kết hợp đúng đắn quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, cải tiến việc phối hợp hoạt động của các cơ quan trung ương, ngành và địa phương, thực hiện chế độ tiết kiệm nghiêm khắc, phát triển và củng cố hạch toán kinh tế, cải tiến việc tiêu chuẩn hóa mọi sản phẩm, áp dụng rộng rãi các hình thức kích thích lao động có năng suất cao, tăng cường vai trò của các đồn bầy tài chính - tín dụng, cải tiến hệ thống giá, nâng cao chất lượng của thống kê, kiểm kê. Xây dựng một phong cách công tác nhằm kết hợp hữu cơ thái độ chấp hành nghiêm chỉnh và tinh thần kỷ luật với tính chủ động, mạnh bạo và thảo luận, với quyết tâm đạt cho được những mục tiêu lớn, với thái độ phê phán khuyết điểm. Chương trình cải tiến cơ chế kinh tế, phong cách và phương pháp lãnh đạo kinh tế đó là sự phát triển hơn nữa khoa học quản lý lý luận này, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Xây dựng chủ nghĩa cộng sản là sự nghiệp tự giác và sáng tạo của hàng triệu quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, Đại hội nhấn mạnh việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nêu cao vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân, của các tập thể lao động và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế của kế hoạch 5 năm thứ II. Với kế hoạch này, một chương mới hào hùng được mở ra trong biên

niên sử quang vinh của việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên đất nước xô viết.



Nhân dân ta đánh giá cao những thành tựu của nhân dân Liên-xô anh em và cống hiến của đất nước xô viết vào sự nghiệp hòa bình và cách mạng trên thế giới.

Nhờ những cố gắng phi thường và tài năng sáng tạo của nhân dân Liên-xô, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Liên-xô, trải qua 10 kế hoạch 5 năm đất nước xô viết đã trở thành cường quốc hàng đầu trên thế giới với tiềm lực kinh tế và quốc phòng hùng mạnh, với đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Hiện nay ở Liên-xô thu nhập quốc dân của 5 năm bằng thu nhập quốc dân của cả năm 1928, tức là năm trước kế hoạch 5 năm thứ nhất. Hiện nay 1% sản lượng công nghiệp tăng thêm đã bằng sản lượng công nghiệp cả năm 1928. Liên-xô sản xuất 1/5 sản lượng công nghiệp cả thế giới, đứng đầu thế giới về sản xuất thép, dầu mỏ (kể cả khí ngưng tụ), quặng sắt và măng gan, than cốc, phân khoáng, xi măng, dầu máy chạy bằng hơi và điện, một số loại sản phẩm khác. Nếu trước đây, Liên-xô lạc hậu từ 50 đến 100 năm so với các nước phát triển phương Tây, thì ngày nay nhiều chỉ tiêu công nghiệp của Liên-xô bằng cả chỉ tiêu của 3 - 4 nước tư bản phát triển cộng lại, và vượt Mỹ.

Thực hiện đường lối đối ngoại lý luận, Đảng và Nhà nước Liên-xô đã phấn đấu không mệt mỏi cho hòa bình và an ninh quốc tế, đưa ra nhiều sáng kiến thúc đẩy quá trình hòa hoãn, giải trừ quân bị, đồng thời kiên quyết giáng trả những hành động phiêu lưu của những thế lực đế quốc hiếu chiến câu kết với thế lực phản

(Xem tiếp trang 33)

CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ KHOẢN TRONG NÔNG NGHIỆP

VÕ-CHÍ-CÔNG



Đến nông nghiệp hợp tác hóa của miền Bắc nước ta trong 20 năm qua tuy có phát triển, nhưng tốc độ thấp, không tương ứng với khả năng đất đai, lao động và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, do đó không bảo đảm được các nhu cầu về lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng nông sản cho xuất khẩu. Số hợp tác xã làm ăn khá chưa được 30%, số hợp tác xã trung

binh và yếu, kém còn trên 70% tổng số hợp tác xã. Điều cần suy nghĩ là nông dân ta rất cần cù, có kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất, nhưng vì sao sản xuất phát triển chậm. Tình hình đó do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động từ nhiều năm nay. Chúng ta cần quan tâm nghiên cứu việc tổ chức và quản lý nông nghiệp, nhất là cơ chế quản lý, mà *khoản* là vấn đề then chốt đối với sản xuất hiện nay của các hợp tác xã.

I - CẢI TIẾN CƠ CHẾ KHOẢN TRONG HỢP TÁC XÃ

Lâu nay, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của chúng ta thường áp dụng hình thức "ba khoản" cho đội sản xuất bao gồm các chỉ tiêu: sản lượng, chi phí vật tư, công diêm, trong đó chỉ tiêu sản lượng là quan trọng nhất. Đội sản xuất chịu trách nhiệm tập thể trước hợp tác xã về sản phẩm cuối cùng. Vượt định mức khoản đội được thưởng 80% sản lượng vượt và hụt định mức khoản phải chịu phạt 50% sản lượng hụt. Đây là hình thức khoản sản phẩm của hợp tác xã đối với đội sản xuất. Đội sản xuất khoán việc đến từng người lao động trên cơ sở có định mức lao động và tiêu chuẩn tinh công. Hằng ngày xã viên làm hết buổi, đội trưởng kiểm tra và nghiệm thu theo số lượng và chất lượng công việc đã hoàn thành để trả

công cho người lao động. Người nào làm tốt, nghĩa là bảo đảm chất lượng và vượt số lượng công việc thì được biểu dương và tăng thêm công diêm. Làm không bảo đảm chất lượng và số lượng công việc nhận khoán, người đó phải làm đền hoặc chiết công. Cách khoán này cũng đã phát huy tác dụng, nhất là ở những hợp tác xã tiên tiến đã thực hiện sự phân công và hiệp tác chặt chẽ giữa các khâu công việc trong phạm vi toàn đội sản xuất và cả hợp tác xã. Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất của cách khoán này là chưa gắn được trách nhiệm và lợi ích của người lao động với kết quả sản xuất tức là sản phẩm cuối cùng của hợp tác xã. Do đó, trong thực tế đã khuyến khích người lao động chạy theo khối lượng công việc, chạy theo

số lượng diện tích, thậm chí khuyến khích người ta bịa thêm ra khối lượng công việc để được tính nhiều công điểm, chứ họ không chú ý đến chất lượng công việc và quan tâm bảo đảm đến sản phẩm cuối cùng cho tập thể. Trong cán bộ hợp tác xã cũng nảy sinh hiện tượng làm ăn dối trá, tham ô, rong công phóng điểm, v.v. Việc điều hành công việc hằng ngày của hợp tác xã mang tính chất hành chính bảo cấp, bộ máy quản lý công kênh...

Sản xuất bằng cơ giới hay thủ công cũng vậy, đã chạy đua theo công điểm thì đều gây ảnh hưởng xấu đến kết quả sản xuất của tập thể: sản xuất phát triển chậm, sản phẩm làm ra được ít, trong khi đó ngày công ẩn chứa lại tăng nhanh và tăng nhiều. Hai mặt này đối lập với nhau gay gắt, làm cho thu nhập của người xã viên thấp. Chính vì vậy, bằng cách này hay cách khác, người lao động đều không quan tâm đến lao động cho tập thể, thái độ lao động tiêu cực, cường độ lao động giảm và năng suất lao động sụt. Không thể nói rằng, ở đây người xã viên không tự giác, vấn đề là với thu nhập theo công điểm mà giá trị ngày công thấp (ở các hợp tác xã tiền tiền mới được trên 1đ một công ăn chia, ở các hợp tác xã trung bình chỉ được khoảng 0đ5, còn ở các hợp tác xã yếu kém thì ít hơn nữa), bắt buộc họ phải tìm thêm nguồn khác để bảo đảm đời sống. Do đó, số ngày làm trong năm và giờ làm thực tế trong ngày của người xã viên sản xuất cho tập thể ít là điều không có gì đáng ngạc nhiên. Cũng chính vì thế mà ruộng đất của hợp tác xã (bình quân đầu người ở ta quá ít) và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của tập thể (còn nghèo) đã không được khai thác đúng mức để tạo ra nhiều sản phẩm trên đơn vị diện tích.

Như chúng ta đã biết, quá trình lao động trong nông nghiệp không đi

liên với quá trình tạo ra sản phẩm. Kết quả lao động của người xã viên tham gia sản xuất cho tập thể chỉ được thể hiện sau khi có thu hoạch. Chính vì thế, vấn đề phức tạp và khó khăn nhất trong việc tổ chức quản lý sản xuất trong các hợp tác xã là phải làm sao tạo ra được sự quan tâm của người lao động đối với sản phẩm cuối cùng của tập thể.

Điều kiện hoạt động và tổ chức sản xuất ở cơ sở hợp tác xã của chúng ta trong 20 năm qua đã có nhiều thay đổi, trong khi đó cơ chế khoán quản trong các hợp tác xã vẫn như cũ đã hạn chế sự phát triển của kinh tế tập thể. Do đó, chuyển từ hình thức khoán việc có thưởng phạt bằng công điểm — thực chất là một lối khoán theo thời gian cho người xã viên — sang hình thức khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể có thưởng phạt bằng sản phẩm là một yêu cầu bức thiết. Đây là một cơ chế khoán quản tiến bộ cho phép, trong điều kiện hiện nay của các hợp tác xã, (kể cả khá, trung bình, kém), phát triển mạnh sản xuất, bảo đảm hài hòa cả ba lợi ích (của người lao động, tập thể và Nhà nước).

Chế độ khoán mới này được thực hiện trên cơ sở giữ vững chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, hoạt động lao động sản xuất của người nhận khoán phải tuân theo kế hoạch sản xuất, quy trình kỹ thuật và định mức của hợp tác xã, sản phẩm cuối cùng làm ra do tập thể chi phối.

Chế độ khoán mới thúc đẩy các đơn vị sản xuất và mọi người lao động trong hợp tác xã thật sự quan tâm đến kết quả cuối cùng của sản xuất, kích thích mọi người hăng hái tham gia lao động sản xuất cho tập thể, tăng năng suất, tăng sản lượng, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Trên thực tế, hình thức khoán mới này đã được áp dụng tương đối phổ

biên trong sản xuất vụ đông ở nhiều hợp tác xã trên miền Bắc nước ta. Do đó, mấy năm gần đây, vụ đông phát triển nhanh cả về diện tích, năng suất, sản lượng, góp phần đáng kể vào việc tăng thêm màu lương thực. Cách khoán mới này cũng đã được áp dụng linh hoạt vào việc sản xuất các loại cây công nghiệp ngắn ngày (đay, lạc, mía, đỗ tương), một số cây công nghiệp dài ngày (chè, sơn, dâu tằm...) và đều cho kết quả tốt. Gần đây nhiều nơi đã thực hiện cách khoán mới này trong việc trồng lúa.

Qua việc thực hiện chế độ khoán mới này trong hai, ba, bốn vụ cũng như trong vụ lúa mùa năm 1980 vừa qua, tuy mức độ và cách làm có khác nhau, nhưng kết quả về nhiều mặt đều tốt, biểu hiện tổng hợp trong hai vấn đề lớn nhất là: *sản xuất phát triển và phòng trừ lao động sản xuất sỏi nổi trong quần chúng.*

Sản xuất lúa tăng nhanh cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Vụ mùa năm 1980, miền Bắc nước ta bị bão, úng, lụt rất nghiêm trọng, cho nên năng suất lúa chỉ được 18,8 tạ một ha. Hải-phòng cũng bị thiên tai ác liệt như vậy, nhưng nhờ phần lớn các hợp tác xã ở đây đã thực hiện chế độ khoán mới từ 20 đến 100% diện tích cấy lúa mùa, cho nên đã đạt năng suất bình quân toàn thành trên 23 tạ một héc-ta. Diện tích lúa mùa, mặc dù xã viên ở đây phải cấy đi cấy lại nhiều lần, vẫn tăng 1,2% so với năm trước. Tổng sản lượng lương thực cả năm tăng 6,3% so với 1979 và tăng 4,2% so với năm 1976 là năm được mùa lớn. Do đó, Hải-phòng đã hoàn thành sớm nghĩa vụ đóng góp lương thực cho Nhà nước với 23299 tấn, vượt kế hoạch 290 tấn. Riêng ở huyện Đồ-sơn, phần lớn các hợp tác xã đều khoán sản phẩm cây lúa cho người lao động, vụ mùa 1980 đã thu hoạch thêm 1372 tấn thóc (so với 1979), hoàn thành nghĩa vụ lương thực và thực

phẩm sớm nhất, tăng thêm 82 tấn thóc phúc lợi cho tập thể, mức ăn (chưa kể phần vượt khoán sản lượng của xã viên) bình quân hằng tháng của mỗi người tăng thêm 3 kg thóc...

Nói chung, năng suất lúa ở những hợp tác xã thực hiện chế độ khoán mới này (như ở Hải-phòng, Vĩnh-phú, Nghệ-Tĩnh và các nơi khác) đều tăng: nơi ít nhất cũng được 4 - 5%, nơi trung bình 15 - 20%, nơi nhiều tăng tới 50% trở lên. Sản lượng lúa ở những hợp tác xã đó đều tăng từ 10 đến 15% so với năm trước. Trong khi đó, sản lượng lúa của cả nước ta lâu nay bình quân hằng năm chỉ tăng khoảng 1%. Những thực tế đó chứng minh cụ thể tác dụng của chế độ khoán mới trong nông nghiệp.

Chế độ khoán mới đã lôi cuốn mọi xã viên vào mục tiêu làm ra nhiều sản phẩm; không ai chạy theo công điểm như trước. Chế độ khoán này có sức thu hút mọi lực lượng lao động ở nông thôn (bao gồm cả lao động chính, lao động phụ, học sinh, cán bộ, bộ đội và công nhân, viên chức về nghỉ phép, người nghỉ hưu, những người trước đây thường lười lao động, bỏ sản xuất đi buôn...) hăng hái tham gia lao động sản xuất. Bộ máy gián tiếp sản xuất ở các hợp tác xã giảm bớt (ở huyện Thủy-nguyên, Hải-phòng giảm được 30%). Xã viên trước đây mỗi ngày chỉ làm 5 - 6 giờ, nay làm 8 - 9 giờ, có khi làm đến 10 - 12 giờ một ngày. Vì vậy, mọi công việc gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch ở những hợp tác xã có giao "khoán sản phẩm" cho người lao động đều nhanh hơn trước từ 10 đến 15 ngày, bảo đảm làm đúng thời vụ. Mọi người đều tích cực lao động và lao động có kỹ thuật. Ruộng đất được khai thác tốt, diện tích gieo trồng tăng do tăng vụ. Xã viên làm đất kỹ, chăm lo đủ nước, sạch cỏ, cấy mạ đúng tuổi với mật độ tối ưu, mất cây lúa nào dặm lại cây ấy, tận dụng mọi nguồn phân (kể cả đôi thóc lấy thêm đạm của Nhà

nước) dễ bón ruộng, thu hoạch kịp thời, và ít rơi rụng... Do đó, năng suất lúa cao, sản lượng nhiều. Vật tư và sức lao động được sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, cho nên giá thành của đơn vị sản phẩm hạ.

Ở các hợp tác xã thực hiện « khoán sản phẩm », nói chung các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn được hợp tác xã chú ý dành ưu tiên trong giao khoán, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hoàn thành tốt mức khoán, bảo đảm tăng thu nhập. Các ngành nghề trong hợp tác xã được giữ vững và phát triển. Tuyến quản vượt kế hoạch. Việc kết hợp giữa củng cố tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ với thực hiện « khoán sản phẩm » đến nhóm lao động và người lao động, càng làm cho tổ chức vững mạnh, nội bộ đoàn kết, quan hệ giữa cán bộ và quần chúng, giữa hợp tác xã với Nhà nước tốt hơn.

Những kết quả như trên đã làm cho hợp tác xã được củng cố vững chắc hơn, xã viên phấn khởi sản xuất và càng gắn bó với tập thể. Quan hệ sản xuất mới ở nông thôn không hề suy yếu, mà còn được củng cố vững mạnh. Sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, việc quản lý và phân phối của hợp tác xã được tăng cường. Cơ sở vật chất kỹ thuật của tập thể tăng thêm và được sử dụng tốt hơn. Sự phân công và hiệp tác lao động không hề bị phá vỡ mà còn được thực hiện một cách có hiệu quả, sát với tình hình thực tế của cơ sở, vừa

phát huy tính hơn hăng của lao động tập thể, vừa khai thác được tốt lao động của từng người trong quá trình phát triển sản xuất của tập thể. Phần lớn sản phẩm làm ra, tức là phần sản lượng đạt được theo định mức khoán, do tập thể nắm toàn bộ để phân phối thống nhất trong hợp tác xã. Phần vượt khoán của xã viên được hưởng chỉ chiếm phần nhỏ trong tổng sản phẩm làm ra.

Thực tế cho thấy, trong điều kiện sản xuất nông nghiệp của ta còn làm bằng thủ công là chính, sản xuất bằng cơ giới chưa có là bao, muốn đưa năng suất lao động nông nghiệp, năng suất và sản lượng cây trồng tăng lên, không còn con đường nào khác là tận dụng mọi nguồn lao động ở nông thôn, khơi động được tập quán lao động cần cù của nông dân, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người, làm cho mỗi người vì lợi ích của bản thân, của tập thể, của xã hội mà quan tâm đến kết quả lao động của mình. Trong điều kiện hiện nay, tất cả những cái đó đã được phát huy trong quá trình thực hiện chế độ « khoán sản phẩm ».

Rõ ràng hình thức khoán sản phẩm không phải là một hình thức làm ăn riêng lẻ, mà là một dạng của lao động tập thể. Thực hiện « khoán sản phẩm » trong nông nghiệp là rất cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, bảo đảm lợi ích của người lao động, của tập thể và của Nhà nước.

II — THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KHOÁN MỚI TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Áp dụng hình thức khoán việc (có thưởng phạt theo công điểm) hay khoán sản phẩm (có thưởng phạt theo sản phẩm) đến nhóm lao động và người lao động, là quyền lựa chọn và

chịu trách nhiệm sản xuất kinh doanh của từng hợp tác xã thông qua đại hội xã viên bàn bạc và quyết định. Cấp trên không được gò ép hay ngăn cản.

Ở đây, chỉ bàn về việc thực hiện chế độ « khoán sản phẩm » đến nhóm lao động và đặc biệt là « khoán sản phẩm » đến người lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Việc thực hiện chế độ khoán mới này (như đã trình bày ở phần trên) cho phép khắc phục có hiệu quả những nhược điểm của hình thức khoán việc sinh ra do nó không trực tiếp gắn quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động với sản phẩm cuối cùng. Như vậy, hình thức khoán mới này được coi là một bước phát triển mới, tiến bộ hơn, bổ sung, hoàn thiện và nâng cao (chứ không phải đối lập) với chế độ khoán đã từng áp dụng lâu nay trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện chế độ khoán mới này, các hợp tác xã phải nắm vững và thực hiện đúng các nguyên tắc sau đây:

1 - *Thông nhất quản lý chặt chẽ và sử dụng thật tốt tư liệu sản xuất của tập thể* (như ruộng đất, máy móc, trâu bò cày kéo, vật tư và các tài sản khác) theo đúng phương hướng, kế hoạch và định mức của tập thể. Chống mọi hiện tượng làm hư hao tư liệu sản xuất của tập thể. Không được phân tán và để cho xã viên sử dụng tùy tiện tư liệu sản xuất của hợp tác xã; không được làm trở ngại cho việc sử dụng và tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật của tập thể; không được cản trở việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

2 - *Quản lý và tổ chức phân công lao động hợp lý*, phát huy tốt sức lao động tập thể kết hợp với khai thác có hiệu quả lao động của cá nhân và gia đình xã viên trong những khâu công việc trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề của hợp tác xã. Thực hiện khoán (bao gồm cả thưởng phạt) phải làm cho mọi người lao động trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất đều gắn

bó với nhau và cùng quan tâm đến kết quả cuối cùng.

3 - *Các đơn vị và cá nhân nhận khoán bắt buộc phải sản xuất theo đúng quy hoạch* (của tỉnh, huyện và xã), đúng kế hoạch sản xuất và cơ cấu cây trồng (tức phương hướng sản xuất), đúng mùa vụ, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình sản xuất của hợp tác xã. Mức khoán phải được xác định hợp lý, có tác dụng thúc đẩy xã viên hăng hái lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, khai thác mọi tiềm năng (cả vật tư và lao động) của gia đình mình để tạo ra năng suất cao, sản phẩm nhiều, đồng thời bảo đảm lợi ích của tập thể.

4 - *Hợp tác xã phải nắm được toàn bộ sản phẩm* theo định mức khoán để thống nhất phân phối theo kế hoạch chung của hợp tác xã.

Chú ý bảo đảm hài hòa cả ba lợi ích. Trước hết cần coi trọng lợi ích của người lao động, tăng thu nhập và tích lũy cho hợp tác xã, đồng thời bảo đảm làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Lợi ích của người lao động mà không được chú ý thích đáng sẽ không khuyến khích họ hăng hái sản xuất cho tập thể, do đó cũng không bảo đảm được lợi ích của tập thể và Nhà nước.

Việc thưởng phạt phải có tác dụng kích thích người xã viên tích cực lao động sản xuất, tùy theo loại sản phẩm mà thưởng phạt bằng hiện vật là chủ yếu, nhưng cũng không loại trừ hình thức thưởng phạt khác.

5 - *Phải phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ của tập thể xã viên* trên mọi mặt hoạt động của hợp tác xã, chống tệ mệnh lệnh, gò ép, trái với nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Thực hiện « khoán sản phẩm » đến nhóm lao động và người lao động, ban quản trị phải chịu trách nhiệm trước tập thể về sản phẩm cuối cùng trên toàn bộ đất đai canh tác của hợp

tác xã. Đội sản xuất phải chịu trách nhiệm chính về sản phẩm cuối cùng trên phần diện tích nhận « ba khoán » với hợp tác xã.

Trên cơ sở đó, đội sản xuất và các đội chuyên của hợp tác xã bảo đảm làm những khâu công việc mà lao động tập thể làm thì có hiệu quả hơn, đồng thời lại có tác dụng trực tiếp chỉ phối quá trình sản xuất theo vùng và theo quy hoạch của hợp tác xã.

Khâu giống (như đối với lúa) phải do đội giống của hợp tác xã đảm nhận từ sản xuất, chọn lọc, bảo quản và ngâm ủ mộng, mới bảo đảm giống tốt cho sản xuất theo kế hoạch của hợp tác xã. Còn gieo và chăm sóc mạ thì đội làm hoặc khoán cho xã viên làm đều được cả. Một số giống hoa màu (như khoai lang, khoai tây...) do đội làm hoặc khoán cho xã viên làm.

Khâu làm đất thì phổ biến là do tập thể làm, nhưng cũng không loại trừ có trường hợp linh hoạt giao cho cả gia đình xã viên làm, tùy điều kiện cụ thể của từng vùng và từng hợp tác xã. Ở các hợp tác xã vùng đồng bằng, vì máy móc và trâu bò cày là của tập thể, khâu làm đất bằng máy do hợp tác xã đảm nhận, việc cày bừa bằng trâu bò do đội sản xuất chịu trách nhiệm. Ở trung du và miền núi, nhiều gia đình xã viên có chăn nuôi trâu bò riêng, khâu làm đất vừa do tập thể làm vừa khoán cho xã viên cùng làm.

Việc cung cấp phân bón (cả phân hữu cơ và phân vô cơ) theo định mức, tưới tiêu nước cho đồng ruộng, phòng trừ sâu bệnh và bảo vệ mùa màng, do tập thể đảm nhận.

Người xã viên nhận « khoán sản phẩm » làm các khâu còn lại như: gieo cấy, chăm bón, thu hoạch và chịu trách nhiệm đến sản phẩm cuối cùng cho tập thể trên phần diện tích nhận khoán theo chế độ thưởng phạt bằng sản phẩm khi tăng hay hụt mức sản lượng khoán.

Trong chăn nuôi của các hợp tác xã, cũng cần nghiên cứu vận dụng các hình thức « khoán sản phẩm » cho có hiệu quả nhất. Lâu nay, tập thể nuôi lợn thịt, chưa kể chi phí nhà cửa, chuồng trại và các chi phí vật chất khác, riêng thức ăn phải mất 5 - 6 kg thóc mới làm ra 1 kg thịt lợn hơi. Giao khoán cho xã viên thì chỉ hết 4 kg thóc thu được 1 kg thịt lợn hơi, hợp tác xã lại không tốn kém về cơ sở khoản chi phí vật chất như chăn nuôi tập trung. Hiện nay cũng đang xuất hiện hai hình thức khoán chăn nuôi cho xã viên. Hình thức thứ nhất: hợp tác xã giao con giống và thức ăn cho gia đình xã viên nuôi rồi sau thu sản phẩm. Hình thức thứ hai: hợp tác xã giao cả đất dành để sản xuất thức ăn cho gia súc và con giống cho gia đình xã viên thực hiện hai công đoạn: sản xuất thức ăn và nuôi lợn thịt rồi giao nộp sản lượng thịt hơi theo định mức khoán cho hợp tác xã.

Ở nơi có diện tích và máy cày biến thức ăn gia súc, đội nên đảm nhận sản xuất và chế biến thức ăn cung cấp cho các gia đình xã viên nhận khoán chăn nuôi lợn cho hợp tác xã theo hình thức thứ nhất. Những hợp tác xã không có điều kiện cơ sở vật chất để chế biến thức ăn cho gia súc, có thể giao khoán chăn nuôi cho gia đình xã viên theo hình thức thứ hai.

Dù khoán cho gia đình xã viên chăn nuôi theo bất cứ hình thức nào, tập thể lo sản xuất và cung cấp giống cũng tốt hơn là để cho xã viên lo, lấy giống.

Việc « khoán sản phẩm » trong nông nghiệp ở ta đang còn mới mẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, do đó cũng đang có nhiều chỗ còn vướng mắc và chưa hoàn thiện cần được nghiên cứu giải quyết.

Về thời gian giao khoán cho xã viên trên những diện tích nhất định của hợp tác xã, nên có cách giải quyết hợp lý. Giao khoán cho xã viên làm

nhiều vụ và nhiều năm liền trên cùng một thửa ruộng, có người lo ngại sẽ biến ruộng của hợp tác xã thành ruộng của cá nhân người nhận khoán. Nhưng nếu chỉ giao khoán từng vụ rồi lại thay đổi ruộng đất, thì người xã viên nhận khoán lại không yên tâm đầu tư thâm canh, chỉ làm ăn xởi, và như vậy sẽ không có năng suất cao. Khoán từ 2 - 3 năm đến 5 năm liền trên cùng một thửa ruộng cho xã viên thì họ sẽ mạnh dạn đầu tư thâm canh cao nhằm đạt năng suất và sản lượng cao nhất trên đơn vị diện tích. Mức sản lượng khoán của từng vụ phải tùy điều kiện vật chất kỹ thuật cụ thể mà xác định.

Việc thu hoạch sản phẩm, vừa qua, có nơi bắt buộc đưa về sản tập thể, có nơi để cho xã viên đem về nhà. Nói chung, ở đâu có điều kiện (có điện, máy và sản phẩm) thì thu hoạch tập trung về đội, nơi không có điều kiện thì để cho xã viên đem về nhà. Dù thu hoạch theo cách nào cũng vậy, đều phải bảo đảm giao nộp sản phẩm đủ số lượng và đúng chất lượng theo định mức khoán của hợp tác xã.

Việc thưởng phạt đến nay cũng có nhiều cách. Thưởng 80% sản lượng vượt và phạt 50% sản lượng hụt bằng tiền cho đội sản xuất như lâu nay không phù hợp nữa. Các hợp tác xã thực hiện chế độ « khoán sản phẩm » cho người lao động đều thực hiện phạt 100% sản phẩm hụt khoán đối với người nhận khoán. Về thưởng thì có nơi thưởng cả 100% sản lượng vượt, có nơi chỉ thưởng 80 - 90%. Trong lúc này, thưởng bao nhiêu, các hợp tác xã có thể tự quyết định. Nói chung, thưởng 100% sản lượng sẽ kích thích mạnh người lao động hăng say sản xuất. Hợp tác xã có thể trích trong số vượt kế hoạch sản xuất chung hay trích trong quỹ thưởng để thưởng cho các đội sản xuất (kể cả đội chuyên và tập thể những người tham gia làm các khâu công việc tập

trung) có thành tích sản xuất giỏi, và cho cán bộ đội, đề gán trách nhiệm điều hành công việc của cán bộ đội với sản phẩm cuối cùng.

Hình thức khoán mới này, phải chăng không nên áp dụng ở những hợp tác xã tiên tiến đã làm ăn khá và có nền nếp, mà chỉ nên áp dụng ở các hợp tác xã trung bình và kém nết? Thực tế ở Nghệ-tĩnh chứng minh rằng, hợp tác xã tiên tiến làm ăn có nền nếp áp dụng chế độ khoán mới này vẫn tăng được năng suất, tăng cả diện tích và tăng nhiều về sản lượng, lại ít xảy ra lệch lạc và sai sót. Ở các hợp tác xã trung bình và yếu kém (như Đoàn-xá, Hải-phong) áp dụng chế độ khoán mới càng tăng nhanh năng suất, diện tích và sản lượng. Đặc biệt ở những hợp tác xã lâu nay mức độ sử dụng lao động và đất đai quá thấp, nay thực hiện « khoán sản phẩm » thì sản xuất phát triển vượt bậc. Tuy nhiên ở các hợp tác xã có trình độ quản lý sản xuất trung bình, khi áp dụng chế độ khoán mới cũng nảy ra một số sai lệch nhưng ít hơn, và không dẫn đến khoán trắng như thường xảy ra ở các hợp tác xã mà trình độ quản lý của cán bộ quá yếu.

Những lệch lạc thường xảy ra trong việc áp dụng chế độ khoán mới này ở một số hợp tác xã là khoán cho xã viên rồi bỏ mặc cho họ muốn làm gì thì làm. Do đó, người nhận khoán không làm theo đúng quy hoạch và kế hoạch, không theo đúng quy trình và phương hướng sản xuất của hợp tác xã. Lỗi khoán trắng đó, nếu không được khắc phục ngay từ đầu sẽ dẫn đến những biểu hiện đi ngược lại mục đích của chế độ khoán mới.

Các định mức về diện tích, năng suất và sản lượng ở nhiều hợp tác xã thường không sát. Nơi định mức quá thấp thì lợi cho xã viên mà lỗ cho hợp tác xã. Nơi định mức quá cao, người nhận khoán làm không đạt, sinh chán nản và đòi tháo khoán. Thời gian qua,

nhiều hợp tác xã thường định mức khoán bằng mức năng suất và sản lượng của năm cao nhất, nhưng xã viên vẫn làm đạt và vượt mức khoán của hợp tác xã. Nói chung mức năng suất và sản lượng khoán nên định bằng mức bình quân tiến tiến của 3-4 năm trước đó là thỏa đáng, vừa có lợi cho hợp tác xã vừa khuyến khích người lao động.

Các khâu công việc tập thể đảm nhận hãy còn làm tùy tiện, chưa bảo đảm đúng số lượng, chất lượng và thời gian quy định, gây trở ngại cho các khâu tiếp theo, ảnh hưởng không tốt đến năng suất và sản lượng cây trồng. Ở đây cần phải có sự hoạt động đồng bộ của các khâu canh tác do tập thể đảm nhận mới tạo điều kiện cho người nhận khoán làm các khâu tiếp theo được thuận lợi và thu được sản phẩm cuối cùng với năng suất cao và sản lượng nhiều.

« Khoán sản phẩm » trong đội sản xuất (của ngành trồng trọt) mà không có sự chỉ đạo chặt chẽ sẽ kéo các ngành khác tụt xuống. Ngược lại, nếu định mức khoán chính xác, chỉ đạo tốt sẽ phát triển mạnh cả trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề.

Thực hiện « khoán sản phẩm » trong nông nghiệp là vấn đề mới đối với chúng ta, do đó cần phải có sự chỉ đạo chặt chẽ mới bảo đảm thu được kết quả tốt. Chỉ đạo lỏng lẻo thì không vấp vấp chỗ này cũng lệch lạc chỗ khác. Đương nhiên, mới bắt tay vào làm, khó tránh khỏi lệch lạc. Có lệch lạc thì uốn nắn và sửa chữa ngay. Cần tổ chức bồi dưỡng đề cán

bộ nắm chắc mục đích và nguyên tắc, hiểu biết nội dung và cách làm, có chương trình chỉ đạo cụ thể, mới làm tốt được.

Cần phân loại ruộng đất, xác định năng suất và sản lượng từng thửa tương đối chính xác để đưa ra khoán cho sát.

Đội sản xuất cơ bản cũng như các đội chuyên cần phải được củng cố thật vững. Cán bộ đội phải cùng thực khuya, dậy sớm như xã viên mới thực hiện được chế độ khoán mới có kết quả.

Sự chỉ đạo và điều hành của tỉnh và huyện phải thật chặt chẽ. Tăng cường cấp huyện đủ mạnh mới chỉ đạo thực hiện có kết quả chế độ khoán mới ở cơ sở, nếu huyện không đủ mạnh và không hiểu biết gì về cơ chế khoán mới thì chỉ cản trở phong trào của cơ sở.

Thông qua thực hiện chế độ khoán mới này, chúng ta sẽ kiện toàn được bộ máy quản lý hợp tác xã theo hướng giảm bớt bộ phận gián tiếp từ 10-12% xuống còn 4% như quy định. Về các chế độ tài chính và định mức, nên nghiên cứu giảm bớt những điều không cần thiết, giảm bớt giấy tờ, tập trung phục vụ sản xuất càng nhiều càng tốt.

Trong quá trình thực hiện chế độ khoán mới ở các hợp tác xã, cần có sự kiểm tra thường xuyên, sớm phát hiện lệch lạc để uốn nắn kịp thời.

Đĩ nhiên, để làm được việc đó một cách khách quan, chính xác, cần phải nắm vững mục đích, nguyên tắc, nội dung của chế độ khoán mới.

VỀ VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT

HỒ-VIỆT-THẮNG

 LƯƠNG thực là hàng tiêu dùng đặc biệt, thuộc nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân. Đối với nước ta vấn đề lương thực là một vấn đề quyết định đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. V.I. Lê-nin đã từng nói: "Bất kỳ nước xã hội chủ nghĩa nào do công nông nắm quyền chấp chính cũng không thể tồn tại được nếu, với những nỗ lực chung của công nhân và nông dân, nước đó không gây dựng được một dự trữ lương thực có thể bảo đảm cung cấp thức ăn cho công nhân công nghiệp, và tạo khả năng điều động hàng vạn và hàng chục vạn công nhân tới chỗ mà chính quyền xã hội viết xét thấy cần..." "Không có dự trữ đó, thì chính quyền Nhà nước không còn là cái gì cả. Không có dự trữ đó, thì chính sách xã hội chủ nghĩa chỉ còn là một nguyện vọng thôi" (1).

Từ khi giành được chính quyền, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã hết sức chăm lo vấn đề lương thực, vừa lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực, vừa ban hành những chính sách động viên nông dân làm nghĩa vụ lương thực. Điều đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước.

Mấy năm qua, sản xuất lương thực ở nước ta tăng chậm, thấp hơn mức tăng số dân. Năm 1965 cả nước ta có 35 triệu người với sản lượng lương thực là 10,56 triệu tấn quy thóc, bình quân nhân khẩu 300 kg/người; riêng miền Bắc năm 1965 có 18 triệu người, với 5,6 triệu tấn lương thực, bình quân hơn 300 kg/người. Năm 1979, số dân cả nước là 52,5 triệu người, sản lượng lương thực là 13,91 triệu tấn, bình quân 265 kg/người. Tính ra, sau 15 năm, số dân tăng 17,5 triệu người, nhưng lương thực chỉ tăng gần 3,5 triệu tấn. Năm 1980, sản lượng lương thực của các tỉnh Nam-bộ tăng hơn năm 1979 gần 80 vạn tấn, nhưng nhiều vùng lớn ở đồng bằng Bắc-bộ và khu 4 cũ bị mất mùa, do đó sản lượng lương thực cả nước chỉ có khoảng 14 triệu tấn. Như thế, 5 năm trở lại đây, lương thực cả nước tăng 50 vạn tấn, bình quân tăng 0,8% một năm, trong khi số dân tăng 2,6%. Bình quân lương thực đầu người năm 1980 là 265 kg/người, xấp xỉ năm 1979 và thấp hơn năm 1976 10kg.

Sản xuất lương thực tăng chậm do nhiều nguyên nhân. Diện tích đất canh tác cây lương thực hầu như không tăng, diện tích gieo trồng tăng cũng

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 628.

chậm và năng suất cây trồng hầu như không tăng, mà gần đây ở nhiều nơi có xu hướng giảm.

Trong khi sản lượng lương thực trong xã hội còn ít, thì việc điều hòa và phân phối lương thực trong xã hội tuy có nhiều tiến bộ, nhưng cũng còn nhiều khuyết điểm.

Do diện cung cấp lương thực ngày càng mở rộng, nhu cầu tăng mà khả năng lương thực trong tay Nhà nước có hạn, cho nên Nhà nước chỉ mới bảo đảm được các nhu cầu lương thực cho lực lượng vũ trang, người lao động và người ăn theo trong gia đình họ, tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động các vùng phi nông nghiệp, các nhu cầu sản xuất, chế biến, chăn nuôi, nhu cầu của các khu kinh tế mới, và trợ cấp cho các vùng bị thiên tai, dịch họa, v.v.

Những năm qua, Nhà nước ta đã thực hiện được nhiệm vụ điều hòa và phân phối lương thực, đã huy động lương thực từ những nơi thừa hay tương đối thừa và phân phối lại cho những nơi thiếu; nông dân ta đã hăng hái làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Từ năm 1976 đến năm 1979 bình quân trong cả nước số lương thực huy động được là 350kg trên 1 ha canh tác, trong đó, đồng bằng Bắc-bộ 621 kg/ha, đồng bằng sông Cửu-long 320 kg/ha, khu 4 cũ 318 kg/ha, các vùng còn lại 220 - 270 kg/ha. Tính cả nước, trong 4 năm qua số lương thực huy động được trên 1 nhân khẩu nông nghiệp là 48 kg mỗi năm, trong đó đồng bằng sông Cửu-long là 80kg, đồng bằng sông Hồng 60kg, các vùng khác 20 - 40kg. Năm 1976 và năm 1977, việc huy động lương thực trong cả nước đạt kết quả khá, nhưng sau đó thì có giảm sút. Việc huy động lương thực ở đồng bằng Bắc-bộ tương đối thuận lợi và kết quả thường đạt kế hoạch; ở đồng bằng sông Cửu-long có khó khăn hơn.

Một thiếu sót lớn trong công tác phân phối lương thực những năm qua

là phân phối có tính chất bao cấp, bình quân, không công bằng hợp lý. Nhà nước phải bù lỗ để giữ giá cung cấp lương thực cho bộ đội, cán bộ, công nhân và những người có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước là đúng, nhưng lâu nay Nhà nước vẫn bù lỗ để cung cấp cho cả những người không có quan hệ kinh tế với Nhà nước; đó là không hợp lý. Điều đó gây tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước. Thêm vào đó, việc thu mua chế biến và sử dụng mầu còn kém, nhiều nơi tuy lương thực không thiếu, giá thị trường không cao, nhưng phân phối lương thực vẫn khó khăn. Việc quản lý lương thực còn lỏng lẻo, sơ hở, gây ra mất mát và hư hỏng nhiều lương thực.

Những thiếu sót đó làm cho tình hình lương thực vốn đã thiếu, càng thiếu thêm. Ngay trong năm 1976 đã năm được mùa, huy động được nhiều, Nhà nước đã phải nhập khẩu một số lớn lương thực mới đủ trang trải cho các nhu cầu. Các năm sau, do thu mua thấp hơn, nhập khẩu lương thực lại có hạn, cho nên mâu thuẫn giữa cung và cầu về lương thực càng càng thẳng.

★

Giải quyết cơ bản vấn đề lương thực là phải bảo đảm cho xã hội có được một khối lượng lương thực ổn định, tạm đủ bảo đảm đời sống con người, phát triển chăn nuôi, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và có phần dự trữ. Muốn vậy, Nhà nước phải có bình quân lương thực theo đầu người là 300 kg quy thóc một năm, mới tạm đủ trang trải cho các nhu cầu của xã hội. Đó là chưa tính đến nhu cầu dự trữ, một nhu cầu bắt buộc đối với bất kỳ một nước nào, đặc biệt đối với nước ta là nước thường xảy ra thiên tai, dịch họa. Như vậy, với số dân hiện nay, nếu bảo đảm bình quân

300kg/ người và chưa kể tới nhu cầu dự trữ, năm 1981 nước ta phải có ít nhất là 15 triệu tấn quy thóc. Và nếu chỉ giữ mức bình quân đó vào năm 1985, thì cũng phải có 18 triệu tấn. Nhu cầu tiêu dùng trên được xác định với điều kiện phải thực hiện được việc huy động và phân phối tốt giữa nơi thừa và nơi thiếu. Nếu huy động và phân phối không tốt, thì vẫn có vùng rất nhiều lương thực và có vùng thiếu lương thực.

Ngoài nhu cầu của nông dân, Nhà nước phải tiến lên cung cấp lương thực cho tất cả mọi người không sản xuất lương thực với giá cả khác nhau. Giả dụ, Nhà nước bảo đảm lương thực cho cả 16,5 triệu người trong khu vực phi nông nghiệp hiện nay, cộng thêm các nhu cầu chế biến, chăn nuôi quốc doanh, trợ cấp cho các vùng bị thiên tai, dịch họa và làm các nghĩa vụ khác, thì phải có trong tay khoảng 4 triệu tấn lương thực quy thóc. Đó là nhu cầu hiện nay. Trong quá trình công nghiệp hóa đất nước, lao động và nhân khẩu trong khu vực phi nông nghiệp tăng lên, nhu cầu chăn nuôi và chế biến tăng lên, tình hình đó đòi hỏi Nhà nước phải có khối lượng lương thực cao hơn. Muốn vậy, công nghiệp và các ngành kinh tế khác phải tác động mạnh mẽ hơn vào nông nghiệp, làm cho nông nghiệp vươn lên đủ sức đáp ứng được nhu cầu lương thực ngày càng tăng của đất nước.

Còn trong lúc này, làm thế nào để vượt qua được khó khăn về lương thực, để tránh cho nhân dân một số vùng khỏi lâm vào nạn đói, để giảm bớt khó khăn trong đời sống của bộ đội, công nhân viên chức? Ngoài những cố gắng rất lớn của Nhà nước, vấn đề cấp bách trước mắt đối với mỗi người là phải tận dụng mọi điều kiện, mọi tiềm năng về đất đai, lao động và tiền vốn... ra sức đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực hành triệt để tiết kiệm lương thực. Nông dân cố gắng sản xuất thêm lương thực,

bộ đội, công nhân viên chức và mọi người trong khu vực phi nông nghiệp cũng cố gắng làm thêm lương thực. Nếu mỗi người lao động trên đất nước ta mỗi năm làm thêm được 10 kg lương thực, thì mỗi năm xã hội ta sẽ có thêm 20 - 30 vạn tấn lương thực. Và, nếu chúng ta tiết kiệm được trong tất cả các khâu tiêu dùng chỉ từ 1% đến 2% thì mỗi năm cũng đòi ra được 20 - 30 vạn tấn lương thực nữa. Việc của mỗi người thì nhỏ, nhưng gộp sức cả nước lại sẽ thành việc lớn. Cả nước cùng cố gắng, vươn lên, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua được khó khăn về lương thực.

Trong các năm tới, cần phải đấu giải quyết cho bằng được vấn đề lương thực. Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã khẳng định: « Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm trước hết bảo đảm vững chắc lương thực và thực phẩm, đồng thời cung ứng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Quán triệt tinh thần đó, nghị quyết của Hội đồng chính phủ số 09/CP về chính sách lương thực cũng khẳng định: giải quyết vấn đề lương thực là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của mọi ngành, mọi cấp. Tùy theo chức năng của mình, các ngành, các cấp đều có trách nhiệm góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tác động tốt vào công tác phân phối, lưu thông lương thực, đồng thời tự mình tham gia sản xuất một phần lương thực. Nghị quyết cũng xác định 4 khâu cơ bản trong nhiệm vụ giải quyết vấn đề lương thực là: đẩy mạnh sản xuất, làm ra nhiều lương thực cho xã hội; ra sức huy động phần lương thực thừa trong nông dân; thực hiện chế độ phân phối công bằng hợp lý và tiết kiệm; thực hiện sự phân công lao động mới

trên toàn xã hội và thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Bốn khâu trên có liên quan mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau, trong đó khâu cơ bản nhất, quyết định nhất là phát triển sản xuất.

Cần phấn đấu để sớm đạt được 300 kg lương thực một đầu người một năm. Đó là một yêu cầu cấp bách, đồng thời cũng là một mục tiêu hiện thực. Vì năm 1965, cả nước ta đã đạt được 300 kg lương thực một đầu người, và với 7 triệu ha gieo trồng lương thực hiện nay, nếu bảo đảm được năng suất bình quân cả nước bằng năm 1976 (22,3 tạ/ha), thì chúng ta sẽ có sản lượng 15,6 triệu tấn lương thực. Hiện nay, Nhà nước đang gặp nhiều khó khăn. Để đạt được mục tiêu trên, chúng ta phải phấn đấu giải quyết nhiều mặt, nhiều khâu và cần có sự nỗ lực chung của cả nước.

Trước mắt, cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các chính sách, chế độ quản lý nhằm khuyến khích nông dân hàng hái đầy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm. Trong khi hoàn thiện các chính sách và chế độ về tổ chức và quản lý nông nghiệp, tổ chức và quản lý hợp tác xã, cần thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động nhằm làm cho người nông dân và xã viên không những quan tâm tới số lượng ngày công, mà còn có trách nhiệm đầy đủ, gắn bó chặt chẽ với số lượng và chất lượng sản phẩm do mình làm ra.

Cần có sự đầu tư thích đáng để củng cố và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Chú trọng giải quyết tốt các vấn đề phân bón, thủy lợi và giống một cách hợp lý cho các vùng trọng điểm sản xuất lương thực để bảo đảm năng suất cao, thu hoạch vững chắc và có sản lượng lương thực hàng hóa nhiều; đồng thời quan tâm giải quyết khó khăn cho những vùng sản xuất chưa ổn định. Điều quan trọng là, trong khi chúng ta chưa đủ sức cải tạo và chế ngự thiên nhiên, thì phải tìm mọi

cách phát huy những thuận lợi của thiên nhiên, của đất đai, bố trí cây trồng hợp lý; kết hợp tốt việc sử dụng sức máy, sức người và những kinh nghiệm và truyền thống sản xuất của nhân dân, để hạn chế tới mức thấp nhất tác hại của thiên nhiên, bảo đảm cho mùa màng sản xuất ổn định, thu hoạch vững chắc và có hiệu quả kinh tế cao.

Xúc tiến và hoàn thiện việc quy hoạch đất đai và cây trồng trên quy mô cả nước và trong từng vùng tiểu khí hậu, dựa trên một cơ sở khoa học vững chắc để bố trí cây trồng thích hợp, có năng suất cao, sản lượng nhiều. Ưu tiên thâm canh ở các vùng trọng điểm lúa và màu. Kết hợp thâm canh, xen canh gối vụ và mở rộng diện tích cả cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây làm thuốc, để vừa phát triển được nguồn lương thực, thực phẩm, vừa bảo đảm được nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Tiếp sau sản xuất là *huy động và phân phối*. Sản xuất là gốc của lưu thông, là tiền đề vật chất để tiến hành công tác huy động và phân phối lương thực. Ngược lại, nếu huy động và phân phối tốt sẽ có tác động tích cực thúc đẩy sản xuất. Nghị quyết số 25/NQ - TƯ của Bộ chính trị, các nghị quyết 09/CP, 134/CP của Hội đồng chính phủ về chính sách lương thực vừa ban hành đều nhằm mục đích khuyến khích nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của đất đai, sức lao động và những điều kiện sẵn có, ra sức thâm canh, xen canh gối vụ, khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích, làm ra nhiều lương thực; đồng thời thực hiện chế độ huy động và phân phối lương thực công bằng hợp lý, chế độ quản lý và sử dụng lương thực chặt chẽ và tiết kiệm.

Theo tinh thần chính sách mới, Nhà nước huy động trong thực dưới ba hình thức: *thu thuế, mua theo giá chi*

đạo thông qua hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân và mua theo giá thỏa thuận. Trong ba hình thức trên, hai hình thức đầu được định mức ổn định trên một đơn vị diện tích canh tác một năm và áp dụng cho 5 năm tiếp sau.

Thuế nông nghiệp là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi người nông dân ở trong hợp tác xã, cũng như ngoài hợp tác xã. Mọi nông dân có sử dụng ruộng đất đều có nghĩa vụ nộp thuế đúng như chính sách quy định. Người không hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế là vi phạm pháp luật. Ai không nộp thuế không có quyền sử dụng ruộng đất. Theo chính sách thuế, ai có nhiều ruộng đất, ruộng đất tốt, thu nhập cao đóng góp nhiều; ai có ít ruộng đất, ruộng xấu, thu nhập thấp đóng góp ít; ai không chịu khổ sản xuất, bỏ ruộng xấu, ruộng hoang vẫn phải đóng góp như những ruộng đất sản xuất và thu hoạch bình thường ở chung quanh.

Mua lương thực theo giá chỉ đạo theo hợp đồng hai chiều là một nội dung trong nghĩa vụ ổn định. Nhà nước bảo đảm cung cấp cho nông dân theo giá chỉ đạo một số vật tư nông nghiệp để sản xuất như sức kéo, phân bón, xăng dầu, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng, v.v. Nông dân có trách nhiệm bán lại cho Nhà nước một khối lượng lương thực đã xác định trong hợp đồng.

Chế độ hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước và nông dân đề cao nghĩa vụ của hai bên: một bên là nghĩa vụ của các cơ quan Nhà nước, tức là của các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan quản lý kinh tế, các tổ chức thu mua nông sản và cung cấp vật tư của Nhà nước ở tất cả các cấp, nhất là trên địa bàn huyện, đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống của nông dân; và bên khác là trách nhiệm của người nông dân và các đơn vị sản xuất nông nghiệp trong việc bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch

Nhà nước. Chế độ hợp đồng kinh tế này là một nội dung quan trọng của công tác quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, một hình thức thiết thực và cụ thể để thắt chặt mối quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước và giai cấp nông dân, một sự thể hiện sinh động đường lối liên minh công nông của Đảng.

Ở miền Nam, phần lớn nông dân còn sản xuất cá thể và lâu nay bà con nông dân quen « mua đứt bán đoạn », nhưng chế độ hợp đồng hai chiều đã được thực hiện tốt ở nhiều nơi không những đối với kinh tế tập thể mà cả kinh tế cá thể.

Ngoài hai hình thức huy động lương thực nói trên được ghi trong nghĩa vụ ổn định, Nhà nước còn áp dụng hình thức mua thỏa thuận. Nghị quyết 09 CP của Hội đồng chính phủ đã ghi rõ: « Sau khi làm xong nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, nông dân được tự do sử dụng và lưu thông số lương thực thừa còn lại ».

Trong khi nông nghiệp còn có bộ phận sản xuất cá thể và phân tán, thì việc lưu thông một số lương thực hàng hóa trên thị trường là một vấn đề khách quan. Hơn một năm nay, áp dụng hình thức mua thỏa thuận, Nhà nước đã huy động được một khối lượng lương thực khá lớn. Ở miền Bắc việc mua thỏa thuận có hạn chế, vì tuyệt đại bộ phận lương thực huy động nằm trong nghĩa vụ ổn định theo giá chỉ đạo. Nhưng ở miền Nam, nhất là đồng bằng sông Cửu-long, việc áp dụng hợp đồng hai chiều chưa phát triển, phần lớn số lương thực huy động được là mua thỏa thuận dưới các dạng mua bằng tiền mặt, trao đổi hiện vật hoặc mua cao bán cao.

Với chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực và các chính sách khác trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, công tác huy động lương thực đang có chuyển biến tốt. Để bảo đảm cho

Nhà nước nắm được phần lớn lương thực hàng hóa, tiến lên làm chủ thị trường và chủ động phân phối ngày càng tốt hơn cho các nhu cầu của chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần chú trọng mấy vấn đề sau đây:

— Tiếp tục hoàn thiện các chính sách để vừa khuyến khích sản xuất phát triển mạnh mẽ hơn, vừa động viên được nông dân hàng hái làm tròn nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

— Các ngành, các cấp, trước hết là cán bộ, đảng viên cần nhận thức rõ tính chất cấp bách của vấn đề lương thực hiện nay, thấu suốt chính sách khuyến khích sản xuất và chính sách lương thực của Đảng và Chính phủ, quyết tâm lãnh đạo và tổ chức quản chúng đầy mạnh sản xuất và thực hiện tốt chính sách lương thực. Trong thu mua lương thực, phải kết hợp chặt chẽ thu thuế, thu mua theo hợp đồng hai chiều và mua theo giá thỏa thuận để huy động tốt lương thực, đồ phiên hà cho nhân dân.

— Phát triển quỹ hàng hóa ngày càng phong phú để đưa vào trao đổi với nông dân trong công tác thu mua lương thực và nông sản. Cố gắng khai thác nguồn hàng của cả địa phương và trung ương, xây dựng quỹ hàng hóa ngày càng phong phú, vừa bảo đảm cho công tác thu mua thắng lợi, vừa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống của nông dân.

— Đối với miền Nam, sản xuất nông nghiệp phổ biến còn là cá thể, lương thực hàng hóa trên thị trường dồi dào. Đó là mảnh đất tốt để bọn gian thương đầu cơ, tích trữ, mua tranh với Nhà nước và gây rối ren trên thị trường. Vì vậy, muốn huy động lương thực được tốt, phải kiên quyết trừng trị bọn gian thương đầu cơ tích trữ, thực hiện quản lý thị trường lương thực tận gốc; đồng thời phải có nhiều hình thức, nhiều biện pháp thật linh hoạt, tạo điều

kiện cho nông dân bán lương thực, mua vật tư, hàng hóa và thu tiền một cách dễ dàng.

— Bên cạnh phần sản xuất lương thực trong khu vực tập thể và cá thể, chúng ta phải cố gắng phát triển ngày càng nhiều nông trường trồng cây lương thực để Nhà nước chủ động nắm được một số lương thực ngày càng lớn.

— Cuối cùng, muốn huy động lương thực được tốt, phải kết hợp chặt chẽ công tác huy động lương thực với đẩy mạnh sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và xây dựng cơ sở chính trị và tổ chức ở nông thôn. Sản xuất càng phát triển, lương thực trong xã hội càng dồi dào, việc cải tạo nông nghiệp phát triển tốt, lương thực hàng hóa trong nông thôn ngày càng nhiều; cơ sở chính trị và tổ chức trong nông thôn càng mạnh, các công tác tổ chức nghiệp vụ thu mua càng giỏi, thì kết quả huy động lương thực càng cao. Nhà nước nắm trong tay ngày càng nhiều lương thực để có thể đáp ứng đầy đủ và kịp thời những nhu cầu ngày càng tăng của đất nước.

Theo chính sách lương thực mới, phương hướng chung về phân phối lương thực là tiến tới xóa bỏ chế độ phân phối có tính chất bao cấp tràn lan đã kìm hãm sản xuất phát triển, thực hiện chế độ phân phối lương thực công bằng hợp lý, dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động. Từ nguyên tắc đó, chế độ phân phối lương thực gồm mấy nét chủ yếu sau đây:

Đối với những người trong khu vực không sản xuất lương thực, có thể chia thành ba nhóm chính:

— Nhóm thứ nhất gồm những người lao động trong khu vực Nhà nước (các lực lượng vũ trang, công nhân viên chức các cơ sở quốc doanh và công tư hợp doanh ...) và những người ăn theo, mà nguồn sống chính

dựa vào tiền lương, các khoản phụ cấp, học bổng... của Nhà nước và những người mà chế độ xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm phải ưu đãi, chăm sóc như thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng... và những người già cả, tật tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Những người thuộc nhóm này được hưởng chế độ cung cấp theo giá chỉ đạo, theo tiêu chuẩn định lượng đối với từng loại lao động và lứa tuổi.

— Nhóm thứ hai gồm những tập thể và cá nhân có hợp đồng kinh tế với Nhà nước một cách ổn định, thường xuyên được *cung cấp lương thực theo giá chỉ đạo dựa trên kết quả thực hiện các hợp đồng kinh tế*. Những người lao động (cá thể và tập thể) có hợp đồng làm gia công cho Nhà nước, hợp đồng giao nộp sản phẩm cho Nhà nước... như: nghề trồng cây công nghiệp, các nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, làm muối, khai thác nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, các nghề phục vụ cho Nhà nước như xây dựng, vận tải, làm đại lý thu mua, kinh tiêu, dịch vụ, v.v. thực hiện đầy đủ hợp đồng kinh tế với Nhà nước, được cung cấp lương thực theo giá chỉ đạo cho bản thân và người ăn theo, theo định mức cho từng nghề nghiệp. Nếu vì những lý do không chính đáng mà không hoàn thành hợp đồng, thì có thể bị trừ giảm một phần lương thực tương ứng với kết quả thực hiện hợp đồng, và nếu thực hiện vượt mức hợp đồng thì có thể được bán thưởng thêm.

Đối với những người có hợp đồng kinh tế nhưng không thường xuyên, không ổn định, thì tùy tình hình cụ thể mà giải quyết lương thực một cách hợp lý.

— Nhóm thứ ba gồm những người làm nghề tự do, những người chưa có hoặc không có quan hệ kinh tế trực tiếp với Nhà nước thông qua

các hợp đồng kinh tế; đối với những người này thì Nhà nước sẽ tùy theo khả năng của mình mà bán lương thực cho họ theo giá bảo đảm kinh doanh.

Trong khu vực sản xuất lương thực, cần thực hiện tốt chế độ phân phối lương thực trong hợp tác xã. Đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng hưởng chính sách ưu đãi khác, nếu thu nhập lương thực theo lao động quá thấp, hợp tác xã phải điều hòa thêm lương thực. Trường hợp lương thực của hợp tác xã không đủ, Nhà nước sẽ bán bù thêm. Những người làm các ngành nghề phụ của hợp tác xã làm gia công hay bán sản phẩm cho Nhà nước, cũng do hợp tác xã điều hòa lương thực. Phần này sẽ được tính vào số lương thực nghĩa vụ giao nộp của hợp tác xã. Nếu hợp tác xã không đủ lương thực để điều hòa, thì cần cử sản phẩm giao nộp, Nhà nước sẽ bán bổ sung thêm.

Ngoài ra, Nhà nước có chế độ cung cấp lương thực cho các vùng kinh tế mới, chế độ trợ cấp, tạm cấp cho những vùng bị thiên tai, dịch họa, những gia đình lao động nghèo, đời sống khó khăn, v.v.

Để bảo đảm huy động và phân phối lương thực được tốt, cần *quản lý thị trường lương thực*, ngăn chặn các hoạt động đầu cơ buôn bán lương thực trái phép và những hiện tượng tiêu cực khác trong phân phối lưu thông lương thực. Để ổn định thị trường lương thực, ngành lương thực phải vươn lên nắm chắc tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hóa, để phân phối có tổ chức và có kế hoạch cho các nhu cầu của xã hội (ngoài phần hợp tác xã và nông dân tự điều hòa, phân phối). Cần mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, thực hiện việc mua bán trực tiếp với nông dân, thực hiện tốt chế độ mua và bán theo hai giá, để Nhà nước ngày càng nắm thêm được nhiều

nguồn hàng, bảo đảm sự ổn định về phân phối lương thực cho những người được Nhà nước phân phối.

Trước mắt, cần quản lý tốt những hàng xáo và chủ máy xay được Nhà nước cho phép đăng ký sản xuất và kinh doanh, để những người này làm tốt việc lưu thông lương thực ở địa phương. Trong công tác quản lý thị trường, cần kết hợp chặt chẽ các biện

pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và tổ chức; phối hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành lương thực, thuế, công an, quân sự, quản lý kinh tế, quản lý hành chính, đồng thời dựa vào quần chúng ở cơ sở để phát hiện và trừng trị kịp thời những hiện tượng đầu cơ, tích trữ, buôn bán, vận chuyển lương thực trái phép và những hành vi ăn cắp lương thực của Nhà nước.

Đất nước xô viết với Đại hội XXVI...

(Tiếp theo trang 17)

động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Những đề nghị cụ thể nhằm xóa bỏ nguy cơ chiến tranh, củng cố hòa bình và an ninh quốc tế mà đồng chí L.I. Brê-giơ-nép nêu ra trong bản báo cáo tại Đại hội như: mở rộng những biện pháp tin cậy lẫn nhau về quân sự, kể cả ở Viễn Đông, bảo đảm an ninh ở vùng vịnh Péc-xiét, tiếp tục thương lượng với Mỹ về hạn chế vũ khí chiến lược, thành lập Ủy ban quốc tế về ngăn chặn tai họa hạt nhân... thể hiện rõ ý chí hòa bình của Liên-xô.

Trong toàn bộ hoạt động của mình, Liên-xô luôn luôn chú trọng củng cố và tăng cường cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, hết lòng hết sức ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của các dân tộc đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Liên-xô ngày nay là trụ cột vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới, chỗ dựa đáng tin cậy của các dân tộc.

Chính vì vậy mà mỗi thắng lợi của Liên-xô trên con đường xây dựng

chủ nghĩa cộng sản đều là niềm tự hào và hy vọng của các dân tộc yêu chuộng hòa bình và tự do trên trái đất. Đối với nhân dân Việt-nam ta, sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, đầy hiệu quả của Liên-xô là một nhân tố rất quan trọng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thay mặt Đảng và nhân dân ta, đồng chí Lê-Duẩn đã đọc diễn văn chào mừng Đại hội XXVI của những người cộng sản Liên-xô, bày tỏ lòng biết ơn đối với Đảng và nhân dân Liên-xô anh em, đồng thời nêu rõ: « Đi theo con đường của Lê-nin, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô là đường lối bất di bất dịch của Đảng và Nhà nước chúng tôi ».

Càng vui mừng trước những thành tựu của Liên-xô, càng tin tưởng vào những triển vọng tươi sáng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô do Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô mở ra, chúng ta càng ra sức vun trồng cho tình hữu nghị và quan hệ trong sáng giữa hai Đảng, nhân dân hai nước mãi mãi xanh tươi

Một số kinh nghiệm rút ra từ Xi nghiệp đánh cá Côn-đảo

ĐỖ CHỈNH



Xi nghiệp đánh cá Côn-đảo được thành lập từ năm 1976, với số vốn Nhà nước cấp ban đầu 280000 đồng. Xi nghiệp dùng số vốn này mua của tư nhân một số tàu thuyền, cộng với số tàu thuyền vắng

chủ Nhà nước giao cho xi nghiệp quản lý, cả thảy có 13 chiếc. Qua 4 năm tích lũy, đóng và mua thêm tàu thuyền mới, đến nay xi nghiệp đã có 41 chiếc với 9070 sức ngựa. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh qua các năm đều tăng:

	1976	1977	1978	1979
1 - Sản lượng cá (tấn)	667	2860	4395	7061
2 - Giá trị tài sản (1000đ)		1362	2687	7559
3 - Năng suất bình quân một công nhân đánh cá (tấn)	9	14	15	17,7
4 - Thu nhập bình quân một công nhân đánh cá (đồng/năm)		2094	2864	
5 - Lãi nộp Nhà nước (1000đ)		482	719	1643

Năm 1980 xi nghiệp đã khai thác được trên 13000 tấn cá.

Trong 4 năm qua xi nghiệp cá Côn-đảo đã liên tiếp hoàn thành kế hoạch Nhà nước và đầu năm 1980 xi nghiệp được tặng huy chương của Bác Tôn và huy chương Lao động hạng ba. Dưới đây là những kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, quản lý kinh doanh của Xi nghiệp đánh cá Côn-đảo.

Xác định cơ cấu nghề nghiệp thích hợp. Làm chủ tập thể trong việc đầu tư vốn.

Cơ cấu nghề nghiệp trước hết phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi ngư trường, bảo đảm khả năng đánh bắt với năng suất và sản lượng cao, tiết kiệm được chi phí. Căn cứ vào những tài liệu đã khảo sát và kinh

ngiệm vốn có của địa phương, xi nghiệp xác định cơ cấu nghề nghiệp là nghề lưới kéo và lưới rê.

Xác định cơ cấu nghề nghiệp thích hợp có ý nghĩa quyết định đối với sự lựa chọn phương tiện đánh bắt thích hợp, có hiệu quả. Trong các xi nghiệp đánh cá, tư liệu sản xuất chủ yếu là tàu, thuyền và các phương tiện trang bị trên tàu. Việc Xi nghiệp cá Côn-đảo sử dụng các tàu vỏ gỗ cỡ 45 - 60 và 80 sức ngựa với các phương tiện trang bị gọn nhẹ là nhân tố bảo đảm tăng năng suất và sản lượng cá hằng năm, bảo đảm đầu tư vốn đúng hướng và tiết kiệm. Số vốn ban đầu có hạn, cần đầu tư theo chiều sâu nhằm khai thác mọi khả năng sẵn có của xi nghiệp, đồng

thời tập trung vốn vào những khâu thiết yếu như: mua sắm phương tiện đánh bắt, sửa chữa tàu thuyền... đặc biệt là mua sắm phụ tùng thay thế.

Trong cơ cấu vốn đầu tư thì việc đầu tư cho đóng tàu mới chiếm tỷ lệ lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đồng vốn. Công nhân và thủy thủ đã nêu cao tinh thần làm chủ tập thể trong việc mua sắm và sử dụng tàu thuyền; thuyền trưởng, thợ máy và thủy thủ trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến vào việc thiết kế con tàu. Cách làm này mang lại ý nghĩa kinh tế rất lớn, nó chẳng những thu hút được kinh nghiệm và phát huy tính sáng tạo của quần chúng mà còn gắn người lao động với tư liệu sản xuất (vì chính họ sẽ là người sử dụng). Có sự tham gia của họ thì có thể nhanh chóng đưa con tàu vào hoạt động khi hạ thủy, và giảm bớt được những phi tổn không cần thiết, thật sự nâng cao hiệu quả đồng vốn.

Trong nghề cá, lâu nay vẫn có sự tách rời giữa người đóng tàu và người sử dụng tàu, do đó nhiều loại tàu đóng ra không phù hợp với điều kiện ngư trường, hiệu quả sử dụng thấp hoặc khó sử dụng vì yếu tố kỹ thuật. Thực tế trên đây chỉ rõ: sản xuất tư liệu sản xuất phải gắn với tiêu dùng tư liệu sản xuất cho sản xuất, người đóng tàu gắn với người sử dụng tàu mà cách tốt nhất là sự tham gia trực tiếp của những người sử dụng con tàu từ ngay từ khâu thiết kế.

Trong điều kiện máy móc, phụ tùng của Nhà nước cung cấp cho xí nghiệp con có hạn, nếu không dựa trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng công nhân, tìm tòi mua sắm, tận dụng các loại máy móc phụ tùng cũ, khai thác tài năng và vốn liếng của mỗi người, thì làm sao xí nghiệp có thể vươn lên. Nhiều sáng kiến đã được phát huy trong việc sửa chữa, cải tiến máy móc, trang bị tàu thuyền; khi xí nghiệp thiếu vốn, nhiều thủy thủ đã tự nguyện cho xí nghiệp

vay để mua sắm phụ tùng và nhiên liệu. Những gương lao động cần cù chăm lo tu sửa tàu thuyền, ngư cụ sau mỗi chuyến đi biển của thuyền trưởng, thợ máy và thủy thủ ở đây biểu hiện ý thức làm chủ tập thể của người cán bộ, công nhân, thủy thủ xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng việc phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động không phải là cái gì chung chung trừu tượng mà phải thể hiện bằng những việc làm cụ thể và thiết thực như tập thể cán bộ, công nhân Xí nghiệp cá Côn-dảo đã làm. Cho đến nay quỹ dự trữ phụ tùng thay thế của xí nghiệp đã có trên dưới 3 triệu đồng. Nhờ đó, đã giải quyết kịp thời những yêu cầu sửa chữa thường xuyên, rút ngắn thời gian tàu phải đậu bến chờ đợi, bảo đảm hoạt động liên tục và dài ngày trên biển. Giá trị tài sản cố định của xí nghiệp từ 280 000 đồng năm 1976 đã tăng lên trên 10 triệu đồng năm 1979; để sản xuất 1 tấn cá, xí nghiệp chỉ cần đầu tư 1000 đồng (trong khi đó ở các xí nghiệp quốc doanh khác phải đầu tư 6000 đồng).

Chọn cách làm có hiệu quả kinh tế cao, không bỏ vốn vào những công trình chưa cấp thiết, chưa sinh lời chính là yếu tố quyết định nâng cao hiệu quả đồng vốn.

Áp dụng cơ chế khoán tập thể và trả công theo lao động. Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa ba lợi ích.

Nói đến các quan hệ kinh tế bao giờ người ta cũng quan tâm trước hết đến vấn đề phân phối sản phẩm. Bởi lẽ bản thân vấn đề phân phối luôn luôn mang tính năng động. Xí nghiệp cá Côn-dảo đã từ những kinh nghiệm của từng con tàu qua từng giai đoạn hoạt động, từ cách khoán của các chủ thuyền trước kia, đúc rút kinh nghiệm, tìm ra một hình thức phân phối hợp lý, bảo đảm sự

kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích (Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động). Xi nghiệp đã thực hiện hạch toán đối với từng con tàu, khoán gọn từng chuyến biển, cụ thể là: lấy giá trị tổng sản lượng (tổng thu) của chuyến biển trừ đi chi phí vật chất (bao gồm khấu hao cơ bản, chi phí nhiên liệu, sửa chữa máy, ngư cụ và chi phí phân bổ khác...), phần còn lại đem chia đôi, một nửa nộp quỹ xi nghiệp, một nửa trả lương cho công nhân theo hệ số điểm: thuyền trưởng 20 điểm, thuyền phó 15 - 17 điểm, máy trưởng 12 - 14 điểm, thủy thủ 10 điểm.

Việc áp dụng cơ chế khoán tập thể ở Xi nghiệp cá Côn-đảo có thể có những điểm cần phải tính toán, cân nhắc và hoàn chỉnh thêm. Song, về cơ bản nó bảo đảm khuyến khích nhiệt tình lao động và tăng năng suất lao động. Ở bất cứ xã hội nào, việc trả công lao động bao giờ cũng có hai chức năng: bù đắp chi phí tái sản xuất sức lao động và khuyến khích tăng năng suất lao động. Trong quá trình lao động, người lao động phải hao phí sức lao động của mình để làm ra sản phẩm. Lao động nghề cá vất vả, căng thẳng, vì phải chống đỡ, vật lộn với sóng gió, do đó, chế độ trả công phải bảo đảm cho người lao động phục hồi được sức khỏe của chính họ, đồng thời bảo đảm vật phẩm tiêu dùng cần thiết cho gia đình họ. C. Mác đã chỉ rõ, nói tái sản xuất sức lao động không chỉ là tái sản xuất sức lao động của bản thân người lao động mà còn bảo đảm tái sản xuất sức lao động cho những người chuẩn bị thay thế anh ta. Ở Xi nghiệp cá Côn-đảo việc trả lương cho công nhân về cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí về sản phẩm cần thiết cho người lao động. Nhờ đó mà khả năng lao động của công nhân đã không bị suy giảm, người lao động chăm lo cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao

động; các chuyến đi biển đã từ 140 chuyến năm 1977 tăng lên 289 chuyến năm 1979; sản lượng cá từ 20,4 tấn/chuyến năm 1977 tăng lên 24,3 tấn/chuyến năm 1979; trên cơ sở đó, thuyền trưởng được hưởng lương từ 1000 đến 2000 đồng, thủy thủ từ 500 đến 1000 đồng/tháng.

Trong hoàn cảnh nền kinh tế của cả nước còn gặp nhiều khó khăn, nhu cầu của người lao động nói chung mới được đáp ứng ở mức thấp, thu nhập của cán bộ, công nhân, thủy thủ xi nghiệp cá Côn-đảo là tương đối cao. Tuy nhiên, không vì thế mà chúng ta hạn chế việc nâng cao thu nhập, bảo đảm nhu cầu tái sản xuất sức lao động ở những địa phương, xi nghiệp có khả năng làm được.

Nói đến sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích cũng chính là nói đến trình độ tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm. Vì, năng suất lao động tăng, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, giá thành hạ là cơ sở vật chất để thực hiện sự kết hợp giữa ba lợi ích. Trong khi bình quân một công nhân ở Xi nghiệp cá Côn-đảo đánh được 17,7 tấn cá/năm và hoạt động của xi nghiệp có lãi thì ở một số xi nghiệp quốc doanh khác (có điều kiện tương tự) một công nhân chỉ đánh được 5 - 10 tấn cá/năm và thường phải bù lỗ. Chính vì vậy, mà ở Xi nghiệp cá Côn-đảo ngoài sự bù đắp phân hao phí vật chất, phần còn lại trả lương cho công nhân chiếm 25%, phần tích lũy để mở rộng sản xuất chiếm 26 - 30%, phần Nhà nước thu lãi năm 1977 là 400.000 đồng, năm 1978 700.000 đồng và năm 1979 1,6 triệu đồng. Chỉ có trên cơ sở tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm thì lợi ích của người lao động mới được bảo đảm, phần tích lũy của xi nghiệp mới tăng lên và lãi của Nhà nước mỗi năm một nhiều. Đó là hiệu quả thiết thực của việc thực hiện cơ chế khoán tập thể ở Xi nghiệp cá Côn-đảo, đồng thời là cơ sở để giải

quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích, thực hiện quyền làm chủ của người lao động về mặt kinh tế.

Tổ chức và quản lý lao động theo một quy chế mới.

Thực chất của việc tổ chức và quản lý lao động là thiết lập mối quan hệ có mục đích, có ý thức giữa những người tham gia quá trình sản xuất, làm cho họ gắn bó với nhau, quan tâm và có trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng. Xi nghiệp cá Côn-đảo thực hiện việc tổ chức và quản lý lao động chủ yếu theo chức năng của mỗi con tàu, khi ra biển thì các tàu ghép lại với nhau thành từng tổ. Tùy theo cỡ tàu lớn, nhỏ mà bố trí số lượng lao động hợp lý. Sự phân công chuyên môn hóa lao động ở mỗi tàu dựa trên trình độ kỹ thuật và nghề nghiệp của từng người và nó chỉ thật sự phát huy tác dụng khi có sự hiệp tác chặt chẽ giữa những người lao động trong cùng một tàu và giữa các tàu khác nhau trong quá trình sản xuất.

Vấn đề tuyển chọn và cho thôi việc ở Xi nghiệp cá Côn-đảo xuất phát từ tính chất kinh tế - kỹ thuật, có nhiều điểm mới. Trước hết nó không phụ thuộc vào những quy chế hiện hành có những điểm không thích hợp nhưng chưa được sửa đổi: xi nghiệp mạnh đàn áp dụng một quy chế tuyển chọn mới, đó là: tập thể bao gồm thuyền trưởng và công nhân, thủy thủ trên tàu có quyền đề xuất việc tuyển chọn những thuyền trưởng, máy trưởng, thủy thủ... có trình độ chuyên môn giỏi, có đạo đức phẩm chất tốt đã được thử thách trong lao động sản xuất vào làm ở tàu mình, và cho thôi việc những người lười biếng, thoái hóa biến chất.

Việc làm trên đây của Xi nghiệp cá Côn-đảo có ý nghĩa kinh tế và chính trị và phù hợp với nguyên tắc quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Việc tuyển chọn, thu hút những công nhân

và thủy thủ có trình độ kỹ thuật, trình độ chuyên môn giỏi và thái độ những công nhân và thủy thủ lười biếng, thoái hóa biến chất (đã được giáo dục nhiều lần vẫn không sửa chữa), là vấn đề có tính quy luật đối với bất cứ xí nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển. Giữa tuyển chọn và thái độ hay cho thôi việc có mối quan hệ mật thiết với nhau. Mới nghe nói thái độ hay cho công nhân thôi việc thì ai cũng cảm thấy khó khăn. Song trong thực tế nếu tuyển chọn tốt thì việc thái độ lại rất ít xảy ra. Như vậy, muốn làm tốt việc tuyển chọn thuyền trưởng, thợ máy, thủy thủ của tàu nào thì phải do chính công nhân, thủy thủ tàu ấy đề xuất, tuyển chọn và giám đốc quyết định. Nếu như việc tuyển chọn được tập thể tiến hành thận trọng như vậy thì việc thái độ, cho thôi việc những công nhân, thủy thủ không đủ tư cách làm việc cũng được cân nhắc rất thận trọng. Nếu xử lý đúng sẽ kích thích mọi người chăm lo công việc tập thể, rèn luyện tay nghề, hăng hái phấn khởi sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập. Nếu ngược lại, thì sẽ gây tác dụng xấu.

Thực tế ở Xi nghiệp cá Côn-đảo cho thấy vấn đề thái độ những người không đủ khả năng làm việc là một vấn đề rất cần thiết trong công tác tổ chức và quản lý xí nghiệp. Giám đốc xí nghiệp cần được giao quyền quyết định cho thôi việc khi cần sau khi đã có ý kiến của tập thể cán bộ, công nhân.

Do làm tốt công tác tuyển chọn và cho thôi việc, đến nay Xi nghiệp cá Côn-đảo đã có được một đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng có năng lực, có đạo đức, thông hiểu sản xuất, với một đội ngũ công nhân, thủy thủ có trình độ nghề nghiệp, có phẩm chất tốt. Cán bộ, công nhân trên mỗi tàu thật sự là một ê kíp những người làm chủ tập thể. Nhờ có những ê kíp như thế, năng suất lao động cũng như

sản lượng cá mỗi năm một tăng. Những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất như tàu rẽ ngang, rẽ tắt bán cá, bán dẫu về cơ bản không còn nữa. Công nhân, thủy thủ làm việc với thái độ tự giác và tích cực, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm, bảo quản của công tốt.

Ngoài số công nhân, thủy thủ trực tiếp sản xuất, những người lao động gián tiếp hoặc lao động dịch vụ ở đây cũng được bảo đảm mức thu nhập thích đáng. Xi nghiệp xuất phát từ hình thức tổ chức theo trực tuyến và từ quan điểm lao động đúng đắn mà định chỉ tiêu tuyển chọn những người lao động gián tiếp. Trong một cơ quan, xi nghiệp, có loại việc cần một vài người làm, có khi vài ba việc chỉ cần một người làm. Cho nên phải căn cứ vào khối lượng công việc để tuyển chọn người làm một việc hoặc kiêm nhiệm nhiều việc. Và như vậy mới có thể tổ chức bộ máy gián tiếp gọn nhẹ, có hiệu lực và bảo đảm thu nhập cho mỗi người tương xứng với mức độ lao động và sự cống hiến của họ.

Việc tổ chức và quản lý lao động theo cơ chế mới ở Xi nghiệp cá Côn-dảo tuy mới ở bước đầu, song những kết quả đạt được gợi ra những vấn đề mới trong việc hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý và khắc phục những mặt không hợp lý của quy chế hiện hành nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.



Cái mới, cái hay mà Xi nghiệp cá Côn-dảo làm được, có cái nằm trong quy chế chung, có cái vượt ra ngoài quy chế chung của Nhà nước. Nội dung đây là những nhân tố hợp lý thúc đẩy sản xuất bung ra đúng hướng.

Bên cạnh đó, còn có những mặt thiếu sót.

Công tác kế hoạch hóa ở Xi nghiệp chưa đồng bộ, kế hoạch sản xuất

chưa gắn với kế hoạch tài chính và không cân đối các loại vật tư. Xi nghiệp tự cân đối lấy kế hoạch (chưa nằm trong cân đối chung của Nhà nước) do đó tính pháp lệnh của kế hoạch cũng bị hạn chế. Tình hình này đòi hỏi các cơ quan cấp trên phải giúp xi nghiệp lập kế hoạch, cân đối sản xuất về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi về vật tư, vốn cho xi nghiệp.

Chế độ kế toán tài vụ ở xi nghiệp còn những điểm chưa hợp lý cần được hoàn chỉnh, chẳng hạn như: cách tính toán còn đơn giản, chưa thật sự đi vào chế độ hạch toán kinh tế, chưa có định mức kinh tế, kỹ thuật...

Từ thực tế của Xi nghiệp đánh cá Côn-dảo, chúng tôi có mấy suy nghĩ. Để tạo điều kiện phát triển sản xuất, giám đốc xi nghiệp cần được rộng quyền chi tiêu tiền mặt, mua sắm nguyên liệu, vật liệu; các cơ quan có trách nhiệm cần có quy chế hợp lý trong việc đầu tư xây dựng cơ bản, giảm bớt các thủ tục phiền phức. Quý xi nghiệp phải được xây dựng trên cơ sở đã bù đắp hao phí vật chất, bù đắp hao phí sức lao động. Về khấu hao tài sản cố định, điều quan trọng là đánh giá đúng giá trị của các tài sản chủ yếu như tàu, thuyền, xác định thời gian sử dụng và phân bổ tỷ lệ khấu hao hằng năm; và điều quan trọng hơn nữa là sử dụng các tài sản đó một cách có hiệu quả (dùng hết công suất với năng suất, sản lượng cá thu được ngày càng cao). Hiện nay, xi nghiệp cá Côn-dảo tính tỷ lệ khấu hao 15% so với giá trị sản lượng chuyển biến, trong khi đó tỷ lệ khấu hao trong cơ cấu giá thành ở nhiều xi nghiệp lên tới 60 - 70%, cần xem xét làm thế nào cho hợp lý (chẳng hạn như tính toán thời gian sử dụng hợp lý, có căn cứ; hoặc trợ giá cho tư liệu sản xuất; hoặc áp dụng tín dụng dài hạn không thu lãi, v.v.).

(Xem tiếp trang 54)

Bình luận

MỘT TRANG SỬ VẼ VANG CỦA DÂN TỘC TA



ƯƠI thế kỷ (981 - 1981) đã trôi qua kể từ khi Lê-Hoàn đánh tan quân Tống xâm lược, bảo vệ vững chắc nước Đại-cô-việt của chúng ta. Khúc ca khải hoàn đó vẫn vang vọng suốt độ dài lịch sử, trên khắp đất nước ta, trong lòng mỗi người dân ta.

Nhà Tống, sau khi chinh phục nhiều nước chung quanh, trở thành một đế quốc phong kiến to lớn nhất châu Á lúc bấy giờ, đã kiêu căng đem quân xâm lược nước ta. Chúng mơ tưởng có thể chiếm nước ta « trong chớp nhoáng » như trở bàn tay, tiêu diệt ta như « bẻ cành khô cây mục ». Chúng đe dọa sẽ « làm cỏ » nước ta...

Nhưng quân và dân ta siết chặt hàng ngũ dưới cờ chỉ huy của Lê-Hoàn đã thực hiện ngay một cuộc tiến công chiến lược thần tốc, giáng cho địch những trận « sét đánh không kịp bịt tai » ngay trên lĩnh biên giới, ngay trên cửa sông tuyến đầu. Chỉ trong một tháng, tháng Ba năm Tân Tỵ (981), quân ta đã có ba trận thắng lớn, có ý nghĩa quyết định: đánh tan đạo quân thủy của Lưu-Trùng ở Bạch-dương, tiêu diệt đạo tiền quân chủ lực của Hầu-Nhân-Bảo ở Chi-lăng, đuổi đánh tiêu diệt quá nửa đạo quân của Trần-Khâm-Tộ ở Tây-kết. Xúc địch trôi đầy sông, chết đầy đồng.

Quân Tống xâm lược thua liểng xiểng! Vua Tống bị thua rất đau, phải xuống chiếu « bãi binh »; « sai sứ, quở

trách bọn Lưu-Trùng, Giả-Thực Vương-Soạn. Trùng ốm chết, Soạn bị giết ở Ung-châu, Tôn-Toán-Hung cũng bị giết bỏ chợ » (1).

Tại sao cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta năm 981 do Lê-Hoàn lãnh đạo lại thắng giòn giã, nhanh chóng như vậy? Câu trả lời chính xác xin dành cho Trần-Hưng-Đạo, nhà chiến lược quân sự thiên tài sống gần hơn với thời đại Lê-Hoàn:

« Thời Đinh Lê, dùng được người hiền lương, đặt phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mỗi một suy yếu, trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia, xây thành binh lỗ mà phá được quân Tống ».

Trần-Hưng-Đạo coi chiến tranh trước hết là cuộc độ sức giữa hai chế độ. Nhà Tống tuy to lớn, nhưng với những cuộc chiến tranh xâm lược liên miên và với việc thực hiện chính sách phản động không được lòng dân trong nước, đã bắt đầu lộ rõ những dấu hiệu suy yếu. Nước Đại-cô-việt tuy nhỏ, nhưng lại ở thế đang lên. Chế độ đang thịnh có thể thuận lợi đã thắng chế độ đang suy. Đó là nguyên nhân cơ bản đầu tiên đưa đến thắng lợi của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thời Tiền Lê. Suy đến ngày nay, điều đó giải thích tại sao ta thắng đế quốc Mỹ, tại sao nước Cộng hòa

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, Nhà Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, quyển I, tr. 168.

xã hội chủ nghĩa Việt-nam, mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn, vẫn đương đầu thắng lợi với bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh.

Nhìn vào việc vua Đinh bị ám hại, cũng như căn cứ vào một số khó khăn triều Đinh đang vấp phải, nhà Tống vội cho rằng "Au-nam nội loạn" tất lòng người phân ly, đó là lúc "trời làm mất". Nhưng chúng đã lầm. Khác với phương Bắc lấy chém giết « ăn thịt lẫn nhau » mà sống, đạo lý Việt-nam là cố kết với nhau để tồn tại. Trước quân Tống xâm lược, dân ta một lòng chống giặc. Lời tung hô « vạn tuế » của binh sĩ và quan, tướng triều đình trước việc tôn Lê-Hoàn lên làm vua chính là sự việc « dùng người hiền trong », là lời thề quyết chiến của toàn dân ta. Trần-Hưng-Dạo coi việc tôn Lê-Hoàn lên làm vua trước con nguy biến của đất nước là biểu hiện của ý chí thống nhất của toàn dân. Sự thống nhất ý chí của quân đội và nhân dân, của triều đình và trăm họ, « trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia » đã tạo nên sức mạnh to lớn áp đảo quân xâm lược. Trần-Hưng-Dạo coi sự đồng lòng của toàn dân là nhân tố cơ bản đưa đến thắng lợi phá tan giặc Tống. Chính nhân tố cơ bản đó đã đem lại chiến thắng của dân tộc ta trong chiến tranh giải phóng cũng như trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau này.

Trần-Hưng-Dạo còn nêu « xây thành binh lỗ, mà phá được quân Tống ». Ý nói rằng nhờ xây dựng đất nước,

xây dựng quốc phòng mà đề bẹp được bọn nghịch lỗ, bọn giặc ngạo xâm. Nước ta với khí thế mạnh mẽ của cả một dân tộc trời đất làm chủ đất nước, dưới thời nhà Đinh đã củng cố chế độ trung ương tập quyền với cả một kiến trúc thượng tầng vững mạnh, đã coi trọng việc phòng giữ đất nước, nhất là việc xây dựng một quân đội đủ sức bảo vệ đất nước. Quân đội của Nhà nước trung ương tập quyền là quân thập đạo được tăng cường và tổ chức thống nhất.

Quân địch đông gấp hai lần quân ta, nhưng chúng không mạnh. Quân ta ít nhưng tổ chức cao, tinh luyện, có tướng hiền tài mưu lược, lại có thể mạnh của chế độ đang hưng thịnh, của trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia, đã mạnh hơn địch, và trên thế mạnh đó thực hiện một cuộc tiến công chiến lược thần tốc đánh lại chiến lược « tốc quyết » của địch, đề bẹp nhanh chóng quân xâm lược từ trên đầu, trên tuyến đầu của đất nước.

Lịch sử có sang trang nhưng không đứt đoạn. Bài học nghìn năm mà Lê-Hoàn chủ trì thực hiện, mà Trần-Hưng-Dạo đã tổng kết, đã liên tiếp được con cháu sau này vận dụng, phát triển, nâng cao, làm nên Điện-biên-phủ lịch sử, thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại và đánh bại mọi mưu mô, thủ đoạn xâm lược nham hiểm của bọn bành trướng Bắc-kinh — kẻ thù mới nhưng cũng lại rất xưa của nhân dân Việt-nam ta.

LÊ-HOÀN PHÁ TỐNG

NHUẬN-VC

MÙA đông năm Kỷ Mão (979) Đinh-Tiền-Hoàng và con là Nam-Việt-Vương Đinh-Liên bị người hầu là Đỗ-Thích ám hại. Triều Đinh gặp nhiều khó khăn. Bên trong, những thế lực phong kiến thù địch tiến hành những âm mưu lật đổ. Bên ngoài, từ phía Nam, tên phản bội Ngô-Nhật-Khánh dẫn đường đưa hơn 1000 chiến thuyền Chăm-pa về định cướp phá kinh thành Hoa-lư. Gặp bão, đoàn chiến thuyền này bị đắm gần hết. Mối đe dọa từ phương Nam bị loại trừ.

Từ phương Bắc, sự suy yếu của triều Đinh đã không lọt qua mắt triều Tống vốn luôn luôn dòm ngó nước ta. Ngay mùa hè, tháng 6 năm Canh Thìn (980), Hầu-Nhân-Bảo, tướng Tống giữ Ung-châu (Quảng-tây) đã dâng thư lên vua Tống, viết: « An-nam quận vương và con là Liên đều bị giết, nước đã gần mất, có thể nhân lúc này đem quân đánh lấy được, nếu bỏ lúc này không mưu sự mất cơ hội » (1).

Không để lỡ cơ hội và thực hiện yếu tố bất ngờ, ngay tháng 7 năm đó, vua Tống không cần triệu Hầu-Nhân-Bảo về triều trình bày thêm, mà phong ngay cho tên này làm Giao-châu lục lộ thủy lộ chuyển vận sứ cùng bọn Tôn-Toàn-Hung, Khích-Thủ-Tuấn, Trần-Khâm-Tộ, Thôi-Lượng, Lưu-Trừng huy động binh mã, lương thảo, tập hợp lực lượng từ các lộ bình Ung-châu, Ninh-châu, Quảng-châu... tiến hành khẩn trương các bước chuẩn bị đem quân sang xâm lược nước ta.

Một tháng sau nữa, tháng 8 năm đó, vua Tống xuống chiếu ra quân, đồng thời sai sứ là Lư-Đa-Tồn đưa thư sang ta, trong đó có đoạn: «Thánh triều ta, lòng nhân trùm muôn nước, cơ nghiệp thái bình kẻ cũng đã thịnh, điển lễ phân phong đã sắp sửa làm, mong người đến châu cho mình ta được vui khỏe, đừng ngại khỏi cái tủi úp mặt vào góc nhà mà làm rầy cho ta, khiến ta phải dùng đến kẻ chặt xác, băm xương, làm cỏ nước người, lúc ấy hối sao kịp nữa... Có muốn ra khỏi rọ Di ngoài đảo mà xem nhà Minh-dương Bích-ung không? Có thích trái bỏ quần áo cỏ lá, mà mặc áo hoa còn thêu núi rồng không? Người có theo về không? Chớ rước lấy tội lỗi. Ta đương chinh bị xưng quân lính, sắp sửa các thứ chiến trống, nếu quy phục thì ta tha cho, nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự người nghĩ lấy » (2).

Vua Tống đã xuống chiếu ra quân; thư trên đây chẳng qua chỉ là thư dụ hàng đồng thời uy hiếp tinh thần triều Đinh trước khi quân Tống bước vào lãnh thổ nước ta. Nhà Tống tự xưng là «thánh triều», là «dại quốc», là văn minh, xem người là «kẻ hang động», là «man rợ», nhưng hành động và lời lẽ của chúng rập rúng

(1) Từ chú thích 1 đến chú thích 9 đều trích trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập I, từ tr. 160 đến tr. 167.

hành động, khẩu khí của kẻ «tiểu nhân». Lòng tham thì quá lớn, nhưng trí của «thiên triều» lại quá nhỏ. Ra oai đe dọa người, «thiên triều» chỉ bị người khinh.

Trước khi sứ Tống đến Hoa-lư, ngay từ tháng 7 năm Canh Thìn (980), được tin quân Tống sắp sang, Thái hậu Dương-Vân-Nga đã giao trách nhiệm cho Lê-Hoàn chuẩn bị đánh quân xâm lược. Phía ta đã dự đoán đúng âm mưu và hành động xâm lược của triều đình nhà Tống.

Vận mệnh của Tở quốc bị đe dọa. Thái hậu Dương-Vân-Nga sai lấy áo long còn mặc cho Lê-Hoàn, mời Lê-Hoàn lên ngôi Hoàng đế. Cử chỉ này của Dương-Vân-Nga biểu thị quyết tâm của cả nước đoàn kết chống giặc ngoại xâm. Việc Lê-Hoàn «xung đế» trước khi ra quân biểu thị ý chí độc lập của toàn dân tộc ta. Tiếng hô «vạn tuế» của quân sĩ hưởng ứng lời của tướng Phạm-Cự-Lang «tôn Thập đạo tướng quân làm Thiên tử, rồi sau sẽ đem quân đi đánh thì hơn» (3) đồng nghĩa với tiếng hô «quyết chiến».

Nhận được thư của vua Tống, vào tháng 10 năm Canh Thìn (980), Lê-Hoàn vừa chuẩn bị ra quân, vừa sai sứ là Giang-Cự-Vọng và Vương-Thiệu-Tộ mang thư sang triều Tống, giả là thư của Đinh-Toàn xin nối ngôi cha. Lời lẽ trong thư rất khiêm tốn, lễ độ, thậm chí nhún nhường. Đây là kẻ «muốn đề hoàn quân nhà Tống» (4) để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng. Mặt khác, nếu lên lòng mong mỏi duy trì mối quan hệ hòa bình giữa hai nước, phía ta càng làm nổi bật tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh giữ nước chống ngoại xâm mà ta phải tiến hành.

Nội dung bức thư của vua Tống gửi triều Đinh là một câu hỏi: chịu hàng để làm quận huyện của triều Tống hay là muốn cả nước sẽ bị làm cỏ? Nội dung thư của Lê-Hoàn mượn danh nghĩa Đinh-Toàn để không trả lời thẳng vào câu hỏi trên, nhưng

lại «cúi mong ban cho chân mệnh cho được dự hàng phiên bang» (5) tức là «cầu phong», trong khi đó Lê-Hoàn đã nghiêm nhiên lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu. Triều Tống lại phái sứ sang thăm dò và hạch sách lẫn nữa. Lần này, Lê-Hoàn thắng tay bác bỏ mọi yêu sách ngang ngược của triều Tống, và triều Tống cũng chỉ chờ dấu hiệu đó để tiến quân «thảo phạt».

Chiến tranh bùng nổ.

Mùa xuân năm 981, quân Tống theo hai đường thủy, bộ ở ạt tiến vào xâm lược nước ta. Cánh quân bộ do Hầu-Nhân-Bảo và Tôn-Toàn-Hung từ Ung-châu (Quảng-tây) theo đường Lạng-sơn tiến vào. Cánh quân thủy do Lưu-Trùng chỉ huy từ Quảng-châu (Quảng-dông) tiến sang.

Hai cánh quân thủy, bộ nói trên đã «hẹn ngày cùng xuất quân» (theo Tống sử) và đã dự định sẽ phối hợp với nhau tiến vào vây hãm kinh thành Hoa-lư. Tuy nhiên, ngay khi bắt đầu xâm phạm lãnh thổ nước ta, quân địch liền bị quân ta đánh trả quyết liệt. Các tướng chỉ huy hai cánh quân giặc đều lo lắng, nghe ngóng, chờ đợi tin tức của nhau, vì trong hành động phối hợp, thắng bại của cánh này có tác động quan trọng đến thắng bại của cánh kia. Khi cánh quân thủy nhà Tống do Lưu-Trùng chỉ huy đến sông Bạch-đăng, chúng đã thấy những hàng cọc đóng trên sông ngăn chặn những chiến thuyền của chúng. Những hàng cọc dày đặc đó không chỉ nhìn nhẹ cho giặc hiểu rằng phía ta đã phòng bị từ lâu mà đặc biệt là còn báo hiệu cho chúng biết lực lượng ta do chính Lê-Hoàn «tự làm tướng chống giặc» (6) đang chờ sẵn chúng gần đây. Những hàng cọc chắn ngang trên sông không phải là một bãi vật chướng ngại chỉ dùng để «cản», để làm chậm bước tiến của các chiến thuyền giặc, mà là phương tiện tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta từ trên sông và hai bờ sông áp

đến đánh quân giặc. Lưu-Trường không thể quên rằng hơn 40 năm về trước thủy quân Nam Hán đã bị Ngô-Quyền tiêu diệt trên những hàng cọc tương tự đóng trên sông Bạch-đăng này — Sau những trận chiến đấu quyết liệt trên sông và bị thiệt hại nặng, Lưu-Trường khiếp hãi đành bỏ dở kế hoạch tiến quân phối hợp với cánh quân bộ, ra lệnh cho các chiến thuyền Tống còn lại rút lui ra biển.

Sau khi đánh bại cánh quân thủy của Lưu-Trường, Lê-Hoàn dẫn đại quân tiến lên Lạng-son. Tại đây, bị lực lượng địa phương của ta chặn đánh liên tiếp từ đầu, cánh quân bộ nhà Tống do Hầu-Nhân-Bảo và Tôn-Toàn-Hưng chỉ huy vừa tiến chậm do bị thiệt hại vừa dờ la nghe ngóng tin tức về cánh quân thủy của Lưu-Trường. Lê-Hoàn cho một số binh sĩ ta giả hàng dụ Hầu-Nhân-Bảo dẫn tiền quân lọt vào khu vực Chi-lăng. Quân ta xông ra tiến công mãnh liệt, tiêu diệt quân Tống. Tướng Tống Hầu-Nhân-Bảo bị giết. Nhiều tướng Tống khác bị bắt. Số quân địch còn lại ở phía sau do Tôn-Toàn-Hưng chỉ huy hết hoảng rút chạy về nước.

Ngoài hai cánh quân thủy bộ nhà Tống trên đây, còn một cánh quân Tống nữa do Khâm-Tộ chỉ huy đã đến Tây-kết (ở khoảng huyện Khoái-châu, tỉnh Hải-hung, trên tả ngạn sông Hồng), có lẽ theo đường thủy qua cửa sông Thái-bình mà vào. Bọn Khâm-Tộ nghe tin thủy quân thua đem quân về. Vua (Lê-Hoàn) đem các tướng đuổi đánh, quân của Khâm-Tộ thua to, chết đến quá nửa, thấy chất đầy đồng, bắt được tướng là Quách-Quân-Biến. Triệu-Phụng-Huân đem về Hoa-lư (7).

Thắng lợi quân sự oanh liệt của ta buộc vua Tống phải ra lệnh bãi binh.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống, nổi bật lên trước hết ý chí và khả năng của dân tộc ta đánh bại mọi đội quân xâm lược dù chúng đông, mạnh đến đâu. Triệu-Khuông-

Dẫn (Tống-Thái-Tổ) lật đổ nhà Hậu Chu, lập nhà Tống vào năm 960, tiến hành « chinh đông, chinh tây, chinh bắc, chinh nam », « bình thập quốc », diệt Nam Đường, Ngô Việt, Nam Hán, Hậu Thục, Bắc Hán, thống nhất Trung-quốc. Cuối năm 976, Tống-Thái-Tổ chết; Tống-Thái-Tôn (Triệu-Khuông-Nghĩa) lên thay. Khi phát binh xâm lược nước ta, nhà Tống là một triều đại cường thịnh của một quốc gia phong kiến lớn nhất châu Á đương thời.

Nước ta lúc đó đang vấp phải những khó khăn chồng chất nhiều mặt. Thế nhưng quốc gia đã được thống nhất, thế nước đang mạnh, lực lượng quốc phòng được tăng cường. Triều Đình lại không hề mấy may lợi lòng việc theo dõi âm mưu nhà Tống đối với nước ta. Khi được tin giặc sắp sang xâm lược, tướng sĩ, triều thần trên dưới đều một lòng quyết chiến. Từ bỏ ngôi Thái hậu nhiếp chính, từ bỏ ngôi vua của con trai mình, khoác áo long cổn lên người Lê-Hoàn, Dương-Vân-Nga tiêu biểu cho khí phách quật cường của dân tộc Việt-nam. Đây là khí phách Việt-nam, nguồn gốc của sức mạnh Việt-nam.

Vừa đặt chân lên lãnh thổ Việt-nam, giặc Tống đã vấp phải ngay sức chống cự quyết liệt của quân và dân ta tại các địa phương miền núi và vùng biển, đã vấp phải sức mạnh của thế « nhân trận » đặt trên nền tảng khối đoàn kết dân tộc Việt-nam.

Cách đây đúng 1000 năm, quân xâm lược nước ngoài đã phải đương đầu không chỉ với các đạo quân chủ lực của ta mà cả với khối dân binh rất đông đảo, một thành phần quan trọng của lực lượng vũ trang quốc gia Việt-nam hình thành ngay từ thuở xa xưa đó.

Nói đến « Giao-châu », bọn giặc phong kiến phương Bắc xâm lược thường nhắc đến « thần núi », « thần

sông» thiêng liêng của đất nước này. Đây là địa hình hiểm trở của Việt-nam, một thành phần của thể trận giữ nước. Thế về người, thế về đất công với tài thao lược Việt-nam đã nhân sức mạnh giữ nước của dân tộc ta lên gấp bội. Chính vì thế, Hồ-Nhân-Bảo đã nộp mạng tại Chi-lăng. Lưu-Trung đã khiếp đảm tháo chạy tại cửa sông Bạch-dăng và trên những trang lịch sử Việt-nam về vang tên sông, tên núi như Bạch-dăng, Chi-lăng... quện chặt với tên của những anh hùng dân tộc. Sức mạnh giữ nước của ta là «sức mạnh cả nước».

Trong cuộc kháng chiến chống Tống này, nổi bật lên tài thao lược xuất sắc của Lê-Hoàn.

Ngô-Quyên là vị anh hùng dân tộc Việt-nam lần đầu tiên đánh bại quân phong kiến phương Bắc xâm lược ngay tại cửa ải trên mặt nước, tức sông Bạch-dăng.

Lê-Hoàn là vị anh hùng dân tộc Việt-nam đầu tiên đánh bại cả hai cánh quân thủy, bộ của quân Tống xâm lược tại hai khu vực địa đầu trên mặt đất và mặt nước của Tổ quốc. Từ Hoa-lư, Lê-Hoàn đưa đại quân đến sông Bạch-dăng, rồi nhanh chóng chuyển đến Chi-lăng, sau đó tiến xuống Tây-kết. Tháng 3 mùa Xuân năm Tân Tỵ (981), bằng một số trận đánh thần tốc, sấm sét, Lê-Hoàn đã quét sạch quân Tống xâm lược ra khỏi đất nước ta, giành thắng lợi hoàn toàn.

Đánh thắng quân xâm lược ngay trên khu vực địa đầu của Tổ quốc, trong một khoảng thời gian ngắn: đây là quyết định chiến lược đúng đắn, sáng suốt, táo bạo của Lê-Hoàn được đặt trên cơ sở nắm vững tình hình địch, ta.

Đạo quân viễn chinh Tống tuy đông đảo, nhưng lại rất hỗn tạp vì được tập hợp từ nhiều lộ binh khác nhau thuộc Ung-châu, Ninh-châu, Quảng-châu. Các tướng Tống

trong đạo quân viễn chinh có những tham vọng, quyền lợi cá nhân và địa phương khác nhau, thường ganh ghét, kèn cựa, đi đến chỗ không phục tùng nhau. Điều đó gây nhiều khó khăn cho chúng trong việc thực hiện kế hoạch hợp đồng không chỉ giữa hai cánh quân thủy, bộ mà cả giữa những bộ phận trong cánh quân bộ. Theo Tống sử «Hậu-Nhân-Bảo làm tiên quân đi trước, Toàn-Hung thì đứng quân ở Hoa-bộ 70 ngày để đợi Trưng. Nhân-Bảo giục mãi cũng không tiến» (*).

Nắm chắc tình hình nội bộ các tướng Tống và khả năng của dân binh ta dựa vào địa hình hiểm trở của vùng Lạng-son tác chiến ngăn chặn bước tiến của cánh quân bộ, Lê-Hoàn đã tự dẫn đại quân đánh bại cánh quân thủy nhà Tống trước, rồi sau đó mới chuyển sang tiến công tiên quân cánh quân bộ nhà Tống.

Cánh quân thủy của Lưu-Trung bị thua và phải tháo chạy, cánh quân bộ của Hậu-Nhân-Bảo và Toàn-Hung mất chỗ dựa, làm cho thế con chim đã gãy một cánh, với kế hoạch phối hợp hành động bị đảo lộn, làm sao chống đỡ nổi đòn tiến công sấm sét tiếp theo của đại quân ta.

Như vậy Lê-Hoàn đã sử dụng lực lượng tập trung của quân ta đánh đúng vào những chỗ yếu của quân giặc, lần lượt tiêu diệt từng bộ phận phân tán của đạo quân viễn chinh nhà Tống. Khéo lợi dụng địa hình tại Bạch-dăng và Chi-lăng, sử dụng cách đánh dụ địch lọt vào nơi mai phục, Lê-Hoàn đã thực hiện cách đánh độc đáo Việt-nam mà sau này Nguyễn-Trãi đúc kết trong câu: «Sức dùng một nửa, công được gấp đôi».

Hai cánh quân chính thủy bộ của quân Tống tại Chi-lăng và Bạch-dăng

(*) Tống sử q. 488, trích trong mục chú giải và khảo chứng trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập 1, tr 332.

bị đại bại, cánh quân thứ yếu của Khâm-Tộ tại Tây-kết nghe tin tất phải rút chạy. Tuy đã lên ngôi hoàng đế, nhưng Lê-Hoàn vẫn đích thân cầm quân đánh giặc không chỉ tại Bạch-đăng, Chi-lăng mà cả tại Tây-kết. Nhà viết sử Lê-Văn-Hưu đã có lời bàn «Lê-Dại-Hành... bắt Quân-Biến, Phụng-Huân (tên hai tướng Tống) để như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà đời bỏ yên tĩnh, cái công đánh lấy tuy nhà Hán nhà Đường cũng không hơn được» (8).

Về phía triều Tống, thất bại của đạo quân viễn chinh Tống đã phá vỡ kế hoạch «chinh nam» to lớn của vua Tống. Trong thư vua Tống gửi cho triều Đinh tháng 8 năm Canh Thân (980) có câu: «Nay chín châu bốn biển đã khỏe mạnh và yên ổn, duy còn Giao-châu của người, xa ở cuối trời, thực là ở ngoài năm cõi mà là chỗ thừa của bốn chân tay, ví như một ngón chân tay của thân thể người, tuy rằng một ngón bị đau, thân nhân lại không nghĩ đến hay sao? Vì thế cần mở lòng ngu tối của người để được thấm nhuần thanh giáo của ta, người có theo không?» (9).

Như vậy, vua Tống đã xem «Giao-châu» như một hòn đá còn lại duy nhất cản trở bánh xe chinh phục của nhà Tống nhằm thôn tính trước hết những nước láng giềng bị chúng xem là «man di». Chúng muốn biến những nước này thành quận huyện của Trung-quốc để từ đây bước xa hơn nữa trong tham vọng «bình thiên hạ».

Thế nhưng, cay đắng và mỉa mai cho «thiên triều», chính cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam lần thứ

nhất do (năm 981) đã đẩy nhà Tống vào con đường suy yếu.

Tham vọng «chinh nam» bị ngăn chặn, nhưng chưa bị dập tắt hẳn. Đến cuối năm 1076, quân Tống lại kéo sang xâm lược nước ta một lần nữa. Bị thất bại thảm hại trước phòng tuyến sông Như-nguyệt của ta, chúng đã buộc phải rút quân về nước. Từ đây, nhà Tống bị các nước Liêu, Hạ uy hiếp nặng nề, bị nước Kim xâm lấn và cuối cùng bị nhà Nguyên tiêu diệt. «Giao gió» tại Việt-nam, nhà Tống đã phải «gặt bão» trên đất Trung-quốc, tại ngay cung đình của chúng.



Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là một trang sử vẻ vang của dân tộc ta. Lê-Hoàn, anh hùng dân tộc Việt-nam, không chỉ là một nhà quân sự lỗi lạc mà còn là một nhà ngoại giao xuất sắc đã áp dụng một chính sách đối ngoại vừa kiên quyết vừa linh hoạt trong quan hệ bang giao với nhà Tống.

Sau chiến thắng, Lê-Hoàn đã tỏ ra quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng đất nước, nền kinh tế nước ta dưới triều Lê bắt đầu phát triển. Lê-Hoàn là người đầu tiên đã tổ chức lễ cày ruộng tịch điền để biểu thị sự quan tâm của nhà vua đối với nghề nông. Dưới triều tiên Lê, nhiều công trình đào kênh, vét sông đã được thực hiện.

Lê-Hoàn đã có những cống hiến lớn lao trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước của dân tộc ta.

Nghien cứu về truyền thống

TRUYỀN THỐNG VÀ KINH NGHIỆM CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA DÂN TỘC TA

NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH



Ất cả các triều đại phong kiến Trung-quốc từ Tần Hán trở đi đều tiến hành xâm lược Việt-nam, kế tiếp nhau thực hiện mưu đồ sáp nhập Việt-nam vào bản đồ Trung-quốc, lấy Việt-nam làm bàn đạp đánh chiếm các nước khác ở Đông Nam châu Á. Dân tộc ta qua các thời đại, từ Bà Trưng, Bà Triệu, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Quốc-Tuấn... đến Lê-Lợi, Quang-Trung, đã đánh giặc không ngừng, khi thì làm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, khi thì làm chiến tranh giải phóng dân tộc, đời nọ tiếp đời kia, chiến đấu không một phút, hy sinh xương máu vì lẽ sống còn của dân tộc, phá tan mọi mưu đồ của giặc phong kiến phương Bắc.

Qua bao đời làm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, dân tộc ta đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý báu, hình thành truyền thống kiên cường chống ngoại xâm, sáng tạo ra những « kế sách hay để giữ nước » (lời Trần-Quốc-Tuấn). Những « kế sách hay để giữ nước » đó chính là những nhân tố bảo đảm thắng lợi của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta trong lịch sử.

Kế sách thứ nhất là mở rộng sức dân (« khoan dân lực ») mà Trần-Quốc-Tuấn đã nhấn mạnh là kế sách « sâu gốc bền rễ » (1) « Mở rộng sức dân » là

tăng thêm sức mạnh của dân trên tất cả các mặt: kinh tế, quốc phòng, chính trị và văn hóa, làm cho dân hùng cường, đủ sức mạnh vật chất và tinh thần dựng nước và giữ nước. Dân tộc ta từ xa xưa đã biết kết hợp dựng nước với giữ nước: dựng nước để có sức mạnh giữ nước, phát triển kinh tế kết hợp với tăng cường quốc phòng để giữ nước thành công. Các thời Đinh, Lê, Lý, Trần có thể nước cường thịnh, đời sống nhân dân được nâng cao, nước giàu, quân mạnh, cho nên hai lần đánh Tống, ba lần đánh Nguyên đều toàn thắng. Đầu thế kỷ XV, trước mưu đồ xâm lược của nhà Minh, nhà Hồ tích cực chuẩn bị kháng chiến, củng cố quốc phòng, vũ khí nhiều, quân có lời trăm vạn, đông hơn cả quân giặc, vậy mà vẫn bị thất bại nhanh chóng bởi không biết « mở rộng sức dân », để dân khổ cực, lòng người ly tán.

Thực tiễn lịch sử nước ta chỉ rõ cần hết sức coi trọng kế sách « mở rộng sức dân », coi đó là kế sách hàng đầu, làm cho nước giàu, quân mạnh, bảo đảm dựng nước và giữ nước thành công. Nguyễn-Trãi, người anh hùng dân tộc vĩ đại ở thế kỷ XV từng nói:

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, Nhà Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập II, tr. 80.

*Quốc phủ bình cường chẳng có chước
Bằng lời nào thừa ịch chung dân*

Nghĩa là, không có mưu chước kế hoạch làm cho nước giàu quân mạnh thì lời nào có ích gì cho dân. Tấm lòng của Nguyễn-Trãi đối với nước chính là tấm lòng của dân tộc ta ở tất cả các thời đại. Cho nên, mở rộng sức dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân là một nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng là nhân tố bảo đảm sự trường tồn và phát triển của dân tộc.

Kế sách thứ hai là cả nước chung sức. Anh hùng Trần-Quốc-Tuấn gọi đó là "quốc gia tịnh lực" (2). "Cả nước chung sức" là cả nước đoàn kết thành một khối, cùng chung sức dựng nước và giữ nước. Từ xa xưa, người Việt-nam đã sớm có tinh thần đoàn kết thống nhất, và qua các thời đại, tinh thần đó đã trở thành một truyền thống rất tốt đẹp: đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc trong nước, đoàn kết quân dân, đoàn kết tướng sĩ và đoàn kết giữa những người lãnh đạo với nhau. Sự đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ như vậy đã tạo cho dân tộc ta một sức mạnh to lớn mà kẻ thù xâm lược dù hung hăng cường chiến đến đâu cũng không khuất phục nổi.

"Cả nước chung sức" cũng là cả nước cùng lòng. Có cùng lòng mới chung sức, có đồng tâm mới hiệp lực. Cùng lòng, chung sức gắn bó với nhau làm một. Trên cơ sở đó, tổ tiên ta đã thực hiện tốt chế độ "toàn dân làm lính". Với sức mạnh cả nước chung sức, cả nước cùng lòng, toàn dân vũ trang thì giặc nào cũng bị đánh bại. Khi nói đến những chiến thắng chống quân Tống, quân Nguyên trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc các thời Lê, Lý, Trần, Trần-Quốc-Tuấn nhân mạnh: "Thời Đinh Lê, dùng được người hiền lương, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì met mối suy yếu, trên dưới cùng

lòng, lòng dân không chia, xây thành Bình-lỗ mà phá được quân Tống... Nhà Lý mở nền, nhà Tống xâm chiếm địa giới, dùng Lý-Thường-Kiệt để đánh Khâm-châu, Liêm-châu, mấy lần đến tận Mai-linh, là vì có thể đánh được. Mới rồi Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi bốn mặt bao vây, vì vua tôi cùng lòng, anh em hòa mục, nước nhà góp sức, giặc tự bị bắt, đó là trời xui nên vậy" (3).

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống quân Minh xâm lược đầu thế kỷ XV, nhà Hồ chỉ chăm lo tuyển quân đông mà không động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, cho nên trong chiến tranh chỉ có quân, không có dân, "trăm vạn quân" lại "trăm vạn lòng", như Nguyễn-Trãi nhận định, thì nhà Hồ thua trận là tất nhiên.

Kinh nghiệm thành bại của các thời trước chứng minh rằng: thời nào coi nhẹ kế sách "cả nước chung sức", chỉ lo tăng số quân và vũ khí không thôi thì thời đó không đủ sức đánh giặc xâm lược. Chiến tranh giải phóng dân tộc tuy chưa có điều kiện thực hiện kế sách "cả nước chung sức" ngay từ đầu như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhưng với đã phát triển và phạm vi hoạt động ngày càng mở rộng của nó, chiến tranh giải phóng ngày càng mang nhiều tính chất của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, và khi đó, chiến tranh giải phóng dân tộc phải thực hiện được các kế sách "mở rộng sức dân", "cả nước chung sức" thì mới nhanh chóng kết thúc thắng lợi chiến tranh.

Kế sách thứ ba là động viên tinh thần toàn dân xả thân vì nước. Khi phách anh hùng của một dân tộc thể hiện ở tinh thần xả thân vì nước của mọi người dân khi đất nước lâm nguy. Không có khí phách anh hùng, không dám đánh giặc, khiếp sợ giặc, vừa

(2), (3) Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập II tr. 80.

đánh vừa run, thì quân Đông hàng trăm vạn cũng thành vô ích. Dân tộc Việt-nam, từ rất sớm, đã ý thức sâu sắc về nền độc lập của dân tộc mình, gắn bó với đồng bào, đồng tộc, với quê hương, đất nước, chan chứa yêu thương nhau với tấm lòng "nhiều điều phù lấy giá gương"... Tất cả những ý thức sâu sắc và tình cảm mãnh liệt đó đã thúc đẩy dân tộc ta kiên quyết chiến đấu, dũng cảm hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, vì sự sống còn của dân tộc. Cho nên, từ khi có cuộc xâm lược đầu tiên của giặc vào đất nước ta, dân tộc ta đã kiên cường chống giặc, quyết đánh, quyết thắng, giặc xâm lược dù đông, mạnh, hung hãn, tàn bạo như thế nào, dân tộc ta cũng đánh. Già, trai, già, trẻ đều đứng bên nhau đánh giặc, ai cũng một lòng xả thân vì nước, quyết đánh tới khi không còn bóng giặc trên đất nước ta.

Tinh thần xả thân vì nước là một nhân tố quyết định thắng lợi của mọi cuộc chiến tranh chống xâm lược. Những lời thề cứu nước của Bà Trưng, Bà Triệu; lời thề không đội trời chung với kẻ "thế thù" của Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi; những lời khấn thiết của lão tướng Lý-Thường-Kiệt, khi đã 85 tuổi, còn đòi đi đánh giặc; những chữ "Sát Thát" mà nhân dân thời Trần tự thích vào người, v.v. là những biểu hiện rạch ròi của tinh thần xả thân vì nước của ông cha ta. Tinh thần đó luôn luôn được động viên bằng nhiều hình thức. Bài thơ *Nam quốc sơn hà* của Lý-Thường-Kiệt đọc giữa trận tiền, bài *Hịch tướng sĩ* của Trần-Quốc-Tuấn đọc trước ba quân, những hội nghị Bình-than, Diên-hồng của các vua Trần, v.v. đều có sức động viên mạnh mẽ tinh thần xả thân vì nước của quần dân đương thời.

Kế sách thứ tư là biết người, biết mình, đề cao cảnh giác. Mặc dù điều kiện, phương tiện thông tin liên lạc hạn chế, công tác tình báo, trinh sát gặp nhiều khó khăn, người xưa vẫn

nắm vững tình hình địch từ trước khi chiến tranh diễn ra. Không những biết rõ lực lượng, trình độ, khả năng, sở trường, sở đoản của địch, mà địch chuẩn bị chiến tranh như thế nào, địch sẽ tiến công ra sao, tướng địch là kẻ như thế nào, những mặt yếu kém của từng tên tướng địch là gì, tổ tiên ta đều nắm được cả. Khi Nam Hán mưu đồ xâm lược nước ta, giặc chưa tới nơi, Ngô-Quyên đã biết là giặc chỉ đi đường hiền dễ vào sông Bạch-dăng và lương giặc "Hoàng-Thao là một đứa trẻ dại" (1). Từ những sự hiểu biết về giặc như thế, Ngô-Quyên dựa vào những đặc điểm của sông nước Bạch-dăng bố trí trận địa đánh giặc, và chỉ với trận Bạch-dăng, Ngô-quyên đã đánh tan quân giặc, kết thúc chiến tranh rất nhanh. Có biết người, biết mình, biết địch, biết ta mới có phương hướng hành động đúng, mới xác định được phương châm chiến lược, chiến thuật thích đáng để đánh thắng địch.

Giữ kín mình, bảo mật phòng gian, đề cao cảnh giác là điều rất quan trọng. Vì có kẻ thù to lớn ở sát nách mình luôn luôn dòm ngó, lăm le xâm lược và thôn tính, dân tộc ta càng có ý thức sâu sắc về điều này, cho nên giặc ngoài ít khi biết chính xác về ta. Giặc xâm lược ở đâu và thời nào cũng đều nhầm hiểm, gian狡, xảo quyệt. Chúng thường dùng nhiều mưu ma chước quỷ để lừa gạt và chính trị, đối trá về ngoại giao, hòng đánh cướp nước ta nhanh chóng, dễ dàng. Nếu không cảnh giác thì rất dễ mất nước với chúng. Trường hợp Thục An-Dương-Vương ở thế kỷ III trước Công nguyên dễ mất nước là một bài học xương máu. Từ vụ An-Dương-Vương, tổ tiên ta ở các đời sau đều rất cảnh giác, không một lần nào giặc ngoài có thể dùng mưu mô lừa gạt được. Tổ tiên ta không chỉ cảnh

(4) Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập I, tr. 146.

giác trước khi có chiến tranh, trong chiến tranh mà cả khi chiến tranh đã kết thúc thắng lợi. Nửa thế kỷ sau khi Lý-Thường-Kiệt đánh thắng giặc Tống, vua Lý-Nhân-Tôn trước khi chết vẫn dặn, lại rằng: «nên sửa sang giáo mác, đề phòng việc không ngờ, chớ làm sai mệnh ta» (5). Với tinh thần cảnh giác như vậy, trong hơn một nghìn năm qua, dân tộc ta đã đánh tan mọi mưu mô xảo quyệt của giặc xâm lược.

Kế sách thứ năm là đánh giặc bằng quân sự kết hợp với đánh giặc bằng chính trị và ngoại giao. Đây là một yêu cầu khách quan của chiến tranh chống xâm lược, nhất là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta. Trong tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tổ tiên ta đều làm tốt sự kết hợp này: vừa đánh giặc bằng quân sự, vừa đánh giặc bằng ngoại giao và chính trị. Nhiều khi ta phải đánh giặc bằng ngoại giao từ trước khi có tiến công quân sự.

Về mặt quân sự, vị trí láng giềng và đường biên giới chung khá dài của hai nước Việt-nam và Trung-quốc tạo thuận lợi cho bên tiến công và gây khó khăn lúc đầu cho bên phòng ngự. Bên tiến công có thể vượt biên giới dễ dàng và tiến sâu được vào nội địa đối phương. Bên phòng ngự, trong điều kiện chiến đấu của thời xưa, rất ít khả năng chặn đánh và phá tan được cuộc tiến công của đối phương ngay tại biên giới. Đó là vì thời bấy giờ không thể có hàng chục vạn quân chủ lực rải suốt biên giới, quân địa phương ít không đủ sức chống lại các mũi tiến công từ bên ngoài, quân triều đình không có điều kiện cơ động nhanh chóng để ứng cứu. Nhưng ta vẫn có những phương lược mưu nhiệm đề đánh thắng giặc. Lúc đầu chiến tranh, ta thường vận dụng phương lược «lấy ít đánh nhiều», «lấy yếu đánh mạnh», «lấy đoàn binh thắng trường trận», đưa giặc xuống đồng bằng để tiêu diệt. Nhưng du

đánh giặc bằng cách này hay cách khác, điều cơ bản là phải giữ được thế chủ động tiến công, đánh giặc trên thế mạnh và nhất thiết phải tiến tới tập trung binh lực, lấy mạnh đánh yếu mới giành được toàn thắng để kết thúc chiến tranh. Không tiến công, chỉ phòng ngự đơn thuần và cố thủ trong các thành trì để chống giặc, thì nhất định thất bại, không giữ được nước. Đó là trường hợp kháng chiến của nhà Hồ.

Ngoài những kế sách cơ bản trên, có một điều rất quan trọng, bao trùm lên mọi kế sách là vai trò chỉ đạo chiến tranh. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, không phải là một vài lãnh tụ mà là Nhà nước chỉ đạo chiến tranh. Nhà nước là một tập thể lãnh đạo, đứng đầu là vua chúa, các đại thần, đại tướng, vừa chỉ đạo Nhà nước vừa chỉ đạo chiến tranh. Trong lịch sử nước ta, khi lực lượng lãnh đạo đoàn kết nhất trí, một lòng, một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, có khi phách anh hùng, có quyết tâm chống giặc, biết thực hiện những kế sách giữ nước, biết xây dựng một đội ngũ tướng lĩnh tài giỏi, văn võ kiêm toàn, mưu trí, dũng lược, thì nhất định chỉ đạo chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thành công. Trái lại, khi có giặc xâm lược mà những người lãnh đạo Nhà nước khiếp sợ, không đồng lòng, nhất trí, không dám đánh giặc, có tư tưởng đầu hàng giặc, thì dù quân đông, tướng mạnh cũng vô ích, nước sẽ mất vào tay giặc. Cho nên vai trò Nhà nước chỉ đạo chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là cực kỳ quan trọng. Vai trò đó mà yếu kém, sai lầm thì sẽ làm hỏng hết sự nghiệp giữ nước và dựng nước của dân tộc.

Vận dụng những «kế sách hay giữ nước» trong truyền thống chống xâm lược của dân tộc ta vào thời đại ngày nay, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo

(5) Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967, tập 1, tr. 257.

của Đảng đã đánh thắng nhiều kẻ thù xâm lược to lớn kẻ cả quân hành trưởng bá quyền Trung-quốc, và sẽ

còn đánh thắng bất cứ kẻ xâm lược nào dám đụng đến Tổ quốc Việt-nam thân yêu.

BIỆN CHỨNG CỦA TRUYỀN THỐNG

Giáo sư HÀ-VĂN-TẤN

TRUYỀN thống là một từ có nghĩa rất rộng. Nhưng thế nào là truyền thống dân tộc? Nội dung, kết cấu và tham số của nó ra sao? Đây cũng là những vấn đề rất lớn. Một quan niệm phổ biến, người ta thường giới hạn truyền thống dân tộc vào những mặt như tính cách, phẩm chất, tâm lý, khả năng và phong cách hoạt động của cộng đồng dân tộc, hay đúng hơn, của số đông thành viên của cộng đồng dân tộc, đã hình thành trong lịch sử.

Có thể kể thêm vào truyền thống cái mà hiện nay người ta thường gọi không đạt lắm là *ứng xử* (1), *ứng xử xã hội* hay *ứng xử văn hóa*. Các học giả tư sản như Men-vin Hec-sơ-vít (Melville Herskovits) (2), Rơn-phơ Lin-ton (Ralph Linton) (3), cho văn hóa là toàn bộ *ứng xử* hay chỉ gồm có *ứng xử*. Một số học giả khác như Rát-cơ-líp-phơ Bơ-râu (Radcliffe Brown) (4), Lô-uy (Lowie) (5) đồng nhất văn hóa với truyền thống. Tôi không đồng ý với những quan điểm trên đây, nhưng có thể coi *ứng xử* là một bộ phận quan trọng của truyền thống. Trên thực tế, *ứng xử xã hội* chỉ

có thể hình thành trong môi trường, hoàn cảnh và thời gian, nghĩa là trong lịch sử. Có người đã dùng từ *ứng xử truyền thống* (traditional behavior) nhưng nếu ứng xử được xét là tập thể và quy phạm, nghĩa là thuộc về cộng đồng, thì từ trên là trùng lặp.

Chỉ với một số khía cạnh như vậy, chúng ta cũng có thể thấy rằng truyền thống dân tộc đã được hình thành trong những điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử nhất định, được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Truyền thống dân tộc là truyền thống của cộng đồng dân tộc. Truyền thống dân tộc vừa có tính cộng đồng, vừa mang dấu ấn giai cấp. Khi nghiên cứu truyền thống dân tộc, không thể

(1) Tiếng Pháp là *Comportement*, tiếng Anh là *behavior* — (u) r, tiếng Nga là *поведение*.

(2) M. J. Herskovits: *Con người và công việc của nó*, Niu Ốc, 1948, tr. 154.

(3) R. Linton: *Nghiên cứu con người*, Niu Ốc, 1936, tr. 288.

(4) A. R. Radcliffe-Brown: *Quan điểm của White về một khoa học văn hóa*, Tạp chí Nhà nhân học Mỹ, 1949, tập 51, tr. 510.

(5) R. H. Lowie: *Nhập môn nhân học xã hội*, Niu Ốc, 1937, tr. 17.

không chú ý đến mối quan hệ giữa hai tính chất này. Những phẩm chất ưu tú, được coi là tinh hoa của dân tộc, thường có nguồn gốc gắn liền với quần chúng lao động, với giai cấp bị áp bức. Nhưng theo quan điểm lịch sử, chúng ta biết rằng, các giai cấp thống trị trong thời kỳ đi lên của chúng, khi mà lợi ích của chúng còn phù hợp với lợi ích của cộng đồng dân tộc, thì các giai cấp này vẫn tham gia vào việc tạo nên những truyền thống ưu tú của dân tộc, bên cạnh nhân dân lao động. Chẳng hạn, tinh thần yêu nước của các quý tộc thời Lý, Trần trong những cuộc chiến tranh giữ nước thế kỷ XI, XIII. Ngược lại, những tập nhiễm xấu, thường được coi là của giai cấp thống trị, trong các thời kỳ khác nhau, đã ảnh hưởng đến nhân dân lao động, với các chứng mực khác nhau.

Ngay trong tầng lớp bị áp bức, không phải chỉ kết tinh các phẩm chất tốt đẹp, mà do những giới hạn của lịch sử, của thời đại, cũng hình thành những tập tính, những ứng xử, những tâm lý tiêu cực. Những đặc điểm đó, trong nhiều trường hợp, cũng được "trao" qua nhiều thế hệ, trở thành truyền thống.

Do đó, khi nói đến truyền thống, cần chú ý rằng có truyền thống tốt và truyền thống xấu.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã viết rất rõ về điểm này: «Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to, nó ngăn ngấm ngấm trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài» (6).

Truyền thống lạc hậu là truyền thống xấu. Nó «là kẻ địch to», nhưng khi người mang nó lại không phải là địch, mà là nhân dân lao động, thì không thể trấn áp mà phải cải tạo cẩn thận và lâu dài.

Truyền thống xấu và truyền thống tốt là hai mặt đối lập trong truyền thống dân tộc, cũng hình thành trong lịch sử cộng đồng dân tộc, từ những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định, chịu tác động của tính cộng đồng và tính giai cấp của dân tộc.

Dân tộc Việt-nam, qua quá trình đấu tranh tự nhiên và đấu tranh xã hội đã tạo nên cho mình những truyền thống quý báu. Trước hết đó là lòng yêu nước nồng nàn. «Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước» (7). Đó là truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, «nhiều điều phải lấy giá gương». Đó là tinh thần lao động cần cù, bền bỉ «một nắng hai sương»; «đổi bát mồ hôi lấy bát cơm». Đó là tâm lý yêu chuộng hòa bình, coi trọng đạo đức, «lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo». Những tri thức của tổ tiên ta về chiến tranh giữ nước, về lao động sản xuất, về đạo lý làm người, về thiên nhiên Việt-nam, về y học, địa lý, v.v. lưu truyền và phát triển từ đời này qua đời khác. Lịch sử đã để lại cho chúng ta cả một kho truyền thống tốt đẹp, phong phú về nhiều mặt, rất đáng tự hào mà chúng ta phải biết kế thừa và phát triển trong những điều kiện mới. Song, lịch sử cũng để lại cho chúng ta những di hại nặng nề.

Nền kinh tế của dân tộc ta bao đời nay là nền kinh tế trên cơ sở nông nghiệp. Quần chúng của dân tộc (theo từ của Mác: die Masse der Nation) chủ yếu là nông dân. Sức sản xuất nông nghiệp thấp, hình thức sản xuất phân tán. Lợi sản xuất tiểu nông bao

(6) Hồ-Chí-Minh: *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 14.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập I, tr. 484 — 485.

trên lên tất cả. Kinh tế hàng hóa kèm phát triển. Tình trạng đó không thể không ảnh hưởng đến cách nhìn trời, nhìn đời, cách đối xử với người của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, hay chính của xã hội, của dân tộc.

Xin nêu vài ví dụ:

Nền văn hóa xóm làng Việt-nam trong lịch sử đã chứa đựng những gì là mầm mống cho dân tộc và văn hóa dân tộc. Nhưng sau lũy tre làng cũng chứa đựng những yếu tố tiêu cực, cản trở bước tiến của xã hội. Dân chủ nông thôn Việt-nam thời phong kiến là một giá trị, so với nhiều nước khác ở phương Đông, nó có nhiều yếu tố tích cực, nhưng nó còn là thứ « dân chủ đình trung », bị chi phối bởi một trật tự đẳng cấp ngôi thứ nghiêm ngặt. Có ý kiến cho rằng ở Việt-nam, làng gắn liền với nước, không phải là những « bầu trời riêng » như các cộng xã Ấn-độ mà Mác đã miên tả. Nhưng lại có câu « phép vua thua lệ làng ». Công thức « phép vua thua lệ làng » có mặt tích cực của nó trong lịch sử. Tích cực ở chỗ nó bảo tồn yếu tố cộng đồng cộng xã, làm cho làng là hạt nhân của sức mạnh chống lại Nhà nước của giai cấp phong kiến, làng là thành trì chống ngoại xâm từ phương Bắc xuống, củng cố sự đồng hóa của Trung-quốc, cổ thủ tinh thần dân tộc: cùng với đạo lý « con hơn cha là nhà có phúc », « thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn », nó biểu hiện sự phản ứng của nhân dân lao động đối với « tam cương » của Nho giáo phong kiến Trung-quốc. Nhưng nó cũng có mặt tiêu cực là làm cho từng làng xã trở thành khép kín, cách biệt, có những « lệ làng » trở thành cái ách buộc thêm vào cổ người nông dân, ngoài « phép vua ».

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tâm lý cộng đồng nhỏ « phép vua thua lệ làng », bắt nguồn từ cái làng nhỏ bé mà tâm nhìn đã bị giới hạn bởi lũy tre, càng

tỏ ra tiêu cực. Cái tâm lý « tiểu nông » chật hẹp, hình thành từ sự sở hữu — hay chiếm hữu — ruộng đất nhỏ, sự sản xuất nhỏ, phân tán trong lịch sử liên cũng đang cần trở bước đi lên của chúng ta. Một trong những nguồn gốc của nó là sở hữu tư nhân về ruộng đất đã mất, nhưng các hình thức sản xuất nhỏ vẫn còn, nó vẫn còn chỗ dựa để phát triển.

Có người coi văn hóa truyền thống Việt-nam là có *tinh cốt mở*. Thật ra, không một nền văn hóa của dân tộc nào mà trong trường kỳ lịch sử lại không tiếp thu một số ảnh hưởng của bên ngoài. Đó cũng là một nhu cầu tồn tại. Nhưng coi cốt mở hay khai phóng là một đặc điểm của văn hóa Việt-nam, để rồi đối sánh với các văn hóa khác, là một nhận xét không khách quan. Đối với dân tộc Việt-nam, yêu cầu chống ngoại xâm trong suốt lịch sử tồn tại của mình, đã xóa bỏ phần nào sự đóng kín giữa các cộng đồng nhỏ bên trong, nhưng lại có phần làm tăng cường sự khép kín mở với bên ngoài. Coi lại đề tự vệ, trong quá khứ, đó là một phản ứng tự nhiên. Khách quan mà nói, phản ứng đó cũng có những mặt tích cực và tiêu cực của nó. Nhưng ngày nay, trong thời đại mới, chúng ta đều thấy rằng một ứng xử khép kín là không còn hợp lý nữa. Chính đề bảo vệ nền độc lập dân tộc cũng như đề phát triển văn hóa dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội mà các quan hệ mở rộng trong cộng đồng quốc tế, đặc biệt là trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, cần được tăng cường. Như vậy, cũng cần khắc phục cái ứng xử « có mình » đã hình thành trong lịch sử, mà suy cho cùng, cũng lại là sự ảnh hưởng cái tâm lý « làng quê ».

Trên đây là vài ví dụ để nhấn mạnh rằng, trong quá trình phát triển của cộng đồng dân tộc, có những truyền thống tốt và có những truyền thống xấu, có những ứng xử của cộng đồng vừa mang những yếu tố tích cực, vừa mang

những yếu tố tiêu cực, có khi ở thời điểm này, mặt tích cực là trội nhưng ở thời điểm khác, mặt tiêu cực là trội, hoặc trước đây còn có mặt tích cực nhưng ngày nay đã trở thành tiêu cực.

Đó là hiện chứng của truyền thống. Biểu chứng của truyền thống, còn biểu hiện ở các đặc điểm của bản thân truyền thống. Một đặc điểm cơ bản của truyền thống là *tính ổn định hay tính bền vững*. Truyền thống là cái đã hình thành trong lịch sử, chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Không ổn định, không bền vững thì không thể coi là truyền thống. Truyền thống đã hình thành trong những điều kiện xã hội, lịch sử nào đó, nhưng có khi, những điều kiện đó không còn nữa mà truyền thống vẫn còn. Truyền thống tốt cũng vậy mà truyền thống xấu cũng vậy. Chẳng hạn, cái tâm lý tiểu nông vẫn tồn tại lâu dài khi đã đi vào sản xuất lớn. Lúc đó, truyền thống có một đời sống độc lập. Đó là một biểu hiện tính bền vững của truyền thống.

Nhưng *tính bền vững đó lại chỉ là tương đối*. Điều đó có nghĩa là các truyền thống có thể suy thoái và mất đi. Truyền thống thường mất đi khi các điều kiện đã làm nó nảy sinh hay đã nuôi dưỡng nó không được duy trì. Do tính bền vững hay *«quán tính»* của nó, truyền thống có thể sống lâu hơn các điều kiện đó một thời gian nữa, nhưng không phải là mãi mãi. Lúc đó xảy ra hiện tượng *dứt gãy truyền thống*. Cho nên không được để đứt gãy mà phải biết kế thừa và phát triển những truyền thống tốt. Mặt khác, trong các điều kiện mới của xã hội, các truyền thống mới lại nảy sinh. Sự hình thành này không nhanh chóng, nhưng cũng với thời gian, sẽ ổn định lại, trở thành bền vững (tất nhiên là bền vững tương đối).

Bền vững nhưng là *tương đối, biến chuyển*, nhanh chậm tùy lúc, nhưng là *tuyệt đối* đó là các đặc điểm của

truyền thống mà chúng ta cần nhận thức để phát huy truyền thống tốt và cải tạo truyền thống xấu.

Muốn phát huy truyền thống tốt, không phải chỉ kêu gọi, tuyên truyền giáo dục là đủ, mà *cần tạo ra các điều kiện xã hội* để nuôi dưỡng các truyền thống đó. Đối với các truyền thống xấu, phải xem xét các điều kiện xã hội tiếp sức cho chúng có còn tồn tại không. Chính cải tạo các điều kiện này mới là căn bản.

Tuy truyền thống là của cộng đồng dân tộc nhưng kẻ mang truyền thống lại là các cá nhân, các nhóm, các tập thể lớn hay nhỏ trong cộng đồng dân tộc. Nếu truyền thống biểu hiện ra một cách *không đồng đều* giữa các cá nhân, các nhóm hay tập thể khác nhau, thì chúng cũng được phát huy hay suy thoái một cách không đồng đều như vậy. Đó là vì điều kiện tồn tại của các cá nhân, các nhóm hay tập thể trong cộng đồng không phải lúc nào cũng giống nhau. Phải chú ý đến các điều kiện xã hội của các cá nhân, các nhóm hay tập thể trong cộng đồng mới có thể phát huy được các truyền thống tốt đẹp hoặc bồi dưỡng các mầm mống truyền thống tốt đẹp mới nảy sinh. Cần phải cảnh giác với hiện tượng đứt gãy truyền thống bộ phận, và ngăn chặn sự lan truyền của hiện tượng đó ra toàn thể. Chẳng hạn, truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta là lao động cần cù, nhưng trong một tập thể nào đó, nếu việc tổ chức không tốt, thì dần dần truyền thống đó sẽ tan rã đi, tính chây lười và vô kỷ luật trong sản xuất sẽ xuất hiện, dần dần trở thành thói quen, thậm chí, khi điều kiện sản xuất đã được tổ chức lại, thói quen đó vẫn còn tác động một thời gian nữa, vì nó đã bắt đầu trở thành bền vững, mang tính chất độc lập tương đối.

Nhưng nói rằng tính biến chuyển của truyền thống là tuyệt đối, không có nghĩa là truyền thống chỉ biến

chuyển theo một hướng là suy thoái. Khi ta nói rằng một truyền thống tốt đẹp nào đó của dân tộc đã được gìn giữ đến ngày nay, thì trong sự bảo lưu này đã bao hàm sự biến chuyển. Nhưng sự biến chuyển này là theo hướng làm phong phú về nội dung của truyền thống trong điều kiện mới của lịch sử và xã hội. Chẳng hạn, ngày nay, truyền thống yêu nước vẫn tiếp tục phát triển nhưng nó được gắn liền với tinh thần yêu chủ nghĩa xã hội và tinh thần quốc tế vô sản. Đây không phải chỉ là sự gắn bó ngoài mặt mà thật sự đã làm biến chuyển nội dung của chủ nghĩa

yêu nước khiến nó vượt qua những giới hạn của chủ nghĩa yêu nước xưa cũ. Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc chính là làm phong phú nội dung của truyền thống trong thời đại mới, đem sức mạnh của chúng phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.

Đối với các truyền thống xấu — cần gọi thẳng chúng là truyền thống — cũng phải thấy được sức mạnh của chúng, sức mạnh của truyền thống, nhưng đồng thời tin tưởng rằng có thể cải tạo được chúng, mặc dù đó là công việc « lâu dài », đòi hỏi sự « chịu khổ » và « cùn thận », như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy.

Một số kinh nghiệm rút ra từ...

(Tiếp theo trang 38)

Ở Côn-đảo có hai nghề lưới kéo và lưới rê, điều kiện ngư trường và thời tiết thuận lợi cho nên sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Cá đánh được, Nhà nước thu mua hầu hết. Giá thỏa thuận hiện nay chia làm 4 loại: cá loại 1 — giá 2,7 đồng/kg, loại 2 — 2 đồng; loại 3 — 1,4 đồng; loại 4 — 1 đồng. Giá này bảo đảm cho xí nghiệp bù đắp được chi phí và bước đầu có lãi. Chúng ta cần nghiên cứu hoàn chỉnh và vận dụng cách tính toán giá cả của Xí nghiệp cá Côn-đảo cho linh hoạt và hợp lý. Đối với các xí nghiệp quốc doanh, cần kiên quyết thực hiện giá bán buôn xí nghiệp. Còn việc bán lẻ cho cán bộ, công nhân, viên chức có bù lỗ thì nên chuyển sang bù lỗ trong khâu phân phối lưu thông.

Trong lĩnh vực quản lý, quyền hạn của giám đốc xí nghiệp Côn-đảo vượt ra ngoài quy chế hiện tại. Vấn đề đó cần được nghiên cứu, hoàn chỉnh và đặt thành quy chế chung cho các xí nghiệp.

Chúng tôi nghĩ rằng không nên « lý kỳ hóa » cách làm ăn của Xí

nh nghiệp cá Côn-đảo. Những cái mà Xí nghiệp cá Côn-đảo đã làm và đang làm đều là những cái đang trong quá trình nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện. Vì vậy, ngoài sự nỗ lực vươn lên của bản thân xí nghiệp, cần có sự giúp đỡ của các cấp, các ngành về vật tư, tiền vốn và về mặt hoàn thiện cơ chế quản lý. Để kết luận, chúng tôi xin trích dẫn ý kiến của đồng chí Phó thủ tướng Tổ-Hữu: «... Chúng ta cần đánh giá đúng đắn kinh nghiệm sáng tạo của các đơn vị cơ sở. Trong kinh nghiệm của Xí nghiệp đánh cá Côn-đảo... chúng ta phải thấy những nguyên tắc, những điểm chủ yếu trong cơ chế khoán (khoán tập thể) về cơ bản là đúng, gần hoàn thiện và vận dụng tốt; còn đối với những điểm chưa hoàn chỉnh, thì nên giúp đỡ các xí nghiệp ấy làm tốt hơn, không nên chỉ thấy những thiếu sót mà quên mất những thành công, những kinh nghiệm có tính chất sáng tạo đang cần được phổ biến rộng rãi » (1).

(1) Tổ-Hữu Tạp chí Công sản số 8-1980, tr.18.

TIẾNG NÓI TRỰC TIẾP CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

CÔNG-XTĂNG-TIN DA-RÔ-DÔP

« **N**HỮNG vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » — Tạp chí lý luận và thông tin hàng tháng của các đảng cộng sản và công nhân đã được phát hành năm thứ 23. Lúc đầu có 18 đảng tham gia vào việc xuất bản Tạp chí, về sau có thêm hàng chục đảng khác và hiện nay Hội đồng biên tập của Tạp chí bao gồm những đại diện của 61 đảng. Tạp chí này chiếm một vị trí hiếm có trong thế giới phong phú của báo chí định kỳ hiện nay. Thật vậy, có tạp chí nào được xuất bản bằng 37 thứ tiếng và được phát hành ở 145 nước. Thực tế là khắp thế giới!

Có thể nói một cách chắc chắn rằng Tạp chí đạt được thành tích trước hết là nhờ có những thành tích của phong trào cộng sản quốc tế. Một sự thật là chưa bao giờ và chưa có một phong trào chính trị tư tưởng nào như phong trào cộng sản quốc tế lại có sự tác động mạnh mẽ như thế vào trí tuệ của hàng triệu người và vào tiền trình phát triển của xã hội. Quyền chủ động lịch sử thuộc về phía các đảng cộng sản và công nhân. Họ đề ra đối sách phát triển hòa bình của nhân loại, cải tạo xã hội một cách công bằng nhất. Và một điều tự nhiên là khắp nơi người ta quan tâm đến lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học, đến sự phân tích tình hình một cách mác xít — leninist, phân tích những xu hướng và những triển vọng của tình hình. Cũng ngày người

ta cần có tiếng nói trực tiếp của những người cộng sản.

Nếu như muốn nói tổng quát thì đó là điều chủ yếu phải nói.

Các nước xã hội chủ nghĩa, — nếu bây giờ nói cụ thể về họ, có một mạng lưới rộng rãi những xuất bản phẩm có tính chất quốc gia. Không thể nghi ngờ vai trò của những xuất bản phẩm đó. Không những chúng giải thích hàng ngày cuộc sống trong nước mà còn làm cho độc giả theo dõi được những sự kiện quốc tế, nói về cuộc đấu tranh giai cấp ở trong các nước của phần thế giới không xã hội chủ nghĩa. Song, như kinh nghiệm đã chỉ ra, những người mà nhờ có chủ nghĩa xã hội nâng cao hơn ý thức chính trị, tích cực xã hội và trình độ văn hóa, ở những người đó càng nảy nở sự quan tâm sâu sắc hơn đến các vấn đề phát triển ở trên thế giới, họ muốn trực tiếp nghe tiếng nói của những người cộng sản đang sống và chiến đấu ở trong các điều kiện khác nhau và các khu vực khác nhau trên thế giới. Họ muốn biết những nhận định của những người cộng sản ở các nước ngoài về các vấn đề thời sự có liên quan đến những lợi ích cơ bản của nhân dân từng nước và của toàn thể nhân loại. Cuối cùng độc giả muốn tiếp xúc thẳng với cuộc trao đổi và đối chiếu ý kiến trong phong trào cộng sản quốc tế, với quá trình tìm tòi không gián đoạn những câu trả lời cho những vấn đề mà cuộc sống

đặt ra trước những người cách mạng. Và nội dung Tạp chí của chúng ta bao gồm tất cả những vấn đề đó.

Trước kia các đảng cộng sản và công nhân lập ra Tạp chí « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » là để góp phần vào sự tiếp xúc, giao lưu sáng tạo của họ trong công tác lý luận, vào việc cùng nhau suy ngẫm, tìm hiểu những vấn đề mới và tình hình mới. Trước kia và nay Tạp chí vẫn là diễn đàn quốc tế do các đảng anh em lập ra trên những nguyên tắc tập thể để trao đổi kinh nghiệm, tin tức và quan điểm. Những vấn đề làm cho dư luận xã hội lo lắng trở thành nội dung thảo luận ở trong những bài báo riêng biệt hay trong một loạt bài gần liên với nhau bằng một chủ đề. Những vấn đề đó được đưa vào trong chương trình nghị sự của các hội nghị quốc tế, các hội nghị chuyên đề, hội nghị « bàn tròn », v.v. Trong quá trình tranh luận, bộc lộ ra, và đương nhiên xuất hiện lên các trang của Tạp chí, những thái độ khác nhau, những quan điểm khác nhau, đôi khi trái ngược nhau. Sự đối chiếu những thái độ và quan điểm đó phục vụ cho việc tìm kiếm sự thật, làm cho các quan điểm xích lại gần nhau.

Trong quá trình tranh luận, loại trừ, không cho phép ai áp đặt ý kiến của mình cho những người cùng tham gia tranh luận. Cũng như trong phong trào cộng sản quốc tế không có trung tâm lãnh đạo, Tạp chí cũng tuyệt đối không có tham vọng đóng vai trò một ấn phẩm « chỉ giáo ». Không có thể có tham vọng như thế — cái câu tạo của nó là như thế. Những đảng có đại diện ở trong Tạp chí hoàn toàn bình đẳng về quyền hạn, còn luật công tác của chúng tôi, cả công tác sáng tạo và công tác tổ chức, là tính tập thể rất cao, sự tôn trọng hoàn toàn ý kiến của mỗi đảng. Từ đó có quy tắc về tính đồng nhất về nội dung Tạp chí ấn hành bằng tiếng dân tộc ở các nước khác nhau. Ví dụ khi đọc giả

đọc trên Tạp chí « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » được phát hành bằng tiếng nước mình một bài của tác giả người Anh, người I-rắc hay một tác giả nước khác, thì có thể tin chắc rằng bài đó tương ứng với bài đăng trong Tạp chí được phát hành bằng tiếng Anh, tiếng I-rắc hay bằng tiếng nước của tác giả bài đó. Điều này cũng thu hút thêm lòng thích thú đối với Tạp chí.

Đặc điểm của Tạp chí của chúng ta còn ở chỗ là các tác giả của nó không chỉ phản ánh tiến trình các sự kiện thế giới, mà còn cố gắng vũ trang cho bạn đọc những định hướng khoa học rõ rệt khi đánh giá chúng. Khi mở Tạp chí ra bạn đọc nhất thiết sẽ thấy ở trong mỗi số những bài của các tổng bí thư và các bí thư thứ nhất của các ban chấp hành trung ương, các bài của các nhà hoạt động chủ chốt của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới, của các nhà bác học mác xít, của các lãnh tụ các tổ chức và phong trào dân chủ quốc tế. Những bài phát biểu của họ phục vụ cho sự phát triển những quan điểm mác xít — là nền tảng về các vấn đề thế giới quan lớn nhất, bảo vệ những nguyên tắc khoa học và phương pháp luận của lý luận cách mạng, giúp vào việc khái quát kinh nghiệm đấu tranh của các đảng anh em.

Trong kế hoạch năm 1981 Tạp chí có những gì? Tôi chỉ nêu lên một vài điểm. Chúng tôi dự định xem xét tỉ mỉ, ví dụ, những vấn đề về phép biện chứng của chiến tranh và hòa bình trong hai thập kỷ cuối của thế kỷ, những cội nguồn khách quan của quá trình cách mạng hiện đại, sự phát triển quan niệm về chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng của thực tiễn ngày nay. Chúng tôi sẽ đăng một loạt tài liệu phân tích sự phát triển của thế giới trong những năm 70 và những xu hướng trong những năm 80. Để chuẩn bị những tài liệu này, chúng

tôi đã cộng tác với những viện nghiên cứu khoa học chủ chốt của nhiều nước.

Chiếm giữ một vị trí quan trọng sẽ là việc trình bày những đại hội thường kỳ của các đảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa, trình bày chiến lược và những kế hoạch do họ vạch ra trong năm năm tới. Trong một loạt bài sẽ nghiên cứu vai trò của Đảng trong đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa, những con đường và những hình thức tiếp tục dân chủ hóa các cơ cấu xã hội, hoàn thiện sự quản lý nền kinh tế quốc dân, vị trí và vai trò của các công đoàn dưới chủ nghĩa xã hội.

Một loạt tài liệu với sự phân tích sâu sắc về chính trị kinh tế học cuộc khủng hoảng ở các nước tư bản phát triển sẽ đưa lại cho người ta khái niệm về tính năng động hiện nay của các quá trình kinh tế xã hội. Một loạt bài khác sẽ đề cập đến những vấn đề thời sự của sự vận động tiến lên chủ nghĩa xã hội, những tổng kết đầu tiên của cuộc đấu tranh để củng cố nó ở trong các nước phát triển. Để giải thích rõ những đề tài ấy sẽ có thêm «những phóng sự của chúng tôi từ nơi diễn ra sự việc». Như kinh nghiệm đã chỉ rõ những loại phóng sự ấy nói chung tranh thủ được cảm tình của bạn đọc, vì vậy trong năm tới tòa soạn có ý định chấn chỉnh việc đăng đều đặn những phóng sự chính trị như thế.

Trong năm tới sẽ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập một số đảng cộng sản và công nhân. Nhân dịp này chúng tôi có kế hoạch sẽ đăng

những tài liệu nói về ý nghĩa của kinh nghiệm được tích lũy dưới ánh sáng những nhiệm vụ và mục tiêu mà ngày nay những người cộng sản đang đấu tranh để thực hiện.

Tôi tin chắc rằng việc đăng chi tiết những tài liệu của hội nghị khoa học quốc tế ở Béc-lin (tháng mười năm 1980) về đề tài «Cuộc đấu tranh chung của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, vì sự tiến bộ xã hội» sẽ thu hút sự quan tâm rộng rãi; hội nghị này do Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức và Tập chí chúng tôi tổ chức. Mục «Trao đổi ý kiến - tranh luận» sẽ tường thuật một loạt cuộc thảo luận tập thể.

Dương nhiên Tập chí không có ý định bỏ quên việc giải thích rộng rãi những sự kiện chính trị thường ngày, đặc biệt những sự kiện «nóng hổi» nhất đang diễn ra ở những điểm «nóng» của hành tinh và chung quanh những vấn đề «nóng hổi». Nếu nói được, thì ta có thể nói rằng «địa lý» của những bài được đăng trên Tập chí bao trùm hàng năm đến cả trái nước, và chúng tôi hy vọng còn đi xa hơn nữa.

Để kết luận, tôi xin nói là tập thể quốc tế của Tập chí chúng tôi làm việc với ý thức tự hào về sự phát triển số lượng đọc giả và sẽ làm hết mọi khả năng nhằm để tiếp tục tuyên truyền những tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những tư tưởng bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên khắp quả đất.

CON ĐƯỜNG TẮT THẮNG Ở CHÂU PHI :

ĐỘC LẬP DÂN TỘC CÁN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VĂN-HIỆN

CÁCH đây hơn nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, trong khi đi tìm đường cứu nước, đã có dịp ghé thăm và thấy tận mắt những đau khổ, tủi nhục của những người anh em châu Phi dưới ách thực dân đế quốc. Người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước tới chủ nghĩa xã hội, thấy rõ muốn giải phóng dân tộc thì phải làm cách mạng vô sản. Ngày nay, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã trở thành chân lý của thời đại. Đó là con đường đã dẫn nhân dân Việt-nam tới thắng lợi vẻ vang. Đó cũng là con đường mà nhiều nước châu Phi đã lựa chọn.

Châu Phi là một lục địa lớn, với diện tích 30 triệu km², bằng 1/4 diện tích thế giới, gấp gần 100 lần diện tích nước ta, chiếm 10% số dân thế giới. Châu Phi giàu tài nguyên thiên nhiên, chiếm 98% kim cương và bạch kim, 95% crôm, 78% van a di um, 67% vàng, 33% coban, 20 - 22% urani um, 16% đồng, 10% trữ lượng dầu mỏ của thế giới. Về sản phẩm nông nghiệp, châu Phi chiếm 80% đinh hương, 60 % ca cao, 46% chà là, 22% lạc...

Lục địa châu Phi gồm nhiều dân tộc với những nền văn hóa truyền thống, với nhiều hình thái kinh tế khác nhau, có tới trên 50 nước sống trong những điều kiện xã hội - chính trị khác nhau. Mấy trăm năm qua, các dân tộc châu Phi đã cùng trải qua hoàn cảnh chung bị chủ nghĩa đế

quốc thực dân xâm chiếm, chia cắt, bóc lột tàn tệ. Chính vì vậy truyền thống đấu tranh chống ách đô hộ của bọn thực dân để giành độc lập, tự do là điểm chung nổi bật của các nước trên lục địa này. Chỉ trong vòng 20 năm đã có 50 trong tổng số 58 nước châu Phi giành được độc lập chính trị ở mức độ khác nhau, chiếm 1/3 số hội viên Liên hợp quốc và 1/2 số hội viên các nước không liên kết. Tuy nhiên, độc lập chính trị mới chỉ là bước đầu. Để có độc lập thật sự, các nước châu Phi còn phải tách khỏi những mối liên hệ về kinh tế với những công ty độc quyền của các nước phương Tây đang tiếp tục ràng buộc họ. Lê-nin đã chỉ rõ khả năng của các nước có nền kinh tế lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hiện nay, trên 10 nước ở châu Phi, sau khi giành được độc lập chính trị đã tuyên bố lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Vừa qua, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Võ-Nguyên-Giáp, Ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng, dẫn đầu, đã đi thăm Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men và tám nước châu Phi (1), với tổng số diện tích khoảng 7 triệu km², bằng 1/4 diện tích châu Phi, bao gồm 85 triệu dân.

(1) Ma-da-ga-xca, Mô-dam-bích, Ê-ti-ô-pi-a, Ghi-nê, Bê-nanh, Công-gô, Ăng-gô-la và An-giê-ri.

hàng 1/5 số dân của lục địa này. Trong số các nước nói trên, năm nước ngày trước là thuộc địa của Pháp, hai nước ngày trước là thuộc địa của Bồ-đào-nhã, một nước ngày trước là thuộc địa của Ý (một thời gian ngắn). Con đường giành độc lập tự do của các nước ấy cũng khác nhau: có nước trải qua đấu tranh vũ trang lâu dài, có nước, sau khi được thực dân-trao trả độc lập, đã phải qua nhiều biến động loại trừ những phần tử phản động tay sai đế quốc, đưa những người yêu nước thật sự và tiến bộ lên cầm quyền. Trong quá trình đấu tranh, đã hình thành khối đoàn kết, liên minh giữa công nhân, nông dân, những binh sĩ yêu nước và tiến bộ, thanh niên, trí thức, v.v. Ở nhiều nước đã xuất hiện những chính đảng kiểu mới, có cương lĩnh theo chủ nghĩa xã hội khoa học, theo những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đó là Ăng-gô-la, mà: « Mục tiêu chiến lược của MPLA - Đảng lao động là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa sau khi vượt qua giai đoạn quá độ của nền dân chủ nhân dân... » (Văn kiện Đại hội MPLA - Đảng lao động họp từ 4 đến 10-12-1977); là Bê-nanh mà Đảng cách mạng nhân dân « là Đảng tiên phong của cách mạng xã hội chủ nghĩa », chủ trương « xây dựng xã hội dân chủ nhân dân tiến tới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa theo những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin » (Điều lệ Đảng cách mạng nhân dân Bê-nanh); là Mô-dăm-bích mà Đảng FRELIMO tuyên bố: « Đảng vũ trang bằng lý luận cách mạng », « đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin », « chủ nghĩa xã hội khoa học », « Đảng sẽ mãi mãi áp dụng những nguyên tắc phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào những điều kiện cụ thể của sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp » ở Mô-dăm-bích (Xa-mô-ra Ma-sen: Báo cáo tại Đại hội thứ ba của FRELIMO tháng 2-1977). Đó còn là Công-gô mà Đảng lao động

cũng tuyên bố theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin (Điều lệ Đảng lao động Công-gô) và Ma-đa-ga-xca cũng chính thức có Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa Man-gát.

Trong những năm qua, các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa ở châu Phi đã đạt được những thành tích đáng kể. Tại nhiều nước, các cơ sở công nghiệp lớn hoặc vừa do chế độ cũ để lại đã được quốc hữu hóa. Trong nông nghiệp, đã có những cải cách nhằm hạn chế việc bọn phong kiến chiếm hữu ruộng đất và đã thành lập những hợp tác xã và nông trường quốc doanh. Về mặt xã hội, đời sống của công nhân và nhân dân lao động được quan tâm: các ngành y tế, giáo dục, nhà ở cũng có nhiều tiến bộ, nhiều bệnh viện đã được xây dựng, nạn mù chữ được xóa bỏ, việc phân phối nhà ở và đất để xây nhà cho nhân dân lao động công bằng hơn. Trong đời sống chính trị, đã chú ý thành lập những cơ quan dân cử: các tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức ngày càng tham gia nhiều vào công việc Nhà nước.

Về đối ngoại, các nước này thực hiện chính sách không liên kết, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa apartheid, chủ nghĩa xi ôn. Đối với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, họ có quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác.

Như vậy, so với những nước đã rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới, con đường tiến lên phía trước của họ là vững chắc và tốt đẹp. Tuy nhiên, khó khăn còn rất nhiều và rất lớn. Vấn đề mấu chốt đang được đặt ra cấp bách là: từ một nền kinh tế lạc hậu, với lực lượng sản xuất phát triển thấp và sự phân hóa giai cấp còn yếu ớt, với những tàn dư của chế độ thuộc địa, thậm chí của chế độ phong kiến với các bộ tộc và tôn giáo rất phức tạp... làm cách nào để hoàn thành triệt để cách mạng

dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa? Qua tiếp xúc và hội đàm, chúng ta thấy các ban bè của chúng ta ở đó quan tâm đến một loại vấn đề kỷ quan trọng về chiến lược và sách lược để thực hiện nhiệm vụ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và bảo vệ đất nước. Đó là xây dựng và củng cố đảng tiên phong theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin; xây dựng quân đội nhân dân, bảo vệ đất nước; xây dựng chính quyền cách mạng vì nhân dân, phục vụ nhân dân; vạch kế hoạch xây dựng kinh tế, giải quyết những khó khăn về quản lý kinh tế, chống nạn tham nhũng và tệ quan liêu; đào tạo đội ngũ cán bộ...

Phần lớn các nước này còn ở trong tình trạng bị cô lập, chịu sức ép nặng nề của các thế lực đế quốc, phản động trong và ngoài nước. Các thế lực này đang muốn ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng lan tới những vị trí mà chúng còn chiếm giữ. Bọn thực dân, bọn phản biệt chủng tộc ở Nam Phi vẫn hàng ngày, hàng giờ tiến hành cuộc chiến tranh không tuyên bố ở những vùng nằm sâu trong đất nước Ăng-gô-la. Ở nước Ê-ti-ô-pi-a xã hội chủ nghĩa vẫn còn sự đe dọa từ các nước Íng-giăng can thiệp vào các vùng Ô-ga-den và Ê-ry-t-rê. Ở Bê-nanh, vào đầu năm 1977, bọn thực dân đã cho lính đánh thuê tiến công ngay thủ đô Cô-tô-nu hòng tiêu diệt ban lãnh đạo Bê-nanh và lập lại ách thống trị của chúng.

Bọn đế quốc dùng đầu là đế quốc Mỹ ra sức thực hiện chiến lược thực dân mới của chúng ở châu Phi. Mục tiêu của chúng là tiếp tục thu lợi nhuận tối đa ở lục địa này. Mỹ đã tăng cường đầu tư trực tiếp vào châu Phi từ 370 triệu đô la năm 1957 lên 2397 triệu đô la năm 1975. Châu Phi cung cấp cho Mỹ 72% cao su, 51% măng gan, 43% ăng-ti-moan, 14% đồng mà

Mỹ cần dùng. Mỹ còn nhập từ châu Phi kim cương, cô-lum-bít, dầu cọ, bông sợi dài, v.v. Số lợi nhuận Mỹ thu về lớn hơn nhiều so với số vốn Mỹ đầu tư vào châu Phi. Mỹ lại dùng một phần lợi nhuận để đầu tư trở lại vào lục địa này. Lợi ích ăn của Mỹ nhằm khuyến khích hình thành giai cấp tư sản và tầng lớp trung lưu ở các nước châu Phi, gắn bó với những ngành kinh doanh của Mỹ.

Khi bọn thực dân phải rút khỏi một số nước châu Phi, chúng đã mang đi nhiều máy móc và rút chuyên gia kỹ thuật của chúng về nước, gây khó khăn lớn cho các nước mới giành được độc lập. Hiện nay vẫn còn một số nước phụ thuộc khá nặng về kinh tế, khoa học kỹ thuật vào các nước phương Tây.

Mặt khác, bọn phản động Bắc-kinh cũng đang ra sức cầu kết với chủ nghĩa đế quốc để lôi kéo và tác động vào đường lối đối nội, đối ngoại của các nước châu Phi. Chúng núp dưới chiêu bài cách mạng, tung tiền của và chuyên gia viện trợ cho một số nước châu Phi, mặc dù bộ mặt phản động của chúng đã lộ rõ qua « cách mạng văn hóa », qua « thuyết ba thế giới », qua sự ủng hộ, giúp đỡ bè lũ UNITA chống lại nhân dân Ăng-gô-la, qua cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Chúng lừa bịp và tìm cách mua chuộc cán bộ của một số ngành, nhất là những ngành chúng có điều kiện tiếp xúc. Cho nên, ngoài những người có kinh nghiệm thực tế thấy rõ sự phản bội của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh và nhận thức được mối nguy cơ do chúng gây ra, cũng cần có người mơ hồ về bản chất của chúng.

Trong lúc các nước châu Phi đang phải giải quyết những vấn đề về lý luận và thực tiễn do cách mạng đặt ra trên con đường tiến lên của họ thì bọn xét lại, các nhà lý luận tư sản lại tuyên truyền âm mưu về những lý thuyết phát triển mới, về con đường

phát triển thứ ba hòng lôi kéo các nước này xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và con đường phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, trong thời đại ngày nay, với sự lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng và sự suy yếu không thể cưỡng lại được của bọn đế quốc và phản động, nhất định các nước tiến bộ ở châu Phi đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa sẽ thành công tốt đẹp. Tất nhiên, con đường đi lên của họ còn nhiều quanh co, khúc khuỷu, nhưng thời đại chúng ta ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Chính vì vậy, khả năng các nước châu Phi tiến bộ đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng tăng. Nguyên vọng sâu sắc của nhân dân các nước này là có độc lập dân tộc, đời sống ấm no hạnh phúc, có hòa bình để xây dựng đất nước phồn vinh. Những người lãnh đạo các nước này càng quyết tâm và trưởng thành thì, với sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của giai cấp vô sản ở các nước đã chiến thắng, nhất định nhân dân các nước đó sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ được đất nước. Cho tới nay, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã giúp xây dựng 1200 đơn vị kinh tế, cử nhiều chuyên gia sang và nhận đào tạo nhiều cán bộ giúp các nước đó. Trong mấy năm gần đây, khối lượng trao đổi kinh tế giữa Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác với các nước châu Phi đã tăng gấp 7 lần. Nhiều máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải đã được đưa tới châu Phi, giúp các nước này phát triển công nghiệp, cải tiến nền sản xuất nông nghiệp, khai thác những tài nguyên thiên nhiên, góp phần thanh toán dần tình trạng kém phát triển về kinh tế của họ. Đặc biệt là nước Cộng hòa Cu-ba đã

không tiếc xương máu, trực tiếp góp phần vào sự nghiệp giải phóng và xây dựng ở các nước châu Phi.

Nằm trong bối cảnh trên, cuộc đi thăm các nước châu Phi của Đoàn đại biểu ta hồi cuối năm 1980 khẳng định tình đoàn kết và sự ủng hộ của nhân dân ta đối với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Phi; tăng cường quan hệ mọi mặt giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam với các nước đó; góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Tại mỗi nước, chúng ta đều khẳng định lòng mong muốn và quyết tâm của Đảng cộng sản Việt-nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam phát triển mối quan hệ tốt đẹp sẵn có giữa nước ta với nước bạn theo những nguyên tắc sau đây:

- Không ngừng tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

- Phát triển quan hệ hợp tác tay đôi về các mặt kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, trao đổi chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm với nhau trong các lĩnh vực mà mỗi bên có khả năng, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, theo tinh thần hợp tác anh em và tinh thần quốc tế vô sản.

- Cùng nhau ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Na-mi-bi-a, Nam Phi, Tây Xa-ha-ra, nhân dân Pa-le-xtín và tất cả các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết và độc lập, xóa bỏ mọi hình thức thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi ôn và chủ nghĩa a pác thai; tăng cường tình đoàn kết và quan hệ giữa nhân dân các nước Đông-dương, Đông Nam Á và các nước khác với nhân dân các nước châu Phi.

- Tăng cường phối hợp với nhau trong cuộc đấu tranh chung của các nước trong phong trào không liên kết nhằm giành quyền làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mỗi nước, thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng và bình đẳng.

- Cùng phối hợp đấu tranh cho hòa bình và hòa hoãn quốc tế, thực hiện giải trừ quân bị, giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng thương lượng, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng bá quyền tăng cường chạy đua vũ trang, tăng cường các liên minh quân sự, gây tình hình căng thẳng quốc tế, đe dọa hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Chính sách đúng đắn nói trên đã được hoan nghênh nhiệt liệt. Các vị lãnh đạo các nước đã có những câu nói chí tình về Việt-nam, thể hiện tình cảm sâu sắc của nhân dân châu Phi đối với cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân ta, đối với Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại và Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh của chúng ta.

Sự tin nhiệm của các bạn bè châu Phi đối với chúng ta là tuyệt đối. Các cuộc trao đổi đầy lòng tin cậy lẫn nhau đã diễn ra giữa đồng chí Võ-Nguyên-Giáp với ban lãnh đạo các nước nói trên; những vấn đề chiến lược, sách lược của mỗi nước đã được đề cập đến, những vấn đề quốc tế quan trọng đã được thảo luận và đi đến nhất trí, những kinh nghiệm trong xây dựng và chiến đấu của nhân dân mỗi nước đã được trao đổi. Có vị lãnh đạo đã nhấn mạnh: "Chúng tôi hoàn toàn tin nhiệm các bạn, chúng tôi trông chờ ở các bạn những lời khuyên bảo".

Bạn bè châu Phi của chúng ta yêu mến và tin cậy chúng ta vì nhân dân Việt-nam đã chiến đấu, hy sinh và đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, lại đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước của mình, vì chúng ta có Đảng cộng sản đầy dặn kinh nghiệm đấu tranh trên nửa thế kỷ nay, với hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã đưa nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, vì chúng ta có Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu mà sự nghiệp vĩ đại sông mãi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam, của các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới.

NHỮNG LỜI NÓI ĐẦY NHIỆT TÌNH CỦA NHỮNG NGƯỜI ANH EM THÂN THIẾT

"Một vinh dự lớn đối với chúng tôi là cùng đứng trong một chiến hào với dân tộc Việt-nam".

A-ll Nút-xe Mô-ha-mét, Tổng bí thư Đảng xã hội chủ nghĩa; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Y-e-men
(A-đen 11-11-1980)

★

"Đối với nhân dân Ma-da-ga-xca và bản thân tôi, Việt-nam là thiêng liêng".

Di-di-ê Ba-si-ra-ka, Tổng thống nước Cộng hòa dân chủ Ma-da-ga-xca.

(An-ta-na-na-ri-vo 14-11-1980)

★

"Cuộc đấu tranh của các đồng chí đã cổ vũ các dân tộc trên thế giới".

Xu-mô-ra Ma-sen, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích, Chủ tịch Đảng FRELIMO.

(Ma-pu-tô 15-11-1980)

Nước Việt-nam đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và từ một nền kinh tế lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những điều kiện cụ thể tuy có khác nhau, nhưng giữa ta và bạn có những nét rất gần gũi: cùng chung một lý tưởng, cùng có những nhiệm vụ chủ yếu và đều có nhiều khó khăn, trước mắt ta và bạn phải giải quyết nhiều vấn đề tương tự. Tuy nhiên, so với các nước bạn, chúng ta ít khó khăn hơn và có nhiều thuận lợi hơn.

Bạn bè khâm phục, biết ơn, tin yêu và trông chờ ở Việt-nam là có cơ sở vững chắc. Qua mấy chục năm đấu tranh giải phóng dân tộc thắng lợi và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, chúng ta ít nhiều đã có những kinh nghiệm quý báu về xây dựng Đảng, về vạch đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, về xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, về xây dựng lực lượng vũ trang và chiến đấu đánh thắng quân xâm lược, về xây dựng chính quyền chuyên chính vô sản, về phục hồi và phát triển kinh tế, văn hóa. Nếu trước đây, bằng thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, chúng ta đã góp phần về vang vào sự nghiệp giải phóng của các dân tộc châu Phi và các dân tộc khác, thì ngày nay, với việc ra sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta sẽ lại góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng đất nước của các dân tộc đó theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là sự nghiệp vĩ đại mà nước Việt-nam sẽ có vinh dự cùng với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, góp phần đưa đến thắng lợi hoàn toàn. Đó chính là cơ sở vững chắc cho việc hợp tác về nhiều mặt giữa Việt-nam và các nước bạn châu Phi. Trước mắt, tuy ta chưa có nhiều khả năng vật chất để trao đổi nhưng việc chia sẻ những kinh nghiệm của mỗi bên là điều rất bổ ích và góp phần thắt chặt mối quan hệ đoàn kết hữu nghị sẵn có giữa nước ta với các nước đó. Thực tế chứng tỏ số chuyên gia Việt-nam sang châu Phi giúp bạn về y tế, giáo dục hoặc một số mặt về nông nghiệp như thủy lợi, trồng lúa nước, v.v. được bạn đánh giá rất tốt, hiện nay, bạn đang mong muốn tăng cường về các mặt đó; chúng ta cũng sẵn sàng mở rộng quan hệ trên các lĩnh vực khác trong phạm vi có thể. Về phần

“Cuộc đấu tranh đầy hy sinh của nhân dân Việt-nam là một tấm gương sáng cho các dân tộc”.

Men-gi-xtu Hai-tê Ma-ri-am

Chủ tịch Ủy ban ô-tô chức Đảng, Chủ tịch Hội đồng Quân chính lâm thời nước Ê-ti-ô-pi-a xã hội chủ nghĩa.

(A-di A-bê-ba 30-11-1980).

★

“Ý nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam đã vượt khỏi biên giới Việt-nam, nó liên quan đến vận mệnh của các dân tộc thuộc địa, nó mang ý nghĩa phổ biến”.

Xê-cu Tu-rê, Tổng thống nước Cộng hòa nhân dân cách mạng Ghi-nê, Tổng bí thư Đảng Nhà nước Ghi-nê.

(Cô-na-cri 1-12-1980)

★

« Nhân dân châu Phi đen, nhân dân thế giới gần bó với Điện-biên-phủ, gần bó với thắng lợi của nhân dân Việt-nam chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực xâm lược khác ».

Ma-thi-ơ Kê-rê-ec, Tổng thống nước Cộng hòa nhân dân Bê-nanh, Chủ tịch Đảng cách mạng nhân dân Bê-nanh.

(Cô-tô-nu 7-12-1980)

nhỉnh, chúng ta phải ra sức học tập những chỗ mạnh, những cái hay, cái đẹp của những nước châu Phi vốn có những điều kiện khí hậu và đất đai ở vùng nhiệt đới như chúng ta, hoặc có những ngành mũi nhọn về nông nghiệp, về công nghiệp phát triển hơn ta như trồng những loại cây công nghiệp (cà phê, ca cao, đào lợn hột, cọ dầu...) hoặc như về kỹ thuật thăm dò và khai thác dầu mỏ...

Cuộc đi thăm châu Phi và Trung Đông vừa qua của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta nhằm góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng cộng sản Việt-nam được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội thứ IV : hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ; thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác, giúp nhau về mọi mặt giữa nước ta với các nước đang phát triển ; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của phong trào các nước không liên kết chống chính sách xâm lược và lũng đoạn của chủ nghĩa đế quốc, nhằm bảo vệ độc lập tự do, giành lại quyền làm chủ vĩnh viễn tài nguyên thiên nhiên của mình và thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền dân tộc.

Thành công tốt đẹp của cuộc đi thăm đã khẳng định rằng ở châu Phi, Việt-nam có rất nhiều bạn bè thân thiết. Nhiều nước châu Phi và Trung Đông cùng với một số nước tiến bộ khác ở châu Á, châu Mỹ la tinh đang góp phần tăng cường và mở rộng hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, góp phần tích cực làm thay đổi so sánh lực lượng giữa các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình với các lực lượng đế quốc và phản động các loại. Chúng ta tìm thấy ở các nước đó những đồng minh gần gũi. Thắng lợi về mặt đối ngoại nói trên của chúng ta đồng thời là thất bại của chính sách của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế cô lập và chia rẽ Việt-nam với các nước khác trên thế giới. Nhưng, như các bạn châu Phi đã nêu : a luta continua ! Vin-ceremos ! — cuộc đấu tranh còn tiếp tục ! Chúng ta nhất định thắng.

“Chiến thắng Điện-biên-phủ thật sự là điểm mở đầu cho những thắng lợi của nhân dân châu Phi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc”.

De-ni Sát-xu No-gu-ii-xu, Tổng thống nước Cộng hòa nhân dân Công-gô, Chủ tịch Đảng lao động Công-gô.

(Bra-da-vin 9-12-1980)

★

“Nhân dân Ăng-gô-la cảm thấy gần bó với nhân dân Việt-nam bởi lẽ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam mãi mãi là nguồn cổ vũ đối với nhân dân Ăng-gô-la và nhân dân châu Phi”.

Giô-đê Ê-du-ác-dô Đôt San-tốt, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Ăng-gô-la, Chủ tịch MPLA — Đảng lao động.

(Lu-an-da 12-12-1980)

★

“Đối với An-giê-ri, Việt-nam luôn luôn là tấm gương sáng. An-giê-ri mãi mãi ủng hộ Việt-nam trên mọi lĩnh vực”.

Sát-lì Ben-dê-đi, Tổng thống nước Cộng hòa An-giê-ri dân chủ và nhân dân, Tổng bí thư Đảng FILN.

(An-giê 17-12-1980)

GIẢI ĐOẠN SAU MAO CỦA CHỦ NGHĨA MAO

LÊ-XUÂN-LŨU

M

ẤY năm qua trên đất nước Trung-quốc đã diễn ra biết bao sự việc!

Sau khi Mao-Trạch-Dông chết, những kẻ cầm quyền sau Mao đã xét lại các vụ án trong "cách mạng văn hóa", phục hồi những cán bộ trước đây bị đàn áp, giải thích lại một số giáo lý của Mao, đánh giá lại một số sự kiện như "cách mạng văn hóa", đánh giá lại công lao, vai trò của Mao trong lịch sử Trung-quốc, v.v. và đề ra những chủ trương mới về đối nội và đối ngoại. Phải chăng đây là những biến đổi tích cực trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội ở Trung-quốc? Có cái gì khác và không khác ở giai đoạn sau Mao của chủ nghĩa Mao?

Những kẻ cầm quyền sau Mao ở Bắc-kinh không hề coi chủ nghĩa Mao là một tai họa đề rồi phải "phi Mao hóa" và trở lại với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa quốc tế vô sản. Những việc họ đã và đang làm nhằm phục vụ những mưu đồ đen tối của họ. Sau mấy chục năm đấu tranh, nhân dân Trung-quốc đã giành được thắng lợi trong cách mạng dân chủ, và với sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng đã thu được những thành quả bước đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng rồi chủ nghĩa Mao đã tiến hành một cuộc "đại nhảy vọt" với "ba ngọn cờ hồng", đưa nền kinh tế Trung-quốc đến bờ sụp đổ và tiếp đó là cuộc "đại

cách mạng văn hóa vô sản" mà thực chất là cuộc chính biến phản cách mạng đã chà đạp lên tinh thần và thể xác của hàng trăm triệu người, đập nát thể chế chính trị, tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, phá tan thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Trung-quốc, làm cho chính trị và kinh tế của Trung-quốc bị hỗn loạn. Mặc dù bị đầu độc ghê gớm hàng chục năm qua, nhưng trước những sự thật quá phũ phàng của đất nước, nhân dân Trung-quốc đã phải lên tiếng đòi đánh giá lại tư tưởng Mao, đảng kiểu Mao, chủ nghĩa xã hội kiểu Mao, chuyên chính vô sản kiểu Mao. Trước tình hình đó, những kẻ cầm quyền sau Mao đã buộc phải cứu chủ nghĩa Mao bằng cách làm cho bộ mặt của nó bớt nhor nhóp để phục vụ mục tiêu "bốn hiện đại hóa", biến Trung-quốc thành cường quốc số một trên thế giới vào cuối thế kỷ này. Với "quyết sách chiến lược" ấy, họ hy vọng tạo ra những khát vọng dân tộc chủ nghĩa, tạo ra tình hình đoàn kết và ổn định. Bởi vậy, họ "tẩy rửa" bớt chủ nghĩa Mao và chơi trò dân chủ. Họ xét lại các vụ án trong "cách mạng văn hóa", tuyên bố sự đàn áp đã man trong "cách mạng văn hóa" là sai lầm và sẽ không bao giờ được lặp lại; họ hứa hẹn các chiến dịch lớn trước đây đã gây xáo lên đất nước sẽ không được tiến hành nữa, họ phục hồi những hoạt động của các thể chế Nhà nước và xã hội, đặc biệt là các tổ chức thuộc bộ máy Nhà nước có liên quan đến kinh tế, khôi phục

quyền lực quản lý xã hội bằng luật pháp. Họ cũng cố lại uy tín của Đảng bằng cách khôi phục nguyên tắc chế độ sinh hoạt trong Đảng và kỷ luật trong đội ngũ đảng viên...

Trong khi phải «sửa chữa» một số việc làm của Mao trước đây, họ cũng đã tạo ra những «điểm mới» của họ trong chính sách đối nội và đối ngoại. Và để giải cho những «điểm mới» ấy, họ không thể không sử dụng những di sản tư tưởng của Mao. Một mặt, họ phải giải thích lại một số luận điểm của Mao cho phù hợp với chủ trương chính sách của họ, mặt khác họ phải «phê» những luận điểm của Mao đang cản trở việc làm của họ hiện nay. Nhưng làm như vậy họ không hề đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mao. Như mọi người đều biết: chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa xã hội đại dân tộc, chủ nghĩa bá quyền nước lớn. Mục tiêu chính trị của nó là một nước Trung-hoa hùng mạnh thống trị thế giới. Mục tiêu đó trước hết là nhằm giành cho được quyền lực cá nhân và phe nhóm, một quyền lực tuyệt đối không chia sẻ với ai, nắm cho được quân đội, Đảng. Nhà nước đề thống trị đất nước mình rồi từ đây mà thực hiện bá quyền của nước Trung-hoa, đồng thời cũng là bá quyền của Mao và phe nhóm trên thế giới.

Con đường và biện pháp đề thực hiện mục tiêu bá quyền đó là khoát áo Mác - Lê-nin, dựa vào uy tín của chủ nghĩa xã hội, tìm cách áp đặt tư tưởng và đường lối của họ, tập hợp lực lượng, thành lập liên minh để chống kẻ thù của họ, đấu tranh phe phái để giành quyền lực, sử dụng bạo lực một cách tràn lan và tàn bạo kết hợp với sử dụng mọi sách lược xảo quyệt và gian hùng, mượn tay người khác để tiêu diệt đối thủ của họ.

Mục tiêu chiến lược và những biện pháp chủ yếu nói trên của chủ nghĩa Mao vẫn nguyên vẹn ở giai đoạn sau Mao. Những kẻ cầm quyền Bắc-kinh hiện nay không hề đoạn tuyệt với họ

tư tưởng xã hội đại dân tộc và bá quyền nước lớn. «Tư tưởng Mao-Trạch-Dông» vẫn là nền tảng lý thuyết của chế độ Trung-quốc. Khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Ý O-ri-na Pha-la-xi vào giữa tháng 9-1980 Đặng-Tiểu-Bình đã nói: «Chúng tôi thừa nhận những sai lầm của ông (tức là Mao)», «đem những sai lầm những ngày sau cùng của Chủ tịch Mao ra công bố trước nhân dân», «nhưng điều chắc chắn là chúng tôi vẫn cứ theo «tư tưởng Mao-Trạch-Dông». Cái «mới», cái «khác», so với lúc Mao còn sống là họ có «sửa», «thay đổi» một số luận điểm và cách làm của Mao bằng những thủ đoạn, manh khéo, biện pháp mà họ tin rằng có hiệu nghiệm hơn để thực hiện cái cốt lõi của chủ nghĩa Mao là bành trướng và bá quyền. Họ ghép một số biện pháp mới của họ vào tư tưởng và đường lối của Mao. Họ điều chỉnh chủ nghĩa Mao một cách hết sức thực dụng khiến cho nó thích nghi với những chủ trương biện pháp mới của họ.

Tình hình này đã đẩy họ tới những việc làm đầy mâu thuẫn: họ không «phỉ Mao hóa», họ vẫn phải giương lá cờ Mao lên, nhưng họ lại phải «phê» Mao và điều chỉnh chủ nghĩa Mao. Họ nói cá nhân Mao có sai lầm, thậm chí có tội lớn, nhưng chủ nghĩa Mao vẫn đúng. Họ không thể nói chủ nghĩa Mao là một tai họa cho nhân dân Trung-quốc vì như vậy thì chế độ do Mao xây dựng không còn đáng được duy trì nữa và bản thân họ cũng sẽ mất hết «tín nhiệm» ngay dù sự «tín nhiệm» đó hiện nay đã bị xói mòn nhiều. Họ đánh giá Mao «đúng bảy sai ba» và gỡ bớt tội cho Mao bằng cách giải thích sai lầm đó cũng là do trách nhiệm của tập thể hoặc do «bề lũ bốn tên» chỉ phối. Khi giải thích lại những giáo lý của Mao thì họ bảo là đề «làm trong sáng lại tư tưởng Mao-Trạch-Dông đã bị bẻ bìn bốn tên làm lu mờ»! Nhưng họ vẫn

phải điều chỉnh chủ nghĩa Mao và « phê » Mao. Trước đây Mao cần « cách mạng văn hóa », cần đẩy nhân dân Trung-quốc vào những cuộc đấu đá phe phái liên miên để lật đổ các đối thủ của mình, thì Mao đề ra lý luận « tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản », « đấu tranh giai cấp là quyết định tất cả » và lấy đó làm cơ sở tư tưởng của đường lối đối nội. Nhưng nay, những kẻ sau Mao muốn có ổn định đoàn kết để « bốn hiện đại hóa » thì họ lại giải thích đấu tranh giai cấp chưa phải đã chấm dứt nhưng không được đẩy lên quá mức như trước đây và « bốn hiện đại hóa là quyết định tất cả ». Trước đây Mao thực hiện cuộc « đại nhảy vọt » bằng đường lối « ba ngọn cờ hồng », tự lực cánh sinh, dựa vào cường độ lao động của hàng trăm triệu nhân dân Trung-quốc thì nay những kẻ sau Mao chuyển qua đại nhảy vọt bằng « bốn hiện đại hóa », một mặt khai thác sức lao động của gần một tỷ dân Trung-quốc, nhưng mặt khác lại dựa hẳn vào chủ nghĩa đế quốc, dựa vào vốn đầu tư và kỹ thuật của Mỹ, Nhật và các đế quốc khác để thực hiện « bốn hiện đại hóa ». Đề thuyết phục những ai không đồng tình và chống lại, họ đã đề ra lý luận « thực tiễn là tiêu chuẩn cao nhất của chân lý » và « bất kể mèo đen hay mèo trắng miễn là bắt được chuột đều tốt ». Trước đây, Mao đập phá bộ máy chuyên chính vô sản, vứt bỏ luật pháp, thì nay họ đề ra « hoàn thiện hệ thống chính trị ». Nhưng chính qua việc làm được gọi là « hoàn thiện » này và dưới những khẩu hiệu rất « cách mạng » như « lãnh đạo tập thể », « không để một người đồng thời nắm hai chức vụ cao nhất trong Đảng và Nhà nước » và « trẻ hóa đội ngũ », mà họ thanh trừng, gạt bỏ lẫn nhau. Họ ban hành luật pháp để bảo vệ cái ghế của những kẻ thắng thế trong các cuộc tranh giành địa vị này. Họ đang giải thích lại một số luận điểm của chủ

nghĩa Mao về mối quan hệ giữa chính trị và kỹ thuật. Họ vứt bỏ « chính trị là thống soái », « tư tưởng Mao-Trạch-Đông là bệ đỡ nguyên tử tinh thần » và đề cao xây dựng kinh tế và kỹ thuật. Họ giải thích lại mối quan hệ giữa quy luật khách quan với nhân tố chủ quan, cho rằng không thể thờ bạo đối với quy luật khách quan, nhất là quy luật kinh tế. Họ điều chỉnh lý luận của Mao về vai trò của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng, họ giải thích lại mối quan hệ giữa tư tưởng và tổ chức, v.v. Động thời họ cũng có những thay đổi trong chính sách và biện pháp kinh tế. »

Họ phải xét lại một số luận điểm trong di sản tư tưởng của Mao vì những luận điểm đó đang cản trở hành động của họ. Họ phải « phê » Mao, « sửa » Mao để đề cao họ lên, lừa mị quần chúng, kiếm chút uy tín và nhất là để phục vụ cho cuộc đấu tranh gạt bỏ những đối thủ của họ vì những kẻ này trước đây có quan hệ mật thiết với đường lối, chủ trương chính sách và việc làm của Mao.

Những việc làm nói trên của họ chỉ là những mảnh khòe quanh co được tạo ra trong tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, chính trị rối loạn, nhân tâm ly tán, quần chúng, cán bộ, đảng viên chống đối; đồng thời những việc làm đó cũng là sản phẩm của chủ nghĩa thực dụng, của mục đích bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn mà họ theo đuổi.

Nhìn vào những điểm « mới », những « thay đổi » về lý thuyết và về thực tiễn đối nội, đối ngoại của tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay, điểm nổi lên là: họ đã đi đến giới hạn cao của chủ nghĩa thực dụng, của sự phản bội và phản động khi mà họ chủ trương đi với đế quốc để tìm vốn và kỹ thuật nhằm thực hiện « bốn hiện đại hóa », mở cửa cho tư bản nước ngoài thâm nhập, phục hồi tư sản trong nước, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển; và càng rõ hơn khi

họ tìm cách liên minh toàn diện cả về quân sự với bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ để chống Liên-xô, Việt-nam và ba đồng thạc cách mạng trên thế giới.

Có thể kết luận được rằng: giữa thời Mao và giai đoạn sau Mao không có gì khác nhau về cơ bản trong chủ nghĩa Mao. Chỉ có sự khác nhau về sách lược liên quan đến phương pháp để đạt mục tiêu chứ không phải về mục tiêu. Những điều khác nhau đó gắn liền với nhu cầu về chính trị của những kẻ cầm quyền sau Mao và là con đẻ của chủ nghĩa thực dụng. Thuyết « con mèo » chẳng qua chỉ là sự bổ sung vào chủ nghĩa Mao thời Mao, sự liên kết với tư sản, đế quốc và các thế lực phản động khác, sự kích động thêm các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào cộng sản để thực hiện mục tiêu chiến lược của chủ nghĩa Mao. Song những sự bổ sung trên đây chỉ làm bộc lộ đầy đủ hơn sự đồi bại của chủ nghĩa Mao ở giai đoạn sau Mao.



Cái chân tướng của ban lãnh đạo sau Mao đã quá rõ ràng: chủ nghĩa dân tộc tư sản phản động cộng với cái chính trị thực dụng. Bản chất đó đã được thể hiện trong chính sách đối nội và đối ngoại của họ. Những chính sách này không thể là cơ sở chính trị, tư tưởng cho sự ổn định và đoàn kết cán bộ, nhân dân và củng cố chế độ theo ý muốn chủ quan của họ.

Trò chơi dân chủ của họ không thể pha loãng được tinh chất tàn bạo và phản động của chính sách chuyển chính quân sự quan liêu của bộ máy thống trị vì toàn bộ quyền lực vẫn tập trung trong tay một nhóm người thuộc giới quân sự cao cấp và chính quyền chớp bu được hình thành qua cuộc đấu tranh phe phái thanh toán lẫn nhau. Cái gọi là đảng cộng sản cũng

vẫn là công cụ của tập đoàn lãnh đạo chứ không phải là đội tiên phong của giai cấp công nhân vì quyền lãnh đạo đất nước của giai cấp này ở Trung-quốc đã bị tước đoạt.

Ban lãnh đạo sau Mao không thể ổn định, đoàn kết được nhân dân Trung-quốc, càng không thể tạo được sự thống nhất nội bộ để thực hiện « bốn hiện đại hóa ». Điều này cũng là tất yếu vì đấu tranh giành quyền lực, gạt bỏ lẫn nhau trước sau vẫn là bản chất nằm trong cốt lõi của chủ nghĩa Mao.

Ban lãnh đạo hiện nay là sự liên hiệp của các phe phái tranh giành quyền lực với nhau. Họ thống nhất với nhau trên cơ sở chủ nghĩa sô vanh đối dân tộc, bành trướng và bá quyền, trên quan điểm biến Trung-quốc thành cường quốc số một trên thế giới để làm bá chủ thế giới, trên lập trường chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, trên luận điểm chiến tranh thế giới là không thể tránh khỏi, v.v. Nhưng họ cũng có những chỗ khác nhau nhất định về con đường và biện pháp để đi đến mục tiêu và nhất là phe cánh nào cũng muốn quyền lực về tay mình vì họ đều là những kẻ bành trướng và bá quyền. Giữa họ đang diễn ra cuộc tranh cãi gay gắt chung quanh ba vấn đề: thái độ đối với « cách mạng văn hóa », đối với di sản tư tưởng của Mao, đối với con đường và biện pháp để thực hiện « bốn hiện đại hóa ». Đối sánh lực lượng giữa các phe nhóm buộc họ phải tạm thời thỏa hiệp với nhau nhưng thỏa hiệp rồi lại đấu tranh, đấu tranh rồi lại thỏa hiệp; sự việc được lặp đi lặp lại ấy là quy luật trong quan hệ nội bộ của họ. Hiệp đấu mới rồi vừa dứt, Đặng và phe cánh tiếp tục chuẩn bị cho hiệp đấu tới vào dịp đại hội thứ 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc bằng cách đem bê lũ Lâm Bưu và bè lũ bốn tên ra xử. Xử tội bọn này là xử tội « cách

mạng văn hóa », xử tội Mao, tuy vậy Đảng vẫn cần phải làm đề kết tội và gạt bỏ những kẻ có quan hệ với Mao, được Mao cất nhắc lên trong « cách mạng văn hóa » và nay là đối thủ của Đảng.

Việc ổn định và đoàn kết quần chúng nhân dân, thống nhất nội bộ đã khó, con đường để « bốn hiện đại hóa » cũng đầy khó khăn và mâu thuẫn. Làm sao họ có thể có bước « đại nhảy vọt » từ một nền kinh tế lạc hậu lại bị đổ vỡ trong « cách mạng văn hóa », một nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng với năng suất lao động thấp, đời sống khó khăn, thất nghiệp nhiều? Điều khó nhất của tập đoàn lãnh đạo Trung-quốc hiện nay là « bốn hiện đại hóa » theo phương hướng nào? Họ chưa có được câu trả lời sáng tỏ. Tổng biên tập tạp chí *Hồng-kỳ* trong cuộc nói chuyện ngày 16-5-1980 với các nhà hoạt động xã hội đã tuyên bố: « Chúng ta nói rằng chúng ta cần phải đi theo con đường hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Trung-quốc, nhưng con đường đó là gì thì chưa rõ? chúng ta nói rằng chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện của Trung-quốc nhưng điều kiện đó là gì cũng chưa rõ ».

Trong « bốn hiện đại hóa » họ dành ưu tiên cho hiện đại hóa quốc phòng. Họ có thể vừa hiện đại hóa quốc phòng vừa hiện đại hóa kinh tế được không? Kinh tế còn lạc hậu thì làm sao hiện đại hóa được quốc phòng? Họ chỉ có cách dựa hẳn vào bọn đế quốc. Nhưng việc này cũng không phải dễ vì bọn đế quốc không phải sẵn sàng cung cấp mọi trang bị kỹ thuật quân sự và quốc phòng hiện đại cho Trung-quốc mà không tính toán đến những hậu quả lâu dài. Hơn nữa, đã dựa vào đế quốc thì phụ thuộc vào chúng, làm thế nào mà trở thành cường quốc số một để làm bá chủ thế giới? Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam do tập đoàn phản động Bắc-kinh

tiến hành hồi đầu năm 1979 với 60 vạn quân mới chỉ trong một tháng mà đã ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống của xã hội Trung-quốc. Bên cạnh sự thất bại của nhân dân Trung-quốc về mặt chính trị, hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược này về mặt kinh tế cũng khá nặng nề. Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân buộc ban lãnh đạo Trung-quốc phải điều chỉnh lại kế hoạch « bốn hiện đại hóa ».

Hiện đại hóa bằng cách dựa vào đế quốc thì những yếu tố như tiền vốn và kỹ thuật cũng hết sức bấp bênh. Họ ước mong vay các nước đế quốc từ 100 đến 150 tỷ đô la nhưng đến nay mới vay được khoảng từ 30 đến 35 tỷ, một phần vì bản thân bọn đế quốc trong cơn khủng hoảng triển miên và không có lối thoát cũng đang gặp nhiều khó khăn chồng chất, một phần vì bọn này lo ngại về lâu về dài Trung-quốc có thể trở thành đối thủ của họ nếu giúp cho Trung-quốc trở thành cường quốc kinh tế và quân sự.

Lợi ích của đế quốc và bọn bành trướng Bắc-kinh tuy có chỗ nhất trí nhưng cũng có chỗ khác nhau. Cho nên bọn đế quốc không sẵn sàng cung cấp mọi cái, làm mọi việc như bọn cầm quyền Bắc-kinh mong ước. Còn tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh thì từ tình nguyện làm tên bạn nghèo của bọn đế quốc đến nay đang tìm kiếm một sự liên minh toàn diện với chúng, kể cả về mặt quân sự để chống Liên-xô, Việt-nam, chống chủ nghĩa xã hội, chống phá cách mạng các nước... Việc làm đó đã bộc lộ chân tướng phản bội và phản động của họ trước nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới. Ngay trong giới cầm quyền Bắc-kinh cũng đang có cuộc đấu tranh về cung cách đi với đế quốc.

Trên thực tế sự cầu kết giữa tập đoàn phản động Bắc-kinh với bọn đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu ngày

càng chặt chẽ và toàn diện hơn ; nhưng giữa chúng với nhau cũng có mâu thuẫn, mỗi bên đều có tham vọng riêng.

Việc đưa vào để quốc đề « bốn hiện đại hóa » không phải dễ dàng và trôi chảy như giới cầm quyền ở Trung-nam-hải hiện nay mong mỏi. Đường nhiên, bằng con đường cầu kết với để quốc, làm tên xung kích phản cách mạng và phung phí tài nguyên của đất nước, họ có thể thu hút được một số vốn và kỹ thuật, đổi mới và tăng thêm ít nhiều cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nền kinh tế và quốc phòng. Nhưng với nền kinh tế quá lạc hậu, mặt cần đổi nghiêm trọng, với nền văn hóa và khoa học kỹ thuật thấp kém, mặc dù có vốn và kỹ thuật của chủ nghĩa để quốc tuồn vào, họ cũng không dễ gì tiếp thu và có ngay được một cuộc đại nhảy vọt theo ý muốn của họ. Đất nước Trung-quốc có một số tài nguyên đáng kể nhưng với số tài nguyên đó về lâu về dài họ không thể vừa thỏa mãn nhu cầu xây dựng đất nước, vừa đáp ứng yêu cầu của để quốc để thu hút vốn và kỹ thuật, vừa tiếp tay cho các thế lực phản động khác như họ thường làm để tranh thủ về chính trị.

Mấy năm qua họ đã dùng một loạt biện pháp để cố tạo ra một sự phát triển về kinh tế, họ khuyến khích tư sản đã được trả lại tài sản bị tịch thu trước đây và tư sản Hoa kiều bỏ vốn kinh doanh, họ đề cao các xí nghiệp hợp doanh với tư bản trong nước và nước ngoài, họ dành một số khu vực ở gần Hương-cảng, Ma-caô, Thượng-hải cho tư bản nước ngoài thiết lập các cơ sở sản xuất, họ thay đổi phương thức quản lý kinh tế, buông lỏng cho nông dân tự do kinh doanh nghề phụ và buôn bán ở thị trường nông thôn, v.v. Nếu như những biện pháp trên đây được tiếp tục mở rộng thì hậu quả xấu thật khó lường được. Việc phát triển kinh tế tư nhân, nền kinh tế thị trường, « sự mở cửa » kinh

tế cho tư bản nước ngoài thâm nhập và tự do hoạt động sẽ làm tăng nguy cơ xóa bỏ hoàn toàn những cơ sở của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân Trung-quốc đã xây dựng vào những năm đầu của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Việc thu hút rộng rãi tư bản độc quyền vào lĩnh vực sản xuất sẽ đẩy nền kinh tế Trung-quốc vào quỹ đạo của sự phản công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa và do đó không tránh khỏi đem lại những hậu quả tai hại khác về kinh tế, chính trị và xã hội cho Trung-quốc.

Những biện pháp kinh tế trên đây cũng có thể làm cho hoạt động kinh tế sôi động lên nhưng rồi cuộc chi đưa lại lợi ích cho giai cấp tư sản trong nước và bọn tư bản độc quyền nước ngoài, và làm tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích và đời sống của nhân dân lao động, xóa nốt những thành quả mà nhân dân Trung-quốc đã đấu tranh giành được trước đây.

Toàn bộ những biện pháp mà những kẻ cầm quyền sau Mao sử dụng trong mấy năm qua thể hiện bản chất phản động của chủ nghĩa Mao giai đoạn sau Mao.

Khó mà tìm thấy được bóng dáng của một sự biến đổi tích cực trong các việc làm của họ chứ đừng nói gì đến việc họ trở lại với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học. Với những việc làm của họ, chủ nghĩa Mao đã lộ nguyên hình là chủ nghĩa chống cộng.

Thời gian sẽ là quan tòa đối với họ. Đường lối, chủ trương, chính sách đối nội và đối ngoại phản động của họ đã và đang đem lại những hậu quả tai hại đối với nhân dân Trung-quốc và nhân dân cách mạng thế giới. Con đường phá sản của họ là tất yếu vì nhân dân Trung-quốc đã có một lịch sử đấu tranh lâu dài, nhất định sẽ đứng lên gạt bỏ mọi thế lực đen tối để tiến lên theo con đường xán lạn của thời đại.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 3 — 1981 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Повысить бдительность, успешно справиться с работой по охране политической безопасности и общественного порядка ★ — Приветственная речь товарища Ле Зуана на XXVI съезде Коммунистической партии Советского Союза ★★ — Страна Советов и XXVI съезд Коммунистической партии Советского Союза. **ВО ТИ КОНГ** — Совершенствование системы сделки в сельском хозяйстве. **ХО ВЬЕТ ТХАНГ** — О продовольственных проблемах в ближайшие годы. **ДО ТИНЬ** — Обобщение производственного опыта рыболовецкой артели на о. Кондао. **КОММЕНТАРИЙ** — Славная страница истории нашего народа. **ВАН ХИЕН** — Всенобеждающий путь Африки: национальная независимость в тесной связи с социализмом. **ЛЕ СУАН ЛЬУ** — Постмаоистский период маоизма.

REVIEW OF COMMUNISM №3 — 1981

Editorial — Heighten vigilance, safeguard political security, and maintain social order ★ Greetings of Comrade Lê Duẩn at the 26th Congress of the Communist Party of the Soviet Union ★★ ★ The land of the Soviets and the 26th Congress of the CPSU. **VÕ-CHÍ-CÔNG** — Improve the "fixed quotas" system in agriculture. **HỒ-VIỆT-THẮNG** — The food problem in the years ahead. **ĐỒ-CHÍNH** — Some experience drawn from the Côn-dào fishing enterprise. **Commentary** — A glorious page of national history. **VĂN-HIÊN** — The path to victory in Africa: national independence closely bound to socialism. **LÊ-XUÂN-LÝ** — The post — Mao stage of Maoism.

REVUE DU COMMUNISME № 3 — 1981

Editorial — Elevons notre vigilance pour bien assurer la sécurité politique et l'ordre social ★ Allocution du camarade Lê-Duẩn au 26e Congrès du Parti communiste de l'Union soviétique ★★ ★ La terre soviétique et le 26e Congrès du PCUS. **VÕ-CHÍ-CÔNG** — Améliorer le régime des forfaits dans l'agriculture. **HỒ-VIỆT-THẮNG** — Sur le problème des vivres dans les années à venir. **ĐỒ-CHÍNH** — Quelques expériences tirées des Pêcheries de Côn-dào. **Commentaire** — Une glorieuse page d'histoire de la nation vietnamienne **VĂN-HIÊN** — Le chemin de la victoire pour l'Afrique: indépendance nationale plus socialisme. **LÊ-XUÂN-LÝ** — L'étape d'« après-Mao » du maoïsme.

REVISTA DEL COMUNISMO № 3 — 1981

Editorial — Mantener en alto la vigilancia, y realizar optimamente los trabajos de seguridad política y del orden y seguro social ★ Intervención del compañero Lê-Duẩn ante el XXVI Congreso del Partido Comunista de la Unión Soviética ★★ ★ — La tierra de los Soviets y el XXVI Congreso del Partido Comunista de la Unión Soviética. **VÕ-CHÍ-CÔNG** — A mejorar el régimen de trabajo a destajo en la producción agrícola **HỒ-VIỆT-THẮNG** — Acercar del problema de viveres en los próximos años. **ĐỒ-CHÍNH** — Unas experiencias valiosas de la Empresa Pesquera de Côn-dào. **Comentario** — Una gloriosa página de nuestra historia. **VĂN-HIÊN** — El camino victorioso en África: La independencia nacional se liga estrechamente con el socialismo. **LÊ-XUÂN-LÝ** — El maoísmo en la etapa posterior a Mao.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3

1981

A THÙ XXVI (303)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn-Thượng-Hiền Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Văn, T.P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Nâng cao cảnh giác, làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội	1
— Lời chào mừng của đồng chí Lê-Duẩn đọc tại Đại hội thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô	9
★ ★ ~ — Đất nước Xô viết với Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô	12
VÕ-CHÍ-CÔNG — Cải tiến chế độ khoán trong nông nghiệp	18
HỒ-VIỆT-THẮNG — Về vấn đề lương thực trong những năm trước mắt	26
DỠ-CHÍNH — Một số kinh nghiệm rút ra từ Xi nghiệp đánh cá Côn-dảo	34
Bình luận — Một trang sử vẻ vang của dân tộc ta	39
NHUẬN-VÕ — Lê-Hoàn phá Tống	41
Nghiên cứu về truyền thống ★ NGUYỄN-LƯƠNG-BÍCH — Truyền thống và kinh nghiệm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta ★ HÀ-VĂN-TẤN — Biện chứng của truyền thống	46
C.ĐA-RÔ-DÔP — Tiếng nói trực tiếp của những người cộng sản	55
VĂN-HIỀN — Con đường tất thắng ở châu Phi: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	58
LÊ-XUÂN-LỮU — Giai đoạn sau Mao của chủ nghĩa Mao	65

SỬA LẠI

Trong tạp chí Cộng sản số 2-1981

— trang 28, cột 2, dòng 8, xin đọc : *trước công nghiệp*

— trang 29, cột 1, dòng 20, xin đọc : *trong sự đổi lập*

82011

Tìm đọc :

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT - NAM

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981

LÊ - DUẤN

Phát huy thắng lợi vĩ đại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Công tác y tế và bảo vệ bà mẹ, trẻ em

TỔ - HỮU

Công tác giáo dục và sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



4

4.1981

NGHIÊM CHÍNH THI HÀNH HIẾN PHÁP, LÀM TỐT CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI



Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ra đời là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Nhà nước và nhân dân ta. Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã quyết định những biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hãy học tập và thi hành Hiến pháp, sử dụng Hiến pháp như một vũ khí sắc bén trong việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Hiến pháp mới thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta. Nó phù hợp với linh hồn và nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xác định mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò quân tử của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Nó tổng kết những kinh nghiệm của 35 năm xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân ở nước ta. Nó kế thừa Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, phát huy những thành tựu đã đạt được trong khi thi hành hai bản Hiến pháp đó. Nó khẳng định những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được trong 50 năm qua, đồng

thời xác định phương hướng và mục tiêu phát triển của xã hội Việt-nam trong giai đoạn mới.

Hiến pháp mới là đạo luật cơ bản của nước ta hiện nay. Nó thể chế hóa đường lối cách mạng và các chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn mới. Hiến pháp mới có tác dụng chỉ đạo hành động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Được thi hành nghiêm chỉnh, Hiến pháp bảo đảm cho nhân dân ta giành được thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Đề bảo đảm cho Hiến pháp được thi hành nghiêm chỉnh, cần mở một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng để cán bộ và nhân dân nghiên cứu Hiến pháp và thảo luận việc thi hành Hiến pháp. Yêu cầu của cuộc sinh hoạt chính trị này là làm cho mọi người thấu suốt tư tưởng, quan điểm, nội dung cơ bản của Hiến pháp, đề cao trách nhiệm làm chủ tập thể của nhân dân, lấy đó làm cơ sở tư tưởng cho việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cùng với việc mở cuộc sinh hoạt chính trị này, cần đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1981.

Trong quá trình học tập và thảo luận việc thi hành Hiến pháp, cán bộ, đảng viên của Đảng, nhân viên của Nhà nước phải liên hệ kiểm điểm và sửa chữa ngay những việc làm sai trái : không gương mẫu chấp hành chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; tham ô, hối lộ, lãng phí ; lạm dụng chức quyền ức hiếp quần chúng, xâm phạm quyền công dân, quyền làm chủ tập thể của nhân dân ; thiếu tinh thần trách nhiệm, gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và lợi ích của quần chúng. Nhân dân nhận xét, phê bình công việc quản lý của các cơ quan Nhà nước, các cơ quan của Đảng và của các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên của Đảng và nhân viên của Nhà nước, đồng thời tự phê bình những thiếu sót trong việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân đối với công việc chung của Nhà nước, của xã hội, như : tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, nộp thuế, trả nợ cho Nhà nước, làm nghĩa vụ quân sự, tôn trọng trật tự xã hội, v.v.

Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ và nhân dân là công việc thường xuyên phải tiến hành nhằm làm cho Hiến pháp và pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh.



Bầu cử đại biểu Quốc hội là một khâu quan trọng trong việc thi hành Hiến pháp. Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 7, đã quyết định cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII sẽ tiến hành vào ngày chủ nhật 26-4-1981. Sử dụng quyền làm chủ tập thể của mình, nhân dân ta trong cả nước hãy tích cực tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII sắp tới.

Cũng như các khóa Quốc hội trước, Quốc hội khóa VII có trách nhiệm nặng nề là đảm đương chức năng của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất theo đúng tinh thần của Hiến pháp mới. Quốc hội khóa VII phải đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong thời gian 5 năm tới (1981 - 1985). Về thành phần đại biểu, Quốc hội khóa VII phải phản ánh được khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, dựa trên cơ sở liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Đại biểu Quốc hội phải là người tiêu biểu, xứng đáng là người thay mặt cho nhân dân ta. Quốc hội khóa VII phải gồm các đại biểu của công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa và của các thành phần lao động khác trong xã hội ta. Đại biểu Quốc hội phải là người trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, được nhân dân tín nhiệm, có ý thức tôn trọng pháp luật và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, có uy tín và tác dụng động viên quần chúng và thật sự có năng lực hoàn thành nhiệm vụ đại biểu Quốc hội. Nhân dân ta nhất định sẽ lựa chọn những người xứng đáng thay mặt cho mình đi bầu vào Quốc hội khóa VII gánh vác công việc trọng đại của Nhà nước, của toàn dân.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này có quan hệ đến việc củng cố và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động ở nước ta. Quốc hội khóa VII được bầu ra sẽ có những nhiệm vụ quan trọng là cử các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, đề đảm đương nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nghĩa vụ quốc tế.

Đảng ủy và chính quyền các cấp cần thực hiện đúng các chủ trương và biện pháp mà Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã đề ra, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội sắp tới được tiến hành một cách thật sự dân chủ và giành thắng lợi lớn.

NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI QUẢN LÝ KINH TẾ

GIÁO SƯ ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN

LỊCH sử của Nhà nước ta và thực tế cuộc sống ngày nay đang đặt ra trước mắt chúng ta một vấn đề thời sự: Nhà nước ta phải biết và phải giỏi quản lý, nhất là quản lý

kinh tế, theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là một vấn đề rất phong phú về lý luận cũng như thực tiễn.

I — NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI VAI TRÒ LÀ TRUNG TÂM KINH TẾ

Lịch sử phát triển của Nhà nước qua các thời đại cho thấy: cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, Nhà nước ngày càng tham gia trực tiếp hơn vào các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế. Những yêu cầu khách quan của sản xuất thể hiện trong quan hệ gắn bó, phụ thuộc lẫn nhau của các ngành và các vùng kinh tế, đặc biệt là ở giai đoạn chủ nghĩa tư bản phát triển, đã tạo ra những tiền đề khách quan để Nhà nước tham gia ngày càng sâu hơn, trực tiếp hơn vào quá trình điều hòa, phối hợp, điều khiển các hoạt động kinh tế.

Nền giải thích như thế nào về sự thâm nhập ngày càng tăng của Nhà nước thượng tầng kiến trúc, công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị, vào đời sống kinh tế của xã hội?

Để giải đáp vấn đề này, chúng ta trở lại những kết luận quan trọng của

lý luận về xã hội hóa sản xuất và lao động, và lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế. Trong nền kinh tế tiểu nông lạc hậu, phân tán, rời rạc, sự giao lưu kinh tế giữa các vùng và các khu vực hầu như không có hoặc không đáng kể. Cùng với sự ra đời của đại công nghiệp cơ khí, toàn bộ bộ mặt kinh tế của một nước thay đổi, năng suất lao động cao và sản phẩm dư thừa đã tạo nên một sự giao lưu, trao đổi mạnh mẽ giữa các vùng kinh tế. Quá trình tích tụ và chuyên môn hóa sản xuất phát triển kéo theo sự cần thiết hiệp tác và liên hợp sản xuất. Khi đã đạt đến trình độ tích tụ và chuyên môn hóa cao thì bản thân nền sản xuất xã hội đòi hỏi một sự điều hòa, phối hợp hết sức chặt chẽ, một sự điều khiển từ một trung tâm. Quy mô của sản xuất phát triển, những điều kiện cần cho quá trình sản xuất đã lớn vượt ra

ngoài phạm vi một vùng, thậm chí cả một nước. Như vậy, với sự phát triển của lực lượng sản xuất, xã hội hóa sản xuất và lao động đạt đến trình độ cao đã tạo ra sự cần thiết phải điều khiển nền kinh tế từ một trung tâm thống nhất. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai cần rút ra từ việc phân tích quá trình xã hội hóa sản xuất là do những điều kiện mới của sản xuất xuất hiện một khả năng khách quan: khả năng kế hoạch hóa nền kinh tế. Ngay trong chủ nghĩa tư bản, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, đã có một sự đòi hỏi phải kế hoạch hóa việc phát triển kinh tế. Nhà nước tư bản ở một số nước phát triển đã có những cố gắng lớn trong việc lập các kế hoạch phát triển kinh tế, nhưng nó không làm được đầy đủ việc đó để phối hợp các hoạt động trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chủ nghĩa xã hội, thoát thai từ chủ nghĩa tư bản, sau khi thủ tiêu chế độ chiếm hữu tư nhân về những tư liệu sản xuất chủ yếu, xác lập sở hữu toàn dân đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu và tiến hành kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân thống nhất. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, đại diện pháp lý của người chủ sở hữu tư liệu sản xuất là nhân dân lao động, quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. Kế hoạch hóa nền kinh tế, trước đây là một tiềm năng trong chủ nghĩa tư bản, đã trở thành hiện thực và hoạt động thực tiễn trong chủ nghĩa xã hội. Như vậy điều hòa, phối hợp từ một trung tâm, quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất đã trở thành một tất yếu khách quan và khả năng hiện thực chủ quan, do sự phát triển đến một trình độ cao của xã hội hóa sản xuất và lao động cộng với sự tồn tại của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện mới của chủ nghĩa xã hội, Nhà nước không chỉ là trung

tâm chính trị mà còn trở thành trung tâm kinh tế. Quan hệ tác động giữa Nhà nước và nền kinh tế là quan hệ biện chứng, trong đó tính chất của Nhà nước phản ánh thực chất các quan hệ kinh tế trong xã hội, đồng thời Nhà nước với tất cả sức mạnh của nó có thể tác động mạnh mẽ đến kinh tế. Đây thực chất là mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế. Chính trị, biểu hiện tập trung của kinh tế, không chỉ là sự phản ánh thụ động các quan hệ kinh tế mà còn có tác động tích cực đến nền kinh tế. Nhà nước tư bản dùng ảnh hưởng của nó tác động vào nền kinh tế vì sự tồn tại của nó và của giai cấp thống trị mà nó đại diện. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý kinh tế vì mục đích cao cả là đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân lao động trên cơ sở phát triển sản xuất. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không những lãnh đạo và quản lý nền kinh tế, mà còn trực tiếp tiến hành các hoạt động kinh tế thông qua hệ thống các cơ quan của mình. Như vậy là Nhà nước không phải tác động như một thế lực chính trị từ bên ngoài vào nền kinh tế, mà Nhà nước trực tiếp tổ chức nền kinh tế, và tác động đến nền kinh tế từ bên trong. Rõ ràng khi sự phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình chuyên môn hóa và phân công lao động trở nên sâu sắc đòi hỏi có một sự điều khiển từ một trung tâm thống nhất, thì khó có một thế lực chính trị nào ngoài Nhà nước đủ với bộ máy hoàn hảo như thế nào có thể thực hiện được vai trò điều khiển, phối hợp các hoạt động kinh tế trong xã hội. Bản thân quá trình xã hội hóa sản xuất cũng tạo ra những tiền đề để Nhà nước thực hiện vai trò trung tâm kinh tế nói trên. Những tổ chức kinh tế lớn với quy mô sản xuất bao trùm trong nhiều vùng của một nước và hoạt động của chúng ngày nay vượt ra ngoài phạm vi của một nước, những

ngành mới với những kỹ thuật mới phát triển đã đem lại những biến đổi về kinh tế và xã hội dẫn tới việc Nhà nước phải có tác động tích cực đến hoạt động kinh tế. Và do vậy bản thân hoạt động của Nhà nước cũng không chỉ còn ở trong phạm vi dùng những chính sách, những thể chế pháp luật để điều tiết các hoạt động kinh tế mà phải trực tiếp nắm lấy cơ sở vật chất, và điều khiển các quá trình hoạt động kinh tế. Thực hiện vai trò này, Nhà nước xã hội chủ nghĩa nắm lấy công cụ kế hoạch hóa để tiến hành quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân như một thể thống nhất. Như vậy, Nhà nước đã thâm nhập vào kinh tế, và ở đó các cơ quan Nhà nước với tư cách là người tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế, gắn với các tổ chức kinh tế. Thiếu sự gắn bó, thâm nhập này với kinh tế, Nhà nước không còn là Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện vai trò trung tâm kinh tế thông qua việc thực hiện các chức năng như: kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân như một thể thống nhất, tiến hành sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp đối với các đơn vị và tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa, tổ chức các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn quá độ chính trị lên chủ nghĩa xã hội còn thực hiện một nhiệm vụ hết sức phức tạp và cực kỳ quan trọng, đó là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự quản lý toàn diện của Nhà nước đối với nền kinh tế có nhiều thành phần. Nhiệm vụ rất quan trọng, có thể coi như một chức năng của Nhà nước trong suốt thời kỳ cải tạo nền kinh tế và xây dựng hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, đó là thực hiện sự quản lý toàn diện của Nhà nước đối với các thành phần phi xã hội chủ nghĩa (kinh tế tư bản chủ

nghĩa, sản xuất hàng hóa nhỏ, công tư hợp doanh như là hình thức cao của tư bản Nhà nước...). Nội dung cơ bản để thực hiện chức năng quản lý này của Nhà nước là kết hợp biện pháp hành chính (kiểm kê và kiểm soát nghiêm ngặt dưới những hình thức khác nhau) với biện pháp kinh tế (thông qua các đòn bẩy kinh tế và các hoạt động sản xuất, kinh doanh). Chức năng này được quy định bởi tính chất của Nhà nước vừa là trung tâm kinh tế, vừa là trung tâm chính trị; Nhà nước quản lý bằng cả quyền lực chính trị và bằng cả thể lực kinh tế, cơ sở hạ tầng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đời sống kinh tế và xã hội, cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn đang diễn ra gay gắt, chính Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta phải cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cùng với cuộc đấu tranh với chủ nghĩa tư bản « tuy đã bị đánh đổ nhưng vẫn còn thế lực », chúng ta còn phải cải tạo cái biên người sản xuất nhỏ. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt ấy rất cần sự can thiệp, sự giúp đỡ về quyền lực chính trị và sức mạnh kinh tế của Nhà nước. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chính sách của Nhà nước phải nhằm làm sao để mọi thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa tồn tại và có điều kiện phát triển có lợi cho sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế của đất nước. Mặt khác phải hạn chế tối đa tính vô chính phủ, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, bảo đảm nền kinh tế đi dần vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa có điều kiện phát triển vững chắc, tiến tới chiếm những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân, chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của đất nước.

Nếu nhận thức đúng tính chất cần thiết khách quan và sự phức tạp của thời kỳ quá độ—trong thời kỳ đó xét

về mặt kinh tế và cả về mặt chính trị của một xã hội vừa là xã hội chủ nghĩa vừa chưa phải là xã hội chủ nghĩa—thì Nhà nước chuyên chính vô sản sẽ có cơ sở để đề ra một chính sách đúng, có một thái độ khoa học phù hợp với các quy luật khách quan và với lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Trên tinh thần ấy, cần phê phán thái độ nôn nóng, bất chấp tính quy luật của đời sống kinh tế, muốn xây dựng thật nhanh các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể, phát huy quyền lực chính trị của Nhà nước quá mức đề xướng một cách thiếu căn cứ những quan hệ sản xuất mới trong các cơ sở công nghiệp, giao thông vận tải, trong kinh tế nông nghiệp, v.v. Không phát huy quyền lực chính trị, tính ưu việt chính trị của chế độ mới để thúc đẩy sự ra đời của kinh tế xã hội chủ nghĩa là hữu khuynh; nhưng đơn thuần sử dụng quyền lực chính trị vượt quá khả năng cho phép của

cơ sở kinh tế, để giải quyết các vấn đề kinh tế, lại là "tả" khuynh. Hiện nay cần phê phán thái độ xem nhẹ vai trò của Nhà nước trong việc kiểm tra và giám sát khu vực kinh tế tư nhân, khuynh hướng tự do thương mại, chạy theo cơ chế thị trường. Trong thực tế nước ta, việc buông lỏng quản lý của Nhà nước đã để cho những lực lượng kinh tế tư sản và tiểu tư hữu phát triển; lợi dụng những khó khăn của nền kinh tế, các thế lực đó tiến công chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực sản xuất và phân phối. Cần phát huy đầy đủ chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa với vai trò là trung tâm chính trị và trung tâm kinh tế; phải phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, không chỉ về chính trị mà cả về kinh tế, trong mối quan hệ thống nhất giữa chính trị và kinh tế để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

II — TỒ CHỨC NHÀ NƯỚC VỚI CƠ CẤU KINH TẾ VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ CỦA NÓ

Với tính cách là trung tâm chính trị và trung tâm kinh tế, để thực hiện các chức năng quản lý, Nhà nước tổ chức hệ thống bộ máy các cơ quan quản lý các cấp, từ trung ương đến cơ sở. Hệ thống bộ máy quản lý đó gồm hai cơ cấu: cơ cấu Nhà nước và cơ cấu kinh tế, tương ứng với chúng là bộ máy quản lý Nhà nước và bộ máy quản lý kinh doanh. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các tổ chức kinh tế (sản xuất, lưu thông, kinh doanh...) thông qua các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ, Ủy ban nhân dân, Sở, Ty...).

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với chức năng quản lý kinh tế ngày càng phát triển, thâm nhập ngày càng sâu

vào toàn bộ hoạt động của nền kinh tế quốc dân theo sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa, tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý kinh tế của nó rất gắn bó và ngày càng gắn bó với cơ cấu kinh tế và các hoạt động sản xuất—kinh doanh của cơ cấu đó. Trong thực tiễn, bộ máy Nhà nước và bộ máy kinh tế thâm nhập vào nhau, một bộ phận tổ chức Nhà nước đang làm một phần chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, cách thức tổ chức và hoạt động của các bộ phận đó gắn trực tiếp với cách thức tổ chức và hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh, theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Nhưng trong mọi trường hợp bộ trưởng và những người lãnh đạo các cấp Nhà nước vẫn hoạt động trong quá trình

sản xuất với tư cách là những người quản lý Nhà nước. Ngay trong trường hợp một bộ nhận trước Nhà nước các chỉ tiêu kế hoạch, tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế toàn ngành, thì xét về thực chất bộ trưởng và cơ quan lãnh đạo bộ đó cũng là đại diện pháp lý của -sở hữu về tư liệu sản xuất của nhân dân lao động đối với tài sản chung mà bộ trưởng và tập thể bộ được giao để tiến hành quản lý sản xuất kinh doanh. Xét về mặt kinh tế chính trị thì thực chất của việc hạch toán kinh tế thống nhất toàn ngành là bảo đảm gắn bó những lợi ích của các tập thể và cá nhân người lao động trong ngành với những lợi ích chung của toàn xã hội trên nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là một phương thức quản lý làm tăng hiệu quả của việc sử dụng những phương tiện kỹ thuật, lao động và vật tư trong sản xuất, nâng cao hiệu quả của nền sản xuất xã hội. Nhưng nó không thể hiện bộ trưởng và cơ quan quản lý bộ - một bộ phận của Nhà nước - thành một bên trong quan hệ sản xuất tiến hành các hoạt động sản xuất - kinh doanh, và tham gia phân phối ban đầu thu nhập quốc dân.

Tổ chức Nhà nước gắn với nền kinh tế quốc dân, có quan hệ gắn bó với cơ cấu kinh tế và chịu sự chi phối của nó. Phải từ những yêu cầu của cơ cấu kinh tế đang hình thành (có tính đến sự phát triển trong một số năm trước mắt) mà tổ chức bộ máy quản lý; mặt khác, bộ máy quản lý do tính năng động của nó, tác động tích cực lên cơ cấu kinh tế, góp phần tạo ra cơ cấu kinh tế mới, thúc đẩy sự phát triển của nền sản xuất xã hội thông qua việc tổ chức các mối quan hệ kinh tế hợp lý. Nhưng xét cho cùng điểm xuất phát để tổ chức bộ máy Nhà nước là trình độ và yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Từ việc phân tích các bộ phận của cơ cấu kinh tế, các mối liên hệ của các ngành, các

vùng, các đơn vị kinh tế mà xác định yêu cầu quản lý, và trên cơ sở đó xác định cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước quản lý.

Sự phân biệt cơ cấu tổ chức Nhà nước với cơ cấu tổ chức kinh tế có ý nghĩa quan trọng về lý luận và về thực tiễn trong tổ chức bộ máy quản lý kinh tế. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng quản lý kinh tế trên hai phương diện: quản lý hành chính Nhà nước và quản lý kinh doanh. Tổ chức bộ máy quản lý kinh tế cũng có hai loại: tổ chức cơ quan Nhà nước làm việc quản lý hành chính kinh tế, và tổ chức kinh tế làm kinh doanh và quản lý kinh doanh. Hai cơ cấu tổ chức đó có quy luật khác nhau, hoạt động theo những phương thức khác nhau, và có những hình thức tổ chức khác nhau. Cơ quan quản lý hành chính Nhà nước (Hội đồng chính phủ, Bộ, Ủy ban nhân dân, Sở, Ty...) định ra cả kế hoạch, chính sách, chế độ quản lý, đề ra hướng quản lý theo pháp luật, phát triển khoa học kỹ thuật, xét duyệt tổ chức, cán bộ, và tiến hành kiểm tra; nó là cơ quan ngân sách Nhà nước; nó cần được tổ chức một cách tinh giản nhất, và hướng vào việc chỉ đạo phục vụ, kiểm tra các tổ chức kinh tế. Tổ chức sản xuất - kinh doanh là tổ chức làm chức năng trực tiếp tổ chức và hoạt động kinh tế (sản xuất, phân phối và lưu thông...), quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nó là tổ chức hạch toán kinh tế, có quyền tự chủ tài chính, có tư cách pháp nhân; nó được tổ chức theo nguyên tắc tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất.

Một vấn đề nữa có ảnh hưởng quyết định đến tổ chức Nhà nước là phương thức quản lý được áp dụng để quản lý nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở cơ cấu kinh tế, chỉ mới xác định được cấu trúc chung của bộ máy quản lý; cơ cấu kinh tế chỉ mới đề ra những yêu cầu chung về tổ chức bộ máy.

Phương thức quản lý mà Nhà nước áp dụng để quản lý có ý nghĩa quyết định không chỉ ở chỗ nó quy định các phương pháp và cách thức quan hệ của bộ máy quản lý trong quá trình tác động đến các bộ phận hợp thành của cơ cấu kinh tế quốc dân, ngành, địa phương và vùng lãnh thổ, mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với bản thân cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước. Ví dụ, chúng ta đang quản lý chủ yếu theo lối hành chính bao cấp, và như vậy sinh ra các cơ quan hành chính làm nhiệm vụ tổ chức quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm theo kiểu hành chính quan liêu với tất cả các ban, hệ ở tất cả các tầng, nấc từ trung ương đến cơ sở. Chuyển sang phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chúng ta làm cho cơ quan quản lý gần với sản xuất hơn, các tổ chức kinh tế có những mối liên hệ trực tiếp hơn trong sản xuất và phân phối sản phẩm, bớt các tầng nấc trung gian. Trong điều kiện đó các cơ quan Nhà nước, nhất là ở cấp cao, thực hiện nhiều hơn các chức năng quản lý Nhà nước: làm dự toán, vạch kế hoạch dài hạn, vạch phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật, chính sách, chế độ quản lý...; cũng trong điều kiện của phương thức kinh doanh hạch toán kinh tế, bộ máy Nhà nước thực hiện đầy đủ hơn chức năng của mình theo cơ cấu tổ chức phù hợp, các cơ quan quản lý kinh tế hoạt động năng động hơn, gần bó với kinh tế hơn.

Trong vấn đề tổ chức Nhà nước làm chức năng quản lý kinh tế còn một yếu tố quyết định nữa là *đội ngũ cán bộ*, số lượng, cơ cấu và chất lượng cán bộ quản lý. Yếu tố này được xem trọng đến mức mà ở một số nước người ta chọn người có tài năng trước khi định ra cơ cấu tổ chức quản lý của một cơ quan hay đơn vị; cần cứ vào đặc điểm cụ thể, mặt mạnh, mặt yếu của nhà quản lý được lựa chọn mà xác định một cơ cấu tổ chức và chọn người giúp việc phù hợp, nhằm phát huy tối đa tài năng của nhà quản lý và hiệu lực của bộ máy quản lý. Yếu tố con người trong tổ chức, nhất là tổ chức quản lý kinh tế, tổ chức Nhà nước, là yếu tố rất quyết định; chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý tốt (sự thành thạo công việc, tính tháo vát, tài tổ chức, đặc biệt là theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa) là điều kiện quyết định để tổ chức Nhà nước tác động tích cực đến sự phát triển của kinh tế, sự hoàn thiện của cơ cấu kinh tế và phát huy được hiệu quả của công tác quản lý theo phương thức mới. Ngược lại, năng lực của đội ngũ cán bộ yếu thì tổ chức sẽ nặng nề, quản lý không có hiệu quả, thậm chí có thể kìm hãm sự phát triển của kinh tế. Tổ chức và quản lý vừa là khoa học vừa là nghệ thuật; mà nói đến nghệ thuật tức là nói đến yếu tố con người, đến tài năng đặc biệt của bản thân mỗi người.



Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải làm đúng vai trò trung tâm kinh tế, phải luôn giữ vai trò điều khiển các hoạt động kinh tế, bảo đảm một trật tự kinh tế mới, phù hợp với những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Nhà nước của ta, từ trung ương

đến tỉnh, huyện, xã, phải luôn luôn coi trọng việc hoàn thiện và củng cố pháp luật, dùng pháp chế xã hội chủ nghĩa làm công cụ điều tiết các hoạt động kinh tế, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

xã hội. Không can thiệp tác nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và cá thể, giữ vững vai trò điều khiển bằng kế hoạch và các đòn bẩy kinh tế, nắm vững pháp chế, tác động tích cực đến toàn bộ hoạt động sản xuất, lưu thông, phân phối sản phẩm, đó là những nhiệm vụ trung tâm của tổ chức Nhà nước ở các cấp trong lĩnh vực kinh tế. Trong thực tế xây dựng và tổ chức Nhà nước, có khuynh hướng biến Nhà nước thành tổ chức hành chính đơn thuần, tách rời với cơ sở kinh tế, làm cho Nhà nước trở nên quan liêu, xa rời kinh tế, bộ máy nhiều tầng, nhiều nấc trung gian, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống xã hội. Bộ máy quản lý Nhà nước quan liêu, cồng kềnh đó trong thực tế đã làm trầm trọng thêm tính chất phân tán và chia cắt của nền sản xuất, và trong nhiều lĩnh vực nó đã vi phạm tính liên tục của tái sản xuất, tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Trong hoàn cảnh khó khăn, nó đã tạo thêm điều kiện cho những biểu hiện bản vị, cục bộ ở các địa phương và cơ sở, và sự tập trung

quan liêu ở các cơ quan trung ương. Trong nhận thức cũng như trong thực tế, cũng có cả khuynh hướng xem nhẹ chức năng quản lý của Nhà nước như một trung tâm kinh tế, dẫn đến các cơ quan Nhà nước bỏ rơi chức năng quản lý Nhà nước mà lại bao biện làm thay chức năng của giám đốc xí nghiệp, can thiệp một cách trực tiếp và què quặt vào các hoạt động sản xuất — kinh doanh. Thực tế như vậy là hạ thấp vai trò của Nhà nước, làm giảm nhẹ chức năng quản lý Nhà nước và làm yếu pháp quyền Nhà nước.

Phát huy vai trò trung tâm chính trị và trung tâm kinh tế của Nhà nước, nắm vững những mối quan hệ biện chứng giữa tổ chức Nhà nước xã hội chủ nghĩa với cơ cấu kinh tế và phương thức quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, quán triệt nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý trong công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là những yêu cầu quan trọng trong việc củng cố tổ chức và tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Tính chất của Nhà nước ta và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam thể hiện trong Hiến pháp mới

NGUYỄN-NGỌC-MINH

MỘT nội dung quan trọng hàng đầu mà bất cứ một hiến pháp nào

cũng phải quy định, đó là tính chất của Nhà nước. Trong hiến pháp tư sản,

dù nguy trạng tình vi như thế nào chăng nữa, bản chất tư sản của Nhà nước vẫn cứ bộc lộ ra.

Hiến pháp mới của nước ta được Quốc hội nhất trí thông qua ngày 18-12-1980 quy định « Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản » (Điều 2). Đó là một bước tiến mới quan trọng trong quá trình phát triển Nhà nước cách mạng của ta.

Nhà nước chuyên chính vô sản là một Nhà nước kiểu mới.

Trong lịch sử loài người, đã từng có Nhà nước nô lệ, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản. Mặc dù khác nhau về hình thức, ba Nhà nước đó thuộc cùng một kiểu: Nhà nước của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, của chế độ người bóc lột người, Nhà nước chuyên chính của một thiểu số bóc lột đối với đại đa số nhân dân.

Cách đây hơn một trăm năm, Mác và Ăng-ghe-n đã chỉ cho giai cấp vô sản là phải đứng lên lật đổ Nhà nước tư sản, để « tự xây dựng thành giai cấp thống trị » (1). Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học còn vạch ra, rằng giai cấp vô sản phải dùng Nhà nước do mình dựng lên để tước đoạt tư liệu sản xuất trong tay giai cấp tư sản, xây dựng một xã hội mới, tươi đẹp, theo quan niệm của mình. Nhưng do hoàn cảnh lịch sử lúc ấy, chưa có thực tế cách mạng, Mác và Ăng-ghe-n cũng chưa hình dung Nhà nước kiểu mới do giai cấp vô sản dựng lên phải được tổ chức như thế nào.

Phải đợi đến Công xã Pa-ri. Từ đó, Mác đã rút ra nhiều kết luận quan trọng và xây dựng nên lý luận về chuyên chính vô sản và về Nhà nước chuyên chính vô sản của mình.

Khái quát quy luật trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Mác khẳng định:

« Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời

kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô thành xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó, Nhà nước không thể là cái gì khác hơn là *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản* »

Nhà nước chuyên chính vô sản đã được thiết lập lần đầu tiên ở nước Nga xô viết, sau đó ở một số nước khác, trong đó có nước ta.

Đây là một Nhà nước kiểu mới.

Nó khác tất cả các kiểu Nhà nước trước đó ở chỗ: nó xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, từ đó xóa bỏ chế độ người bóc lột người; thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; nó do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng; nó thực hiện chuyên chính đối với bọn phản cách mạng và các giai cấp bóc lột.

Đó là sự chuyên chính của đại đa số nhân dân đối với một thiểu số bóc lột.

Ở nước ta, Nhà nước đã trải qua ba bước phát triển để đi tới Nhà nước chuyên chính vô sản ngày nay.

Năm 1945 Cách mạng Tháng Tám thành công. Với Hiến pháp 1960, Nhà nước ta là *Nhà nước dân chủ cộng hòa*, ra đời sau khi nhân dân ta đã lật đổ chế độ thực dân và chế độ vua quan phong kiến. Hiến pháp 1960 là Hiến pháp của thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ.

Sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, với chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ (1954), miền Bắc được giải phóng và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp 1959 ra đời. Nhà nước ta là *Nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản*. Và ở miền Nam, nhân dân ta phải tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, nhằm thống nhất Tổ quốc.

(1) C. Mác — F. Ăng-ghe-n : *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1974, tr. 78.

Năm 1975, với đại thắng mùa xuân, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp mới của ta xác định Nhà nước ta là *Nhà nước chuyên chính vô sản*.

Sứ mệnh lịch sử của nó là « thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên và tổ chức nhân dân tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt; xóa bỏ chế độ người bóc lột người; đập tan mọi sự chống đối của bọn phản cách mạng trong nước, mọi hành động xâm lược và phá hoại của kẻ thù bên ngoài; xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản; góp phần củng cố hòa bình và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới » (Điều 2).

Sứ mệnh của Nhà nước ta nặng nề như vậy, đó là do đặc điểm của cách mạng nước ta, trong đó đặc điểm lớn nhất là nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất. Chúng ta phải xây dựng từ gốc đến ngọn, vừa phải xây dựng cơ sở hạ tầng mới, vừa phải xây dựng kiến trúc thượng tầng mới, vừa phải xây dựng chế độ chính trị mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tính chất giai cấp của Nhà nước ta còn thể hiện ở chỗ nó bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đây là một cống hiến của Đảng ta vào lý luận về chuyên chính vô sản và về Nhà nước chuyên chính vô sản là nơi biểu hiện tập trung sự lãnh

đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động » (2).

Quan niệm hoàn chỉnh về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa do Đảng ta xây dựng đã được thể chế hóa trong điều 3 của Hiến pháp. Đó là làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, xã hội; làm chủ trong phạm vi cả nước, làm chủ ở từng địa phương, từng cơ sở; làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân.

Hiến pháp còn quy định một cơ chế đề bảo đảm thực hiện quyền làm chủ: làm chủ bằng Nhà nước (thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp); làm chủ bằng các tổ chức xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Tổng công đoàn Việt-nam, Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt-nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam); quần chúng trực tiếp làm chủ ở các cơ sở.

Người chủ tập thể là « nhân dân lao động, bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, các tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, và những người lao động khác mà nông cốt là liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân » (Điều 3).

Tính chất giai cấp của Nhà nước không hề mâu thuẫn với tính dân tộc. Đảng ta ngay từ khi thành lập đã có chính sách dân tộc đúng đắn. Mà chỉ có Đảng mắc xit – lê nin mới có chính sách đúng đắn về vấn đề dân tộc. Điều 5 của Hiến pháp quy định « Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt-nam, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ... Nhà nước có kế hoạch xóa bỏ từng bước sự chênh lệch giữa các dân tộc về trình độ phát triển kinh tế và văn hóa ».

(2) Lê-Duẩn: « Làm chủ tập thể – nội dung cơ bản của Hiến pháp mới », *Tạp chí Cộng sản*, số 12-1980, tr. 6.

Một điểm mới ghi trong Hiến pháp này là việc thành lập Hội đồng dân tộc với nhiệm vụ « nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội và Hội đồng Nhà nước những vấn đề dân tộc; giúp Quốc hội và Hội đồng Nhà nước giám sát việc thi hành chính sách dân tộc » (Điều 91).

Tính chất giai cấp của Nhà nước ta còn được thể hiện ở đường lối đối ngoại. Đó là: « tăng cường tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác về mọi mặt với Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, bảo vệ và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng; đoàn kết với nhân dân các nước đang đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội; thực hiện chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (Điều 11).

Một vấn đề lớn nữa được thể chế hóa trong Hiến pháp mới là *vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam*.

Rõ ràng, « sự gắn bó giữa chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc là chân lý lớn nhất của thời đại ngày nay » (3). Cho nên chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, các dân tộc mới đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản được. Nhà nước chuyên chính vô sản muốn thực hiện được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình nhất thiết phải được sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đây là lần đầu tiên Hiến pháp nước ta ghi một cách trang trọng trong các điều khoản của mình vai trò lãnh đạo của Đảng:

« Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lê-nin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam » (Điều 4).

Đó là điểm rất mới so với Hiến pháp năm 1916 và Hiến pháp năm 1959. Mặc dù trong thực tế cách mạng Việt-nam vẫn do Đảng lãnh đạo, nhưng do hoàn cảnh lịch sử lúc ấy, Hiến pháp 1916 chưa ghi được điều này. Đến 1959, tình hình có khác, Hiến pháp của ta đã công khai nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng, nhưng mới trong Lời nói đầu, chưa ghi trong các điều khoản.

Thật ra vai trò lãnh đạo của Đảng không phải chỉ được thể hiện trong điều 4 của Hiến pháp mới, mà nó được thể hiện trong toàn bộ bản Hiến pháp. Đường lối của Đảng chính là linh hồn của Hiến pháp mới. Đường lối cách mạng Việt-nam trong giai đoạn mới, đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội, quan điểm về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, v.v. do Đại hội IV của Đảng vạch ra đã được thể chế hóa trong Hiến pháp mới.

Từ hơn nửa thế kỷ nay, khi được chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi sáng, Bác Hồ đã đưa cách mạng Việt-nam vào quỹ đạo của cách mạng thế giới. Người viết: « Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới » (4). « Muốn cứu nước và giải phóng

(3) Lê-Duẩn: « Làm chủ tập thể — nội dung cơ bản của Hiến pháp mới », *Tạp chí Cộng sản*, số 12-1980, tr. 2.

(4) Nguyễn-Ái-Quốc: *Đây « công lý » của thực dân Pháp ở Đông-dương!* Nxb Sự-thật, Hà-nội, 1962, tr. 97.

dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản».

Những điều khoản quy định trong Hiến pháp mới phản ánh sâu đậm tinh cảm và lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân đối với Đảng lãnh đạo.

Hiến pháp mới quy định như vậy vừa phù hợp với lòng dân, vừa phù hợp với quy luật của lịch sử. Đã từ lâu, Đảng thân yêu đã ở trong trái tim của mọi người. Ngày nay vai trò lãnh đạo của Đảng được « pháp luật hóa », được « Nhà nước hóa », thì tinh sâu nghĩa nặng đó được công khai hóa, chính thức hóa bằng pháp luật của Nhà nước. Dù là đảng viên hay không đảng viên, mọi người dân Việt-nam đều có quyền và có vinh dự được coi Đảng cộng sản Việt-nam là đảng của mình. Đó là bước phát triển mới.

Một điều rất đặc sắc nữa là trong Điều 4 của Hiến pháp mới có ghi: « Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp ». Đây là sự vận dụng rất đúng đắn lý luận về Đảng lãnh đạo chính quyền. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không thay thế Nhà nước. Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Nhà nước quản lý theo pháp luật, pháp luật cao nhất là Hiến pháp. Mà Hiến pháp, cũng như pháp luật nói chung, là thể chế hóa đường lối của Đảng. Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp chính là tuân theo đường lối của Đảng.

Quy định như vậy có tác dụng góp phần ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện độc đoán, chuyên quyền của một số cán bộ, đảng viên. Cũng chính theo tinh thần đó, trong điều 3, điều 2 của Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam có ghi rõ một trong những nhiệm vụ của đảng viên là phải « nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước ». « Đảng bắt buộc tất cả các tổ chức, các cán bộ, đảng viên của Đảng tôn trọng quyền lực của cơ quan Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và các quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng » (5).



Từ nửa thế kỷ nay, chiến đấu dưới lá cờ quang vinh của Đảng, nhân dân ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày nay, vai trò lãnh đạo của Đảng được trang trọng ghi trong Hiến pháp mới. Thi hành Hiến pháp là thực hiện đường lối của Đảng. Dù là đảng viên hay không đảng viên, mọi người ngày càng nhận thức sâu sắc sự thống nhất này. Nhận thức đó nhất định biến thành hành động cách mạng.

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 69.

LUẬT BẦU CỬ CỦA CHẾ ĐỘ LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHAN-TRUNG-LÝ

TRÊN cơ sở Hiến pháp mới, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội đã được Quốc hội thông qua ngày 18-12-1980.

Luật bầu cử này sẽ góp phần vào việc nêu cao hơn nữa vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

hoàn thiện dần chế độ làm chủ tập thể ở nước ta.

1 — Bảo đảm sự bình đẳng thật sự trong bầu cử là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội.

Pháp luật tư sản với sự dối trá tinh vi đã nặn ra nhiều thủ đoạn bịp bợm để giành độc quyền cho giai cấp tư sản trong bầu cử. Nguyên tắc cơ bản của luật bầu cử tư sản được xây dựng trên sức mạnh của đồng tiền và núp dưới chiêu bài « tự do », « bình đẳng », « bác ái ». Những thủ đoạn và điều kiện do pháp luật tư sản định ra hạn chế đến mức tối thiểu quyền bầu cử của người lao động.

Ngược lại, pháp luật xã hội chủ nghĩa tạo mọi điều kiện để nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên tắc bình đẳng thật sự được pháp luật xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo đảm.

Điều 2 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định: « Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ hai mươi một tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước các quyền đó ».

Luật bầu cử tư sản lợi dụng sự khác nhau về « dân tộc », « nam nữ », « thành phần xã hội », « tín ngưỡng tôn giáo », « trình độ văn hóa », « nghề nghiệp », « thời hạn cư trú » để bảo vệ đặc quyền của giai cấp tư sản và hạn chế quyền của nhân dân lao động.

thi Luật bầu cử của ta tuyên bố không phân biệt trên các vấn đề đó vì chế độ ta là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nó luôn luôn tạo điều kiện để đồng đảo nhân dân lao động tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình.

Trong xã hội tư bản, từ chỗ có quyền bầu cử đến chỗ có thể được bầu, là một khoảng cách rất xa và đối với số đông thường là khoảng cách không thể vượt qua được. Người có quyền bầu cử muốn được bầu phải có đủ một loạt điều kiện (đặc biệt là điều kiện về tài sản) kèm theo. Đối với chúng ta, ngoài điều kiện về tuổi, những người có quyền bầu cử đều có thể được bầu vào Quốc hội. Quy định độ tuổi có thể được bầu vào Quốc hội cao hơn độ tuổi của người có quyền bầu cử là cần thiết, vì ngoài yêu cầu có ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân đối với mọi công dân đi bầu, đối với đại biểu Quốc hội còn có một loạt yêu cầu khác như có kinh nghiệm sống, có trình độ nhận thức xã hội chính trị để giải quyết những vấn đề quốc kế dân sinh...

Tinh hơn hẳn của chế độ ta còn thể hiện ở chỗ: trong đạo luật về bầu cử, Nhà nước bảo đảm cho quân nhân có quyền bầu cử và có thể được bầu vào Quốc hội như những công dân khác. (Ở các nước tư bản, quân nhân không được hưởng các quyền này).

Trong xã hội tư bản, kết quả bỏ phiếu phụ thuộc vào số tiền do mỗi người ứng cử bỏ ra; muốn trúng cử, mỗi ứng cử viên phải chi phí vào việc mua lá phiếu đến hàng triệu đô la; theo sự đòi thay của thời giá, số tiền chi phí này mỗi ngày một tăng. Ví dụ: năm 1846, khi Lin-côn ứng cử tổng thống Mỹ, bạn bè đã chi phí cho việc cổ động đề bầu cử ông ta là 200 đô la; ngày nay, mỗi ứng cử viên vào nghị viện phải mất 5 triệu đô la.

mỗi ứng cử viên tổng thống phải chi phí 100 triệu đô la; riêng ở đại hội toàn quốc của Đảng cộng hòa hay Đảng dân chủ, đề được giới thiệu ứng cử tổng thống mỗi ứng cử viên phải bỏ ra 10 triệu đô la.

Ở ta, nhằm bảo đảm điều kiện vật chất cho tất cả công dân đều có thể thực hiện quyền chính trị do pháp luật công nhận, điều 7 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định: « Kinh phí về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách Nhà nước đài thọ ».

Đề bảo đảm quyền làm chủ thật sự của công dân trong bầu cử, luật quy định, ngoài các trường hợp đặc biệt, « cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay... » (Điều 36); trong tất cả mọi trường hợp « lúc cử tri viết phiếu, không ai được đến xem, kể cả nhân viên tổ bầu cử... » (Điều 38). Khi đi bầu, cử tri ý thức được rằng: mình đang góp phần bầu ra Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Họ hiểu được rằng: trong bầu cử, không những họ giải quyết vấn đề bầu ai, mà họ còn góp phần quyết định hướng hoạt động của Nhà nước.

2 — Vai trò của các đoàn thể nhân dân trong bầu cử và việc giới thiệu người ra ứng cử.

Đề phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, việc nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân nói chung và trong bầu cử nói riêng là hết sức cần thiết.

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội lần này dành vị trí xứng đáng cho Mặt trận Tổ quốc Việt-nam — một tổ chức thể hiện đầy đủ sự đoàn kết toàn dân,

sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tổ chức giáo dục và động viên nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước chuyên chính vô sản. Điều 6 của Luật ghi rõ: « Mặt trận Tổ quốc Việt-nam có trách nhiệm cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội ». Các điều khoản tiếp theo đều thể hiện rõ ý này; tất cả các khâu quyết định trong chuẩn bị và tổ chức bầu cử đều có sự tham gia của Mặt trận ở trung ương cũng như ở địa phương.

Vai trò của Mặt trận được khẳng định trong việc tổ chức bầu cử, tổ chức bãi miễn đại biểu Quốc hội khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tin nhiệm của nhân dân. Điều 66 của Luật viết: « Hội đồng Nhà nước quyết định tổ chức việc đề cử tri bỏ phiếu bãi miễn đại biểu Quốc hội theo kiến nghị của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc đơn vị hành chính cấp tương đương ».

Trong bầu cử, khâu then chốt là khâu giới thiệu người ra ứng cử: khâu này thể hiện rõ nhất tinh thần của Nhà nước, của chế độ.

Ở các nước tư bản, giới thiệu người ra ứng cử là việc của tập đoàn tư bản này, tập đoàn tư bản nọ, của đảng này, đảng nọ. Ở nước ta, việc giới thiệu người ra ứng cử là việc của mỗi người dân, việc của tập thể những người làm chủ. Trong xã hội tư bản, quyền giới thiệu người ra ứng cử dù có núp dưới nhãn hiệu nào đi nữa, « tự do » hay « bình đẳng », thuộc đảng « con voi » hay đảng « con lừa », cũng đều là quyền của lũ cá mập, quyền của những ông chủ tư liệu sản xuất, quyền của một nhóm người ít ỏi nhưng nắm phần lớn của cải của đất nước.

Điều 26 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt-nam khẳng định quyền giới thiệu người ra ứng cử là quyền của nhân dân lao động và ghi rõ: «Ở mỗi đơn vị bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt-nam kết hợp việc tham khảo ý kiến của tập thể nhân dân lao động ở cơ sở với việc hiệp thương với các chính đảng, các đoàn thể nhân dân để giới thiệu danh sách những người ứng cử». So với các quy định trước, đây là bước tiến dài của chúng ta trên con đường xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Theo điều 26 trên đây, một người muốn ra ứng cử đại biểu Quốc hội phải được sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt-nam. Còn nhớ, điều 21 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1959 ghi: «... Cá nhân có quyền tự ra ứng cử». Đây là vấn đề chiếu cố đến miền Nam trong lúc nước ta còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền, và việc tập thể bàn bạc giới thiệu người ra ứng cử còn là việc mới đối với một số người. Ngày nay, mỗi người dân đều hiểu được rằng: hình thức làm chủ tốt nhất là làm chủ bằng Nhà nước, thông qua các tổ chức đoàn thể của mình. Thực tế cho thấy: trong các cuộc bầu cử Quốc hội khóa III, khóa IV, khóa V chỉ có ba người tự ra ứng cử (trong đó có hai người ra ứng cử hết khóa này đến khóa khác) nhưng cả ba người đều không trúng cử. Như vậy, chế độ cá nhân tự ra ứng cử chỉ có tính chất hình thức chủ nghĩa, không thích hợp, không cần thiết, cần được loại bỏ. Và việc không công nhận chế độ cá nhân tự ra ứng cử thể hiện sự tôn trọng quyền làm chủ của tập thể của nhân dân lao động trong điều kiện mới.

3 — Quyền giám sát và bãi miễn của nhân dân đối với đại biểu do mình bầu ra.

Từ lúc được giới thiệu ra ứng cử cho đến khi hết nhiệm kỳ Quốc hội,

đại biểu Quốc hội chịu sự giám sát của nhân dân. Pháp luật bảo đảm cho nhân dân thực hiện đầy đủ quyền giám sát của mình để cho «Những người được cử vào Quốc hội sẽ luôn luôn cố gắng xứng đáng là những người đầy tớ trung thành của đồng bào, những đại biểu cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội» (1) như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến đã dạy.

Mỗi cử tri, mỗi người dân có quyền và có trách nhiệm giám sát sự thực hiện luật bầu cử. Yêu cầu mọi người, mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức nghiêm chỉnh thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa trong bầu cử, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định quyền giám sát của cử tri từ lúc lập danh sách cử tri (các điều 23, 24), giới thiệu người ra ứng cử (các điều 26, 29, 31) đến khi kiểm tra kết quả bầu cử (điều 21).

Để nhân dân thực hiện tốt quyền giám sát của mình, Điều 71 của Luật quy định: «Mọi người có quyền tố cáo những việc làm trái phép trong lúc bầu cử hoặc bãi miễn đại biểu Quốc hội. Ai cản trở hoặc trả thù người tố cáo thì có thể bị phạt tù đến ba năm».

Quyền giám sát của nhân dân luôn luôn đi liền với quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội. Phát triển Điều 7 của Hiến pháp mới: «... Cử tri có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu đại biểu đó không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân». Luật bầu cử đại biểu Quốc hội dành hẳn một chương để nói về bãi miễn đại biểu Quốc hội.

(1) Lời phát biểu của Hồ Chủ tịch tại Đại hội nhân dân thủ đô chào mừng các vị ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hà-nội ra mắt cử tri, ngày 24-4-1960. Báo *Nhân dân*, ngày 25-4-1960.

Chương này trong Luật bầu cử mới thể hiện tinh ưu việt của chế độ ta. Nó nhấn mạnh một lần nữa « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân » như Điều 6 của Hiến pháp mới đã quy định.

Việc bãi miễn đại biểu không đủ tư cách thay mặt cho dân là việc làm thể hiện bản chất của Nhà nước ta — Nhà nước « của dân, do dân và vì dân ». Quy định quyền bãi miễn của cử tri đối với đại biểu do mình bầu ra, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã trao một trong những công cụ thiết yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, bảo đảm chế độ trách nhiệm của đại biểu đối với cử tri, thực tế hóa quyền lực của nhân dân đối với các cơ quan dân cử.

Quyền bãi miễn và thủ tục tổ chức bãi miễn được quy định trong Luật là điều mới và cần thiết do yêu cầu của tình hình thực tế. Lê-nin đã nói rằng: « từ chối, không chịu áp dụng quyền bãi miễn, trì hoãn thi hành quyền đó, hạn chế nó, thì như thế tức là phản lại dân chủ và hoàn toàn từ bỏ nguyên tắc chủ yếu và nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu ở nước Nga » (2).

4 — Luật mới về bầu cử đại biểu Quốc hội là đạo luật của bước đường hoàn thiện dần chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Luật bầu cử dành cho Hội đồng Nhà nước quyền ấn định số đại biểu cụ thể cho mỗi đơn vị bầu cử theo số dân; mỗi đơn vị có số dân như nhau thì được bầu số đại biểu như nhau. Số dân của mỗi đơn vị là cơ sở để tính số đại biểu mà đơn vị được bầu. Nguyên tắc này được kết hợp với thực tế của đất nước đang ở trong

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từng bước hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Thực tế đó yêu cầu lợi ích của từng bộ phận, từng địa phương phải phục tùng lợi ích toàn cục, lợi ích của cả nước.

Theo tinh thần đó, đối với thủ đô, đối với các vùng dân tộc thiểu số và đối với một số trường hợp khác, Luật bầu cử có danh phần ưu tiên.

Riêng đối với Hà-nội là thủ đô của cả nước, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, là nơi có những cơ quan đầu não của cả nước, Điều 9 của Luật quy định: « ... Hội đồng Nhà nước dành cho thủ đô Hà-nội số đại biểu thích đáng ».

Nếu cứ tính theo số dân thì có đơn vị hành chính cấp tương đương tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương (cụ thể hiện nay là đặc khu Vũng-tàu — Côn-dảo) chưa đủ để bầu một đại biểu Quốc hội. Để bảo đảm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính cấp tương đương có số đại biểu cần thiết đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, nói lên tiếng nói của nhân dân trong đơn vị đó ở Quốc hội, Điều 9 của Luật bầu cử quy định: « Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính cấp tương đương được bầu ít nhất hai đại biểu ».

Để thực hiện kế hoạch của Nhà nước, « xóa bỏ từng bước sự chênh lệch giữa các dân tộc về trình độ phát triển kinh tế và văn hóa » (Điều 5 của Hiến pháp mới), Luật bầu cử đã chú ý dành cho các dân tộc thiểu số một tỷ lệ đại biểu Quốc hội thích đáng, nghĩa là cao hơn tỷ lệ trung

(Xem tiếp trang 37)

(2) V.I. Lê-nin: « Dự thảo sắc lệnh về quyền bãi miễn », *Toàn tập, tiếng Việt*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 35, trang 126.

Mấy vấn đề về quản lý để xây dựng một nền văn hóa mới

TRẦN · ĐỘ

VIỆC quản lý văn hóa của Nhà nước phải gắn chặt với sự lãnh đạo văn hóa của Đảng. Cho rằng văn hóa chỉ là một mặt trận về tinh thần, tư tưởng thì công tác lãnh đạo văn hóa chỉ quan tâm hướng dẫn về nội dung chính trị, tư tưởng là không đúng. Hiện nay, khi nhiệm vụ cách mạng đặt ra là phải xây dựng một nền văn hóa mới thì công tác lãnh đạo văn hóa không thể chỉ như vậy, mà phải lãnh đạo việc xây dựng văn hóa cả về cơ sở vật chất, tổ chức, lực lượng và hướng dẫn nội dung tinh thần, tư tưởng.

Văn hóa là toàn bộ hình thức sinh hoạt tinh thần, nhưng những hình thức sinh hoạt tinh thần này được thể hiện qua những dạng khác nhau: tổ chức, cơ sở vật chất,

phong trào... Đó chính là những điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ tập thể về văn hóa, hưởng thụ và sáng tạo văn hóa. Cho nên, cần coi đó là những căn cứ để xác định nội dung xây dựng nền văn hóa mới, cụ thể gồm những điểm sau đây:

1 - Xây dựng nền văn hóa nghệ thuật có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc sâu sắc.

2 - Xây dựng các cơ sở văn hóa trong cả nước, hình thành từng bước các trung tâm văn hóa từ cơ sở đến toàn quốc (trong các trung tâm văn hóa có các hệ thống công trình văn hóa như Nhà văn hóa thư viện, nhà bảo tàng, hiệu sách, v.v.), có các phong trào dung nạp tất cả các đối tượng và có tổ chức bảo đảm hoạt động đúng hướng.

3 - Xây dựng các phong trào văn hóa văn nghệ thành phong trào quần chúng.

Văn hóa văn nghệ có những đặc thù trong hoạt động sáng tạo, cho nên lãnh đạo và quản lý công tác văn hóa phải nắm được những đặc thù ấy, không thể coi công tác văn hóa (đặc biệt là công tác văn học nghệ thuật) giống như bất cứ công tác nào. Nếu coi văn học nghệ thuật có một quy trình sản xuất thì quy trình sản xuất này có những đặc điểm của nó :

- Tổ chức sản xuất có khi là tập thể và có khi là cá nhân. Mỗi cá nhân phải hoàn thành đầy đủ một quy trình sản xuất để làm ra một sản phẩm ; hoặc, trong một tập thể sản xuất, mỗi cá nhân nhắc lại nhiệm vụ của mình trong quy trình luôn luôn sáng tạo, đổi mới, không bao giờ lặp lại. Các sản phẩm (sáng tác hoặc biểu diễn) ra từng cái một và khác nhau - chỉ có khi dùng kỹ thuật để phổ biến rộng rãi mới ra hàng loạt (sách, phim ảnh).

- Luôn phải đầu tư sớm, đầu tư lớn, đầu tư toàn diện và không dự đoán được hoàn toàn chính xác sản phẩm như thế nào.

- Thời gian thu hoạch lại thường là muộn và kéo dài. Phần thu hoạch lại về tài chính, kinh tế, có khi cân bằng, có khi lãi, có khi không cân bằng, thậm chí lỗ lớn, nhưng phần thu hoạch về tinh thần nhiều khi lớn lao không thể tính hết và tác dụng lâu bền có khi hàng thế kỷ. Sản phẩm (tác phẩm) có chất lượng càng cao thì theo thời gian và không gian, giá trị càng tăng, quy mô tiêu thụ không tính được.

- Với yêu cầu luôn luôn sáng tạo, sản phẩm làm ra phải mới (và lạ), nhưng không thể sử dụng "phòng thí nghiệm". Sản phẩm phải được thử thách trong sự cảm thụ và đánh giá của quần chúng. Sản phẩm làm ra có

thành công sớm và thành công muộn, thành công ngắn hạn và thành công dài hạn, thậm chí có khi trải qua thất bại rồi mới thành công.

Hoạt động văn hóa văn nghệ là hoạt động vật chất và tinh thần. Sản phẩm và hiệu quả của nó chủ yếu là về tinh thần. Nhưng lại phải thông qua những hoạt động vật chất và những điều kiện vật chất (nguyên liệu, giấy, phim, nhà hát, nhạc cụ, các nguyên liệu cho điêu khắc, kiến trúc, hội họa, v.v.) để thể hiện, cho nên hoạt động văn hóa văn nghệ có mặt kinh tế và mặt tư tưởng. Do đó, việc quản lý văn hóa của Nhà nước cũng đang đặt ra nhiều vấn đề.

Trước hết, việc quản lý văn hóa phải được thể hiện trong kế hoạch Nhà nước và sự bố trí ngân sách. Hiện nay, kinh phí về văn hóa - xã hội chiếm trên 12% ngân sách toàn quốc và được chia thành 4 nhóm, phân bổ như sau :

- Nhóm 1: ngành giáo dục, được khoảng 31% ngân sách văn hóa xã hội.

- Nhóm 2: ngành y tế, được trên 23,5% ngân sách văn hóa xã hội.

- Nhóm 3: thương binh xã hội, được gần 40% ngân sách văn hóa xã hội.

- Nhóm 5: có 5 ngành là văn hóa, thể dục thể thao, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình, thông tấn xã, bảo vệ bà mẹ trẻ em, được gần 7,5% ngân sách văn hóa xã hội. Chia nhóm như vậy là coi văn hóa như một thứ phụ. Và theo bố trí của ngân sách, văn hóa là một công cụ ít tiền nhất. Ngân sách như vậy làm sao đáp ứng được yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa theo quy mô thích đáng ?

Theo một sự điều tra ở 20 xã miền Bắc thì chỉ cho bình quân đầu người một năm về văn hóa ở xã ít nhất là 3 xu, ở xã nhiều nhất là 24 đồng ở

đây cũng bộc lộ một nhược điểm về pháp lý là ngành văn hóa không có điều kiện dễ tác động đến sự phát triển nhanh chóng của toàn ngành trong toàn quốc theo một quy định hay một ý đồ thống nhất, mà sự phát triển còn phụ thuộc nhiều vào ý thích hoặc những nhận thức cục bộ, ở từng địa phương.

Văn hóa bao gồm nhiều mặt hoạt động có tính chất kinh tế. Có những hoạt động dễ tạo ra sản phẩm văn hóa. Văn hóa phẩm có giá trị sử dụng chủ yếu là giá trị tinh thần, nhưng đồng thời cũng là một sản phẩm có tính chất hàng hóa, có giá trị trao đổi, ví dụ các phim điện ảnh, các tác phẩm mỹ thuật, các sách và tranh ảnh. Để có các sản phẩm văn hóa, cần có những hoạt động có tính chất công nghiệp, như sản xuất phim điện ảnh, in và phát hành sách, tranh ảnh, v.v. Cũng có những sản phẩm văn hóa không tồn tại như một vật thể, mà chỉ tồn tại trong sự hoạt động của con người được huấn luyện đặc biệt: đó là những lời ca, tiếng đàn, những tiết mục sân khấu. Nhưng đồ dùng cho các hoạt động này vừa là vật liệu, phương tiện, dụng cụ của hoạt động nghệ thuật, vừa là một loại sản phẩm văn hóa: nhạc cụ, các đồ trang trí mỹ thuật, phần sắp, trang phục, đạo cụ, các máy phát thanh, loa, mi crô, các loại đèn chiếu sáng, v.v.

Việc sản xuất và cung ứng các vật tư trên thường diễn ra như sau:

Hoặc là tất cả các vật tư (ở dạng nguyên liệu, vật liệu hoặc ở dạng sản phẩm) dùng cho hoạt động văn hóa nghệ thuật đều do các ngành kinh tế như công nghiệp cơ khí, công nghiệp nhẹ, hóa chất, v.v. cung cấp, ngành văn hóa chỉ có việc phân phối cho các đơn vị sử dụng.

Hoặc là tất cả các vật tư do ngành văn hóa phải tự mình tổ chức sản

xuất ra, cung ứng cho các đơn vị trong ngành sử dụng và đồng thời cung ứng cho tất cả các đơn vị hoạt động văn hóa nghệ thuật của các ngành khác trong toàn quốc.

Các loại vật tư kể trên có mấy đặc điểm:

a) Có loại vật tư thông dụng trong đời sống hằng ngày, dùng cho nhiều ngành, hoặc cho đông đảo nhân dân, như vải vóc, sơn phấn, bóng đèn, giấy, bột màu.

b) Có loại vật tư chuyên dùng trong ngành văn hóa nghệ thuật, các ngành khác và nhân dân không dùng hoặc ít dùng.

c) Những loại vật tư cho văn hóa, thường không yêu cầu số lượng lớn, nhưng lại yêu cầu có chất lượng riêng với nhiều quy cách phức tạp khác nhau.

d) Có những thứ vật tư lúc đầu chỉ là vật tư chuyên dùng, nhưng khi xã hội phát triển, đời sống kinh tế lên cao thì nó lại trở thành vật tư phổ biến trong đời sống nhân dân, ví dụ phim chụp ảnh, giấy ảnh, bột vẽ, các thiết bị âm thanh, v.v.

Đối với các loại vật tư nói trên, có ý kiến cho rằng ngành văn hóa không nên quản lý việc sản xuất mà chỉ nên quản lý các cơ quan hoạt động sự nghiệp vì ngành văn hóa không biết làm kinh tế, sản xuất. Lại có ý kiến cho rằng các thứ vật tư liên quan đến hoạt động văn hóa phải hoàn toàn do ngành văn hóa đứng ra tổ chức sản xuất và cung ứng. Cả hai ý kiến đều có chỗ không đúng và khó thực hiện.

Trong thực tế, một số hoạt động văn hóa đã và vẫn mang tính chất hoạt động sản xuất: làm phim điện ảnh (phim truyện, phim hoạt họa, v.v.) và có những mặt hàng đòi hỏi những yêu cầu kỹ thuật - nghệ thuật, cần phải do các chuyên gia của ngành văn

hóa giải quyết, ví dụ như sản xuất nhạc cụ, sản xuất đĩa hát, sản xuất bột vữa, v.v. Như vậy ngành văn hóa không phải chỉ đơn thuần là một ngành quản lý sự nghiệp mà phải là một ngành có sự quản lý sản xuất kinh doanh. Đầu tư và cân đối kế hoạch cho ngành văn hóa không phải chỉ là một sự đầu tư cho một hoạt động sự nghiệp, mà phải tính như cho một ngành có những hoạt động sản xuất kinh doanh có quan hệ đến đời sống hằng ngày của nhân dân. Quản lý văn hóa không có nghĩa là chỉ quản lý hoạt động tinh thần, những hoạt động tiêu phí, mà phải quản lý cả các hoạt động sản xuất. Vì vậy đặt văn hóa vào lĩnh vực hoạt động phi sản xuất vật chất là không hoàn toàn đúng.

Ngoài ra, cần phải quan tâm xây dựng một chính sách đầu tư vật tư và tài chính cho nghệ thuật. Sự đầu tư này phải tính đến những đặc thù của hoạt động sáng tạo, không thể coi như đầu tư cho bất cứ một ngành sản xuất vật chất, sản xuất hàng hóa tiêu dùng nào khác. Phải tính đến giá trị nghệ thuật có thể có của sản phẩm.

Việc quản lý văn hóa nghệ thuật của Nhà nước bao gồm sự quản lý hoạt động của Bộ văn hóa và cả hoạt động của các Hội văn học nghệ thuật, các Hội văn học nghệ thuật cần được coi

như các đoàn thể quần chúng cơ bản của Đảng bên cạnh Đoàn thanh niên. Hội phụ nữ, Công đoàn. Hiện nay riêng các hội chuyên ngành văn học nghệ thuật đã bao gồm trên 3000 hội viên, đó là những nghệ sĩ đang hoạt động tích cực. Ngoài ra còn đến gần 20 tỉnh đã có Hội văn nghệ địa phương hoặc đang thành lập Hội. Mỗi địa phương cũng có hàng trăm hội viên. Những hội này từ trước đều bị coi như những tổ chức chỉ có hoạt động tiêu phí. Các hội đều chưa được phép (vì thực tế cũng chưa đủ khả năng) hoạt động kinh tế để có thể có lãi, có tài chính và mở rộng các hoạt động của mình, nhất là để tạo điều kiện vật chất cho các nghệ sĩ sáng tác hoạt động được thuận lợi. Trong khi ấy thì sự trợ cấp của Nhà nước còn mang nặng tính chất « cứu trợ ». Nhà nước chưa thể hiện được sự quan tâm đặc biệt để có sự đầu tư thích đáng vào lĩnh vực sản xuất tinh thần, cho nên các hội chưa thể hoạt động như những đoàn thể « sản xuất tinh thần » được.

Đánh giá đúng vị trí các hội, có đầu tư thích đáng cho hoạt động của các hội, có những sự « đặt hàng » cho các hội và có những quy định về mặt pháp lý cho các hội phát triển hoạt động sản xuất tinh thần, đó cũng là nội dung quan trọng của chức năng quản lý văn hóa của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.



Một chức năng quản lý khác nhằm phát triển sự nghiệp văn hóa là xây dựng đội ngũ cán bộ cho ngành văn hóa. Ngành văn hóa có nhiều ngành hoạt động cho nên cần có rất nhiều loại cán bộ khác nhau. Nhưng khái

quát lại có thể nói văn hóa yêu cầu mấy loại cán bộ chính như sau :

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý,
- Cán bộ nghệ thuật (đúng hơn là các nghệ sĩ),

— Cán bộ kinh tế — văn hóa,

— Cán bộ kỹ thuật văn hóa.

Trong các loại cán bộ đó thì việc đào tạo các nghệ sĩ có nhiều khó khăn nhất. Đào tạo nghệ sĩ nghĩa là phải đào tạo những người có tài năng đặc biệt, có khả năng sáng tạo mạnh mẽ, có nhiệt tình say mê với nghệ thuật. Như vậy:

— Không thể tuyển sinh một cách ồ ạt — phải có cả một hệ thống hoạt động để phát triển năng khiếu nghệ thuật từ lứa tuổi nhỏ nhất ở tất cả các nơi trong nước. Cái này hiện nay ta chưa có. Do đó có thể ta đã lãng phí nhiều tài năng đặc biệt.

— Phải đào tạo chuyên sâu vào một môn nghệ thuật từ lúc còn nhỏ tuổi, không thể chờ học phổ thông rồi mới đi vào chuyên ngành như các ngành khác, để bảo đảm thời gian hoạt động nghệ thuật được thích hợp. Diễn viên múa, xiếc và đa số diễn viên kịch, hát, hoạt động tốt trong khoảng từ 17 tuổi đến 35 tuổi. Có những môn cần học 7 — 10 năm, thậm chí lâu hơn nữa mới có thể ra hoạt động.

— Đối với nhiều môn, phải đào tạo theo lối cá biệt một thầy một trò, thậm chí một trò nhiều thầy.

— Cần có đủ điều kiện bảo đảm sức khỏe, bảo đảm sự phát triển cơ thể và có những hoạt động sáng tạo ngay trong quá trình học tập.

— Cần có những kiến thức xã hội rất rộng, lại cần có kiến thức chuyên môn rất sâu, phải tập luyện gian khổ và công phu.

Cán bộ quản lý ngành văn hóa vừa phải có năng lực và trình độ quản lý về kinh tế, về tổ chức và chính trị, vừa phải có những kiến thức rộng về các ngành hoạt động văn hóa nghệ thuật. Ngành văn hóa cần có nhiều loại cán bộ quản lý. Có cán bộ quản lý chung, có cán bộ quản lý một cơ sở hoạt động sự nghiệp như Nhà văn

hóa, Viện bảo tàng, thư viện. Có cán bộ quản lý một xí nghiệp sản xuất với những yêu cầu đặc thù của nghệ thuật. Có những cán bộ quản lý các đơn vị nghệ thuật (các nhà hát, các đoàn văn công, các xưởng mỹ nghệ), v.v.

Cho đến nay, ngành văn hóa đang rất thiếu các loại cán bộ quản lý. Các cán bộ quản lý chung ở bộ và sở bị đứt nguồn kế tiếp vì từ trước ta chưa hề có sự đào tạo loại cán bộ quản lý văn hóa này. Đồng thời ngành văn hóa hiện nay cũng chưa vạch ra được một quy hoạch đào tạo cán bộ cả dài hạn và ngắn hạn. Có thể nói là chưa có những căn cứ đáng tin cậy để vạch ra được quy hoạch như vậy. Đó là vì Nhà nước ta chưa hề có một quy chế gì về hệ thống hoạt động văn hóa cho cả nước và cho các cấp từ trung ương đến cơ sở. Nếu ngành giáo dục có được quy chế về hệ thống và mạng lưới nhà trường để dự tính sự phát triển và lấy đó làm căn cứ cho quy hoạch đào tạo cán bộ, ngành y tế có một quy chế về hệ thống và mạng lưới các cơ sở y tế, thì ngành văn hóa chưa có như vậy. Những ý kiến về hệ thống các sở văn hóa, và mạng lưới các cơ sở và tổ chức hoạt động văn hóa chỉ mới là những ý kiến có tính chất nghiệp vụ, riêng của ngành văn hóa. Và ngay những ý kiến này cũng còn gặp phải nhiều vấn đề có liên quan đến các ngành (như phát thanh và truyền thanh) chưa được giải quyết, chưa có sự nhất trí. Chính vì vậy các loại cán bộ của ngành văn hóa đều ở trong một tình trạng không ổn định. Ở nhiều tỉnh, những cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng để làm các công tác nghiệp vụ cho văn hóa thì đến 80% bị điều động đi làm việc khác. Hiện nay có tình trạng: ai làm cán bộ văn hóa cũng được và điều cán bộ văn hóa đi làm bất cứ việc gì khác cũng được.

Muốn quy hoạch được việc đào tạo cán bộ, phải tiêu chuẩn hóa cán bộ.

Muốn tiêu chuẩn hóa cán bộ, phải có quy chế về hệ thống tổ chức và mạng lưới các cơ sở hoạt động văn hóa từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Hiện nay ngành văn hóa đã tạm quy định những công trình cần phải có ở thị trấn huyện và ở xã. Ví dụ, ở huyện cần có một số công trình (và tổ chức hoạt động) như sau:

- Nhà văn hóa huyện (có cả hoạt động thông tin).
- Thư viện huyện.
- Khu triển lãm.
- Công viên.
- Nhà hát nhân dân (ngoài trời).
- Tùy từng huyện có thể có Bảo tàng hoặc Nhà truyền thống, và các cơ sở kinh doanh như rạp chiếu bóng, hiệu sách, hiệu ảnh.

Những công trình trên cộng với đài phát thanh hoặc truyền thanh, trường học cấp III, bệnh viện huyện, sân vận động huyện tạo thành trung tâm văn hóa của huyện. Ở xã, cũng có một số công trình, nhưng hiện nay ngành văn hóa đang khuyến khích các xã xây dựng và lập nhà văn hóa xã, bằng cách tận dụng các cơ sở cũ (đình, chùa, hội trường) hoặc xây dựng mới theo kiểu tạm thời, nơi nào có điều kiện vật liệu thì xây dựng kiên cố, vĩnh cửu.

Đó là chưa kể những di tích lịch sử, những thắng cảnh cần phải tu bổ, xây dựng và có tổ chức biện chế để bảo quản và tiến hành các dịch vụ thu hút khách tham quan.

Việc xây dựng những công trình và tổ chức trên cần được Nhà nước quy định chính thức thì mới có căn cứ ổn định để tính toán nhu cầu cán bộ cụ thể cho từng ngành và từ đó mới xác định được quy hoạch đào tạo cán bộ và mạng lưới, hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng.

Hơn nữa đừng về mặt quản lý ngành, ngành văn hóa có được trao nhiệm vụ quản lý vốn, sử dụng vốn, thì mới có thể xác định được quy hoạch và khả năng cụ thể của các địa phương, dự kiến được các bước phát triển về văn hóa của cả nước.

Về tổ chức bộ máy và lực lượng hoạt động văn hóa, hiện nay cũng đang còn mắc mưu. Ở xã, tình hình rất khác nhau. Hơn nữa tổ chức sản xuất ở các hợp tác xã chưa ổn định. Ở miền Nam mới đang ở quá trình hợp tác hóa. Ở miền Bắc các hợp tác xã đang còn chia ra nhập vào. Bộ máy ở xã cũng chưa có một mô hình thống nhất.

Tình hình trên đòi hỏi sớm ổn định mô hình tổ chức từ tỉnh đến xã, trên cơ sở đó mới tạo được thể ổn định cho công tác văn hóa.

Một vấn đề nữa là quản lý pháp luật và chính sách.

Hiện nay ta chưa có một bộ luật thống nhất và cũng chưa có một hệ thống chính sách bảo đảm thực hiện đường lối văn hóa của Đảng.

Bộ văn hóa là chủ thể chịu trách nhiệm phát triển toàn bộ sự nghiệp, do đó phải là tổ chức chịu trách nhiệm quản lý pháp luật và chính sách văn hóa. Chịu trách nhiệm tức là theo dõi việc thi hành, có quyền quyết định xử lý (dưới sự giám sát của Hội đồng Chính phủ) về những vấn đề vi phạm pháp luật và chính sách văn hóa, cũng như có quyền nghiên cứu phổ biến các chính sách văn hóa phù hợp với yêu cầu của sự phát triển sự nghiệp.

Hiện nay, nhiều ngành, nhiều địa phương vi phạm rất nghiêm trọng những luật lệ và chính sách văn hóa mà Nhà nước ta đã ban hành như xâm phạm, phá hoại các di tích văn hóa, tàng trữ các sản phẩm văn hóa bị cấm như phim ảnh, sách báo của

địch, thậm chí tổ chức hoạt động lấy tiền trái phép (chiếu phim, diễn kịch), hoặc tự động giao dịch, buôn bán với nước ngoài các sản phẩm văn hóa ... Những việc làm vi phạm pháp luật và chính sách văn hóa đó làm tổn hại không nhỏ đến tài sản của đất nước và vốn quý của dân tộc, làm rối loạn việc xây dựng nền văn hóa mới của nước nhà.

Trong hoạt động của mình, ngành văn hóa hiện nay phải thi hành nhiều chính sách khác nhau, thông thường thuộc ba loại sau đây:

— Loại chính sách chung của Nhà nước mà ngành nào cũng thi hành giống nhau.

— Loại chính sách chung của Nhà nước, nhưng ngành văn hóa phải vận dụng để thi hành cho phù hợp với đặc điểm của mình.

— Loại chính sách riêng của ngành văn hóa đáp ứng những yêu cầu riêng biệt của ngành văn hóa nghệ thuật mà các ngành khác không có, nổi bật nhất là chế độ nhuận bút, bản quyền và các chính sách đối với các hoạt động nghệ thuật.

Nhưng hiện nay các chế độ, chính sách đề ra đều chưa được thi hành thống nhất trong cả nước, nhiều điểm về chính sách chỉ thi hành ở cấp trung ương, còn các địa phương thì lại tùy thuộc vào nhiều điều kiện cụ thể. Đồng thời, giữa nhiều địa phương còn có những đặc điểm khác nhau

quá xa, cho nên có nhiều điều chưa thi hành thống nhất được.

Hơn nữa, chúng ta còn lúng túng nhiều trong việc kết hợp quản lý ngành và quản lý theo lãnh thổ (địa phương). Quản lý ngành chưa bảo đảm và tạo điều kiện cho việc quản lý theo lãnh thổ được tốt. Ngược lại quản lý theo lãnh thổ cũng chưa giúp cho việc quản lý ngành được thống nhất. Ta phải coi đây là một tình trạng tạm thời, cần phải có biện pháp khắc phục càng sớm càng tốt.

Kế hoạch Nhà nước cần phản ánh được quan điểm coi phát triển văn hóa là một nhiệm vụ chính trị bên cạnh nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Đồng thời, về mặt chỉ đạo công tác, chỉ đạo sự phát triển sự nghiệp văn hóa, cần bảo đảm cho các hoạt động văn hóa phát huy cao độ chức năng giáo dục của mình. Chức năng giáo dục của các hoạt động văn hóa phải bao gồm cả giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục tình cảm, nâng cao tâm ý, năng cao tâm hồn, tính cách, tóm lại là giáo dục con người phát triển toàn diện về tinh thần.

Muốn cho bộ mặt của xã hội thể hiện một nền văn hóa cao, chúng ta cần có một kế hoạch toàn diện và đồng bộ trong xây dựng kinh tế và văn hóa của cả nước, có một quy hoạch tổng thể đề từng bước phát triển sự nghiệp văn hóa.

NHÀ NƯỚC KẾT HỢP VỚI NHÂN DÂN CHĂM LO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN GIÁO DỤC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

BÙI-THANH-KHIẾT

BƯỚC đi hợp lý của công cuộc cải cách giáo dục phải như thế nào trong khi nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng tăng nhưng điều kiện bảo đảm cho chất lượng dạy và học còn rất thiếu thốn?

Trong năm học này (1980 - 1981), tất cả các ngành học đều thu nhận nhiều học sinh:

- + Nhà trẻ có: 1200000 cháu
- + Mẫu giáo: 1680000 cháu
- + Phổ thông: 11390000 học sinh
- + Dạy nghề: 54000 học sinh
- + Trung học chuyên nghiệp: 55400 học sinh
- + Đại học và cao đẳng: 150 336 học sinh (91 trường)
- + Bồ túc văn hóa tập trung: 770000 người học
- + Bồ túc văn hóa tại chức: 1200000 người học.

Như trong báo cáo về kế hoạch Nhà nước năm 1981, tính chung cả nước ta, cứ ba người dân thì có một người đi học. Nhưng nhu cầu học tập của nhân dân ta còn cao hơn thế nữa, nhất là ở miền Nam từ sau ngày được hoàn toàn giải phóng và nước nhà thống nhất. Chỉ nói về giáo dục phổ thông,

toàn bộ các trường học trong cả nước ta cũng mới thu hút được 71,4 % số trẻ em trong tổng số trẻ em đang ở lứa tuổi học phổ thông (11390000 học sinh, 16700000 trẻ em trong độ tuổi học phổ thông).

Các tỉnh thành có nhiều học sinh là:

- Nghệ-tĩnh có 788000 học sinh, đạt 91,8% so với số trẻ em trong độ tuổi học phổ thông.
- Thủ đô Hà-nội có 604000 học sinh, đạt 90,9%.
- Hà-nam-ninh có 729000 học sinh, đạt 88,8%.
- Thành phố Hồ-Chí-Minh có 809000 học sinh, đạt 77,2%.

Các tỉnh có ít học sinh hơn, do thiếu trường và thiếu thầy giáo, là:

- Kiên-giang có 457000 học sinh, đạt 61,6%.
- Minh-hải có 245000 học sinh, đạt 60,7%.

Ở các vùng rừng núi, vùng cao, giáo dục phổ thông phát triển còn chậm; các trường thiếu nhi có nội trú ở các vùng dân tộc thiểu số mở chưa được nhiều.

Nếu nhìn số người đi học trong số dân của cả nước, chúng ta thấy như

đã quá nhiều, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu của cách mạng là phấn đấu thu hút tuyệt đại bộ phận thiếu nhi từ 6 đến 15 - 16 tuổi vào trường phổ thông cơ sở, trước hết là cấp I. Chúng ta cần phấn đấu làm cho mọi trẻ em đều được học tập một cách bình đẳng, không tùy thuộc vào hoàn cảnh riêng về gia đình, dân-tộc và địa phương.

Mặt khác, nếu xét đến vấn đề cân đối hợp lý và đồng bộ giữa các ngành học, ta cũng thấy ngành giáo dục chuyên nghiệp nhằm đào tạo thêm công nhân, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ và dự trữ lao động cho đất nước chưa đủ điều kiện phát triển để vừa kế tục được các cấp học phổ thông, vừa gắn với các khu công nghiệp, các vùng kinh tế và các xí nghiệp.

Nước ta vừa ra khỏi chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, nay lại bị bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đe dọa xâm lược. Nền kinh tế nước ta còn nghèo; mấy năm qua thiên tai lại gây thiệt hại cho mùa màng ở một số vùng. Trẻ em nước ta đông; trình độ văn hóa của nhân dân lao động nước ta còn phải được nâng lên nhiều để đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau ngày đất nước được giải phóng hoàn toàn và thống nhất, nhu cầu học tập của nhân dân ta mở ra rất lớn. Chúng ta đang đứng trước hai vấn đề khá căng thẳng: một là phải bảo đảm đời sống cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; hai là phải bảo đảm có đủ điều kiện dạy và học như: trường lớp, thiết bị trường học, giấy học, cũng như đồ chơi cho trẻ em ở nhà trẻ và trường mẫu giáo, v.v.

Trước những khó khăn này, thực hiện tốt từng bước đi hợp lý của công cuộc cải cách giáo dục là phải vừa phát triển được sự nghiệp giáo dục vừa bảo đảm được chất lượng giáo dục.



Theo kế hoạch ngân sách năm 1981 (số liệu của Bộ tài chính), phần của giáo dục phổ thông được tăng 15% so với năm 1980. Trong tình hình khó khăn của đất nước, đây là một cố gắng rất lớn của Nhà nước đối với giáo dục, nhưng nếu chỉ dựa vào ngân sách thì không thể nào phát triển nổi sự nghiệp giáo dục trong cả nước trong thời gian sắp tới. Phần lớn ngân sách dành cho tiền lương cán bộ, giáo viên. Quỹ xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị trường học còn lại ít lắm so với số học sinh mỗi năm một tăng lên khá mạnh. Đó là nỗi lo lắng chung của nhân dân ta, nhất là của anh chị em cán bộ, giáo viên các ngành học đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, cải cách giáo dục trong cả nước.

Trong nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ chính trị Trung ương Đảng, có đoạn viết: « Cải cách giáo dục... có ý nghĩa rất to lớn đối với tiền đồ của dân tộc ta, tương lai của Tổ quốc ta. Vì vậy, nhân dân ta, giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có truyền thống hăm học và học giỏi, được phát động và hướng dẫn tốt, nhất định sẽ khắc phục mọi khó khăn, phát huy các nhân tố tích cực, góp phần xứng đáng vào công cuộc phát triển giáo dục với chất lượng ngày càng cao và theo quy mô ngày càng lớn » (1).

Nghị quyết cũng đã nêu phương hướng: « Các đoàn thể nhân dân cần phát huy vai trò nòng cốt của mình trong việc giáo dục và động viên toàn dân đóng góp trí tuệ, sức người sức của vào sự nghiệp cải cách giáo dục và thực hiện đường lối giáo dục của Đảng » (2).

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã biết động viên những nhân tố tích cực sáng tạo của nhân dân cả nước ta, biết kết hợp kinh nghiệm của Liên-xô và các nước xã

(1), (2) Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục, phần VI, điểm 3.

hội chủ nghĩa khác với những kinh nghiệm truyền thống của dân tộc ta để xây dựng nên sự nghiệp giáo dục rộng lớn của nước ta hiện nay.

Một trong những điều kiện chủ yếu để thực hiện mục tiêu giáo dục của Đảng là phải có cơ sở vật chất như trường sở, thiết bị trường học... Hiện rõ điều đó, nhân dân lao động ở nhiều nơi đã cố gắng góp phần phát triển trường lớp, có nơi đã đóng góp hơn 9 phần 10 kinh phí xây dựng trường học. Truyền thống nuôi thầy và giúp thầy có điều kiện làm việc và cải thiện đời sống đã được phát huy. Mặt khác, ở những xã tiên tiến về giáo dục, ở một số phường của Thủ đô Hà-nội (như các phường Kim-liên, Ô Chợ Dừa), ở huyện Hóc-môn và một số phường của thành phố Hồ-Chí-Minh, ngay ở một số vùng nông thôn xa xôi, vùng rừng núi heo lánh, thầy giáo và nhân dân đang mở rộng cuộc vận động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong các trường học. Nhân dân đã biểu lộ nhiệt tình chăm sóc thế hệ trẻ; giữa gia đình, xã hội và trường học đã có sự phối hợp trong việc giáo dục các em, giúp cho các em học sinh phấn đấu làm theo Năm điều Bác Hồ dạy, đồng thời giúp nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên thành tập thể sư phạm xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

Nước ta có xã Cầm-bình (Nghệ-tĩnh) là một tấm gương sáng trọn vẹn về Nhà nước kết hợp với nhân dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, được cả nước học tập, được Ủy ban giáo dục của Liên hợp quốc đề cao, khen thưởng và phổ biến kinh nghiệm cho các nước trên thế giới.

Ở miền Bắc nước ta, trên cơ sở quan hệ sản xuất đã được cải tạo và đang hoàn thiện, có nhiều hợp tác xã có kinh nghiệm và nền nếp xây dựng các trường dân lập từ buổi đầu. Nhân dân các huyện Vĩnh-bảo (Hải-phòng), Hải-hậu (Hà-nam-ninh) đã xây dựng một hệ thống nhà trẻ, lớp mẫu giáo,

trường phổ thông bằng gạch, ngói. Nhân dân huyện Yên-dũng (Hà-bắc), nhân dân một số xã như Vũ-lạc (Thái-bình), Kim-nỗ (Hà-nội) đã giúp thầy giáo nơi ăn chốn ở, cấp đất, ruộng cho thầy giáo sản xuất thêm rau và lương thực. Có những huyện như Diễn-châu, Kỳ-anh (Nghệ-tĩnh) đã liên kết các trường học trong huyện tạo thành phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" đồng đều trong huyện cả về nuôi dạy trẻ và giáo dục phổ thông.

Ở miền Nam, từ ngày giải phóng, sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh mẽ. Nhiều nơi có sáng kiến khắc phục khó khăn, phát huy được những nhân tố tích cực, biết khéo léo phối hợp những cố gắng đầu tư của Nhà nước với sự đóng góp của nhân dân, của các cơ sở sản xuất, của lực lượng vũ trang và của các ngành để xây dựng trường sở, tạo ra được những thiết bị học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học ngày càng phong phú.

Xã Phú-phụng (Bến-tre) đã gây được phong trào toàn dân chăm sóc, nuôi dạy trẻ em, toàn dân đi học. Ở nhiều tỉnh, thành, quận, huyện, xã, phường, nhiều ngành, nhiều đoàn thể đã giải quyết được những vấn đề rất thực tế: thành phố Hồ-Chí-Minh cấp lương thực cho giáo viên ở xa cửa hàng lương thực ngay tại xã, phường, trừ vào lúa thuế; tăng phụ cấp dạy thêm giờ thêm lớp cho giáo viên gấp đôi quy định; Đồng-nai, Sông-bé, Tiền-giang, thành phố Hồ-Chí-Minh tổ chức xe đưa đón hoặc cấp phiếu đi xe với giá cước rẻ cho giáo viên đi dạy học xa nhà; ở huyện Hòa-thành (Tây-ninh), Hội cha mẹ học sinh vận động trợ cấp thêm gạo và phụ thêm lương cho giáo viên; nhân dân Đắc-lò, Kom-pong-plong (Gia-lai - Công-tum) tự nguyện tổ chức nuôi giáo viên, đề giáo viên dành phần lương và lương thực gửi về gia đình; ở huyện Cần-đước (Long-an), sau giải phóng chỉ có 30 phòng học, nhân dân đã chủ động góp tiền, lúa, vật liệu và công sức xây

dựng thêm hơn 270 phòng học nữa; nhân dân các xã Diên-khánh, Ninh-hóa (Phủ-khánh) ngoài việc chăm sóc nơi ăn ở cho giáo viên, còn giúp đất, ruộng cho giáo viên sản xuất; nhân dân Ea-phê, Ea-dông huyện Krông-pach (Đắc-lắc) cất trường, nhà trẻ, lớp mẫu giáo bằng gỗ và công sức của mình đóng góp; ở huyện Điện-bàn (Quảng-nam - Đà-nẵng) mỗi gia đình đóng góp 10 viên gạch mộc cho xã, huyện nung gạch xây trường; bà con ở miền núi các tỉnh miền Trung, Tây-nguyên, miền Đông Nam-lộ tổ chức vào rừng lấy gỗ và thuê thợ cất trường, đóng bàn ghế cho các lớp học; huyện Xuân-lộc (Đồng-nai) năm học 1979 - 1980 đã xây thêm 28 phòng học có đầy đủ bàn ghế cho thầy trò. Trong huyện Cai-lậy (Tiền-giang), sau trận lụt kéo dài năm 1978 ở đồng bằng sông Cửu-long, nhân dân dù gặp nhiều khó khăn, đã góp lúa góp tiền đổi lấy gỗ khôi phục lại trường sở và đóng được 400 bộ bàn ghế. Thành phố Mỹ-tho cũng đã vận động nhân dân xây dựng 55 phòng học, đóng 250 bộ bàn ghế. Nhân dân bốn huyện Phụng-hiệp, Thốt-nốt, Long-mỹ, Ô-môn (Hậu-giang) đã góp trên 1500 gia lúa, góp công sức xây cất được 271 phòng học, xây dựng được một trường cấp III, đóng được 375 bộ bàn ghế. Ở An-giang, nhân dân các huyện Châu-phú, Phú-tân, Chợ-mới chủ động xây cất trường hoàn chỉnh rồi giao cho cơ quan giáo dục.

Lực lượng vũ trang và công an nhân dân, đặc biệt là bộ đội biên phòng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh không những là nòng cốt trong phong trào xóa nạn mù chữ và dạy bổ túc văn hóa, mà còn là lực lượng chính trong việc xây dựng trường sở ở những nơi có nhiều khó khăn do địch họa và thiên tai.

Rõ ràng là nhân dân cả nước ta, từ Bắc chí Nam, một khi được phát động tốt, đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể, có những đóng góp tích cực,

sáng tạo vào sự nghiệp giáo dục. Nhân dân ta ngày càng kết hợp chặt chẽ với nhà trường, vừa góp phần giáo dục trực tiếp, vừa tạo ra môi trường thuận lợi cho việc đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa. Do đó, *kết hợp Nhà nước với nhân dân* đã trở thành một nguyên tắc xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó là một điều kiện quan trọng và thiết thực để thực hiện nhiệm vụ cải cách giáo dục trong cả nước hiện nay.

Tuy nhiên, việc vận động nhân dân tham gia xây dựng và phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa chưa được đồng đều, chưa trở thành một phong trào quần chúng cách mạng sâu rộng trong cả nước. Ở nhiều địa phương, kể cả những vùng sản xuất thuận lợi và đời sống nhân dân dễ chịu, vẫn còn những biểu hiện chỉ một mặt trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước để phát triển giáo dục. Ở những nơi đó, cuộc vận động nhân dân đóng góp tri tuệ, sức người, sức của vào sự nghiệp giáo dục còn rời rạc; các hình thức tổ chức kết hợp Nhà nước với nhân dân và hoạt động của những tổ chức này còn hạn chế. Nhiều nơi, các đồng chí lãnh đạo vừa vận động nhân dân xây dựng trường sở, giúp đỡ cho giáo viên, vừa lo sai chính sách.

Khả năng phối hợp Nhà nước với nhân dân chăm lo sự nghiệp giáo dục rất to lớn, nhưng chưa được phát huy mạnh mẽ và đều khắp vì chưa có một cơ chế tổ chức bảo đảm động viên toàn dân tham gia.

Trong lúc đất nước còn nhiều khó khăn như hiện nay, việc huy động nhân dân tham gia xây dựng và phát triển giáo dục là rất cần thiết. Sau này trên con đường phát triển ngày càng thuận lợi hơn, sự nghiệp giáo dục vẫn luôn luôn là sự nghiệp cách mạng của quần chúng. Cho nên việc kết hợp Nhà nước với nhân dân chăm lo xây dựng và phát triển giáo dục phải trở thành một *cơ chế tổ chức* để

có thể tận dụng các yếu tố xã hội, kinh tế và văn hóa vào việc chăm sóc, nuôi dạy thế hệ trẻ nhằm đạt hiệu quả cao trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, để thực hiện cải cách giáo dục trong cả nước, cần sớm có một hình thức tổ chức nhân dân rộng rãi hơn, một cơ chế tổ chức có chức năng tham gia có hiệu quả hơn vào công tác giáo dục, không chỉ với tư cách đại diện của cha mẹ học sinh, mà với tư cách đại diện của xã hội, của toàn thể nhân dân lao động. Trong tổ chức này, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Công đoàn giáo dục Việt-nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam, Hội cha mẹ học sinh, từ trước đến nay đã tham gia tích cực vào sự nghiệp giáo dục, sẽ tiếp tục phát huy vai trò lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện chế độ cả xã hội chăm sóc, nuôi dạy trẻ em.

Tổ chức này có trách nhiệm làm tham mưu cho cấp ủy Đảng và cho chính quyền nhân dân về giáo dục; làm trung tâm huy động và tập hợp mọi lực lượng xã hội, mọi nhân tố giáo dục vào việc thực hiện đường lối cải cách giáo dục của Đảng; làm công cụ cho nhân dân thật sự tham gia quản lý trường học, quản lý công

tác giáo dục và phát huy tinh thần xã hội của ngành giáo dục.

Tổ chức này, theo đề nghị của Ủy ban cải cách giáo dục trung ương - là *Hội đồng giáo dục nhân dân* - cần được thành lập ở các cấp tỉnh (thành), huyện (quận), xã (phường). Hội đồng giáo dục nhân dân có nhiệm vụ tập hợp các lực lượng chỉ đạo, quản lý công tác giáo dục, các đoàn thể quần chúng, các cơ sở sản xuất, văn hóa, nghiên cứu khoa học, các cá nhân có kinh nghiệm và uy tín để phục vụ công tác giáo dục.



Phát huy vai trò của nhân dân trong công tác giáo dục, thực hiện chế độ toàn xã hội chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ, kết hợp Nhà nước với nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, là thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục do Đảng ta đề ra, là kế tục những truyền thống giáo dục con người, truyền thống hiếu học và kính thầy, trọng đạo vốn có của dân tộc ta. Đó cũng là phát huy tiềm lực to lớn, vững bền của nhân dân ta, bảo đảm cho sự nghiệp cải cách giáo dục của cả nước ta tiến lên mạnh mẽ.

BỒI DƯỠNG VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ QUẢN LÝ

LÊ-VĂN-GIANG

I—MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VÀ CƠ BẢN

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thành tích to lớn, chúng ta cũng có nhiều khó khăn và nhiều thiếu sót.

Tình hình đó, một mặt bắt nguồn từ những đặc điểm khách quan của cách mạng nước ta. Mặt khác là do những nguyên nhân chủ quan sinh ra, trong đó một nguyên nhân có thể nói quan trọng nhất là: *đội ngũ cán bộ quản lý của chúng ta chưa được chuẩn bị đầy đủ về số lượng và về chất lượng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Điều này bộc lộ không những rất rõ ở miền Nam nước ta từ khi giải phóng (1975), mà cũng rất rõ ở miền Bắc, suốt từ 1955 tới nay, và càng ngày càng rõ. Việc khắc phục tình trạng này trở thành một vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách, một mối quan tâm thường xuyên và hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, các khâu lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt, điều chỉnh đều có liên

quan với nhau, đều cần được làm tốt, trong đó, khâu đào tạo và bồi dưỡng có ý nghĩa quyết định.

Vấn đề này đã được Đảng ta đặt ra ngay từ 1956, vào lúc nửa nước được giải phóng và nhiệm vụ xây dựng kinh tế, văn hóa ở miền Bắc trở thành một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam. Nhưng vì thiếu kinh nghiệm cho nên trong một thời gian dài, chúng ta chưa hình dung được rõ ràng và đầy đủ phải bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý như thế nào; do đó công tác này triển khai một cách chắp vá, chậm chạp và tuy có những kết quả nhất định nhưng còn hạn chế. /

Từ 1973 tới nay, với Nghị quyết 225 của Bộ chính trị, đội ngũ cán bộ quản lý của chúng ta đã được sắp xếp lại khá nhiều: đã đề bạt nhiều cán bộ trẻ có trình độ khoa học kỹ thuật làm công tác quản lý, đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về kiến thức khoa học, kỹ thuật, kinh tế cho cán bộ quản lý cũ. Có thể xem đó là một

sự thay đổi lớn đầu tiên trong đội ngũ cán bộ quản lý của ta từ Cách mạng Tháng 8-1945.

Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa hình thành được một nội dung và một tổ chức thích hợp, có hiệu quả rõ rệt trong việc bồi dưỡng và đào

tạo cán bộ quản lý.

Sở dĩ như vậy là vì chúng ta chưa xuất phát từ nhiệm vụ và đặc điểm của công tác quản lý để xác định kiến thức mà người cán bộ quản lý cần có và cách thức tổ chức thích hợp bồi dưỡng và đào tạo các loại cán bộ đó.

II - NHIỆM VỤ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Người ta thường nói: quản lý một tổ chức (cơ quan, trường học, bệnh viện, xí nghiệp, cửa hàng...); người ta cũng thường nói quản lý một tình hình, một hoạt động (như quản lý sức khỏe, quản lý tư tưởng, quản lý kỹ thuật...). Thật ra, hai đối tượng đó - tổ chức hay hoạt động - chỉ là một, vì tổ chức nào bao giờ cũng được xác định bởi một số hoạt động (trường học để dạy học, bệnh viện để chữa bệnh, cửa hàng để mua, bán...); và ngược lại, một hoạt động nào đó bao giờ cũng được tiến hành trong phạm vi một tổ chức nhất định (quản lý kỹ thuật trong một xí nghiệp hay trong một ngành kinh tế sản xuất, quản lý tư tưởng trong chi bộ, trong cơ quan, v.v.). Vì vậy, đối tượng của công tác quản lý bao giờ cũng là một tổ chức với chức năng phải tiến hành một số hoạt động nào đó; dùng một thuật ngữ đang trở thành thông dụng, ta có thể nói đối tượng của công tác quản lý là một hệ thống. Nhiệm vụ của công tác quản lý là bảo đảm cho hệ thống đó thực hiện được chức năng của nó với hiệu suất cao nhất, hiệu suất tối ưu. Một hệ thống, đối tượng của công tác quản lý, có thể lớn hay nhỏ, phức tạp hay tương đối đơn giản, bao gồm nhiều hay ít các thành phần khác nhau, nhưng bao giờ nó cũng gồm một số người làm thành viên của nó (1). Vì vậy đặc điểm lớn đầu tiên của công tác quản lý bao giờ và trước hết cũng là quản lý hoạt động của một tập thể,

và thông qua quản lý hoạt động đó mà tác động tới các yếu tố vật chất hoặc sinh vật khác (nếu có), để đạt được một kết quả dự định. Trên ý nghĩa này, công tác quản lý chủ yếu là công tác tổ chức (2). Do đặc điểm này mà trong việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý, phải trang bị cho họ những hiểu biết, kinh nghiệm và phẩm chất cần thiết để làm tốt chức năng quản lý hoạt động của người khác.

Đặc điểm lớn thứ hai của công tác quản lý là nó có tính chất tổng hợp. Một là, vì đối tượng của công tác quản lý là một hệ thống bao gồm nhiều thành phần khác nhau: một tập thể người và những phương tiện, cơ sở vật chất; người cán bộ quản lý phải có trách nhiệm quản lý, trực tiếp hoặc gián tiếp, tất cả các thành phần khác

(1) Có khi người ta cũng dùng thuật ngữ quản lý cho những trường hợp mà đối tượng chỉ gồm những thành phần như thiết bị, cây cỏ, súc vật. Ví dụ người ta có thể nói: quản lý một cỗ máy, quản lý một cánh đồng, quản lý một đàn trâu bò; trong trường hợp này, không ai gọi người làm công tác "quản lý" đó, một công nhân hay một cán bộ kỹ thuật, là cán bộ quản lý cả, nếu họ chỉ trực tiếp chăm sóc, khai thác cỗ máy, cánh đồng, đàn trâu bò, và không quản lý một tập thể người nào khác để làm các công việc đó (còn nếu có, thì cách nói "quản lý một cánh đồng" thật ra có nội dung là quản lý một tổ chức, ví dụ một đội sản xuất, hay một số công nhân và kỹ thuật viên làm việc trên cánh đồng đó).

(2) Công tác tổ chức hiểu theo nghĩa hẹp là công tác sắp xếp bộ máy, quy định chức năng; hiểu theo nghĩa rộng, nó bao hàm cả công tác cán bộ. Còn công tác tổ chức nói ở đây là công tác tổ chức thực hiện.

nhau đó. Hai là, vì riêng tập thể người cũng bao gồm những trình độ và nghề nghiệp khác nhau, có những hoạt động khác nhau. Ba là, vì bản thân những con người, đối tượng chủ yếu của công tác quản lý, không phải là những cái máy; quản lý hoạt động của họ không phải chỉ đơn thuần là quản lý những vấn đề chuyên môn trong hoạt động đó mà bao gồm cả những nội dung về công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác tư tưởng, công tác hậu cần. Như vậy, tính chất tổng hợp trong công tác quản lý thể hiện trên cả hai mặt: về nội dung những vấn đề nó đề cập tới cũng như về các loại biện pháp (vận động, hành chính, giáo dục, kinh tế...) mà nó sử dụng.

Đặc điểm lớn thứ ba của công tác quản lý và là hình thức hoạt động trung tâm của nó là ra các quyết định chính xác và đúng lúc. Một quyết định là một chỉ thị về hành động có giá trị bắt buộc đối với một tập thể người nào đó. Ra quyết định là một chức năng đặc trưng của công tác quản lý: trên ý nghĩa này, công tác quản lý thực chất là công tác chỉ huy, công tác điều khiển. Nói đó là biện pháp trung tâm, là chức năng đặc trưng, là thực chất, hoàn toàn không có nghĩa quản lý chỉ là hay chủ yếu là dùng mệnh lệnh, lại càng không phải quản lý là đoán, là tập trung quan liêu. Nói biện pháp trung tâm, nói chức năng đặc trưng, nói thực chất là đề nói các biện pháp khác đều hoặc nhằm chuẩn bị cho việc ra quyết định (như trung cầu ý kiến, thảo luận dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, lắng nghe ý kiến mọi người), hoặc nhằm thực hiện quyết định (như thuyết phục, vận động, giáo dục, tổ chức, kiểm tra...). Nói biện pháp trung tâm, chức năng đặc trưng... còn để làm rõ một điều là các năng lực và phẩm chất chủ yếu của người cán bộ quản lý đều thể hiện ở chỗ họ có ra được các quyết định chính xác và kịp thời không; có sự nhạy bén và sâu sát, thận trọng

và quyết đoán, biết tranh thủ, lắng nghe, tôn trọng ý kiến quần chúng, đồng thời dám chịu trách nhiệm, biết phân biệt cái đúng, cái sai trong các ý kiến khác nhau, biết lựa chọn phương án tối ưu giữa nhiều phương án, biết chờ đợi, thuyết phục và nhất là biết và dám quyết định khi cần phải quyết định, và đặc biệt (đối với chúng ta hiện nay) là biết sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật để chuẩn bị các quyết định và đề thực hiện các quyết định đó.

Đặc điểm lớn thứ tư là công tác quản lý bao giờ cũng bao hàm công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác tư tưởng. Đó là hệ quả của ba đặc điểm lớn nói trên. Một tổ trưởng sản xuất chỉ phụ trách độ mười công nhân cũng phải làm những việc như phân công, giao trách nhiệm (công tác tổ chức), khen thưởng, kỷ luật, xếp lương (công tác cán bộ, trong phạm vi quyền hạn được giao hoặc đề nghị lên trên), động viên, thuyết phục, điều dặt (công tác tư tưởng). Đương nhiên, những chức vụ quản lý cao hơn, nặng hơn lại càng phải giải quyết những vấn đề phức tạp hơn về tổ chức, về cán bộ, về tư tưởng. Không nên nghĩ rằng trong một đơn vị, nếu có một thủ phó hay một bộ máy chuyên trách về công tác cán bộ, công tác tổ chức, công tác tư tưởng thì các đồng chí cán bộ quản lý khác (thủ trưởng, các thủ phó khác, các phụ trách các phòng, các tổ khác...) không phải làm công tác cán bộ, công tác tổ chức, công tác tư tưởng; đồng chí thủ phó phụ trách về hậu cần chẳng hạn vẫn phải ít nhất có trách nhiệm lo lắng về công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác tư tưởng đối với những cán bộ, công nhân, viên chức trong bộ máy hậu cần của mình.

Qua những đặc điểm nói trên, có thể thấy mục tiêu và nội dung bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý có những phần giống và cũng có những phần không giống với mục tiêu và nội

dung đào tạo ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Các trường này đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ yếu để giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật cụ thể chứ không phải chủ yếu để quản lý: kỹ sư luyện kim để đúc gang thép, kỹ sư trồng trọt để giải quyết các biện pháp kỹ thuật về trồng trọt, v.v. Để làm một giám đốc xí nghiệp, cần phải có trình độ đại học về kỹ thuật hay về kinh tế (trong thực tế, không phải bao giờ cũng nhất thiết như vậy); nhưng như thế chưa đủ, vì còn phải biết kinh tế nếu là cán bộ kỹ thuật, phải biết kỹ thuật, nếu là cán bộ kinh tế, biết tổ chức, biết lãnh đạo... nói tóm lại là biết quản lý.

Lâu nay ta thường dùng thuật ngữ cán bộ quản lý kinh tế để chỉ hai loại cán bộ khác nhau: một là những cán bộ quản lý trong các ngành kinh tế, sản xuất, kinh doanh, như giám đốc xí nghiệp cơ khí, giám đốc nông trường, bộ trưởng một bộ sản xuất kinh doanh, v.v.; hai là những cán bộ, cán sự, chuyên viên làm các công tác kế hoạch, vật tư, thống kê, kế toán. Đây là hai loại cán bộ rất khác nhau về tiêu chuẩn, về chức năng, về kiến thức (tuy cũng có những phần kiến thức giống nhau). Loại thứ hai là do các trường đại học và trung học kinh tế đào tạo ra. Loại thứ nhất có thể được đề bạt lên từ những người trong

loại thứ hai đã có kinh nghiệm công tác, mà cũng có thể được lựa chọn từ những cán bộ kỹ thuật đã có thực tiễn sản xuất (và trong trường hợp đặc biệt cũng có thể lựa chọn từ những cán bộ quân sự, cán bộ chính trị như ở ta lâu nay và ngay ở các nước phát triển, trong những điều kiện cụ thể nào đó).

Dùng cùng một thuật ngữ "cán bộ quản lý kinh tế" để gọi hai loại cán bộ khác nhau trên đây có thể gây ra và thực tế đã gây ra sự lẫn lộn trong nhận thức, có hậu quả rất không tốt là dẫn tới quan niệm không rõ về sự giống nhau và sự khác nhau trong nội dung và trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hai loại cán bộ đó, nhất là đối với loại thứ nhất.

Để tránh nhầm lẫn, nên dùng thuật ngữ "cán bộ quản lý sản xuất và kinh doanh" cho loại thứ nhất, với nghĩa là: cán bộ quản lý trong các ngành kinh tế - kỹ thuật, các ngành sản xuất, kinh doanh. Đối với loại thứ hai, nên gọi là "cán bộ kinh tế" (hoặc cán bộ kinh tế học, cán bộ kinh tế nghiệp vụ, cán bộ nghiên cứu về kinh tế, cán bộ các môn kinh tế cụ thể, v.v.). Còn thuật ngữ "quản lý kinh tế" chỉ dùng để nói về một mặt trong chức năng của người cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; đó là chức năng quản lý thông qua các biện pháp kinh tế.

III - TỔ CHỨC HỆ THỐNG BỒI DƯỠNG VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ QUẢN LÝ

Quản lý, trước kia chủ yếu là một nghệ thuật, phụ thuộc vào năng khiếu và kinh nghiệm. Với sự phát triển của xã hội hiện đại, với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, quản lý đang trở thành một khoa học.

Vì vậy, tổ chức một cách có kế hoạch việc bồi dưỡng và đào tạo cán

bộ quản lý đã trở thành một vấn đề cần thiết của thời đại ngày nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng như ở các nước tư bản chủ nghĩa. Không thể chỉ trông chờ vào sự trưởng thành tự phát của cán bộ quản lý trong thực tiễn công việc của họ như trước đây nữa. Ở nước ta, việc bồi dưỡng và đào tạo

cán bộ quản lý lại càng là công việc cấp bách và quan trọng, vì chúng ta cần phải chuyển thắng và nhanh từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vậy nội dung các kiến thức mà người cán bộ quản lý cần có là những gì ? (3)

1 - Đường lối của Đảng, các chủ trương, kế hoạch, chính sách, luật pháp chế độ, thể lệ, quy chế của Nhà nước, của cấp trên (ví dụ như giám đốc xí nghiệp cơ khí phải biết đường lối phát triển kinh tế của Đảng, trong đó phải nắm vững các chủ trương, chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước về phát triển cơ khí, các quy định về tổ chức và cán bộ của cấp trên đối với xí nghiệp, vị trí, vai trò của tổ chức Đảng, công đoàn, Đoàn thanh niên trong xí nghiệp, các quy định về tuyển dụng công nhân, viên chức, v.v.).

2 - Các kiến thức lý luận, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ (Ví dụ như giám đốc xí nghiệp cơ khí phải có những hiểu biết cần thiết về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về kỹ thuật cơ khí, về kinh tế xí nghiệp cơ khí, về tổ chức lao động khoa học, tâm lý lao động, vận trù học, v.v.).

3 - Những nguyên tắc, những kinh nghiệm về cách tổ chức công việc của bản thân cho khoa học và hợp lý (cách hội họp, tiếp khách, tiếp xúc với cán bộ, công nhân, viên chức, nghiên cứu cá nhân, nắm tình hình, sắp xếp hồ sơ, tài liệu, v.v.). Đặc biệt trong công việc của người cán bộ quản lý, việc ra những quyết định chính xác và đúng lúc có một ý nghĩa then chốt đối với chất lượng của công tác quản lý, cho nên người cán bộ quản lý phải có những hiểu biết về các nguyên tắc, quy trình... cần phải tuân theo để bảo đảm cho các quyết định của mình không mắc hay ít mắc sai lầm, ít sơ suất, biết sử dụng trong trường hợp cần thiết các công cụ hiện đại phục vụ cho việc ra quyết định như các phương pháp xử lý thông tin, phương pháp tối ưu, xác suất, phương

pháp tiếp cận theo hệ thống, máy tính điện tử, v.v.).

Đó là ba loại nội dung về bồi dưỡng và đào tạo cho bất kỳ loại cán bộ quản lý nào. Lẽ tất nhiên về từng điểm trong ba nội dung nói trên, mức độ yêu cầu hiểu biết nông hay sâu, cần nhiều hay ít hay không cần, nặng hay nhẹ về điểm này hay điểm khác là không giống nhau giữa các loại cán bộ quản lý khác nhau. Nhìn chung, hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý của ta gồm có hai loại, có chỗ mạnh, chỗ yếu khác nhau:

a) Loại chưa có kiến thức khoa học và kỹ thuật cần thiết nhưng có kiến thức và kinh nghiệm về công tác tổ chức, công tác vận động, công tác quản lý trong lĩnh vực đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự. Những kinh nghiệm này tuy không phải tất cả đều thích hợp với các lĩnh vực văn hóa, kinh tế nhưng nếu được vận dụng sát với hoàn cảnh sẽ là rất quý, sẽ rút ngắn được rất nhiều thời gian tìm tòi, học hỏi của người cán bộ quản lý ở một cương vị mới. Hơn nữa, vì đã qua rèn luyện thử thách cho nên phần đông các đồng chí này có thể vững vàng trong những tình thế phức tạp. Nhưng do chưa có hay có chưa đủ kiến thức khoa học kỹ thuật, loại cán bộ quản lý này rất khó trở thành "người trong cuộc", rất khó thông cảm với những khó khăn, mong đợi của tập thể người mà mình phải quản lý, do đó cũng khó phát huy những hiểu biết và kinh nghiệm tích lũy được trong công tác cũ cho phù hợp với môi trường mới, đặc biệt sẽ rất khó ra được các quyết định chính xác và đúng lúc.

b) Loại cán bộ khoa học kỹ thuật trưởng thành từ trong ngành: đây là chỗ mạnh rất quan trọng của đội ngũ

(3) Ở đây, chỉ nói về mặt hiểu biết, năng lực của người cán bộ quản lý, không đề cập đến mặt phẩm chất, đạo đức, mặc dù hai mặt đó có quan hệ chặt chẽ với nhau.

này: nhưng chỗ yếu trước mắt là phần lớn chưa có những kiến thức toàn diện cần thiết cho công tác quản lý (có kiến thức kỹ thuật nhưng chưa có kiến thức kinh tế hoặc ngược lại, để làm quản lý trong các ngành sản xuất; ít hiểu biết về công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác tư tưởng) và phần lớn còn ít kinh nghiệm, ít thực tiễn về công tác quản lý. Những điểm yếu này đang làm cho một số đồng chí lúng túng trong nhiệm vụ mới của mình và nhiều đồng chí còn chưa phát huy được hết tác dụng.

Do đó, việc bồi dưỡng với những yêu cầu, những trọng điểm khác nhau cho hai loại cán bộ nói trên là rất cần thiết.

Chúng ta cần phải có một hệ thống các trường, lớp làm công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý. Xu thế của hệ thống này sẽ trở thành một bộ phận hữu cơ của hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất trong xã hội hiện đại (4). Nhưng khác với các hệ thống giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học, và dạy nghề, hệ thống trường, lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý không tổ chức thành một hệ thống độc lập, khép kín mà cần kết hợp với hệ thống đại học (và một chừng mực nào đó hệ thống phổ thông và trung học chuyên nghiệp) trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Như trên đã nói, trong kiến thức của người cán bộ quản lý ở một ngành nghề nào đó phải có những phần kiến thức tương đương với các cán bộ chuyên môn đại học (hoặc trên đại học) cùng ngành nghề; vì vậy tốt nhất là trước khi làm cán bộ quản lý, họ đã phải tốt nghiệp đại học (hoặc trên đại học) về các ngành nghề đó; nếu chưa thì phải được học tập theo hình thức tập trung hay tại chức đầy đủ hoặc chuyên tu, học theo năm hoặc theo chứng chỉ ở các trường đại học. (Cán bộ quản lý ở các

cơ sở nhỏ và thấp thì có thể học ở các trường trung học chuyên nghiệp và nếu chưa có trình độ văn hóa phổ thông thì học văn hóa ở các lớp phổ thông cho người lớn).

Nhưng mới tốt nghiệp một ngành ở đại học hoặc trung học chuyên nghiệp không đủ để làm công tác quản lý. Một giám đốc xí nghiệp, luyện kim nếu là kỹ sư luyện kim thì còn thiếu kiến thức kinh tế, nếu là cán bộ kinh tế công nghiệp thì còn thiếu kiến thức kỹ thuật; những kiến thức này có thể đã được tích lũy bằng tự học trong quá trình làm việc lâu năm ở cơ sở, nhưng cũng thường phải được bổ túc; việc bổ túc này có thể giải quyết bằng cách theo các lớp bồi dưỡng sau đại học ở các trường đại học (kể cả việc hiện đại hóa kiến thức kỹ thuật hay kinh tế để theo kịp sự phát triển của khoa học).

Còn những kiến thức như phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác của người cán bộ quản lý, phương pháp ra các quyết định, các hiểu biết cần thiết về công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác tư tưởng, các chủ trương, chính sách, luật pháp, quy chế, thể lệ của Đảng và Nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ quản lý, v.v. thì nói chung hiện nay chưa có hay có ít trong các giáo trình ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Mà đây là nội dung chính của việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, một khi đội ngũ cán bộ quản lý đều đã có trình độ đại học

(4) Cho mãi tới cuối thế kỷ XIX, hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất chỉ gồm có nền giáo dục phổ thông và nền giáo dục đại học (cao đẳng), sang thế kỷ XX, hệ thống trung học chuyên nghiệp và hệ thống dạy nghề mới dần dần được quan niệm và được xây dựng như là một bộ phận hữu cơ của hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, có thể dự đoán là cuối thế kỷ XX này hệ thống đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý và hệ thống bồi dưỡng thường xuyên sau khi tốt nghiệp cũng sẽ trở thành một hệ thống chính quy, nằm trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất.

(như ở các nước phát triển hiện nay trên thế giới, hoặc sẽ là tình hình ở nước ta trong khoảng 15 năm nữa) Những kiến thức về phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác, phương pháp ra quyết định, v.v. vừa mang tính chất khoa học, vừa mang tính chất kinh nghiệm, vừa mang tính chất nghệ thuật (trong tương lai, tính chất khoa học có thể sẽ trở thành chủ yếu). Vì vậy, hiện nay một hình thức quan trọng để truyền đạt các kiến thức này là việc bồi dưỡng theo phương pháp gọi là tình huống (đối với những tình huống phức tạp, phải sử dụng máy tính điện tử). Việc bồi dưỡng các loại kiến thức này sẽ là nhiệm vụ của các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản

lý được tổ chức riêng hoặc cũng có thể giao một phần nhiệm vụ này cho các trường đại học và trường Đảng phụ trách thêm để việc tổ chức hệ thống trường lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý được gọn nhẹ và sớm phát huy tác dụng.

Chúng ta phải phấn đấu trong thời gian 5 năm tới hình thành được hệ thống trường lớp bồi dưỡng nói trên, và phấn đấu để trong vòng 10 năm nữa, làm cho đội ngũ cán bộ quản lý của ta hoàn toàn làm chủ được công việc của mình. Đó là một trong những điều kiện để làm chuyển biến về cơ bản tình hình công tác của ta hiện nay, đẩy mạnh việc xây dựng kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Luật bầu cử của chế độ làm chủ tập thể...

(Tiếp theo trang 18)

binh tinh trong cả nước. Để đồng bảo các dân tộc thiểu số có điều kiện phát huy quyền làm chủ tập thể của mình, tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, Điều 10 của Luật ghi rõ: «Số

đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số trong mỗi khóa Quốc hội do Hội đồng Nhà nước ấn định, bảo đảm cho thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng trong Quốc hội ».



Luật bầu cử đại biểu Quốc hội vừa được ban hành cuối năm 1980 là cơ sở pháp lý để nhân dân ta thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình trong bầu cử. Từ Sắc lệnh đầu tiên về bầu cử ra đời năm 1945, đến Luật bầu cử đại biểu Quốc hội ban hành năm 1980 là cả một chặng đường lịch sử. Luật bầu cử mới đánh dấu bước trưởng

thành của công tác xây dựng pháp luật xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Tích cực và nghiêm chỉnh chấp hành Luật bầu cử đại biểu Quốc hội mới được ban hành là quyền và nghĩa vụ của toàn Đảng và toàn dân ta, là bảo đảm cho thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội sắp tới.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ MỞ RỘNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG SẢN XUẤT — KINH DOANH CỦA XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

TRƯỜNG-SƠN

CHÚNG ta đều biết, cơ chế quản lý kinh tế của ta hiện nay có nhiều nhược điểm, khuyết điểm như hành chính quan liêu — bao cấp, chưa vận dụng tốt các quy luật kinh tế, chưa coi trọng hiệu quả kinh tế, không chú ý sử dụng các biện pháp kinh tế, chưa kết hợp đúng đắn 3 lợi ích... Một trong những khuyết điểm của ta trong quản lý kinh tế là không bảo đảm quyền chủ động sản xuất — kinh doanh của cơ sở. Bộ là cơ quan hành chính — kinh tế nhưng làm nhiều việc thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh và giải quyết vấn đề sản xuất — kinh doanh bằng biện pháp hành chính, cho nên ít có hiệu lực. Xí nghiệp là tổ chức sản xuất, kinh doanh nhưng lại thiếu sự chủ động cần có, cho nên điều kiện để phát triển bị hạn chế. Sự lẫn lộn giữa hai khâu này thực chất là hành chính lấn át kinh doanh làm cho cả hai khâu đều không phát huy được chức năng của mình một cách trọn vẹn. Vì vậy, để cải tiến quản lý kinh tế, phải cải tiến toàn diện, song vấn đề cốt lõi là phải phân biệt rõ ràng giữa hai khâu hành chính — kinh tế và sản xuất — kinh

doanh, mở rộng và bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

Cơ sở sản xuất nói chung, xí nghiệp nói riêng là những tế bào của nền kinh tế, là nơi trực tiếp sử dụng lao động, thiết bị, tài nguyên để sản xuất ra của cải cho xã hội, là nơi biến đường lối, chính sách của Đảng thành hiện thực; là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể về kinh tế của quần chúng công nhân. Xí nghiệp cũng như mọi sự vật khác trong tự nhiên và xã hội sẽ phát triển được chủ yếu là do sự vận động từ bên trong, đồng thời thích nghi với môi trường bên ngoài. Vì vậy, mở rộng và bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp là nhân tố có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển có hiệu quả của xí nghiệp.

Mặt khác, nguyên tắc cao nhất trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa là tập trung dân chủ. Việc gì ở đâu có đầy đủ thông tin, có thể quyết định nhanh chóng và đúng thì giao cho nơi đó quyết định, cấp trên càng ít quyết định càng tốt. Quản lý xét

cho cùng là làm sao phát huy được sự sáng tạo của quần chúng. *Mở rộng và bảo đảm quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của xí nghiệp cũng tức là mở rộng phạm vi quyết định và bảo đảm quyền làm chủ của quần chúng*, nhằm quán triệt đầy đủ nguyên tắc đó. Nói mở rộng quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của xí nghiệp không phải là mở rộng không giới hạn, mà thực chất là xác định đúng đắn mối quan hệ giữa xí nghiệp và Nhà nước trong quản lý kinh tế.

Mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là tạo ra nhiều giá trị sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu của toàn xã hội, nhưng vẫn không xem nhẹ mặt giá trị. Các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng như các cơ sở kinh tế khác có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện mục đích này. Vì vậy các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa không thể hoạt động theo bất cứ hướng nào, mà phải hoạt động trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, hoạt động theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước xã hội chủ nghĩa với nội dung được xác định. Cụ thể là:

- Xí nghiệp phải đóng góp những gì cho Nhà nước tính bằng hiện vật và giá trị.

- Quyền hạn của xí nghiệp trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Xí nghiệp và bản thân giám đốc xí nghiệp được hưởng những lợi ích và phải chịu trách nhiệm về vật chất như thế nào, nếu đáp ứng hoặc không đáp ứng những đòi hỏi của Nhà nước.

Nói mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp nghĩa là các xí nghiệp phải có những quyền rộng rãi và đầy đủ hơn trong cả quá trình sản xuất - kinh doanh, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến tiêu thụ sản phẩm, từ quyền kế hoạch hóa, đặt quan hệ kinh tế ngang, đến quyền xuất - nhập khẩu; từ quyền quyết

định về tổ chức, cán bộ, lao động đến điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, v.v. theo quy định của Nhà nước.

Mở rộng quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của xí nghiệp là một quá trình gắn liền với quá trình cải tiến quản lý kinh tế. Vừa qua, Hội đồng chính phủ đã có quyết định một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của xí nghiệp. Ở đây chúng tôi chỉ nêu một số suy nghĩ về phương hướng cơ bản và lâu dài của vấn đề này.

Kế hoạch hóa là công cụ chủ yếu của hệ thống quản lý kinh tế, cho nên nói đến quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, trước hết phải nói về quyền chủ động trong kế hoạch, cũng tức là nói đến hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp. Về mặt này, hiện nay Nhà nước đang giao cho xí nghiệp 9 chỉ tiêu. Cần xét xem Nhà nước nên giao cho xí nghiệp những chỉ tiêu nào, và xí nghiệp được làm những gì. Để thực hiện mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa như đã nói trên, nên chăng Nhà nước chỉ giao cho xí nghiệp 4 chỉ tiêu cơ bản, trong đó 2 chỉ tiêu thuộc về trách nhiệm của xí nghiệp đối với Nhà nước là:

- Chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu phải hoàn thành và giao nộp cho cơ quan tiêu thụ kể cả xuất khẩu theo đúng hợp đồng kinh tế. Đây là chỉ tiêu giá trị sử dụng bắt buộc xí nghiệp phải thỏa mãn yêu cầu của nền kinh tế quốc dân.

- Chỉ tiêu về lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách. Đây là chỉ tiêu giá trị tổng hợp đòi hỏi xí nghiệp phải sản xuất - kinh doanh có hiệu quả.

Và 2 chỉ tiêu thuộc về trách nhiệm của Nhà nước đối với xí nghiệp là:

- Vật tư thiết bị được Nhà nước cấp.

- Vốn đầu tư cơ bản do ngân sách Nhà nước cấp.

Cũng có thể giao thêm chỉ tiêu về giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện để làm cơ sở cho việc tính toán tốc độ phát triển và cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, có lẽ không cần giao thêm cho xí nghiệp các chỉ tiêu khác như năng suất, chất lượng, giá thành, lao động, tiền lương... vì muốn hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu nói trên, xí nghiệp bắt buộc phải đạt ra và thực hiện tốt các chỉ tiêu này.

Về phương pháp xây dựng kế hoạch, có thể tiến hành như sau: Nhà nước căn cứ vào yêu cầu và khả năng chung của nền kinh tế, thông báo số kiểm tra cho xí nghiệp. Xí nghiệp đưa vào số kiểm tra đó và khả năng của mình mà quan hệ với các tổ chức kinh tế hữu quan (cung ứng, tiêu thụ, xây dựng, vận tải...) để ký kết các hợp đồng kinh tế và xây dựng kế hoạch cụ thể trình cho cấp trên. Phần nào xí nghiệp không giải quyết được thì cấp trên giải quyết. Cấp trên điều chỉnh (tạo thêm khả năng hoặc giảm bớt yêu cầu) và giao kế hoạch chính thức cho xí nghiệp. Như vậy, kế hoạch là pháp lệnh khi được các hợp đồng kinh tế bảo đảm, và quá trình thực hiện kế hoạch chính là quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế. Đây chính là nội dung cụ thể của việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở và kết hợp kế hoạch với sử dụng quan hệ thị trường.

Để bảo đảm quyền chủ động và kế hoạch của xí nghiệp, một vấn đề rất quan trọng là cấp trên phải tiến hành xây dựng và giao kế hoạch dài hạn, chủ yếu là kế hoạch 5 năm cho xí nghiệp. Có kế hoạch dài hạn, xí nghiệp mới có cơ sở để định mục tiêu phấn đấu, lập chương trình hành động, xây dựng các phương án kinh tế, kỹ thuật, ký kết các hợp đồng kinh tế và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho

việc thực hiện, kế hoạch. Thực tiễn lâu nay cho thấy, với kế hoạch hằng năm và thường là đầu năm mới giao thì xí nghiệp không thể nào chủ động sản xuất, kinh doanh được, do đó không có cách nào khác là phải « sống bằng hành chính bao cấp ».

Nếu chúng ta nói tổ chức là vấn đề quyết định sau khi có đường lối chính trị đúng đắn, thì ở đây sau khi bảo đảm quyền chủ động về kế hoạch cho xí nghiệp, phải bảo đảm quyền chủ động về tổ chức, nếu không, thì kế hoạch chỉ là ở trên giấy. Tổ chức nói đây bao gồm bộ máy, cán bộ, lao động và cũng có thể kể cả tiền lương vì tiền lương liên quan đến con người. Về lĩnh vực này, lâu nay quyền hạn của xí nghiệp bị hạn chế nhiều, đề nghị nên sửa đổi như sau: Giám đốc xí nghiệp cần được quyền tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý của xí nghiệp bao gồm bao nhiêu phòng xưởng, bao nhiêu phòng ban, nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, và trong quá trình phát triển, giám đốc cũng được quyền nghiên cứu quyết định việc cải tiến tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu của xí nghiệp. Về cán bộ, giám đốc cần được quyền lựa chọn, quyết định bố trí cán bộ trưởng phòng, phó phòng và chánh, phó quản đốc phân xưởng. Về biên chế và lao động, giám đốc xí nghiệp được quyền nghiên cứu xác định biên chế và tăng, giảm biên chế của xí nghiệp một cách hợp lý, bảo đảm năng suất lao động tăng lên không ngừng. Đồng thời, được quyền tuyển chọn lao động, đào tạo công nhân cũng như quyết định kỷ luật hoặc cho công nhân thôi việc. Kinh nghiệm ở Xí nghiệp đánh cá Côn-đảo cho thấy, chính nhờ giám đốc được quyền tuyển chọn và xử lý về lao động cho nên xí nghiệp đã đào tạo được một đội ngũ công nhân thích hợp với yêu cầu, làm cho sản xuất, kinh doanh đạt kết quả tốt. Có ý kiến lo rằng, trong tình hình ta đang

thừa lao động, mà giao cho giám đốc xí nghiệp quyền rộng như vậy thì xí nghiệp chỉ chọn những người lao động tốt, không bảo đảm chính sách chung về phân bố, sử dụng lao động. Đúng là chúng ta đang thừa lao động, nhưng cần thấy rằng đối với xí nghiệp, vấn đề chủ yếu là bảo đảm tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất, còn giải quyết vấn đề lao động xã hội nói chung là chức năng của cơ quan khác, không nên giao cho xí nghiệp gánh thêm nhiệm vụ này.

Về tiền lương, trước mắt, Nhà nước còn giao cho xí nghiệp chỉ tiêu tổng quỹ tiền lương (tính theo định mức tiền lương cho mỗi đơn vị sản phẩm) nhằm gắn liền với sản xuất và biên chế để bảo đảm sản xuất tăng, biên chế giảm thì tiền lương bình quân của mỗi người được tăng, và ngược lại. Đồng thời sẽ tiếp tục nghiên cứu xem Nhà nước có cần giao quỹ tiền lương cho xí nghiệp hay không, hay chuẩn bị điều kiện để thực hiện giao chỉ tiêu mức chi phí tiền lương trên đơn vị sản phẩm, vì tiền lương có liên quan đến biên chế, giá thành và tích lũy, giám đốc xí nghiệp muốn bảo đảm được chỉ tiêu nộp về tích lũy tiền tệ cho Nhà nước thì tất nhiên phải tìm mọi cách để giải quyết tốt vấn đề tiền lương.

Đến đây có thể có một câu hỏi đặt ra: giao cho giám đốc quyền về tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương rộng như vậy, liệu có thể xảy ra việc gì không tốt? Về lý luận mà phân tích thì chưa thấy có điều gì không lợi. Để thực hiện được các chỉ tiêu hiện vật và giá trị giao nộp cho Nhà nước, đồng thời bảo đảm cả lợi ích của xí nghiệp và công nhân, giám đốc không thể làm những việc không tốt như định biên chế nhiều, tuyển lao động kém, chọn cán bộ bất tài hoặc lãng phí quỹ tiền lương. Trái lại, giám đốc nào cũng phải suy nghĩ,

tìm tòi, nghiên cứu để lựa chọn, quyết định cho được các phương án tối ưu vừa lợi cho xí nghiệp mình, vừa lợi cho Nhà nước.

Tài chính, giá cả, tiêu thụ cũng là một lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh. Trong lĩnh vực này, đề nghị nới giao quyền chủ động cho giám đốc xí nghiệp như sau: Với số vốn cố định và lưu động đã xác định, giám đốc xí nghiệp được quyền nghiên cứu tìm mọi cách sử dụng, quản lý tốt nhất số vốn đó và có quyền tự tạo thêm vốn từ lợi nhuận của xí nghiệp, từ tín dụng ngân hàng để mở rộng sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

Về các quỹ của xí nghiệp, giám đốc được quyền sử dụng một cách có lợi nhất cho sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Về giá cả, thí dụ đối với giá nguyên liệu nông sản, trên cơ sở khung giá của Nhà nước, giám đốc xí nghiệp được quyền bàn bạc với các địa phương, các hợp tác xã nông nghiệp để thỏa thuận giá cả cụ thể. Giám đốc không thể mua với giá thấp, vì như thế thì nông dân không bán. Giám đốc cũng không thể mua với giá cao, vì cao thì không thực hiện được chỉ tiêu về tích lũy. Hai giới hạn này bắt buộc giám đốc phải tính toán để mua nguyên liệu với giá hợp lý nhất, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và nông dân. Về giá sản phẩm, như nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương đã quy định, xí nghiệp có quyền định giá mặt hàng mới, khi nào đưa vào sản xuất hàng loạt mới do Nhà nước quy định. Sở dĩ Trung ương giao quyền cho xí nghiệp như vậy là vì lâu nay các xí nghiệp không muốn sản xuất mặt hàng mới, phải chờ đợi xét duyệt giá cả quá lâu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

Về tiêu thụ, nói chung hàng hóa của xí nghiệp đều phải giao qua

thương nghiệp quốc doanh. Song, nên chăng cho giám đốc xí nghiệp được quyền tổ chức tiêu thụ sản phẩm để giải phóng kho tàng, tiền vốn, nếu vì lý do nào đó, thương nghiệp quốc doanh không nhận hàng theo đúng hợp đồng kinh tế, và sau một thời gian nhất định theo xí nghiệp yêu cầu mà thương nghiệp quốc doanh cũng không nhận. Ngoài ra, giám đốc xí nghiệp được quyền tổ chức tiêu thụ những mặt hàng sản xuất thừa và sản phẩm phụ, nếu thương nghiệp quốc doanh không thỏa thuận mua.

Về xuất khẩu và nhập khẩu, lâu nay xí nghiệp trực tiếp sử dụng các nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng nhập khẩu và sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu, nhưng xí nghiệp hầu như không biết gì đến thị trường thế giới, đến giá cả, ngoại tệ, lỗ lãi... mà mọi việc đều do Nhà nước quyết định. Làm thế nào để có ngoại tệ và cần bao nhiêu ngoại tệ để nhập, Nhà nước đều phải lo. Xuất khẩu hàng hóa, thu được bao nhiêu ngoại tệ đều do Nhà nước nắm, lỗ, lãi bao nhiêu Nhà nước chịu. Chính cách làm đó dẫn đến tình trạng xí nghiệp không thể chủ động trong việc sản xuất; và như vậy thì làm thế nào nói đến đẩy mạnh xuất khẩu, cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu được. Đó là chưa nói, với chính sách như lâu nay, không có xí nghiệp nào thích làm hàng xuất khẩu, vì làm hàng xuất khẩu không những không được khuyến khích mà còn bị thiệt hơn làm hàng bán trong nước.

Theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương, các tổ chức kinh tế của Nhà nước đều có thể làm ngoại thương, và sản xuất phải gắn với thị trường, kể cả thị trường ngoài nước, cấp trên cần phải bảo đảm quyền chủ động của xí nghiệp trong việc xuất khẩu, nhập khẩu. Cụ thể là Nhà nước, tức là Bộ ngoại thương và Bộ chủ quản chỉ quản lý hành chính — kinh tế về mặt xuất, nhập khẩu, quyết

định những vấn đề về nguyên tắc như xuất, nhập thứ gì, xuất, nhập bao nhiêu, xuất cho ai, nhập của ai, giá cả thế nào... Còn các vấn đề cụ thể thì do các công ty hoặc các xí nghiệp lớn được Nhà nước cho phép trực tiếp giải quyết. Thí dụ Nhà nước ta và Nhà nước Liên-xô ký hiệp định về nguyên tắc trong 5 năm tới sẽ xuất sang Liên-xô bao nhiêu tấn chè và nhập của Liên-xô bao nhiêu tấn bông với giá cả bao nhiêu. Còn quy cách, phẩm chất sản phẩm, bao bì, đóng gói, thủ tục và thời hạn giao nhận cụ thể... sẽ do Liên hiệp xí nghiệp chè và liên hiệp xí nghiệp dệt trực tiếp bàn bạc và ký hợp đồng cụ thể với các tổ chức kinh tế tương ứng của Liên-xô để thực hiện.

Về ngoại tệ, sẽ tiến tới thực hiện chính sách lấy xuất bù nhập, xí nghiệp nào cần nhập thì phải lo xuất để mà nhập, xuất nhiều nhập nhiều, xuất ít nhập ít... (trừ những xí nghiệp cá biệt). Trường hợp cần thiết, xí nghiệp có thể vay ngoại tệ để kinh doanh xuất, nhập khẩu. Có như vậy mới dễ cao được trách nhiệm xuất, nhập khẩu của xí nghiệp. Trước mắt, cần thực hiện ngay chính sách của Nhà nước đã ban hành về việc xí nghiệp được sử dụng 10% kim ngạch xuất khẩu trong kế hoạch và 50% kim ngạch xuất khẩu vượt kế hoạch để nhập khẩu các vật tư, phụ tùng cần cho việc làm hàng xuất khẩu.

Ngoài ra, các xí nghiệp còn được quyền chủ động trong việc tham quan, khảo sát để tìm hiểu thị trường, học tập kỹ thuật, gửi công nhân đi đào tạo tại các xí nghiệp ở nước bạn, cũng như tham dự các triển lãm, các hội chợ quốc tế bằng quỹ ngoại tệ của mình.

Ngoài quyền chủ động trong các lĩnh vực nói trên, nói chung các xí nghiệp còn được quyền quan hệ trực tiếp với các xí nghiệp, nông trường và các tổ chức kinh tế khác để bàn bạc các vấn đề cần thiết và ký các

hợp đồng kinh tế nhằm bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất — kinh doanh của mình.

Quyền hạn phải gắn liền với trách nhiệm. Nếu có quyền hạn mà không có trách nhiệm, nhất là trách nhiệm về vật chất thì các xí nghiệp có thể lạm dụng quyền hạn để làm những việc sai trái. Vì vậy, Nhà nước sẽ có quy định cụ thể về trách nhiệm vật chất của xí nghiệp, nhất là của giám đốc xí nghiệp trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Nếu xí nghiệp không hoàn thành được kế hoạch, không giao đủ sản phẩm cho Nhà nước, không nộp hết các khoản thu vào ngân sách, cũng như không trả được nợ cho ngân hàng, không thực hiện được các hợp đồng kinh tế hoặc đề xảy ra các vụ tham ô, lãng phí... thì sẽ tùy theo mức độ của khuyết điểm và nguyên nhân, giám đốc và các phó giám đốc xí nghiệp sẽ bị xử lý từ cảnh cáo, giảm lương, cách chức, buộc thôi việc, đến truy tố trước pháp luật. Đối với xí nghiệp đó, có thể không được cấp vốn, cấp lương mà còn phải bồi thường.

Trách nhiệm lại phải đi đôi với quyền lợi, vì nếu không có quyền lợi thì sẽ không có động lực để phát triển kinh tế. Ngoài việc khen thưởng như lâu nay đã làm, vấn đề quan trọng là Nhà nước sẽ quy định cụ thể về quyền lợi vật chất. Thí dụ nếu xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, thì xí nghiệp được dùng toàn bộ hoặc phần lớn lợi nhuận vượt kế hoạch để thưởng cho cán bộ, công nhân. Ngoài ra, những cán bộ, công nhân có thành tích xuất sắc có thể được nghỉ phép dài ngày hơn phép hằng năm, hoặc những người có thành tích đặc biệt sẽ được cho đi tham quan ở nước ngoài...

Đề tạo điều kiện thực hiện quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí

ngiệp, cần kiện toàn xí nghiệp, củng cố lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

Trên cơ sở phương hướng và quy mô sản xuất được xác định mà kiểm kê lại tài sản cố định, xem trong dây chuyền sản xuất, khâu nào mất cân đối cần trang bị thêm, những thiết bị nào không dùng đến cần giao trả. Chú ý tăng cường tổ hoặc phân xưởng cơ khí để làm tốt nhiệm vụ chế tạo phụ tùng, cải tiến kỹ thuật cho cơ sở.

Nếu cần thiết thì bố trí lại các tổ sản xuất, các phân xưởng cho phù hợp với dây chuyền sản xuất và cải tiến bộ máy quản lý theo tinh thần tinh giản, gọn nhẹ, giảm trung gian, tăng hiệu lực, từ đó mà xác định lại số lượng cán bộ, công nhân của đơn vị theo yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Kiểm kê lại vốn lưu động, xác định mức dự trữ nguyên liệu, vật tư hợp lý, bảo đảm yêu cầu sản xuất, tìm mọi cách giải quyết càng nhanh càng tốt những nguyên liệu, vật tư ứ đọng.

Xây dựng mới hoặc soát xét bổ sung các nội quy về quản lý, các quy trình, quy phạm kỹ thuật, phổ biến và giáo dục sâu rộng trong cán bộ, công nhân, kiểm tra bảo đảm cho mọi người chấp hành nghiêm túc.



Mở rộng và bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho xí nghiệp là một vấn đề lớn để bảo đảm sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

Trên đây là những suy nghĩ bước đầu chúng tôi nêu lên nhằm góp phần vào việc nghiên cứu, cải tiến quản lý kinh tế của chúng ta hiện nay.

BƯỚC ĐI CỦA HUYỆN M'ĐRẮC

NGUYỄN-VĂN-NGUYỄN

HUYỆN M'Đrắc thuộc tỉnh Đắc-lắc được hình thành vào năm 1977. Số dân trong huyện có 8 826 người, trong đó có 3 400 lao động. Huyện có 3 xã gồm 47 buôn và một thị trấn nhỏ. Diện tích tự nhiên có 196 000 ha, trong đó có 60 000 ha đồng cỏ, còn lại là rừng và núi đá. Đất trồng cây lương thực chiếm tỷ lệ không đáng kể và thuộc loại rất xấu, vì không có sông suối lớn cho nên mùa khô các nguồn nước mặt đều bị kiệt; năng suất sản hằng năm chỉ đạt 2—3 tấn củ tươi/ha, năng suất lúa rẫy chỉ đạt 0,5 tấn thóc/ha. Sản xuất độc canh lương thực và du canh, hằng năm nhân dân thường thiếu ăn từ 5 đến 6 tháng.

Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, cơ sở chính trị lại non yếu. Lợi dụng tình hình này, bọn phân động tuyên truyền xuyên tạc, gây chia rẽ, dụ dỗ, uy hiếp cán bộ và nhân dân, phá rối trật tự an ninh, gây hoang mang trong quần chúng.

Trong tình hình đó, đảng bộ huyện M'Đrắc đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vươn lên làm chủ cuộc sống, làm chủ buôn làng.

Những thay đổi bước đầu.

Nếu cách đây ba năm, khắp nơi trên dải đất này còn là đồng khô cỏ cháy,

cảnh tượng nghèo nàn phơi bày trên khắp các buôn làng, thì ngày nay cuộc sống đã có những đổi thay đáng kể. Sản xuất lương thực từ 791 tấn năm 1977 đã tăng lên 3 223 tấn năm 1980; bình quân lương thực tính theo đầu người từ 110 ki lô gam tăng lên 410 ki lô gam. Từ chỗ thiếu ăn, đến nay huyện M'Đrắc đã hoàn toàn tự túc lương thực và bắt đầu làm nghĩa vụ đối với Nhà nước mỗi năm vào khoảng trên dưới 100 tấn thóc. Các ngành chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, trồng rừng và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, v.v. cũng phát triển, tạo nên sự chuyển biến bước đầu về cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện.

Sản xuất lương thực phát triển gắn liền với việc xóa bỏ tình trạng du canh và chuyển sang con đường sản xuất định canh và thâm canh. Những cơ sở vật chất kỹ thuật mới được hình thành, nhiều hồ chứa nước và hệ thống mương tưới được xây dựng khá hoàn chỉnh, tạo nên những cánh đồng cấy hai vụ lúa nước. Đó chính là sự biến đổi cách mạng sâu sắc nhất đối với đồng bào các dân tộc ở đây. Gắn liền với cuộc cách mạng ấy là cuộc cách mạng quan hệ sản xuất. Toàn huyện đã có 100% số hộ nông dân vào các tập đoàn sản

xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao, tình hình trật tự an ninh ngày càng ổn định, đồng bào các dân tộc ngày càng phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ mới.

Kết quả trên đây tuy mới là bước đầu, chưa phải lớn lắm, song nó có thể gọi ra cho chúng ta một số bài học về phương hướng và bước đi của một huyện miền núi.

Bài học kinh nghiệm.

Cũng như nhiều huyện miền núi khác, huyện M'Đrăc có thể mạnh về chăn nuôi, nghề rừng và trồng cây công nghiệp. Muốn khai thác thế mạnh đó trước hết phải tập trung sức giải quyết cho được vấn đề lương thực cho dân. Vấn đề đặt ra cho huyện lúc này là, *tự lực giải quyết vấn đề lương thực* hay là dựa vào sự cung cấp lương thực của Nhà nước để phát triển chăn nuôi, nghề rừng và trồng cây công nghiệp... Sự lựa chọn chính xác một trong hai cách làm này có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình đi lên của huyện. Một mặt, nhìn vào tình hình kinh tế, tự nhiên và tập quán canh tác của địa phương thì giải quyết vấn đề lương thực bằng con đường định canh và thâm canh là có thể được. Mặt khác, đối với huyện M'Đrăc phần đầu tư túc lương thực là vấn đề vừa có ý nghĩa kinh tế và chính trị trước mắt, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, củng cố lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, với chế độ mới, vừa là tiền đề cơ bản cho việc mở mang, phát triển các ngành nghề, khai thác tiềm năng và thế mạnh của một huyện miền núi. Chúng tôi cho rằng đây là điểm nút và một khi cái khó về lương thực đã được gỡ ra thì các vấn đề khác cũng sẽ triển khai thuận lợi.

Thực hiện phương hướng đó, chỉ mới trong vòng ba năm (1977 - 1980) huyện M'Đrăc đã cơ bản khắc phục được nạn thiếu lương thực trên miền hằng bao đời nay. Và trên cơ sở giải quyết vấn đề lương thực mà mở mang, phát triển các ngành nghề, tạo nên sự chuyển biến mới về phân công lao động trên địa bàn huyện.

Nói đến định canh và thâm canh ở đây, trước hết là nói đến thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích và cải tạo đồng ruộng. Đó là một cuộc cách mạng mà lực lượng tiến hành là *lao động* của đồng bào các dân tộc được *tổ chức lại* nhằm thay đổi tập quán canh tác và thực hiện cách làm ăn mới. Cho nên những cơ sở vật chất mới được tạo ra đều là sản phẩm của lao động tập thể, ruộng đất khai hoang và định canh tự nó thuộc sở hữu tập thể. Với những loại đất đai này, huyện ủy chủ trương không đem chia cho nông dân mà để canh tác tập thể. Và như vậy vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp trở thành bức thiết, nó chẳng những phù hợp với yêu cầu của quần chúng mà còn là điều kiện cơ bản để phát huy hiệu quả sử dụng đất đai và áp dụng những biện pháp kỹ thuật mới.

Bằng lao động tập thể, trong vòng ba năm (1977-1980) đồng bào các dân tộc ở đây đã đầu tư hàng chục nghìn ngày công để đắp đập làm hồ chứa nước; xây dựng hàng chục ki lô mét bờ thửa, mương tưới mương tiêu; khai phá hàng nghìn héc ta ruộng trồng lúa nước, trồng màu và cây công nghiệp, v.v. Việc xóa bỏ tình trạng du canh gắn liền với việc vận động đồng bào các dân tộc dùng phân bắc, phân chuồng... bón ruộng. Nhờ áp dụng mạnh mẽ các biện pháp thâm canh mà năng suất lúa từ 1,5 tấn/ha năm 1977 tăng lên 5 tấn/ha năm 1980; sản lượng lúa và hoa màu tăng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đó chính là động lực thúc đẩy 100% số hộ nông dân trong huyện đi

vào làm ăn tập thể, từ tập đoàn sản xuất lúc đầu tiến lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Sản xuất lương thực phát triển, năng suất lao động của những người trồng cây lương thực tăng lên cho phép rút bớt lao động trồng trọt để phát triển chăn nuôi và mở mang các ngành nghề khác. Hiện nay trên phạm vi toàn huyện M'Đrăc, lương thực đã trở thành bản đạp vững chắc cho việc đầu tư lao động khai phá đất hoang, cải tạo và sử dụng 60000 ha đồng cỏ để nuôi trâu, bò, trồng cây gây rừng và mở mang các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp như: gạch ngói, cưa xẻ, cơ khí sửa chữa, chế biến nông sản, v.v. Cơ cấu lao động đã có sự thay đổi: không những trong nội bộ ngành trồng trọt có lao động làm lúa, màu và cây công nghiệp và trồng rừng mà lao động còn được phân công theo hướng: lao động ngành trồng trọt giảm xuống, lao động chăn nuôi và các nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong huyện tăng lên.

Việc triển khai sự phân công lao động sang các ngành nghề như đã nói trên tuy mới ở bước đầu, song thế đứng và bước đi nói chung là vững chắc. Vì một lẽ, huyện M'Đrăc đã dựa trên cơ sở tự lực tự cường đồng thời có sự giúp đỡ về vật tư kỹ thuật của Nhà nước, nhưng không trông chờ ỷ lại, chủ động giải quyết lương thực, biết kết hợp lao động với đất, rừng — nguồn gốc sinh ra mọi của cải.

Huyện ủy M'Đrăc đã tổ chức chỉ đạo tốt để thực hiện một cách có hiệu

quả phương hướng đã vạch ra. Huyện ủy đi sát cơ sở, tổ chức lãnh đạo và chỉ đạo cơ sở thực hiện tốt chủ trương của huyện. Sự lãnh đạo của đảng bộ ở đây không chỉ dừng lại ở chỗ ra chỉ thị, nghị quyết, tuyên truyền vận động mà còn thể hiện ở chỗ miệng nói tay làm, biến chỉ thị, nghị quyết thành hiện thực bằng hành động cách mạng. cán bộ đảng viên phải nêu gương trước quần chúng. Muốn xóa bỏ tập quán du canh, thực hiện định canh và thâm canh thì phải làm thủy lợi, phải tạo ra những cánh đồng lúa nước, nhưng lúc đầu quần chúng chưa tin vì hàng nghìn đời nay ở đây chưa ai nghĩ đến điều đó; ở đây đồng bào cũng chưa bao giờ dùng trâu bò cày ruộng, dùng phân bón ruộng... Cho nên cán bộ, đảng viên phải miệng nói tay làm và làm có hiệu quả thiết thực thì quần chúng sẽ hăng hái tự nguyện làm theo.

Khi đời sống của nhân dân được nâng lên, lợi ích kinh tế và chính trị được bảo đảm thì như đồng bào các dân tộc ở đây thường nói, «ngày nay mọi người đều một bụng và mọi người đều một miệng». Đó là một bụng tin vào Đảng, vào đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội, một bụng suy nghĩ làm sao cho hợp tác xã ngày càng vững mạnh, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày một nhiều, nâng đời sống lên ngày một cao, và đoàn kết ngày càng chặt chẽ, rộng rãi, chống lại mọi luận điệu xuyên tạc và mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù. Đó cũng là ý chí vươn lên làm chủ cuộc sống, làm chủ buôn làng của đồng bào các dân tộc Tây-nghuyên.

Xây dựng tác phong mới trong công tác lãnh đạo

LÊ - QUANG

NGHỊ quyết của Bộ chính trị trung ương Đảng về công tác tổ chức đã chỉ rõ: phải « xây dựng tác phong công nghiệp khẩn trương, thiết thực, có kế hoạch, tính toán hiệu quả, dám quyết đoán ». Truyền đạt tinh thần đó, đồng chí Lê-Đức-Thọ đã nhấn mạnh tầm quan trọng của tác phong công nghiệp trong chỉ đạo thực tiễn, coi đó là một nội dung của khoa học tổ chức mà chúng ta cần nắm vững để vận dụng tốt.

Vấn đề tưởng như quen thuộc này thật ra đang còn mới mẻ đối với chúng ta, bởi vì chuyển biến từ một thói quen đã bám rễ lâu đời sang một cách nghĩ, cách làm hoàn toàn mới, là việc không đơn giản. Tuy nhiên, với nhận thức đầy đủ, sâu sắc về yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, mỗi cán bộ chúng ta không thể không có quyết tâm cao và bền bỉ phấn đấu giành thắng lợi từng bước trong lĩnh vực này. Chỉ có như vậy, đường lối chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước mới có thể trở thành hiện thực.

Tác phong công nghiệp trong công tác lãnh đạo về cơ bản đồng nghĩa

với tác phong sản xuất lớn, hoặc tác phong khoa học mà chúng ta thường gọi chung là tác phong lãnh đạo mới.

Tác phong lãnh đạo (có khi còn gọi là phong cách lãnh đạo, « kiểu » lãnh đạo) là một hệ thống những *phương pháp, cách thức, thái độ làm việc* mà người lãnh đạo (hoặc cơ quan lãnh đạo, quản lý) cần thường xuyên áp dụng, nhằm giải quyết những nhiệm vụ được giao cũng như những vấn đề nảy ra trong quá trình lãnh đạo. Đó là toàn bộ *cách thức vận dụng (có sắc thái rõ nét và tiêu biểu) những nguyên tắc, phương pháp và phương tiện* để lãnh đạo, quản lý một tập thể lao động, chiến đấu... Về thực chất, tác phong lãnh đạo là hình thức thực hiện các mối quan hệ chính trị - xã hội, kinh tế - xã hội và tâm lý - xã hội phức tạp nhất trong quá trình lãnh đạo các tập thể lao động, mà ta thường gọi là các mối quan hệ quản lý. Hiểu khái niệm này quá rộng (bao gồm cả mục tiêu, nguyên tắc) hoặc quá hẹp (chỉ là phong cách cá nhân, thủ thuật riêng của từng người) đều không thỏa đáng.

Tác phong lãnh đạo tác động mạnh về nhiều mặt tới hoạt động và kết quả công tác của cả tổ chức; nhiều khi có ảnh hưởng quyết định. Dĩ nhiên, tác động đó sẽ tích cực nếu là tác phong đúng đắn, và ngược lại, sẽ tiêu cực nếu là tác phong xấu.

Tác phong mới trong công tác lãnh đạo — tác phong lê nin nít — phải trở thành tác phong chung của đội ngũ cán bộ chúng ta. Điều đó không hề phủ định phong cách độc đáo của từng cán bộ, phản ánh tính phong phú, đa dạng của mọi hoạt động xã hội, và cũng phản ánh tính nghệ thuật của công tác lãnh đạo, quản lý. Mỗi người, qua kinh nghiệm bản thân và sở trường của mình, có thể ưa dùng (có kết quả tốt) những phương pháp, thủ thuật khác nhau: có người muốn giữ một « khoảng cách » nào đó đối với cấp dưới trong lúc người khác lại thích xuề xòa, gần gũi; có người sôi nổi, hoạt bát trong lúc người khác lại trầm tĩnh, v.v. Điều đó vô hại, nếu như nguyên tắc, tác phong lãnh đạo mác xít — lê nin nít mà ta đang bàn vẫn được bảo đảm.

Khi xem xét, đánh giá hoạt động

của một cán bộ lãnh đạo (hoặc một cơ quan lãnh đạo), không phải chỉ xem người đó *làm gì*, mà còn phải xem người đó *làm như thế nào*. Thật vậy, trong thực tế, không thiếu những người cùng làm các việc giống nhau mà lại đạt kết quả khác hẳn nhau do cách làm khác nhau. Biết tạo ra những điều hợp lý về mặt tổ chức, môi trường làm việc và quá trình làm việc, sẽ tạo ra được một tỷ lệ hợp lý giữa « chi phí lãnh đạo » và kết quả đạt được. Chính cái đó là năng lực của một cán bộ, một tổ chức. Vì như đối với người thợ, chỉ cần xem xét cách sắp xếp chỗ làm việc và thao tác là có thể đánh giá tay nghề của họ (trước khi xem kết quả thề hiện trên sản phẩm). Một sĩ quan nếu có tác phong do dự (chứ không phải thận trọng) hoặc liều lĩnh (chứ không phải dũng cảm, mưu trí) thì khó có thể được coi là người chỉ huy giỏi, dù rằng đã từng có trận đánh thắng. Tương tự như vậy, một cán bộ quản lý kinh tế chỉ làm « ào ào », thiếu tính toán, thiếu chuẩn bị và bất chấp quy luật khách quan... cũng là một ví dụ về tác phong làm việc xấu, nói lên sự hạn chế về năng lực.



Những đặc điểm quan trọng nhất của tác phong lãnh đạo do Lê-nin đề ra và tự mình thực hiện là: tính tư tưởng và tính Đảng cao; liên hệ thường xuyên với quần chúng; thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; sử dụng đầy đủ và đúng đắn những nguyên tắc quản lý, nắm được các nguyên tắc chỉ đạo hoạt động của người lãnh đạo; khẩn trương và cụ thể...

Tính tư tưởng cộng sản chủ nghĩa là đặc điểm đầu tiên của tác phong lãnh đạo mới của mỗi cán bộ lãnh đạo, bởi vì thiếu nó thì không còn là cán bộ cách mạng nữa. Sẽ chưa phải là thực chất nếu điều đó chỉ

thể hiện trên lý tưởng, ở thế giới quan, ở các quan điểm chính trị chung. Điều có ý nghĩa thực tiễn của tính tư tưởng và tính Đảng là người cán bộ phải thể hiện rõ sự nhất trí cao với đường lối, quan điểm của Đảng, kiên quyết thực hiện và bảo vệ đường lối của Đảng; mọi suy nghĩ và hành động đều phải xuất phát từ lợi ích của Đảng, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Tính nguyên tắc của một đảng vô sản kiểu mới đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, chăm lo đời sống, lợi ích của quần chúng với tất cả lòng tin,

nhật tinh và trí tuệ của mình. Sức mạnh của Đảng là ở đó.

Điều này đặc biệt quan trọng trong tình hình đất nước ta đang trải qua những khó khăn thử thách, với âm mưu thâm độc của kẻ thù đang tìm mọi cách phá hoại ta một cách toàn diện, mà nguy hiểm nhất là phá hoại nội bộ nhằm làm suy yếu Đảng ta — người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Ta có thể thông cảm với những tâm tư nôn nóng với động cơ chính đáng của một số cán bộ đảng viên, song không thể đồng tình với lối bàn tán tùy tiện, vô nguyên tắc những vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng, bởi vì điều đó rất có thể làm lợi cho kẻ thù một cách không tự giác.

Một thiết liên hệ với quần chúng cũng là một đặc điểm quan trọng của tác phong mới trong công tác lãnh đạo và được Lê-nin coi là « điều kiện chủ yếu nhất quyết định thành công của bất kỳ hoạt động nào ». Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, thật ra vốn là một đặc điểm thuộc về bản chất giai cấp của Đảng vô sản. Tiếc rằng ngày nay, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, không ít cán bộ chưa có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về điều đó. Một số người hầu như trở thành « quan cách mạng », sống cách biệt với quần chúng, đứng dưng trước các khó khăn hàng ngày của quần chúng, thậm chí còn ức hiếp quần chúng.

Vấn đề này không chỉ là tình cảm, là quan hệ thông thường với quần chúng mà thật sự là vấn đề thuộc về lập trường, quan điểm của người cán bộ đối với quần chúng. Để khắc phục sai lầm nói trên, người cán bộ lãnh đạo không thể chỉ thay đổi quan hệ, thái độ cư xử là đủ, mà là phải xây dựng bằng được một cơ chế tổ chức nhằm bảo đảm thật sự quyền làm chủ tập thể của quần chúng ở cơ sở; bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi

ích (lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động) trong mọi chủ trương biện pháp; giáo dục và phát động quần chúng đầy mạnh phong trào lao động sản xuất, trong đó coi trọng các biện pháp kinh tế, coi trọng khuyến khích bằng lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động; kịp thời hiểu rõ tình hình để có biện pháp giải quyết khó khăn cụ thể hằng ngày của quần chúng.

Người cán bộ lãnh đạo có tác phong mới phải là người *biết sử dụng đầy đủ và đúng đắn những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa, nắm vững những nguyên tắc chỉ đạo hoạt động của người lãnh đạo*. Trong những nguyên tắc quản lý mà Nhà nước đã ban hành, người cán bộ lãnh đạo phải luôn luôn nắm vững và tuân thủ nguyên tắc *một người chỉ huy*, tức chế độ thủ trưởng. Có thể nói, đây là một vấn đề rất khó, rất phức tạp. Yêu cầu đặt ra đối với người lãnh đạo là, một mặt phải bảo đảm sự lãnh đạo và kiểm tra toàn diện của tổ chức Đảng; mặt khác phải đề cao trách nhiệm của thủ trưởng, nắm vững quyền hạn được giao, dám quyết đoán và dám chịu trách nhiệm. Tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng hoàn toàn không có nghĩa là dựa dẫm, trông chờ cấp ủy có ý kiến về mọi việc thuộc chức năng quản lý, điều hành. Quyết đoán không có nghĩa là độc đoán chuyên quyền, không tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Ngoài ra, người cán bộ lãnh đạo còn phải nắm được các nguyên tắc chỉ đạo hoạt động căn thiết. Đó là các nguyên tắc: *tổng hợp, cân đối, liên tục, đồng thời và nhịp nhàng*. Nguyên tắc *tổng hợp* yêu cầu người lãnh đạo phải nhìn nhận được tất cả công việc trong một thời gian tương đối lâu dài, nắm được mối quan hệ qua lại giữa các công việc đó và giữa các khía cạnh của từng việc (kinh tế, chính trị...). Đồng thời cần vạch ra được các công việc trọng tâm và trọng điểm trong từng giai

đoạn kế hoạch. *Nguyên tắc cân đối* đòi hỏi phải tạo ra được và bảo đảm được hiệu quả tối ưu của các mặt hoạt động của người lãnh đạo như: xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, sản xuất và cải thiện đời sống, khả năng hiện có và yêu cầu phải đạt tới, v.v. *Nguyên tắc liên tục* đòi hỏi người lãnh đạo bậc cao được giữ quá khứ với hiện tại và tương lai trong các hoạt động quản lý của mình. Đối với từng việc cụ thể phải làm từ đầu đến cuối một cách trọn vẹn, hợp lý. *Nguyên tắc đồng thời* (hay còn gọi là nguyên tắc song song) yêu cầu người lãnh đạo thực hiện các chức năng quản lý sao cho phù hợp với tình hình quản lý. Trong khi dành công sức thích đáng vào các việc trọng tâm, trọng điểm, không buông lỏng các việc khác. *Nguyên tắc nhịp nhàng* đòi hỏi người lãnh đạo sắp xếp công việc của mình với một nhịp điệu ổn định. Khoa học, phù hợp với yêu cầu và khả năng thực tế của mình và làm những việc đó có nền nếp.

Người lãnh đạo tài giỏi là người biết nắm, biết vận dụng các nguyên tắc ấy trong hoạt động quản lý của mình, biết cách chủ động ngăn ngừa và khắc phục những xáo động ngẫu nhiên trong công tác. Muốn vậy, tất nhiên phải có tầm nhìn xa, biết dự tính chính xác và có sự sắp xếp khoa học trong kế hoạch công tác.

Tác phong lãnh đạo mới đòi hỏi người lãnh đạo phải có quan điểm khoa học và sự thông thạo công việc, hiểu biết khoa học tổ chức và khoa học quản lý, có kiến thức nhất định về chuyên môn. Nói cách khác, là phải thông thạo cả về lý luận và thực tiễn.

Thái độ khoa học của người lãnh đạo trước hết là, một mặt tôn trọng các quy luật khách quan đang phát huy tác dụng, và mặt khác, phát huy cao độ tính năng động chủ quan để tự giác vận dụng quy luật. Vấn đề thời sự hiện nay là cần nhận thức đầy đủ

tác dụng của các quy luật kinh tế trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ. Nắm không vững các quy luật và không hiểu biết tình hình thực tế, nhất định sẽ phạm sai lầm « tả » hoặc hữu. Chúng ta đã có khá nhiều bài học thấm thía về loại này, chẳng hạn như kế hoạch hóa quan liêu gò bó, đầu tư xây dựng cơ bản tràn lan, cũng như đề ra không ít chính sách cụ thể không khuyến khích được sản xuất, không phát huy được nhiệt tình, tài năng của người lao động, đang bị cuộc sống sinh động đòi hỏi phải thay đổi.

Xa lạ với quan điểm khoa học trong tác phong lãnh đạo là chủ nghĩa kinh nghiệm đang còn khá nặng trong nhiều cán bộ chúng ta. Đúng là những kinh nghiệm tích lũy được là vốn quý, nhờ nó ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn; song không phải toàn bộ những kinh nghiệm đó đều còn đúng trong điều kiện mới, hoàn cảnh mới với những nhiệm vụ mới. Tại Đại hội IX các xô viết toàn Nga, Lê-nin đã thẳng thắn chỉ rõ « Chúng ta bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế của chúng ta trên cơ sở kinh nghiệm ngày hôm qua của ta. Nhưng chính đó lại là một điều sai lầm cơ bản của chúng ta » (1), và Người khẳng định: « Khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đằng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua » (2).

Người lãnh đạo có tác phong đúng đắn phải nhạy cảm với cái mới, biết phát hiện và thực hiện những phương pháp, hình thức giải quyết công việc phù hợp với những biến đổi mới của cuộc sống; hết lòng ủng hộ, vun đắp những nhân tố mới ngay từ lúc vừa xuất hiện. « Người cán bộ nào không có được ý thức đó, không có cảm

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, tr. 251.

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 253.

giác nhạy bén trước cái mới, không chịu khó suy nghĩ tìm tòi, hiểu biết sự vật, không có khả năng suy nghĩ một cách độc lập sáng tạo trong quá trình chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, người đó không phải là cán bộ tốt, người đó sớm muộn sẽ bị cuộc sống vượt qua » (3).

Giải quyết những vấn đề về tổ chức theo quan điểm khoa học, nhất thiết phải nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Cần hiểu nguyên tắc đó theo nghĩa rộng, không đơn thuần chỉ là hiệu quả kinh tế trước mắt, mà là hiệu quả kinh tế - xã hội toàn diện, lâu dài. Đầu óc kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà cán bộ quản lý cần có hoàn toàn khác với lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa «tất cả vì lợi nhuận tối đa». Tuy nhiên, cái mà rất nhiều cán bộ chúng ta (trước hết là cán bộ quản lý kinh tế) thường mắc hiện nay lại là thiếu quan tâm đầy đủ hoặc thiếu tháo vát thông thạo trong việc kinh doanh, trong việc làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội để đáp ứng nhu cầu của đời sống, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tính khoa học trong tác phong lãnh đạo còn thể hiện ở chỗ làm việc có chương trình, kế hoạch, có chuẩn bị chu đáo, nắm vững trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, kịp thời điều chỉnh, uốn nắn, và chủ ý đúc kết kinh nghiệm. Lê-nin đòi hỏi mỗi cán bộ lãnh đạo phải cố gắng tách ra khỏi cảnh hỗn độn, cảnh chạy xuôi chạy ngược, khỏi các ban bế, khỏi việc thuyết trình và cạo giấy, đề nghị ngâm và hệ thống công tác.

Trái ngược với tác phong đó là lối làm việc tùy tiện, chấp vả, gặp chông hay chớ, luôn luôn bị động bởi những việc «đột xuất» do thiếu dự kiến, thiếu nhìn toàn diện mọi khía cạnh của vấn đề: là triển khai công việc tràn lan, dàn đều, không nắm chắc khâu mấu chốt, không tập trung chỉ đạo việc trọng tâm, trọng điểm. Kết quả không tránh khỏi của cách

làm việc thiếu khoa học đó là «có phát mà không có động», đánh trống bỏ dùi, việc nào cũng dở dang phạm nhở, khó có hiệu quả thiết thực và không thể tổng kết, đánh giá được. Chính nó là một «thủ phạm» quan trọng gây nên sự trì trệ, yếu kém về tổ chức thực hiện các nghị quyết mà chúng ta cần ra sức khắc phục.

Tác phong lãnh đạo mới còn đòi hỏi người lãnh đạo phải *hết sức khắt trương, phải biết tổ chức điều kiện làm việc của bản thân một cách hợp lý nhất*.

Tính khắt trương gắn liền với năng suất lao động cao, nó là một thuộc tính của tác phong công nghiệp. Đó không phải là sự khắt trương căng thẳng từng lúc, từng đợt như trong chiến đấu; mà là khắt trương liên tục và đồng bộ trong mọi mắt xích của một guồng máy liên hoàn, nếu một khâu nào chậm trễ sẽ gây trục trặc, trì trệ cho cả hệ thống.

Một cán bộ lãnh đạo có tác phong khắt trương sẽ hành động ngay sau khi quyết định; hơn nữa còn khắt trương ngay cả khi chuẩn bị và hình thành quyết định. Sự trì trệ do dự không sớm quyết đoán (khi điều kiện đã chín muồi) làm tiêu phí bao nhiêu thời gian quý báu, nhiều khi bỏ lỡ cả thời cơ, làm hỏng cả công việc.

Trong khi làm việc, người có tác phong khắt trương luôn tìm cách hợp lý hóa, cải tiến lề lối làm việc để rút ngắn thời gian hoàn thành, hạn chế thời giờ «chết». Họ thường tiến hành một số việc «gối đầu» nhau, làm việc này đồng thời chuẩn bị dần cho việc khác. Biết rút kinh nghiệm kịp thời trong mỗi việc cũng là một biểu hiện của tác phong khắt trương, nhờ đó tích lũy nhanh kinh nghiệm, nâng cao nhanh chóng năng lực công tác.

(Xem tiếp trang 64)

(3) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1973, tr. 13.

GIÁO DỤC CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA CHO THỂ HỆ TRẺ

VŨ CÔNG-CẦN

DẬP tan chế độ thống trị của các giai cấp bóc lột, áp bức đã là sự nghiệp long trời lở đất, đầy gian khổ hy sinh, nhưng xây dựng nên xã hội mới—xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa—, ước mơ cao đẹp nhất của loài người, lại còn là việc bội phần khó khăn hơn nữa.

Giữ vai trò người chiến sĩ xung kích gánh vác sự nghiệp vẻ vang đó dưới sự lãnh đạo của đảng mác xít—lê nin nít, không phải ai khác ngoài thế hệ trẻ. Để làm cho tuổi trẻ có đủ khả năng hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó, vấn đề then chốt đặt ra cho Đảng cộng sản là phải đào tạo họ, *phát triển hành giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ.*

Với nhân quan chính trị hết sức sâu sắc và tầm nhìn chiến lược rộng lớn, Mác và Ăng-ghe-nh đã đặc biệt quan tâm tới thế hệ trẻ, đánh giá cao vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng và chỉ ra rằng tương lai của cả loài người hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên.

Kế tục và phát triển một cách thiên tài học thuyết của Mác và Ăng-ghe-nh, Lê-nin, trên cơ sở tin tưởng vào

niệt tình cách mạng, khả năng sáng tạo và lực lượng hùng hậu của thanh niên, đã coi việc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ là nhiệm vụ có tính quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản.

Những người sáng lập chủ nghĩa Mác—Lê-nin bách chiến, bách thắng đã chỉ rõ: giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ nhằm đào tạo những người chủ tương lai của đất nước, những người trực tiếp xây dựng xã hội mới, là một vấn đề có ý nghĩa hết sức to lớn, quan hệ mật thiết tới sự tồn tại của bản thân nền chuyên chính vô sản, tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, Lê-nin đã đặc biệt quan tâm tới việc tổ chức, giáo dục và rèn luyện thế hệ trẻ. Người chỉ rõ rằng dưới chuyên chính vô sản, đảng của giai cấp công nhân phải đặc biệt coi trọng việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, bởi vì một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Đảng trong thời kỳ chuyên chính vô sản là tiến hành cải tạo các thế hệ cũ và giáo dục các thế hệ mới theo tinh thần chuyên chính vô sản và chủ

nghĩa xã hội. Lê-nin đã nhiều lần chỉ rõ rằng Đảng phải giác ngộ, vận động thanh niên công nhân, nông dân, học sinh, trí thức tham gia phong trào cách mạng, tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, qua đó giáo dục, đào tạo họ thành lực lượng bổ sung thường xuyên cho Đảng, cho bộ máy quản lý Nhà nước để « thay thế đội vệ binh bốn sè vách lão thành ».

Đề cập tới nội dung giáo dục cộng sản cho thế hệ trẻ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã kịch liệt lên án nền giáo dục phản động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, một nền giáo dục nô dịch, cốt đào tạo ra những người làm thuê, làm cho thế hệ trẻ phát triển một cách què quặt, và chỉ rõ chỉ có xóa bỏ chế độ người bóc lột người thì mới có đủ điều kiện để thực hiện giáo dục cộng sản chủ nghĩa, đào tạo nên lớp người phát triển toàn diện, có khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nền giáo dục đó phải có nội dung bao gồm trí tuệ, thể dục và kỹ thuật bách khoa, - như Mác đã viết năm 1866 trong « Chỉ thị về một số vấn đề gửi các đại biểu Ban chấp hành trung ương lâm thời » - nhằm đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú.

Phát triển những luận điểm của Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin vạch rõ giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ là giáo dục về những quy luật phát triển của xã hội, của cách mạng vô sản, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Hiểu biết quy luật sẽ giúp cho tuổi trẻ vững bước tiến lên và biết cách tiến lên như thế nào để giành thắng lợi trên con đường cách mạng.

Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ là vũ trang cho họ tinh thần kiên quyết đập đổ thế giới cũ, chống

mọi sự bóc lột, tẩy sạch những tàn dư của nền sản xuất nhỏ, những tập tục, thói quen lạc hậu. xây dựng chủ nghĩa tập thể của giai cấp vô sản; là giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng hy sinh chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của đất nước, sẵn sàng tham gia công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh; là trang bị cho thế hệ trẻ tinh thần quốc tế vô sản, làm cho họ nhận thức được rằng những thành công và thất bại của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở mỗi nước gắn liền với những thành công và thất bại của phong trào cách mạng thế giới, phải ủng hộ bằng lời nói và việc làm phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức ở tất cả các nước.

Giáo dục những vấn đề nói trên cũng chính là giáo dục đạo đức cộng sản cho thế hệ trẻ bởi vì: « Cơ sở của đạo đức cộng sản là cuộc đấu tranh để củng cố và hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đó cũng là cơ sở của việc huấn luyện, học tập và giáo dục cộng sản » (1).

Cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới là nhiệm vụ quan trọng nhất của Đoàn thanh niên cộng sản và của tuổi trẻ trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ trong tình hình đó là phải nhằm động viên, tổ chức thanh niên tích cực tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, thật sự xứng đáng là lực lượng xung kích trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn xây dựng kinh tế, muốn tăng năng suất lao động để chiến thắng chủ nghĩa tư bản thì cần phải có tri thức, cần phải làm chủ khoa học kỹ thuật. Muốn thật sự trở thành người chủ của đất nước, người chủ của xã

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 357.

hội, thanh niên phải nắm lấy khoa học. Lê-nin nhấn mạnh: «Thật là sai lầm khi nghĩ rằng chỉ cần thẩm nhuần những khẩu hiệu cộng sản, những kết luận của khoa học cộng sản, chứ không cần phải thẩm nhuần tổng số những kiến thức mà chính bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng là kết quả» (2). Nếu không có một nền học vấn hiện đại thì «chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi».

Quá trình xây dựng xã hội mới, — xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, — không nhàn hạ như một cuộc đi dạo mát mà là một chặng đường đầy khó khăn, gian khổ phải vượt qua. Con đường chông gai nhưng vẻ vang đó đòi hỏi tuổi trẻ phải có tinh thần cách mạng tiên công, cho nên Lê-nin dạy rằng giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên là phải trang bị cho họ tinh thần kiên quyết khác phục khó khăn trên cơ sở giáo dục cho họ lòng tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tuổi trẻ phải được vũ trang — qua giáo dục cộng sản chủ nghĩa — tinh thần cách mạng kiên cường, lòng kiên định bền sẽ vững và chỉ khi bền vững dễ vượt qua những thất bại tạm thời, nhất là những thất bại ban đầu, tiếp tục tiến thẳng tới mục đích lớn lao của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Dung thứ những thái độ lao động bấp bênh trong hàng ngũ thanh niên là trái với yêu cầu giáo dục cộng sản chủ nghĩa.

Về phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa, những người sáng lập chủ nghĩa Mác — Lê-nin vạch rõ là không được theo lối cũ, tách rời cuộc sống, tách rời đấu tranh; không nên tự giam mình trong các trường học và không nên chỉ hạn chế mình trong việc đọc sách báo và tài liệu cộng sản. «Giáo dục thanh niên cộng sản không phải là nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là những phép tắc đạo đức. Không phải cái đó là giáo

dục» (3), mà phải gắn liền việc giáo dục, học tập, thực tập của tuổi trẻ với lao động của công nhân và nông dân. Phải đặt vấn đề học tập của tuổi trẻ như thế nào để hằng ngày ở mỗi làng mạc, mỗi thành phố, thanh niên giải quyết được một cách thực tiễn vấn đề này hay vấn đề khác của lao động tập thể dù là nhỏ bé nhất, giản đơn nhất. Phải làm như Lê-nin đã dạy: «Thế hệ thanh niên chỉ có thể học chủ nghĩa cộng sản khi đã gắn liền từng bước thực tập, giáo dục, học tập của mình với cuộc đấu tranh không ngừng của vô sản và những người lao động chống lại xã hội cũ của bọn bóc lột» (4).



Hồ Chủ tịch kính yêu đã từng dạy: «Một năm khởi đầu từ mùa xuân... một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa Xuân của xã hội» (5). Luôn luôn tin tưởng ở tuổi trẻ nước nhà, đặt hết hy vọng vào tuổi trẻ, Đảng ta và Hồ Chủ tịch thường xuyên xem trọng công tác vận động thanh niên và việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, coi đó là một nhiệm vụ cách mạng vô cùng quan trọng, có ý nghĩa chiến lược của toàn Đảng. Nghị quyết số 181 ngày 25-9-1968 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác vận động thanh niên ghi rõ: «... Vấn đề tăng cường lãnh đạo công tác thanh vận và đào tạo, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người kế tục một cách trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, bảo đảm thắng lợi hiện nay và ngày mai của chúng ta, là một nhiệm vụ cách mạng vô cùng quan trọng, có ý nghĩa chiến lược» (6). Tự hào và tin tưởng ở

(2) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 345.

(3) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 357.

(4) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 356.

(5) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1956, tập 1, tr. 73.

(6) *Văn kiện Đảng về công tác thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà-nội, 1974, tập 2, tr. 199.

tuổi trẻ, coi tuổi trẻ là người chủ tập thể của hiện tại và chủ thể sáng tạo tương lai của đất nước. Đảng ta đã khẳng định: «Tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa nằm trong tay *thanh niên, thiếu niên và nhi đồng*» (7). Vinh biệt chúng ta, Hồ Chủ tịch kính yêu còn ân cần căn dặn lại trong Di chúc: «Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết».

Lớp người kế tục một cách trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang, đem lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng tới đích cuối cùng, chính là thế hệ những con người mới trẻ tuổi, thế hệ thanh niên cộng sản Việt-nam. Thế hệ thanh niên mới đó phải, vừa là kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc, vừa là con người mới xã hội chủ nghĩa có đạo đức, phẩm chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế và năng lực hoạt động thực tiễn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là những con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú, biết sống theo tình thương và lẽ phải với những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản.

Muốn bồi dưỡng, đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới xã hội chủ nghĩa đáp ứng nhiệm vụ cách mạng vẻ vang của đất nước và dân tộc, *phải tiến hành tốt việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ*.

Trong việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, vấn đề được đặt lên hàng đầu là *giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thế giới quan khoa học Mác - Lê-nin và đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng thanh niên củ

có khi phách anh hùng, «sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại». Cần tiến hành giáo dục lý tưởng cho thanh niên thông qua việc tổ chức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, sứ mệnh lịch sử của tuổi trẻ, cuộc đấu tranh giữa hai con đường, tình hình và nhiệm vụ của đất nước.

Giáo dục lao động - một nội dung quan trọng của giáo dục cộng sản chủ nghĩa - có một vị trí đặc biệt trong việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Cần giáo dục cho thanh niên lòng yêu lao động không phân biệt nghề nghiệp, lòng tự hào trong lao động, tự giác lao động, coi «lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta» (8). Giáo dục lao động còn là giáo dục cho tuổi trẻ ý thức phấn đấu không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý, nghề nghiệp: là giáo dục về phong cách lao động mới: lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

Giáo dục tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản là nội dung được coi trọng trong giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho tuổi trẻ Việt-nam, đề trong bất kỳ hoàn cảnh nào tuổi trẻ cũng vững vàng, kiên định trước mọi khó khăn, thử thách, sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế cao cả, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Giáo dục truyền thống cũng là nội dung hết sức quan trọng trong giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Cần giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta qua bốn nghìn năm

(7) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXB Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 150.

(8) Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, NXB Sự thật, Hà-nội, 1962, tập VI, tr. 177.

đựng nước và giữ nước, lịch sử Đảng ta, con người và sự nghiệp của Bác Hồ vĩ đại, truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của giai cấp công nhân, của các lực lượng vũ trang nhân dân và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh; bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lòng kính trọng, tình thương yêu sâu sắc đối với đồng bào, đồng chí, dũng khí đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trong giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, còn phải quan tâm tới *xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa* vì đó cũng là một nội dung quan trọng để hình thành nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa. Phải giúp đỡ, hướng dẫn tuổi trẻ xác định rõ mục đích cuộc sống cao đẹp là phấn đấu cho sự toàn thắng của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, luôn luôn chủ động và có ý thức trách nhiệm xã hội, nhận thức và xử lý đúng đắn các mối quan hệ xã hội, sống theo phương châm «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mọi người» và thực hiện nếp sống văn minh.

Giáo dục cộng sản chủ nghĩa là giáo dục toàn diện, cho nên, đi liền với giáo dục chính trị, tư tưởng, còn phải động viên, tổ chức, giúp đỡ tuổi trẻ học tập nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quân sự và rèn luyện thể lực, có trình độ thưởng thức và sáng tạo văn học, nghệ thuật, có kiến thức và năng lực làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân.

Trong giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho tuổi trẻ, tính chiến đấu phải được thường xuyên nâng cao. Trên cơ sở xây dựng và bồi dưỡng cho thanh niên những nhận thức tư tưởng và tình cảm cách mạng, phát động thanh niên đấu tranh chống những tư tưởng thù địch của bọn phản động Bắc-kinh và chủ nghĩa đế quốc, đập tan những thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch; quét sạch những nọc độc

của chủ nghĩa thực dân mới, những ảnh hưởng tư tưởng tư sản và lối sống sa đọa; khắc phục những tàn dư tư tưởng phong kiến; phê phán tư tưởng tiêu tư sản; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do vô tổ chức, vô kỷ luật, lười biếng, ăn bám, coi khinh lao động chân tay, lấy cắp của công, làm ăn phi pháp và những thói hư, tật xấu khác đang làm hư hỏng không ít thanh niên.

Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho tuổi trẻ đòi hỏi không ngừng cải tiến *phương pháp và hình thức* giáo dục, sao cho phong phú, hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm, tâm lý tuổi trẻ, sát với từng đối tượng thanh niên.

Kinh nghiệm cho thấy, phương pháp giáo dục có hiệu quả nhất là đưa đồng đảo thanh niên tham gia các phong trào hành động cách mạng, qua đó mà tiến hành giáo dục. Rèn luyện thanh niên trong thực tiễn cách mạng, lao động, chiến đấu, học tập, hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể. Đổi mới phương pháp học tập và sinh hoạt chính trị; có các chương trình giáo dục chính trị cơ bản phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, thanh niên; tổ chức các nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng trong các tổ chức cơ sở của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh. Chú trọng xây dựng điển hình người tốt, việc tốt và nêu điển hình để giáo dục thanh niên.

Các hình thức giáo dục phong phú, sinh động, thích hợp với tuổi trẻ như: sinh hoạt câu lạc bộ, hội thảo, diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề, tham quan, sinh hoạt truyền thống, triển lãm, thư viện, sách báo, phát thanh, truyền hình, các hoạt động văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao... cần được sử dụng rộng rãi. Bên cạnh việc tiến hành những hình thức giáo dục tập trung, cần coi trọng việc đi sâu, đi sát từng đoàn viên, thanh niên, nhất là giúp đỡ những thanh

niên có hoàn cảnh khó khăn và những người chậm tiến.

Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ là vấn đề rất lớn, rất công phu, phải đi từ tuổi nhi đồng, thiếu niên đến tuổi thanh niên, từ thanh niên trong trường học đến thanh niên trong quân đội, thanh niên trong các khu vực sản xuất, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, làm cho các quá trình giáo dục được liên tục, thống nhất và phối hợp chặt chẽ, tạo nên chất lượng mới trong công tác đào tạo.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, giáo dục cộng sản chủ nghĩa nhằm đào tạo thế hệ thanh niên mới phát triển toàn diện, là sự nghiệp chung của cả xã hội, đặc biệt là của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của Nhà nước, đoàn thể, xã hội và gia đình để tiến hành giáo dục thế hệ trẻ trên quy mô rộng lớn. Đồng chí Lê-Duẩn đã căn dặn: « Các tổ chức Đảng và chính quyền phải biết dựa vào Đoàn thanh niên để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế mới mẻ và nặng nề, những vấn đề khoa học và kỹ thuật phức tạp. Thông qua những hoạt động xã hội sôi nổi đó mà giáo dục và rèn luyện thanh niên, làm cho thanh niên trở thành những người chủ tập thể xứng đáng trong xã hội, trong sản xuất và trong cuộc sống hằng ngày » (9).

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh — người có vai trò trực tiếp trong nhiệm vụ giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ — cần chủ động đề xuất và phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể để tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tác động vào thế hệ trẻ. Tận dụng các cơ sở, phương tiện và công cụ tuyên truyền, giáo dục của Đoàn, Đảng và các cơ quan Nhà nước để giáo dục thế hệ trẻ; đồng thời tiếp tục xây

dựng, phát triển thêm những cơ sở vật chất cho công tác giáo dục thế hệ trẻ như: phòng truyền thống, phòng Bác Hồ, nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, bể bơi, sân bãi hoạt động thể dục thể thao... Chú ý củng cố và tăng cường hệ thống giáo dục của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh ở các cấp, coi trọng việc xây dựng mạng lưới báo cáo viên ở cơ sở, cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng các công tác phục vụ nhiệm vụ giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ như công tác nghiên cứu lý luận, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản.

Trong giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, các bậc cách mạng lão thành, các đảng viên cộng sản, các anh hùng và chiến sĩ thi đua, các nhà sư phạm, các nhà hoạt động khoa học xã hội và tự nhiên, các đồng chí công nhân lâu năm, các đồng chí cán bộ các lực lượng vũ trang nhân dân... có vai trò hết sức quan trọng. Chủ động và thường xuyên đến với tuổi trẻ, các thế hệ cha anh đó sẽ đem lại cho tuổi trẻ những tư tưởng và tình cảm cao đẹp, những ước mơ và hoài bão lớn lao, những hiểu biết và tài năng sáng tạo, những kinh nghiệm quý báu và những lời khuyên nhủ chân tình... góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ.

Nhà thơ lớn xô viết Mai-a-cốp-xki viết: « Chủ nghĩa cộng sản là tuổi trẻ của thế giới do những người trẻ tuổi xây dựng nên ». Đúng như thế! Nhưng thế hệ trẻ chỉ có thể hoàn thành xuất sắc sự nghiệp lịch sử vẻ vang đó khi chính bản thân họ được tôi luyện vững vàng qua giáo dục cộng sản chủ nghĩa,

(9) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 136.

«CHIẾC Ồ»

TRONG đội ngũ cán bộ, đảng viên ta, bên cạnh đồng đảo đồng chí sống một cách trung thực, có bản lĩnh, xứng đáng với danh hiệu chiến sĩ cộng sản, vẫn còn sót lại những người tự biến mình thành «cây tâm gửi», sống nhờ vào người khác, nép mình trong chiếc «ô bảo hộ» của người khác; coi chiếc ô bảo hộ đó như một «lá bùa hộ mệnh» trên con đường tiến thân của mình.

Vì sao họ phải tìm cho mình chiếc ô như thế? Có chịu khó quan sát cuộc sống ta mới có thể tìm được câu trả lời đầy đủ. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ: tác dụng của chiếc ô.

Trong thực tế, những chuyện như thế này đã từng xảy ra ở nơi này, nơi khác:

— Có người, cả năng lực và phẩm chất đều rất bình thường, thậm chí còn vào loại kém nữa là khác. Song, lạ chưa, họ vẫn cứ được đề bạt, được nâng lương sớm, được hưởng nhiều sự ưu đãi... Khi tìm hiểu kỹ mới rõ: vì họ có ô che.

— Có cán bộ thuộc loại có chức, có quyền, phạm khuyết điểm nặng đến mức phải thi hành kỷ luật. Nhưng nhờ có ô che, anh ta lập tức được điều đến địa phương khác, đơn vị khác hoặc cơ quan khác để đảm nhận một công việc quan trọng hơn, với chức vụ cao hơn và số lương lớn hơn. Như thế là, cũng vẫn con người ấy,

bị xử lý kỷ luật ở nơi này thì lại được đề bạt ở nơi khác.

— Còn có trường hợp như thế này: anh A có khuyết điểm, bị đưa ra phê bình, kiểm thảo trước tập thể đơn vị. Nhưng nhờ có ô che, anh ta «trắng án». Chẳng những thế, từ một người bị phê bình, anh ta trở thành người phê bình chính những ai trước đây đã phê bình anh ta. Thế là theo cách gọi của triết học thì các mặt đối lập bắt đầu thực hiện sự chuyển hóa: người có tội biến thành kẻ vô tội và ngược lại.

— Chưa hết, ta còn thấy có người không những ngang nhiên làm điều sai trái, mà còn có vẻ thách thức những người chung quanh nữa là khác. Đường như họ muốn bảo với mọi người rằng: «Các anh cứ phê bình đi, sẽ chẳng ăn thua gì đâu!». Người đó là ai mà ghê gớm thế? Họ là người có ô che đấy!

Qua vài ví dụ thế thôi, không cần dẫn chứng nhiều, ta cũng có thể thấy được chiếc ô có tác dụng «quan trọng» đến mức nào rồi. Và từ đó, cũng dễ hiểu tại sao trong cuộc sống có những người lại cố tìm cho được chiếc ô che.

Có được một chiếc ô chẳng dễ. Song, đối với những người luôn đặt sự tìm kiếm đó thành mục đích của cuộc sống thì họ có nhiều cách làm: hoặc bằng con đường họ hàng ruột

thịt; hoặc nhờ những người thân quen : hoặc bằng cách nịnh hót, bợ đỡ : hoặc bằng cách dùng vật chất để « biếu » để « lặt » một hình thức hối lộ, mua chuộc. Dù bằng cách nào đi nữa thì công việc cũng được tiến hành đại thể theo mấy bước như thế này : bước thứ nhất, nắm thật đầy đủ những người có chức, có quyền là ruột thịt, thân quen hoặc là thủ trưởng, là cấp trên của họ : bước thứ hai, tìm mọi cách tranh thủ, lôi kéo hoặc mua chuộc bằng được cảm tình của người đó. Bằng những cách như vậy, thế nào họ cũng tìm được chiếc ô vừa ý.

Người đội ô có kinh nghiệm thường không bao giờ chỉ tìm cho mình một chiếc ô. Đối với họ, càng có nhiều ô càng tốt, đề phòng trường hợp chiếc này « rách » còn có chiếc khác. Có một chiếc ô đã phần nào yên tâm, nhưng chưa bảo đảm. Phải có hai chiếc, ba chiếc... chiếc B phải « to » hơn chiếc A, chiếc C lại phải « to » hơn chiếc B... Có như vậy mới bảo đảm chắc chắn. Tại sao họ phải làm như thế ? Thực tế của cuộc sống mách bảo họ đấy. Bởi vì, thiếu gì những trường hợp, người đội ô phải sử dụng đến ba, bốn chiếc ô một lúc : chiếc ô thứ nhất không ăn thua, dùng chiếc ô thứ hai cũng không bảo đảm, đến chiếc ô thứ ba thì thành công. Xin dẫn một trường hợp cụ thể : một cán bộ do có những hoạt động chia rẽ, bẻ phải gây ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ một cách nghiêm trọng cho nên đã bị chỉ bộ kiểm thảo và nhất trí đề nghị khai trừ ra khỏi Đảng. Anh ta lập tức nhờ đến ô che của mình. Chiếc ô thứ nhất : đồng chí trong thương vụ đáng ủy. Đồng chí này không giúp gì được anh ta. Thế là chiếc ô thứ nhất bị « rách ». Anh ta nhờ đến chiếc ô thứ hai : một đồng chí ở cấp huyện. Đồng chí này cũng chịu bó tay vì khuyết điểm của anh ta đã quá rõ ràng. Thế là chiếc ô thứ hai cũng không bảo đảm. Anh ta nhờ đến chiếc ô thứ ba, một đồng chí ở

cấp tỉnh. Chuyển này anh ta thành công. Đồng chí cán bộ cấp tỉnh đã gọi đây nói về huyện đề nghị xem xét lại hình thức kỷ luật trên. Thế là công việc được hoãn lại đề nghị cứu và xác minh thêm. Nghiên cứu mãi, xác minh mãi mà án kỷ luật vẫn không được thực hiện. Nghị quyết của chỉ bộ họ trở nên vô nghĩa. Như vậy rõ ràng là, trên bước đường « dung thân » và « tiến thân » của những kẻ chuyển đội ô, nếu chỉ có một chiếc ô thì có lúc vẫn cứ « hỏng việc ».

Cần phân biệt trường hợp tìm ô và trường hợp khiêu nài. Hai trường hợp đó, hai hành động đó khác nhau về bản chất. Có những người do bị oan ức, hoặc do thấy khuyết điểm của mình không đến mức phải bị kỷ luật nặng như thế cho nên đã khiêu nài lên cấp trên. Trường hợp đó không phải là tìm ô che. Tìm ô, thực chất là tìm người che chở, tìm một chỗ dựa cho những mục đích cá nhân thấp hèn.

Đã là người đội ô thì bao giờ cũng giống nhau về bản chất. Đó là tất cả vì mục đích cá nhân. Nhưng biểu hiện bên ngoài thì mỗi người lại một vẻ. Có người giấu kín không muốn cho ai biết là mình có ô che. Có kẻ lại cố ý cho mọi người biết là mình có ô, dường như anh ta nghĩ rằng làm như thế mọi người sẽ nể mình hơn, phục mình hơn.

Tìm hay không tìm cho mình một chiếc ô : tự biến mình thành một thứ dây leo, thành cây tầm gửi, hay sống hiên ngang như cây tùng, cây bách, điều đó không phụ thuộc vào cương vị công tác, vào địa vị xã hội của mỗi người, mà phụ thuộc vào phẩm chất của họ. Có những người ở cương vị bình thường nhưng vẫn đáng hoàng, chừng chạc, tự tin. Ngược lại, một số cán bộ có chức, có quyền hãnh hoi nhưng vẫn chạy vạy, cố tìm cho mình một chiếc ô che. Họ có thể vừa làm ô che cho người, vừa nấp mình dưới bóng ô của người khác.

Có người đội ô bởi vì còn có người che ô. Khái niệm «đội ô» và khái niệm «che ô» vừa là nhân, vừa là quả của nhau. Chúng là tiền đề tồn tại của nhau. Một số ý kiến cho rằng tim ô che là xấu, là sai đã đánh; còn che ô cho người khác thì có gì đáng phê phán? Nói như thế không đúng! Xem xét một hành động nào đó là đúng hay sai, là xấu hay tốt phải căn cứ vào mục đích của nó. Trong thực tế, có những người vì bị thành kiến, truy thù mà phá, chịu những hình thức kỷ luật oan trái. Nhưng nhờ có sự sáng suốt, nhờ có sự đấu tranh tích cực của tổ chức, hoặc của một cán bộ cấp trên nào đó mà họ được minh oan thì đây lại là chuyện khác. Việc minh oan đó là hành động nhằm mục đích bảo vệ chân lý, bảo vệ nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, rất đáng khuyến khích, biểu dương, nó hoàn toàn khác với việc che ô mà chúng ta đang bàn. Nói tới hành động che ô là nói tới mục đích cá nhân. Bởi vì người tự đứng ra nhận làm chiếc ô che cho người khác thường là do một trong những nguyên nhân sau đây chi phối: hoặc do họ nhận thức về địa vị của mình quá cao, muốn tỏ rõ cho người khác thấy mình là người thật sự có «quyền uy»; do muốn ban ơn; do người được họ che chở là ruột thịt hoặc có quan hệ thân quen; do được họ đỡ, nịnh hót; hoặc do được hối lộ, v.v.

Dù là người đội ô hay là người che ô thì cũng đều đáng phê phán cả, bởi vì việc làm của họ đều xuất phát từ mục đích cá nhân không phù hợp với đạo đức của người cộng sản. Hơn

nữa, việc làm đó vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nó phá vỡ nguyên tắc mác xít — là nin nít về công tác cán bộ, làm cho vàng thau lẫn lộn, phải trái không phân minh. Nó gây ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, làm rệu rã, đi đến phá vỡ tổ chức. Nó làm mất lòng tin của cấp dưới đối với cấp trên, của cán bộ đối với tổ chức, của quần chúng đối với Đảng.

Ai cũng biết đội ô và che ô là những việc làm xấu, là hiện tượng tiêu cực hoàn toàn trái với bản chất của xã hội ta. Song vì sao nó vẫn còn? Nó còn, trước hết vì có những cán bộ, đảng viên kém tu dưỡng, chạy theo lợi ích cá nhân, không cần biết việc làm của mình sẽ gây ra tác hại như thế nào, miễn sao mục đích của cá nhân được thực hiện. Có tình trạng đội ô và che ô còn do kỷ luật của chúng ta có lúc chưa nghiêm, nên nếp tự phê bình và phê bình trong các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể không được giữ vững. Một số người thiếu dũng khí đã ngại ngần khi phê bình những người đội ô và che ô, sợ làm như thế là «động» là «chạm», là «vuốt mặt không nể mũi». Ngoài ra, những nhược điểm, khuyết điểm trong công tác quản lý cán bộ cũng đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho những hiện tượng tiêu cực đó nảy sinh.

Nghiêm khắc với khuyết điểm, thiếu sót của mình là một biểu hiện của tinh thần cầu tiến bộ, cho nên, dù hiện tượng tiêu cực trên không phải là phổ biến, chúng ta cũng cần nêu ra để mà tránh, mà sửa.

NGUYỄN-TRUNG-THỰC

KHỦNG HOẢNG LÒNG TIN Ở TRUNG-QUỐC

CHU - MỘNG

CUỘC «khủng hoảng lòng tin» tại Trung-quốc đang là đề tài thời sự của giới báo chí phương Tây. Báo Pháp *Thế giới* số ra ngày 3 tháng 7 năm 1980 viết: «Cuộc khủng hoảng lòng tin đối với chế độ (Bắc-kinh) đã trùn lên dịp kỷ niệm lần thứ 59 ngày thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc (1-7-1980)... Ở Hương-cảng, một tạp chí ủng hộ Đặng-Tiểu-Bình cũng đề cập tới «một cuộc khủng hoảng lòng tin mà Trung-quốc hiện đang trải qua». Bài «Cuộc khủng hoảng lòng tin nói lên điều gì?», đăng trên tờ *Nhân dân nhật báo* (Trung-quốc) số ra ngày 10 tháng 10 năm 1980 viết: «Tại sao quần chúng nhất là thanh niên lại mang tâm trạng hoài nghi và xuất hiện tại Trung-quốc cuộc khủng hoảng lòng tin?». Tự đặt cho mình câu hỏi, nhưng cơ quan ngôn luận chính thức của chính quyền Bắc-kinh lại không đưa ra được cách giải quyết nào khác hơn là kêu gọi hãy trút đổ mọi tội lỗi lên đầu Lâm-Bưu và «lũ bốn tên».

Như vậy, chính giới cầm quyền Bắc-kinh đã phải thú nhận rằng «khủng hoảng lòng tin» đang là hiện

tượng nổi bật trong đời sống hằng ngày của xã hội Trung-quốc hiện nay. Trên 900 triệu người dân Trung-quốc mất lòng tin vào giới cầm quyền nước mình, nhưng vẫn phải tiếp tục sống dưới nền thống trị của những người ngự trị tại Trung-nam-hải mà họ thù ghét, khinh bỉ, không mấy may tin tưởng hoặc ít ra cũng hoài nghi. Đây thật là tấn bi kịch chính trị - tinh thần khủng khiếp của thế kỷ.

Phải nói rằng ngay sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, 1-10-1949, nhân dân Trung-quốc đã đặt lòng tin của mình vào Mao-Trạch-Đông nói riêng và chính quyền Bắc-kinh lúc đó nói chung.

Thế rồi với mục tiêu xây dựng «sức mạnh Trung-quốc», công cụ để thực hiện tham vọng làm «bá chủ thiên hạ», đã diễn ra trên đất Trung-quốc những phong trào cuồng nhiệt «đại nhảy vọt» rồi tiếp đến «đại cách mạng văn hóa vô sản» cùng những biến động mới liên tục từ sau khi Mao chết cho đến ngày nay. Thảm họa đã chồng chất lên đất nước Trung-hoa. Cái giá phải trả về mặt đối nội là

sinh mạng hàng trăm triệu người dân Trung-quốc chết vì đói, vì bị bức hại hoặc vì cả hai nguyên nhân đó cùng một lúc. Nền kinh tế, giáo dục, văn hóa của Trung-quốc bị đẩy lùi lại hàng chục năm. Về mặt đối ngoại, đối bạn thành thù, đối thù thành bạn, giới cầm quyền Bắc-kinh đã tiến hành đường lối chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống chủ nghĩa xã hội, câu kết chặt chẽ với những thế lực đế quốc và phản động quốc tế.

Thái độ đối với Việt-nam được lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới xem như là "hòn đá thử vàng" trong thời đại ngày nay. Khi tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam từ 17-2 đến 18-3-1979, giới cầm quyền Bắc-kinh đã lộ nguyên hình là một tập đoàn quan liêu, quân phiệt, bành trướng đại dân tộc, bá quyền nước lớn. Có thể nói cuộc chiến tranh này đã xóa bỏ lớp mạ còn sót lại để phơi trần trọn vẹn bản chất phản cách mạng của tập đoàn phản động theo Mao cầm quyền ở Bắc-kinh.

Trong bản "Kiến nghị về việc xây dựng quân đội Trung-quốc" bị tiết lộ ra ngoài, Nhiếp-Vinh-Trần, phó chủ tịch quân ủy trung ương Trung-quốc, đã viết: «Cuộc chiến tranh chống Việt-nam đã làm thử tình ác cảm của các cán bộ, chiến sĩ (quân đội Trung-quốc) đối với chiến tranh. Sau chiến tranh, chúng ta cho những người tham gia chiến tranh được nghỉ phép hai tuần và 20 đồng để họ về quê hương tuyên truyền thắng lợi trong chiến cuộc. Việc sử dụng vật chất để khuyến khích, vực dậy tinh thần đang sụp đổ nói lên tình nghiêm trọng của nhiều vấn đề khác nhau do chiến cuộc quân sự chống Việt-nam để ra».

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, giới cầm quyền Bắc-kinh đã đi bước đầu trong việc thực hiện kế hoạch bành trướng xuống khu vực Đông Nam châu Á. Thế nhưng, đã không đạt được mục tiêu, chúng lại phải gánh chịu những thiệt hại nặng

nề. Có những tổn thất vật chất không thể bù đắp được như con số 62500 binh sĩ quân đội Trung-quốc bị chết và bị thương tật trên tuyến biên giới Việt-nam. Tuy nhiên, chế độ Bắc-kinh có thói quen xem tính mạng người như cỏ rác. Trong kỳ họp quốc hội Trung-quốc vào đầu tháng 9-1980, bộ trưởng tài chính Trung-quốc là Vương-Bình-Cân đã phải thú nhận rằng ngân sách quốc gia Trung-quốc năm 1979 bị thâm hụt 17,06 tỷ nhân dân tệ, trong số đó có 2,04 tỷ nhân dân tệ bị dốc vào phụ chi cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Đây là một đòn giáng vào nền kinh tế - tài chính vốn khốn quẫn của Trung-quốc và công cuộc «bốn hiện đại hóa» mà Bắc-kinh đang theo đuổi.

Thế nhưng, vết thương sâu đậm nhất mà chế độ Bắc-kinh tự chuốc lấy từ cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam là vết thương chính trị - tinh thần. Hành động xâm lược Việt-nam của Bắc-kinh đã vạch trần trước nhân dân thế giới và nhân dân Trung-quốc bản chất phản cách mạng và những mưu đồ, tham vọng bành trướng bá quyền điên cuồng mà giới cầm quyền Bắc-kinh đang theo đuổi cả trước mắt lẫn trong tương lai xa.

Trên trường quốc tế, chế độ Bắc-kinh đã bị cô lập thâm hại. Từ khắp các khu vực trên quả đất vang dội những lời nghiêm khắc lên án bệch xâm lược và rộ lên những lời kêu gọi cảnh giác trước nguy cơ đe dọa nền hòa bình và an ninh không chỉ tại khu vực bán đảo Đông-dương, Đông Nam châu Á mà cả trên thế giới do sự câu kết giữa Bắc-kinh với những thế lực đế quốc và phản động quốc tế tạo ra.

Tình hình diễn biến trên tuyến biên giới Việt-nam đã tác động trở lại tình hình nội bộ Trung-quốc. Như Nhiếp-Vinh-Trần đã thú nhận, cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã đẩy cuộc «khủng hoảng lòng tin» tại Trung-quốc lên sâu thẳm, trong hai

lầy tằm trạng chán nản, hoang mang, hoài nghi, đầy xã hội Trung-quốc vào tình trạng rã rời hơn nữa.

«Gieo gió» chiến tranh tại Việt-nam, đế quốc Mỹ đã phải «gặt bão» tại nước Mỹ qua các cuộc «khủng hoảng lòng tin», «khủng hoảng thề chề»... Đi theo vết xe đổ của Oa-sinh-ton, «gieo gió» chiến tranh tại Việt-nam, chế độ Bắc-kinh đã phải «gặt bão» trong lòng tin rạn vỡ của người dân Trung-quốc.

Cùng với cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, những diễn biến trong tình hình Trung-quốc chứng tỏ rằng các «thế tử» của Mao dù mang màu sắc nào cũng đều tiếp tục lao theo con đường bành trướng đại dân tộc, bá quyền nước lớn do Mao vạch ra. «Tư tưởng Mao-Trạch-Đông» được những người trong giới cầm quyền Bắc-kinh thường xuyên nhắc đến như là «nền tảng của mọi đường lối, chính sách» của chế độ Bắc-kinh ngày nay. Từ «bốn hiện đại hóa» đến «cải cách hệ thống nhân sự», «cải tổ cơ cấu kinh tế», bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đều nhằm một mục tiêu cuối cùng: xây dựng một bộ máy chiến tranh Trung-quốc hùng mạnh bằng máu, nước mắt, mồ hôi của hàng trăm triệu người dân thường Trung-quốc. Đây là nguồn gốc đang và tiếp tục gây ra những thống khổ chồng chất trên đất nước Trung-hoa. «Nhân» đó tồn tại thì «quả» là cuộc «khủng hoảng lòng tin» tất tồn tại.

Gần đây, trong những tháng cuối năm 1980 và vào đầu năm 1981, dưới màn khói «đoàn kết, ổn định», đang diễn ra một hiệp đấu mới tranh giành quyền lực gay gắt giữa các phe nhóm Đặng - Hoa - Diệp. Hiệp đấu mới này không chỉ đóng khung trong phạm vi Trung-nam-hải mà có khả năng lan rộng đến các tổ chức cơ sở trên lãnh thổ Trung-quốc, đẩy hàng trăm triệu người vào cuộc đấu đá xâu xé lẫn nhau trong khung cảnh «chủ đầu chủ, tớ đầu tớ».

Mặt khác, dưới chiêu bài thực hiện «bốn hiện đại hóa», chế độ Bắc-kinh đang ra sức vay mượn tiền của các nước đế quốc tư bản để mua sắm vũ khí mới và xây dựng một nền công nghiệp phục vụ cho việc chuẩn bị chiến tranh. Chúng đang học đòi các chế độ, phương pháp kinh doanh của chủ nghĩa tư bản và đẩy nền kinh tế Trung-quốc vào một tình trạng hỗn loạn, bế tắc, suy sụp mới. Trước những thất bại hiển nhiên, chế độ Bắc-kinh lại đang phải «điều chỉnh» lại kế hoạch kinh tế mới của chúng và cuộc «điều chỉnh» lần này có thể kéo dài không chỉ 3 năm mà đến 5 năm, thậm chí trong suốt cả thập kỷ 80. Giới báo chí phương Tây đã «khen ngợi» giới cầm quyền Bắc-kinh là những kẻ vừa bắt đầu trồng «cây» tư bản chủ nghĩa trong vườn kinh tế của mình mà đã sớm hái được ngay những «quả» như: nạn lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách, nợ nước ngoài, v.v. vốn là những bệnh kinh niên của chủ nghĩa tư bản.

Từ những thực tế trên đây được chứng kiến hằng ngày, người dân Trung-quốc càng nhận ra chân tướng phản cách mạng của bọn cầm quyền Bắc-kinh. Do vậy, cuộc «khủng hoảng lòng tin» ngày càng trở nên trầm trọng và kéo dài trên đất nước Trung-hoa.

Cuộc «khủng hoảng lòng tin» đang ngấm dần vào tận cốt tủy của chế độ Bắc-kinh. Nó là quả bom nổ chậm đặt ngay trong lòng chế độ phản động này.

Phát sinh từ những tai họa do các đường lối đối nội, đối ngoại phản động được xây dựng trên nền tảng «tư tưởng Mao-Trạch-Đông», cuộc «khủng hoảng lòng tin» đang tác động trở lại, đẩy các đường lối, chính sách đó vào những thất bại mới.

Phải đầu là sự trùng hợp ngẫu nhiên khi hai cuộc «khủng hoảng lòng tin» của thế kỷ lại diễn ra đồng thời tại Trung-quốc và Mỹ, hai nước

bị phân cách bởi Thái-bình-đương mệnh mông. Thực ra, chính tham vọng « sen đầm quốc tế » mà đế quốc Mỹ theo đuổi cũng tham vọng « bá chủ thiên hạ » mà bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh nuôi nấng đã là cái gạc nổi tạo nên sự câu kết giữa hai lực lượng cực kỳ phản động này của thời đại. Mặt khác, thất bại trong việc

thực hiện tham vọng của hai lực lượng phản động ấy (cả hai đều bị thất bại trên chiến trường Việt-nam và Đông-đương) cũng là nguyên nhân gây ra cuộc « khủng hoảng lòng tin » biểu hiện cụ thể trên suy yếu trên lĩnh vực chính trị – tinh thần đồng thời phơi trần bản chất phản động của giới cầm quyền cả ở Bắc-kinh lẫn ở Oa-sinh-ton.

Xây dựng tác phong mới trong công tác...

(Tiếp theo trang 51)

Không thể đồng tình với những người thiếu tinh thần tự trọng cho mình là thận trọng, chắc chắn. Khẩn trương không đồng nghĩa với hấp tấp, cũng như thận trọng hoàn toàn không dính líu gì với thói lề mề, dững dĩnh, làm việc nhàn nhia kiểu « ngày rọng tháng dài » hoặc « đầu năm thông thả, cuối năm chạy dài » thường thấy trong khá nhiều cán bộ. Không phải không có những việc bị « ngâm cứu » ngày này qua tháng khác, thậm chí lâu quá trở thành không cần nữa. Có thể do tinh thần trách nhiệm thấp, làm việc kiểu « ăn cơm chùa, múa tối ngày », lười lao động; cũng có thể do thói quen lãn lãn, chậm chạp. Dù do nguyên nhân nào, tác phong đó cũng đều có hại và phải rèn luyện, sửa chữa theo phương châm « việc hôm nay chớ để ngày mai ».

Phong cách ung dung, bình tĩnh, làm việc chủ động và có nền nếp do biết cách tổ chức tốt điều kiện làm việc, không có gì mâu thuẫn với tác phong khẩn trương. Chuẩn bị tốt, nắm chắc cách làm thì không cần bù đầu căng thẳng, không cần chạy vạy tât tưởi mà vẫn đạt kết quả tốt; bản thân đỡ khổ đã đành, còn đỡ làm khổ người khác.

Muốn thực hiện sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức theo tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị, phải thật sự có một cuộc cách mạng về tổ chức theo nghĩa đầy đủ của nó. Đó không chỉ là việc lập thêm tổ chức này, bỏ bớt bộ máy kia, mà điều quan trọng hơn là phải thay đổi hẳn nếp suy nghĩ và cách làm việc. Không ai cho việc đó là đơn giản, song không có con đường nào khác, nếu chúng ta muốn cách mạng tiếp tục tiến lên.

KHI OA-SINH-TON ĐI TÌM MỘT CHIẾN LƯỢC MỚI

THÀNH-TÍN

RÔ-NAN RI-GÂN, tổng thống thứ 40 của nước Mỹ, đã nhậm chức ngày 20 tháng 1 trong một buổi lễ ồn ào, tốn kém, rất giết gân theo kiểu tài tử chiếu bóng Hô-li-út.

Dư luận thế giới từng theo dõi cuộc vận động bầu cử diễn ra ở Hoa-kỳ trong năm 1980 đang tìm hiểu chính sách đối nội và đối ngoại của chính quyền Ri-gân và có nhiều ý kiến bình luận và đánh giá khác nhau. Chiến lược toàn cầu của Hoa-kỳ có thay đổi lớn hay không? Chiến lược quân sự của chính quyền Ri-gân ra sao? Mục tiêu chiến lược của Ri-gân trong thời gian tới là gì? Khả năng thực hiện những mục tiêu ấy như thế nào?

Một chiến lược mới của Ri-gân?

Ri-gân từng nhiều lần nói rằng ông ta sẽ tiến hành một chiến lược mới, bằng một loạt chính sách mới, khác hẳn với Gim-mi Ca-ta, « kẻ đã đưa nước Mỹ từ khủng hoảng này đến khủng hoảng khác, từ thất bại này đến thất bại khác, làm mờ dần danh dự của nước Mỹ », như ông ta đã đánh giá.

Khẩu hiệu tranh cử của Ri-gân là « hòa bình thông qua sức mạnh ». Chủ trương bao trùm của Ri-gân là tăng thật nhanh sức mạnh quân sự của Hoa-kỳ về tất cả các mặt: vũ khí nguyên tử chiến thuật, vũ khí hạt nhân chiến trường và mọi loại vũ khí chiến lược; là tăng thật nhanh ngân sách quân sự Mỹ tới trên 160 tỷ đô la, 200 tỷ đô la, 240 tỷ đô la mỗi năm trong 3 năm tới; là đẩy mạnh trang bị hiện đại cho tất cả các quân chủng không quân, hải quân, lục quân. Bộ máy sản xuất vũ khí đủ loại của Mỹ được khuyến khích chạy hết công suất. Về hành động, Ri-gân đe dọa: sẽ sử dụng thực lực quân sự ở bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào mà Mỹ cho là quyền lợi của Mỹ và của các nước phương Tây bị thách thức và đe dọa. Ca-xơ Uây-bơ-gơ, Bộ trưởng Bộ quốc phòng của Ri-gân, cũng hô hét: « Mỹ phải ra sức đuổi kịp và vượt Liên-xô về sức mạnh quân sự; quân đội Hoa-kỳ sẽ được trang bị thêm rất nhiều vũ khí mạnh nhất đủ loại; Chính phủ Mỹ không ngần ngại tăng mạnh chi phí quân sự để đáp ứng yêu cầu đó »; còn Đa-vít Gion, Chủ tịch Bộ tham mưu liên quân Mỹ tiết lộ

rằng: đội quân chữa cháy Mỹ, còn gọi là đội quân triển khai nhanh, mà Ca-tô dự định đưa lên con số 11 vạn với sự đoàn 82 làm nòng cốt, thì chính quyền Ri-gân đã dự định đưa lên gần gấp 3 lần, tới 30 vạn quân! Mới đây, lâu năm góc rảo riết đầy nhanh tốc độ xây dựng căn cứ quân sự Di-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương cũng như một loạt căn cứ quân sự lớn ở I-xra-en, Ai-cập, Ô-man, Xô-ma-li, Kê-ni-a,... để chuẩn bị can thiệp quân sự với quy mô lớn vào vùng Trung Đông, vịnh I-ran và Nam Á...

Chính quyền Ri-gân đang lên gân. Đó là điều rõ ràng trong lời nói cũng như những việc làm đã bắt đầu. Cả thế giới tiến bộ, nhất là ba đồng thạc cách mạng của thời đại, đang tăng cường cảnh giác, chuẩn bị đối phó với chính sách thực lực của tổng thống mới của nước Mỹ, giữ gìn hòa bình trên trái đất, bảo vệ công cuộc lao động sáng tạo của các dân tộc. Cảnh giác mà không hốt hoảng; cảnh giác mà vẫn dè dặt, ung dung, thư thái và bình tĩnh. Bởi vì chúng ta hiểu rằng chính sách, chủ trương, chiến lược quân sự mới của chính quyền Ri-gân không có gì đáng sợ: nó ra đời trong bối cảnh đầy đầy khó khăn và thất bại của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa; nó không thể đảo ngược so sánh lực lượng và tư thế chiến lược đang rất bất lợi cho chủ nghĩa đế quốc; ý muốn chủ quan, hành động ngông cuồng, mù quáng của chính quyền Ri-gân chỉ mang lại những thất bại nặng nề mới cho Hoa-kỳ.

Khi bày điều lâu phát hoảng.

Thật ra không phải Ri-gân là nhân vật dễ xường ra cái gọi là chiến lược toàn cầu mới của Hoa-kỳ. Ngay từ đầu năm 1980, Ca-tô đã thay đổi hẳn chủ trương chiến lược của chính phủ Mỹ, đề ra cái mà báo chí phương Tây gọi là "Học thuyết Ca-tô", thực hiện

một bước ngoặt lớn sau ba năm cầm quyền với những thất bại nặng nề ở Trung Đông, châu Phi, Mỹ la tinh, Nam Á, Đông Nam Á,... Kể dễ xường ra chiến lược mới chính là cái "chính phủ vô hình" đầy quyền lực nắm thực quyền trên đất Mỹ, đó là những nhóm tài phiệt mạnh nhất và có thế lực lớn nhất ở phố U-ôn. Đứng vào dịp thập kỷ 70 kết thúc và thập kỷ 80 khởi đầu, chúng phát hoảng lên khi thấy tốc độ xuống dốc của chủ nghĩa đế quốc tăng nhanh, so sánh lực lượng quân sự trên thế giới thay đổi ngày càng bất lợi cho chúng rõ rệt. Ở tất cả các khu vực chiến lược của thế giới, Mỹ đều vấp phải thất bại và bế tắc. « Đường xa nghĩ đến sau này mà kinh ». Theo đà này thì bọn chúng ở vào tình thế vô cùng hiểm nghèo. Bước đi theo quy luật của lịch sử loài người có những nét trùng hợp thật đặc biệt: đứng vào lúc thập kỷ 70 kết thúc, chỉ riêng trong năm 1979, Mỹ bị giáng liên tiếp những đòn rất nặng. Đó là sự sụp đổ của bọn diệt chủng Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, mở ra một biến chuyển to lớn ở khu vực Đông Nam Á. Đó là sự sụp đổ của chính quyền chuyên chế I-ran, một đồng minh, thực chất là tay sai của Mỹ, vốn được coi là mạnh nhất về quân sự và kinh tế ở khu vực Trung Đông; ngay sau đó I-ran trở thành điểm nóng bùng của Oa-sinh-ton với phong trào chống Mỹ sôi sục. Đó cũng là sự sụp đổ rất nhanh của bọn đao phủ Xô-mô-xa ở Ni-ca-ra-goa, mà Oa-sinh-ton không kịp và cũng không dám phản ứng để cứu vớt, đã đặt cả lực địa châu Mỹ la tinh, cái sản sau của Hoa-kỳ vào tình thế khẩn cấp: là có cách mạng tiền tiến của thời đại có thể căm sâu và vững chắc trên đất liền lục địa này. Rồi những ngày cuối năm 1979, sự kiện Áp-ga-ni-xtan bùng nổ, với sự sụp đổ của chính quyền phản động tay sai đế quốc và bọn bành trướng, làm cho cục diện ở địa bàn chiến lược Nam Á thay đổi hẳn.

ghi nhận thắng lợi lớn và vững chắc của cách mạng ở khu vực này.

Bọn tài phiệt Mỹ phát hoảng trước bấy nhiêu đòn « trời giáng ». Ngay trong quý I năm 1980, Ri-sốt Ních-xon, con diều hâu loại bự của Đảng cộng hòa Mỹ vội vã kéo còi báo động, đưa ra những bài báo và một cuốn sách chấn động: « Một cuộc chiến tranh thất sự », nhấn mạnh rằng Mỹ đang thua to, chủ nghĩa đế quốc đang thua to, sức lực và tư thế của Hoa-kỳ đều suy giảm một cách nguy hiểm: cứ theo đà này thì chỉ trong vòng 20 năm nữa thôi, khi thế kỷ XX kết thúc, « nước Mỹ chỉ còn 50 phần trăm khả năng sống sót ».

Sự xuất hiện của Rô-na-n Ri-gân, người nổi tiếng là bảo thủ, cũ kỹ, hiệu chiến trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1980 và sau đó việc Ri-gân đắc cử chính là dựa trên một trào lưu chính trị mới trên đất Mỹ. Các thế lực tài phiệt Mỹ bắt đầu nhận thức: sự diệt vong của chủ nghĩa đế quốc có thể trở thành tất yếu; phải làm tất cả để thoát khỏi « định mệnh », để sống sót và hơn nữa, để đoạt lại cả thế giới đang tuột khỏi tay của chủ nghĩa đế quốc trên quá trình suy tàn. Hoảng hốt, lo sợ, căm uất, cay cú phục thù, đó là tình trạng tâm thần của chính giới Mỹ, của Ri-gân và những cận thân của tổng thống Mỹ hiện nay. Một nét rất nổi bật gần đây của chủ nghĩa đế quốc Mỹ là những kẻ đại diện chớp bu của nó đã hết huênh hoang về sự ổn định, vững chắc, vĩnh cửu của chế độ tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa đế quốc, niềm tự tin của chúng đã tiêu tan, nhường chỗ cho sự hoảng hốt, lo sợ.

Quay về với chính sách thực lực: ráo riết đẩy mạnh chạy đua vũ trang để cố giành lại ưu thế quân sự đã mất; sẵn sàng can thiệp quân sự khi xét thấy cần thiết ở mọi khu vực của thế giới: Tây Âu, Trung Đông, Nam Á, Đông Nam Á, châu Mỹ la tinh, châu Phi...; không để thất bại thêm

nữa trước sức tiến công mãnh liệt của ba dòng thác cách mạng; sẵn sàng giờ cao cây gậy bạo lực, đóng vai trò sen đầm quốc tế; tập hợp lực lượng, dẫn đầu mọi thế lực của xã hội cũ; phản kích lại các lực lượng cách mạng thế giới..., đó chính là chủ trương chiến lược mới của Oa-sinh-ton, là nội dung của chiến lược quân sự mà chính quyền Ri-gân đang bắt đầu thực hiện, theo lệnh của các thế lực tài phiệt mạnh nhất của Hoa-kỳ.

Chiến lược toàn cầu Mỹ trong những năm 40 là « trả đũa doạt » trên cơ sở nắm độc quyền vũ khí hạt nhân. Nó dựa trên niềm tin ở ưu thế quân sự tuyệt đối về mọi mặt của Mỹ.

Chiến lược toàn cầu « phản ứng linh hoạt » trong những năm 60 là một bước-lùi về chiến lược khi Mỹ đã mất độc quyền vũ khí hạt nhân; nhưng nó vẫn dựa trên niềm tin ở sức mạnh quân sự và kinh tế của Mỹ, kết hợp khéo léo qua đấm thép và bàn tay nhung, chú trọng đến lực lượng vũ trang thông thường hùng đầy lùi phong trào giải phóng dân tộc.

Chiến lược toàn cầu « rắn de thực tế » được đề xuất vào những năm 70 giữa những thất bại nặng nề của Mỹ ở Việt-nam và Đông-dương là một bước-lùi quan trọng nữa về chiến lược của Oa-sinh-ton, dựa trên nhận thức về khả năng có hạn của Mỹ, không còn có sức để phản ứng theo bản năng với mọi thách thức. Niềm tin vào thực lực của Mỹ đã lung lay dữ dội.

Đến nay, bước vào những năm 80, giới cầm quyền Mỹ lại thò ra một chiến lược mới. Đây là sự quay lại với chính sách thực lực, khi mà sức mạnh và ưu thế chiến lược của Mỹ đã su sút rõ rệt. Tuy bản chất của kẻ đế xướng ra nó rất hiếu chiến, hung hăng, nhưng về thực chất, đây lại là một bước-lùi mới nữa về chiến lược. Niềm tin vững chắc ở thắng lợi đã

tiêu tan. Mục tiêu chiến lược của chính quyền Ri-gân đã tỏ ra khá «khiểm tốn»: ngăn chặn cho tình thế khỏi tồi tệ hơn; không để cho Hoa-kỳ và chủ nghĩa đế quốc vấp phải những thất bại nặng nề mới; cứu vãn sự diệt vong của chủ nghĩa đế quốc. Có thể nhận định, đây là chiến lược nhằm duy trì sự *sống sót* của một chế độ xã hội đã bị lịch sử lên án và đang trên quá trình diệt vong không cách nào tránh khỏi.

Bóng đen của thất bại ở Việt-nam.

Ri-gân cũng như A-lê-dan-đơ Hê-gơ, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ, Ri-sốt A-len, cố vấn về an ninh quốc gia của tổng thống Mỹ và Ca-xpô Uây-đơ-gơ, Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ khi nói đến chủ trương chiến lược mới của Mỹ đều đề cập đến Việt-nam: «Thời kỳ sau Việt-nam của Hoa-kỳ đã kết thúc», «con choáng Việt-nam của nước Mỹ đã chấm dứt», «hội chứng Việt-nam, làm cho chính giới Mỹ dè dặt, ngăn ngại đưa quân chiến đấu Mỹ ra nước ngoài, đã không còn nữa», «nước Mỹ dưới chính quyền Ri-gân đã bước vào một thời kỳ mới; thời kỳ sau của thời kỳ sau Việt-nam».

Nhiều nhà binh luận về chiến lược Mỹ cũng nhận xét rằng những thất bại nặng nề của Mỹ ở khắp các khu vực của thế giới đều ít nhiều mang dấu ấn của thất bại khủng khiếp của Mỹ ở Việt-nam. Những năm qua, do bị răn đe bởi thất bại kinh khủng ấy mà Hoa-kỳ không dám can thiệp trực tiếp vào các nước châu Phi, Trung Đông, vào Ni-ca-ra-goa, Áp-ga-ni-xtan cũng như vào Cam-pu-chia.

Thật ra ý muốn chủ quan của Ri-gân và những cận thần của ông ta là một việc, còn sự thật khách quan là một việc khác. Chính nhiều nhà binh luận thời sự phương Tây đã nhận xét: cuộc chiến tranh kéo dài nhất, tốn kém nhất, thất bại triệt để nhất

của Mỹ ở Việt-nam tất nhiên sẽ còn mang lại hậu quả rất sâu đậm, rất dai lâu cho Hoa-kỳ. Binh lính Mỹ đã mất lòng tin ở chiến thắng sẽ rất khó chấp nhận một cuộc viễn chinh mù mịt nữa ở một chiến trường xa xôi, dù cho bộ máy chiến tranh tâm lý Mỹ ra sức kích động họ. Xã hội Mỹ đã có cách nhìn mới đối với quân đội Mỹ, đối với bộ quân phục Mỹ, cho nên sau chiến tranh Việt-nam, quân đội Mỹ chuyển từ chế độ quân dịch sang chế độ lính nhà nghề. Nhưng đến nay vẫn không sao có đủ người tình nguyện vào quân đội, cho nên Ri-gân lại đang tính chuyện quay lại chế độ quân dịch. Ngay khi Ca-tô hùng hổ đe dọa dùng quả bom thép ở vịnh I-ran rồi cuộc cũng chỉ có một cuộc hành quân biệt kích với 16 chiếc máy bay và 180 binh sĩ không quân và mũ nổi xanh, bị thất bại ê chề đến nỗi Lầu năm góc phải ra sức dập tắt mọi sự bàn tán, binh luận. Đó là thất bại điển hình của quân đội Mỹ trong thời kỳ «sau Việt-nam», biểu hiện đầy đủ về sự khủng hoảng lòng tin, khủng hoảng về tinh thần chiến đấu, khủng hoảng về chiến thuật, khủng hoảng về kỹ thuật và khủng hoảng trong hệ thống chỉ huy.

Các nhà binh luận phương Tây rất có lý khi nhận định rằng cả một thế hệ các lực lượng vũ trang Hoa-kỳ vẫn còn phải liếm những vết thương sâu hoắm ở chiến trường Việt-nam, và *hội chứng Việt-nam* của chính giới Mỹ sẽ còn kéo dài đến cuối thế kỷ này, và có thể dai dẳng đến tận đầu thế kỷ sau.

Ngoài tầm với của Oa-sinh-ton.

Ri-gân vào Nhà trắng không gặp thời. Không phải ở chỗ ông ta nay đã trên 70 tuổi, là tổng thống già nhất khi bước vào Nhà trắng. Cái không gặp thời của Ri-gân chính là ở chỗ ông ta vào Nhà trắng khi nước Mỹ đã

quá già cỗi ốm yếu, khi chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang trên đà lao nhanh xuống dốc, khi cuộc khủng hoảng toàn diện của nước Mỹ đã phát triển đến mức trầm trọng nguy kịch! Ý đồ chiến lược giữ cho tình hình khỏi tồi tệ hơn đã ở ngoài tầm với của Oa-sinh-ton. Không phải ngẫu nhiên mà Ri-gân hay quay về quá khứ với lời than thở đã thành nổi tiếng: «Ồi! những ngày tốt đẹp xa xưa!».

Cái gọi là chiến lược mới của Oa-sinh-ton chắc chắn sẽ phá sản hoàn toàn. Số phận của nó chắc chắn chẳng hơn gì những chiến lược cũ đã phá sản. Đó là vì:

— So sánh lực lượng trên thế giới trong hơn 63 năm qua kể từ khi nổ ra cuộc Cách mạng Tháng Mười vì đại không ngừng thay đổi bất lợi cho Mỹ và các thế lực phản động. Sự thức tỉnh của hàng trăm triệu, hàng nghìn triệu con người ở khắp các lục địa vùng dậy làm chủ vận mệnh của mình, đấu tranh cho những mục tiêu cao quý của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ngày càng sâu sắc, không có cách gì ngăn chặn nổi. Ba dòng thác cách mạng hùng vĩ của thời đại thường xuyên được bổ sung những lực lượng mới, nghị lực mới, kinh nghiệm mới, vẫn không ngừng phát huy thế tiến công chiến lược trên mọi khu vực của thế giới bất chấp trở ngại, khó khăn, sự phản kích của kẻ thù.

Về mặt quân sự, Mỹ không còn có thế lấy lại được ưu thế. Chính trong thời kỳ Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, tiềm lực quân sự của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã tăng lên rất nhiều. Mỹ cò mưu đồ giành lại ưu thế đã mất nhưng thời gian không ủng hộ Mỹ. Với thời gian, kinh tế Mỹ sẽ vấp phải những vấn đề nghiêm trọng hơn. Thế và lực của Mỹ sẽ còn sa sút thêm về mọi mặt.

Mỹ có thể tăng nhiều chi phí quân sự, cắt giảm thật mạnh tất cả các chi

phí khác; hiện nay Ri-gân đã bắt tay làm điều này. Báo *Thế giới* (Pháp) nhận xét: Dưới triều đại Ri-gân, đối với giới tài phiệt chuyên sản xuất vũ khí ở Mỹ, mỗi ngày sẽ là một ngày lễ Nô-en; bọn chúng sẽ giành được những lợi nhuận khổng lồ. Thế nhưng việc cắt giảm rất nhiều các chi phí xã hội, giáo dục, y tế, bảo hiểm... nhất định sẽ dẫn đến *những hậu quả chính trị và kinh tế không lường hết được* và có nguy cơ làm bùng nổ sự bức tức và phản đối của đông đảo nhân dân. Hơn nữa, dù cho ngân sách quân sự Mỹ vọt lên hơn 200 tỷ đô la vào năm tài chính 1982 thì tổng thống Mỹ cũng không thể mua được điều cần thiết cho thực lực của nước Mỹ: đó là *thế chiến lược*. Vì không có thế chiến lược cho nên Mỹ hùng hổ đưa vào vịnh I-ran 4 tàu chở máy bay, với hơn 200 máy bay chiến đấu hiện đại nhất, hơn 160 tàu chiến, hơn 8 vạn quân, và rồi đây có thể đưa lực lượng ấy lên gấp 2 hoặc 3, thậm chí gấp 4 hoặc 5 lần, nhưng Mỹ có dám dùng hay không, dùng ra sao và hậu quả sẽ như thế nào, thì Ri-gân và những cận thần của ông ta vẫn không sao tính ra được. Thiếu thế chiến lược nghĩa là thiếu hẳn đòn bẩy để phát huy sức mạnh. Thiếu đòn bẩy ấy thì bao nhiêu lực lượng quân sự của Mỹ cũng có nguy cơ «gần bằng không» trên thực tế.

Chiến lược mới của Mỹ nhấn mạnh việc khôi phục sự đoàn kết nhất trí của các đồng minh tập hợp sau lưng Mỹ. Ri-gân và Hê-ơ luôn nhắc đến sự «thông cảm», «tham khảo ý kiến», «cùng chung hành động» giữa Mỹ và các nước Tây Âu, Nhật-bản. Thế nhưng cuộc chiến tranh buôn bán giữa Nhật-bản và Mỹ, giữa các nước Tây Âu và Mỹ, giữa Nhật-bản và các nước Tây Âu vẫn cứ gay go thêm theo quy luật lợi nhuận. Các chính giới Tây Đức và Pháp vẫn nghi ngờ sự lên gân quá đáng của Ri-gân, cho rằng cách suy luận của Ri-gân quá đơn

giản, đầu trí về chính trị, « một bộ óc của đứa trẻ 13 tuổi trong cơ thể một ông già 70 tuổi » bị thôi miên bởi sức mạnh quân sự của Liên-xô, còn Bộ trưởng Bộ ngoại giao Mỹ Hê-gơ thì chỉ là một tay vô biên thò lỗ! Tây Đức vẫn mở rộng buôn bán với Liên-xô (lên gần 10 tỷ đô la mỗi năm) và duy trì hợp đồng mua hơn 5 tỷ đô la hơi đốt của Liên-xô, mặc cho Mỹ găm ghè, phá đám. Các nước Tây Âu vẫn chèn trách Oa-sinh-ton không sáng suốt trong vấn đề Pa-le-xtin vì cứ một mực phủ nhận sự tồn tại của Pa-le-xtin như một quốc gia; họ cũng rất dè dặt trước sự có mặt về quân sự quá lớn của Mỹ ở Trung Đông và vùng vịnh I-ran, cho rằng kết quả răn đe chưa thấy đâu mà chỉ tỏ kích thích một phong trào chống Mỹ lên cao hơn nữa trong các nước Ả-rập và Hồi giáo ở vùng này... Hoa-kỳ muốn thuyết phục các nước trong khối OTAN tăng mạnh chi phí quân sự theo phương châm « chia sẻ gánh nặng », thế nhưng các nước Tây Đức, Pháp, Bỉ, Hà-lan, Ý,... đều hết sức dè dặt. Xu hướng của nhiều bộ phận trong chính giới ở Pa-ri, Bon, Rô-ma,... là muốn Mỹ không nên dối chọi, gây căng thẳng quá đáng với Liên-xô, mà nên duy trì sự hòa hoãn quốc tế có lợi cho các bên... Chiến lược mới của Oa-sinh-ton đang vấp phải sự dè dặt, những cái nhún vai khinh khỉnh, thậm chí cả sự chèn trách, can ngăn của những đồng minh tự cho là khôn ngoan, thừ thờ hơn. Xem ra còn lâu Oa-sinh-ton mới tập hợp được các đồng minh của mình đi đều bước theo lệnh của Nhà trắng và Lầu năm góc!

Những điều kiện khách quan trên đây là những *nhân tố tất yếu* dẫn chiến lược Mỹ đến thất bại chắc chắn. Sự yếu kém về khả năng nắm chính quyền của bản thân Ri-gân và những cận thần của ông ta như Hê-gơ, Uây-bơ-gơ, A-len,... càng làm cho chính quyền Mỹ có thể phạm một số sai lầm chủ quan trong chủ trương cụ thể đối nội và đối ngoại, và do đó chuốc lấy những thất bại nặng nề thêm. Dư luận phương Tây cho rằng Ri-gân và ê kíp của ông ta là rất tâm thương, thiếu kinh nghiệm, nghèo nàn về sức sáng tạo, thiếu trí tuệ. Có thể khẳng định chính quyền Ri-gân là *một chính quyền yếu*. Cái hung hăng, thò lỗ của chính quyền ấy là biểu hiện của sự hốt hoảng, lo sợ thất bại, bị thất bại âm ỉ.

Chắc chắn rằng chiến lược mới đưa vào thực lực mà chính quyền Ri-gân đề xướng không thể xoay chuyển được tình thế, không thể phản kích có kết quả ba dòng thác cách mạng đang dâng cao. Ri-gân định đi vào lịch sử Mỹ với danh hiệu một tổng thống lớn! một tổng thống vĩ đại! Thực hiện ý định chủ quan ấy thật khó khăn chẳng khác gì cố bắt con voi Cộng hòa chui lọt một lỗ tròn kim!

Những quy luật thép về sự phát triển của lịch sử loài người, sức mạnh đoàn kết đấu tranh của ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay đã và sẽ quyết định sự phá sản của mọi chiến lược của Hoa-kỳ. Các chiến lược trước đây của chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã phá sản. Sẽ không có ngoại lệ cho cái chiến lược mới đang được dựng lên ở Oa-sinh-ton.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 4 — 1981 г.

ПЕРЕДОВАЯ: Строго соблюдать Конституцию, надлежащим образом провести выборы депутатов Национального собрания. *ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN*. Социалистическое государство и управление экономикой. *NGUYỄN-NGỌC-MINH*. Характер нашего государства и отражение в новой конституции руководящей роли Коммунистической партии Вьетнама. *CHÂN ĐO*. О проблемах управления новой культурой. *LÊ VĂN ZIANG*. Подготовка и повышение квалификации управленческих кадров. *CHUYỂN SƠN*. О расширении производственно-хозяйственной самостоятельности государственного промышленного предприятия. *TIO MONG*. Кризис доверия в Китае. *TXANH TIN*. Когда Вашингтон ищет новую стратегию.

REVIEW OF COMMUNISM № 4 — 1981

Editorial — Strict observance of the Constitution, proper carrying out of the elections to the National Assembly. *ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN* — The socialist State and economic management. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — The nature of our State and the leading role of the Communist Party of Vietnam are expressed in the new Constitution. *TRẦN-ĐỖ* — Some managerial problems in the building of a new culture. *LÊ-VĂN-GIANG* — Fostering and training managerial cadres. *TRƯỜNG-SƠN* — Some reflections on the broadening of the entrepreneurial initiative of State-run factories. *CHU-MÔNG* — Crisis of confidence in China. *THANH-TÍN* — When Washington looks for a new strategy.

REVUE DU COMMUNISME № 4 — 1981

Editorial — Appliquons la Constitution et menons à bien les élections à l'Assemblée nationale. *ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN* — L'Etat socialiste et la gestion économique. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — Le caractère de notre Etat et le rôle dirigeant du PCV à travers la nouvelle Constitution. *TRẦN-ĐỖ* — Quelques problèmes de gestion pour l'édification d'une nouvelle culture. *LÊ-VĂN-GIANG* — Recyclage et formation des cadres gestionnaires. *TRƯỜNG-SƠN* — Quelques réflexions sur l'élargissement du droit d'initiative des entreprises industrielles d'Etat dans la production et le commerce. *CHU-MÔNG* — Crise de confiance en Chine. *THANH-TÍN* — Quand Washington se met à la recherche d'une nouvelle stratégie.

LA REVISTA DEL COMUNISMO № 4 — 1981

Editorial — Observar la Constitución, realizar bien la elección de los diputados a la Asamblea Nacional. *ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN* — El Estado socialista y la gestión económica. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — El carácter de nuestro Estado y el papel dirigente del Partido Comunista de Viet Nam en la nueva Constitución. *TRẦN-ĐỖ* — Algunos asuntos sobre la gestión y la edificación de una nueva cultura. *LÊ-VĂN-GIANG* — Entrenar y formara los cuadros de gestión. *TRƯỜNG-SƠN* — Unas ideas acerca de la ampliación del derecho activo en la producción y autofinanciamiento de las empresas industriales del Estado. *CHU-MÔNG* — La crisis de confianza en China. *THANH-TÍN* — Cuando Washington esté en busca de otra nueva estrategia.

MỤC LỤC

Xã luận — Nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp, làm tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội	1
Nghiên cứu Hiến pháp — Thi hành Hiến pháp ★ ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN — Nhà nước xã hội chủ nghĩa với quản lý kinh tế ★ NGUYỄN-NGỌC-MINH — Tính chất của Nhà nước ta và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam thể hiện trong Hiến pháp mới ★ PHAN-TRUNG-LÝ — Luật bầu cử của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa	4
TRẦN-ĐỘ — Mấy vấn đề về quản lý đề xây dựng một nền văn hóa mới	19
BÙI-THANH-KHIẾT — Nhà nước kết hợp với nhân dân chăm lo xây dựng và phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa	26
LÊ-VĂN-GIANG — Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý	31
Nghiên cứu ★ TRƯỜNG-SON — Một số suy nghĩ về mở rộng quyền chủ động sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp công nghiệp quốc doanh	38
NGUYỄN-VĂN-NGUYỄN — Bước đi của huyện M'Đrăc	44
LÊ-QUANG — Xây dựng tác phong mới trong công tác lãnh đạo	47
VŨ-CÔNG-CẦN — Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ	52
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN-TRUNG-THỰC — « Chiếc ô »	58
CHU-MỘNG — Khủng hoảng lòng tin ở Trung-quốc	61
THÀNH-TÍN — Khi Oa-sinh-ton đi tìm một chiến lược mới	65

Tìm đọc:

LÊ - DUẤN

Hiến pháp mới, Hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể
xã hội chủ nghĩa

TRƯỜNG - CHINH

Báo cáo về dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt-nam

★★★

Hỏi và đáp về Hiến pháp nước Cộng hòa xã
hội chủ nghĩa Việt-nam



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

家藏號
Fig. No. 6/35
冊數
Date 4/8/83
冊數
Date Published 033825
冊數
Date 1/1/82

To: University of Cambridge
Library 4, Court
TAP CHI CONG SAN
Issue No. 4(308)
Vol. No.
DELIVERY SLIP (Ref: Your Order)

No. of Copies

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số

CHIAO LIEH PUB. SERVICE
中華郵政特准掛號認爲新聞紙類
Printed

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



5

5. 1981

HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC CỦA HỒ CHỦ TỊCH, NÂNG CAO PHẨM CHẤT CÁCH MẠNG



ÂNG cao phẩm chất cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên là một vấn đề hết sức quan trọng.

Lúc còn sống, Hồ Chủ tịch hết sức quan tâm vấn đề này. Cuộc đời hoạt động của Người là một tấm gương sáng tuyệt vời về đạo đức cách mạng. Người thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Khi sắp vĩnh biệt chúng ta, Người còn ân cần dặn lại trong Di chúc: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần **đạo đức cách mạng**, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" (1).

Những năm qua, cùng với việc giáo dục tư tưởng và chính trị cho cán bộ, đảng viên, Đảng ta tiến hành nhiều cuộc vận động giáo dục, tự phê bình và phê bình, nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng cho cán bộ và đảng viên.

Được sự giáo dục của Hồ Chủ tịch và của Đảng, trải qua nhiều năm rèn luyện, thử thách trong bão táp cách mạng, bước vào giai đoạn mới, số đông cán bộ, đảng viên của Đảng ta vững vàng, kiên định trước những thử thách mới; tự hào với truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc; tin tưởng ở tiền đồ sán lạn của đất nước; nhất trí với đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối bảo vệ Tổ quốc, đường lối quốc tế của Đảng, và bằng hành động thực tế, luôn luôn tỏ rõ sự trung thành với đường lối ấy; nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tiếp tục chịu đựng gian khổ, hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp chung, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, sáng tạo ra nhiều điển hình tốt trong lao động sản xuất, trong chiến đấu và trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trước những khó khăn trong sản xuất, công tác và đời sống, số đông cán bộ, đảng viên vẫn nêu cao phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản: cần cù trong công tác, giản dị trong đời sống hàng ngày,

(1) Hà-Chí-Minh: Tuyên tập, NXB Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 541, 542.

chăm lo củng cố sự đoàn kết, nhất trí, giữ vững nguyên tắc và kỷ luật, cố gắng học tập và rèn luyện, sẵn sàng nhận sự phân công của Đảng đến những nơi khó khăn... Đó là mặt cơ bản về phẩm chất của số đông cán bộ, đảng viên ta hiện nay.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản nói trên, trong đội ngũ của Đảng cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, khuyết điểm và những hiện tượng không lành mạnh.

Trước những diễn biến phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong hoàn cảnh mới, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, nhiều cán bộ, đảng viên đã bối rối, không cần nghĩ được tình hình, không thấy đầy đủ thắng lợi, thậm chí phủ nhận thành tích đã đạt được; nhiều người đứng trước những khó khăn cụ thể hàng ngày, sinh bi quan, hoài nghi đối với việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, hoài nghi khả năng khắc phục khó khăn, khuyết điểm và những hiện tượng tiêu cực, từ đó mà giảm sút nhiệt tình cách mạng và ý chí phấn đấu.

Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã xuất hiện những hiện tượng không lành mạnh như: chuyển quyền, độc đoán, tự do, vô kỷ luật, vô trách nhiệm, thiếu trung thực, xu nịnh cấp trên, hống hách với cấp dưới, ức hiếp quần chúng, tham ô, móc ngoặc, chiếm đoạt của công, xoay xở, trục lợi, cửa quyền, ăn hối lộ, sống sa đọa, chia rẽ, bè phái. Những hiện tượng ấy đang gây trở ngại lớn cho việc củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, làm hại uy tín, thanh danh của Đảng, ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng, làm giảm sức chiến đấu của Đảng. Đảng ta là một đảng cách mạng chân chính, Đảng không dung thứ những thói hư, tật xấu trong Đảng. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh khắc phục những hiện tượng sai trái ấy.

Có tình hình nói trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ quan dưới đây:

Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa là một bước nhảy vọt lớn. Nó đòi hỏi ở đội ngũ cán bộ, đảng viên một chất lượng mới cả về phẩm chất và năng lực cao hơn trước rất nhiều. Song sự chuẩn bị về tư tưởng và giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, giáo dục nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, giáo dục quan điểm của Đảng về cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên còn sơ sài, đơn giản, thậm chí bị coi nhẹ, nhất là với cán bộ, đảng viên ở miền Nam.

Số rất đông cán bộ, đảng viên ta xuất thân từ thành phần tiểu tư sản và bắt đầu từ chủ nghĩa yêu nước mà đi vào con đường cách mạng. Tuy được giáo dục, rèn luyện qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, nhưng nhiều người vẫn chưa khắc phục được những ảnh hưởng tư tưởng, tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ, như thiếu vững vàng, tự lợi, kém ý thức tổ chức và kỷ luật, tự do tản mạn, cục bộ, địa phương; khi cuộc đấu tranh diễn biến phức tạp, thường dễ từ bỏ bỏ mình theo những tính toán cá nhân. Một số chịu ảnh hưởng của tư tưởng và lối sống tư sản, thực dân mới. Điều đó cũng là sự phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường từ ngoài xã hội vào trong Đảng.

Công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước có nhiều sơ hở. Việc quản lý cán bộ, đảng viên, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên còn nhiều thiếu sót. Việc tự phê bình, phê bình, đấu tranh tư tưởng trong Đảng còn

yếu. Việc giữ gìn kỷ luật của Đảng còn bị buông lỏng, không nghiêm. Nhiều khuyết điểm dè kéo dài, nhiều hiện tượng hư hỏng, sai trái không được phê phán, xử lý kịp thời.



Đảng ta do Hồ Chủ tịch kính mến sáng lập và rèn luyện, là một đảng mác xít lê nin nít chân chính. Lịch sử của Đảng ta là lịch sử đấu tranh cách mạng vô cùng kiên cường, oanh liệt hơn nửa thế kỷ nay. Trong những thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta, có sự cống hiến xứng đáng của đội ngũ cán bộ, đảng viên ta. Hiện nay, Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề. Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cần phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên; đấu tranh khắc phục những hiện tượng không lành mạnh. Một mặt, xây dựng cho mỗi cán bộ, đảng viên phong cách của người cộng sản: sống có lý tưởng, có nhiệt tình cách mạng, trung thực, trong sạch, giản dị, khiêm tốn, có kỷ luật, dân chủ, đoàn kết, thương yêu đồng chí, gần gũi quần chúng... Mặt khác, đấu tranh, phê phán nghiêm khắc những hiện tượng, những tư tưởng, tác phong và hành động không lành mạnh, phản tích sâu sắc nguyên nhân và tìm ra biện pháp sửa chữa thật cụ thể, thiết thực. Nghiêm chỉnh thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xử lý nghiêm minh đối với cán bộ phạm sai lầm bất cứ ở cấp nào.

Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng, với việc phát huy thể dục viên, kiện toàn tổ chức, tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, mở rộng cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong Đảng.

Thi hành một cách đồng bộ các biện pháp về tư tưởng và tổ chức, kết cả biện pháp hành chính, nhằm khắc phục một cách có hiệu quả những hiện tượng không lành mạnh, bảo đảm sự trong sạch và vững mạnh của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.

Những năm qua, Đảng ta đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị, tư phê bình và phê bình trong Đảng. Cần rút kinh nghiệm những đợt sinh hoạt trước để làm tốt đợt giáo dục lần này. Kinh nghiệm cho thấy, sở dĩ các đợt sinh hoạt trước đây đạt chất lượng không cao, việc sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên không đến nơi đến chốn là do một số cấp ủy Đảng chưa coi trọng vấn đề chưa thật sự chỉ đạo, chưa có những biện pháp kiên quyết và đồng bộ; việc thi hành kỷ luật của Đảng chưa nghiêm, chưa xử lý kịp thời, đúng mức các cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, nhất là cán bộ có chức, có quyền.

Vì vậy, vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định là các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành cần đề cao trách nhiệm, thật sự bắt tay vào chỉ đạo đợt giáo dục này một cách chặt chẽ. Từng cấp, từng ngành, từng cơ sở cần xem xét, đánh giá phẩm chất cán bộ, đảng viên của mình một cách nghiêm túc và có kế hoạch tiến hành đợt giáo dục này một cách cụ thể, tích cực và chu đáo.

Dựa vào những yêu cầu chung của đợt giáo dục, các tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy cần hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng đi sâu kiểm tra và giải quyết những vấn đề có liên quan tới phẩm chất của cán bộ, đảng viên như tham ô, móc ngoặc, chiếm đoạt của công, cửa quyền, ức hiếp quần chúng, hối lộ, sống

bê tha, truy lạc... Các cấp ủy Đảng cấp trên cần cử cán bộ khá về hướng dẫn giúp đỡ những cơ sở yếu kém và cần trực tiếp nghiên cứu, chỉ đạo những nơi xét thấy có vấn đề phức tạp. Có những vấn đề cần kết hợp việc giáo dục, tự phê bình và phê bình trong tổ chức Đảng với việc phát động quần chúng tham gia phê bình, phát hiện, và việc kiểm tra, xem xét của cấp trên. Ban toàn các cấp ủy và cán bộ lãnh đạo phải đấu tranh nội bộ đúng mức, nghiêm túc, làm gương cho cán bộ, đảng viên khác.

Trong việc đấu tranh tư tưởng, cần phân biệt những ý kiến phê bình xây dựng có động cơ tốt của cán bộ, đảng viên với những luận điệu dả kích, chống đối của những phần tử xấu. Chú ý xây dựng cho cán bộ, đảng viên giữ đúng nguyên tắc tổ chức và kỷ luật, không nói năng tùy tiện, vô nguyên tắc trên những vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương của Đảng.

Đứng trước những khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay, trong cán bộ, đảng viên đang có những suy nghĩ khác nhau. Cần làm cho mọi người nhận thức một cách đúng đắn, khoa học tình hình chung của đất nước, thấy rõ những thắng lợi và thành tích đã đạt được, thấy rõ những thuận lợi và những khó khăn, thiếu sót, hiểu đúng các khó khăn và nguyên nhân gây ra khó khăn. Thái độ đúng đắn nhất của người cán bộ, đảng viên trước tình hình hiện nay là dũng cảm đương đầu với khó khăn, góp phần của mình cùng mọi người phấn đấu khắc phục khó khăn; không bi quan, dao động, giảm sút nhiệt tình cách mạng và ý chí phấn đấu; không bàng quan, thờ ơ như người đứng ngoài cuộc.

Một mặt, coi trọng việc nâng cao tư tưởng, bồi dưỡng phẩm chất, phân rõ đúng sai; mặt khác, phải bảo đảm kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm đến mức cần thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật, không bênh che, tha thứ cho nhau.

Trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, cần phải đấu tranh khắc phục khuynh hướng sai lầm "nuông nhe" đối với cán bộ có chức có quyền, không thi hành kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật qua loa cho xong chuyện đối với cán bộ có chức có quyền phạm sai lầm mặc dù lỗi lầm của họ đã rõ ràng và nghiêm trọng.

Thi hành kỷ luật không chỉ là khiển trách, cảnh cáo, cách chức... mà tùy theo tình chất và mức độ sai lầm còn phải sa thải, cho thôi việc hoặc đưa ra xét xử trước pháp luật, bắt bồi thường... Có như vậy mới bảo đảm kỷ luật nghiêm minh của Đảng và pháp luật của Nhà nước, mới ngăn chặn được sai lầm, khuyết điểm. Các cấp ủy Đảng cần kết hợp với các cơ quan chuyên môn của Nhà nước định thời gian giải quyết dứt điểm từng vụ, từng việc, không để kéo dài. Có những vụ, việc sau khi đã xử lý, cần thông báo trong phạm vi cần thiết để giáo dục chung, để cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ thái độ nghiêm khắc của Đảng trong việc đấu tranh chống những hiện tượng không lành mạnh về phẩm chất.

Kết hợp chặt chẽ việc xem xét phẩm chất đảng viên trong đợt giáo dục này với việc phát thải đảng viên. Kiên quyết đưa những phần tử thoái hóa biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chấp hành nghiêm túc các quy định trong chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc phát thải đảng viên, thu hồi thẻ đảng viên.

Một trong những âm mưu thâm độc của bọn bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-quốc hiện nay là tìm cách phá hoại ta từ trong nội bộ Đảng. Chúng lợi dụng mọi việc, ngay cả những việc làm đúng đắn của ta để xuyên tạc, kích

động hồng chia rẽ nội bộ ta, làm giảm sút lòng tin của cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng cần đề cao cảnh giác, kịp thời đập tan những luận điệu chiến tranh tâm lý và hoạt động chia rẽ của địch, thanh thải bằng được những phần tử xấu và đối địch ra khỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Cùng với việc giáo dục tư tưởng, xử lý những trường hợp cần xử lý, các ngành, các cấp cần chú ý xem xét, giải quyết kịp thời những vướng mắc của cán bộ, đảng viên trong công tác thực tế; chăm lo giải quyết những khó khăn về đời sống của cán bộ, đảng viên; thực hiện tối các biện pháp đấu tranh chống tiêu cực ngoài xã hội.

Một yêu cầu quan trọng nữa đối với các cấp, các ngành là, thông qua đợt giáo dục này, tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới những hiện tượng không lành mạnh, kịp thời tăng cường các biện pháp quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước cũng như những biện pháp quản lý đảng viên, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên một cách chặt chẽ. Cố gắng khắc phục tình trạng ai cũng thấy vấn đề cũng không bằng lòng với những hiện tượng buông lỏng, nhưng do ngại khó, ngại va chạm, né tránh, nên vẫn bỏ mặc, không ai chịu giải quyết



Việc giáo dục nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng. Đảng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm cao nhất trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất cách mạng của mình. Không gì có thể thay thế sự giác ngộ, tự rèn luyện, phấn đấu của bản thân cán bộ, đảng viên. Là chiến sĩ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, người đảng viên cộng sản phải nhận thức được sâu sắc vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng, mục tiêu chiến đấu của Đảng và tự nguyện suốt đời đấu tranh quên mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là người rất mực yêu nước, thương dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn có tinh thần bảo vệ và gương mẫu chấp hành mọi đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, đặt lợi ích chung của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân. Trong bất cứ tình huống khó khăn nào cũng vững vàng, kiên định, nêu cao ý chí phấn đấu, giữ trọn niềm tin, lòng trung thành với Đảng, tự nguyện hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ nặng nề mà Đảng giao cho. Có tinh thần thương yêu đồng chí, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, quan tâm đến đời sống của nhân dân, có ý thức tổ chức và kỷ luật, luôn luôn gương mẫu trong lao động sản xuất, chiến đấu, công tác cũng như trong lối sống, thật sự là tấm gương sáng cho quần chúng noi theo. Trong mọi trường hợp, dù có hay không có sự giám sát của tập thể, dù có hay không có những biện pháp quản lý chặt chẽ, người đảng viên cũng giữ vững phẩm chất và bản lĩnh, không dễ bị cám dỗ bởi những ham muốn tầm thường, không làm điều sai trái ảnh hưởng đến tư cách đảng viên, đến uy tín, thanh danh của Đảng.

Đề giúp cho cán bộ, đảng viên có phương hướng rèn luyện, phấn đấu, trước mắt cũng như lâu dài, các cấp ủy Đảng cần thường xuyên chăm lo việc giáo dục tư tưởng và chính trị. Một mặt, giáo dục những vấn đề về đạo đức, phẩm chất như lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa,

truyền thống đấu tranh anh hùng của Đảng và của dân tộc, những gương sáng đảng viên, gương sáng anh hùng, liệt sĩ. Mặt khác, giáo dục những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ cách mạng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, cụ thể hiện nay là các nghị quyết về kế hoạch Nhà nước năm 1981, về phân phối lưu thông, về công tác an ninh, công tác tổ chức và công tác tư tưởng. Đồng thời, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết trên lĩnh vực công tác cho cán bộ, đảng viên.

Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục tư tưởng, chính trị với việc thực hiện tự phê bình và phê bình; kịp thời biểu dương những tư tưởng và hành động đúng đắn, những gương người tốt, việc tốt, kịp thời phê phán, ngăn chặn những hiện tượng sai trái. Các tổ chức cơ sở Đảng cần liên hành tự phê bình và phê bình thường xuyên, 6 tháng một lần như các chỉ thị của Trung ương Đảng đã quy định. Kết hợp việc tự phê bình và phê bình trong Đảng với việc mở rộng phê bình của quần chúng đối với cán bộ, đảng viên. Qua phê bình và tự phê bình, lim ra nguyên nhân, tiếp tục tăng cường các biện pháp giáo dục, tổ chức và quản lý.



Đảng ta là một đảng chiến đấu cách mạng. Việc giáo dục, nâng cao phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đấu tranh khắc phục những hiện tượng không lành mạnh, là một nhiệm vụ thường xuyên của Đảng. Muốn hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, đánh thắng kẻ địch, phải nâng cao đạo đức cách mạng. Hồ Chủ tịch đã dạy: « **Đạo đức cách mạng** là vô luận trong hoàn cảnh nào cũng phải quyết tâm đấu tranh chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng »⁽²⁾. Hiện nay Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ nặng nề của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Việc giáo dục nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên lúc này vô cùng bức thiết, cần được tiến hành một cách kiên quyết. Các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên cần cố gắng làm tốt đợt giáo dục này, lấy đó làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ mọi mặt công tác, kiện toàn tổ chức, góp phần tích cực vào việc chuẩn bị và tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

(2) Hồ-Chí-Minh : *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1969, tr. 14.

CHÚNG TA — NHỮNG NGƯỜI LẠC QUAN

NGƯỜI CỘNG SẢN

Lời Bộ biên tập — Theo đề nghị của chúng tôi, Ban biên tập tạp chí Người cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Liên-xô, đã viết cho Tạp chí Cộng sản bài Chúng ta — những người lạc quan, nói về Đại hội XXVI của Đảng cộng sản Liên-xô.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu toàn văn bài báo đó với bạn đọc.

Dại hội lần thứ 26 của Đảng của V.I. Lê-nin đã viết nên một chương mới, sáng chói trong lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học, trong lịch sử của công cuộc xây dựng, sáng tạo xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Đại hội đã chứng minh hùng hồn bản chất của hệ tư tưởng và chính trị cộng sản chủ nghĩa, đã chứng tỏ đầy sức thuyết phục rằng những lý tưởng và những lợi ích của giai cấp công nhân đều có thể thực hiện được.

Bằng thực tế sinh động, nó đã chứng minh một cách cụ thể rằng, xây dựng một xã hội không có giai cấp và thiết lập một nền hòa bình bền vững giữa các dân tộc là những mục tiêu được quyết định một cách khách quan và có tính hiện thực.

Các đại biểu của những người cộng sản xô viết đã xem xét những vấn đề thời sự của sự phát triển trong nước và trên thế giới, thanh điệu và phong cách làm việc của họ đã được hình thành từ lâu, trong việc chuẩn bị Đại hội, với sự tham gia của hàng chục triệu người lao động, kể cả trong các cuộc bầu cử cấp ủy mới tại các tổ chức Đảng và trong các cuộc thảo luận trong toàn dân bản dự thảo báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô « Những phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế và xã hội của Liên-xô trong những năm 1981 — 1985 và cho đến năm 1990 ».

Tại Hội nghị toàn thể của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hồi tháng 10 — 1980, đồng chí Tổng bí thư Đảng L. I. Brê-giơ-nép, trước

khi nêu lên hàng loạt vấn đề chung, trực tiếp liên quan đến hoạt động kinh tế trong năm 1981 cũng như đến sự phát triển kinh tế trong kế hoạch 5 năm thứ 11, đã nói: « Khi nói về những vấn đề đó tôi sẽ bắt đầu không phải từ sắt thép, giao thông, vận tải và thậm chí cũng không phải từ nhiên liệu và năng lượng — tuy đó là những thứ có ý nghĩa to lớn, — mà từ những vấn đề mà điều kiện sinh sống của những người xô viết tùy thuộc trực tiếp nhất vào việc giải quyết những vấn đề ấy. Như vậy, đó là quan điểm có tính đảng nhất, là trọng tâm, và xét một cách chặt chẽ theo quan điểm kinh tế thì phải đi từ đích cuối cùng đến những gì phải bảo đảm đạt được đích ấy ».

Tư tưởng chủ đạo, quán xuyên ấy đã được quán triệt trong tất cả những tham luận, những lời phát biểu tại Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô, trong tất cả các văn kiện của Đại hội, — từ báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng và bài nói của các đại biểu Đại hội cho đến những nghị quyết cuối cùng và những phương châm có tính chất chỉ thị của Đại hội đối với kế hoạch 5 năm mới bắt đầu và cho đến hết những năm 80.

Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô đã làm hiện ra trước thế giới cả một mẫu mực về sự thống nhất đối nội và chính sách đối ngoại. Trong lời khai mạc Đại hội Đảng, đồng chí L. I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh: « Chúng ta định dồn sức lực, tập trung tất cả lực lượng của chúng ta vào hai hướng gắn liền với nhau, một hướng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, một hướng khác là củng cố hòa bình. Thật ra, thì đó là lời ủy thác của những người cộng sản, của toàn thể nhân dân đối với các đại biểu các Đại hội Đảng. Lời ủy thác ấy đã được diễn đạt và biến thành ngôn ngữ của những nghị quyết của Đảng ».

I

Với thế giới quan vô sản — cách mạng, vững tin đối với lịch sử, đối lập với linh tinh tiêu tư sản nơm nớp lo âu về tình thế không lối thoát, bế tắc hoàn toàn và về tiền đồ không tránh khỏi bị diệt vong, ngay từ năm 1913, V. I. Lê-nin đã viết: « Giai cấp công nhân sẽ không bại vong mà lớn lên, phát triển vững mạnh, trở nên gan dạ, dũng cảm, đoàn kết lại, được giáo dục và tôi luyện trong đấu tranh. Chúng ta là những người bi quan về chế độ nông nô, chủ nghĩa tư bản và nền sản xuất nhỏ, nhưng chúng ta là những người lạc quan, lạc quan nồng nhiệt, về phong trào công nhân và những mục tiêu của nó. Chúng ta đã đặt móng cho tòa nhà mới, và con cháu chúng ta sẽ xây xong nó » (1). Những lời nói đó của V. I. Lê-nin vang vọng « đồng thanh, đồng khí » kỷ diệu với những văn kiện, tài liệu của Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô.

Các đại biểu cũng như các vị khách của Đại hội đều nhất trí ghi nhận tinh chất thiết thực, hiện thực, bầu không khí hừng hực sức sống và chứa chan tinh thần thiết tha yêu chuộng hòa bình, xây dựng hòa bình của Đại hội. Nguồn gốc sâu xa, nguyên nhân cơ bản là thái độ của Đảng cộng sản, của chế độ xã hội chủ nghĩa, một thái độ đã được xác lập rộng rãi, với tất cả uy lực của nó, đối với người lao động như là « vốn chính » (C. Mác) của mình, như là « tài sản chính, vô giá của xã hội chúng ta » (L. I. Brê-giơ-nép).

Trước đây C. Mác đã bắt đầu nghiên cứu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa từ việc phân tích « tế bào » nguyên sơ của nó — hàng hóa, mà Người định nghĩa là hình thức sơ đẳng của cái của xã hội tư sản. « Giá

(1) V. I. Lê-nin: Toàn tập, bản tiếng Nga, tập 23, tr. 257.

trị qua lại của chúng ta, — C. Mác đã viết về quan hệ giữa người với người dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, — đối với chúng ta là *giá trị* của những vật phẩm mà mỗi người chúng ta có. Do đó, ở ta, bản thân con người đối với người khác là một cái gì đó bị trước mất giá trị (2).

Rõ ràng là hàng hóa không thể dùng làm điểm xuất phát để phân tích những quan hệ sản xuất dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vì hình thức sơ đẳng của tài sản xã hội ở đây phải là cái gì đó khác hẳn. Cái gì vậy? Từ lâu các nhà kinh tế đã suy nghĩ về việc giải quyết vấn đề này. Những câu giải đáp do họ đề ra đồng dạng với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, đều lần lượt không thuyết phục được ai. Và cứ mỗi lần lại vẫn thấy một và một điều: ngay từ đầu cuộc nghiên cứu đã không thể bỏ qua được « nhân tố con người », không thể không tính, ngay cả với quan điểm kinh tế đơn thuần đến một điều cứ xuất hiện — *tổng hợp những khả năng của con người* và sự biểu hiện của chúng trong lao động *cụ thể* tổng hợp tạo nên những giá trị tiêu dùng. *Những khả năng ấy phải chăng là hình thức tài sản sơ đẳng còn phải tìm kiếm của xã hội xã hội chủ nghĩa?* Liệu ta có phải tìm chính ở đây ý nghĩa sâu xa của luận điểm của C. Mác về *sự chiến thắng của chính trị kinh tế học lao động đối với chính trị kinh tế học số hữu?* (3) Tư tưởng lý luận quay về đúng hướng này, dưới sự tác động của những tư tưởng của Đại hội lần thứ 26.

Cũng không khó gì mà ta không thấy được sự ăn ý nội tại giữa những điều nói trên và nguyên lý của Hiến pháp Liên-xô (thật ra cũng là truyền đạt một trong những luận điểm của Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên-xô): « Mục đích cao nhất của sản xuất xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là thỏa mãn đầy đủ nhất những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người ». Chế độ xã hội xã hội chủ

nghĩa định hướng nhằm vào con người, vào việc phát triển những khả năng của con người và thỏa mãn những nhu cầu của con người — đó là điều đã được trình bày, thể hiện hết sức đầy đủ trong những tài liệu của Đại hội. « Yêu cầu có tính chất cương lĩnh, trước sau như một — tất cả vì con người, vì hạnh phúc của con người, — L.I. Brê-giơ-nép tuyên bố, — đó đã và đang là điểm xuất phát của quan điểm có tính đảng, quan điểm chính trị đối với kinh tế ». Và tiếp đó: « sự quan tâm cụ thể đối với con người cụ thể, đối với những nhu cầu của nó — đó là điểm khởi đầu và cũng là điểm kết thúc của chính sách kinh tế của Đảng ».

Ví dụ sau đây đủ nói lên rằng chúng ta và những người đương thời có được may mắn sống và hoạt động trong điều kiện của sự chuyển biến có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới như thế nào. Gần hai nghìn năm trăm năm trước đây, nhà triết học cổ Hy-lạp Prô-ta-go, bạn chiến đấu của Pê-ri-clê-co-lô, đã có câu châm ngôn mãi nay người ta cũng chưa đoán định được hết ý: « Con người là thước đo của mọi vật ». Nhiều thế hệ sinh viên nghiên cứu lịch sử tư tưởng triết học đã được nghe từ miệng các giáo sư những lời buộc tội Prô-ta-go về chủ nghĩa chủ quan. Và các giáo sư đã nói đúng, nhưng cũng trong giới hạn của nó — ý muốn nói về cách giải thích cổ truyền theo quan điểm tôn giáo — duy tâm về con người, việc gán cho nó chỉ mỗi một bản chất tinh thần. Nhưng nếu như coi con người là « tổng hợp tất cả những quan hệ xã hội » tức là hiểu như phép biện chứng duy vật dạy, hiểu theo Mác, thì sao? Phải chăng định nghĩa của Mác về chủ nghĩa cộng sản là *chủ nghĩa*

(2) C. Mác — F. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 42, tr. 33.

(3) Xem C. Mác — F. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 16, tr. 9.

nhân đạo hiện thực lại không có nghĩa rằng luận điểm "con người là thước đo của mọi vật" rốt cuộc lại có được một cuộc sống thứ hai — lần này không phải là hư ảo mà là thật sự trong những điều kiện của sự hình thành hình thái cộng sản chủ nghĩa? Chính con người là thước đo của mọi vật trong môi trường xã hội chứ không phải các vật là thước đo con người, những phạm chất của nó, giá trị của nó... Ranh giới rõ rệt ngăn cách sự nhận thức cộng sản chủ nghĩa và sự nhận thức theo quan điểm tư sản cá nhân chủ nghĩa đối với thực tế xã hội trong thời đại ngày nay là như vậy đó.

Đại hội đã kế thừa, tiếp tục và cụ thể hóa, có tính đến kinh nghiệm tích lũy được và tất cả những gì đã làm được, vận dụng vào những điều kiện của những năm 80, đường lối của Đại hội lần thứ 24 và 25, đường lối nhằm thực hiện một bước ngoặt sâu sắc hơn trong nền kinh tế đối với những nhiệm vụ đa dạng gắn liền với việc nâng cao phúc lợi của nhân dân. Đại hội đã định hướng chính sách kinh tế của Đảng cho cả một thời kỳ dài: phương châm chuyển mạnh, chuyển hẳn sang những nhân tố chủ yếu là phát triển kinh tế theo chiều sâu, phương châm nâng cao tính hiệu quả và chất lượng của toàn bộ công tác. Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô có nói: «Lãnh đạo nền kinh tế quốc dân, đó là cốt lõi của toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước. Vì kinh tế chính là lĩnh vực đặt nền móng cho việc giải quyết những vấn đề xã hội, củng cố khả năng quốc phòng, nền móng của chính sách đối ngoại tích cực. Chính nơi đây tạo nên những tiền đề cần thiết để xã hội xã hội chủ nghĩa tiến thẳng lợi tiến lên chủ nghĩa cộng sản».

Trong số những thành tựu và những biến chuyển của thập kỷ 70, Đại hội có nêu lên việc tăng năng suất lao

động 1,5 lần, chỉ tiêu nói lên một cách tập trung nhất tính hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, việc tiếp tục phát triển hoặc xây dựng mới những ngành hiện đại như ngành chế tạo máy nguyên tử, kỹ thuật vũ trụ, công nghiệp điện tử và vi điện tử, vi sinh vật, kỹ thuật la de, việc sản xuất kim cương nhân tạo và các chất liệu tổng hợp khác; việc khai thác bằng phương pháp công nghiệp những vùng mới, việc hình thành những tổ hợp lãnh thổ — sản xuất tại phần châu Âu nước Cộng hòa liên bang Nga, ở U-ran, ở Xi-bia, ở Viễn đông, ở Ca-dắc-xtan và Tát-gi-ki-xtan; sự phát triển ổn định của công nghiệp nặng, kể cả việc sản xuất những tư liệu sản xuất, việc mở rộng và tăng cường cơ sở năng lượng của chúng tôi, việc kiện toàn ngành luyện kim và phát triển ngành chế tạo máy, những chuyển biến rõ rệt về số lượng và chất lượng trong công nghiệp hóa chất và công nghiệp hóa dầu; việc đẩy mạnh hóa học hóa, cơ khí hóa đồng bộ và việc công nghiệp hóa nông nghiệp và ngành chăn nuôi, việc tiến hành trên những quy mô lớn các công việc cải tiến chất đất, việc thâm canh trong nông nghiệp đã cho phép, một mặt, tăng sản lượng trên đơn vị héc ta lên gấp 1,3 lần, mặt khác bảo đảm ổn định lâu dài mức tăng ấy. Tóm lại, đây là những nhân tố vật chất để thực hiện trong những năm 70 cả một chương trình rộng lớn nhằm nâng cao phúc lợi của nhân dân.

Chỉ nêu một số việc: tiền lương tháng trung bình trong năm 1980 tăng gần 1,4 lần so với năm 1970, mức trả công lao động trong các nông trang tập thể tăng còn nhanh hơn; còn các khoản chi khác và các khoản ưu đãi lấy từ các quỹ xã hội tăng gần gấp đôi; sản xuất vật phẩm tiêu dùng tăng gấp đôi; diện tích nhà ở được xây dựng trong những năm 70 vượt tổng diện tích nhà ở trong các thành phố xã hội chủ nghĩa vào đầu những năm 60. Sự tiến

bộ kinh tế ngày càng gắn chặt hơn, kết hợp hữu cơ hơn với sự phát triển xã hội, và trên cơ sở kinh tế phát triển ổn định, toàn bộ hệ thống những quan hệ xã hội, toàn bộ lối sống xã hội chủ nghĩa đã và đang được hoàn thiện và tiếp tục được hoàn thiện.

Cách tiếp cận có nguyên tắc được L.I. Brê-giơ-nép xác định tại Hội nghị toàn thể của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hồi tháng 10-1980 cũng được phản ánh tại Đại hội này khi xem xét nguyên nhân khó khăn và những thiếu sót trong nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh những tình huống khách quan không tùy thuộc vào ý chí của chúng ta, Đại hội cũng chỉ ra những khuyết điểm trong công tác kế hoạch hóa và quản lý, tình trạng nhiều tổ chức Đảng và nhiều nhà lãnh đạo kinh tế còn thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa đủ nghiêm khắc, còn vi phạm kỷ luật, những biểu hiện của lối làm ăn phi kinh tế trong kinh doanh. « Nhưng, có lẽ nguyên nhân chủ yếu nhất là chưa triệt để khắc phục được những sức ỳ, những tập quán và thói quen đã hình thành trong thời kỳ mà số lượng chứ không phải chất lượng của công việc được đề lên hàng đầu » (L.I. Brê-giơ-nép).

Chẳng hạn, trong thời gian dài, người ta vẫn đặc biệt chú ý thực hiện những nhiệm vụ kế hoạch về danh mục và mặt hàng, tức là theo quan điểm cung ứng cho người tiêu dùng những giá trị cần thiết, còn tốt xấu ra sao cũng mặc, miễn sao có nhiều hàng. Kiểu « đối phó » như vậy đã bị lên án từ lâu, tiếc thay, đến nay vẫn còn dưới hình thức ít nhiều được che đậy. Thế nhưng, việc kế hoạch hóa sản xuất tính theo đơn vị tấn, như số tấn máy công cụ chẳng hạn, một việc tự nó cũng đã lỗi thời rồi, cũng như lối tính tương đương thành tiền, cốt đề nguy trạng sự thiếu hụt ở nơi này nơi khác những hàng hóa có khi thuộc loại nhu yếu phẩm hàng ngày,

đều là trái với mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên, nói thế không có nghĩa không còn dùng đơn vị tấn và đồng rúp trong thực tiễn kinh doanh của chúng ta. Chẳng hạn, được tính bằng tấn, chứ không có cách nào khác, số lượng than đá, dầu thô được khai thác, ngũ cốc được thu hoạch, tức là những thứ mà thuộc tính tiêu dùng đã biết trước. Nhưng khi sấy lúa mì và chế biến dầu mỏ thì tấn và số tấn lại chỉ « vô sự » khi dùng để tính các loại bánh làm từ bột mì và các loại sản phẩm làm ra từ dầu mỏ, và nhất thiết phải nêu rõ phẩm chất của chúng. Sự quan tâm đến người xỏ viết là sự quan tâm đến sự tương ứng giữa sản phẩm cung ứng cho nó và những nhu cầu sản xuất, nhu cầu cá nhân, đến phẩm chất sản phẩm phải vừa tốt vừa bền. Mà đó là điều đòi hỏi phải xem xét một cách nghiêm túc vị trí và vai trò của *giá trị sử dụng* và những *chỉ tiêu* hiện vật của sản xuất trong hệ thống kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Có thể nói rằng giá trị sử dụng với tính cách là một phạm trù kinh tế rõ ràng là « không đáng kể ». Thái độ giáo điều khi đọc nhận xét của C. Mác trong *Tư bản*, cho rằng giá trị sử dụng của hàng hóa là đối tượng của một môn học riêng — khoa chuyên khảo về hàng hóa, đã làm cho nhiều nhà kinh tế tưởng lầm rằng nói chung không cần nghiên cứu.

Thật ra, điều C. Mác nói lại liên quan đến vị trí đặc biệt của giá trị sử dụng trong hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế tư bản, mục tiêu trực tiếp là giá trị *tư bản*, lợi nhuận. Còn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thì việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của những người lao động đã và đang trở thành mục tiêu trực tiếp của sản xuất. Như vậy, toàn bộ bức tranh đã đổi thay, khác trước. Nhưng dù sao, phạm trù « giá trị sử dụng » vẫn tiếp tục nằm

ngoài, thực tế nằm ngoài quá trình tư duy chính trị—kinh tế. Và như vậy là người ta đã coi thường luận điểm sau đây của Mác: « Giá trị sử dụng tự bản thân nó cũng đóng vai trò phạm trù kinh tế. Còn như việc nó đóng vai trò ấy ở đâu, thì đó là điều tự khắc sẽ rõ qua việc phân tích những quan hệ mà ta đang xem xét » (4). Hiện nay, khi vấn đề chất lượng của hoạt động sản xuất đã có ý nghĩa to lớn về xã hội — chính trị và thậm chí cả về đạo đức, các nhà bác học cần phải bổ sung thiếu sót ấy. « Những nhiệm vụ do cuộc sống đề ra — L.I. Brê-giơ-nép nhận định — đòi hỏi phải phát triển lý luận, phát triển khoa học kinh tế, làm cho khoa học này đi sát với những nhu cầu của thực tiễn kinh tế ».

Trong suốt cả thời gian dài người ta đã thảo luận về khả năng thanh toán những thiếu sót lớn của các chỉ tiêu giá trị được vận dụng và thanh toán bằng cách kết hợp chúng với các chỉ tiêu tự nhiên. Đồng thời cũng lưu hành quan điểm cho rằng việc xây dựng những chỉ tiêu tự nhiên, theo họ nói, nói chung không có khả năng thực hiện do số lượng khổng lồ những loại và những tên gọi các sản phẩm làm ra và do không có khả năng nghiên cứu và xử lý về mặt thống kê học. Cũng do thái độ còn nghi hoặc như vậy, một số nhà kinh tế đã tránh được một việc tất yếu là tiến hành dù chỉ là một số công trình nghiên cứu sơ bộ nào đó theo hướng ấy. Và há chẳng phải rằng cả danh mục hàng và loại hàng đều hoàn toàn có thể được coi là những chỉ số quản xuyên nói lên hiệu quả của hoạt động sản xuất bởi vì, một là, có khả năng tính toán những chỉ số ấy và, hai là, nó cũng có đánh giá hoạt động sản xuất về mặt chất lượng. Xin nhắc lại rằng V.I. Lê-nin ngay từ năm 1921 đã cho rằng việc sau đây là điều có khả năng thực hiện, hoàn toàn thực tế: xây dựng « chỉ số » mà từng lúc

nó có tác dụng xác định trạng thái sản xuất (5). Người ta có thể trở về vấn đề này và sau khi nghiên cứu những tài liệu đã tích lũy, tiến lên phía trước nhờ sử dụng những công trình nghiên cứu mới về phương pháp luận và những khả năng thật là vô tận của những máy tính điện tử. Vấn đề này và nhiều vấn đề khác từ đó nảy sinh, đang chờ để được giải quyết. Và đến lượt nó, việc giải quyết vấn đề ấy sẽ góp phần thực hiện chỉ thị của Đảng là phải đi từ đích cuối cùng để xét những gì—bảo đảm đạt được đích ấy

Lập trường ấy đã được kiện toàn một cách căn bản do việc Đại hội lần thứ 26 đặt vấn đề về mức độ các yêu cầu đề ra cho *chất lượng sản phẩm* « Tôi thiết nghĩ — L.I. Brê-giơ-nép đã chỉ rõ — rằng nó phải ở mức độ cao nhất. Phải tương xứng với những mẫu mực thế giới và xô viết — chúng ta không thể và không được đồng ý với một cái gì đó thấp, kém hơn thế. Phải tự mình tập cho quen với cái đó, cần phải phấn đấu để đạt được điều đó, quyết vượt bỏ tất cả những gì đã lỗi thời, những gì lạc hậu bị bản thân cuộc sống hạ giá ». Hiện nay người ta đang suy tư, trù tính như vậy về một trong những cấu tố quan trọng nhất của việc giải quyết nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm thứ II.

Nhiệm vụ ấy cụ thể là gì? Đó là: *bảo đảm tiếp tục phát triển hơn nữa phúc lợi của người xô viết trên cơ sở phát triển ổn định, với khí thế tiến công, nền kinh tế quốc dân; đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật; chuyển nền kinh tế sang con đường phát triển theo chiều sâu; sử dụng hợp lý hơn nữa tiềm lực sản xuất của đất nước; ra sức tiết kiệm các*

(4) *Bản thảo kinh tế năm 1857 — 1861* bản tiếng Nga, tập 2, Mát-xcơ-va, Nxb sách báo chính trị, 1980, tr. 151.

(5) Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 53, tr. 122 — 123, tập 44, tr. 114.

nguồn lợi, tài nguyên : nâng cao hơn nữa chất lượng công tác.

Nhiệm vụ ấy cũng như những nhiệm vụ khác, sẽ phải giải quyết trong những điều kiện thật không đơn giản. Ví dụ, trong những năm 80, sự phát triển của sản xuất sẽ chịu ảnh hưởng rõ rệt của việc giảm mức tăng các nguồn nhân lực; của việc tăng chi phí do việc khai thác, chinh phục miền Đông và Xi-bia, và cả của sự gia tăng không tránh khỏi những khoản chi vào việc bảo vệ môi sinh; của sự cần thiết phải xây dựng lại một cách căn bản nhiều xí nghiệp đã già cỗi, của việc mở rộng đường sá, cải tạo giao thông liên lạc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế.

Đặc biệt Đại hội đã đề ra các chỉ tiêu trong kế hoạch 5 năm thứ 11 này là : thu nhập quốc dân tăng 18—20%, sản lượng công nghiệp tăng 26—28%, sản lượng nông nghiệp tăng 12—14%. Đại hội cũng nhấn mạnh tiền đề không thể thiếu để giải quyết tất cả những nhiệm vụ kinh tế là phát triển công nghiệp nặng, đặc biệt là các ngành nền tảng của nó, trước hết là *hiện liệu — năng lượng*. Bên cạnh những biện pháp cải tiến cần cần hiện liệu — năng lượng, việc tiếp tục tìm kiếm những nguồn năng lượng mới về căn bản, kể cả việc xây dựng những cơ sở của ngành năng lượng hạt nhân nóng, đã được đề ra.

Trong ngành luyện kim đen và màu, ngoài việc đưa vào hoạt động những năng lực sản xuất mới, còn một con đường nữa được mở thêm : sử dụng một cách khéo léo và trọn vẹn hơn những gì được sản xuất ra.

Đối với ngành xây dựng, nét nổi bật của kế hoạch 5 năm mới là tập trung lực lượng vào việc hoàn thành nhanh nhất và đưa vào hoạt động càng sớm càng tốt những xí nghiệp đủ sức bảo đảm mức tăng sản lượng lớn nhất, xóa chỗ yếu, bỏ mặt kém. Ngành vận tải dự tính giải quyết những vấn đề đã bị tích lại trên cơ

sở một chương trình phức hợp dài hạn được đặc biệt soạn thảo.

Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô nhận định : « Mỗi ngành đều đang đứng trước những vấn đề thời sự của nó, nhưng có những vấn đề bao trùm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, và vấn đề chủ yếu trong số đó là hoàn thành việc chuyển sang con đường ưu tiên phát triển theo chiều sâu ». Trong báo cáo đọc trước Đại hội « Những phương hướng cơ bản của sự phát triển kinh tế và xã hội Liên-xô trong các năm 1981—1985 và trong thời kỳ cho đến năm 1990 », Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên-xô N. A. Ti-khôn-nốp đã so sánh, xét về quy mô lịch sử và những hậu quả của nó, bước chuyển nói trên với công cuộc cải tạo hết sức sâu sắc như là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, một cuộc cải tạo đã làm thay đổi hẳn bộ mặt đất nước.

Nhà nước xô viết hiện có tiềm năng sản xuất thật là khổng lồ. Hiện nay Liên-xô đứng đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ và thép, xi măng và phân khoáng, lúa mì và bông, dầu máy đi-ê-zen và dầu tàu điện đường chính, có tổng số máy cái lớn nhất, nhiều nhất, và số lượng công trình sự đồng nhất. Đồng thời, nếu so với những chỉ tiêu thế giới tiên tiến nhất tính theo đơn vị thu nhập quốc dân, thì Liên-xô vẫn tiêu phí nguyên liệu và năng lượng nhiều hơn. Đại hội thừa nhận điều kiện không thể thiếu để tiến lên phía trước là giải quyết thành công mâu thuẫn ấy. « Thừa các đồng chí, hiện nay chúng ta đủ sức giải quyết những vấn đề lớn nhất, phức tạp nhất — L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh. Nhưng, một việc có vẻ đơn giản và bình thường hằng ngày lại đang trở thành cốt lõi của chính sách kinh tế—đó là thái độ quan tâm đối với tài sản của xã hội, bản lĩnh biết tận dụng, sử dụng một cách hợp lý tất cả những gì chúng ta có trong

tay. Cần phải hướng tính chủ động sáng tạo của các tập thể lao động, công tác Đảng trong quần chúng vào vấn đề đó. Chính sách kỹ thuật và cả chính sách đầu tư, cũng như cả hệ thống những chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu quyết toán,... cũng cần phải hướng vào đó.

Kinh tế thì phải dè xèn, tiết kiệm — đó là đòi hỏi của thời đại*.

Đảng thấy tất cả tính chất cấp bách của việc đưa tất cả các ngành kinh tế quốc dân lên những tuyến tiền tiến của khoa học và kỹ thuật, của việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đảng xuất phát từ chỗ cho rằng không có khoa học thì công cuộc xây dựng xã hội mới cũng chẳng có nghĩa lý gì. Những cố gắng của «khoa học lớn» cùng với việc nghiên cứu những vấn đề lý luận phải ngày càng tập trung vào việc giải quyết những vấn đề kinh tế quốc dân then chốt, vào những phát minh và sáng chế có khả năng tạo nên những biến đổi thật sự cách mạng trong sản xuất. Văn cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của Viện hàn lâm khoa học Liên-xô, cải tiến tổ chức của toàn bộ hệ thống các công trình nghiên cứu khoa học khiến cho nó trở nên linh hoạt và cơ động; không dung thứ những phòng thí nghiệm và những viện vô dụng, không đem lại kết quả gì. Trong khi thực hiện những nhiệm vụ thực tế do các cơ quan kế hoạch hóa và các cơ quan kinh tế đề ra, khoa học tự nó cũng có bổn phận và sứ mệnh trở thành nhân tố khuấy động thường xuyên «phá tính gây động», phát hiện ngay trong trứng những xu hướng bảo thủ rồi chỉ ra những cách thức trừ bỏ chúng, vạch ra những điểm phát triển lâu dài, có triển vọng.

Đại hội đã thừa nhận nhân tố quyết định, mũi nhọn — đó là việc ứng dụng những phát minh, và sáng chế khoa học, và cũng đã phân tích kinh nghiệm tích cực mà đất nước

đã tích lũy được trong việc nối liền — cả về kinh tế và tổ chức — công tác thiết kế khoa học — nghiên cứu và công tác thiết kế với sản xuất. Đồng thời, Đại hội cũng rất chú ý đến sự chậm trễ, một sự chậm trễ không thể dung thứ, trong việc «túm lấy» và khai thác những sự khởi thảo, nghiên cứu có nhiều hứa hẹn. «Cần phải tìm cho ra nguyên nhân vì sao có khi chúng ta bỏ lỡ quyền ưu tiên của mình — L.I. Brê-giô-nép tuyên bố —, mất nhiều tiền của để mua sắm ở nước ngoài kỹ thuật và quy trình công nghệ thuộc loại mà chúng ta hoàn toàn có thể tự sản xuất, đôi khi chất lượng còn cao hơn». Không thể nào cam chịu thêm nữa cái cảnh lạc hậu của cơ sở khoa học và thiết kế nhiều ngành — các ngành công nghiệp nhẹ, thực phẩm, y tế, nông nghiệp và một số ngành chế tạo máy khác. Trước hết, ngành *chế tạo máy* có thể mở rộng cửa để đón cái mới, chuyển những tư tưởng của các nhà bác học, những bản thiết kế của các nhà thiết kế thành kim loại. «Nay, nhìn về phía trước khoảng năm, mười năm — L.I. Brê-giô-nép kết luận —, chúng ta không thể quên rằng chính trong những năm này sẽ đặt và tạo dựng nên cái cơ cấu kinh tế quốc dân mà với nó đất nước sẽ bước vào thế kỷ hai mươi mốt. Nó phải thể hiện những đặc điểm cơ bản và những lý tưởng của xã hội mới, đi tiên phong trong sự tiến bộ, phải là hiện thân của sự liên kết giữa khoa học và sản xuất, là liên minh không gì phá nổi giữa tư tưởng sáng tạo và lao động sáng tạo».

Dem toàn bộ tiềm năng và tiềm lực khoa học kỹ thuật và sản xuất của đất nước ra phục vụ con người, Đảng đã đề ra cả một hệ thống những biện pháp quý mô nhằm cải thiện trọn vẹn mọi mặt đời sống người xô viết — tiêu dùng và nhà ở, văn hóa và nghỉ ngơi, điều kiện lao động và sinh hoạt. Người ta dự tính và hoạch định rằng

trong kế hoạch 5 năm thứ 11 này, mức lương tháng tối thiểu sẽ tăng lên đến 80 rúp.* Tiền lương trung bình hàng tháng sẽ tăng 13 - 16% và đạt 190 - 195 rúp, các khoản thu nhập của các nông trang viên, do cơ sở kinh tế tập thể xã hội đem lại, sẽ tăng 20% - 22%. Người ta cũng đề ra cả những biện pháp khác nữa để nâng cao mức sống của những người lao động nhờ tăng các khoản thu nhập bằng tiền mặt. Nhưng, Ban chấp hành trung ương đề lên hàng đầu các nhiệm vụ *thỏa mãn bằng hiện vật có đầy đủ giá trị, một cách thực tế, thật sự, những nhu cầu có khả năng thanh toán, đang ngày càng tăng của dân cư.*

Những nhiệm vụ ấy quy tụ thành nhóm chủ yếu chung quanh hai chương trình quốc gia.

Chương trình thứ nhất là chương trình *lương thực*, một chương trình đặc biệt được soạn thảo nhằm mục đích làm sao trong những thời hạn ngắn nhất tiến tới cho bảo đảm cung ứng một cách liên tục, không có trục trặc, gián đoạn, sản phẩm cho nhân dân. Cơ sở của nó là việc tiếp tục nâng cao, phát triển hơn nữa công nghiệp, và những lương quan trọng nhất của một nền nông nghiệp đã được Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô họp hồi tháng 7-1978 vạch ra. Trọng tâm đối với chính sách nông nghiệp trong những năm 80 là dành những khoản đầu tư lớn của Nhà nước để nâng cao hiệu suất của nó, sâu sắc hóa và hoàn thiện những mối liên hệ giữa nông nghiệp với tất cả các ngành của tổ hợp nông - công nghiệp.

Còn chương trình thứ hai thì dự tính *mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng các vật phẩm tiêu dùng của nhân dân, phát triển lĩnh vực dịch vụ.* Đòi hỏi phải có một sự đẩy nhanh nhất định nào đó những nhịp độ phát triển của nhóm « B » - nhịp độ ấy sẽ phân nào vượt những nhịp độ phát triển của nhóm « A ». Sẽ

phải nâng cao vai trò của thương nghiệp trong việc xác định mặt hàng và chất lượng hàng, nâng cao mức trang bị kỹ thuật cho các xí nghiệp phục vụ sinh hoạt, công ích, phân bổ đều đặn và rộng khắp những xí nghiệp này trong cả nước, đồng thời đào tạo cho ngành này những cán bộ lành nghề. Nhiệm vụ đặt ra là tạo nên một nền sản xuất hiện đại, thật sự hiện đại, đáp ứng những nhu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng và dịch vụ. Đó là việc quan trọng hàng đầu của Đảng. Đại hội đã chỉ ra như vậy, và cần phải có thái độ đối xử như vậy đối với vấn đề này.

Những biện pháp mang tính chất xã hội, do Đảng vạch ra, không chỉ đóng khung trong lĩnh vực tiêu dùng. Đảng đã và đang có nhiều cố gắng để làm cho lao động của con người trở thành lao động có năng suất hơn, có nội dung hơn, thú vị và sáng tạo hơn. Ở đây, việc *xóa bỏ lao động thủ công, lao động chân tay cực nhọc, không đòi hỏi phải lành nghề, đóng vai trò hết sức quan trọng.* Bằng con đường đó, người ta sẽ xóa bỏ, đập bẻ được trở lực to lớn, nghiêm trọng trên con đường biến lao động thành nhu cầu thiết thân bậc nhất của mỗi người.

Đại hội đã đề ra phương châm có tác dụng góp phần phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng, triển khai phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, đó là chỉ thị của Đại hội về việc phải đề ra những nghĩa vụ, cam kết xã hội chủ nghĩa và soạn thảo những kế hoạch hưởng ứng theo tuyên « từ dưới lên »: người lao động, đội sản xuất, xí nghiệp, ngành - và sau đó « kết, nối » với kế hoạch Nhà nước.

Một phần ba đòi người ta là ở xí nghiệp, ở cơ quan nơi con người lao động. Đại hội đã nói lên tiếng nói đầy sức mạnh về vấn đề phải làm thế nào cho ở nơi sản xuất xã hội chủ

nghĩa có được bởi *cảnh sinh hoạt xung quanh* khiến cho khi làm việc con người cảm thấy không kém so với ở nhà mình. Và Đại hội đã đồng tình với ý kiến của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đề nghị chỉ coi là thật sự có hiệu lực các bản báo cáo về việc cho đi vào sản xuất theo những mục tiêu kinh tế quốc dân mới *trong trường hợp* hoàn thành được cả những nhiệm vụ kế hoạch về xây dựng nhà ở và văn hóa – sinh hoạt, ngay tại mục tiêu ấy.

Đại hội cũng vạch ra những biện pháp nhằm cải thiện tình hình trong lĩnh vực giáo dục quốc dân và y tế, trong việc đưa phong trào thể dục và thể thao lên thành phong trào có tính quần chúng rộng lớn, trong việc giáo dục mỹ học cho những người lao động.

Một trong những ý kiến của V.I. Lê-nin thường được trích dẫn nhiều nhất là một đoạn trong bài nói của Người tại Đại hội các Hội đồng kinh tế quốc dân ngày 26 tháng 5 năm 1918, trong đó có nói: «Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại khả năng phổ biến, rộng rãi cho sản xuất xã hội, và việc phân phối vật phẩm, sản phẩm xuất phát từ những lý do khoa học, và thật sự chi phối nó trong vấn đề làm cho đời sống của tất cả những người lao động trở thành thoải mái, dễ chịu nhất, một cuộc sống đem lại cho họ khả năng phúc lợi». Nhưng tư tưởng ấy của V.I. Lê-nin không chấm dứt ở đó, tuy rằng những lời tiếp theo đó của Người rất ít khi được trích dẫn: «Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được điều đó. Và chúng ta biết rằng nó ắt phải thực hiện điều đó – V.I. Lê-nin đã nhấn mạnh –, và tất cả khó khăn của chủ nghĩa Mác cũng như tất cả sức mạnh của nó là ở chỗ hiểu được cái chân lý ấy» (6).

Tất cả *khó khăn* của chủ nghĩa Mác và tất cả *sức mạnh* của chủ nghĩa Mác... Ta hãy suy nghĩ thấu đáo về

sự kết hợp kỳ diệu này. Phải là nhà biện chứng, nhà cách mạng thiên tài thì mới gán làm một tài giỏi đến như vậy hai nét dường như không giống nhau, không đồng nhất * của học thuyết vô sản cải tạo thể giới khi được vận dụng cụ thể vào thực tiễn xã hội. Đại hội lần thứ 26 chứng tỏ thật sự rằng: Đảng do V.I. Lê-nin lập ra – tri tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại chúng ta – đã kế thừa một cách tích cực tài nghệ ấy. Không sợ trở ngại và tìm nghị lực từ quần chúng nhân dân đông đảo, Đảng kiên cường và triệt để, một lòng một dạ phấn đấu để thực hiện bằng được việc nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của người lao động, với tinh thần nắm vững dịch tiến tới, hình thành, tạo dựng những tiền đề kỹ thuật – kinh tế, xã hội – chính trị và văn hóa cần thiết cho việc đó.

II

Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô đã phản ánh sự quan tâm của các tổ chức Đảng và các giới khoa học, của những người cộng sản, của tất cả những người xô viết đối với sự tiến triển xã hội hiện nay ở trong nước. «Trong thời kỳ của chủ nghĩa xã hội phát triển, hoàn thành việc xây dựng lại tất cả những quan hệ xã hội theo những nguyên tắc tập thể vốn có như một thuộc tính nội tại của chế độ mới – L.I. Brê-giơ-nép nhận định –, công cuộc xây dựng lại ấy bao trùm cả lĩnh vực vật chất cũng như tinh thần toàn bộ lối sống của chúng ta». Ban chấp hành trung ương Đảng vẫn chủ ý thường xuyên đến những vấn đề phát triển cơ cấu xã hội – giai cấp của xã hội xô viết,

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 36, tr. 381.

một sự phát triển khách quan nhưng không phải là tự phát.

Sự quan tâm và chú ý đó có cơ sở thực tế vững chắc, xác đáng của nó.

Một là, có nhu cầu khẩn thiết phải định kỳ xác định mức độ xích gần của nhân dân xây dựng chủ nghĩa cộng sản tới sát mục tiêu cương lĩnh quan trọng nhất — xây dựng một xã hội không có giai cấp — và từ đấy định rõ những nhiệm vụ sắp tới.

Hai là, việc nghiên cứu những sự thay đổi trong thành phần xã hội là điều kiện cần thiết để lãnh đạo một cách khoa học sự phát triển xã hội bởi vì nó trang bị cho Đảng cộng sản cầm quyền và Nhà nước xã hội chủ nghĩa sự hiểu biết tường tận đến chi tiết đối tượng quản lý.

Cuối cùng là, tính chất của những biến đổi xã hội vốn nằm trong những thông số xuất phát quan trọng nhất khi vạch ra các kế hoạch hiện tại, và các kế hoạch lâu dài về sự phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước. "Cơ cấu xã hội của xã hội và chính quyền. — V.I. Lê-nin viết, — được đặc trưng bởi những biến đổi mà nếu không làm sáng tỏ thì không thể tiến lên dù chỉ là một bước trong bất cứ lĩnh vực hoạt động xã hội nào. Cả vấn đề sau đây cũng tùy thuộc vào việc làm sáng tỏ những sự biến đổi ấy: vấn đề về những triển vọng, được hiểu, đương nhiên không phải là sự đoán mò vô ích về việc không ai hiểu, không ai biết mà là những xu hướng chủ yếu của sự phát triển kinh tế và chính trị. — những xu hướng mà hợp lực của nó quyết định những nhiệm vụ, phương hướng và tính chất hoạt động của bất cứ nhà hoạt động xã hội nào tự giác, có ý thức" (7).

Sự quan tâm của những người cộng sản đối với sự phân chia dân cư về mặt xã hội mang tính chất nguyên tắc sâu sắc. Nó được chế định bởi những sự tìm kiếm một giải pháp

cách mạng và đồng thời khoa học đối với vấn đề muốn thuở là vấn đề *biến đổi xã hội*. Những người mác xít lê-nin đặt tư tưởng này trên cơ sở thực tế là khắc phục sự phân công lao động cũ, gắn liền với sự tồn tại của những quan hệ bóc lột và những hậu quả của nó — sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa sáng tạo và cò kều, giữa tở chức và chấp hành, giữa thành thị và nông thôn. Trở lực chủ yếu trên con đường ấy là sự phân ranh giới xã hội gay gắt nhất — việc chia xã hội thành các *giai cấp mâu thuẫn đối kháng với nhau*; sự phân chia này vốn là sản phẩm, đồng thời là kẻ canh giữ, bảo vệ sự phân công lao động cũ. Ngay trong Quốc tế thứ nhất, trong khi đấu tranh chống lối thuyết giáo của phái tự do "san bằng các giai cấp", C. Mác cũng đã trình bày lập luận trường, quan điểm của mình như sau: "Không phải là san bằng các giai cấp — điều xằng bậy, vô nghĩa lý, trong thực tế không thể thực hiện được, — mà, ngược lại, sự xóa bỏ các giai cấp — đây thật sự là bi quyết của phong trào vô sản, vốn là mục đích vĩ đại của Hội liên hiệp công nhân quốc tế" (8). Tầm gương của đất nước xô viết chứng tỏ, rằng giai cấp công nhân đã phát hiện "bi quyết" ấy trong tiến trình thực tiễn cách mạng và chứng minh sự vận động thành công, thắng lợi tiến tới mục đích vĩ đại ấy.

Hiện nay ở Liên-xô, đất nước hơn bốn chục năm nay không hề biết các giai cấp bóc lột, đang bóc lột những dấu hiệu của sự hình thành một chế độ xã hội không có giai cấp. Nhưng, nhiệm vụ lịch sử ấy không thể được giải quyết bằng một hành động nhất thời, và tuyệt nhiên cũng không thể đơn giản hóa nó.

(7) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 20, tr. 186.

(8) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 18, tr. 12.

Do việc xóa bỏ những mâu thuẫn giai cấp — xã hội đối kháng và do sự tồn tại lâu dài của một xã hội chỉ gồm đơn thuần các giai cấp lao động và các nhóm xã hội xã hội chủ nghĩa xét về bản chất của nó, người ta thường đặt vấn đề xét xem khái niệm « giai cấp », như đã được định nghĩa trong sách kinh điển mác xít liệu còn có thể áp dụng trong những điều kiện của Liên-xô không. Quan điểm đúng đắn là của các nhà nghiên cứu cho rằng khái niệm ấy, ngay cả trong giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển, vẫn duy trì tất cả ý nghĩa của nó và cần được áp dụng như trước đề giai cấp công nhân xô-viết và nông dân nông trang tập thể đánh giá vị trí và vai trò của mình trong quá trình cách mạng.

Nhưng việc sau đây lại là chuyện khác: việc dùng khái niệm này làm đặc trưng không phải cho bản thân các giai cấp mà là cho các quan hệ qua lại giữa các giai cấp ấy bên trong xã hội xô viết trong hoàn cảnh những sự khác nhau về giai cấp đã và đang bị xóa bỏ một cách nhanh chóng. Mọi người đều thừa nhận rằng trong chức năng này, khái niệm « giai cấp » không còn cho ta sự phản ánh rành mạch, rõ ràng như khi ta dùng để xem xét thực tế xã hội nữa, bởi vì nay nó được áp dụng vào một đối tượng mới về nguyên tắc, đối tượng có bản chất xã hội khác biệt và phương hướng phát triển cũng khác biệt. Việc phân tích vấn đề những dấu hiệu giai cấp do V. I. Lê-nin phát hiện biểu hiện như thế nào trong thực tế xô viết hiện nay, cho ta thấy rằng chủ nghĩa xã hội phát triển là một chế độ xã hội không có những mâu thuẫn đối kháng, trong đó những hàng rào ngăn cách về mặt giai cấp đã bị phá hủy tận gốc, có sự di động rất lớn về ranh giới xã hội và có sự di chuyển tự do tích cực của các công dân từ một tầng lớp xã hội lao động này sang một tầng lớp lao động khác.

« Muốn tiêu diệt giai cấp — V. I. Lê-nin đã viết năm 1919 — thì một là, cần phải lật đổ bọn địa chủ và bọn tư bản. Phần nhiệm vụ này thì chúng ta đã thực hiện, nhưng đó chỉ là một phần, một bộ phận mà lại không phải là bộ phận khó khăn nhất. Muốn xóa bỏ các giai cấp, thì cần phải xóa bỏ sự khác nhau giữa công nhân và nông dân, làm cho tất cả mọi người trở thành những người lao động. Đó không phải là việc có thể làm xong ngay một lúc, đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn và nhất thiết phải lâu dài. Đó là nhiệm vụ không thể nào giải quyết bằng cách lật đổ mọi giai cấp nào đó, bất kể là giai cấp nào. Nhiệm vụ ấy chỉ có thể giải quyết bằng việc xây dựng lại về tổ chức toàn bộ nền kinh tế xã hội, bằng chuyển từ nền kinh tế hàng hóa nhỏ, cá thể, biệt lập sang nền kinh tế xã hội lớn » (9). Việc xây dựng lại như vậy, việc chuyển như vậy được thực hiện trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội phát triển. Bằng con đường đó người ta đang giải quyết phần nhiệm vụ thứ hai do V. I. Lê-nin chỉ ra của nhiệm vụ xóa bỏ giai cấp, và đó là một trong những kết luận quan trọng nhất của Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô. Những sự khác biệt theo những dấu hiệu giai cấp chủ yếu hoặc, như các nhà xã hội học vẫn nói, những dấu hiệu « tạo giai cấp » giữa giai cấp công nhân và nông dân nông trang tập thể hiện nay đang ngày càng bị xói mòn. Mà điều đó có nghĩa là cả hai giai cấp, khách quan mà nói, hiện đang trong giai đoạn liên minh công nông được củng cố, một sự củng cố giáp ranh với sự hòa nhập hữu cơ thành một chỉnh thể duy nhất nào đó, thành một hiệp hội lao động không giai cấp, đoàn kết, hội liên hiệp mà các vị sáng lập ra chủ

(9) V. I. Lê-nin: Toàn tập, bản tiếng Nga, tập 39, tr. 276 — 277.

nghĩa cộng sản khoa học đã nhìn thấy trước.

Trên sách báo, các khái niệm « xã hội không giai cấp » và « xã hội đồng nhất về mặt xã hội » thường vẫn được dùng theo khái niệm đồng nghĩa. Đương nhiên, sự đồng nhất về xã hội của dân cư, một khi đã đạt được, thì rõ ràng có nghĩa là không còn những mặt đối lập và những sự khác biệt về giai cấp nữa. Nhưng, việc khắc phục được những sự khác nhau giữa các giai cấp, tuy có nghĩa là một chuyển biến về chất tiến tới xác lập được sự đồng nhất về mặt xã hội, song vẫn chưa giải quyết được vấn đề này. Nếu như cơ cấu xã hội không giai cấp, nói vắn tắt, được tạo dựng bằng con đường đồng nhất hóa những dấu hiệu « tạo giai cấp » chủ yếu trong một xã hội không còn mâu thuẫn đối kháng, thì cấu trúc đồng nhất về xã hội của nó lại chỉ có thể là kết quả của việc khắc phục, xóa bỏ hoàn toàn sự phân công lao động cũ. Công cuộc xây dựng một xã hội không giai cấp và, tiếp theo đó, việc đạt được sự đồng nhất về mặt xã hội của nó — đó là những cấu tố của việc giải quyết triệt để một nhiệm vụ và chỉ một nhiệm vụ ấy thôi, song có nội dung khác nhau và được thực hiện trong những thời hạn khác nhau.

Xã hội xô viết hiện nay được đặc trưng, một mặt, bởi sự giản đơn hóa cơ cấu vĩ mô (cơ cấu giai cấp), bởi việc ráo riết khắc phục, triệt bỏ những sự khác nhau sâu sắc và gay gắt về mặt xã hội và, mặt khác, bởi sự phức tạp hóa của cơ cấu vi mô, bởi sự gia tăng tương đối trong đời sống hằng ngày của những sự khác biệt nào không phải về mặt giai cấp mà trước đây có ý nghĩa thứ yếu và thứ yếu. « Việc xóa bỏ những sự khác nhau giữa các giai cấp — L.I. Brê-giơ-nép nói — đặt ra, và đây là điều tự nhiên, những nhiệm vụ mới cho chính sách xã hội. Chính sách này

ngày càng tập trung vào việc khắc phục những sự khác biệt vượt ra ngoài khuôn khổ từng giai cấp riêng rẽ, vào việc giải quyết những vấn đề đòi hỏi phải hết sức chú ý tính đến những đặc điểm và những lợi ích của mỗi một nhóm trong xã hội chúng ta ».

Khi nói về những đặc điểm khách quan ấy của sự hình thành xã hội không có giai cấp, đồng nhất về mặt xã hội, cần phải luôn nhìn thấy rõ, không được lãng quên *lực lượng xã hội đứng ở trung tâm của những cuộc cải tạo, đặt lên những đặc điểm dấu ấn có tính chất quyết định của mình*. Nếu không, thì do mê mải với những bài tính xã hội học về sự phân hóa ngày càng chia nhỏ về xã hội, nghề nghiệp, lứa tuổi, v.v. của xã hội, người ta có thể dễ mất hút cái triền vọng chính và mất đi cách hiểu toàn cục, hoàn chỉnh, về những gì diễn ra, làm tù nhân cho những quan niệm hão huyền, ảo tưởng về các quá trình xóa bỏ những sự khác biệt về giai cấp như là về « chuyển động Bo-rao » loạn xạ, hỗn loạn...

Lực lượng mà chúng ta nói đây, « lương tri xã hội và trái tim xã hội » (C.Mác) của xã hội không có giai cấp đang hình thành cũng như của tất cả các quá trình cách mạng khác là giai cấp công nhân.

Luận điểm của F. Ăng-ghe-n nói rằng « địa vị, tình cảnh của giai cấp công nhân là cơ sở thật sự và là điểm xuất phát của tất cả các phong trào xã hội của thời đại hiện nay... » (10) nay vẫn giữ nguyên tất cả ý nghĩa của nó và được phong phú thêm bằng nội dung mới. Chính giai cấp công nhân là bảo đảm lớn, có tính quân chúng, cho việc xây dựng xã hội đồng nhất về mặt xã hội nhờ những phẩm chất cơ bản sau đây, những phẩm chất mà V.I. Lê-nin đã từng nêu ra: « Giai cấp công nhân là giai cấp được

(10) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 2, tr. 238.

rèn luyện, đoàn kết, thống nhất, được giáo dục, được tôi luyện qua hàng mấy chục năm đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tưởng chống tư bản; đã làm chủ nền văn hóa thành thị, nền văn hóa công nghiệp lớn, có quyết tâm và năng lực bảo vệ nó, bảo toàn và phát triển hơn nữa những thành tựu của nó, làm cho nó trở thành nền văn hóa mà mọi người lao động đều có khả năng tiếp thụ; giai cấp công nhân là giai cấp đủ sức chịu mọi gánh nặng, đương đầu với mọi thử thách, nếm trải mọi sự bất hạnh, chịu những hy sinh to lớn mà lịch sử thế giới đặt lên vai người chiến sĩ tiên tiến, lên vai kẻ đoàn tuyệt với quá khứ và can đảm mở đường cho tương lai; với bộ phận ưu tú nhất của mình là tiêu biểu, đại diện, giai cấp công nhân căm ghét tận xương tận tủy và khinh bỉ tất cả những gì là tiêu tư sản và phi li xtan, những lễ thói nhỏ nhen, hẹp hòi, hủ lậu vốn là có hữu trong đám tiêu tư sản; giai cấp công nhân có được một sức mạnh đặc biệt, sức mạnh ấy sở dĩ có được là nhờ đã trải qua trường học lao động có tác dụng tôi luyện cho nó, nó lại có khả năng, có uy lực, bản lĩnh tranh thủ được sự kính nể của mọi người lao động, của mọi người trung thực đối với khả năng lao động của mình». (11)

Những đặc điểm nói trên của giai cấp công nhân được thể hiện tập trung ở đảng mácxít — là nền tảng do nó lập ra, và đại diện cho những lợi ích căn bản của nó. Do đó, giai cấp công nhân là đại diện tự nhiên cho hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, và cho những quan hệ hợp tác và tương trợ của những con người đã thoát khỏi bóc lột, là chiến sĩ đấu tranh triệt để nhất nhằm thực hiện những mục tiêu và những lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân nắm trong tay mình cả một nền công nghiệp hiện đại hùng

manh — cơ sở quyết định — để phát triển lực lượng sản xuất, và do đó đề nâng cao phúc lợi của toàn bộ xã hội. Nó tạo ra phần lớn sản phẩm xã hội, gần bỏ, gần liền với kỹ thuật tiên tiến, lao động trong những ngành mà ngay cả sự tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng tùy thuộc vào đó và từ đó tỏa ra tất cả các ngành khác của nền kinh tế quốc dân. Nó cổ kết, thống nhất bởi tổ chức sản xuất đại công nghiệp và kỷ luật tương ứng, bởi những quá trình công nghệ hiện đại; đòi hỏi mức độ tập trung cao những cố gắng và trình độ cao về phối hợp hoạt động lao động. Vai trò của giai cấp công nhân trong phong trào cách mạng và trong công cuộc xây dựng xã hội mới, bộ mặt chính trị của nó và những lợi ích, những quan điểm và đạo đức của nó đã, đang trở thành *mẫu mực xã hội* theo kiểu của nó cho tất cả các nhóm xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Và cũng là điều hợp quy luật khi trong những điều kiện của đất nước chúng tôi, sự xích lại gần của nông dân và giới trí thức với giai cấp công nhân đang diễn ra ngày càng mạnh.

Vị trí lãnh đạo của giai cấp công nhân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, điều được giải thích trước hết bởi vị trí và vai trò của nó trong hệ thống sản xuất xã hội, đang được củng cố cũng còn vì nó đã trở thành đa số trong nhân dân lao động. Hiện nay, ba phần tư công nhân xô viết có trình độ đại học và trung học (trộn cấp và không trộn cấp). Ở Liên-xô, chính trong giới công nhân là nơi thấy có những nhịp độ phát triển giáo dục, văn hóa cao nhất. Đi đầu, đương nhiên, là những đội ngũ công nhân các trung tâm công nghiệp, khoa học và văn hóa lớn. «Và ngay cả tinh chất của lao động của người công nhân hiện đại cũng đang thay đổi —

(11) Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập, bản tiếng Nga*, tập 38, tr. 387 — 388.

Đại hội đã chỉ rõ — lao động ấy đang ngày càng có thêm nội dung tri tuệ, tri thức». Bên cạnh những nhóm người khác xây dựng chủ nghĩa cộng sản, người công nhân xô viết có quyền được coi là đại diện cho tiềm năng sáng tạo, văn hóa của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Liên minh với giai cấp công nhân và chịu sự lãnh đạo của nó, nông dân đã trải qua cả một sự tiến triển về chất. Từ chỗ là một giai cấp tư hữu nhỏ, với xu hướng tư bản tư nhân rõ nét, nông dân đã trở thành một giai cấp mà những điều kiện phát triển khách quan đã và đang góp phần bồi dưỡng nên những thói quen của lao động tập thể và của tâm lý tập thể. Trong quá trình xích lại gần nhau giữa lao động nông nghiệp và lao động công nghiệp xét về trang bị kỹ thuật, quá trình nâng lên ngang nhau những điều kiện và mức sống của dân thành thị và dân nông thôn, nông dân các nông trang tập thể ngày càng có những nét tương đồng với giai cấp công nhân.

Cũng nên nhắc lại ở đây tư tưởng cho rằng sự hình thành của một xã hội đồng nhất về mặt xã hội được giải thích như là một quá trình trong đó tất cả các giai cấp và các tầng lớp đều hấp thụ, tiếp thụ lẫn nhau những phẩm chất tốt đẹp về mặt xã hội chứ không phải của một giai cấp tiên tiến, dù rằng đó là giai cấp công nhân. Không cần phải bàn cãi, trong xã hội xô viết đang diễn ra sự làm phong phú lẫn nhau nhiều mặt giữa các giai cấp, nhưng cũng không thể không thấy một sự thật là trong quá trình ấy xu hướng chủ đạo, xu hướng áp đảo đang phát huy tác dụng. Và nếu ta lấy sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa công nhân và nông dân làm ví dụ, thì xu hướng ấy khá xác định: rõ ràng đây không phải là «sự nông dân hóa» những công nhân công nghiệp và những người làm việc trong các nông trường quốc doanh, mà, ngược lại,

đây là «sự công nhân hóa» các nông trang viên trong các nông trang tập thể, tức là việc đưa họ lên trình độ xã hội — chính trị, văn hóa — kỹ thuật và đạo đức cao nhất trong những điều kiện hiện đại.

Khi nói về việc nông dân trở nên ngày càng đồng nhất với giai cấp công nhân, chúng tôi gửi gắm vào quá trình ấy ý nghĩa xã hội chủ nghĩa chứ không phải là tầm thường — kinh nghiệm chủ nghĩa. Và ngay trong giai cấp công nhân, cũng như trong bất cứ tầng lớp xã hội nào khác, vẫn có bộ phận tiên tiến và bộ phận lạc hậu. C. Mác, F. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin không bao giờ lại thần thánh hóa giai cấp vô sản và bao giờ cũng kiên quyết đấu tranh chống «xu hướng theo đuôi», sùng bái những tư tưởng ngẫu nhiên, ngoại lai, kể cả tư tưởng tiểu tư sản trong môi trường công nhân. Đồng thời, các đồng chí ấy cũng đã chặn đứng bất cứ âm mưu nào hòng miêu tả giai cấp công nhân chỉ là kẻ chịu đựng một cách thụ động, dốt nát, không đủ sức tự bảo vệ mình, đành làm nạn nhân của tư bản. Vì điều đó không có gì giống với bộ mặt của giai cấp vô sản là giai cấp, theo lời V.I. Lê-nin, «thống trị ngay ở trung tâm, ở đầu não của toàn bộ hệ thống kinh tế của chủ nghĩa tư bản... về kinh tế và về chính trị, đại diện cho những lợi ích thật sự của đại đa số những người lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa» (12), và lại càng không có gì giống với địa vị của giai cấp công nhân nắm chính quyền trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Sứ mệnh lịch sử toàn thể giới của giai cấp công nhân tuyệt nhiên không gắn liền với việc huộc đại biểu của bất cứ nghề nghiệp nào nhất thiết phải làm quen với lao động chân tay không lành nghề, — một quan niệm

(12) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 40, tr. 23.

tâm thường và đối địch sâu sắc với chủ nghĩa Mác, do chủ nghĩa xét lại « tả » khuyh gán ghép cho nó. Ở đây đang nói về một điều khác hẳn thế — về độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản như là giai cấp cách mạng nhất của thời đại chúng ta, và việc ủng hộ quyền lãnh đạo ấy, việc góp phần thực hiện nó là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất nói lên rằng đúng hay không đúng trong hàng ngũ những lực lượng tiến bộ. Giai cấp công nhân — mà, đương nhiên, đại diện là bộ phận lãnh nghề và giác ngộ nhất của nó — là tầng lớp lao động phát triển nhất, có tính quần chúng đông đảo, làm việc trong sản xuất công nghiệp hiện đại, được tổ chức một cách khoa học, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng tăng của nó, — những người lao động mà không ai có thể thi đua với họ về sáng kiến lao động — xã hội, về tính chất vạn năng, về sự tháo vát, được việc, về mặt xã hội — nghề nghiệp trong những điều kiện của tiến bộ khoa học kỹ thuật gấp rút và những biến chuyển cách mạng trong những quan hệ xã hội.

Những ý kiến nói trên là đặc biệt quan trọng trong khi phân tích những quan hệ giữa những người lao động chân tay và những người lao động trí óc, hoặc nói một cách khác, như người ta quen viết tài liệu, sách báo xã hội học, giữa một bên là giai cấp công nhân và nông dân nông trang tập thể và một bên là giới trí thức nhân dân. Ở đây chúng ta nói « quen nói » vì trong công thức quen biết gồm ba bộ phận « giai cấp công nhân — nông dân nông trang tập thể — giới trí thức nhân dân », người ta không nghiệm túc tôn trọng quy tắc của sự phân loại, xếp hạng sơ đẳng — sự bài trừ lẫn nhau của những yếu tố. Quy tắc ấy phát huy tác dụng đối với hai giai cấp nhưng không phải đối với cả tầng lớp trí thức vốn không thể là một giai cấp, bởi vì nó

nổi bật lên từ quần chúng lao động không phải do dấu hiệu cơ bản tạo nên giai cấp mà là do nó thuộc về nghề nghiệp (và cũng chỉ về nghề nghiệp) thuộc lĩnh vực lao động trí óc là chủ yếu.

Như ta biết, trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, chưa nói đến trong xã hội phong kiến, giới trí thức ban đầu hầu như đơn thuần gắn liền với việc phục vụ những lợi ích của giai cấp thống trị và vươn tới giai cấp ấy về địa vị và lối sống. Nhưng theo đà biến chuyển, nghề nghiệp của trí thức trở thành nghề nghiệp của đông đảo người, có tính chất quần chúng trong tiến trình của cách mạng khoa học kỹ thuật, thì thành phần của giới trí thức cũng thay đổi, kể cả về nguồn gốc xuất thân. Ở các nước tư bản chủ nghĩa một bộ phận ngày càng lớn giới trí thức tụt xuống địa vị nhân công làm thuê và chuyển sang phía các giai cấp bị áp bức. Đồng thời địa vị không độc lập về xã hội — kinh tế của giới trí thức, dĩ nhiên, đưa đến những sự dao động giữa hai giai cấp đối kháng, đối chọi nhau.

Nét khác biệt của *giới trí thức trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển* là xét về đại bộ phận thì nó được « tuyên mộ » từ môi trường công nhân và nông dân, và cùng với công nhân và nông dân tạo nên tập thể lao động toàn dân thống nhất, và xét về nguồn gốc xã hội thì nó phản ánh khá chính xác những nét tiêu biểu của thành phần xã hội.

Chẳng hạn, tuyệt đại đa số giới trí thức xã viết về số lượng nay đã vượt cả giai cấp nông dân nông trang tập thể, hiện làm việc trong lĩnh vực kinh tế quốc dân và văn hóa quốc doanh, lao động trong các ngành phục vụ. Một nhóm khác, tham gia sản xuất ở các hợp tác xã. Và như vậy tuyệt nhiên không phải là tầng lớp trung gian. Họ ngang hàng và bình đẳng với các loại lao động khác còn lại của các ngành tương ứng trong quan

hệ với những tư liệu sản xuất và khác biệt với họ chỉ là do những đặc điểm thứ yếu xét về mặt lịch sử, trước hết là do làm việc trong một khâu nhất định của sự phân công lao động theo nghề nghiệp. Tùy theo lao động trong khu vực quốc doanh hay khu vực hợp tác xã — nông trang tập thể của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, những đội ngũ tương ứng của giới trí thức đã có ở mức độ này hoặc mức độ khác, những dấu hiệu cơ bản tạo nên giai cấp, hoặc là của giai cấp công nhân hoặc là của nông trang viên. Ý nghĩa sinh động của những lời của G.K. Óc-giô-ni-kít-gie phát biểu năm 1934 nay đang thể hiện ngày càng đầy đủ: «... Ở nước ta, người kỹ sư là một nhà sáng tạo vĩ đại làm việc cho người công nhân của mình, và bản thân cũng là công nhân, và cho người nông dân nông trang tập thể, và bản thân cũng là người nông dân trang viên ấy ». (13)

Sự thay đổi bộ mặt của các tầng lớp xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa, việc họ xích lại gần nhau đều diễn ra trong những điều kiện của việc nâng cao chung phúc lợi và văn hóa của nhân dân, của sự biến chuyển nhanh chóng khác thường những hình thức sinh hoạt, của việc cải tổ nó trên cơ sở công nghiệp hiện đại, lấy lối sống ở thành thị làm mẫu mực. Mức độ đồng nhất về xã hội được thể hiện ở những đặc điểm chung, xô viết, thống nhất trong lối sống của công nhân, nông dân, giới trí thức; một lối sống được hình thành và được kiện toàn đặc biệt nhờ chỗ trong xã hội xô viết ngày càng ít những gia đình « công nhân thuần túy », « nông dân thuần túy » hoặc « trí thức thuần túy ». Sự thâm nhập lẫn nhau giữa những tầng lớp lao động khác nhau, sự cố kết giữa họ với nhau — đó là hiện tượng đặc biệt vốn có của nhân dân xô viết với tính cách là cộng đồng người lịch sử mới, xã hội và quốc tế mà sự ra đời của nó có thể được

chúng ta coi một cách chính đáng là kết quả cô đúc, khái quát của những biến chuyển chính trị, kinh tế và văn hóa đã được thực hiện ở nước chúng tôi sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại.

Đương nhiên, đây không phải là « sự chuyển dịch » hỗn độn nào đó tất cả các tầng lớp xã hội mà là một xu hướng hợp quy luật, có đích nhất định. « Đánh giá kinh nghiệm phát triển của xã hội chúng ta trong mấy chục năm qua — L.I. Brê-giơ-nép tổng kết, khái quát —, tôi thiết nghĩ, có thể giả định rằng sự hình thành của cơ cấu xã hội không giai cấp sẽ diễn ra chủ yếu và cơ bản là trong những khuôn khổ lịch sử của chủ nghĩa xã hội chín mươi. Như vậy là đã và đang xác minh điều mà một số nhà xã hội học thử diễn đạt trong quan niệm về việc xây dựng một cơ cấu xã hội « một giai cấp », nhưng đã được F. Ăng-ghe-n viết một cách chính xác hơn khi nói về giai cấp công nhân: « ... Thế tất sẽ đến thời mà nó không còn là giai cấp nữa, mà nó sẽ bao trùm toàn bộ xã hội ». (14)

Trong khi phát triển thêm những cơ sở của chính sách xã hội và dân tộc của Đảng cộng sản Liên-xô, Đại hội đã nhấn mạnh tính tất yếu phải *san bằng sự khác biệt về một xã hội trên bình diện lãnh thổ*, những điều kiện văn hóa — sinh hoạt của đời sống ở các khu vực khác nhau của đất nước xô viết rộng bao la. Rõ là cần phải lối cuốn rộng rãi hơn dân cư tương đối ít di động của vùng Trung Á và nhiều vùng như Cáp-ca-dô chẳng hạn, vào việc khai thác những vùng lãnh thổ mới, tăng cường gia tăng ở đây tỷ trọng công nhân lành nghề lấy từ dân sở tại, trước

(13) Bài viết và bài nói (của Óc-giô-ni-kít-gie) bản tiếng Nga, tập 2, Nxb sách báo chính trị, 1953, tr. 659.

(14) C. Mác và F. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 19, tr. 296.

hết là từ trong thanh niên nông thôn. Những vấn đề dân cư, đã trở nên gay gắt hơn trong thời gian gần đây, cũng làm cho người ta rất chú ý đến việc vạch ra và thực hiện một *chính sách nhân khẩu có hiệu lực*; và ở đây biện pháp chủ yếu là tăng cường quan tâm đến gia đình, những cặp vợ chồng trẻ và trước hết là đến người phụ nữ. Đi đôi với việc liên tục cải tiến công tác bảo đảm xã hội cho những người hưởng hưu tuất, nay càng cần thiết hơn trước phải thu hút rộng rãi hơn những người ấy vào hoạt động lao động vừa sức, nhất là trong lĩnh vực phục vụ.

Ở nước chúng tôi hiện nay không còn tồn tại những vùng biên khu lạc hậu nữa. Nhân tố đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao các vùng ấy lên ngang trình độ phát triển của vùng trung tâm là sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các dân tộc và bộ tộc ở Liên-xô, trước hết là sự giúp đỡ khăng khai vô tư của dân tộc Nga. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không loại trừ việc cá biệt một số vùng nào đó có thể tạm thời ở vào thế kém thuận lợi so với một số vùng khác. Chẳng hạn, do nhiều nguyên nhân, vùng đất không đen của Cộng hòa liên bang Nga là một trong những vùng như vậy. Phát triển vùng đất không đen là một nhiệm vụ phức tạp và không thể trì hoãn, cho nên cần phải giải quyết nó bằng những sự cố gắng chung của tất cả các nước Cộng hòa và trong những thời hạn càng ngắn càng hay.

Dân cư các nước cộng hòa xô viết gồm nhiều dân tộc, và sự phát triển dân số cũng đề ra vấn đề phải bảo đảm quyền đại diện tương xứng của những người lao động các dân tộc khác nhau trong các cơ quan Đảng và Nhà nước địa phương và cũng phải chiếu cố đến những nhu cầu đặc biệt của công dân một số dân tộc trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và sinh hoạt. "Chúng ta phân phối những xu hướng nhằm xóa bỏ một cách giả tạo

những đặc điểm dân tộc. Nhưng cũng ở mức độ không kém, chúng ta cho rằng việc thời phồng giả tạo những đặc điểm ấy là điều không thể chấp nhận được, — tại Đại hội, L.I. Brê-giơ-nép đã nhấn mạnh, — nghĩa vụ thiêng liêng của Đảng là giáo dục những người lao động theo tinh thần chủ nghĩa yêu nước xô viết và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, niềm tự hào mình là công dân của Tổ quốc xô viết vĩ đại». Sự phát triển gấp rút về kinh tế và xã hội của tất cả các nước cộng hòa xô viết và sự xích lại gần nhau về mọi mặt, sự phồn vinh và làm phong phú lẫn nhau của các nền văn hóa dân tộc và sự hình thành nền văn hóa của nhân dân xô viết thống nhất — đó là những quá trình tiến bộ làm cho cộng đồng xã hội và quốc tế mới ấy trở thành cái nôi của xã hội không giai cấp đầu tiên trên trái đất.

III

Tri tuệ tập thể của Đảng cộng sản Liên-xô, ý chí thống nhất của Đảng và sự đoàn kết của nó chung quanh Ban chấp hành trung ương mà công tác được xây dựng trên nền tảng vững như bàn thạch là chủ nghĩa Mác — Lênin, tất cả những cái đó đều là những yếu tố tạo nên bản lĩnh và năng lực của Đảng trong việc lãnh đạo xã hội xô viết, khiến cho Đảng vững vàng dẫn dắt nhân dân tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Tất cả đều là những nhân tố không thể tách rời với *hoạt động tư tưởng* có tính chiến đấu của Đảng.

Đã rất rõ từ lâu rằng: chân lý được nắm vững, chỉ khi nó được thử nghiệm, được sống chứ không phải được thuyết giáo — L.I. Brê-giơ-nép đã nói tại Đại hội lần thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô khi nêu lên những nhiệm vụ của Đoàn thanh niên Cờm-xô-môn. Và đó là điều có ý nghĩa.

không chỉ đối với công tác giáo dục thanh niên.

Trong quá trình hình thành tinh thần định mệnh — là niềm tin, cộng sản chủ nghĩa, những tri thức lý luận và chính trị có được, hấp thụ được, phải gắn liền, ăn nhập hữu cơ với tâm tình — đạo đức — mỹ học của con người, thế giới tinh thần bên trong của nó, hòa nhập cả vào bầu không khí tinh thần tâm lý của hoạt động lao động và cả những lúc thư thái nhàn hạ, ung dung tự tại của nó. Nhiệm vụ này lại càng khó khăn vì ý thức giai cấp của người xô viết được hun đúc, tôi luyện nên trong hoàn cảnh không có đấu tranh giai cấp cũng tức là thiếu hẳn trường học sống thực, tâm lý chịu đựng gian khổ trong nước thường bị những mưu toan ngoan cố của kẻ thù giai cấp hòng lần này lượt khác áp đặt dù chỉ cho một số người nào đó những tiêu chuẩn tư sản và tiêu tư sản trong việc đánh giá những hiện tượng xã hội, những nhu cầu và lối sống, trồng cấy đầu óc đưa đòi tiêu dùng và một thứ « chủ nghĩa kinh tế » không có tâm hồn.

Một nhiệm vụ vẫn có ý nghĩa thời sự như trước kia đối với Đảng — đó là việc *kết hợp chủ nghĩa cộng sản khoa học với phong trào quần chúng của những người lao động*. Nhiệm vụ ấy không phải làm một lần là xong và cứ thế là « ổn » mãi. Không, nó thường xuyên phải làm lại dưới dạng khác trước và đòi hỏi phải đổi mới những hình thức và phương pháp giải quyết nó.

Việc giáo dục con người mới có thành công hay không chỉ được bảo đảm khi nó dựa trên nền tảng vững chắc của chính sách xã hội — kinh tế. Chính trên nền tảng ấy, trong mối liên hệ sinh động, trực tiếp nhất với việc giải quyết những nhiệm vụ cấp bách nhiều màu vẻ nhằm hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, xây dựng chủ nghĩa cộng sản, — chứ không phải

trong phạm vi chật hẹp, khép kín những nhiệm vụ có tính chất giáo dục đơn thuần về phương pháp, những biện pháp thường không đem lại kết quả, — cần phải *xây dựng lại* nhiều bộ phận và nhiều lĩnh vực trong công tác tư tưởng, việc mà Đại hội đòi hỏi phải tiến hành.

Quan điểm đổi mới của Đại hội đối với vấn đề giáo dục cũng được thể hiện ở chỗ Đại hội sẽ xem xét chúng trong mối liên hệ máu thịt với thực tế xã hội hiện thực — và, rõ ràng là đầy mâu thuẫn, không tách rời chúng với những quan hệ xã hội không bao giờ ngừng nhịp đập với quá trình phát triển của lối sống xã hội chủ nghĩa và cuộc đấu tranh giai cấp trên vũ đài quốc tế, một cuộc đấu tranh thường xuyên căng thẳng. Từ các mặt khác nhau, những vấn đề ấy đã được đề cập thực tế trong tất cả các phần của báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

Việc xem xét tại Đại hội những vấn đề tư tưởng còn một đặc điểm nữa : bản nhiều hơn về con người xô viết *hiện đại*, đúng như nó có trong thực tại, về những lợi ích và những nhu cầu của nó, và xem xét trên tinh thần có tính toán cụ thể đến những tri thức đã được nâng cao phong phú hơn trước, trình độ hiểu biết đã uyên bác hơn, đến những nhu cầu tinh thần đã phát triển thêm đáng kể, đến mức độ được thông tin rộng rãi của người xô viết ngày nay. Theo lời của đồng chí L. I. Brê-giơ-nép, « Người xô viết — đó là người lao động tận tụy, người có văn hóa, chính trị cao, người yêu nước và người quốc tế chủ nghĩa. Con người ấy được Đảng giáo dục, và cũng được lịch sử anh hùng của đất nước, được toàn bộ chế độ của chúng ta giáo dục. Họ sống sôi nổi, phong phú cuộc sống của kẻ sáng tạo nên thế giới mới. Với con người ấy lẽ nào họ có thể chấp nhận được việc nói chuyện với

họ như với người không cầm tờ báo mỗi buổi sáng, không có đài và vô tuyến truyền hình ở khắp nơi, và vẫn tiếp diễn thời điện ảnh « phim câm »? Có một phong cách tuyên truyền người ta vẫn đánh giá là tích cực, tốt, với điều kiện duy nhất là nó phải « đúng bài bản », thường có nghĩa là đưa ra những lập luận khuôn sáo, có tính chất vờ lòng a, b, c, được những khuôn mẫu chán ngắt từ lâu quyết định trước, đem lối khoa trương, đao to búa lớn thay cho cách diễn đạt trình bày sâu sắc, thấu tình đạt lý. Phong cách tuyên truyền kiểu ấy trong thời đại chúng ta thật là vô dụng. Tại Đại hội, các đại biểu đã nói về tình tất yếu phải thời sự hóa nội dung công tác tư tưởng, hiện đại hóa những hình thức của nó, làm sáng tỏ những đề tài sắc sảo, hấp dẫn và những vấn đề hóc búa, không cho phép kẻ thù của đất nước chúng ta lợi dụng chúng vào việc xuyên tạc, vu khống chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên, người giảng bài, người tuyên truyền, cổ động, người cán bộ làm công tác chính trị, cán bộ giảng dạy, chuyên gia xã hội học, thầy giáo, người cán bộ Đảng, không có quyền sai sót, lầm lẫn. Nhưng điều đó không hề có nghĩa là bao giờ anh ta cũng dè dặt, quá ư thận trọng, bám riết đường mòn. Học thuyết mác xít - lê nin nít dưới dạng nguyên sơ, đầu nguồn của nó, những văn kiện của Đảng, tấm gương sáng chói của C. Mác, F. Ăng-ghe-nh, V. I. Lê-nin và những người lê nin nít trong hoạt động tuyên truyền, báo chí sinh động, hoạt bát của họ - tất cả những cái đó là kho vũ khí rộng lớn và quý báu đến mức khiến chúng ta, nếu biết vận dụng nó với tinh thần làm chủ, thì có thể và cần phải tiến hành công tác tư tưởng một cách bôn bề vạch, say sưa, nhiệt tình và có sức thuyết phục, theo tinh thần tinh thần đảng cộng sản chủ nghĩa, chân thành và có nguyên tắc, ngang tầm trình độ khoa

học hiện đại. Không nên lần tránh việc tiếp xúc, trò chuyện trực tiếp với mọi người về những vấn đề mà họ đang rất mực quan tâm, nấp sau những công thức đã có sẵn ở những nơi đòi hỏi phải có sự phân tích độc lập, mới mẻ. *Năng lực tư duy có phân tích* cần thiết biết bao đối với cán bộ tuyên truyền của chúng ta, và phải thường xuyên phát huy năng lực ấy. « Đối với cán bộ chuyên trách công tác tư tưởng thì phải có ở mức cao nhất cảm giác về cái mới » - Những lời đó của Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô khiến các cán bộ tuyên truyền phải tỉnh liệu và cố gắng hơn.

« Chẳng giấu gì - L. I. Brê-giơ-nép đã nhận xét tại Đại hội - ở một số người trẻ tuổi, học vấn và sự nhạy bén tin tức lại chung sống với sự ngây thơ về chính trị, còn sự đào tạo công phu về nghề nghiệp lại chung sống với thái độ thiếu trách nhiệm đối với lao động ». Điều đó có nghĩa là cần tăng cường đồng bộ sự giáo dục về lao động, đạo đức và tư tưởng chính trị, tức là những chân lý cao cả của thế giới quan mác xít lê nin nít và cả những nguyên tắc, tiêu chuẩn về lối sống xã hội chủ nghĩa, những điều tuy ai cũng biết, song vẫn cần nhắc đi nhắc lại trên từng bước đi. Như vậy, bằng tất cả phương tiện thông tin, tuyên truyền và công tác chính trị trong quần chúng, cần phải chứng minh một cách không mệt mỏi nhưng đa dạng, không phiến hủ rằng xã hội xã hội chủ nghĩa chúng ta - đó trước hết là một xã hội *lao động* trong đó việc thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người tùy thuộc một cách chặt chẽ và thường xuyên vào phần đóng góp của bản thân người đó vào lao động chung: rằng xã hội chúng ta mạnh là nhờ những nguyên tắc *tập thể chủ nghĩa* và cũng chỉ trên cơ sở chủ nghĩa tập thể cộng sản chủ nghĩa đang hình thành, mới có thể có sự phồn vinh

thật sự của cá tính sáng tạo của mọi người; rằng *những quyền và những tự do* chưa từng thấy ở một nước nào, đã được Hiến pháp Liên-xô ban hành cho công dân xô viết, chỉ có thể thực hiện một cách đầy đủ nếu như được kết hợp chặt như «đóng đinh», nối liền đạo đức cộng sản chủ nghĩa, kỷ luật xã hội chủ nghĩa với việc thực hiện đầy đủ không *suy suyến* những *nghe vạ* công dân.

Nhắc lại điều đó ở đây là đúng chỗ vì Đại hội đã tỏ ra không khỏi lo lắng đối với những hiện tượng tiêu cực mà tác động tự phát của nó đang cản trở sự hoạt động và phát triển của những quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong số những hiện tượng ấy, có những việc nói lên lối bình quân chủ nghĩa, việc trả lương chỉ căn cứ vào sự có mặt ở nơi làm việc chứ không phải vào những kết quả thực tế của công việc, việc trao những giải thưởng không xứng đáng, thói du thủ du thực, ăn bám, tệ tham ô, nạn đầu cơ, những thủ đoạn phe phẩy nhân thiếu một số hàng, những sự vi phạm do tự tư tự lợi trong việc thực hiện chế độ phân phối nhà ở, hoạt động trục lợi để có những khoản thu nhập không phải do lao động làm ra, những vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. «Cần phải khuyến khích những người lao động tận tụy, không để có bất cứ kẻ hủ nào khiến cho bọn lười chây thây và bọn làm việc bôi bác có thể sống sung sướng, phè phỡn mà làm ăn chẳng ra tích sự gì», L. I. Brê-giơ-nép đã tuyên bố như vậy từ trên diễn đàn Đại hội. Kẻ nào muốn sống tốt hơn thì phải làm việc nhiều hơn và tốt hơn. Đó là điều, ai mà chẳng hiểu. Đề tiêu chuẩn ấy và những tiêu chuẩn khác của cuộc sống chung xã hội chủ nghĩa, tập thể chủ nghĩa – lao động được tuân thủ triệt để thì cần phải bịt kín mọi kẻ hủ từ đó có thể mọc lên và phát triển những tệ nạn tiêu tư sản, những mầm độc hại của chủ nghĩa ích kỷ và thói thị

dân, thói vợ vét cho đầy túi tham và tệ nghiện ngập, của thái độ thờ ơ trước sự lo chung về việc dân, việc nước. Chúng ta phải huy động và sử dụng tất cả những phương tiện có trong tay: tư tưởng và tổ chức, tài chính và pháp luật, tất cả lực lượng của các tổ chức xã hội, kể cả chế độ kiểm soát công nhân.

Với tất cả uy tín của mình, Đại hội đã xác nhận nguyên tắc về sự thống nhất của *công tác tư tưởng – lý luận, chính trị – giáo dục, tổ chức và kinh tế của Đảng*. Đại hội đã đánh giá cao lao động không phải đẻ của đội ngũ các nhà báo xô viết bao gồm hàng mấy nghìn người, tổ lòng biết ơn cả đội quân hùng hậu các đảng viên cộng sản và những người không đảng phái, *những người nhiệt tình làm công tác xã hội trong lĩnh vực tuyên truyền – cổ động*. Đại hội thừa nhận cần phải phấn đấu để làm chuyển hẳn tình hình khiến cho chất lượng học tập được nâng cao, trước hết là của những người cộng sản, trong hệ thống giáo dục của Đảng, và điều đó đòi hỏi có thái độ thận trọng, chu đáo hơn trong việc lựa chọn, đào tạo các cán bộ tuyên truyền của chúng ta, kịp thời thông tin cho họ.

Việc đặt vấn đề này cũng gần gũi dường như «tư tưởng tự» với việc tại Đại hội này, người ta đã nghiên cứu công tác nhằm tiếp tục cải tiến thành phần, chất lượng và việc bố trí các cán bộ lãnh đạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của họ. Đại hội đã tán thành, phê chuẩn cách làm việc – một thực tiễn hiện nay – là căn cứ vào những chỉ thị của Đại hội lần thứ 25, đưa các chuyên gia kinh tế vào làm công tác Đảng. Đồng thời cũng thừa nhận rằng một số những người được đề bạt như vậy thiếu kinh nghiệm chính trị, có khi đưa vào công tác Đảng cả những phương pháp hành chính – kinh tế. Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô chỉ rõ: «Cần phải bồi

đường chính trị, nâng cao trình độ về mặt này cho các đồng chí ấy, giúp họ có được những « kỹ năng » cần thiết trong công tác đảng. Đồng thời, để trở thành những nhà lãnh đạo thật sự mà chỉ học trong trường Đảng thì chưa đủ. Cần phải làm thế nào để các đồng chí đó được « rèn » ngay trong lòng quần chúng lao động để họ, không phải qua giấy tờ, mà qua kinh nghiệm bản thân hiểu được công nhân, nông dân, giới trí thức nước ta khát vọng gì, hiểu được đời sống và những yêu cầu, những lợi ích của họ ». Chính sự quan tâm như vậy, một sự quan tâm như V.I. Lê-nin, đối với việc đào tạo và sự trưởng thành của các cán bộ lãnh đạo và đội ngũ cốt cán làm công tác tư tưởng là điều kiện không thể thiếu để nối liền chính sách của Đảng với hoạt động của quần chúng, thúc đẩy họ « hoạt động đúng như chủ nghĩa cộng sản thật sự đòi hỏi ». (15)

Đáng chú ý là, V.I. Lê-nin có đôi khi dùng khái niệm « nhà tư tưởng » đồng nghĩa với khái niệm « nhà lãnh đạo tự giác ». (16) Điều đó càng có ý nghĩa trong những điều kiện hiện nay của chủ nghĩa xã hội phát triển khi nó ngày càng bộc lộ rõ chức năng tư tưởng, giáo dục trong bất cứ lĩnh vực nào kể cả hoạt động kinh tế. « Nhà tư tưởng », chỉ xứng với danh hiệu ấy, V.I. Lê-nin viết, chỉ « khi nào đi trước phong trào tự phát, vạch đường chỉ lối cho nó, khi nào biết sớm hơn mọi kẻ khác giải quyết tất cả những vấn đề lý luận, chính trị, sách lược và tổ chức mà những « yếu tố vật chất » của phong trào xô đẩy một cách tự phát vào đó, khiến phải chạm trán. Để thật sự « coi trọng những yếu tố vật chất của phong trào », thì cần phải có thái độ phê phán đối với các yếu tố ấy, cần phải biết chỉ ra những nguy cơ và những thiếu sót của phong trào tự phát, cần phải nâng tính tự phát lên tính tự giác. Còn như, V.I. Lê-nin bàn tiếp

có ý tranh luận với « phái kinh tế » — nói rằng các nhà tư tưởng (tức là các nhà lãnh đạo tự giác) không thể lái phong trào tách khỏi con đường được quyết định bởi tác động qua lại của môi trường và những yếu tố, thì điều đó có nghĩa là quên mất chân lý sơ đẳng là tính tự giác cũng tham gia vào tác động qua lại ấy và vào sự quyết định ấy » (sách đã dẫn).

Sự tham gia ấy được thể hiện một cách đầy sức thuyết phục qua thí dụ về sự phát triển sáng tạo *lý luận mác xít lê nin*, vốn là cơ sở khoa học của chính sách của Đảng. Đại hội lần thứ 26 nhận định rằng sau Đại hội 25, kho tàng lý luận ấy đã được bổ sung bằng một loạt khái quát và kết luận quan trọng. « Trong số những gì đã làm được trong lĩnh vực lý luận — L.I. Bê-rê-giơ-nép chỉ rõ — trước hết cần phải kể đến việc nghiên cứu và đề ra được quan niệm về chủ nghĩa xã hội phát triển. Dựa vào quan niệm ấy Đảng đã xác định rõ hơn và cụ thể hóa những biện pháp và những thời hạn thực hiện những mục tiêu cương lĩnh của chúng ta, đã xác định chiến lược và sách lược cho cả một thời kỳ lịch sử lâu dài... Sự vận động tiến lên chủ nghĩa cộng sản của chúng ta được thực hiện thông qua giai đoạn xã hội chủ nghĩa phát triển. Đó là... một thời kỳ cần thiết, hợp quy luật và lâu dài về mặt lịch sử trong sự hình thành của hình thái cộng sản chủ nghĩa ». Cho đến lúc này đây, trong các nhà xã hội học xô viết đã hình thành ý kiến thống nhất về chủ nghĩa xã hội phát triển như là về giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản khi đạt được mức cao nhất của việc xã hội hóa thật sự trong thực tế, lao động và sản xuất, và chế độ xã hội mới xuất hiện với tính cách là

(15) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 41, tr. 302.

(16) Sách đã dẫn, tập 5, tr. 363.

một chỉnh thể xã hội hữu cơ đã bước vào giai đoạn chín muồi, đã tự khẳng định trên những nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể.

Trong số những kết quả lý luận tích cực trong những năm gần đây, Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô có nêu lên những công trình nghiên cứu về kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội thế giới, những quy luật của quá trình cách mạng, về lịch sử của phong trào công nhân quốc tế, về giai đoạn hiện nay của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản và giai đoạn độc quyền Nhà nước của nó, về những quan hệ quốc tế hiện đại. Đồng thời, cũng có nêu những bộ môn xã hội học, nghiên cứu xã hội, trong đó tình hình chưa đáng đề chúng ta hài lòng.

L.I. Brê-giơ-nép đã lưu ý tới khuynh hướng lệch lạc của một số nhà xã hội học ngã theo lối bản và nói lý luận theo kiểu kinh viện chủ nghĩa, đã bị chỉ trích tại Đại hội trước, đến nay vẫn chưa được khắc phục. Đồng chí nói: « Các nhà triết học cũng thường khi, đáng lẽ phải suy tư, ngẫm nghĩ về những hiện tượng mới của cuộc sống thì lại thích chứng minh cái đã được chứng minh ». Đã bao năm nay rồi, người ta cứ tranh luận về những vấn đề đã được giải quyết từ lâu trong chủ nghĩa Mác, nhưng lại được trình bày thành vấn đề « còn phải tranh cãi », và kể trình bày như thế chính là những chuyên gia không được đào tạo đến nơi đến chốn về phương pháp luận và lịch sử triết học. Hơn thế nữa, do sự căm thù hời hợt bề ngoài, rõ ràng là không có phê phán đối với những xu hướng hiện đại trong khoa học ở nước ngoài, đôi khi người ta « hiển đảng » những kết luận lý luận dưới nhãn hiệu « cái mới toanh » nhưng thật ra lại là những bước lùi so với những gì chứa đựng trong các tác

phẩm của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Còn phải làm rất nhiều trong lĩnh vực chính trị kinh tế học của chủ nghĩa xã hội bằng cách vận dụng « một cách đầy đủ » phương pháp luận của Mác khi Mác phân tích những hiện tượng và quá trình kinh tế. Nay thì vẫn chưa nghiên cứu được đầy đủ những hậu quả xã hội của cách mạng khoa học - kỹ thuật, những hiện tượng của đời sống chính trị của xã hội, và dư luận xã hội

Những lực lượng lý luận của Đảng sẽ phải đảm nhiệm trọng trách nhân việc Đại hội lần thứ 26 xem xét một vấn đề to lớn có tầm quan trọng đối với toàn Đảng như vấn đề soạn thảo văn bản mới *Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên-xô*. Như đã chỉ rõ trong Nghị quyết của Đại hội về vấn đề này, cương lĩnh hiện hành của Đảng xác định một cách đúng đắn nói chung những quy luật của sự phát triển xã hội trên thế giới, những mục tiêu và những nhiệm vụ cơ bản của cuộc đấu tranh của Đảng và của nhân dân xô viết vì chủ nghĩa cộng sản. Nhưng, từ ngày nó được thông qua đến nay đã 20 năm rồi. Trong thời kỳ ấy, chúng tôi đã tích lũy được kinh nghiệm lớn lao về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản và trên vũ đài quốc tế cũng đã diễn ra những biến chuyển về những quá trình mới. Trong cương lĩnh cần phản ánh ở mức độ đang có kết luận của Đảng về giai đoạn hợp quy luật, giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển trên con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản, vạch rõ những biến đổi trong cơ cấu của nền kinh tế chúng ta, xác định rõ những nhiệm vụ lâu dài. Đồng thời phải tuân theo chỉ thị của V.I. Lê-nin nói rằng Cương lĩnh chỉ xác định những nguyên tắc cơ bản, trong cương lĩnh không có khả năng và cũng không phải chỗ dự đoán những vấn đề cục bộ.

Đại hội cũng khái quát cả kinh nghiệm tập thể của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, kinh nghiệm về sự xích lại gần nhau giữa các nước anh em, về sự phát triển liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh rằng Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng anh em khác đi theo đường lối nhằm biến những năm 80 thành thời kỳ hợp tác khấn trương giữa các nước xã hội chủ nghĩa về sản xuất và khoa học kỹ thuật, đồng thời cũng tăng cường tinh tất yếu phải bổ sung việc phối hợp các kế hoạch bằng sự kết hợp chính sách kinh tế nói chung. Cũng cần phải rút ra những bài học từ những khó khăn mà các nước xã hội chủ nghĩa đã vấp phải trên con đường đi lên của mình.

Trong Cương lĩnh cũng cần phải tính đến cả những hiện tượng quan trọng về nguyên tắc như việc xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, vai trò đã lớn hơn trước của các Nhà nước trẻ tuổi trong chính trị thế giới, và trong số đó có những nước đã tự đặt cho mình những mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Cũng phải suy tư, ngẫm nghĩ về những hiện tượng mới trong thế giới tư bản chủ nghĩa, kinh nghiệm to lớn của cuộc đấu tranh của Đảng cộng sản Liên-xô vì hòa bình, nhằm làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng. Cũng cần thấy được điều đó trong khi đưa những điểm thay đổi và bổ sung vào Cương lĩnh của Đảng.

Tóm lại việc trước mắt lớn lắm, và đương nhiên, cơ sở của nó sẽ là những khái quát, đúc kết lý luận và công trình nghiên cứu có chất lượng của các chuyên gia xã viết chuyên nghiên cứu về xã hội.

V. I. Lê-nin đã từng gọi những người bôn sê vích là những kẻ lạc quan nồng nhiệt về phong trào công nhân và những mục tiêu của nó, giữa lúc còn khó mà nói trước được lúc nào sẽ diễn ra thắng lợi của cách mạng của giai cấp vô sản. Chủ nghĩa lạc

quan dựa trên hệ tư tưởng mác xít - lê nin nít và trên sự tự ý thức của giai cấp vô sản tương ứng, tương đồng, là vô địch và mạnh như thế nào - đó là điều mà bản thân thời đại - toàn bộ thực tiễn xã hội lịch sử của thế kỷ XX đã chứng minh. Cơ sở thực tế của chủ nghĩa lạc quan ấy ở trong thời đại chúng ta là xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Liên-xô, gia đình thuận hòa, hữu nghị của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhóm các nước đã chọn hướng phát triển xã hội chủ nghĩa, sự giác ngộ ngày càng cao và tinh tổ chức ngày càng chặt chẽ của giai cấp công nhân trong những thành trì của chủ nghĩa đế quốc, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cổ truyền.

Trong khi giải quyết ở nước mình những nhiệm vụ của một trật tự xã hội cao hơn, trong khi tạo những điều kiện cho sự phát triển toàn diện, hài hòa nhân cách con người lao động, cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới đồng thời cũng giúp các dân tộc khác giành được độc lập dân tộc, giành tự do xã hội, thoát khỏi ách áp bức và bóc lột. Không phải trên lời nói mà bằng việc làm, nó ra sức cổ gắng bảo đảm những quyền cơ bản của con người, kể từ quyền đầu tiên là quyền sống vẫn bị chủ nghĩa đế quốc xâm phạm, với đầu óc xam lược của nó, trong khi đầy mạnh chạy đua vũ trang. Nó coi việc củng cố hòa bình là sợi dây dẫn đường đưa đến tương lai, - và điều này được chứng minh đầy sức thuyết phục, vì rằng tại Đại hội lần thứ 26, Đảng cộng sản Liên-xô đã đề nghị với cộng đồng thế giới tiếp tục một cách hữu cơ Cương lĩnh hòa bình của Liên-xô, vận dụng vào những vấn đề gây cản, hóc búa của đời sống quốc tế.

« Vàng, người xô viết vững tin nhìn vào ngày mai - L. I. Brê-giơ-nép đã nói, kết thúc báo cáo tổng kết của Ban chấp hành trung ương Đảng

(Xem tiếp trang 38)

«KHOẢN GỌN» TRONG NGÀNH XÂY DỰNG

ĐỒNG-SỸ-NGUYÊN

NGÀNH xây dựng công nghiệp và dân dụng là một trong những ngành thực hiện sớm chế độ trả lương theo sản phẩm bằng nhiều hình thức khác nhau: trả lương theo sản phẩm trực tiếp không hạn chế; trả lương theo sản phẩm gián tiếp; lương khoán; trả lương theo sản phẩm lũy tiến; trả lương theo sản phẩm có thưởng. Nhưng cả năm hình thức trả lương theo sản phẩm này đều chưa thật phù hợp với đặc điểm sản xuất và sản phẩm xây dựng, mà tiêu biểu là chu kỳ sản xuất dài, kết cấu sản phẩm tổng hợp nhiều chủng loại vật liệu và do nhiều nghề tham gia xây dựng. Vì vậy rất khó khoán theo sản phẩm cuối cùng cho từng cá nhân, từng tổ, đội sản xuất. Những năm qua, diện trả lương theo sản phẩm chiếm trên 50% tổng số các đơn vị của ngành xây dựng nhưng thực chất vẫn là trả lương theo công ngày, mang nặng tính chất cung cấp.

Để có thể thoát ra khỏi tình trạng quản lý hành chính quan liêu bao cấp, từ năm 1979 ngành xây dựng áp dụng

hình thức khoán mới, gọi là «khoản gọn». Với hình thức «khoản gọn» này, các đơn vị trong ngành xây dựng đã đạt được kết quả rõ rệt: rút ngắn thời gian thi công, nâng cao chất lượng công trình, tiết kiệm, hạ giá thành xây lắp, tăng thu nhập cho công nhân; phát huy được tinh thần chủ động, tự chịu trách nhiệm của xí nghiệp, của đội, tổ xây dựng trong thi công, bảo đảm được 3 lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của đơn vị cơ sở, lợi ích của cá nhân người lao động; khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất.

Ở Công ty xây dựng số 5, nhờ thực hiện «khoản gọn», 12 hạng mục của công trình Nhà máy xi măng Bỉm-sơn đều hoàn thành việc xây dựng trước thời hạn từ 2 đến 5 ngày, năng suất lao động bình quân một công nhân tăng từ 25 đến 27%, thu nhập của một công nhân xây lắp tăng từ 15 đến 20%.

Ở công trình Dài thông tin vệ tinh mặt đất Hoa-sen, việc «khoản gọn» đã có tác dụng thúc đẩy tinh thần sáng tạo của công nhân, giúp họ vượt

qua những yêu cầu kỹ thuật phức tạp trong việc lắp ống lồng, tổ hợp gương ánh đèn, đưa gương lên vị trí cao 125 mét và đã rút ngắn tiến độ từ 2 tháng xuống 26 ngày.

Xi nghiệp cơ giới 76 «khoán gọn» việc đóng cọc bê tông tại công trình nhà máy xi măng Hoàng-thạch, đã đưa năng suất từ 1,5 cọc/ca lên 4,5 cọc/ca, tiền lương bình quân một ngày công lên 3.26 đồng, thời gian

thi công rút xuống 74 ngày so với 77 ngày giao khoán.

Ở Công trình nhà ở A2 khu Trung-tự, Hà-nội: diện tích xây dựng 195m², «khoán gọn» thi công trong 90 ngày, thực hiện 88 ngày, hạ giá thành xây lắp 3,12%, thu nhập công nhân tăng bình quân 30%.

Từ những kết quả bước đầu của việc thực hiện «khoán gọn», có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

I — TÍNH KHOA HỌC CỦA «KHOÁN GỌN»

«Khoán gọn» trước hết biểu hiện mối quan hệ hữu cơ và tinh thần trách nhiệm cao giữa đơn vị nhận khoán và đơn vị giao khoán, là sự chuyển biến từ chế độ trả lương kiểu bao cấp sang chế độ trả lương theo sản phẩm. Đây là hướng phát triển hết sức quan trọng. Vì «khoán gọn» là thực hiện sự kết hợp cân đối và ăn khớp giữa người lao động và công cụ, thông qua mối quan hệ hợp đồng giữa bên giao khoán và bên nhận khoán, nhằm hoàn thành một công trình, một hạng mục công trình... chứ không phải một công việc hay khối lượng công việc riêng rẽ.

Cơ sở vật chất đề «khoán gọn» là sự chuẩn bị chu đáo các thiết bị, vật tư, v.v. của bên giao khoán cũng như việc tổ chức, quản lý và sử dụng hợp lý lao động, thiết bị, vật tư, v.v. của bên nhận khoán. Lợi ích kinh tế thiết thực của «khoán gọn» là tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công, nâng cao chất lượng công trình, hạ giá thành xây lắp. Đó là cơ sở duy

nhất để tăng thu nhập cho người lao động, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của đội xây dựng từ lúc thi công đến lúc hoàn thành toàn bộ công trình, hạng mục công trình... kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích: cá nhân người lao động, tập thể và xã hội.

Trong ngành xây dựng, đối với mỗi công trình, hạng mục công trình, từ lúc khởi công đến khi kết thúc là một quá trình hoạt động liên tục. Trong quá trình đó có nhiều dây chuyền sản xuất hoạt động trong mối quan hệ mật thiết với nhau. Số lượng, chất lượng và thời gian thi công của dây chuyền sản xuất này có ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng, chất lượng và thời gian thi công của dây chuyền sản xuất khác. Cách khoán trước đây (khoán từng chi tiết công việc, từng khối lượng riêng rẽ) đã tạo nên sự tách rời giữa những người sản xuất trong một dây chuyền hoặc giữa các dây chuyền sản xuất trong cùng một công trình hay hạng mục công trình...

Do đó, người lao động được giao khoán công việc gì chỉ biết công việc ấy, còn toàn bộ công trình, hạng mục công trình..., chất lượng như thế nào thì chẳng ai biết đến. « Khoán gọn » là nhằm *liên kết các dây chuyền lại với nhau cũng tức là tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các đội, tổ và cá nhân người lao động*, làm cho họ thật sự quan tâm đến *sản phẩm cuối cùng* (hoàn thành một công trình hoặc một hạng mục công trình...).

« Khoán gọn » có tác dụng hạn chế những mặt tiêu cực như: khối lượng công việc của các đội, tổ hoàn thành theo báo cáo thống kê về lĩnh vực khoán (tổng hợp lại) thường cao hơn khối lượng thiết kế dự toán công trình; chất lượng bộ phận công việc của mỗi đội, tổ đảm nhận thường được đánh giá tốt, nhưng chất lượng của cả công trình, hạng mục công trình lại có nhiều điểm yếu kém về kỹ thuật và mỹ thuật; chi phí vật tư, lao động của từng đội, tổ thường

dưới định mức, nhưng khi tổng hợp cả công trình thì đều vượt dự toán thi công (vì phải bỏ thêm vật liệu, nhân công để sửa chữa hoàn chỉnh và chấp nối những chỗ giáp ranh giữa các đội, tổ). Những sơ hở này lặp đi, lặp lại trong nhiều năm, do các công ty, xí nghiệp không đủ sức kiểm tra, kiểm soát, và điều quan trọng hơn chính là không có sự ràng buộc và liên kết các cá nhân và đơn vị nhận khoán để họ quan tâm đến kết quả cuối cùng là sản phẩm hoàn thành.

Hình thức « khoán gọn » đã khắc phục được những nhược điểm nói trên, thật sự thúc đẩy thi công dứt điểm, sớm đưa công trình vào sản xuất và sử dụng với năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ. Hình thức khoán này đánh dấu một bước tiến bộ về tổ chức lao động và trả công theo lao động trong các đơn vị của ngành xây dựng, kích thích mọi người hăng hái phấn khởi và sáng tạo trong lao động sản xuất.

II - CÁC MÔ HÌNH « KHOÁN GỌN »

Sở dĩ « khoán gọn » được các công ty và xí nghiệp nhanh chóng tiếp thu và đến nay nó đang trở thành phong trào cách mạng của quần chúng chính là vì nó đã phát huy được tinh thần tự chủ của các đơn vị nhận khoán và tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng công nhân đối với sản phẩm hoàn thành hay còn gọi là « sản phẩm hoàn thành quy ước » (sản phẩm hoàn thành quy ước có thể là một công trình hay một hạng mục công trình,

một đơn nguyên, một bộ phận, một khối lượng lớn của kết cấu sản phẩm xây dựng phù hợp với năng lực thi công, năng lực quản lý của đơn vị nhận khoán gọn).

Ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng của nước ta đang từng bước phát triển với quy mô ngày càng lớn, công trình đa dạng và tính chất phức tạp hơn, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và tính đồng bộ ngày càng cao. Cho đến nay, sản phẩm xây dựng công

ngiệp và dân dụng tuy có nhiều hình khối kiến trúc khác nhau, song có ba giải pháp kết cấu chính: 1) kết cấu bê tông là chủ yếu, có kết hợp kết cấu gạch và kim loại; 2) kết cấu thép là chủ yếu, có kết hợp kết cấu bê tông và gạch, đá; 3) kết cấu bằng gạch là giải pháp kết cấu xây dựng cổ truyền của nhân dân ta (chủ yếu là xây dựng nhà ở và công trình dân dụng). Ngoài ba giải pháp kết cấu chính trên đây, còn có kết cấu gỗ và ở một số tỉnh như Thuận-hải, Phú-khánh, Nghĩa-binh, Hà-nam-ninh, Hà-sơn-binh, đã khôi phục và phát triển mạnh kết cấu cổ truyền, xây dựng nhà ở bằng đá đẽo, đá chẻ, đá tổ ong.

Từ những đặc điểm kết cấu sản phẩm xây dựng trên đây, các công ty và xí nghiệp quyết định tổ chức sản xuất và lựa chọn mô hình « khoán gọn » một cách thích hợp. Có ba mô hình « khoán gọn »:

1 — « Khoán gọn » từng đơn nguyên, hạng mục hoặc công trình. Trước hết phải định công trình, hạng mục công trình « khoán gọn » cho vừa sức công cụ, thiết bị, vật tư và trình độ tổ chức quản lý của đội và xí nghiệp nhận khoán. Không nên « khoán gọn » một cách tùy tiện, không có sự tính toán các điều kiện vật chất và khả năng thực hiện của đơn vị nhận khoán. Nếu « khoán gọn » hạng mục công trình quá sức của đội, của xí nghiệp nhận khoán sẽ gây ra lãng phí và trì trệ trong thi công. Cần phân biệt « khoán gọn » một hạng mục công trình với « khoán gọn » một công trình. « Khoán gọn » hạng mục công trình là liên kết nhiều dây chuyền bộ phận thành một dây chuyền chính để hoàn thành một

hạng mục công trình. Còn « khoán gọn » công trình là liên kết các dây chuyền hạng mục công trình để hoàn thành một công trình. Tùy theo quy mô công trình lớn nhỏ mà tiến hành « khoán gọn » từng công trình, từng hạng mục công trình; đơn vị nhận khoán có thể là đội, xí nghiệp hạch toán kinh tế nội bộ trong công ty hay xí nghiệp liên hợp xây dựng.

« Khoán gọn » từng công trình, từng hạng mục công trình... là hình thức cơ bản nhất, đồng thời là biện pháp quan trọng thực hiện thi công tập trung, dứt điểm và phát huy cao nhất tinh thần làm chủ tập thể của các đơn vị nhận khoán. Cho nên bất cứ lúc nào, nơi nào có điều kiện thi khẩn trương thực hiện, còn những nơi khác thì chủ động tạo ra điều kiện để thực hiện « khoán gọn ». Chúng ta cần tránh khuynh hướng bảo thủ, do dự trông chờ, ý lại, đồng thời cũng tránh khuynh hướng nóng vội, hình thức chủ nghĩa.

2 — « Khoán gọn » tổng hợp theo từng loại dây chuyền.

Trước hết phải tổ chức được dây chuyền sản xuất hợp lý và thường xuyên điều chỉnh, củng cố dây chuyền cho phù hợp với thực tế sản xuất ở mỗi công trình, đồng thời đòi hỏi xây lắp phải đúng kế hoạch, theo trình tự thi công và thiết kế kỹ thuật, bản vẽ của công trình.

Trong cách « khoán gọn » tổng hợp theo từng dây chuyền, có thể thực hiện khoán theo « sản phẩm cuối cùng » đối với các bộ phận như xưởng cốt thép, cốp pha, bê tông tươi, sửa chữa cơ khí. Tuy nhiên, dù khoán theo cách

nào cũng phải dựa trên cơ sở công xưởng hóa dây chuyền sản xuất và định mức kinh tế, kỹ thuật chính xác.

Trong mô hình «khoán gọn» tổng hợp theo từng dây chuyền, việc chia các dây chuyền để «khoán gọn» là nội dung cơ bản và có tính nguyên tắc của việc tổ chức sản xuất, phân công lao động, phát huy tốt tay nghề, sử dụng tốt thiết bị. Do đặc điểm của công tác xây lắp, mức ổn định của các dây chuyền chỉ là tương đối, do đó cần có sự kiểm tra, điều chỉnh kịp thời các dây chuyền cho hợp lý. Không kết cấu dây chuyền dài quá và cũng không làm quá giản đơn, đứt đoạn, vụn vặt, chông chéo, trách nhiệm không rõ ràng, gây lãng phí và cản trở công việc. Việc «khoán gọn» tổng hợp theo từng dây chuyền phải nằm trong kế hoạch nhằm phục vụ cho tiến độ thi công từng hạng mục công trình hay công trình. Vì vậy, người giao khoán phải là người chủ nhận thầu của hạng mục công trình hay công trình. Chức năng chủ yếu của người chủ giao khoán là: tổ chức giao «khoán gọn» theo dây chuyền, liên kết các dây chuyền đó lại theo «thiết kế tổ chức thi công» theo kế hoạch tiến độ.

3 — *Khoán theo số lượng, chất lượng của từng loại việc riêng lẻ* theo định mức, đơn giá cho cá nhân, tổ, đội. Trong cách khoán này, giám đốc xí nghiệp giao khoán cho đội trưởng, hoặc đội trưởng giao khoán cho tổ

trưởng, cho cá nhân. Thích hợp với hình thức khoán này là những công việc lao động thủ công, lẻ tẻ, với khối lượng nhỏ, như: đào móng, đào mương, đắp nền, thu dọn mặt bằng, vệ sinh công nghiệp, v.v. Tổ, đội nhận khoán theo hình thức này được tổ chức chuyên sâu theo nghề. Nhưng do từng việc riêng lẻ, chu kỳ thi công từng loại việc thường ngắn, cho nên mỗi người, tổ, đội thường phải nhận một lúc hai, ba công việc kế tiếp nhau để bảo đảm lao động được liên tục.

Cả ba mô hình «khoán gọn» kể trên, tùy theo điều kiện cụ thể mà tiếp hành khoán chi phí theo một trong hai mức độ sau đây:

a) *Khoán toàn bộ chi phí*, bao gồm: tiền lương, vật liệu, công cụ, xe máy thi công, phụ phí thi công của đội hoặc xí nghiệp hạch toán kinh tế nội bộ (cũng tức là giá thành dự toán thi công của đội hoặc của xí nghiệp nhận khoán).

b) *Khoán chi phí quỹ tiền lương, kết hợp với tiền thưởng*.

Trong hai cách khoán chi phí nói trên thì «khoán gọn» toàn bộ chi phí có tác dụng tích cực hơn so với khoán chi phí quỹ tiền lương; do vậy các đơn vị cần chủ động tạo điều kiện để khoán gọn toàn bộ chi phí.

Phương pháp «khoán gọn» này cho phép kết hợp hài hòa ba lợi ích (Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động).

III — NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN «KHOÁN GỌN»

Để bảo đảm cho hình thức «khoán gọn» thật sự phát huy tác dụng, trong

mỗi đơn vị xây lắp, cần chuẩn bị đồng bộ về cả ba mặt: nhận thức tư

trường, điều kiện vật chất, năng lực quản lý của đội và xí nghiệp nhận «khoản gọn». Trước hết, tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

1 - Tất cả công trình xây dựng phải được kế hoạch hóa xây lắp theo ba phần: phần Nhà nước giao có vật tư; phần xí nghiệp tự làm; phần sản xuất phụ.

Căn cứ vào kế hoạch, vào giải pháp kết cấu của từng công trình và tổ chức thi công ở mỗi đơn vị để lựa chọn hình thức «khoản gọn» thích hợp. Trên cơ sở đó, kế hoạch hóa việc giao khoán cho đội hoặc cho xí nghiệp hạch toán kinh tế nội bộ theo các hình thức «khoản gọn».

2 - Thực hiện nghiêm túc trình tự xây dựng cơ bản, bao gồm: lập bản vẽ thi công và soát xét thiết kế, tiền lương, dự toán của khối lượng «khoản gọn» trước khi thi công. Đơn vị nhận khoán phải tìm hiểu và nắm vững thiết kế, kịp thời phát hiện những bất hợp lý của thiết kế, nắm vững yêu cầu kỹ thuật của công việc và khối lượng nhận khoán để thật sự tự chủ trong thi công.

- Dự toán của khối lượng giao khoán phải được lập theo bản vẽ thi công, giữa bên giao thầu và bên nhận thầu có sự thỏa thuận bằng hợp đồng kinh tế. Giá trị dự toán xây lắp phải bảo đảm đầy đủ các khoản chi phí để làm ra sản phẩm xây dựng, kể cả các khoản phụ cấp ca ba, phụ cấp bữa ăn giữa ca, tiền thưởng về bảo đảm chất lượng, thưởng rút ngắn tiến độ xây lắp, chi phí dự phòng và các khoản kiến thiết cơ bản khác có

liên quan đến việc xây lắp công trình.

- Xác định được tổng tiến độ xây lắp công trình, trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên giao thầu và nhận thầu (thỏa thuận đó phải phù hợp với quyết định của cấp trên có thẩm quyền). Bên nhận thầu nhất thiết phải lập được «thiết kế tổ chức thi công» và «dự toán thi công» của các công trình ghi trong danh mục công trình thi công trong năm kế hoạch.

3 - Bên nhận khoán cũng như bên giao khoán phải chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, vật tư kỹ thuật phục vụ cho công trình: tổng công ty và công ty phải chuẩn bị đủ thi công liên tục một quý, xí nghiệp đủ thi công liên tục một tháng, đội đủ thi công liên tục 10 ngày, tổ - 3 ngày. Có như vậy, các đơn vị nhận khoán mới chủ động đối phó với tình hình bất trắc xảy ra, bảo đảm thi công liên tục.

4 - Phải có định mức năng suất lao động hợp lý và đơn giá lương sản phẩm đúng.

Việc định mức năng suất lao động, định cấp bậc công việc, định tiền lương cơ bản của mỗi bậc và các khoản phụ cấp, các khoản tiền thưởng có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện trả lương theo sản phẩm trong ngành xây dựng, và việc kết hợp đúng đắn ba lợi ích. Do vậy, trong mỗi đơn vị cần soát xét lại các định mức và đơn giá tiền lương cho mỗi đơn vị sản phẩm để đề nghị sửa đổi, bổ sung cho thích hợp. Đồng thời, hết sức coi trọng thực hiện các chế độ tiền thưởng đã có như; thưởng tiết kiệm quỹ

lượng, tiết kiệm vật liệu, bảo đảm chất lượng, rút ngắn tiến độ, thường cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, v.v. để tăng thu nhập chính đáng cho công nhân viên chức. Có như vậy mới cổ vũ, động viên phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất, để tăng năng suất lao động.

Đối với cán bộ xí nghiệp, công trường trực tiếp điều hành và phục vụ công việc sản xuất theo ca như giám đốc xí nghiệp, đội trưởng, đốc công, cán bộ kỹ thuật, cán bộ trực ban, điều độ tại hiện trường hoặc tại các xưởng, các xí nghiệp, v.v. đều phải trả lương theo sản phẩm, bằng cách trích tỷ lệ phần trăm trên tiền lương công nhân của khối lượng «khóan gọn».

5 — Tổ chức lại sản xuất, phân công hợp lý lao động, sử dụng xe máy và công cụ lao động phù hợp với đối tượng lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc thi công các công trình «khóan gọn».

Ở mỗi đơn vị phải xác định rõ việc phân công và hợp tác lao động trong dây chuyền. Quy định những kết cấu gì phải công xưởng hóa trong nhà, trên sân bãi, đồng bộ, đóng bộ, trước khi đưa đến công trình.

Đối với đội xây dựng, nếu nhận «khóan gọn» hạng mục công trình hoặc công trình thì phải tổ chức đội tổng hợp nhiều nghề. Do vậy, phải rất chú ý bố trí cơ cấu hợp lý giữa các nghề trong đội; đồng thời coi trọng việc bồi dưỡng công nhân trong đội chuyên sâu một nghề và có thể làm được một số công việc của nghề khác có liên quan, như: thợ nề tổng biết ghép ván

khuôn, đặt cốt thép; thợ nề biết dựng khuôn cửa, v.v.

Nếu giao khoán cho đội theo từng khối lượng công việc riêng lẻ, hoặc theo từng dây chuyền tổng hợp thì đội được tổ chức theo chuyên sâu: đội mộc, đội sắt, đội nề, v.v. và như vậy, sự phối hợp giữa các đội chuyên sâu trong sản xuất cũng chính là sự phối hợp, kết hợp các dây chuyền bộ phận để tạo thành dây chuyền chính, làm ra sản phẩm cuối cùng là hạng mục công trình hoặc công trình.

Hiện nay, các đội xây dựng được tổ chức theo hai hình thức: đội tổng hợp và đội chuyên sâu. Theo phương hướng chuyên hẳn ngành xây dựng thành ngành sản xuất công nghiệp xã hội chủ nghĩa, thì phát triển đội chuyên sâu là con đường tất yếu, và tổ chức lao động chuyên môn hóa là một yêu cầu của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong điều kiện xây dựng của nước ta hiện nay và cả trong những năm tới, đại bộ phận vẫn là công trường thủ công, nhất là ở các tỉnh, các công trình thường phân tán, nhỏ bé, xây dựng dần dựng là chủ yếu, chúng ta phải kết hợp cả đội tổng hợp và đội chuyên sâu. Đội chuyên sâu là tổ chức chủ yếu ở các đơn vị xây dựng trực thuộc Bộ, Tỉnh, Thành phố, còn đội tổng hợp là tổ chức chủ yếu ở các công trình lẻ, nhỏ, và ở cấp huyện. Đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trong một công ty, một xí nghiệp, ở mỗi đơn vị, cần căn cứ vào tính chất công việc, cơ cấu đội, tổ sản xuất, tính năng từng loại công cụ, thiết bị để quy định cơ cấu hợp lý giữa các loại công cụ, xe máy

trong từng loại việc và định quy chế sử dụng xe máy, công cụ lao động. Mỗi đơn vị phải có bảng quy định việc ứng dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào công việc làm khoán. Trước hết là tổ chức lao động khoa học, liên tục, tìm chọn và đổi mới công cụ thi công, đề kết hợp công cụ hiện đại với việc sử dụng phần lớn công cụ thô sơ nhằm tăng năng suất lao động và giảm nhẹ cường độ lao động. Bất cứ đơn vị xây dựng nào dù lớn hay nhỏ, đều phải tổ chức chỉ huy, điều độ, trực ban theo ca tại hiện trường, đồng thời, phải tổ chức việc cân, đo, đóng, đếm vật tư và nghiệm thu khối lượng, chất lượng một cách khoa học, chặt chẽ, kịp thời. Đồng thời tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hóa cho công nhân, cán

bộ, đặc biệt là chăm lo bữa ăn chính, bữa ăn giữa ca, tạo nên sự hăng say thực hiện « khoán gọn ».

Muốn thực hiện có kết quả cách khoán mới và biến nó thành phong trào cách mạng của quần chúng, trước hết phải cải tiến và nâng cao trình độ quản lý của cán bộ ngành xây dựng ; ở các đơn vị phải có sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, sự chăm lo của các tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên. Một khi « khoán gọn » đã trở thành phong cách làm việc có khí thế, sôi nổi, liên tục, lành mạnh, quyền làm chủ tập thể của người lao động được phát huy, « ba lợi ích » được kết hợp hài hòa, thì chắc chắn công tác xây dựng sẽ đạt được nhiều thành tích tốt đẹp.

Chúng ta — những người lạc quan

(Tiếp theo trang 30)

cộng sản Liên-xô tại Đại hội lần thứ 26 của Đảng — nhưng chủ nghĩa lạc quan của họ không phải là sự mê tín của những người tin vào số mệnh. Nhân dân chúng tôi hiểu rằng : tất cả những gì mà họ có đều là do lao động của bản thân làm ra, được bảo vệ bằng xương máu của mình. Và chúng tôi là những người lạc quan vì chúng tôi tin vào sức mạnh của lao động, vì chúng tôi tin vào đất nước mình, vào nhân dân mình. Chúng tôi là những người lạc quan vì chúng tôi tin vào Đảng của mình, biết rằng con

đường mà Đảng chỉ ra là con đường duy nhất đúng đắn ! ».

Vất vả, không nghỉ ngơi yên tĩnh, đó là số phận của tất cả những ai, theo mệnh lệnh của trí tuệ và lương tâm, theo lời kêu gọi của trái tim đã đứng dưới lá cờ đỏ thắm của V.I. Lênin, lá cờ chủ nghĩa lạc quan cách mạng. Nhưng đó cũng là số phận hạnh phúc nhất. Bởi lẽ không có gì trên trái đất này lại đáng phấn khởi và cao quý hơn sự mệnh của người cộng sản làm người chiến sĩ tiên tiến đấu tranh vì một cuộc sống xứng đáng với con người, nhằm cứu và giải phóng toàn thể loài người.

Trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp

TRẦN-ANH-VINH

TIỀN lương là một phạm trù kinh tế phản ánh mặt phân phối của quan hệ sản xuất xã hội. Tiền lương chỉ trở thành một đòn bẩy kinh tế khi nào nó không những bảo đảm bù đắp hao phí sức lao động của mỗi người trong sản xuất, mà còn gắn liền với kết quả sản xuất của xí nghiệp. Một nhược điểm lớn trong cách trả lương của ta từ trước đến nay là chưa thật sự gắn chặt với kết quả cuối cùng của lao động, thể hiện trong khối lượng sản phẩm làm ra của xí nghiệp.

Trong các hình thức khoán thì khoán theo sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp là hình thức tiến bộ nhất vì nó lấy sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp làm mục tiêu. Nó đòi hỏi mỗi công đoạn trên dây chuyền sản xuất phải có kế hoạch, tổ chức sản xuất nhịp nhàng, cân đối liên tục để đạt được mục đích đề ra. Do đó, nó có tác dụng gắn một cách trực tiếp lợi ích và trách nhiệm của từng người và cả tập thể lao động đối với sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp. Nó trở thành một động lực mạnh mẽ lôi cuốn mọi người hăng hái lao động sản xuất

theo sự tổ chức và phân công của tập thể.

Trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng đối với ngành công nghiệp than là một biện pháp hết sức quan trọng để thực hiện sự hiệp tác chặt chẽ giữa các bộ phận như: khoan nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển, sàng, tuyển trong dây chuyền sản xuất than. Các bộ phận này có liên quan mật thiết với nhau, một khâu trục trặc sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình sản xuất. Đồng thời đối với ngành than, trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng sẽ tránh được tình trạng chỉ tiêu quỹ lương đến cuối quý, cuối năm sử dụng hết, nhiều công nhân trong từng công đoạn có thể làm ăn tốt có lương cao, nhưng sản phẩm cuối cùng là số tấn than ra đến bến, số mét khối đất đá đổ đúng chỗ quy định không đạt chỉ tiêu kế hoạch, do đó không nâng cao được mức sản xuất của xí nghiệp, không nâng cao được mức sống của toàn bộ, cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Vừa qua mỏ than Đèo-nai đã làm thử việc trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp. Mỏ

than Đèo-nai đã chuyển từ cách lập kế hoạch quỹ lương theo số lượng lao động và tiền lương bình quân sang cách lập kế hoạch quỹ lương theo định mức chi phí tiền lương cho một đơn vị sản phẩm, có nghĩa là quỹ lương được lập trên cơ sở định mức tiền lương cho 1000 đồng giá trị tổng sản lượng. Việc cấp phát quỹ lương theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất: nếu hoàn thành kế hoạch sản xuất 100% thì xí nghiệp được cấp 100% quỹ lương kế hoạch. Nếu vượt mức kế hoạch thì cứ vượt 1% kế hoạch sản xuất, quỹ lương được cấp thêm 1,3%. Nếu hụt 1% kế hoạch sản xuất, quỹ lương giảm 0,5%. Với cách tính mới này, quỹ lương lớn hay nhỏ chủ yếu phụ thuộc vào giá trị tổng sản lượng nhiều hay ít. Điều đó thúc đẩy xí nghiệp lập kế hoạch sản xuất ở mức độ cao nhất mà xí nghiệp có thể đạt được. Cách xác định quỹ lương như trên còn giúp xí nghiệp giải quyết linh hoạt các mặt tiền lương, biên chế lao động trong xí nghiệp phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất. Qua một quá trình thực hiện kế hoạch, mức sản xuất có thể cao hơn hoặc thấp hơn dự kiến ban đầu; trường hợp mức sản xuất tăng cao hơn kế hoạch ban đầu, xí nghiệp được phép lập báo cáo bổ sung, trường hợp không thực hiện đúng kế hoạch dự kiến ban đầu, Nhà nước sẽ rút bớt quỹ lương để nâng cao trách nhiệm của xí nghiệp và xí nghiệp chủ động giải quyết được tiền lương và biên chế, không gò bó như cách tính cũ. Việc thay đổi cách tính quỹ lương còn thúc đẩy xí nghiệp áp dụng chế độ trả lương tiên tiến, làm cho mọi người lao động trong xí nghiệp đều quan tâm đến việc nâng cao năng suất lao động, đến kết quả sản xuất chung của toàn xí nghiệp.

Ở mỏ than Đèo-nai, trước đây đã từng thực hiện trả lương khoán theo công đoạn riêng lẻ trong dây chuyền sản xuất than, chẳng hạn: khoán tính

theo số lỗ, xúc theo số mét khối, vận chuyển theo số chuyến. Trả lương khoán như vậy dẫn đến tình trạng: người nhận khoán nhận tiền xong, gặp trận mưa đất tràn lấp lỗ khoan, phải khoan lại, lại được nhận tiền lần nữa; người xúc chẳng biết số đất đã xúc lên được vận chuyển đi đâu; người vận chuyển cũng chẳng quan tâm đến xe chở đầy hay vơi. Khoán như vậy thì người nào chỉ biết việc của người ấy và có thể dẫn đến tình trạng quỹ lương dùng hết, song không có sản phẩm cuối cùng là số tấn than ra đến bến. Ngoài hình thức trả lương khoán như trên, trước đây mỏ Đèo-nai còn dùng hình thức trả lương theo thời gian, có khi trong một số công việc vừa trả lương theo sản phẩm vừa trả lương theo thời gian. Một số người thấy chỗ nào hơi thì nhận làm khoán theo sản phẩm, chỗ nào khó thì bày ra đủ lý do để tính lương thời gian... Như vậy tiền lương không trực tiếp gắn trách nhiệm và lợi ích của từng người với sản phẩm cuối cùng, do đó nhiều người đã chạy theo số lượng, làm dối, làm ẩu, ít quan tâm đến chất lượng sản phẩm, mặt khác công tác kiểm tra, nghiệm thu chất lượng đối với công việc giao khoán rất phức tạp và khó làm được chu đáo.

Đề tiến hành trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng, mỏ đã tiến hành các công việc: soát xét lại năng lực sản xuất, điều tra lại tài nguyên, chỉnh lý định hướng khai thác thích hợp. Phân bổ và sử dụng hợp lý các thiết bị, mạnh dạn bỏ ra một số xe, máy hư hỏng nặng để dồn xăng, dầu chạy những xe máy có hiệu suất cao hơn. Tiến hành phân loại lao động căn cứ trên ba mặt: thái độ lao động, sức khỏe và kỹ năng lao động để sắp xếp lại lao động hợp lý; trông tổng số 4500 người, đã loại ra khỏi dây chuyền chính 301 người (buộc thôi việc 51 người vi phạm kỷ luật nặng, cho nghỉ hưu 45 người, gửi đi điều

trị 65 người, chuyên 140 người sang nhật than và làm việc xây dựng). Chuyên thợ sửa chữa đột xuất về công trường để kịp thời sửa chữa thiết bị máy móc ở nơi trực tiếp sản xuất, đồng thời kịp thời tổ chức các lớp huấn luyện ngắn ngày về cách quản lý mới. Công tác điều khiển sản xuất, quản lý và hạch toán kinh tế được củng cố, hàng loạt quy chế được xây dựng như quy chế quản lý lao động, quy chế trả lương, tiền thưởng, hạch toán, giúp mỏ năm được thực chất các diễn biến và uốn nắn kịp thời những thiếu sót

Việc tiến hành giao kế hoạch quỹ lương theo khối lượng sản phẩm ở mỏ Đèo-nai tiến hành cùng một lúc ở tất cả các khâu trong dây chuyền sản xuất từ tháng 10-1980 và đã đạt được kết quả sau đây:

a) Nâng cao được tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của cán bộ, công nhân, viên chức, tạo ra khí thế mới trong lao động sản xuất. Kỷ luật lao động được tăng cường, ngày công làm việc thực tế của công nhân được nâng lên rõ rệt, đặc biệt là giờ công có ích trong ngày được tận dụng triệt để, hiện tượng nghỉ việc không có lý do giảm rõ rệt. Cán bộ quản lý làm việc nhiều hơn, các phòng ban đã bám sát các phân xưởng để phục vụ kịp thời cho sản xuất, chống được tệ phiền hà.

b) Hiệu quả sản xuất bước đầu đã tăng lên, trong quý 4-1980, mỏ còn phải thực hiện 41% kế hoạch tổng sản lượng cả năm nhưng do cách làm ăn mới, tình chung cả năm mỏ đã hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

Về sản xuất, tăng 6% giá trị tổng sản lượng, 5,5% sản phẩm chủ yếu và 3,5% số tấn than giao bến Cửa-ông, 8% năng suất lao động tính theo đầu người.

Hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị khá hơn trước, số mét khoan sử

dụng đã từ 50 - 60% tăng lên 75 - 80%, giảm bớt được số mét khoan hỏng

Về tiền lương quý 4-1980, quỹ lương của mỏ tăng 13,6% lương bình quân một người tăng 11,5% mức dự tính và gấp rưỡi trước.

Giá thành 1 tấn than hạ 4,5% so với kế hoạch.

Quý 4-1980, lãi 1,5 triệu đồng trong khi đó quý 4-1979 lỗ 3,5 triệu đồng.

Ngành than hiện nay có 3 công ty khai thác than. Mỗi công ty bao gồm nhiều mỏ khai thác lộ thiên và hầm lò và các xí nghiệp khác với nhiều đơn vị chuyên trách từng khâu công tác như: khoan, bắn mìn, xúc đất đá hoặc than, vận tải, tuyển chọn than và tiêu thụ than, với nhiều nhà máy cơ khí và xí nghiệp xây lắp... Hệ thống các bộ phận đó có quan hệ chặt chẽ với nhau. Một khâu, một bộ phận nào hoạt động không bình thường thì nhiều khâu, nhiều bộ phận khác gặp trở ngại.

Mỏ than Đèo-nai là một khâu trong dây chuyền sản xuất than của Công ty than Hòn-gai, cho nên sản phẩm cuối cùng của mỏ vẫn là sản phẩm trung gian của Công ty. Cái mà xã hội đòi hỏi cung cấp là sản phẩm cuối cùng của Công ty than: than thương phẩm theo chủng loại đã được đưa ra bãi Cửa-ông hay bãi Hòn-gai và có thể tiêu thụ ngay được. Do đó phải tiến hành trả lương khoán sản phẩm cuối cùng cho toàn Công ty than Hòn-gai và tiến tới thực hiện việc này cho toàn ngành than (gồm cả các công ty khác). Đây là vấn đề tổ chức lại dây chuyền sản xuất nhằm gắn các xí nghiệp chuẩn bị sản xuất như kiến thiết cơ bản thường xuyên, làm đường sá, các cơ sở sửa chữa xe máy, các bộ phận cung ứng vật tư, phục vụ khác cho các xí nghiệp khai thác than với nhau, gắn các xí nghiệp khai thác với các xí nghiệp chế biến, sàng tuyển, tiêu thụ để cùng phấn đấu theo một mục tiêu

chung là làm ra những tấn than thương phẩm cuối cùng.

Việc trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng của ngành than đòi hỏi giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau:

1 - Xác định đơn giá trả lương tổng hợp dựa trên các định mức lao động tổng hợp tiên tiến và quy định cụ thể các cấp bậc công việc. Mức lao động tổng hợp phải phản ánh được toàn bộ chi phí về lao động sống ảnh hưởng đến năng suất lao động của toàn Công ty than, nghĩa là toàn bộ chi phí lao động của tất cả công nhân sản xuất chính, phụ, cán bộ nhân viên quản lý, phục vụ... ở tất cả các đơn vị trong Công ty. Muốn vậy phải xác định giá thành hay giá bán buôn xí nghiệp mỗi tấn than. Từ đó sẽ định được mức tiền lương trên một tấn than và định được quỹ lương của Công ty. Song hiện nay chưa tính được giá thành tấn than một cách chính xác vì định mức kinh tế - kỹ thuật thiếu căn cứ khoa học, giá cả thiết bị, nguyên liệu vật liệu chưa phản ánh được giá trị của nó, đơn giá tiền lương không bảo đảm tái sản xuất sức lao động... Do đó, trước mắt đề tính đơn giá khoán và quỹ lương áp dụng ở Công ty than Ilon-gai cần xác định lại cấp bậc cho đúng ở một số ngành nghề chính, đề xác định lương công nhân tính theo cấp bậc hiện tại, kể cả 20% nâng bậc hằng năm, giải quyết các khoản phụ cấp trước đây, thay đổi một số khoản phụ cấp, tăng tiền thưởng từ quỹ lương.

Như vậy tiền lương tăng lên 165%, so với giá cả thị trường vẫn còn thấp nhưng đã có tác dụng kích thích sản xuất. Với cách khoán quỹ lương theo kết cấu đơn giá đó, giám đốc Công ty sẽ tính toán sắp xếp lại lao động hợp lý, loại ra khỏi dây chuyền sản xuất những lao động không phù hợp theo cách phân loại trên, và lương bình quân của người lao động trong dây

chuyền sản xuất sẽ tăng lên. Do tổ chức lại sản xuất, năng suất lao động tăng lên, sản lượng tăng lên, cho nên quỹ lương lại tăng lên, lương bình quân tăng lên. Mặt khác trong số người bị loại ra khỏi dây chuyền sản xuất, phần lớn chuyển qua sản xuất phụ, tạo ra mặt hàng mới, tăng thu nhập thực tế cho công nhân và giúp Nhà nước ổn định vật giá.

Có quan điểm cho rằng cần xem lại cách khoán này vì sản lượng, năng suất lao động có tăng lên nhưng vẫn thấp hơn mức chi phí tiền lương. Nếu giá cả đã được xác định hợp lý thì đúng là phải xem xét lại hệ số tăng quỹ lương để điều chỉnh lại cho phù hợp với quy luật tốc độ tăng năng suất lao động phải cao hơn tốc độ tăng tiền lương; nhưng nếu giá cả bất hợp lý, ngành sản xuất ra nguyên liệu, vật liệu thì lỗ, ngành chế biến thì lãi... giá cả thị trường tăng vọt, mà các đơn giá thì vẫn giữ như 20 năm qua, tiền lương như cũ, thì đặt vấn đề như trên là không thực tế.

2 - Phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và quyền tự chủ của xí nghiệp, mở rộng quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

Quyền chủ động của xí nghiệp thể hiện trước hết trong quan hệ giữa xí nghiệp với cấp trên trong việc giao và thực hiện kế hoạch: phân chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao có vật tư bảo đảm, quỹ lương được xác định tương ứng với nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, xí nghiệp tự chủ về tài chính để giải quyết tốt các quan hệ cân đối, tự tạo ra nguồn vật tư nguyên liệu, tự tạo ra nguồn vốn như bỏ sung vốn lưu động từ lợi nhuận xí nghiệp hoặc vay ngân hàng. Quỹ lương được lập riêng, ghi vào kế hoạch của xí nghiệp do bộ chủ quản tổng hợp báo cáo Nhà nước và thống nhất với cơ quan ngân hàng. Đối với ngành than, nhiều xí nghiệp không thể thực hiện kế hoạch tự làm vì

thiếu nhiên liệu, vật tư, phụ tùng. Nếu Nhà nước cho phép ngành than tự vay vốn của các nước và để thực hiện kế hoạch tự làm, thì ngành than có điều kiện đầy mạnh sản xuất phụ như sản xuất vôi, gạch, ngói, nhất than ngoài bãi thải để xuất khẩu, tận dụng than ngoài tiêu chuẩn để chế biến hoặc sàng lại than để có than củ... Các mặt hàng phụ này được dùng để đổi lấy hàng tiêu dùng khác, hoặc lương thực, thực phẩm để cải thiện đời sống công nhân, viên chức nhằm tái sản xuất sức lao động phục vụ cho kế hoạch sản xuất chính tốt hơn trong lúc Nhà nước chưa đủ bảo đảm.

Một vấn đề quan trọng trong việc mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp là thực hiện chế độ thủ trưởng, đó là yêu cầu khách quan của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lê-nin đã viết: «... mọi nền đại công nghiệp cơ khí... đều đòi hỏi phải có một *sự thống nhất ý chí* chặt chẽ, tuyệt đối, điều tiết được công việc chung của hàng trăm, hàng nghìn và hàng vạn người » (1).

Đối với Công ty than, thực hiện chế độ thủ trưởng là điều rất quan trọng bảo đảm sự cân đối và hợp đồng chặt chẽ giữa các khâu của quá trình khai thác, vận tải, sàng tuyển. Đối với mỗi đơn vị trong dây chuyền sản xuất của công ty, người giám đốc có quyền

chỉ huy điều phối để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất.

Thực hiện chế độ thủ trưởng, giám đốc công ty được trọn quyền sử dụng tiền lương, được thanh toán để trả lương và tiền thưởng cho cán bộ, công nhân, viên chức trong công ty. Trong phạm vi tổng quỹ lương, giám đốc công ty được lĩnh lương, giữ lương hoặc vay lương ở ngân hàng để điều hòa các tháng, các quỹ lương trong năm theo chế độ tín dụng ngân hàng để thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Có một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu như giá trị tổng sản lượng không phải là thước đo xác định hiệu quả kinh tế vì bao gồm cả nửa thành phẩm... phụ thuộc vào giá cả, không khuyến khích mức giảm hao phí vật chất, chưa gắn sản xuất và tiêu thụ... Chúng tôi nghĩ nên tính chi phí tiền lương trên 1000 đồng giá trị sản phẩm thuần túy (tức là khối lượng sản phẩm hàng hóa tính theo giá bán buôn xí nghiệp trừ đi chi phí vật tư). Mặt khác, trong khi giao kế hoạch quỹ lương nên tính đến đặc điểm khai thác than theo mùa mà phân cho từng quý, từng tháng để giúp cho việc chỉ đạo được sâu sát. Có như vậy việc áp dụng hình thức trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng mới phát huy tác dụng tới mức tối đa.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, tr. 338.

HỒ CHỦ TỊCH VỚI VẤN ĐỀ LIÊN MINH CÔNG NÔNG

ĐỖ - TU



Ở hoạt động lý luận và thực tiễn, Mác và Ăng-ghe-n đã thấy rõ vị trí của vấn đề nông dân và nhiều lần chỉ ra rằng đề hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, bảo đảm cho cách mạng không ngừng phát triển tốt đẹp, giai cấp công nhân phải lôi kéo được nông dân. Điều này càng đặc biệt quan trọng đối với những nước mà nông dân đang còn là một lực lượng to lớn có tác dụng làm thay đổi tình hình chính trị và đời sống xã hội. Đó là tư tưởng về tính tất yếu của liên minh công nông trong nội dung lý luận của chủ nghĩa Mác.

Lê-nin đã kế thừa, phát triển và vận dụng một cách xuất sắc những quan điểm mác xít về liên minh công nông vào thực tiễn cách mạng Nga và làm cho vấn đề đó từ lý luận lẫn đầu tiên đã trở thành hiện thực sinh động. Người đã rút ra kết luận thiên tài là ở Nga — một nước mà chủ nghĩa tư bản chưa phát triển, đại đa số dân cư là tiểu nông — để lật đổ chế độ chuyên chế phong kiến và sau đó lật đổ chính quyền tư sản, thì nhân tố thắng lợi là ở chỗ vô sản được sự ủng hộ của những nông dân nghèo khổ và

bị phá sản... » (1) chứ không phải là do nắm được ưu thế về số lượng trong nhân dân.

Là người con của một dân tộc bị mất nước, sau khi tiếp thu được lý luận Mác — Lê-nin và có ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga soi đường, Hồ Chủ tịch sớm nhận thức rõ thực chất của vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, vị trí của quần chúng công nông dưới ách nô dịch của đế quốc, thực dân và vai trò có ý nghĩa quyết định của liên minh công nông trong phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức. Hồ Chủ tịch là một trong số người rất hiếm của đầu thế kỷ XX, đã vận dụng một cách sinh động và độc đáo lý luận của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người vạch trần những chính sách cai trị tàn bạo, những thủ đoạn dân áp và bóc lột dã man của bọn thực dân ở các nước thuộc địa: đấu tranh đòi những quyền cơ bản cho các dân tộc bị áp bức; khẳng định khả năng cách mạng của quần chúng công nông trong sự nghiệp đấu tranh

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, tr. 433.

tư giải phóng; khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa phong trào giải phóng dân tộc và phong trào vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Tờ báo *Người cùng khổ*, tác phẩm nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp*, văn kiện giáo khoa *Đường cách mệnh*, v.v. của Hồ Chủ tịch đã chứng minh điều này.

Ở nước ta, vào đầu thế kỷ XX, có nhiều nhà yêu nước theo tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc tư sản hoặc tiểu tư sản. Họ có một điểm hạn chế chung là không nhận rõ vai trò cách mạng của quần chúng công nông. Con đường cứu nước của họ không ngoài những phương hướng: cầu xin sự giúp đỡ của một đế quốc khác, chủ trương «Pháp - Việt đề huề», hoặc hành động phiêu lưu tuyệt vọng.

Khác hẳn những nhà yêu nước nói trên, với ý thức sâu sắc về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, với quan điểm vững chắc về sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chủ tịch đã giáo dục cho lớp chiến sĩ cộng sản đầu tiên ở nước ta hiểu rõ: theo kinh nghiệm của cách mạng Nga, phải biết lấy quần chúng công nông làm gốc, phải có một đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo. Người chỉ ra rằng công nhân và nông dân chẳng những là gốc cách mạng mà còn là người chủ cách mạng. Phân tích xã hội Việt-nam, Người cho thấy rằng, khác với công nhân và nông dân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở châu Âu chỉ có một kẻ áp bức, bóc lột là giai cấp tư sản, quần chúng công nông ở nước ta bị ba tầng áp bức, bóc lột: đế quốc, địa chủ và tư sản. Ở đây có áp bức, bóc lột, ở đây có đấu tranh, có cách mạng; cách mạng sinh ra từ tình trạng bị áp bức, bóc lột. Công nhân và nông dân bị áp bức nặng nề hơn cả, là lực lượng đông và có sức mạnh hơn cả cho nên trong đấu tranh họ kiên quyết hơn cả và «nếu thua

thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới».

Hồ Chủ tịch đánh giá cao vị trí quan trọng của nông dân ở nước ta, đồng thời nhấn mạnh sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nông dân, vì không có sự lãnh đạo ấy thì bản thân nông dân không thể phát huy được đầy đủ tính tích cực cách mạng của mình và không thể giải phóng mình. Người sớm chỉ ra rằng nông dân và công nhân là hai bạn đồng minh tự nhiên. Nhưng «chỉ với lực lượng riêng của chính mình, nông dân không bao giờ có thể trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ. Sống tản mát trong các làng mạc, họ có thể nổi dậy và tiến hành đấu tranh, nhưng một mình họ thì không thể chiếm được bộ máy Nhà nước và giữ được bộ máy đó... Chỉ có công nhân mới được của giai cấp tư sản những phương tiện thống trị mạnh mẽ của nó, mới có thể chỉ đạo sản xuất và tương lai của nhân loại.

Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, mơ ước nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi» (2).

Hơn nửa thế kỷ đã qua kể từ khi những luận điểm sắc bén ấy của Hồ Chủ tịch vang lên trên diễn đàn của Đại hội thứ nhất của Quốc tế nông dân. Bắt nguồn từ cốt lõi chính trị của chủ nghĩa cộng sản khoa học, những luận điểm ấy của Người là

(2) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật Hà-nội, 1980, tập I, tr. 26 - 27.

ranh giới để phân biệt đâu là những người mác xít—lê nin nít trung thành với mục đích của mình và đâu là những bọn dân tộc chủ nghĩa, mị dân, đội lốt cộng sản, đã và đang ngấm ngầm hoặc công khai phản bội chủ nghĩa Mác—Lê-nin, phản bội lợi ích của giai cấp công nhân và của những bộ phận nông dân tiến bộ.



Điều có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân là phải có một cương lĩnh cách mạng đúng đắn của đảng vô sản, thích hợp với yêu cầu phát triển khách quan của lịch sử một nước và đáp ứng được nguyện vọng sâu xa của quần chúng nông dân.

Hồ chủ tịch nói: «Thấm nhuần chủ nghĩa Mác—Lê-nin, Đảng ta đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong bản Cương lĩnh cách mạng tư sản dân quyền năm 1930, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ *chống đế quốc và chống phong kiến*, thực hiện dân tộc độc lập, người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng ta đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình» (3).

Thực hiện Cương lĩnh đó, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà nội dung cơ bản là đánh đuổi đế quốc xâm lược và đánh đổ chế độ vua quan phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, giành ruộng đất cho dân cày. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, vấn đề giành độc lập dân tộc đã được nêu lên hàng đầu và vấn đề dân tộc đã được Hồ Chủ tịch chỉ rõ «thực chất là vấn đề nông dân, cách mạng dân tộc thực chất là cách mạng của nông dân do

giai cấp công nhân lãnh đạo, và chính quyền nhân dân thực chất là chính quyền của công nông» (4). Nông dân nước ta trước đây chiếm trên 90% số dân. Cho nên, nói giải phóng dân tộc về cơ bản là giải phóng nông dân; nói đến lực lượng cách mạng thì lực lượng đông đảo nhất là nông dân; nói đến chính quyền nhân dân thì thực chất là chính quyền của công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm thực hiện triệt để những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đồng thời chuẩn bị điều kiện để tiến lên làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản sau khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã giành được thắng lợi. Quan điểm của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc là quan điểm mác xít—lê nin nít, hoàn toàn khác với những quan niệm của chủ nghĩa Mao đã tuyệt đối hóa vai trò của nông dân, coi nông dân là động lực chủ yếu của cách mạng, coi chính quyền là của nông dân, tách rời và làm lu mờ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Nhờ có đường lối chính trị đúng, ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã xây dựng được sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, nông dân ta ngày càng thấy sự cần thiết phải liên minh với giai cấp công nhân, chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản. Nhờ đó, giai cấp công nhân «số lượng thì một mà sức mạnh thì mười» và vai trò lãnh đạo của Đảng không ngừng được củng cố.

Vận dụng những quan điểm cơ bản của Lê-nin về cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và xuất phát từ mục đích, tính chất của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, Hồ Chủ

(3) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb 57
thất, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 154.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Sách đã dẫn*, tr. 165.

tịch và Đảng ta đã xác định liên minh công nông trong giai đoạn cách mạng này là liên minh với toàn thể nông dân (kể cả phú nông) và liên minh toàn diện về các mặt: chính trị, quân sự và kinh tế, nhưng chủ yếu là liên minh về chính trị, nhằm xây dựng lực lượng chính trị hùng mạnh, tiến hành đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đánh đuổi đế quốc xâm lược, đánh đổ chế độ vua quan phong kiến, giành và giữ vững độc lập dân tộc, giành và giữ chính quyền cách mạng của công nông.

Chỉ sau khi Nhà nước công nông đã được thành lập, mới có điều kiện phát triển mối quan hệ công nông về kinh tế vừa nhằm từng bước cải thiện đời sống của công nhân và nông dân, vừa nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, và cũng thông qua đó mà không ngừng củng cố sự liên minh công nông về chính trị và quân sự.

Nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, Hồ Chủ tịch rất quan tâm động viên nhân dân, chủ yếu là công nông và quân đội hăng hái thi đua yêu nước, tăng gia sản xuất và giết giặc lập công. Đồng thời, để bồi dưỡng sức mạnh của công nông và quân đội, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã thực hiện từng bước chính sách ruộng đất trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp: triệt để tiến hành giảm tô, thực hiện giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và việt gian ở những vùng tự do, tạm cấp cho dân cây nghèo và gia đình các chiến sĩ.

Từ đầu năm 1953, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã quyết định tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu «người cày có ruộng» ngay trong thời kỳ kháng chiến. Hồ Chủ tịch chỉ ra rằng, kháng chiến càng phát triển càng đòi hỏi nhiều sức người, sức của, và nông dân đã cung cấp sức người, sức của nhiều nhất cho kháng

chiến. Người nhấn mạnh phải giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, phải bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên được đầy đủ lực lượng to lớn đó vào cuộc kháng chiến để giành thắng lợi. Người khẳng định vấn đề then chốt quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến là củng cố khối liên minh công nông, trên cơ sở đó củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Nhưng có phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất, mới thực hiện được những vấn đề cực kỳ quan trọng đó. Người nhấn mạnh chỉ có thực hiện cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trời buộc của giai cấp địa chủ phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng nghèo nàn và lạc hậu của nông dân, mới có thể phát động mạnh mẽ lực lượng to lớn của nông dân để phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau chiến thắng lịch sử Điện-Biên-Phủ, miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng, song đất nước ta còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã xác định rõ trong bất cứ trường hợp nào, miền Bắc cũng phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam ruột thịt, hoàn thành bằng được công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và thực hiện thống nhất nước nhà để đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng đã chuyển sang một giai đoạn mới, liên minh công nông cũng có nội dung mới.

Liên minh công nông trong giai đoạn này có những yêu cầu mới là vừa nhằm tiếp tục hoàn thành sự nghiệp giải phóng đất nước, hoàn thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và

thực hiện thống nhất nước nhà ; vừa nhằm đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Do cách mạng xã hội chủ nghĩa có yêu cầu xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, kể cả chế độ sở hữu nhỏ, cả thê về ruộng đất, cho nên các tầng lớp nông dân đối với cách mạng có thái độ khác nhau tùy theo địa vị kinh tế của họ. Sau cải cách ruộng đất, ở miền Bắc, nông dân nghèo còn lại rất ít và nói chung sẵn sàng cùng đi với giai cấp công nhân lên chủ nghĩa xã hội. Nông dân giàu có (phú nông) là tầng lớp tư sản ở nông thôn, xuất phát từ bản chất bóc lột của họ, có thái độ và hành động chống lại chủ nghĩa xã hội. Trung nông là bộ phận đông đảo nhất, đã trở thành nhân vật trung tâm ở nông thôn, vừa có mặt tích cực của người lao động sản xuất, vừa có mặt tiêu cực của người tư hữu nhỏ. Trung nông đi hay không đi với giai cấp công nhân, điều đó có ý nghĩa quyết định đối với thành bại của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, liên minh công nông không còn là sự liên minh giữa giai cấp công nhân với toàn thể nông dân nói chung (kể cả phú nông) như trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà là liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân lao động. Liên minh công nông vẫn mang một nội dung toàn diện về chính trị, quân sự và kinh tế, nhưng sự liên minh về kinh tế ngày càng phát triển, nổi lên hàng đầu, diễn ra một cách thường xuyên và có ý nghĩa quan trọng nhất bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

Một trong những vấn đề có tính nguyên tắc đề tiếp tục duy trì và củng cố liên minh công nông theo quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa là Đảng của giai cấp công nhân cần

từng bước vững chắc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ những năm đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã chủ trương hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp, song song với cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đứng đầu là Hồ Chủ tịch, quá trình hợp tác hóa nông nghiệp đã được thực hiện từng bước từ thấp đến cao, từ từ đổi công tiến dần lên hợp tác xã cấp thấp rồi đến hợp tác xã cấp cao. Do điều kiện cụ thể của nước ta, cơ sở công nghiệp nặng còn thấp kém, việc hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp phải đi trước, một bước việc cơ giới hóa nông nghiệp, nhưng được tiến hành song song với việc đẩy mạnh công tác thủy lợi, làm phân bón và tổ chức lại lực lượng lao động để bảo đảm ngay từ đầu hiệu quả kinh tế của hợp tác hóa.

Ở nông thôn miền Bắc, từ năm 1955, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã trở thành cao trào. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường làm ăn cá thể và làm ăn tập thể diễn ra khá gay go, phức tạp và đến cuối năm 1960, việc cải tạo nông nghiệp theo hình thức hợp tác xã cấp thấp về cơ bản đã hoàn thành cùng với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp và đối với thành phần kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa về cơ bản được xác lập, chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội tuy chưa được phát huy hoàn toàn nhưng cũng đã thành sức mạnh vật chất,

góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Vào thời kỳ này, Hồ Chủ tịch đã nhận định: « Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nông dân ta đã hăng hái theo Đảng đứng lên cùng giai cấp công nhân đánh đổ đế quốc và phong kiến. Hiện nay nông dân ta, hăng hái đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Đó là do tinh thần tích cực cách mạng của nông dân ta, do sự giáo dục kiên trì và liên tục của Đảng và của giai cấp công nhân. Cho nên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta ra sức giúp đỡ nông dân, củng cố liên minh công nông » (5).

Hồ Chủ tịch rất quan tâm đến công việc sản xuất và đời sống của nhân dân lao động, chủ yếu là của công nhân và nông dân. Người chỉ ra rằng « muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt vấn đề ăn (rồi đến vấn đề mặc và các vấn đề khác). Muốn giải quyết tốt vấn đề ăn thì phải làm thế nào cho có đầy đủ lương thực. Mà lương thực là do nông nghiệp sản xuất ra. Vì vậy, *phát triển nông nghiệp là việc cực kỳ quan trọng* » (6). Người cũng chỉ rõ: « Công nghiệp phải phát triển mạnh để cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là cho nông dân... để đẩy mạnh nông nghiệp... Công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới phát triển. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khề và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh, và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện *tiên minh công nông* để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân » (7). Theo Hồ Chủ tịch, công nghiệp đóng vai trò quyết định nhất trong nền kinh tế quốc dân, có tác dụng cải tạo và thúc đẩy nông nghiệp phát triển, cho nên phải có sự tác động của công nghiệp ngay từ đầu vào

nông nghiệp thì bản thân nông nghiệp mới phát triển một cách vững chắc và do đó mới có thể làm tốt vai trò cơ sở cho công nghiệp phát triển. Đó là tính tất yếu kinh tế của khối liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, của sự tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nông dân, của sự gắn bó ngày càng khăng khít của giai cấp công dân tập thể với giai cấp công nhân. Hồ Chủ tịch rất chú ý đến vai trò của Nhà nước chẳng những thông qua quá trình tổ chức quản lý sản xuất mà còn thông qua quá trình tổ chức quản lý phân phối lưu thông, tài chính, ngân hàng nhằm phục vụ cho việc củng cố liên minh công nông, bảo đảm trách nhiệm của Nhà nước đối với nhân dân và nghĩa vụ của nông dân đối với Nhà nước. Về quan hệ giữa Nhà nước và nông dân, Người vạch ra một cách cụ thể rằng: « Mua bán phải theo giá cả thích đáng. Thường thường, người mua muốn mua rẻ, người bán muốn bán đắt. Đối với chúng ta, không thể làm như thế được. Giá cả phải bảo đảm cho Nhà nước, hợp tác xã và xã viên cũng có lợi để xây dựng nước nhà.

Về thuế, cũng phải làm sao cho Nhà nước, hợp tác xã và nông dân cũng có lợi...

Chính phủ cố gắng phục vụ lợi ích của hợp tác xã, của nông dân và của nhân dân nói chung. Hợp tác xã, nông dân phải bảo đảm làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Làm như vậy thì ích nước, lợi nhà, xã viên có lợi, hợp tác xã có lợi, Nhà nước cũng có lợi » (8).

Được sự giáo dục của Hồ Chủ tịch và sự lãnh đạo của Đảng ta, vào thời kỳ này, nhiều phong trào thi đua tập thể xã hội chủ nghĩa đã được phát động, nhất là trong lĩnh vực sản xuất

(5) Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 127.

(6), (7) Hồ-Chí-Minh: *sách đã dẫn*, tr. 265 và 266.

(8) Hồ-Chí-Minh: *sách đã dẫn*, tập II, tr. 248.

công nghiệp, nông nghiệp và chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" đã diễn ra sôi nổi, đặc biệt là trong thời kỳ thực hiện những nghị quyết Đại hội thứ III của Đảng và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất. Qua các phong trào thi đua "Duyên-hải", "Đại-phong", "Ba-nhất", v.v. hàng nghìn tổ, đội sản xuất công nghiệp và đơn vị công tác đã được công nhận là tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, hàng nghìn hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã trở thành những hợp tác xã tiên tiến, hàng nghìn đơn vị của các lực lượng vũ trang nhân dân được công nhận là những "đơn vị quyết thắng". Những phong trào thi đua ấy là một động lực to lớn thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đồng thời có tác dụng rất thiết thực đối với việc củng cố khối liên minh công nông và khối đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.



Đất nước ta đã hoàn toàn độc lập và thống nhất. Cả nước ta đang tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ chiến lược của Đảng ta, nhân dân ta lúc này là đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, bảo đảm và ổn định đời sống của nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố lực lượng quốc phòng vững mạnh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của các loại kẻ thù, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc.

Tiếp tục phát huy sức mạnh của khối liên minh công nông về chính trị, quân sự và kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đang là một yêu

cầu cực kỳ quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, nhân dân lao động nước ta, (mà nông cốt là giai cấp công nhân và nông dân lao động) đã trở thành người chủ xây dựng xã hội mới. Vì vậy, nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. không chỉ là nội dung cơ bản của đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới; mà còn là biện pháp chung nhất, cơ bản nhất bảo đảm cho việc xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối liên minh công nông. Ngoài ra, những nhiệm vụ cụ thể, trước mắt như: tiếp tục vận động nông dân ở miền Nam hàng hái đi vào con đường tập thể hóa; ra sức cải tiến công tác quản lý xã hội và quản lý kinh tế, nhất là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và phân phối, lưu thông nhằm khắc phục nhanh chóng và có hiệu quả những hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích của xã hội, của tập thể và của người lao động, thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1981; không ngừng nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; tăng cường vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng trên toàn quốc, nhất là ở nông thôn, v.v. đang là những vấn đề nông thôn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc củng cố và phát huy mạnh mẽ sức mạnh của khối liên minh công nông. Đó cũng là biểu hiện sinh động nhất, sâu sắc nhất việc quán triệt quan điểm của Hồ Chủ tịch về liên minh công nông trong giai đoạn mới của cách mạng.

CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH NHÀ BÁO VÔ SẢN VĨ ĐẠI

THÉ - TẬP

CUỘC đời làm báo của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vừa là nhà lý luận vừa là nhà thực tiễn. Những tác phẩm của Người, bao gồm những cuốn sách, những báo cáo và tham luận tại một số đại hội và hội nghị quốc tế và trong nước, những thư từ và một khối lượng lớn bài báo viết ngắn gọn, cô đọng, kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sinh động lý luận chủ nghĩa Mác-Lê-nin với thực tiễn Việt-nam.

Trong bài này, chúng tôi tìm hiểu sự nghiệp của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh trên mặt trận báo chí cách mạng để góp phần nhỏ vào việc nghiên cứu thân thế và sự nghiệp của Người.



Từ cuối năm 1917, ngay khi bắt đầu tham gia phong trào công nhân Pháp và phong trào Việt kiều yêu nước ở Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nhận rõ báo chí là một vũ khí sắc bén, một phương tiện rất cần thiết để tuyên truyền và đấu tranh

cách mạng. Người không coi nghề làm báo là cốt đề kiếm sống. Với quan điểm đúng đắn đó, quyết tâm vượt mọi khó khăn, trở ngại, ra sức học tập lý luận chính trị, học tập tiếng Pháp và nghiệp vụ làm báo, được sự giúp đỡ nhiệt tình của một số bạn người Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nhanh chóng trở thành một nhà báo có tên tuổi, một cộng tác viên có tin nhiệm của nhiều tờ báo cách mạng và tiến bộ ở Pháp lúc bấy giờ.

Lúc đầu Người viết tin cho báo *Đời sống công nhân* (La vie ouvrière). Bài báo đầu tiên của Người viết nhan đề là *Vấn đề bán xứ* đăng trên báo *Nhân đạo* (L' Humanité) tháng 6 năm 1919. Trong bài báo này Người kịch liệt lên án chế độ thực dân Pháp ở các thuộc địa, trước hết là ở Đông-dương; đồng thời nêu lên tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt-nam vì độc lập và tự do. Cũng năm 1919, ngay sau Hội nghị hòa bình họp ở Véc-xay (Pháp), đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã cho đăng trên báo *Dân chúng* (Le populaire) và báo *Nhân đạo* *Bản yêu sách của dân tộc Việt-nam*. Với 9 điểm yêu sách nổi tiếng,

đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã đấu tranh đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt-nam, trong đó có quyền tự do báo chí và tự do tư tưởng.

Từ năm 1920 đến năm 1923, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết cho các báo: *Dân chúng*, *Nhân đạo*, *Tạp chí Cộng sản*, *Đời sống công nhân*. Ngoài ra, Người cũng viết một số bài cho tuần báo *Người tự do* (*Le Liberaire*).

Người viết nhiều bài trên nhiều báo ở Pháp lúc đó nhằm mục đích tố cáo những tội ác của đế quốc Pháp ở Đông-dương và các thuộc địa khác, đồng thời tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân Pháp đối với phong trào đấu tranh của nhân dân ta và những người anh em bị áp bức ở các thuộc địa khác.

Vào làng báo Pháp, Người hoạt động sôi nổi nhất trong những năm 1922—1923. Người là linh hồn và cây bút chính của tờ báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*), cơ quan tuyên truyền của *Hội liên hiệp thuộc địa*, một hình thức mặt trận thống nhất chống đế quốc Pháp. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc không chỉ là người tham gia sáng lập báo *Người cùng khổ*, mà còn là chủ nhiệm, chủ bút và quản lý tờ báo. Người đã dùng báo *Người cùng khổ* để truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào Đông-dương và các nước thuộc địa khác.

Năm 1923, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc cho xuất bản báo *Việt-nam hôm đề* giác ngộ tinh thần yêu nước cho nhân dân ta và những Việt kiều ở Pháp.

Từ tháng 7 năm 1923 đến cuối năm 1924, hoạt động ở Liên-xô, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc có điều kiện thuận lợi để nghiên cứu thêm lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin, những kinh nghiệm hoạt động của Đảng cộng sản Liên-xô, trao đổi kinh nghiệm với các đại biểu các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới, dự Đại hội

thứ V của Quốc tế cộng sản. Trên cơ sở trình độ lý luận được nâng cao, tầm nhìn được mở rộng, được sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã phát triển và hoàn chỉnh thêm những tư tưởng và quan điểm của mình về cách mạng giải phóng các nước thuộc địa. Người đã viết nhiều bài cho tạp chí *Thư tín quốc tế* (*La correspondance internationale*) của Quốc tế cộng sản, tạp chí *Quốc tế nông dân*, tạp chí *Quốc tế phụ nữ*, báo *Sự thật*, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Liên-xô... nói về tình hình và phong trào đấu tranh của nhân dân Đông-dương và một số thuộc địa khác. Trong cuộc trả lời phỏng vấn của báo *Đóm lửa* (Liên-xô) và báo *U-ni-ta* của Đảng cộng sản Ý, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nêu rõ quan điểm đúng đắn của mình về cách mạng giải phóng dân tộc; về thành tích của Quốc tế cộng sản và nước Nga xô viết; về nguyện vọng và ý chí của nhân dân Việt-nam trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Năm 1924, Người đã gửi bài "Hành hình kiểu Lin-sơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ" (viết bằng tiếng Đức) đăng trên báo *Điện dân thế giới* (*Die welttribüne*), cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đức (năm 1924, tuần báo chính trị và kinh tế đối ngoại *Chân trời* (*Horizont*) của nước Cộng hòa dân chủ Đức, trong số 37, đã giới thiệu và đăng lại toàn văn bài báo đó). Đồng thời, Người tiếp tục gửi bài đăng trên các báo ở Pháp: *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* nói về phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc...

Ngay sau khi V.I. Lê-nin từ trần, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết bài *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa* đăng trên báo *Sự thật* ngày 27-1-1924; Người còn viết nhiều bài đăng trên *Tạp chí đỏ* (tháng 2-1925), báo *Công nhân Ba-kin-xki* (1925), báo *Tiếng còi* (tháng 1-

1926), xuất bản ở Liên-xô, nói về Cách mạng Tháng Mười Nga; về tư tưởng và đường lối của Lê-nin đối với các nước thuộc địa; nêu lên tình cảm sâu sắc, lòng biết ơn vô hạn của nhân dân các nước đối với Lê-nin, người thầy, người cha, ngôi sao sáng chỉ đường cho các dân tộc bị áp bức.

Thời kỳ hoạt động ở Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết báo bằng tiếng Pháp; khi hoạt động ở Liên-xô, Người viết bằng tiếng Nga, một số bài Người viết bằng tiếng Anh, tiếng Đức. Những bài báo của Người thuộc nhiều thể loại: xã luận, bình luận, tin tức, truyện, ký, kịch... Người còn vẽ trên báo *Người cùng khổ* nhiều tranh châm biếm để đả kích bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc trình bày những vấn đề lớn thuộc về chiến lược và sách lược cách mạng bằng lối văn súc tích, ngắn gọn, trong sáng, giản dị, dễ hiểu. Người phân tích sâu sắc tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội ở các nước thuộc địa nói chung và những thuộc địa của Pháp nói riêng. Những bài viết của Người thể hiện tầm nhìn bao quát tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Người quan tâm theo dõi và đánh giá cao các cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nêu lên những việc thật, người thật lấy từ trong đời sống hằng ngày ở các nước thuộc địa, chủ yếu là ở Đông-dương, bằng những số liệu chính xác, những sự kiện cụ thể, với những bằng chứng rõ ràng, có lý lẽ danh thép, dùng phương pháp so sánh và lối châm biếm chua cay, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã lên án cái gọi là "nền văn minh" của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng. Nhiều bài viết của Người mang đặc điểm bút chiến sắc bén. Trong khi vạch tội ác vô cùng tàn bạo của bọn đế quốc, Người biểu lộ tình cảm thương yêu sâu sắc đối với nhân dân ta cũng như đối với nhân dân các

nước thuộc địa khác đang bị dọa dẫm đau khổ dưới gót sắt của bọn đế quốc xâm lược. Đồng thời Người cũng bộc lộ niềm tin tưởng mãnh liệt ở sức mạnh quật khởi của nhân dân ta và nhân dân các nước thuộc địa khác.



Sau Đại hội thứ V của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc trở thành một trong những lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế, đồng thời là một nhà lãnh đạo phong trào nông dân quốc tế.

Đồng chí tiếp tục phát biểu ý kiến của mình về cách mạng giải phóng dân tộc trên tạp chí *Thư tín quốc tế*, *Quốc tế nông dân*, *Quốc tế phụ nữ*... Người viết nhiều bài đăng trên nhiều báo xuất bản ở Liên-xô: báo *Công nhân*, *Nữ công nhân*, tuần báo *Nữ lao động*; năm 1927 Người viết bài cho báo *Công nhân Ba-cu* với bút danh là *Nguyễn-Hữu-Văn*. Từ năm 1925 đến 1927 Người là cộng tác viên tích cực của *Thông tấn xã Rô-sa* (Liên-xô) tại Quảng-châu. Người vừa dịch tiếng Anh vừa viết nhiều bài cho thông tấn xã đó.

Năm 1928, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tiếp tục viết bài cho báo *Diễn đàn thế giới* của Đảng cộng sản Đức. Người còn giới thiệu nhiều tài liệu của Quốc tế nông dân trên báo chí xuất bản ở Quảng-châu. Người viết nhiều bài bằng tiếng Trung-quốc và tiếng Anh cho *Quảng-châu báo* và *Quảng-dông nhật báo*...

Đề xúc tiến việc chuẩn bị mọi mặt tiến tới thành lập một đảng cộng sản ở Việt-nam, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc sáng lập *Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, một tổ chức tiền thân của Đảng. Tháng 6 năm 1925, Người sáng lập tuần báo *Thanh niên*, cơ quan tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Hội.

Tuần báo *Thanh niên* lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp trên mọi lĩnh vực, khơi sâu lòng căm thù đối với chúng, động viên tinh thần yêu nước của thanh niên và nhân dân ta. Với lối văn giản dị, trong sáng, báo *Thanh niên* giải thích rõ ràng đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt-nam. Cùng với tác phẩm *Đường cách mệnh*, báo *Thanh niên* chỉ rõ tính chất của cách mạng Việt-nam là cách mạng giải phóng dân tộc; lực lượng chính của cách mạng là công nhân và nông dân; cách mạng Việt-nam phải do Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin lãnh đạo. Báo *Thanh niên* chỉ rõ tính chất giai cấp công nhân của Đảng; đặt cơ sở lý luận cho việc thành lập Đảng ta, và bắt đầu giáo dục cho cán bộ cách mạng Việt-nam về đạo đức cách mạng, về phương pháp tổ chức các đoàn thể quần chúng như công hội, nông hội, phụ nữ, thanh niên, v.v.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn sáng lập tuần báo *Công nông* vào tháng 12 năm 1926, dành cho công nhân và nông dân nước ta; sáng lập báo *Lính cách mệnh* vào tháng 2 năm 1927, dành cho binh lính người Việt-nam. Báo *Lính cách mệnh* (tiền thân của báo *Quân đội nhân dân* ngày nay) đã nêu lên quan điểm cách mạng bạo lực của chủ nghĩa Mác - Lê-nin: muốn làm cách mạng thành công phải dùng bạo lực, lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, và phải xây dựng quân đội cách mạng...

Tuần báo *Thanh niên*, tuần báo *Công nông* và báo *Lính cách mệnh* là những tờ báo đầu tiên của Việt-nam viết theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đi vào quần chúng nhân dân rộng rãi, mở đầu thời kỳ hình thành nền báo chí vô sản của cách mạng Việt-nam.

Từ mùa thu năm 1928 đến mùa thu năm 1929, hoạt động ở Xiêm (Thái-lan), đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã

chủ trương đổi tên báo *Đồng thanh*. cơ quan tuyên truyền của *Hội thân ái* (phát hành từ năm 1927) thành báo *Thân ái* cho phù hợp với tôn chỉ và mục đích của Hội. Nhờ có sự chỉ đạo đúng đắn của Người, báo *Thân ái* có nội dung rõ ràng, lối viết ngắn gọn, dễ hiểu, được phát hành rộng rãi trong kiều bào và gửi về trong nước.

Cuối mùa thu năm 1929, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc trở lại Hương-cảng, triệu tập Hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản ở trong nước, thành lập Đảng cộng sản Việt-nam. Người chỉ đạo tờ báo *Đỏ*, cơ quan tuyên truyền của *An-nam cộng sản Đảng*, xuất bản ở Hương-cảng vào tháng 10 năm 1929, kêu gọi những người cộng sản Việt-nam cần thống nhất vào một Đảng cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt-nam...



Những năm 1930 - 1931, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc hoạt động ở Thượng-hải (Trung-quốc). Để góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống sự đàn áp đẫm máu của đế quốc Pháp, và để phối hợp với Trung ương Đảng ở trong nước đang thực hiện chủ trương vận động binh lính địch, đồng chí đã chỉ đạo về nội dung và viết nhiều bài cho hai tờ báo do đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng phụ trách: tờ *Kèn gọi lính* dành cho binh lính người Việt-nam, và tờ *Hồng quân* (Armée rouge) viết bằng tiếng Pháp, dành cho binh lính người Pháp...

Từ tháng 2 đến tháng 7 năm 1939, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã viết 9 bài báo đề là *Thư từ Trung-quốc* gửi về nước và đăng trên báo *Tiếng nói của chúng ta* (Notre voix), tuần báo công khai của Đảng xuất bản tại Hà-nội.

Năm 1940, trong khi chờ bắt liên lạc với Trung ương Đảng, chuẩn bị

điều kiện về nước lãnh đạo cách mạng, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã chỉ đạo một số đồng chí ta về công tác tuyên truyền gây cơ sở trong Việt kiều đang sinh sống ở Văn-nam (Trung-quốc); Người đã viết nhiều bài cho báo *D.T* (hiều là « Đảng ta », « Đấu tranh » hay « Đánh tây » cũng được) xuất bản bí mật ở Văn-nam.

Đầu tháng 2 năm 1941, sau 30 năm hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc về nước, cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt-nam.

Tháng 8 năm 1941, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc sáng lập báo *Việt-nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*, để tuyên truyền, cổ động và tổ chức nhân dân các tỉnh Cao-bằng, Bắc-cạn, Lạng-sơn và các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt-minh. Từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 8 năm 1942 đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là người trực tiếp phụ trách tờ báo: duyệt bài, viết bài, có khi làm cả nhiệm vụ lấy tin và in báo. Đồng bào các địa phương rất hoan nghênh báo *Việt lập*, vì nó dễ đọc, dễ hiểu, và rất phù hợp với cán bộ và quần chúng cách mạng thuộc các dân tộc thiểu số.

Tháng 8 năm 1942, lấy tên là Hồ-Chi-Minh, sang Trung-quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt-nam ở đó, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc bị chính quyền địa phương của Tưởng-Giới-Thạch bắt giam hơn một năm.

Tháng 9 năm 1943, sau khi ra khỏi nhà tù, trong lúc chờ đợi chấp lại liên lạc với Trung ương Đảng để trở về nước, Người đã tiếp xúc với các tổ chức của người Việt-nam chống Nhật, chống Pháp ở Liễu-châu (Trung-quốc); đồng thời Người đã viết nhiều bài cho *Liêu-châu báo*, đề ra nhiệm vụ đấu tranh chống phát xít Nhật, đòi thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa, v.v.

Trước đó, khi mới tới Hoa-nam (Trung-quốc), đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã viết nhiều bài bằng tiếng Trung-quốc cho *Cửu vong nhật báo*...

Từ năm 1940 đến năm 1945, những bài của Người viết ở trong nước hay ở nước ngoài đều tập trung vào một chủ đề là đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

Tháng Tám năm 1945, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã viết một văn kiện nổi tiếng vừa có giá trị lớn về lý luận chính trị vừa có giá trị lớn về văn học, đó là bản *Tuyên ngôn độc lập*, văn kiện tổng kết đầu tiên của cách mạng Việt-nam từ khi có Đảng lãnh đạo. Bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử đó, Người đã đọc tại quảng trường Ba-dình Hà-nội ngày 2 tháng 9 năm 1945, đã được Thông tấn xã Việt-nam phát đi trong bản tin đầu tiên khắp cả nước và toàn thế giới; nhiều báo trong nước và nước ngoài đã đăng áng văn nổi tiếng đó.



Trong những năm kháng chiến chống ngoại xâm, dù bận trăm công ngàn việc, có lúc vận mệnh của Tổ quốc như « ngàn cân treo sợi tóc », Hồ Chủ tịch vẫn dành thì giờ lãnh đạo báo chí Việt-nam và viết nhiều bài cho các báo trong nước và một số báo nước ngoài.

Từ năm 1946 đến năm 1954, Hồ Chủ tịch đã viết cho báo *Cửu quốc* 135 bài (thống kê chưa đầy đủ).

Năm 1946, Người còn viết bài *Mừng báo Quốc gia*, cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước, xuất bản tại Hà-nội.

Từ năm 1947 đến năm 1950, Người viết 24 bài cho báo *Sự thật* và một số bài cho tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* của Đảng.

Ngày 27-3-1947, Người viết bài cho báo *Vệ quốc quân*, nêu lên 12 điều mệnh lệnh...

Năm 1950, tạp chí *Học tập* của Đảng

ta đã đăng bài *Huấn thị về công tác huấn luyện, học tập* (bài nổi của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất).

Từ năm 1951 đến năm 1969, Hồ Chủ tịch đã viết cho báo *Nhân dân* 1205 bài với 23 bút danh khác nhau (theo thống kê của báo *Nhân dân*)

Từ năm 1951 đến năm 1955, Người còn viết cho báo *Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân* (cơ quan của Cục thông tin quốc tế) một số bài như bài *Bọn đế quốc cướp nước không bao giờ có thể nô dịch dân tộc Việt-nam anh hùng*, số tháng 4 năm 1952; bài *Quốc khánh lần thứ mười của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa*, số tháng 9 năm 1955, v.v. Những bài này viết bằng tiếng Pháp, đều lấy bút danh là *Đin..*

Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chủ tịch đã viết nhiều bài cho các báo trong nước (kể cả báo của một số ngành và một số tỉnh) nói về nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân; giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tinh thần cần kiệm xây dựng nước nhà, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Người nói nhiều về chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, về con người mới xã hội chủ nghĩa. Người đề nghị các báo mở mục « Người tốt, việc tốt ». Người chú trọng việc xây dựng Đảng và giáo dục cho cán bộ đảng viên *nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*. Trong khi nói về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc đến nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam. Người đã viết nhiều bài nói về đồng bào và chiến sĩ miền Nam đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh anh dũng chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước. Người nêu lên ý chí của 31 triệu nhân dân Việt-nam vì độc lập và tự do của Tổ quốc, đoàn kết một lòng quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược...

Năm 1961, trên tạp chí *Mat-nô-ri-ly ôp oản*, do một nhóm nhân sĩ trí thức tiến bộ Mỹ xuất bản, số ra ngày 21-5-1961, Hồ Chủ tịch đã viết bài kêu gọi các nhân sĩ, trí thức và nhân dân tiến bộ Mỹ vì công lý và tự do, vì hòa bình và hữu nghị hãy dùng cầm đầu tranh chống chính sách xâm lược của chính phủ Mỹ ở miền Nam Việt-nam.

Từ năm 1955 đến năm 1969, Hồ Chủ tịch đã viết một số bài cho *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia* (Liên-xô), *Tạp chí Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, *tạp chí Các vấn đề phương Đông*, *báo Sự thật*, *báo Tin tức* (Liên-xô). Những bài này tập trung nói về ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin và gương sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với các dân tộc phương Đông; ngoài ra, còn nói về củng cố và phát triển sự thống nhất tư tưởng của các đảng mác xít - lê nin nít, về 30 năm hoạt động của Đảng ta...

Nửa thế kỷ làm báo, Hồ Chủ tịch đã sáng lập và chỉ đạo nhiều tờ báo, đã viết hàng mấy nghìn bài với hàng trăm bút danh cho trên 50 báo và tạp chí xuất bản ở nước ngoài và trong nước. Về nội dung bài viết, Người nói: « .. những bài Bác viết chỉ có một « đề tài » là chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó » (1).

Mang tinh chiến đấu cao và tinh quần chúng sâu sắc, vừa có giá trị lớn về lý luận, chính trị, vừa có giá trị lớn về văn học, những bài báo của Hồ Chủ tịch có sức cảm hóa, thuyết phục rất mạnh đối với người đọc. Nhận xét về cách viết của Người, đồng chí Trường-Chinh đã nói: « Cách nói và cách viết của Hồ Chủ tịch có

(1) Trích Bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch tại Đại hội thứ I Hội nhà báo Việt-nam, ngày 17-4-1959. Tài liệu của Hội nhà báo Việt-nam.

những nét rất độc đáo: nội dung khẳng khái, thấm thía, đi sâu vào tinh cảm con người, chinh phục cả trái tim và khối óc của người ta; hình thức sinh động, giản dị, dễ hiểu, giàu tính dân tộc và tính nhân dân » (2).



Hồ Chủ tịch là nhà báo vô sản vĩ đại, nhà tư tưởng của thời đại chúng ta. Sự nghiệp của Hồ Chủ tịch trên mặt trận báo chí gắn liền với toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Trên mặt trận báo chí quốc tế, Hồ Chủ tịch là nhà báo lỗi lạc và kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Người là ngọn cờ tiên phong trên mặt trận báo chí của phong trào giải phóng dân tộc.

Đối với Việt-nam, Hồ Chủ tịch là nhà sáng lập nên báo chí cách mạng. Cùng với Trung ương Đảng, Người đã đề ra đường lối báo chí vô sản của Đảng. Là nhà báo lão luyện, Người đã cùng Trung ương Đảng đào tạo và bồi dưỡng được nhiều cán bộ làm báo xuất sắc. Người rất quan tâm giáo dục cho cán bộ làm báo thấu suốt đường lối báo chí của Đảng. Tại Đại hội thứ II (1959) và Đại hội thứ III (1962) của Hội nhà báo Việt-nam, Người đã chỉ rõ: «... cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng của báo chí để nó làm tròn nhiệm vụ cao cả của nó... Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng... Cho nên báo chí của ta phải có tinh thần quần chúng và tinh thần chiến đấu ». « Báo chí của ta có một địa vị quan trọng trong dự luận thế giới... cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết » (3).

Về kinh nghiệm viết báo, Người nói : «... mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để

làm gì? Viết thế nào cho phổ thông, dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc? Khi viết xong thì nhờ anh em xem và sửa giùm ».

Hồ Chủ tịch nhấn mạnh vấn đề phê bình và tự phê bình trên báo. Người nói: « Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách, mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng... Chớ phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm. Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan được phê bình phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa; nếu phê bình sai, đăng báo giải thích. Quyết không được « phớt » lời phê bình và « trừ » người phê bình ». Đồng thời, Người nhắc các báo cần khuyến khích quần chúng phê bình báo mình để tiến bộ mãi. Người đã phê bình các báo: « Bài báo thường quá dài, « dây cà ra dây muống », không hợp với trình độ và thời giờ của quần chúng; thường nói một chiều và đôi khi thổi phồng thành tích mà ít hoặc không nói đúng mức đến khó khăn và khuyết điểm của ta... Khuyết điểm nặng nhất là dùng chữ nước ngoài quá nhiều và nhiều khi dùng không đúng ».

Về nhiệm vụ của cán bộ làm báo, Hồ Chủ tịch vạch rõ: « Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ ». Người thường dạy: để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí phải có lập trường vững vàng của giai cấp công nhân, phân biệt rõ ta, bạn, thù, nắm vững đường lối chính sách của Đảng; không ngừng

(Xem tiếp trang 70)

(2) Trường-Chinh: *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 68.

(3) Những câu đóng trong ngoặc kép ở đoạn này đều trích trong Bài nói của Hồ Chủ tịch tại Đại hội thứ II và thứ III của Hội nhà báo Việt-nam.

NÂNG CAO VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC

HOÀNG-NGỌC-DI



Hiện nước chuyên chính vô sản của chúng ta đã đưa sự nghiệp giáo dục tiến rất nhanh và đã tạo ra một hệ thống trường lớp khá phát triển, từ nhà trẻ đến đại học, với chất lượng ngày càng phù hợp với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa. Thành tựu đó khẳng định sự cần thiết phải bảo đảm vai trò quản lý mạnh mẽ của Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

Mặt khác, thiếu sót và nhược điểm trong công tác giáo dục không phải là ít, và chúng ta có thể tìm thấy nguyên nhân trong sự buông lỏng hoặc ở những điểm non kém nào đó trong việc quản lý của Nhà nước, ở cấp trung ương cũng như ở từng địa phương.

Trong những hoàn cảnh đầy khó khăn của chặng đường 35 năm qua, không thể đòi hỏi quá nhiều đối với các trường học, vì điều đó vượt xa khả năng thực tế cho phép. Lại càng phi lý nếu chúng ta dựa vào những tiêu chuẩn của nhà trường hiện đại trên thế giới mà đánh giá nhà trường của ta. Song trong những điều kiện đã có, những thiếu sót và nhược

điểm sau đây không phải là không có thể khắc phục được:

1 - Trong công tác bồi túc văn hóa, chúng ta vẫn chưa bảo đảm cho cán bộ chủ chốt học tập được tốt, vì thế cho đến nay, ở nông thôn miền Bắc, vẫn còn phải phấn đấu hoàn thành phổ cập văn hóa phổ thông cấp II cho cán bộ; ở miền núi, trình độ văn hóa của cán bộ còn thấp hơn. Trong công tác tuyển sinh vào các trường đại học, chúng ta vẫn chưa thật sự bảo đảm một tỷ lệ thích đáng những thanh niên ưu tú trong giai cấp công nhân công nghiệp đã trải qua sản xuất và chiến đấu, do đó, sau 35 năm cách mạng, đội ngũ trí thức mới, nhất là ở trình độ trên đại học, chưa có nhiều người thuộc thành phần này.

2 - Giáo dục phổ thông nói chung phát triển rộng rãi, song ở một số địa phương, mức độ phổ cập vẫn còn quá thấp, thậm chí có nơi giảm chân tại chỗ, như ở vùng cao miền Bắc. Ở miền Nam, mới có 60% thiếu niên được đi học; ở nhiều huyện và xã ở miền Đông Nam-bộ cũ, tỷ lệ đó còn thấp hơn. Ở những vùng dân tộc thiểu

số, vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh, đương nhiên có nhiều trở ngại cho việc phổ cập giáo dục hơn ở thành thị và nông thôn trù phú, song thực tiễn cũng đã đem lại những kinh nghiệm có thể bảo đảm tốt hơn nguồn tuyển sinh cho đào tạo cán bộ người dân tộc, người địa phương; đó là việc có thể làm được với các hình thức trường phổ thông đặc biệt, trường thiếu nhi dân tộc, lớp dự bị cho chuyển ngiệp...

3 - Chất lượng giáo dục phổ thông còn thấp. Biểu hiện tập trung nhất là người học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III phổ thông không có khả năng đi vào lao động sản xuất hay vào trường học nghề một cách thuận lợi. Nếu không được học lên, họ cảm thấy ngỡ ngàng, bơ vơ, không biết làm gì mà cũng không có tổ chức nào tiếp nhận. Hệ thống dạy nghề còn yếu, lại không kế tục hệ thống giáo dục phổ thông. Nói một cách nghiêm khắc thì việc xác định mục tiêu đào tạo của trường phổ thông không được rõ lắm; chúng ta đã lấy một chương trình học để đánh giá kết quả đào tạo, mà không lấy những yêu cầu của cuộc sống làm tiêu chuẩn. Trẻ em ta vốn thông minh, nhưng cách dạy còn kém cho nên nhiều cháu không thật ham học; nhiều cháu có năng khiếu đặc biệt không được phát huy.

4 - Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chưa được quan tâm thích đáng, điều đó thể hiện ở cả các khâu tuyển sinh vào sư phạm, đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng. Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã đặt giáo viên vào vị trí rất cao trong các nghề nghiệp. Đó là do yêu cầu khách quan của sự nghiệp « đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau ». Song cho đến nay, không kể lớp giáo viên được đào tạo trong chế độ cũ, ngay lớp giáo viên được đào tạo dưới mái trường sư phạm xã hội chủ nghĩa cũng còn xa mới đạt tiêu chuẩn. Việc đào tạo

giáo viên không được chủ động đặt vào kế hoạch dài hạn của Nhà nước cho nên có nhiều lúc phải đào tạo cấp tốc. Điều kiện học tập và ăn ở trong nhiều trường sư phạm chưa đủ sức hấp dẫn thanh niên, nhiều người chưa nhận rõ rằng chất lượng đào tạo là một tiêu chuẩn hàng đầu thu hút người học. Đến khi ra công tác, ở nhiều địa phương, người giáo viên lại không được chăm sóc về đời sống và điều kiện làm việc bằng cán bộ ở nhiều ngành khác.

5 - Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nhiều trường học kể cả trường sư phạm còn quá nghèo nàn. Có thể nói trong nhà trường hiện đại, không thể có chất lượng giáo dục tốt nếu không có một cơ sở vật chất tương ứng. Trong việc giáo dục con người và trong sự hình thành khái niệm, những hoạt động thực tiễn bên ngoài của học sinh phải làm cơ sở cho những hoạt động bên trong, cho tư duy, cho tình cảm. Giảng dạy chay không những không hình thành khái niệm một cách chính xác mà còn tạo ra một thói quen suy nghĩ không cần thực tiễn, không cần thực nghiệm. Ở nước ta không thiếu những điển hình trường học hay địa phương coi trọng xây dựng trường sở, chế tạo thiết bị dạy học. Nhưng rất nhiều trường học quá nhếch nhác đến mức trở thành khung cảnh phản sư phạm.

Những thiếu sót trên đều có nguyên nhân trong sự quản lý của Nhà nước đối với ngành giáo dục. Để xác định đúng những khâu quan trọng cần giải quyết trong việc tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực này, cần dựa vào quan điểm cơ bản của Đảng ta về tính chất và vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản, đồng thời cần hiểu rõ đặc điểm của công tác giáo dục.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội thứ IV của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã phát biểu luận điểm cơ bản về Nhà nước xã hội chủ nghĩa như sau:

« Phải ra sức xây dựng một Nhà nước kiểu mới, Nhà nước do chính giai cấp công nhân và nhân dân lao động tự tổ chức để thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình, Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, thông qua đó, Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với xã hội. Nhà nước ấy vừa là một tổ chức hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức kinh tế và văn hóa, giáo dục, Nhà nước ấy phải đủ tư cách và năng lực để tổ chức và quản lý mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội. (*)

Công tác giáo dục lại có những đặc điểm mà ta phải tính đến khi bàn về vai trò quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực ấy. Dưới chế độ ta, công tác giáo dục là một hoạt động xã hội có tổ chức, có mục đích nhằm hình thành những phẩm chất và năng lực của con người mới. Con người mới mà nhà trường đào tạo, cho dù trong xã hội còn nhiều giai cấp, trong nền kinh tế còn nhiều thành phần khác nhau, con người đó chỉ có một hệ tư tưởng, đó là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân; đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Quá trình giáo dục cũng là quá trình đối tượng được giáo dục biến những điều tiếp nhận thành tư tưởng của cá nhân phù hợp với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Để đạt được điều đó, nhất thiết phải gắn học với hành, giáo dục với lao động sản xuất, nhà trường với xã hội. Công tác giáo dục phải là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội. Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của giáo dục; quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động phải thể hiện cả trên hai mặt đó.

Để nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác giáo dục, trước mắt, chúng ta cần giải quyết tốt mấy khâu tổ chức và quản lý sau đây :

Một là, thật sự lấy công tác nghiên cứu khoa học giáo dục làm cơ sở cho việc xác định đường lối chủ trương về giáo dục. Trong từng kế hoạch 5

năm hay 1 năm, các cấp chính quyền vẫn đề ra chủ trương về giáo dục, đề ra chỉ tiêu phát triển và phương hướng phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục. Nhưng phần lớn là do ước tính đại thể, thiếu điều tra cơ bản trước, hoặc không cân đối chủ trương với điều kiện thực hiện. Lực lượng nghiên cứu về giáo dục học và tâm lý học chậm được đào tạo so với các bộ khoa học thuộc nhiều ngành khác. Hoạt động nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực này chưa thật tập trung giải quyết những vấn đề then chốt bảo đảm mục tiêu và nguyên lý giáo dục của Đảng. Ví dụ, vấn đề giáo dục cho học sinh phổ thông khi ra trường có thể tham gia lao động sản xuất đã được đặt ra từ năm 1957, và cũng từ đó đã có chủ trương chương trình giáo dục phổ thông phải có giờ giáo dục về lao động và kỹ thuật, nội dung giáo dục phổ thông phải quán triệt nguyên tắc kỹ thuật tổng hợp. Song cho đến nay trường phổ thông vẫn chưa có chương trình và sách kỹ thuật cần thiết, chưa có điều kiện lao động có kỹ thuật, thiếu rất nhiều giáo viên kỹ thuật, không có tổ chức hướng nghiệp.

Cơ chế quản lý của ngành giáo dục chưa buộc người cán bộ quản lý giáo dục phải xác định chủ trương công tác của mình trên cơ sở khoa học, từ quan điểm lý luận đến điều kiện thực hiện. Rất nhiều vấn đề trong công tác chỉ đạo giáo dục như quan hệ giữa số lượng và chất lượng, quan hệ giữa chất lượng chung với yêu cầu và khả năng giáo dục riêng của từng địa phương; vấn đề giáo dục kết hợp với lao động sản xuất; quan hệ giữa kiến thức khoa học hiện đại với thực tế lao động thủ công... chưa được khoa học giải quyết thấu đáo. Điều đó tất nhiên ảnh hưởng đến chủ trương và

(*) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 52.

các khả năng thực hiện khác nhau, do đó có những mặt, những việc quản lý không nhất quán, không triệt để. Vì thế trong việc chấn chỉnh sự quản lý của Nhà nước đối với công tác giáo dục, vấn đề đầu tiên là tăng cường tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục và đi đôi với nó là cơ chế quản lý dựa vào khoa học.

Hai là, đề cao vai trò chỉ đạo có tính chất quyết định của các cơ quan quyền lực Nhà nước và tính pháp lý của những chủ trương về giáo dục.

Các cơ quan quyền lực Nhà nước như Quốc hội, Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp giữ vai trò chỉ đạo có tính chất quyết định không chỉ vì đó là những cơ quan tiêu biểu cho quyền lực của nhân dân, mà về ý nghĩa thực dụng đối với công tác giáo dục mà nói, chỉ có cơ quan quyền lực mới huy động được mọi ngành, mọi lực lượng xã hội tham gia xây dựng giáo dục. Một đặc trưng của công tác giáo dục con người mới là nó chỉ có thể là kết quả tổng hợp các tác động của nhiều nhân tố xã hội; trường học chỉ làm nhiệm vụ chuẩn bị cho học sinh tiếp thu tốt nhất các tác động có chọn lọc để biến thành nhân cách của mình. Trong các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Nhà nước đều ban hành Luật về hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện Luật đó. Các cơ quan quyền lực có trách nhiệm xem xét mối quan hệ giữa giáo dục với ba cuộc cách mạng, giữa yêu cầu và khả năng; đó là điều mà riêng ngành giáo dục không thể làm nổi.

Đề bảo đảm cho các cơ quan quyền lực làm tốt chức trách của mình về mặt này, chúng ta cần coi trọng xây dựng tổ chức giúp việc và phát huy vai trò của ủy viên chuyên trách công tác văn hóa giáo dục.

Ba là, xác định cơ chế tổ chức nhằm bảo đảm nhân dân tham gia quản lý công tác giáo dục.

Quá trình giáo dục có đặc trưng là nó không thu hẹp trong phạm vi nhà trường (như sản xuất công nghiệp chỉ diễn ra trong phạm vi nhà máy), mà quá trình này đi theo đối tượng giáo dục ở khắp nơi (ở trường, ở nhà, ở ngoài đường) và mọi lúc (kể cả giấc ngủ). Nhân dân, nhất là cha mẹ học sinh, là chủ thể quản lý sự nghiệp giáo dục, bên cạnh đội ngũ giáo viên là cốt cán. Ngay cả học sinh vốn là đối tượng của giáo dục, nhưng về mặt nào đó, trong quan hệ với bạn bè, với Đoàn, Đội, họ cũng là một chủ thể quản lý giáo dục.

Nội dung giáo dục càng phong phú bao nhiêu thì việc huy động các lực lượng xã hội ngoài nhà trường vào việc này càng cần thiết bấy nhiêu. Huy động và tổ chức nhân dân tham gia quản lý giáo dục là một nguyên tắc của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Được sự chỉ đạo của nhà trường, cơ quan tiêu biểu cho đường lối và khoa học giáo dục xã hội chủ nghĩa, nhân dân thống nhất với nhà trường về tác động sư phạm, tạo ra môi trường xã hội thuận lợi cho sự hình thành con người mới.

Lâu nay, chúng ta có Hội cha mẹ học sinh, Hội bảo trợ học đường... để giúp đỡ cho từng trường học một. Đã đến lúc Nhà nước ta cần thành lập một tổ chức đại diện cho toàn xã hội, để giúp cho chính quyền các cấp quản lý sự nghiệp giáo dục. Trong thực tế, cơ quan quản lý giáo dục của Nhà nước không đơn thuần có tính chất Nhà nước mà còn có tính chất xã hội. Trong nội bộ nhà trường cũng vậy, giáo viên và học sinh sử dụng các đoàn thể của mình để tham gia quản lý.

Bốn là, cải tiến tổ chức và cơ chế quản lý của ngành giáo dục nhằm quản lý tốt quá trình giáo dục ở cơ sở.

Công tác quản lý phải làm cho toàn bộ hệ thống hoạt động và phát triển thuận lợi nhất; nhưng nơi đèn

cùng, quan trọng nhất vẫn là quá trình trực tiếp thực hiện. Đó là quá trình giáo dục ở cơ sở (bao gồm cả trong phạm vi trường học và ngoài trường học). Quá trình này có đặc trưng là: tuy có định hướng, có tổ chức, song rất cơ động và tùy thuộc vào sự biến đổi của cá nhân; quá trình giáo dục phải biến thành quá trình tự giáo dục.

Trong thực tiễn quản lý giáo dục, thường có ba khâu quan trọng: một là xác định đường lối, chủ trương, kế hoạch; hai là biến đường lối, chủ trương đó thành ý thức và năng lực của giáo viên cộng với những điều kiện khác quan cần thiết; ba là quá trình giáo dục học sinh, tức là quá trình biến đổi những yếu tố xã hội—tinh thần thành nhân cách của học sinh. Rất tiếc là lâu nay, các cấp bộ quản lý của ngành giáo dục thường chỉ quan tâm đến hai khâu đầu, và coi nhẹ khâu cuối; và cũng vì coi nhẹ khâu cuối, tức là khâu quyết định, cho nên hai khâu đầu cũng không thật sát và sâu sắc.

Nhược điểm này có nguyên nhân: cán bộ giáo dục kể cả những người xuất thân là giáo viên, không được bồi dưỡng tốt về khoa học giáo dục, tổ chức giáo dục yếu về chỉ đạo chuyên môn, nhất là chuyên môn về giáo dục con người, và yếu về kiểm tra quá trình giáo dục trực tiếp ở cơ sở.

Không phải ai cũng trở thành nhà giáo dục giỏi, nếu họ không được đào tạo. Vì thế, bất cứ cán bộ quản lý giáo dục nào cũng phải được đào tạo; qua đào tạo, nếu thấy họ không có năng lực quản lý thì nhất thiết không giao trách nhiệm này.



Trước khi đi sâu vào việc chấn chỉnh tổ chức quản lý ngành giáo

dục, cần có một cái nhìn tổng quát về vai trò quản lý của Nhà nước đối với giáo dục, từ đó chỉ ra những vấn đề chủ yếu cần giải quyết. Trong cơ cấu Đảng — nhân dân — Nhà nước, vai trò của Nhà nước quan trọng ở chỗ nó tổ chức cho nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân ở đây có hai khía cạnh: một là, quyền làm chủ của giáo viên và nhân dân ngoài nhà trường với tư cách là chủ thể giáo dục; hai là, quyền làm chủ của học sinh với tư cách là đối tượng giáo dục. Giáo viên và người lớn tuổi ngoài nhà trường có trách nhiệm quản lý trường học nhằm tạo hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển của học sinh. Nhưng học sinh trước hết phải làm chủ quá trình giáo dục bản thân, và có tham gia quản lý trường học thì điều đó chủ yếu cũng nằm trong mục đích làm tốt quá trình tự giáo dục. Vì thế những hoạt động làm chủ của học sinh, của đoàn thể học sinh phải được đặt vào chương trình giáo dục, được đối xử như những hoạt động sư phạm, thông qua đó mà người học sinh phát triển tốt hơn. Nếu không nắm vững đặc điểm này thì dễ sinh ra lộn xộn trong quan hệ thầy trò, trong hoạt động của các đoàn thể thanh niên, thiếu niên. Ngay đến những hoạt động của học sinh nhằm góp phần cải tạo xã hội hay tự nhiên cũng mang ý nghĩa giáo dục, nhằm hình thành những phẩm chất và năng lực mới trong con người hơn là kết quả thực tiễn đạt được ngoài con người. Nghệ thuật sư phạm ở đây là bảo đảm quyền làm chủ tập thể của học sinh thông qua cơ chế tổ chức và những hoạt động của tổ chức học sinh nhằm đạt kết quả giáo dục cao nhất mà người học sinh vẫn không cảm thấy mình « bị » giáo dục.

Đấu tranh chống sự phá hoại của địch trên mặt trận văn nghệ

TRẦN-THỌ

VĂN nghệ là một trong những mặt trận ở đó cuộc đấu tranh giai cấp giữa ta và địch diễn ra dai dẳng ác liệt. Nếu nhân dân ta sử dụng vũ khí văn nghệ để đấu tranh chống địch, giải phóng đất nước, xây dựng cuộc sống mới, con người mới, thì kẻ thù cũng sử dụng vũ khí văn nghệ để chống phá sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Xây dựng nền văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa, là một bộ phận của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, cùng với việc phá hoại nước ta về kinh tế, chính trị,... chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế luôn luôn tìm cách phá hoại nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Âm mưu, thủ đoạn, hình thức, phương tiện phá hoại của chúng thay đổi tùy nơi, tùy lúc, tùy đối tượng, nhưng chung quy phương hướng chính của chúng vẫn là tiến công vào các nguyên tắc cơ bản của văn nghệ ta nhất là nguyên tắc Đảng lãnh đạo văn học, nghệ

thuật, và tiến công vào phương pháp sáng tác của văn nghệ ta là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chúng xuyên tạc bản chất tốt đẹp của chế độ ta, rêu rao rằng dưới chế độ ta không có « tự do sáng tác ». Chúng tuyên truyền thứ « tự do tuyệt đối » của văn nghệ sĩ, thực chất là tự do cá nhân tư sản. Chúng tán dương thuyết « tính người » siêu giai cấp, tán dương các phương pháp sáng tác suy đồi « hiện đại », v.v. Chúng truyền bá các quan điểm văn nghệ tư sản, mưu toan đem những quan điểm đó thay thế các quan điểm văn nghệ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Chúng tìm mọi cách phá hoại đội ngũ văn nghệ cách mạng của chúng ta.

Hiện nay, đất nước ta đang là một trong những trung tâm phản kích của bọn theo chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Phối hợp với đe dọa quân sự, bao vây kinh tế, tiến công chính trị, chiến tranh gián điệp là chiến tranh tâm lý. Chúng đã và đang huy động đủ mọi phương tiện phát thanh, truyền hình, báo chí, văn hóa

phẩm, truyền đơn, thư từ, hàng tâm lý chiến... để đánh phá ta về tư tưởng, hòng làm suy yếu hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của ta. Chúng sử dụng cả những tổ chức tôn giáo quốc tế vào mục đích đen tối của chúng. Chúng tập hợp nuôi dưỡng những tên phản bội ở ba nước Đông-dương và dùng bọn này làm tay sai cho chúng. Chỉ huy các hoạt động này là bộ máy phá hoại về tư tưởng của Oa-sinh-ton và NATO vừa được tổ chức lại mà trung tâm là «Hàng thông tin văn hóa Mỹ» do Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ trực tiếp điều khiển, câu kết chặt chẽ với bộ máy thông tin tuyên truyền phản động của Bắc-kinh.



Sự phối hợp hoạt động phá hoại về tư tưởng, văn hóa, văn nghệ giữa các loại kẻ thù bên trong và bên ngoài nước ta tập trung vào mấy điểm sau đây:

1 - Lợi dụng những khó khăn về kinh tế và đời sống, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, khai thác những lệch lạc và sơ hở có thể có trong văn nghệ để kích động và lôi kéo văn nghệ sĩ gây rối trên mặt trận văn nghệ của ta.

Cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới. Tình hình trong nước và thế giới diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, do thiếu kiên định, do nhận thức còn hạn chế, một số ít người tỏ ra hoang mang, bối rối, hoài nghi. Trạng thái tư tưởng ấy cũng phản ánh vào văn học, nghệ thuật: đây đó lẻ tẻ xuất hiện một số ít sáng tác lệch lạc và những quan điểm lý luận văn nghệ sai lầm. Kẻ thù nắm ngay lấy cơ hội ấy, ráo riết hoạt động, hòng tạo dựng lên một sự đối nghịch với chế độ ta, với sự lãnh đạo của Đảng ta. Bộ máy chiến tranh tâm lý của chúng ra sức xuyên tạc, kích động. Chúng đề cao người này, hạ thấp

người khác trong giới văn nghệ nhằm mục đích gây rối và lôi kéo. Chúng tung tin bịa đặt rằng tác giả này, tác phẩm kia sắp bị «đấu», rằng nhà văn tên tuổi nọ, nghệ sĩ nổi tiếng kia đã chạy ra nước ngoài! Chúng mượn «lưỡi» của những người ngây thơ về chính trị. Chúng lên lút tổ chức những «câu lạc bộ bỏ túi», sáng tác và loan truyền những thơ ca, hò vè, chuyện tiểu lâm đã kích lãnh đạo và nói xấu chế độ ta... Chúng không từ một thủ đoạn xấu xa nào để xen vào nội bộ giới văn nghệ ta, gây rối loạn, thực hiện âm mưu «đánh phá từ bên trong».

2 - Tiếp sức cho những tàn dư văn hóa, văn nghệ thực dân mới, cổ vũ những khuynh hướng văn nghệ tư sản phản động.

Kẻ thù đang tiếp sức cho những tàn dư văn hóa thực dân mới trên đất nước ta. Có những tên «linh xung kích» của văn hóa thực dân mới còn lại ở miền Nam không chịu cải tạo vẫn tiếp tục chứa chấp, tàng trữ, truyền bá các thứ văn hóa phẩm đồi trụy, phản động hoặc lập lại các đờ gái đĩm, nhạc vàng. Bằng con đường bưu điện quốc tế, thông qua một số phần tử xấu trong các đoàn tham quan, du lịch, trong các sứ quán, lãnh sự quán tư bản, đế quốc, chúng đã đưa vào nước ta nhiều thư từ, phim ảnh, các loại văn hóa phẩm tuyên truyền lối sống tư sản phương Tây. Ở một vài thành phố lớn, chúng ta đã phát hiện những ổ chiếu phim đồi trụy, có ổ có hàng chục bộ phim «con heo». Chúng dè bủ, che bai văn nghệ xã hội chủ nghĩa nhằm tạo nên trong các tầng lớp nhân dân miền Nam tâm lý thất vọng, mặc cảm, xa lạ với văn nghệ cách mạng, lôi kéo họ quay về với những thị hiếu sân khấu và phim ảnh thời thực dân mới của Mỹ, ngụy và tư sản Hoa kiều. Âm mưu của

chúng là làm cho văn nghệ ta lạc hướng, chạy theo những thị hiếu tầm thường và coi nhẹ tính tư tưởng, cốt sao « ăn khách », tán dương khuynh hướng đi tìm sự « hấp dẫn » theo lối hình thức chủ nghĩa.

Ấy là chưa nói đến thứ văn nghệ phản động cổ vũ bạo loạn do chính bọn thù địch với chế độ ta được cài lại ở miền Nam sáng tác và tung ra.

3 — Sử dụng những văn nghệ sĩ di tản, lưu vong ở nước ngoài để đánh phá về trong nước.

Đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Bắc-kinh có cả một kế hoạch sử dụng những văn nghệ sĩ người Việt-nam di tản, lưu vong ở nước ngoài để đánh phá về trong nước, phá hoại mặt trận văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Đương nhiên, không phải tất cả văn nghệ sĩ Việt-nam vì lý do này hay lý do khác phải sống ở nước ngoài, đều làm việc cho chúng. Nhưng chúng cũng đã nắm được một số những tên bồi bút của chúng từ Việt-nam ra đi và bằng mọi cách chúng tìm cách quy tụ mọi hoạt động văn nghệ của những người Việt-nam lưu vong vào trong vòng tay của chúng. Cho nên, bên cạnh bảo chi của Việt kiều về nước đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã thấy xuất hiện hàng loạt tờ báo phản động bằng tiếng Việt ở nước ngoài. Tính đến tháng 12-1980, có 119 tờ báo loại này, trong đó có 26 tờ ở Mỹ, 18 tờ ở Tây Đức, 15 tờ ở Pháp, 9 tờ ở Bỉ, 8 tờ ở Ca-na-đa, v.v.

Ngoài ra, chúng còn lập nhiều nhà xuất bản, nhà hát, các đoàn tạp kỹ, các hãng sản xuất đĩa hát, v.v. để phá hoại nước ta về văn học, nghệ thuật.

Cầm đầu các tổ chức báo chí, xuất bản, văn nghệ ấy là những tên mặt vụ, tình báo văn nghệ có tên tuổi ở miền Nam trước đây, những phần tử

phản động khét tiếng trong các giới tôn giáo thời Mỹ — nguy. Chúng được đài phát thanh « Tiếng nói Hoa-kỳ » dành cho nhiều buổi ca nhạc « Tiếng hát của những người di tản » để kích động, kêu gọi người Việt-nam chạy trốn và phản bội Tổ quốc mình. Chúng xuyên tạc tình hình văn học, nghệ thuật ta, xuyên tạc chính sách của Đảng ta đối với văn nghệ sĩ. Chúng đội lốt « tình yêu quê hương », « tình yêu Tổ quốc », tổ chức « Những đêm không ngủ », « Quốc hận 30-4 », « Tháng tư đen », tổ chức những cuộc diễn thuyết, biểu tình chống Việt-nam, tập hợp lực lượng cho « Mặt trận văn nghệ phục quốc hải ngoại » của chúng. Bằng con đường bất hợp pháp, chúng đưa vào nước ta đủ các loại báo chí, băng nhạc và bài hát phản động. Chúng đã đưa in và phát hành rộng rãi ở nước ngoài mấy tác phẩm chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt-nam của một tên nhà văn phản động.

4 — Phá hoại đội ngũ văn nghệ ta.

Kẻ thù đang tìm cách mua chuộc, lừa bịp văn nghệ sĩ ta bằng những quà gửi tặng, mời đi tham quan, nhận in và biểu diễn tác phẩm, thậm chí dụ dỗ những người làm công tác văn nghệ chạy trốn ra nước ngoài hòng làm xói mòn, suy yếu đội ngũ văn nghệ ta. Chúng không chỉ lưu ý đến những người đã sống dưới thời Mỹ — nguy chịu nhiều ảnh hưởng của phương Tây mà còn tìm cách lôi kéo những người hoạt động văn nghệ khác, kể cả những người được đào tạo trong lòng chủ nghĩa xã hội. Các tổ chức tri thức lưu vong phản động thế giới như « Ủy ban tri thức châu Âu tự do », « Câu lạc bộ Bút chì quốc tế » cùng với bọn « Văn bút Việt-nam hải ngoại » ở Pháp và các tổ chức văn nghệ Việt-nam di tản khác đã phối hợp với nhau để phá hoại đội ngũ tri thức, văn nghệ sĩ ta. « Cuộc sống

thiên đường» và «những mảnh đất hứa hẹn» ở phương Tây đã lôi kéo được một dóm người mất phẩm chất, hoang mang, dao động, vượt biên ra đi hoặc chạy vào sử quán nước ngoài. Bọn bành trướng Bắc-kinh cũng đã sử dụng những tên người Hoa chạy trốn ra nước ngoài gửi thư về Việt-nam lôi kéo các diễn viên trong một số đoàn nghệ thuật chạy sang Trung-quốc hoặc Hương-cảng; chúng mở cửa Bắc-hải làm nơi đón tiếp người vượt biên, v.v. Tất cả những mưu ma chước quỷ ấy của kẻ thù không lung lạc được đội ngũ văn nghệ ta đã được rèn luyện thử thách qua các phong trào cách mạng và chiến tranh cách mạng, song cũng buộc chúng ta phải cảnh giác.



Phá hoại ta trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ là một bộ phận rất quan trọng trong toàn bộ kế hoạch đánh phá nước ta của kẻ thù. Chúng ta cần nhận thức rõ âm mưu đó của chúng.

Nắm vững nguyên tắc tính đảng trong văn hóa, văn nghệ, chúng ta kiên quyết bảo vệ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối sáng suốt, đúng đắn của Đảng ta về văn hóa văn nghệ, bảo vệ những thành quả vẻ vang mà nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa chúng ta đã đạt được, đề trên cơ sở đó không ngừng tiến tới những sáng tạo mới. Đồng thời, chúng ta kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm lý luận tư sản nguy trang dưới hình thức này hay hình thức khác, tiếp tục quét những tàn dư văn hóa thực dân mới và tất cả những văn hóa phẩm đồi trụy, phản động lên lút đưa vào nước ta.

Điều đặc biệt quan trọng là chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo, phân biệt rõ đâu là những vấn đề nội bộ của văn nghệ ta, những vấn đề do nhu cầu phát triển thật sự của nền văn nghệ đặt ra và đòi hỏi được giải quyết, đâu là những vấn đề do kẻ địch tung ra hoặc có bàn tay của kẻ địch xen vào. Trước đây chúng ta đánh Mỹ xâm lược. Lúc này chúng ta phải đương đầu với bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, bọn này đang ráo riết thực hiện âm mưu trước hết đánh từ trong nội bộ ta đánh ra, cho nên chúng ta càng phải coi trọng việc củng cố nội bộ. Tổ chức đội ngũ văn nghệ sĩ ta phải thật vững mạnh để không cho kẻ địch xen vào phá hoại. Chúng ta giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau, tích cực đấu tranh chống lại chiến tranh tâm lý của địch đang tìm cách chia rẽ nội bộ đội ngũ văn nghệ ta, hy vọng làm cho văn nghệ sĩ ta hoài nghi hay đối lập với sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ. Ý thức tổ chức và kỷ luật, ý thức bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước, lúc này hơn lúc nào hết vô cùng cần thiết. Chúng ta luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Lê-nin: «Trong chính trị, điều quan trọng tuyệt nhiên không phải là xét xem ai là người đứng ra biện hộ trực tiếp cho những quan điểm nào đó. Điều quan trọng là xét xem những quan điểm ấy, những đề nghị ấy và những biện pháp ấy có lợi cho ai» (1).

Làm được như thế thì kẻ thù dù gian xảo, xảo quyết, cũng không thể lôi kéo được văn nghệ sĩ của ta, không thể phá hoại được mặt trận văn hóa, văn nghệ của ta.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1972, tập 19 tr 55.

BUN-GA-RI, MỘT NƯỚC CÔNG – NÔNG NGHIỆP

LÊ - TÌNH

TRONG quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Bun-ga-ri đã đạt được những thành tựu ngày càng to lớn. Đến cuối năm 1980, vốn sản xuất cơ bản đã lên tới 77 tỷ lê va, sản lượng công nghiệp tăng 72 lần so với năm 1939. Tổng sản phẩm quốc dân năm 1979 là 47 tỷ lê va. Trong 1/4 thế kỷ nay, tốc độ tăng trung bình hằng năm của thu nhập quốc dân Bun-ga-ri là 8,1% ; đó là một trong những tốc độ cao nhất ở châu Âu và trên thế giới.

Nhờ vậy, Bun-ga-ri đã bước vào giai đoạn chuyển từ phát triển kinh tế theo chiều rộng sang phát triển kinh tế theo chiều sâu. Đại hội thứ XII Đảng cộng sản Bun-ga-ri vừa qua đánh dấu thời kỳ có những quá trình và biến đổi sâu sắc về chất lượng trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển ở Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri.

Đó là những biến đổi trong cơ sở hạ tầng, và cả trong kiến trúc thượng tầng. Hơn 70% vốn đầu tư trong kế hoạch mới sẽ dùng để cải tạo và hiện đại hóa kinh tế. Kế hoạch 5 năm thứ 8 sẽ là kế hoạch của tiến bộ kỹ thuật. Đường lối nhằm giành hiệu quả và chất lượng kinh tế cao sẽ được thực hiện có kết quả hơn. Trong lĩnh vực xã hội, nhu cầu của nhân dân sẽ được

thỏa mãn đầy đủ hơn. Trong lĩnh vực tinh thần, sẽ tiếp tục có cố gắng lớn trong việc phát triển khoa học và văn hóa, giáo dục chủ nghĩa cộng sản toàn diện, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ đặc điểm của một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu do lịch sử để lại, sớm tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô, Bun-ga-ri ngay từ đầu đã chủ trương thực hiện công nghiệp hóa mà then chốt là phát triển ngành điện và chế tạo cơ khí. Đại hội thứ XII Đảng cộng sản Bun-ga-ri đã nhấn mạnh rằng *trong 5 năm và 10 năm tới, công nghiệp nặng vẫn tiếp tục giữ vai trò nền tảng của toàn bộ nền kinh tế quốc dân*. Đường lối phát triển kinh tế đó quyết định phương hướng đầu tư, và do đó, quyết định sự hình thành cơ cấu kinh tế hiện nay ở Bun-ga-ri. Tỷ trọng của hai ngành cơ bản trong kinh tế quốc dân đã biến đổi: công nghiệp từ 21,7% năm 1939, năm cao nhất trước cách mạng, lên 86% năm 1978, còn nông nghiệp từ 75,3% giảm xuống còn 14%. Trong bản thân công nghiệp, cũng đã diễn ra sự thay đổi cơ cấu theo phương hướng tiên tiến, giữa nhóm A – sản xuất tư liệu sản xuất – và nhóm B – sản xuất tư liệu tiêu dùng.

Tỷ lệ giữa hai nhóm này năm 1939 là 22,6% so với 77,4%. Năm 1977, nhóm A: 60,6%, nhóm B: 39,4%. Trong nhóm A, bộ phận tư liệu lao động cũng tăng nhanh hơn bộ phận đối tượng lao động.

Trong quá trình công nghiệp hóa, Bun-ga-ri chú trọng trước hết ngành điện. So với năm 1960, năm 1977 sản lượng điện tăng 569% trong khi toàn bộ công nghiệp tăng 514%. Hiện nay, điện của Bun-ga-ri gồm có: nhiệt điện 62,1%, thủy điện 14,2%, điện nguyên tử 23,7%. Nhiệt điện và thủy điện dựa trên cơ sở tài nguyên trong nước, gồm than bùn, than nâu, sông ngòi, nhưng số lượng và chất lượng có hạn, cho nên Bun-ga-ri sớm đẩy mạnh phát triển điện nguyên tử. Trong kế hoạch 10 năm tới, điện nguyên tử sẽ chiếm tới 44% và năm 2000 khoảng 60 - 70% năng lượng điện của cả nước. Năm 1979, Bun-ga-ri sản xuất 32,5 tỷ kWh điện, tính bình quân đầu người, đạt trình độ trung bình ở châu Âu. Đó là một bước tiến vượt bậc của công nghiệp Bun-ga-ri.

Trong công nghiệp, chế tạo cơ khí là ngành phát triển nhanh nhất: năm 1977 so với 1960, chế tạo cơ khí tăng 12 lần. Từ chỗ năm 1948 chỉ chiếm 7,3% giá trị công nghiệp, năm 1977 tỷ trọng đó là 26,8%. Để phù hợp với cơ sở nguyên liệu có hạn và để thích ứng với tiến bộ kỹ thuật trên thế giới, Đại hội thứ XII Đảng cộng sản Bun-ga-ri vừa qua đã xác định ngành chế tạo cơ khí phải được tiếp tục ưu tiên phát triển theo hướng giảm bớt những sản phẩm tiêu hao nhiều kim loại, tăng thêm những sản phẩm tiêu hao ít kim loại, phát triển mạnh những ngành cơ khí mũi nhọn, tiêu biểu cho tiến bộ kỹ thuật và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong kế hoạch 1981 - 1985, công nghiệp sẽ tăng 30 - 35%, trong đó, cơ khí tăng 50 - 55%. Trong công nghiệp cơ khí, Bun-ga-ri chú trọng các ngành cơ khí nông

ng nghiệp, thiết bị công nghiệp thực phẩm, công nghiệp điện, thiết bị điện tử, thông tin, máy công cụ, các loại xe chở hàng và nâng hàng như xe rửa điện, cần trục điện...

Việc ưu tiên phát triển công nghiệp thuộc nhóm A tuy có làm cho công nghiệp thuộc nhóm B giảm về mặt tỷ trọng, nhưng lại tạo điều kiện cần bản để nhanh chóng phát triển các ngành thuộc nhóm B về mặt số lượng, chất lượng và chủng loại. Năm 1976 so với năm 1960, ngành giấy tăng 617%, dệt tăng 295%, công nghiệp thực phẩm - 341%, sành sứ thủy tinh - 672%... Năm 1977, công nghiệp vật phẩm tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm sản xuất một khối lượng trị giá gần 40% giá trị công nghiệp. Riêng công nghiệp thực phẩm chiếm 23,7%, đứng thứ 2 sau công nghiệp cơ khí (26,8%). Năm 1980, bình quân đầu người ở Bun-ga-ri có 62,5 kg thịt, 204 kg rau quả, 34 kg đường; cứ 100 gia đình thì có 77 gia đình có máy thu hình và có tủ lạnh, 71 gia đình có máy giặt, 29 gia đình có xe hơi...

Bun-ga-ri cũng chú trọng công nghiệp hóa chất mà chủ yếu là hóa dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, cao su, giấy và bột giấy... Bun-ga-ri mỗi năm sản xuất mấy chục tấn tinh dầu từ hàng chục loại hoa thơm, trong đó cứ 100 kg hoa hồng thu được 1 g tinh dầu. Năm 1977, giá trị sản phẩm ngành hóa chất chiếm 7,6% giá trị tổng sản phẩm công nghiệp.

(Xem biểu đồ ở trang bên).

Đặc điểm của nông nghiệp Bun-ga-ri hiện nay là trình độ trang bị kỹ thuật hiện đại, năng suất cao, chủng loại nhiều và cơ cấu nội bộ ngành cũng như cơ cấu cây trồng hợp lý, cơ cấu sản xuất hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến. Đất nông nghiệp ở Bun-ga-ri chiếm 56,2% lãnh thổ, tức là trên 6 triệu héc ta so với 110 980 km², trong đó 76,2% là đất trồng trọt.

Một số tình hình kinh tế cơ bản:

	Đơn vị	1960	1970	1979
<i>Tổng sản phẩm xã hội</i>	Tỷ lệ va	10,31	26,24	47,0
<i>Thu nhập quốc dân</i>	nt	4,5	10,52	17,4
trong đó, của công nghiệp	Triệu lệ va	2016	5167	9575,4
của xây dựng	nt	315	977	1543,7
của nông nghiệp	nt	1415	2309	3350,1
<i>Giá trị xuất khẩu</i>	nt	668,6	2344,5	7674,8
1 - Hàng công nghiệp	%	84,4	92,1	97,2
Trong đó:				
- Thuần túy công nghiệp	%	25,1	44,8	74,3
- Có nguồn từ nông nghiệp	%	59,3	47,3	22,9
2 - Hàng chưa chế biến	%	15,6	7,9	2,8

Năm 1980, cứ 100 héc ta đất trồng trọt thì có 3,2 máy kéo, tính theo đơn vị 15 ngựa; 25% diện tích trồng trọt được bảo đảm tưới và tiêu nước. Từ đầu những năm 70, trên 70% lao động nông nghiệp được cơ khí hóa. Hiện nay nông nghiệp Bun-ga-ri đang trong quá trình cơ khí hóa toàn diện và tự động hóa từng phần. Trong ngành trồng trọt, Bun-ga-ri đặt trọng tâm vào cây lương thực. Năm 1979 đạt 910 kg một đầu người. Diện tích cây lương thực trên 2 triệu héc ta trong đó các loại lúa 1,3 triệu héc ta, ngô 704 300 héc ta. Tại Đại hội thứ XII vừa qua, Đảng cộng sản Bun-ga-ri đã nhấn mạnh phải *nhấn mạnh phát triển sản lượng lương thực, xem đó là nhiệm vụ chiến lược của kế hoạch 5 năm* (dự kiến năm 1985 phải sản xuất 10,5 - 11 triệu tấn). Diện tích trồng cây công nghiệp quan trọng

như hạt hướng dương là 236 900 ha, thuốc lá 102 500 ha, nho làn rượu 155 600 ha, củ cải đường 73 100 ha. Việc trồng những cây công nghiệp này sẽ phát triển mạnh trong kế hoạch 5 năm tới.

Dựa trên cơ sở công nghiệp hiện đại và ngành trồng trọt phát triển, ngành chăn nuôi Bun-ga-ri có điều kiện *phát triển mạnh*. Đầu năm 1980, Bun-ga-ri có đàn bò 1,8 triệu con, lợn 3,8 triệu, cừu 10,5 triệu, và gia cầm 410 triệu. Trong kế hoạch 5 năm tới, Bun-ga-ri chú trọng tăng sản lượng bò và cừu; còn lợn và gia cầm chủ yếu thỏa mãn nhu cầu trong nước. Với sự phát triển nhanh của chăn nuôi, hiện nay Bun-ga-ri là một trong những nước châu Âu có ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng ngày càng cao **trong giá trị sản phẩm nông nghiệp**:

	1960	1965	1970	1975	1980
Trồng trọt	67,3	64,4	64,7	56,7	54,5
Chăn nuôi	32,7	35,6	35,3	43,3	45,5

Đặc điểm nổi bật của nông nghiệp Bun-ga-ri là cơ cấu tổ chức sản xuất

và cơ cấu quản lý tiên tiến. Đầu những năm 70, Bun-ga-ri đã thiết lập các liên

hợp nông - công nghiệp và liên hợp công - nông nghiệp. Hiện nay cả nước có 217 liên hợp nông - công nghiệp và 10 liên hợp công - nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở liên kết sản xuất nông nghiệp với sản xuất công nghiệp thực phẩm, liên kết việc trồng cây công nghiệp với sản xuất vật phẩm công nghiệp bắt nguồn từ cây công nghiệp, và liên kết việc chế tạo máy nông nghiệp với sản xuất nông nghiệp. Bình quân một liên hợp nông - công nghiệp có gần 13200 héc ta đất trồng trọt, 400 máy kéo (15 ngựa) và 17 triệu lê va vốn cố định.

Tháng 3-1979, Nhà nước Bun-ga-ri đã thành lập Liên hợp nông - công nghiệp toàn quốc thay thế cho Bộ nông nghiệp và Bộ công nghiệp thực phẩm trước đây, nhằm thích ứng với yêu cầu xích lại gần nhau giữa hai hình thức sở hữu, và sự liên kết giữa sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp. Đây là liên minh tự nguyện giữa kinh tế toàn dân và kinh tế tập thể, tuy vẫn duy trì tính độc lập của mỗi hình thức sở hữu trên các mặt: kinh tế, pháp luật và tài chính.

Những biến đổi to lớn trong nền kinh tế Bun-ga-ri mà trước hết là việc thiết lập một cơ cấu với công nghiệp 86% và nông nghiệp 14%, đã đưa Bun-ga-ri vào hàng ngũ những nước công - nông nghiệp, xóa bỏ hình ảnh một nước Bun-ga-ri nông nghiệp lạc hậu vào bậc nhất châu Âu trước đây. Thành tựu rực rỡ đó gắn liền với đường lối đúng đắn của Đảng cộng sản Bun-ga-ri nhằm phát huy cao độ những tiềm năng kinh tế trong nước và sử dụng tới mức cao nhất những thuận lợi do hợp tác quốc tế, trước hết là hợp tác với Liên-xô, mang lại (1). Với tư cách là một thành viên chính thức của Hội đồng tương trợ kinh tế, Bun-ga-ri triệt để thực hiện nguyên tắc chuyên môn hóa và hiệp tác hóa trong phạm vi Hội đồng. Đó là một trong những điều kiện cơ bản nhất để Bun-ga-ri phát triển công nghiệp hiện đại.

nhất là những ngành mũi nhọn, có trình độ tiên tiến của thế giới. Đại hội thứ XII Đảng cộng sản Bun-ga-ri đã quyết định phải tạo điều kiện và có biện pháp cụ thể để thực hiện đồng bộ tổng sơ đồ chuyên môn hóa và hiệp tác hóa Bun-ga-ri - Liên-xô trong lĩnh vực sản xuất vật chất cho đến năm 1990.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội thứ XII Đảng cộng sản Bun-ga-ri, nhân dân Bun-ga-ri đang vững bước tiến lên một xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, phồn vinh và hạnh phúc.

(1) Tính đến 1974, Liên-xô đã cho Bun-ga-ri vay trên 4 tỷ lê va (1 lê va = 2,46 đồng Việt-nam). Sản lượng của các xí nghiệp công nghiệp hiện đại được xây dựng với sự giúp đỡ của Liên-xô chiếm 80% tổng sản lượng công nghiệp, trong đó kim loại đen : 95%, kim loại màu 85%, chế biến dầu mỏ 80%; điện 60% và hầu như toàn bộ ngành công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại trong nông nghiệp. Ngoài ra, thông qua ngoại thương, chỉ trong thời kỳ 1971 - 1975, Liên-xô đã bán cho Bun-ga-ri 2,6 tỷ rúp máy móc, thiết bị. Ngược lại, hàng năm Liên-xô nhập của Bun-ga-ri trên 60% xe rửa điện, trên 50% cần trục điện, 54% tàu biển, khoảng 80% máy nghiền thức ăn gia súc...

CHỦ TỊCH HỒ - CHÍ - MINH...

(Tiếp theo trang 57)

nâng cao trình độ lý luận, chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, ngoại ngữ (tuyệt nhất là một thứ tiếng nước ngoài); nâng cao đạo đức cách mạng; có quyết tâm, luôn luôn cố gắng khắc phục khó khăn; đi sâu vào thực tế, đi sát quần chúng.

Những lời dạy bảo ân cần trên đây của Hồ Chủ tịch luôn luôn có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn đối với công tác báo chí của Đảng, đối với mỗi cán bộ làm báo chúng ta.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 5 — 1981

ПЕРЕДОВАЯ — Следуя примеру высокой нравственности президента Хо Ши Мина, совершенствуем свои революционные качества. КОММУНИСТ — Мы — оптимисты. ДОНГ ШИ НГУЕН — Сдельщина в строительстве. ЧАН АНЬ ВИНЬ — Сдельная оплата на предприятиях. ДО ТЫ — Хо Ши Мин и вопрос союза рабочего класса и крестьянства. ТХЕ ТАП — Президент Хо Ши Мин, великий пролетарский журналист. ХОАНГ НГОК ЗИ — Повышать управленческую роль государства в воспитательной работе. ЧАН ТХО — Борьба против подрывной деятельности врага в области литературы и искусства. ЛЕ ТИНЬ — Болгария, индустриально-аграрная страна.

REVIEW OF COMMUNISM № 5 — 1981

Editorial — Let's learn from President Ho-Chi-Minh's virtues and raise our revolutionary qualities. **Communist** — We, optimists. *ĐÔNG-SỸ-NGUYỄN* — Piece work System in the building industry. *TRẦN-ANH-VINH* — Contractual incentive. *ĐÓ-TU* — President Ho-Chi-Minh and the worker-peasant alliance. *THẾ-TẬP* — President Ho-Chi-Minh, the great proletarian journalist. *HOÀNG-NGỌC-DI* — Raise the State's managerial role with regard to educational work. *TRẦN-THỌ* — Fight enemy sabotage on the literary and artistic front. *LÊ-TỊNH* — Bulgaria, an industrial-agricultural country.

REVUE DU COMMUNISME № 5 — 1981

Editorial — Apprenons l'éthique morale du président Hồ et élevons nos vertus révolutionnaires. **Le communiste** — Nous — les optimistes. *ĐÔNG-SỸ-NGUYỄN* — Les « forfaits globaux » dans le domaine du bâtiment. *TRẦN-ANH-VINH* — Le régime des salaires « à la pièce » dans l'industrie. *ĐÓ-TU* — Le président Hồ et le problème de l'alliance ouvrière-paysanne. *THẾ-TẬP* — Le président Hồ Chi Minh, un grand journaliste du prolétariat. *HOÀNG-NGỌC-DI* — Elever le rôle gestionnaire de l'Etat dans l'enseignement. *TRẦN-THỌ* — Luttons contre le sabotage de l'ennemi dans le domaine des lettres et des arts. *LÊ-TỊNH* — La Bulgarie, un pays industriel et agricole.

REVISTA DEL COMUNISMO № 5 — 1981

Editorial — A imbuir en las virtudes del presidente Ho Chi Minh y elevar la cualidad revolucionaria. **Người cộng sản** — Nosotros, los optimistas. *ĐÔNG-SỸ-NGUYỄN* — El trabajo a destajo en la industria de construcción. *TRẦN-ANH-VINH* — El régimen de salario a destajo en las empresas industriales. *ĐÓ-TU* — El presidente Ho Chi Minh y la alianza obrero-campesina. *THẾ-TẬP* — El presidente Ho Chi Minh, gran periodista proletario. *HOÀNG-NGỌC-DI* — Elevar el efecto gestional del Estado en la enseñanza. *TRẦN-THỌ* — El combate contra el sabotaje de los enemigos en el frente de letras y artes. *LÊ-TỊNH* — Bulgaria, un país industrial-agrícola.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 5

1981

NĂM THỨ XXVI (305)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Học tập đạo đức của Hồ Chủ tịch, nâng cao phẩm chất cách mạng	1
Người cộng sản — Chúng ta — những người lạc quan	7
ĐỒNG-SỸ-NGUYỄN — “ Khoán gọn ” trong ngành xây dựng	31
TRẦN-ANH-VINH — Trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng của xi nghiệp	39
ĐỖ-TU — Hồ Chủ tịch với vấn đề liên minh công nông	41
THẾ-TẬP — Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, nhà báo vô sản vĩ đại	51
HOÀNG-NGỌC-DI — Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác giáo dục	58
TRẦN-THỌ — Đấu tranh chống sự phá hoại của địch trên mặt trận văn nghệ	63
LÊ-TỊNH — Bun-ga-ri, một nước công — nông nghiệp	67

KỶ NIỆM LẦN THỨ 01 NGÀY SINH
CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH VĨ ĐẠI
(19-5-1890 - 19-5-1981)



Tìm đọc :

— HỒ-CHÍ-MINH - TOÀN TẬP - Tập I (1920 - 1925)

— HỒ-CHÍ-MINH - TUYẾN TẬP - Tập I và tập II

Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương

— Chủ tịch Hồ-Chí-Minh — Tiểu sử và sự nghiệp
(In lần thứ 5, có chỉnh lý và bổ sung)

Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ-tĩnh

— Những mâu thuẫn về thời niên thiếu của Bác Hồ



NIHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



6

6. 1981

CẢI TIẾN CÔNG TÁC PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG, NHẪM THÚC ĐẨY SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG

LÊ - DUÂN

SẢN xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng là các khâu của quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội, trong đó sản xuất là gốc. Sản xuất quyết định phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Ngược lại, là khâu trung gian nối liền giữa sản xuất với tiêu dùng, phân

phối và lưu thông giữ vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp đến sản xuất và đời sống. Cải tiến công tác phân phối, lưu thông, tạo nên một sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện trên lĩnh vực hoạt động quan trọng này là một yêu cầu cơ bản và cấp bách.

I - NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO

Trong khi thực hiện cải tiến công tác phân phối, lưu thông, phải luôn luôn đặt công tác này trong tổng thể các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.

Công tác phân phối, lưu thông nhằm bảo đảm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội, đồng thời thúc đẩy sản xuất phát triển, trước mắt là sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, khuyến khích các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, mở rộng giao lưu hàng hóa giữa nước ta với các nước khác. Trên cơ sở đó, góp phần

ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, nhất là công nhân và nông dân. Đó là mục tiêu cơ bản hiện nay của mọi chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phương hướng chung của cải tiến công tác phân phối, lưu thông là gắn liền với quản lý kinh tế, xóa bỏ cách quản lý theo lối hành chính quan liêu - bao cấp, chuyển sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa; lấy kế hoạch làm chính, sử dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, các

đòn bẩy kinh tế, thực hiện chế độ hạch toán, chống chế độ bao cấp tràn lan. Nhưng chống lối quản lý hành chính quan liêu - bao cấp, thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là lấy cơ chế thị trường thay cho kế hoạch hóa, là theo đuổi thị trường « tự do », theo quy luật cung cầu. Nắm vững kế hoạch hóa là khâu trung tâm, sử dụng kế hoạch làm công cụ chủ yếu để tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý phân phối, lưu thông cho phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Công tác phân phối, lưu thông là lĩnh vực hoạt động kết hợp chặt chẽ mật thiết với hình thức quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Trong lĩnh vực này, chúng ta phải cần coi trọng việc tận dụng đúng đắn các phạm trù giá trị, sử dụng tốt quan hệ thị trường và các đòn bẩy kinh tế như giá cả, tiền lương, tài chính, lợi nhuận. Trong đó giá trị sử dụng là cơ bản nhất. Phân phối dưới hình thái giá trị không thể nào quyết định hoặc thay thế được phân phối dưới hình thái giá trị sử dụng.

Các chính sách phân phối, lưu thông thể hiện sự *nhất trí giữa ba loại lợi ích* (lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động) một cách đúng đắn, và trong tình hình hiện nay, cần chú ý thích đáng lợi ích của người lao động, làm cho mọi người quan tâm hơn nữa đến việc tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh tế. Kết hợp đúng đắn ba lợi ích cũng chính là góp phần thực hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn xã

hội, trong từng địa phương và ở mỗi cơ sở.

Công tác phân phối, lưu thông vận dụng đúng đắn *ba loại biện pháp* (kinh tế, hành chính và giáo dục), trong đó biện pháp kinh tế là cơ bản nhất. Biện pháp giáo dục cũng cần được coi trọng nhưng đồng thời phải phát huy sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản, sử dụng biện pháp hành chính chống đầu cơ, buôn lậu, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, lập lại trật tự trong nền kinh tế và trên thị trường. Công tác giáo dục tư tưởng cần được tăng cường, làm cho mọi người nhận rõ hơn nữa tình hình và nhiệm vụ, nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực sản xuất và công tác, cần kiệm xây dựng đất nước và cảnh giác trước mọi âm mưu của kẻ thù.

Muốn tạo được sự chuyển biến trong công tác phân phối, lưu thông, ta phải thực hiện *một loạt biện pháp đồng bộ* nhằm các mục tiêu chủ yếu là: *thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện từng phần đời sống nhân dân, ổn định tình hình kinh tế, tài chính.* Các vấn đề trước mắt về phân phối, lưu thông cần được nắm vững là: phục vụ sản xuất, tập trung nguồn hàng vào tay Nhà nước, bảo đảm cung cấp hàng thiết yếu cho đời sống của những người lao động, trước hết là công nhân, viên chức, mở rộng thương nghiệp quốc doanh và tăng cường quản lý thị trường, điều chỉnh giá cả và tiền lương, phấn đấu thăng bằng ngân sách, điều hòa lưu thông tiền tệ. Trong các biện pháp liên hoàn đó, giá cả và tiền lương là hai vấn đề cấp bách.

II – CẢI TIẾN GIÁ CẢ VÀ TIỀN LƯƠNG

Giá cả là một vấn đề lớn, tác động toàn diện đến các mặt kinh tế, chính trị, xã hội và là vấn đề rất phức tạp, đặc biệt là trong tình hình kinh tế hiện nay của ta còn nhiều biến động, các căn cứ để xác định giá cả chưa ổn định. Giá cả lấy sản xuất làm gốc, giá cả dưới chủ nghĩa xã hội hình thành một cách có kế hoạch từ trong sản xuất, chứ không phải một cách tự phát thông qua sự trao đổi trên thị trường. Do đó, vấn đề giá cả phải được giải quyết một cách có kế hoạch, trên cơ sở xuất phát từ nhu cầu của xã hội và của cuộc sống người lao động mà bố trí kế hoạch sản xuất, nhằm tận dụng tiềm năng kinh tế, nhất là sức lao động và ruộng đất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội. Giá cả chỉ có thể giải quyết được tốt trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo điều kiện tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của người lao động.

Giá cả phải góp phần phân phối và khuyến khích sử dụng các nguồn vốn về hiện vật và tài chính một cách có hiệu quả và tiết kiệm; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nhân và nông dân; mở rộng sự phân công và hợp tác quốc tế; đáp ứng tốt những yêu cầu của các nhiệm vụ chiến lược của cách mạng. Giá cả phải giải quyết tốt vấn đề phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, điều hòa

thu nhập của các tầng lớp dân cư theo phương hướng có lợi cho chủ nghĩa xã hội và cho những người lao động, nhất là công nhân, viên chức là những người ăn lương, và điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao bất hợp lý hoặc không chính đáng.

Hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước xây dựng theo đường lối, chính sách của Đảng và dựa trên các căn cứ khoa học, các cơ sở kinh tế – kỹ thuật đúng đắn, không được lấy giá thị trường “tự do” (trong đó có những yếu tố đầu cơ, phá hoại) làm căn cứ. Hệ thống giá của Nhà nước phải thật sự trở thành công cụ quản lý nền kinh tế quốc dân phát triển có kế hoạch. Vì thị trường “tự do” còn tồn tại trong phạm vi nhất định và trong điều kiện quan hệ cung cầu còn mất cân đối, Nhà nước thi hành chủ trương chỉ đạo giá cả linh hoạt để quản lý thị trường “tự do”, đấu tranh có hiệu quả chống những hoạt động đầu cơ và thực hiện điều tiết cung – cầu có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Trong những điều kiện kinh tế nói trên, về khách quan hình thành hai hệ thống giá: hệ thống giá tương đối ổn định (như giá bán buôn, giá thu mua trong nghĩa vụ và giá bán tư liệu sản xuất theo hợp đồng kinh tế hai chiều, giá cung cấp...) và hệ thống giá vận dụng tương đối linh hoạt trong hoạt động kinh doanh thương nghiệp. Từ hơn 20 năm nay, do hoàn cảnh khách quan chiến tranh kéo dài, chúng ta phải giữ hệ thống giá ít thay đổi. Hệ thống giá ấy đến nay không còn phù hợp, phải điều chỉnh tương đối toàn

diện làm cho giá cả phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội đã thay đổi (chi phí sản xuất, giá hàng nhập khẩu, tiền công, quan hệ cung - cầu, quan hệ tích lũy, tiêu dùng...). Nhưng việc điều chỉnh giá phải làm từng bước cho phù hợp với tình hình thực tế, dần dần đi đến xác định hệ thống giá mới, nhằm thúc đẩy sản xuất, khuyến khích xuất khẩu, tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mở rộng kinh doanh, khắc phục tình trạng Nhà nước phải bù lỗ quá lớn, thực hiện điều tiết một cách hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư. Mục tiêu hàng đầu của việc điều chỉnh giá là thúc đẩy sản xuất và ổn định đời sống, do đó Nhà nước phải giữ ổn định giá cung cấp các mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu để bảo đảm đời sống của công nhân, viên chức là những người ăn lương, đồng thời phải giữ vững quan hệ tỷ giá hợp lý giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản để bảo đảm thu nhập hợp lý của nông dân và khuyến khích nông dân đẩy mạnh sản xuất, bán nhiều sản phẩm hàng hóa cho Nhà nước.

Giá bán lẻ là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước và của nhân dân, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của mọi người. Giá bán lẻ phải xuất phát từ chính sách tiêu dùng của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho các tổ chức thương nghiệp kinh doanh không lỗ vốn, trừ một số mặt hàng cung cấp, và có tỷ lệ tích lũy thích hợp đối với từng nhóm hàng khác nhau (hàng thiết yếu thì tích lũy ít hoặc không tích lũy, hàng cao cấp hoặc không khuyến khích tiêu dùng thì tích lũy nhiều). Chính sách giá

bán lẻ phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và các tầng lớp nhân dân trong xã hội, nhất là phải gắn với tiền lương để bảo đảm đời sống công nhân, viên chức và gắn với giá thu mua để bảo đảm đời sống của nông dân và những người làm nghề thủ công, nghề rừng, nghề cá, nghề muối, v.v.

Hệ thống tiền lương của ta được xây dựng từ lâu, đến nay không còn phù hợp nữa. Trong những năm chiến tranh, chúng ta chưa có điều kiện cải tiến chế độ tiền lương. Để bảo đảm tiền lương thực tế, Nhà nước thực hiện chế độ cung cấp theo giá ổn định những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu cho công nhân, viên chức. Nhưng vì quỹ hàng hóa cung cấp có hạn, số hàng hóa cung cấp chỉ bảo đảm một phần nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của công nhân, viên chức và gia đình, cho nên một phần tiền lương phải đưa ra chỉ dùng để mua hàng trên thị trường « tự do » theo giá cao, làm cho tiền lương thực tế bị giảm sút. Trong điều kiện hiện nay, khi cung cầu còn mất cân đối, thị trường và giá cả chưa ổn định thì vấn đề ổn định và cải thiện đời sống của công nhân, viên chức không thể được giải quyết chỉ bằng biện pháp giản đơn là nâng lương danh nghĩa mà phải bằng nhiều biện pháp kết hợp với nhau, như bảo đảm cung cấp theo giá ổn định những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu nhất, thực hiện phụ cấp lương, phát triển sản xuất để người lao động có đủ việc làm, và vận dụng đúng đắn chế độ lương khoán, lương sản phẩm, v.v.

Trong khi chưa cải cách tiền lương,

Nhà nước thực hiện khoản *phụ cấp tạm thời tiền lương* cho công nhân, viên chức, bù lại sinh hoạt đắt đỏ do giá tăng lên. Đây là biện pháp rất quan trọng và chúng ta phải bảo đảm phát huy tác dụng tích cực của nó trên cơ sở bảo đảm cung cấp bằng hiện vật và đấu tranh ổn định giá thị trường.

Biện pháp cơ bản nhằm bảo đảm đời sống của công nhân, viên chức là *bảo đảm cung cấp bằng hiện vật theo giá ổn định* những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu nhất cho đời sống, trước hết là lương thực và thực phẩm. Chúng ta chủ trương, trong những năm trước mắt còn giữ cung cấp, nhưng không phải bao cấp tràn lan. Đồng thời, phương thức và tổ chức cung cấp phải được cải tiến theo hướng tách cửa hàng cung cấp thành hệ thống riêng, không đề lẫn với hệ thống kinh doanh; tăng cường quản lý và kiểm soát việc phát hành và thu hồi tem phiếu, tăng cường quản lý nội bộ trong ngành thương nghiệp, bảo đảm phân phối hàng hóa theo tiêu chuẩn quy định và khắc phục những hiện tượng tiêu cực: tham ô,

móc ngoặc, cửa quyền... Diện mặt hàng cung cấp bằng hiện vật được quy định một cách thích hợp tùy theo tình hình sản xuất và tình hình thị trường chung cũng như ở các vùng khác nhau trong nước, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm, bằng mọi cách, phấn đấu thực hiện các tiêu chuẩn cung cấp đã công bố.

Một vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với việc ổn định đời sống của công nhân, viên chức là bằng nhiều biện pháp, tạo điều kiện cho công nhân có đủ việc làm và làm việc có năng suất, do đó, có tiền lương và thu nhập cao hơn. Việc vận dụng các hình thức lương khoán lương sản phẩm vừa qua đã có tác dụng tốt, làm cho công nhân tích cực lao động sản xuất, phấn đấu tăng năng suất lao động, đề xị nghiệp và xã hội có thêm sản phẩm, công nhân có thêm thu nhập. Đây là hình thức trả lương tiến bộ, phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động trong chủ nghĩa xã hội, gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của xí nghiệp và lợi ích chung của xã hội.

III — CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

Trong công tác phân phối, lưu thông hiện nay, giá cả và tiền lương là những vấn đề cấp bách nhất. Muốn giải quyết tốt vấn đề này phải tích cực thực hiện một cách có kết quả các biện pháp liên hoàn nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng cường thu mua nắm nguồn hàng, cải tiến và bảo đảm cung cấp cho đời sống nhân dân,

mở rộng kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường, ổn định nền tài chính nước nhà và tăng cường quản lý tiền mặt. Đó là những biện pháp nhằm tạo tiền đề và điều kiện để giải quyết một cách tích cực và vững chắc vấn đề giá cả và tiền lương.

1 — Muốn giải quyết các vấn đề

phân phối, lưu thông, điều kiện cơ bản nhất là *đẩy mạnh được sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, tăng cường lực lượng hàng hóa trong tay Nhà nước*. Những khó khăn của sản xuất phải được giải quyết trước hết từ trong kế hoạch, tổ chức và quản lý sản xuất, và cần sửa chữa ngay những khuyết điểm trong các chính sách phân phối, lưu thông để khuyến khích phát triển sản xuất.

Trong thời gian qua, nhiều nhân tố mới, tích cực đang nảy nở và phát triển ở các ngành, các địa phương và cơ sở. Ở miền Bắc, tuy vụ mùa năm qua bị thiệt hại nặng, đời sống nhân dân ở một số vùng gặp khó khăn nhưng việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp đã tạo ra khí thế mới trong sản xuất. Ở miền Nam, nông nghiệp được mùa liên mấy vụ, việc thay đổi phương thức và giá cả mua bán với nông dân đã có tác dụng khuyến khích sản xuất và bán sản phẩm cho Nhà nước. Sản xuất công nghiệp đang gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguyên liệu và năng lượng, nhưng việc cải tiến công tác kế hoạch hóa và vận dụng hình thức lương khoán, lương sản phẩm đã bước đầu giúp cho các xí nghiệp và địa phương tự khắc phục được một phần khó khăn, khai thác khả năng của cơ sở sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho công nhân.

Cùng với việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy sản xuất phát triển, việc *tập trung các nguồn hàng vào*

tay Nhà nước là vấn đề quyết định để bảo đảm kết quả của các biện pháp cải tiến phân phối, lưu thông. Đối với khu vực kinh tế tập thể và cá thể, cần đẩy mạnh thu mua nông, lâm, hải sản trên cơ sở đề cao ý thức của nông dân làm nghĩa vụ nộp thuế và bán sản phẩm cho Nhà nước, cải tiến chính sách và phương thức thu mua, thắt chặt mối quan hệ liên minh về kinh tế và chính trị giữa công nhân và nông dân. Đối với khu vực kinh tế quốc doanh, các ngành, các địa phương và cơ sở hãy *đề cao ý thức nghĩa vụ và kỷ luật giao nộp sản phẩm* theo kế hoạch, khắc phục tình trạng các đơn vị kinh tế quốc doanh tùy tiện sử dụng và trao đổi những sản phẩm thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý. Vấn đề giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp và chế độ thu nộp tài chính đối với các ngành, các địa phương và đặc biệt là đối với cơ sở, cần được giải quyết một cách hợp lý và thỏa đáng, để khuyến khích đồng thời bắt buộc các đơn vị kinh tế quốc doanh giao nộp sản phẩm cho Nhà nước theo đúng chế độ.

Đi đôi với việc tăng cường công tác thu mua năm nguồn hàng, cần có biện pháp tổ chức và quản lý tốt số vật tư, hàng hóa hiện có, không để mất mát và hư hỏng, không để xảy ra tình trạng phân phối không đúng đối tượng, ngăn chặn và trừng trị những cán bộ, nhân viên Nhà nước có hành động tham ô, lãng phí, ăn cắp hàng hóa, vật tư của Nhà nước hoặc tiếp tay cho bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn lưu manh xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, phá rối thị trường.

2 - *Mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường* là vấn đề quan trọng. Chỉ có phát triển mạnh mẽ tổ chức và hoạt động của thương nghiệp quốc doanh mới có thể quản lý chặt chẽ thị trường. Ngược lại, quản lý tốt thị trường tạo điều kiện cho Nhà nước nắm được hàng hóa và phát triển thương nghiệp quốc doanh.

Muốn thực hiện đúng vai trò là « người nội trợ của xã hội », thương nghiệp quốc doanh có nhiệm vụ một mặt thực hiện việc bảo đảm cung cấp những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu theo giá ổn định cho những người ăn lương, mặt khác, mở rộng hệ thống kinh doanh theo giá thương mại. Thương nghiệp quốc doanh cần sử dụng nhiều phương thức phong phú để mở rộng hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực, từ thu mua đến bán buôn, bán lẻ, từ kinh doanh ăn uống đến kinh doanh dịch vụ... tiến tới nắm đại bộ phận bán buôn và chi phối phần lớn bán lẻ...

Đề đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất ổn định và củng cố nền tài chính nước nhà, giữ vững và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, chúng ta cần kiên quyết chấn chỉnh và tăng cường quản lý thị trường, củng cố và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất, tăng cường không ngừng lực lượng của thương nghiệp quốc doanh và tập thể, phát triển thị trường thống nhất trong cả nước. Đi đôi với mở rộng thị trường có tổ chức, càng phải ra sức tổ chức và quản lý chợ nông thôn, tiếp tục cải tạo thương nghiệp tư

doanh, cải tạo những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ, chống đầu cơ buôn lậu và các hành động phá rối thị trường.

Việc tăng cường quản lý thị trường chỉ có thể thu được kết quả tốt nếu biết kết hợp cả ba loại biện pháp quản lý. Trong các biện pháp đó, biện pháp kinh tế (cụ thể là mở rộng tổ chức và hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa) là chủ yếu; nhưng biện pháp hành chính là cực kỳ quan trọng, như đăng ký kinh doanh công nghiệp, thương nghiệp, tăng cường thu thuế công thương nghiệp, thi hành chế độ niêm yết giá và kiểm tra giá cả, trừng trị bọn đầu cơ buôn lậu, chống các hiện tượng tiêu cực trong cơ quan, xí nghiệp và trong xã hội, v.v.

Yêu cầu trước mắt đối với công tác quản lý thị trường là, bằng sức mạnh tổng hợp của nền chuyên chính vô sản, đấu tranh lập lại trật tự trên thị trường, nhất là ở các thành phố lớn nhằm ổn định giá cả, nghiêm cấm tư thương đầu cơ lợi dụng tự do nâng giá, nghiêm cấm các ngành, các cấp, các tổ chức thương nghiệp quốc doanh tùy tiện nâng giá sai chính sách giá và chế độ quản lý giá của Nhà nước, đấu tranh giữ giá thị trường.

3 - Nhiệm vụ quan trọng hiện nay trên lĩnh vực phân phối, lưu thông là *ổn định nền tài chính nước nhà, thực hiện cân đối ngân sách Nhà nước, ổn định giá trị đồng tiền*. Động viên tất cả các nguồn thu tài chính để đáp ứng các nhu cầu của sản xuất, đời sống và quốc phòng, thực hành tiết kiệm triệt để trong việc chi tiêu.

Kế hoạch tài chính phải được xây

đựng gắn liền với kế hoạch sản xuất, kinh doanh ở tất cả các cấp, chỉ tiêu kế hoạch tài chính phải được giao đồng thời với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh cho các ngành, các địa phương và cơ sở.

Thu từ kinh tế quốc doanh là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, do đó phải được chú ý đầy đủ và thực hiện đúng trên cơ sở đầy mạnh sản xuất và tăng cường thu mua, nắm nguồn hàng.

Đối với khu vực kinh tế tập thể và cá thể, thuế là hình thức đóng góp quan trọng cho Nhà nước. Chính sách thuế nông nghiệp cần được cải tiến cho thống nhất, công bằng và đơn giản, dựa trên cơ sở diện tích và độ màu mỡ của đất, nhằm tăng cường quản lý và khuyến khích sử dụng ruộng đất, thúc đẩy thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích. Vai trò của thuế công thương nghiệp phải được phát huy hơn nữa, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, mở rộng lưu thông hàng hóa và điều tiết những khoản thu nhập cao bất hợp lý. Công tác thu thuế phải được tăng cường và kết hợp chặt chẽ với việc tăng cường quản lý thị trường, quản lý giá cả, giúp đỡ đặc lực cho thương nghiệp quốc doanh thu mua nắm nguồn hàng tốt hơn.

Đề khắc phục những khó khăn và mất cân đối trong nền kinh tế, cần thực hiện chính sách tiết kiệm triệt để trong sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng. Trên lĩnh vực tài chính, tiền tệ, việc tiết kiệm chi tiêu cần được đặt ra một cách nghiêm túc và được giải quyết một cách kiên quyết.

Hoạt động của ngân hàng cần được tăng cường; phải mở rộng việc điều hòa lưu thông tiền tệ, huy động các nguồn vốn nhàn rỗi, phát triển tín dụng, tăng cường quản lý tiền mặt. Hoạt động của ngân hàng phải lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cơ bản, ưu tiên cho việc sử dụng thêm sức lao động và ruộng đất làm ra nhiều sản phẩm.

Công tác gửi tiền tiết kiệm cần được cải tiến theo hướng làm cho người gửi thấy gửi tiền là có lợi và không bị phiền phức khi rút tiền ra. Việc thanh toán không dùng tiền mặt phải được mở rộng. Các đơn vị kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể phải mở tài khoản ở ngân hàng Nhà nước và thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản là chủ yếu.

Hệ thống tài chính ngân hàng cần được tăng cường, công tác kiểm tra bằng tiền đối với tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong tất cả các khu vực kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể và giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả sức lao động, công suất thiết bị, vật tư và tiền vốn ở các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở.

4 — Đi đôi với việc mở rộng quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh, xóa bỏ lối quản lý tập trung quan liêu, cần đề cao và tăng cường tính thống nhất của hệ thống tài chính ngân hàng giá cả tiền lương, và kỷ luật Nhà nước trên lĩnh vực quản lý, phân phối, lưu thông.

Việc phân công, phân cấp quản lý trên lĩnh vực phân phối, lưu thông

(Xem tiếp trang 34)

THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP CỦA ĐẠI HỘI THỨ IV ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

TRONG những ngày cuối tháng 5 vừa qua, những người cộng sản Cam-pu-chia đã tiến hành Đại hội thứ IV của mình một cách thắng lợi. Đây là sự kiện có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Cam-pu-chia.

Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia là người anh em ruột thịt của Đảng ta, cũng sinh ra từ Đảng cộng sản Đông-dương quang vinh trước kia. Kế thừa truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng, Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Cam-pu-chia tiến hành những cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và oanh liệt, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã lần lượt bị đuổi ra khỏi đất nước, tiếp đó chế độ diệt chủng của bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry - Khiêu Xam-phon, tay sai của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc cũng bị đập tan.

Hơn hai năm qua, nhân dân Cam-pu-chia lại giành được những thành tựu to lớn về mọi mặt. Họ đã đập tan âm mưu can thiệp và phá hoại của bọn bành trướng Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; tàn quân

của bọn Pôn Pốt đã căn bản bị tiêu diệt. Nạn đói bị xóa bỏ về cơ bản, kinh tế và văn hóa được khôi phục bước đầu. Mọi sinh hoạt bình thường của xã hội đã hồi phục. Quyền con người được xã hội mới bảo đảm. Và từ đồng tro tàn của nạn diệt chủng, đất nước Cam-pu-chia đã hồi sinh một cách nhanh chóng, diệu kỳ, và đang tràn đầy sức sống. Với cuộc tổng tuyển cử thật sự tự do dân chủ vừa qua, lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của mình, nhân dân Cam-pu-chia trở thành người chủ tập thể của đất nước. Những thắng lợi to lớn đó đã làm cho uy tín và địa vị quốc tế của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngày càng được nâng cao.

Thắng lợi rực rỡ của cách mạng Cam-pu-chia trước hết là thắng lợi của đường lối đúng đắn của một đảng Mác - Lê-nin chân chính. Trung thành với những lý tưởng cao cả là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia luôn luôn giữ vững ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, do đó đã động viên được sức mạnh của toàn thể nhân dân nước mình kết hợp với sức mạnh của nhân dân Việt-nam.

nhân dân Lào và sức mạnh của ba đồng minh cách mạng của thời đại, trước hết là của cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà Liên-xô là trụ cột, từ đó tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn bảo đảm đánh thắng mọi kẻ thù hung ác.

Đó cũng là thắng lợi của lòng yêu

nước, ý chí đấu tranh bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia cho độc lập tự do và hạnh phúc của mình; là thắng lợi của tinh thần anh dũng, kiên cường của những người cộng sản Cam-pu-chia, đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng và gắn liền máu thịt với nhân dân nước mình.



Căn cứ vào tình hình trong nước và trên thế giới hiện nay, Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã đề ra đường lối chung trong giai đoạn cách mạng hiện nay là: bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đường lối chung của Đảng bao gồm mấy vấn đề quan trọng sau đây:

— Giữ vững cao ngai cơ yếu nước và ngai cơ đoàn kết quốc tế vô sản;

— Bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ hàng đầu và thiêng liêng của toàn dân Cam-pu-chia;

— Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc;

— Đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của nhân dân để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Đại hội ý thức sâu sắc rằng lòng yêu nước của nhân dân Cam-pu-chia là một nhân tố cực kỳ mạnh mẽ, một bảo đảm hết sức quan trọng đối với mọi thắng lợi của cách mạng Cam-pu-chia từ trước đến nay và từ nay về sau. Nhưng lòng yêu nước đó phải kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đặc biệt là với tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông-dương. Lịch sử cách mạng Cam-pu-chia trong hơn nửa thế kỷ qua đã

chứng minh rằng, khi nào duy trì được tinh thần đoàn kết chiến đấu ấy thì cách mạng Cam-pu-chia phát triển rực rỡ; còn khi nào tinh thần đoàn kết ấy bị phá vỡ do những âm mưu và hành động thâm độc của kẻ thù, thì cách mạng Cam-pu-chia bị thụt lùi, thậm chí bị thất bại nghiêm trọng. Từ thực tế ấy, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã rút ra kết luận: việc củng cố tinh thần đoàn kết của ba nước Đông-dương là một quy luật phát triển của cách mạng Cam-pu-chia cũng như của từng cuộc cách mạng ở Đông-dương¹. Kết luận đúng đắn ấy là một chân lý hiển nhiên đã được lịch sử cách mạng các nước ở Đông-dương trong mấy chục năm qua hoàn toàn chứng thực.

Đứng trước âm mưu thâm độc của bọn bành trướng Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ đang ra sức tập hợp các loại phản động tay sai để chống phá cách mạng Cam-pu-chia, Đại hội đã xác định việc bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ hàng đầu và thiêng liêng của toàn dân Cam-pu-chia.

Đại hội đã đề ra những chủ trương thích hợp để xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa; nhấn mạnh phải trải qua thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở của nông nghiệp, và do đó hạt nhân của sự phát triển kinh tế của chúng ta chỉ có thể là nông nghiệp². Và trong những hình thức kinh tế quá độ, Đại hội cho rằng hình thức các tổ đoàn

kết sản xuất trong nông nghiệp là rất hợp lý trong giai đoạn hiện nay.

Đại hội cho rằng việc xây dựng Đảng Mác - Lê-nin vững mạnh là một nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của cách mạng Cam-pu-chia hiện nay và sau này.

Về những nhiệm vụ công tác trước mắt và những năm sắp tới, Đại hội chỉ rõ: « Nhiệm vụ cách mạng của chúng ta... là đẩy mạnh sản xuất, phát triển ba thành phần kinh tế, nhất là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, làm cho nông nghiệp trở thành là một nhân tố quyết định đủ sức giải quyết các vấn đề, ăn, mặc, ở, không để cho nhân dân bị đói rét. Tăng cường an ninh, bảo vệ nhân dân một cách vững chắc, làm thất bại

những âm mưu xảo quyệt của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, củng cố chính quyền cách mạng ở tất cả các cấp, theo tinh thần bản hiến pháp sẽ được Quốc hội thông qua trong một tương lai gần; tăng cường đoàn kết toàn dân, mở rộng Mặt trận, củng cố các tổ chức quần chúng, phát triển tình đoàn kết quốc tế, do đó mà phát triển cách mạng Cam-pu-chia, khiến cho nó giành được những thắng lợi mới trên tất cả mọi lĩnh vực ».

Những nghị quyết lịch sử của Đại hội thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Cam-pu-chia, là ngọn đèn pha soi sáng cho nhân dân Cam-pu-chia trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc



Trước thành công tốt đẹp của Đại hội vừa qua của những người cộng sản Cam-pu-chia, Đảng ta và nhân dân ta hết sức vui mừng. Chúng ta nhiệt liệt chào mừng những thắng lợi rực rỡ mà nhân dân Cam-pu-chia đã giành được. Chúng ta vô cùng tự hào có người đồng chí kiên cường, người bạn chiến đấu thủy chung là Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia.

Hiện nay, trên con đường tiến lên của mình, nhân dân Cam-pu-chia cũng như nhân dân Việt-nam còn phải vượt qua nhiều khó khăn to lớn do kẻ thù chung của các nước Đông-dương gây ra. Được sự đồng lòng và tiếp tay của đế quốc Mỹ, bọn bán trưởng Trung-quốc không cam chịu thất bại, đang tiến hành một chiến tranh phá hoại toàn diện chống Việt-nam, đồng thời lôi kéo các thế lực phản động quốc tế chống phá cách mạng ba nước Đông-dương. Gần đây, cùng với việc đẩy mạnh khiêu khích vũ trang đối với nước ta, chúng ráo riết

tập hợp những tên bán nước lưu vong vào một mặt trận phản động chống cách mạng Cam-pu-chia, đồng thời xúc tiến triệu tập cái gọi là « Hội nghị quốc tế về Cam-pu-chia » hòng can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia.

Nhưng mọi âm mưu và hành động xấu xa của chúng nhất định sẽ thất bại thảm hại. Cách mạng Cam-pu-chia nhất định sẽ tiến bước vững chắc theo con đường mà Đảng nhân dân cách mạng đã chỉ ra. Bởi vì nhân dân Cam-pu-chia, do kinh nghiệm bản thân, đã thấy rõ ai là người đại diện chân chính cho lợi ích căn bản và lâu dài của mình. Dưới ngọn cờ của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, họ có sức mạnh cực kỳ to lớn. Sức mạnh ấy lại được tăng gấp bội bởi tình đoàn kết quốc tế, mà gần gũi nhất là tình đoàn kết của nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào anh em. Được tôi luyện qua nửa thế kỷ đấu tranh chống kẻ thù chung, và được

(Xem tiếp trang 70)

TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

PHẠM - HÙNG

CÁCH mạng Việt-nam trong giai đoạn mới đang đương đầu với một kẻ thù mới có âm mưu xâm lược rất độc ác. Cuộc chiến đấu mới đang

đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa sự nghiệp bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

I

Sau thắng lợi vĩ đại năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt-nam đã đánh thắng cuộc chiến tranh do bọn phản động Trung-quốc sử dụng bọn tay sai Pôn Pốt - Iêng Xa-ry gây ra ở biên giới phía tây-nam. Chúng ta đã giúp nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ chế độ diệt chủng, khôi phục đất nước và xây dựng cuộc sống bình thường. Sau đó, chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược trực tiếp của bọn phản động Trung-quốc ở biên giới phía bắc nước ta. Chúng ta cũng đã làm thất bại một bước quan trọng « kế hoạch hậu chiến » của đế quốc Mỹ hòng phá hoại sự nghiệp hòa bình xây dựng của nhân dân ta.

Mặc dù bị nhân dân ta đánh cho thất bại nặng nề, bọn cầm quyền phản

động Trung-quốc vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng đang xúc tiến liên minh với chủ nghĩa đế quốc, cầu kết với đế quốc Mỹ, lôi kéo các thế lực phản động xấu xa nhất hóa nhau chống phá cách mạng Việt-nam và cách mạng hai nước anh em trên bán đảo Đông-dương, ráo riết tiến hành phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta bằng mọi thủ đoạn chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao hòng làm suy yếu và tiến lên thôn tính nước ta và toàn cõi Đông-dương, làm bàn đạp để xâm lược cả Đông Nam Á.

Hiện nay, bọn phản động Trung-quốc đang tập trung quân đội áp sát biên giới phía bắc nước ta, thường xuyên khiêu khích, gây xung đột quân sự. Đồng thời chúng ra sức xuyên tạc các chính sách kinh tế của Đảng và

Chính phủ ta, phá hoại sản xuất làm cho tình hình kinh tế ta không ổn định, đời sống nhân dân ta thêm khó khăn.

Chúng móc nối với bọn tay chân đã cài sẵn từ lâu và tung thên gián điệp, thám báo, biệt kích vào nước ta để nắm tình hình và tổ chức phá hoại; chúng lợi dụng các loại phản động trong người Hoa, trong các dân tộc thiểu số, trong các tôn giáo, trong một số phần tử xấu bất mãn ở cơ quan và đơn vị, tổ chức nhen nhóm bọn phản động mới để xây dựng lực lượng ngầm.

Chúng tiến hành chiến tranh tâm lý hết sức xảo quyệt, tung tin đồn nhảm, đả kích vào đường lối của Đảng, đả kích các cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, gây tâm lý ngờ vực, lôi kéo người trốn ra nước ngoài, hòng làm tê liệt ý chí cách mạng của nhân dân ta, gây nên một tình hình chính trị không ổn định, tạo điều kiện gây ra những vụ bạo loạn ở nội địa.

Chúng ra sức phá hoại khối đoàn kết dân tộc, gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng, gây chia rẽ giữa nhân dân ta với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, giữa Nhà nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; vu khống, bao vây kinh tế, cô lập nước ta với các nước khác trên thế giới.

Trong khi đó, đế quốc Mỹ mặc dù liên tiếp bị suy yếu sau thất bại thảm hại ở Việt-nam, vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu thâm độc chống Việt-nam. Đế quốc Mỹ và bọn phản động bá quyền Trung-quốc đang câu kết với nhau chống Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào cách mạng cá nước và hòa bình thế giới. Vì vậy, đế quốc Mỹ là kẻ thù của cách mạng Việt-nam và cách mạng thế giới; bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của cách mạng Việt-nam và là kẻ phá hoại nguy hiểm của cách mạng thế giới.

Mặt khác ở miền Bắc, trải qua mấy chục năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và

xây dựng chủ nghĩa xã hội, tình hình trật tự an toàn xã hội có tốt hơn, tuy nhiên các tội phạm hình sự xảy ra nhiều và nghiêm trọng. Ở miền Nam, tàn dư của chế độ thực dân mới rất nặng nề. Theo số liệu không đầy đủ, trước khi giải phóng, đã có hơn 7000 tên kẻ cướp đầu sỏ được dịch thả ra khỏi nhà lao Chí-hòa; bọn này trở lại hoạt động gây thiệt hại cho tài sản và tính mạng của nhân dân. Ngoài ra chế độ cũ còn để lại 270000 thương binh, phế binh. Trong số này có rất nhiều tên vốn là lưu manh chuyên nghiệp, còn đồ hung hãn; bọn này đang làm ăn bất chính; có tên đang lén lút làm tay sai cho cơ quan gián điệp đế quốc,

Bị cơ quan tình báo đế quốc tuyên truyền kích động và điều khiển, các tổ chức phản động, bọn phản động và ác ôn trong nguy quân, nguy quyền cũ chưa chịu cải tạo, bọn phản động trong các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ còn âm mưu ngóc đầu dậy, bọn phản động lợi dụng dân tộc thiểu số và đội lốt hoạt động tôn giáo để chống chính quyền - tất cả bọn chúng đang lợi dụng tình hình khó khăn, sự sơ hở và mất cảnh giác của cán bộ và cơ quan Nhà nước để chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Thêm vào đó, bọn người biến chất, sa đọa có hành động chống đối cách mạng, bọn phá hoại kinh tế, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đầu cơ buôn lậu phá rối thị trường xã hội chủ nghĩa, bọn lưu manh chuyên nghiệp, còn đồ hung hãn, cướp của giết người, giả mạo lừa đảo, đang phá rối trật tự an toàn xã hội.

Những âm mưu thâm độc, xảo quyệt của bọn đế quốc và phản động cùng với âm mưu thôn tính, hành động đe dọa xâm lược, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc; những khó khăn trong kinh tế, đời sống của nhân dân ta; hoạt

động của bọn phản động, của những phần tử chống chủ nghĩa xã hội ở trong nước, đang làm cho tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của ta diễn biến phức tạp.

Chúng ta phải khẳng định rằng trong thời gian qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng: « bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng » của Đảng và Nhà nước ta. Trên mặt trận an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân ta với lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt đã làm thất bại nhiều âm mưu và hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch; ngăn chặn các hoạt động phá hoại, gây bạo loạn; trấn áp kịp thời nhiều tổ chức phản động; tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng của tổ chức phản động FULRO; tập trung cải tạo các đối tượng có nguy hại về chính trị và hình sự; thu hồi nhiều vũ khí và phương tiện hoạt động của địch; tích cực quét các văn hóa phẩm phản động; bài trừ các tệ nạn xã hội, v.v. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội nói chung ổn định.

Tuy nhiên, công tác đấu tranh chống âm mưu và hoạt động chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của bọn bành trướng Trung-quốc và đế quốc Mỹ còn nhiều sơ hở. Công tác bảo vệ kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chưa được chú ý đúng mức; nạn tham ô, trộm cắp, gây hư hại tài sản xã hội chủ nghĩa còn phổ biến và có nơi rất nghiêm trọng. Bọn lưu manh còn dõ, cướp của giết người phá rối trật tự, làm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân chưa được bài trừ triệt để. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương còn phức tạp và có nơi nghiêm trọng, nhất là những nơi cơ sở yếu lại tập trung đông dân, có nhiều tài sản của Nhà nước...

Tiếp theo Nghị quyết Hội nghị thứ 6, toàn Đảng, toàn dân ta đang phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch những năm sắp tới và kế hoạch năm 1981, do Nghị quyết Hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra:

— Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến công tác phân phối, lưu thông để ổn định và phát triển kinh tế, giảm bớt khó khăn, tiến lên từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

— Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thắng lợi.

— Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Cải tiến mạnh mẽ quản lý kinh tế. Kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

— Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

— Củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Cam-pu-chia, đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên-xô và tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác.

Trong tình hình đó, chúng ta cần nhận thức việc bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và cấp bách của Đảng và Nhà nước ta. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, chúng ta chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động của bọn gián điệp Trung-quốc, đế quốc, tư bản; kịp thời và kiên quyết trấn áp bọn phá hoại hiện hành; dập tan mọi âm mưu ngóc đầu dậy của các giai cấp bóc lột và phản động; ra sức đấu tranh chống các tội phạm khác; tích cực bài trừ tệ nạn xã hội, ngăn ngừa và làm giảm tới mức thấp nhất các tai nạn xã hội.

Rõ ràng, cuộc chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các loại phản động quốc tế khác, thực chất là một loại chiến tranh phá hoại rất thâm độc và toàn diện đối với nước ta cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao hòng làm cho tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta không ổn định, làm cho ta suy yếu, gây ra bạo loạn và khi có cơ hội thì chúng liền hành chiến tranh xâm lược nước ta.

Về phía ta, cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong cuộc đấu tranh này, nhân dân ta phải đánh địch một cách trực diện và thâm lạng, vừa đấu lực vừa đấu trí rất căng thẳng chống lại kẻ địch hoạt động khi táo tợn khi tinh vi xảo quyệt; phải đấu tranh với tinh thần kiên quyết mà linh hoạt, kiên trì và nhạy bén. Chúng ta phải thu hút lực lượng toàn dân, phát động thành phong trào mạnh mẽ kết hợp với hoạt động thâm lạng, công tác chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, chiến sĩ an ninh, tạo thành một thiên la địa võng, không để cho kẻ địch thoát khỏi sự kiểm soát của nhân dân. Lịch sử cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của nước ta trong hơn 35 năm qua cho thấy rằng không những cần phải có nhận thức sáng tỏ về kẻ thù chủ yếu và tay sai của chúng, mà còn phải nắm vững và vận dụng đúng những nguyên tắc có tính chất chỉ đạo đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn và có hiệu quả. Đó là *tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng đối với công tác đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội*. Đây là

nguyên tắc chỉ đạo quan trọng nhất, cơ bản nhất trong đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Bởi vì chỉ có Đảng mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản tạo thành một mặt trận đấu tranh toàn diện nhằm kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hoạt động của các bọn tinh bảo, gián điệp của đế quốc, tư bản, nhất là gián điệp Trung-quốc và gián điệp Mỹ, các loại phản động và các bọn phạm tội khác, để bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Thực tế đã chứng minh chúng ta chỉ đạt được thành tựu khi các cấp ủy Đảng theo dõi chặt chẽ tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, coi trọng việc lãnh đạo lực lượng công an, định kỳ nghe báo cáo việc thực hiện công tác đó, nghiên cứu và vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình cụ thể, đề ra những chủ trương, kế hoạch và biện pháp thích hợp; kết hợp công tác đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội với những công tác lớn, cơ bản, thường xuyên của Đảng; kết hợp việc thực hiện chủ trương, chính sách đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội với các chủ trương, chính sách khác của Đảng; kết hợp phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội với những phong trào quần chúng rộng lớn trên mặt trận sản xuất, chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hóa; động viên cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn thiếu sót lệch lạc, kịp thời rút kinh nghiệm và tổng kết kinh nghiệm, qua đó ngày càng bổ sung, hoàn thiện đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng để không ngừng đưa sự nghiệp xây dựng và quản lý trật tự

xã hội xã hội chủ nghĩa lên những bước mới cao hơn, vững chắc hơn.

Công cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội là *sự nghiệp của quần chúng*. Nó vừa là quyền vừa là trách nhiệm của quần chúng đối với lợi ích của đất nước và của chính bản thân họ. Chúng ta phải tuyên truyền rộng rãi và sâu sắc, làm cho quần chúng tự giác nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tự xây dựng và thực hiện những biện pháp phòng ngừa mọi hành động phạm pháp, phòng ngừa các tai nạn xã hội. Phải phát động quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể trong việc bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ là những thành viên của hệ thống chuyên chính vô sản, là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của quần chúng, có trách nhiệm rất to lớn đối với nhiệm vụ này. Làm tốt công tác giáo dục đề quần chúng tự giác phát hiện với cơ quan công an về những hiện tượng nghi là hoạt động phản cách mạng hoặc phạm tội khác, tích cực và kiên quyết tham gia đấu tranh trấn áp những hoạt động phản cách mạng và phạm tội khác; tích cực giáo dục, cải tạo bọn phản cách mạng, bọn phạm tội khác và những người lạc hậu; tự giác lên án và đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, lạc hậu trong đời sống tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, tích cực bài trừ các tệ nạn xã hội; tự giác kiểm tra, giám sát cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan Nhà nước, phê bình cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân, xây dựng các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ngày càng vững mạnh.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng còn có nghĩa là *dề cao hiệu lực quản lý của Nhà nước* trong lĩnh vực an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã

hội. Hiệu lực quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực này thể hiện ở việc tổ chức toàn bộ hoạt động xã hội một cách có quy củ, có nền nếp. Nhà nước tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, từng bước bổ sung hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, xây dựng một loạt chế độ, quy định, thể lệ quản lý an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội phù hợp với tình hình mới; tăng cường các biện pháp quản lý hành chính nhạy bén trong công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nhân dân. Kế hoạch hoạt động rất xảo quyết, sử dụng ngày càng nhiều phương tiện khoa học kỹ thuật tinh vi, hiện đại. Phát huy chức năng quản lý xã hội của mình, Nhà nước *kết hợp tích cực cách mạng của quần chúng với công tác của các cơ quan chuyên môn*: công an nhân dân, kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân. Đó là những công cụ bạo lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, là những lực lượng nòng cốt, xung kích của Đảng và Nhà nước, là những người đẩy tố tận tụy và trung thành của nhân dân trong công cuộc xây dựng và quản lý trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự kết hợp sức mạnh và khả năng to lớn của quần chúng với nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật của các ngành chuyên môn sẽ có tác dụng giúp đỡ, bổ sung cho nhau và sẽ bảo đảm cho cuộc đấu tranh vững chắc hơn, có hiệu quả ngày càng cao hơn.

Phát triển sản xuất kết hợp chặt chẽ với bảo vệ sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là một quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bởi vì phá hoại kinh tế, phá hoại sản xuất, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta là một mục tiêu quan trọng hàng đầu của chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của bọn gián điệp Trung-quốc cấu kết với gián điệp Mỹ... Cho

nên, kết hợp hai mặt sản xuất và bảo vệ sản xuất, xây dựng và bảo vệ thành quả xây dựng là một nguyên tắc quan trọng của cuộc đấu tranh hiện nay. Nguyên tắc này cần được hiểu và vận dụng trên quy mô cả nước cũng như trong từng địa phương, từng cơ sở, từng đơn vị và từng mặt công tác cụ thể. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (bao gồm cả cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội) càng phát triển thì càng phải tăng cường bảo vệ công cuộc xây dựng đó. Chống tư tưởng tách rời, thậm chí đối lập xây dựng với bảo vệ, bảo vệ với xây dựng. Mặt khác, cần tiến hành đấu tranh chống quan niệm cho rằng bảo vệ sản xuất chỉ là trách nhiệm của công an. Tất cả các ngành, các địa phương đều có trách nhiệm bảo vệ sản xuất, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống địch phá hoại đường lối, chính sách kinh tế của Đảng, chống địch phá hoại quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chống bọn ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Cần phân định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản các công trình xây dựng, chủ sở hữu tài sản Nhà nước và cơ quan chuyên môn làm công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, có như vậy mới đạt được hiệu quả cao trong lĩnh vực bảo vệ sản xuất và sự nghiệp xây dựng.

Bảo vệ an ninh chính trị phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội (bao gồm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa), vì đó là hai mặt của một thể thống nhất trong chức năng quản lý an ninh trật tự của Nhà nước chuyên chính vô sản. Hai mặt đó quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó bảo vệ an ninh chính trị là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất. An ninh chính trị gắn liền với chuyên chính vô sản, gắn liền với sự tồn tại của Đảng, của Nhà nước, của chế độ, của dân tộc ta, cả trước mắt và lâu dài.

Nhưng khi nhân dân bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở nước nào cũng vậy, hoạt động của bọn phạm tội khác, nhất là của bọn phạm tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa thường tăng lên rất nghiêm trọng, nhất là trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hoặc sau thời gian chiến tranh. Vì vậy, việc đấu tranh giữ gìn trật tự xã hội có lúc, có nơi tác động rất quan trọng đến an ninh chính trị.

Ở nước ta hiện nay, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, có khá nhiều người chưa nhận thức được đầy đủ sự kết hợp tất yếu giữa hai mặt này; khi thì họ nặng về an ninh chính trị mà coi nhẹ trật tự xã hội, hoặc ngược lại khi thấy tình hình trật tự xã hội xấu đi thì họ lại coi nhẹ bảo vệ an ninh chính trị. Cần thấy rằng kẻ địch đang phá hoại ta một cách toàn diện, do đó bảo vệ an ninh chính trị vẫn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay. Đồng thời, tuyệt đối không thể coi nhẹ giữ gìn trật tự xã hội. Nếu an ninh chính trị không được bảo vệ vững chắc thì sẽ không có điều kiện thuận lợi để bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội. Ngược lại, nếu trong xã hội mà trật tự, an toàn xã hội không được giữ gìn tốt thì kẻ địch và những bọn phạm tội khác dễ bề lợi dụng, pháp luật bị coi thường, tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân sẽ bị xâm phạm, tình hình đó ảnh hưởng quan trọng đến an ninh chính trị.

Thực tiễn cuộc đấu tranh ở nước ta cho thấy, bọn phản cách mạng thường lợi dụng những khó khăn tạm thời, những thiếu sót trong việc thực hiện chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để kích động những phần tử xấu gây rối trật tự, an toàn xã hội, và ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, từ đó phá hoại an ninh chính trị. Nếu trật tự, an toàn xã hội bị vi phạm nghiêm trọng,

hoặc nếu ta giải quyết vấn đề trật tự, an toàn xã hội không khéo thì sẽ ảnh hưởng xấu, thậm chí có khi làm cho vấn đề trật tự, an toàn xã hội chuyển thành vấn đề an ninh chính trị. Cho nên từ việc đánh giá tình hình đến việc giải quyết những vấn đề thuộc về an ninh chính trị, về trật tự, an toàn xã hội, chúng ta đều phải luôn luôn tỉnh táo, luôn luôn suy tính đến mối quan hệ giữa hai mặt đó mà đề ra những chủ trương, biện pháp thích hợp nhằm giải quyết tốt mặt này, đồng thời trợ lực tốt cho mặt kia, không để xảy ra những sơ hở mặt này khiến cho kẻ địch có thể lợi dụng phá ta về mặt kia.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, sử dụng đồng bộ mọi biện pháp nhằm tích cực xây dựng lực lượng, chủ động phòng ngừa, chủ động tiến công liên tục; tiến công và làm chủ, làm chủ và tiến công nhằm tiến diệt và làm tan rã bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác. Đây là phương pháp cách mạng rất sáng tạo của Đảng ta, đồng thời là nguyên tắc chỉ đạo cho phép phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để đấu tranh chống bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác, bảo vệ tốt an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Sức mạnh tổng hợp đó là sức mạnh của đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng ta kết hợp với sức mạnh của hàng chục triệu quân chúng được Đảng giác ngộ; là sức mạnh chính trị kết hợp với sức mạnh quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; là sức mạnh của biện pháp quản lý bằng pháp luật, bằng hành chính kết hợp với sức mạnh của dư luận xã hội.

Nguyên tắc này thể hiện tư tưởng chiến lược hết sức quan trọng của Đảng ta là tư tưởng chủ động, là ý thức trách nhiệm bảo vệ an toàn cho cách mạng đến mức cao nhất, kịp thời ngăn chặn những âm mưu và hành động nguy hiểm của bọn phản cách

mạng và các bọn tội phạm khác, không để cho chúng gây thiệt hại đối với an ninh chính trị của đất nước, xâm phạm tài sản, tính mạng của nhân dân.

Do đó, phải nắm vững và kết hợp chặt chẽ cả hai mặt: chủ động phòng ngừa để bảo vệ mình và chủ động liên tục tiến công tiêu diệt và làm tan rã địch. Ta chủ động phòng ngừa để bảo vệ mình bằng mọi biện pháp. Xét về căn bản và lâu dài, con đường phòng ngừa tích cực và có hiệu quả nhất là thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xét từ quan điểm bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thì sự chủ động có nghĩa là phòng ngừa thật nghiêm ngặt, thật triệt để, thậm chí bắt đầu từ việc bài trừ các tệ nạn xã hội, hạn chế đến mức thấp nhất các tệ nạn xã hội, tiến tới xóa bỏ điều kiện xã hội nảy sinh tội phạm, cho đến việc không để có sơ hở làm miếng đất hoạt động của bọn phản cách mạng, bọn phạm tội cũ và làm nảy sinh ra bọn phản cách mạng, phạm tội mới.

Chủ động phòng ngừa còn có nghĩa là chủ động liên tục tiến công bọn phản cách mạng và các bọn phạm tội khác. Chủ động tiến công chúng cả về chính trị, về tư tưởng, về tổ chức; tiến công chúng ở mọi lúc, trong tình hình có hòa bình cũng như trong tình hình có chiến tranh; tiến công chúng ở mọi nơi, trên mọi lĩnh vực, bằng nhiều lực lượng, nhiều hình thức, nhiều biện pháp khác nhau. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội không cho phép chúng ta bị động đối phó với địch, mà đòi hỏi chúng ta phải nắm chắc âm mưu, hoạt động của địch, bảo đảm vững chắc quyền chủ động về an ninh, trật tự. Tình hình hiện nay đòi hỏi chúng ta phải chủ động trong công tác nắm toàn diện tình hình an ninh, chủ động trong xây dựng lực lượng, chủ động trong

chiến đấu, chủ động trong chủ trương, đối sách chung, chủ động trong từng vụ án cụ thể, trong đó lấy xây dựng làm cơ sở, coi xây dựng là yếu tố có tính chất quyết định và rất cơ bản. Đó là xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, xây dựng ngành công an trong sạch, vững mạnh, xây dựng tổ chức và kế hoạch trình sát đối với các địa bàn trọng điểm và đối tượng chủ yếu, xây dựng các kế hoạch bảo vệ ta, trấn áp kẻ địch, xây dựng lý luận khoa học công an

nhân dân Việt-nam, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho công tác bảo vệ an ninh trật tự, xây dựng sự lãnh đạo và chỉ đạo vững chắc, sắc bén, sáng tạo, kịp thời của Đảng trong cuộc đấu tranh này.

Xây dựng, phòng ngừa, tiến công, làm chủ, cả bốn mặt đó quan hệ chặt chẽ với nhau, mà xây dựng là cơ sở, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong chiến đấu với kẻ địch, đó là một nguyên tắc rất quan trọng trong công tác chỉ đạo đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.



Đấu tranh nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là một mặt trận đấu tranh hết sức phức tạp, gay go, quyết liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân và toàn dân ta luôn luôn cảnh giác đối với âm mưu phá hoại nước ta của bọn bán nước, phản động Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, quyết tâm

bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn tốt trật tự, an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam yêu quý của chúng ta.

Con đường dẫn đến hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác của các dân tộc Đông Nam Á

PHÚC-CƯƠNG

40 NĂM KHÔNG CÓ HÒA BÌNH VÀ 40 NĂM BIẾN ĐỔI SÂU SẮC

TRONG 40 năm qua Đông Nam Á là một trong những khu vực biến động nhất, là nơi duy nhất trên thế giới không có hòa bình. Chiến tranh và khủng hoảng liên tiếp xảy ra hết năm này đến năm khác làm cho cục diện Đông Nam Á luôn luôn không ổn định và thay đổi sâu sắc. Ở đây đã xảy ra những cuộc chiến tranh đẫm máu nhất, dài ngày nhất, thậm chí về một số mặt còn khốc liệt hơn chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu ở Đông Nam Á hầu như cùng một lúc với chiến tranh ở châu Âu. Lợi dụng tình hình các nước đế quốc Tây Âu bị phát xít Đức đánh bại, Nhật đã nhảy vào Đông Nam Á, hất cẳng Pháp, Anh, Hà-lan, thực hiện thuyết Đại Đông Á, biến Đông Nam Á thành thuộc địa kiểu mới của Nhật. Sự xâm nhập của Nhật vào Đông Nam Á đã làm cho chủ nghĩa thực dân cũ của các nước đế

quốc Tây Âu bị khủng hoảng, cơ sở xã hội của nền thống trị của chúng tan rã. Trong lúc đó ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Nhật vừa bắt đầu và chưa được củng cố. Nhiều dân tộc ở Đông Nam Á đã nhân cơ hội đó vùng lên, phối hợp với các lực lượng dân chủ, chống phát xít trên thế giới tiến hành đấu tranh để tự giải phóng. Chiến thắng của Hồng quân Liên-xô tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức và đánh bại những đội quân tinh nhuệ nhất của Nhật dẫn tới việc phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện, đã tạo ra một thời cơ lịch sử rất thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là cho phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á phát triển và giành thắng lợi ở một số nước: ba nước Đông-dương, In-đô-nê-xi-a và Miến-điện.

Nhưng chẳng bao lâu sau khi quân Nhật đầu hàng, bọn thực dân Tây

Âu đã trở lại xâm lược các nước trong khu vực, gây ra những cuộc chiến tranh thuộc địa dẫm máu như của Hà-lan ở In-đô-nê-xi-a, của Anh ở Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, của Pháp ở Đông-dương, v.v. Trừ Đông-dương, phần lớn các cuộc chiến tranh thuộc địa ở Đông Nam Á sau đó đã sớm đi đến kết thúc bằng một giải pháp chính trị thỏa hiệp giữa bọn thực dân Tây Âu với giai cấp tư sản các nước Đông Nam Á. Từ năm 1950 trở đi, ở Đông Nam Á chỉ còn lại một cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành chống nền độc lập của các dân tộc trên bán đảo Đông-dương. Cuộc chiến tranh này chỉ kết thúc sau khi quân đội viễn chinh Pháp bị đại bại ở Điện-biên-phủ, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 công nhận nền độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Sự suy yếu và khủng hoảng của chủ nghĩa thực dân cũ của các nước đế quốc Tây Âu ở Đông Nam Á đã dọn đường cho đế quốc Mỹ mở rộng vai trò sen đầm quốc tế của chúng ở khu vực này. Đồng thời với việc chiếm lại các thuộc địa mất vào tay Nhật, đế quốc Mỹ tìm cách gạt dân các nước Tây Âu ra khỏi các thuộc địa của chúng ở Đông Nam Á, trong đó Đông-dương được xem là một mục tiêu quan trọng. Đi đôi với việc tiến hành chiến tranh ở Triều-tiên, đế quốc Mỹ ra sức viện trợ cho thực dân Pháp để từng bước nắm lấy quyền chỉ huy cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông-dương theo hướng chiến lược của Mỹ. Thất bại của Pháp ở Đông-dương đã đẩy nhanh sự can thiệp trực tiếp của Mỹ vào Đông Nam Á cùng với việc thành lập khối xâm lược Đông Nam Á (SEATO) tháng 9 năm 1954 và việc hất cẳng Pháp hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt-nam. Sự can thiệp của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, vào Đông Nam Á đã làm cho cuộc khủng hoảng lần này ở

Đông Nam Á có quy mô và tính chất vượt xa các cuộc khủng hoảng trước đó. Để phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam và các nước khác trên bán đảo Đông-dương, một cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ, đế quốc Mỹ đã huy động hầu như toàn bộ bộ máy chiến tranh, sử dụng hệ thống căn cứ quân sự và hậu cần của chúng không những ở châu Á - Thái-bình-dương mà còn một phần từ Tây Âu và các khu vực khác trên thế giới, lôi cuốn sự dính liú của nhiều nước đồng minh và tay sai. Cuộc khủng hoảng lần này cũng sâu sắc hơn vì dotên thực dân mới lớn nhất gây ra mà thất bại của nó sẽ không những kéo theo sự khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc Mỹ mà còn làm phá sản chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới. Do đó thất bại của Mỹ ở Việt-nam là cuộc khủng hoảng lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng như các lần trước, thắng lợi của cuộc đấu tranh để tự giải phóng của các dân tộc ở Đông Nam Á mà đỉnh cao là thắng lợi của nhân dân ta và các dân tộc khác ở Đông-dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chấm dứt cuộc khủng hoảng dài nhất và ác liệt nhất ở Đông Nam Á.

Chúng ta sẽ chưa thấy hết tính chất phức tạp và đầy biến động của tình hình Đông Nam Á trong thời gian qua nếu như không nói đến những kế hoạch đầy tội ác mà bọn cầm quyền Trung-quốc tiến hành chống nhân dân các nước Đông Nam Á trong suốt 30 năm qua kể từ khi chủ nghĩa Mao giành được quyền thống trị ở Trung-quốc. Đặc điểm của cuộc chiến tranh không tuyên bố của nhà cầm quyền Bắc-kinh ở Đông Nam Á là kẻ gây chiến luôn luôn giấu mặt và tiến hành qua tay người khác, nhưng tác hại của nó thì vô cùng nguy hiểm. Nó là mối đe dọa tiềm tàng đối với nền độc lập của

mỗi dân tộc và nó gây chia rẽ, chống đối giữa các dân tộc trong khu vực. Từ năm 1973 trở về trước, âm mưu của Bắc-kinh chủ yếu được tiến hành dưới hình thức: các lực lượng mao ít do Bắc-kinh nuôi dưỡng và xúi giục gây ra nội chiến ở các nước Đông Nam Á. Theo lệnh của Bắc-kinh, cuộc chiến tranh này có lúc bùng lên khốc liệt, có lúc tạm thời lắng xuống nhưng đều nhằm phục vụ cho mục đích bành trướng và bá quyền của Bắc-kinh tùy theo yêu cầu chiến lược của Bắc-kinh từng thời gian. Từ năm 1973 trở đi, sau khi Mỹ thất bại ở Việt-nam buộc phải rút quân khỏi Đông-dương và lực địa Đông Nam Á, Bắc-kinh ngày càng lộ rõ bộ mặt phản động của nó, trắng trợn chống lại nền độc lập của các dân tộc ở Đông Nam Á mà đỉnh cao là cuộc chiến tranh xâm lược trực tiếp của hơn 60 vạn quân Trung-quốc chống Việt-nam tháng 2 năm 1979. Bị quân và dân ta giáng trả những đòn quyết liệt, nhà cầm quyền Bắc-kinh buộc phải rút quân về nước, nhưng cuộc chiến tranh không tuyên bố của các thế lực phản động trong giới cầm quyền theo Mao ở Trung-quốc chống nhân dân Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia và các dân tộc khác ở Đông Nam Á vẫn chưa chấm dứt. Nó được tiến hành dưới một hình thức mới, bằng các biện pháp tổng hợp, kết hợp việc dùng lực lượng quân sự thường xuyên khiêu khích vũ trang và đe dọa xâm lược với việc tăng cường chiến tranh tâm lý, thâm nhập nội bộ, phá hoại và lật đổ cùng với việc phá hoại và bao vây kinh tế. Đồng thời Bắc-kinh đẩy mạnh chiến dịch ngoại giao nhằm cô lập Việt-nam trên trường quốc tế, chia rẽ các dân tộc ở Đông Nam Á, trước hết là gây đối địch giữa các nước Đông-dương với các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Tình hình Đông Nam Á trong 40 năm qua cho thấy rõ nguyên nhân

gây ra tình trạng chiến tranh và khủng hoảng triền miên ở khu vực này là chính sách xâm lược và can thiệp của các cường quốc thực dân đế quốc và chủ nghĩa bành trướng bá quyền của giới cầm quyền Bắc-kinh. Nhưng tình hình Đông Nam Á trong 40 năm qua không phải chỉ có chiến tranh và khủng hoảng. Đây còn là một trong những khu vực trên thế giới mà ở đó đã diễn ra những biến đổi sâu sắc và triệt để nhất.

Một là, phong trào giải phóng dân tộc của các nước Đông Nam Á đã chấm dứt ách thống trị hơn ba thế kỷ của chế độ thực dân cũ của các nước thực dân Tây Âu ở Đông Nam Á. Đặc biệt, thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt-nam chống thực dân Pháp đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia, góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa lâu đời của thực dân Pháp và mở đầu quá trình sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới. Với sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, xu hướng hòa bình, độc lập dân tộc và không liên kết nảy nở trong các quốc gia trẻ tuổi. Hội nghị Á - Phi họp năm 1955 ở Băng-đung (In-đô-nê-xi-a) đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào độc lập dân tộc, góp phần quan trọng vào sự ra đời của phong trào các nước không liên kết sáu năm sau đó.

Hai là, thắng lợi của nhân dân Việt-nam và các dân tộc khác ở Đông-dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - một thắng lợi có tính chất thời đại và có ý nghĩa quốc tế quan trọng. Sau thất bại hoàn toàn của Mỹ ở Việt-nam, lần đầu tiên sau 30 năm, trên lục địa Đông Nam Á không còn bóng dáng của quân đội - xâm lược nước ngoài. Xu hướng hòa bình, trung lập và độc lập dân tộc ngày càng phát triển ở các nước Đông Nam Á, kể cả ở những nước trước đây đã đứng về phía Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Sự biến đổi này còn có một ý nghĩa quốc tế to lớn khác là nó đã mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế: thời kỳ Sau Việt-nam mà đặc trưng chủ yếu của nó là sự suy yếu của đế quốc Mỹ, sự khủng hoảng của toàn bộ hệ thống đế quốc và sự lớn mạnh vượt bậc của ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Ba là, thất bại nặng nề mà chủ nghĩa bành trướng bá quyền của giới cầm quyền Bắc-kinh đã chuốc lấy ở Đông Nam Á, đặc biệt trong thời gian 5 năm qua. Cùng với sự sụp đổ của chế độ diệt chủng Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, tên tay sai đắc lực nhất của chủ nghĩa Mao ở Đông Nam Á, âm mưu bành trướng và bá quyền của Trung-quốc hoàn toàn bị thất bại ở các nước Đông-dương và ngày càng bị vạch trần ở Đông Nam Á.

Bốn là, với thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia lật đổ ách thống trị của bọn diệt chủng Pôn Pốt, Iêng Xa-ry, từ năm 1979 ở Đông Nam Á đã hình thành hai hệ thống quốc gia có chế độ xã hội, chính trị và kinh tế khác nhau. Cách đây 25 năm sau khi thực dân Pháp bị đuổi ra khỏi Việt-nam, chủ nghĩa xã hội chỉ mới được bắt đầu xây dựng ở nửa nước Việt-nam, ngày nay chủ nghĩa xã hội đã được toàn bộ nhân dân ba nước Đông-dương lấy làm con đường phát triển của đất nước mình.

Năm là, sự thay đổi sâu sắc trong lực lượng đối sánh ở Đông Nam Á đã làm cho bộ mặt Đông Nam Á ngày nay hoàn toàn đổi mới, góp phần làm thay đổi đối sánh lực lượng trên thế giới, có lợi cho hòa bình và cách mạng. Cách đây 40 năm, chủ nghĩa đế quốc hoàn toàn làm chủ Đông Nam Á, lực lượng phản động mạnh hơn hẳn lực lượng tiến bộ. Ngày nay nhân dân các nước Đông Nam Á đã và đang nổi dậy, làm chủ vận mệnh của mình. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đã thất bại trong việc dùng lực lượng quân sự để

áp đặt ý chí của chúng lên nhân dân Đông-dương và đàn áp các lực lượng hòa bình và độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. Chúng đã phải thay đổi thủ đoạn. Chúng đang dùng các biện pháp chính trị và kinh tế để duy trì lợi ích của chúng ở Đông Nam Á và thay đổi tình hình ở Đông-dương. Đặc biệt, chúng câu kết với nhau và ra sức chia rẽ các nước ASEAN với các nước Đông-dương. Tình hình đó tuy có làm cho quan hệ quốc tế trong khu vực phức tạp hơn trước, nhưng xu hướng hòa bình, độc lập dân tộc và không liên kết ở Đông Nam Á đã trở thành xu hướng không thể đảo ngược được.

Nhìn lại tình hình Đông Nam Á trong 40 năm qua, có thể thấy đây là một khu vực mà cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng đối lập của thời đại đã diễn ra ác liệt nhất. Vì sao ở Đông Nam Á — một khu vực tuy có tầm quan trọng về chiến lược và tài nguyên thiên nhiên, nhưng không phải là hàng đầu nếu so với Trung Cận Đông, châu Âu và một số khu vực khác trên thế giới — cuộc đấu tranh lại khốc liệt nhất và những biến đổi ở khu vực này trong 40 năm qua lại sâu sắc và triệt để như vậy? Có thể có nhiều nguyên nhân.

Trước hết, Đông Nam Á là khu vực duy nhất trên thế giới tập trung sự xâm xé của bốn thế lực đế quốc và bành trướng lớn nhất là Nhật, Mỹ, Trung-quốc và Tây Âu. Xung đột do đó đã diễn ra giữa bọn đế quốc «già» và bọn đế quốc «sinh sau đẻ muộn», giữa chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, giữa chủ nghĩa đế quốc phương Tây và chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc. Sự giành giật đó ngày càng gay gắt vì nó diễn ra trong bối cảnh phong trào cách mạng thế giới và ở Đông Nam Á đã bước vào thời kỳ phát triển mới.

Thứ hai là, nhân tố có tính chất quyết định nhất đối với những biến đổi ở Đông Nam Á trong 40 năm qua. Trong các nước bị chủ nghĩa đế quốc

áp bức bóc lột, Đông Nam Á là khu vực sớm giác ngộ cách mạng. Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga đến với khu vực này cũng rất sớm. Ngay từ những năm 20, một số đảng cộng sản đã được thành lập ở đây. Đây là khu vực duy nhất trên thế giới mà tất cả các nước trong khu vực đều có đảng cộng sản, trong đó nhiều đảng ngay từ khi mới thành lập đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo cách mạng. Được sự lãnh đạo của những người cách mạng chân chính, phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á mang tính chất cách mạng triệt để nhất. Điều đó được thể hiện tập trung nhất trong phong trào cách mạng của các dân tộc Đông-dương. Cách mạng Đông-dương không dừng lại ở nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và triệt để chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi biểu hiện, đặc biệt là chủ nghĩa Mao. Phong trào cách mạng Đông-dương đã gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội và đó là nguồn sức mạnh khiến cho phong trào này trở thành vô địch, và là nhân tố quyết định sự phát triển của tình hình Đông Nam Á trong bốn thập kỷ qua. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế trong 40 năm qua đã tập trung những lực lượng quân sự lớn nhất, với những thủ đoạn nham hiểm nhất, làm cho cuộc chiến đấu giữa chúng ta và chúng nó trở nên vô cùng ác liệt nhưng cuối cùng chúng đã thất bại thảm hại nhất. SEATO, một trong những liên minh quân sự lớn nhất do đế quốc Mỹ dựng lên sau chiến tranh thế giới thứ hai đã bị phong trào cách mạng Đông Nam Á làm cho tan rã. Đông Nam Á cũng là khu vực duy nhất trên thế giới mà đế quốc Mỹ lần đầu tiên trong lịch sử buộc phải rút bỏ một số căn cứ quân sự và rút quân về nước sau khi xâm lược bị thất bại. Thắng lợi và sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở

Đông Nam Á đã làm cho Đông Nam Á trong thời kỳ Sau Việt-nam trở thành một trong những khâu yếu nhất của hệ thống đế quốc chủ nghĩa thế giới.

Thứ ba là, cuộc đấu tranh triệt để và thắng lợi của ba nước Đông-dương chẳng những thách thức những lợi ích của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng ở Đông Nam Á mà còn đe dọa những lợi ích bất chính của chúng trên thế giới. Thực dân Pháp coi cuộc chiến tranh Đông-dương là một ván bài có tính chất quyết định đối với nền thống trị trong hệ thống thuộc địa của chúng trên thế giới. Đó là lý do khiến Pháp đã dốc toàn bộ lực lượng vào cuộc chiến tranh này. Dùng như vậy, chiến thắng Điện-biên-phủ chẳng những báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân Pháp mà còn góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Đối với đế quốc Mỹ, miền Nam Việt-nam là nơi thử nghiệm một cách đầy đủ và toàn diện nhất chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt-nam có nghĩa là sự phá sản hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nó đe dọa bản thân nền thống trị của Mỹ trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy thắng lợi của Việt-nam và thất bại của Mỹ ở Việt-nam đã mở ra thời kỳ Sau Việt-nam trên thế giới. Bọn phản động Bắc-kinh coi Đông Nam Á là vùng bành trướng chủ yếu và là công cụ quan trọng nhất của chúng trong chiến lược giành bá quyền trên thế giới và trong quan hệ với các nước lớn trên thế giới. Thất bại của chúng ở Đông Nam Á có nghĩa là sự phá sản của chiến lược phản cách mạng ở nơi Bắc-kinh có điều kiện thuận lợi nhất, và thắng lợi của đường lối cách mạng ở Đông-dương là sự phá sản của chủ nghĩa Mao ở Đông Nam Á.

Chính vì những lẽ trên mà những sự kiện diễn ra ở Đông Nam Á trong 40 năm qua, đặc biệt là những thắng

lợi của các lực lượng cách mạng ở Đông-dương đã có ảnh hưởng to lớn vượt ra ngoài biên giới của một khu

vực và biến Đông Nam Á thành một khu vực có tầm chiến lược hàng đầu trên thế giới.

CHỦ NGHĨA MAO VÀ ĐÔNG NAM Á

Ba mươi năm qua kể từ khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời, nhân dân Đông Nam Á đã phải đối phó với mỗi đe dọa xuất phát từ chính sách bành trướng bá quyền của nhà cầm quyền Bắc-kinh.

Mỗi đe dọa đó rất lớn và lâu dài, trước hết vì khu vực này có vị trí chiến lược quan trọng nằm sát biên giới phía nam của Trung-quốc. Biên giới hiện của các nước trong khu vực đều giáp với Trung-quốc. Từ xưa, Trung-quốc vẫn xem Đông Nam Á là hướng hành trường cổ truyền và trước nhất. Ngay từ những ngày đầu Mao cầm quyền, Mao đã xem Đông Nam Á là đất đai của Trung-quốc bị phương Tây chiếm đoạt mà nước Trung-hoa mới có nhiệm vụ phải thu hồi lại. Vì vậy, mỗi đe dọa của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc đối với Đông Nam Á là nguy hiểm, trực tiếp và lâu dài. Chủ nghĩa đế quốc có bản chất không bao giờ thay đổi, nhưng sau khi nó bị đánh bại và phải rút khỏi khu vực thì mỗi đe dọa của nó tuy vẫn còn nhưng đã bị hạn chế. Trái lại, mỗi đe dọa của chính sách bành trướng bá quyền Trung-quốc đối với Đông Nam Á sẽ tồn tại mãi chừng nào nhà cầm quyền Bắc-kinh chưa chấm dứt chính sách phản động của họ. Mỗi đe dọa ấy càng nguy hiểm hơn vì từ lâu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao đã thâm nhập khá sâu vào các phong trào cách mạng ở khu vực này thông qua các lực lượng thân Mao và hàng chục triệu Hoa kiều, cùng những người gốc Hoa.

Sẽ chưa thấy hết tính chất nguy hiểm của chủ nghĩa Mao nếu chưa

thấy rõ vị trí quan trọng của Đông Nam Á trong chiến lược toàn cầu của Bắc-kinh. Bắc-kinh chú trọng Đông Nam Á là vì nhiều nguyên nhân.

Trước hết, Đông Nam Á là khu vực chỉ gồm toàn những nước nhỏ. Nước lớn nhất cũng có số dân ít hơn Trung-quốc khoảng mười lần. Chính sách chia rẽ trị của chủ nghĩa thực dân đã để lại nhiều hiềm khích dân tộc và chống đối, mâu thuẫn giữa các nước trong khu vực. Tình hình đó tạo cho Trung-quốc cơ hội để "đục nước béo cò", nhất là khi ở đây đã có những công cụ sẵn sàng phục vụ cho sự can thiệp của Trung-quốc.

Thứ hai, Đông Nam Á vốn là khu vực mà lợi ích chiến lược của các thế lực đế quốc luôn luôn đụng chạm nhau. Đây là khu vực tập trung rất nhiều mâu thuẫn mà Trung-quốc có thể lợi dụng. Trung-quốc đã ra sức lợi dụng mâu thuẫn giữa bọn đế quốc với nhau để tạm thời hòa hoãn với Pháp năm 1954 tại Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương nhằm ngăn cản ảnh hưởng của Mỹ phát triển đến biên giới phía nam của Trung-quốc. Trung-quốc cũng đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Nam Á với chủ nghĩa đế quốc để phát triển ảnh hưởng của Trung-quốc vào khu vực, cũng như Trung-quốc đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các lực lượng, đặc biệt là các lực lượng theo Mao chống chính phủ các nước trong khu vực để gây sức ép với các nước đó.

Thứ ba, Đông Nam Á là nơi có phong trào cách mạng phát triển năng động và triệt để nhất. Nhưng các phong trào này thường phải đối phó

với những kẻ thù lớn hơn mình hàng chục lần với tiềm lực kinh tế và quân sự rất to lớn. Muốn thắng lợi, các phong trào đó không thể tách rời khỏi sự giúp đỡ và viện trợ của bên ngoài. Đặc điểm này đã được những người cầm quyền Trung-quốc tận dụng. Họ dùng viện trợ kinh tế và quân sự để nắm lấy các phong trào đó nhằm làm công cụ để buôn bán với đế quốc, đập lên máu xương của các dân tộc Đông Nam Á mà ngoi lên địa vị cường quốc thế giới.

Trong 30 năm qua, chính sách của Trung-quốc đối với Đông Nam Á đã thay đổi nhiều lần, nhưng đều nhằm một mục tiêu chiến lược là phục vụ tham vọng bá quyền của Trung-quốc ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Từ năm 1949 đến năm 1958 là thời kỳ Mao-Trạch-Đông vừa mới giành được chính quyền. Chiến lược chung của Trung-quốc trong thời kỳ này là nhanh chóng khôi phục lại nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá và đối phó với hai lò lửa chiến tranh của đế quốc ở ngay sát biên giới phía bắc và phía nam (chiến tranh Triều-tiên và chiến tranh Đông-dương), đồng thời chống lại chính sách bao vây và đe dọa quân sự của Mỹ. Trên thế giới, đây là thời kỳ chiến tranh lạnh cao nhất. Trong tình hình đó, nhà cầm quyền Bắc-kinh đã dựa hẳn vào Liên-xô. Trung-quốc ký Hiệp ước đồng minh tương trợ với Liên-xô và coi Liên-xô là trung tâm lãnh đạo cách mạng thế giới nhằm tranh thủ sự viện trợ và giúp đỡ kinh tế của Liên-xô, dùng liên minh Xô - Trung để răn đe Mỹ. Đây cũng là thời kỳ Trung-quốc đưa quân vào giúp nhân dân Triều-tiên chống Mỹ và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á. Trong thời kỳ này, nhất là từ sau khi chiến tranh Triều-tiên chấm dứt, Trung-quốc đã ra sức lợi dụng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Đông Nam Á, đặc biệt là của nhân dân Đông-

dương, đề vươn lên vị trí cường quốc thế giới và làm công cụ mặc cả và thỏa hiệp với thực dân Pháp. Tại Hội nghị Gio-ne-vơ 1954 về Đông-dương, lần đầu tiên Trung-quốc được đặt ngang hàng với bốn cường quốc khác là Liên-xô, Mỹ, Anh, Pháp trong lúc chiếc ghế ủy viên thường trực của Trung-quốc ở Hội đồng bảo an Liên hợp quốc vẫn nằm trong tay Tưởng-Giới-Thạch. Lo sợ trước việc Mỹ có thể nhảy vào Đông Nam Á, Trung-quốc đã tìm cách giúp Pháp chấm dứt chiến tranh Đông-dương, chia cắt Việt-nam, duy trì sự có mặt và ảnh hưởng của Pháp ở miền Nam Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia để ngăn chặn Mỹ, đồng thời kiểm chế cách mạng Việt-nam, làm cho Việt-nam phải phụ thuộc vào Trung-quốc.

Đồng thời, nhà cầm quyền Bắc-kinh đã ký với các nước Đông Nam Á và Nam Á tuyên bố về 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, ra lệnh cho các « đảng cộng sản » thân Trung-quốc ngừng đấu tranh vũ trang và đi vào thương lượng với các chính phủ Đông Nam Á. Họ cũng phản đối Việt-nam và Lào tiến hành đấu tranh vũ trang để giải phóng đất nước.

Những việc làm này của Bắc-kinh vừa nhằm ngăn chặn Mỹ can thiệp trực tiếp vào Đông Nam Á, vừa là những tín hiệu hòa hoãn với Mỹ. Sự tiếp xúc giữa Trung-quốc và Mỹ đã bắt đầu ở Pan-môn-chon (Triều-tiên), và được tiếp tục tại Hội nghị Gio-ne-vơ 1954. Các cuộc hội đàm chính thức ở cấp đại sứ giữa hai nước cuối cùng đã được bắt đầu từ giữa năm 1955 tại Gio-ne-vơ (sau đó chuyển sang Vác-sa-va).

Từ năm 1959 đến năm 1969, đối sách lực lượng bắt đầu thay đổi, có lợi cho Liên-xô và các lực lượng cách mạng. Những thành công của Liên-xô trong lĩnh vực vũ khí chiến lược và chinh phục vũ trụ đã xác lập thế cân bằng chiến lược Xô-Mỹ và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau Điện-

biến-phủ phát triển mạnh mẽ buộc Mỹ phải tính đến chuyện hòa dịu với Liên-xô. Trong lúc đó ở Trung-quốc do hậu quả của « đại nhảy vọt », nền kinh tế bị hỗn loạn, nạn đói và thất nghiệp lan tràn. Uy tín của Mao và tập đoàn thống trị theo Mao bị sa sút nghiêm trọng. Cuộc đấu đá trong nội bộ tập đoàn theo Mao đã diễn ra rất quyết liệt đưa đến cuộc nội chiến được mệnh danh là « đại cách mạng văn hóa vô sản » trong nửa cuối của thập kỷ 60.

Chiến lược của các nhà cầm quyền Trung-quốc trong thời kỳ này là tranh thủ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng thế giới chống cả Mỹ và Liên-xô, đồng thời đẩy Xô-Mỹ chống nhau nhằm làm cho cả hai đều gặp khó khăn, tạo điều kiện tiến hành đấu đá giành quyền lực ở Trung-quốc và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho Trung-quốc giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng, thế giới. Những hoạt động của Trung-quốc ở Đông Nam Á trong thời kỳ này một lần nữa cho thấy rõ Trung-quốc đã sử dụng khu vực này làm công cụ chủ yếu để thực hiện chiến lược đó. Trung-quốc đã ráo riết vận động hợp Hội nghị Á - Phi 2, ra sức thúc đẩy phong trào các lực lượng mới trỗi dậy (GANEFO), khuyến khích In-đô-nê-xi-a rút ra khỏi Liên hợp quốc và lập ra tổ chức quốc tế của các lực lượng mới trỗi dậy (CONEFO), xúc tiến việc lập trục Bắc-kinh - Hà-nội - Phnôm Pênh - Gia-các-ta - Bình-nhưỡng và đạo diễn cuộc đảo chính ở In-đô-nê-xi-a.

Đây cũng là thời kỳ mà Trung-quốc hoạt động ráo riết để chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế. Đồng thời với việc đưa ra « cương lĩnh 25 điểm » cho phong trào cộng sản quốc tế, Trung-quốc ra sức gây phân liệt trong các đảng cộng sản và công nhân thế giới, xúi giục việc thành lập các nhóm mao ít dưới nhãn hiệu « đảng cộng sản mao xít - lê nin nit chân chính » trên khắp thế giới và ráo riết vận

động hợp hội nghị 11 đảng cộng sản gồm chủ yếu các đảng cộng sản ở Đông Nam Á, với âm mưu lập ra phong trào cộng sản quốc tế do Trung-quốc lãnh đạo.

Đề gây thêm khó khăn cho Liên-xô và Mỹ, bọn phản động Bắc-kinh gây ra những vụ xung đột trên biên giới Xô - Trung, tiến hành những chiến dịch quy mô lớn trên thế giới chống Liên-xô và Mỹ. Chúng ra lệnh cho các nhóm mao ít ở Đông Nam Á phát động các cuộc đấu tranh vũ trang chống Mỹ và chống các chính quyền ở Đông Nam Á với khẩu hiệu chính quyền đề ra từ nòng súng.

Lúc này Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam và các nước Đông-dương. Một mặt, Bắc-kinh nhảu với Mỹ rằng nếu Mỹ không đụng đến Trung-quốc thì Trung-quốc không đụng đến Mỹ. Đồng thời Bắc-kinh bác bỏ việc lập mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam có Liên-xô tham gia và thuyết phục Việt-nam không nhận viện trợ của Liên-xô; nhà cầm quyền Trung-quốc lại cổ vũ Việt-nam đánh đến cùng và phản đối Việt-nam đàm phán với Mỹ. Đúng như M. Tay-lo đã nhận định, Bắc-kinh đã quyết tâm « chống Mỹ » đến người Việt-nam cuối cùng. Âm mưu của Bắc-kinh là nắm độc quyền cuộc kháng chiến của nhân dân ta để làm con bài hòa hoãn với Mỹ.

Từ những năm 1970 trở đi là thời kỳ Sau Việt-nam. Thất bại của Mỹ ở Việt-nam và cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị ở Mỹ làm cho Mỹ suy yếu kéo theo toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới vào khủng hoảng. Sự lớn mạnh vượt bậc của Liên-xô và ba dòng thác cách mạng của thời đại đã làm cho đối sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong lúc đó sau bao nhiêu năm rối loạn, Trung-quốc đứng trước nguy cơ bị sụp đổ cả về chính trị lẫn kinh tế. Nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của

những người cầm quyền Trung-quốc trong thời kỳ này là ổn định lại trật tự nội bộ và hiện đại hóa đất nước để nhanh chóng trở thành cường quốc thế giới. Trung-quốc muốn đẩy Mỹ và Liên-xô chống nhau để được nước béo cò, đồng thời muốn lợi dụng thế yếu của Mỹ và yêu cầu của Mỹ đối phó với sự lớn mạnh của Liên-xô và phong trào cách mạng thế giới. Trung-quốc một mặt đưa ra học thuyết ba thế giới kêu gọi chống hai siêu cường và chống phá hòa dịu Xô-Mỹ, đẩy Mỹ và Xô chống nhau, mặt khác lập mặt trận với đế quốc và phản động quốc tế chống Liên-xô, kêu gọi Mỹ và các thế lực đế quốc khác giúp xây dựng một nước Trung-hoa hùng mạnh làm thành viên thứ 16 của khối quân sự Bắc Đại-tây-dương (NATO) giữ của cho chủ nghĩa đế quốc ở phương Đông. Bọn cầm quyền Trung-quốc đã hoàn toàn vứt bỏ bộ mặt cách mạng giả hiệu của mình và công khai câu kết với đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ.

Sự phản bội của bọn cầm quyền Trung-quốc đã bắt đầu và lên đến đỉnh cao nhất ở Đông Nam Á. Bị thất bại ở Việt-nam, Mỹ buộc phải thực hiện học thuyết Ních-xơn và chính sách Việt-nam hóa chiến tranh, nhằm rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt-nam mà vẫn giữ được ngụy quyền Sài-gòn, và cũng nhằm rút quân Mỹ khỏi lục địa Đông Nam Á mà vẫn giữ được lợi ích của Mỹ ở đó. Sự phản bội của bọn cầm quyền Trung-quốc đã giúp chính quyền Ních-xơn thực hiện các mục tiêu đó. Trung-quốc đã thỏa thuận giúp Mỹ giữ chính quyền ngụy ở miền Nam Việt-nam để đòi lấy việc Mỹ rút khỏi Đài-loan, Mỹ không cản trở việc Trung-quốc vào Liên hợp quốc và trở thành cực thứ ba trong chiến lược "tam giác" của Mỹ. Đồng thời Trung-quốc câu kết với Mỹ và các nước ASEAN kiềm chế cách mạng Việt-nam và Đông-dương, ngăn chặn ảnh hưởng của Liên-xô ở Đông Nam Á. Để phục vụ chiến lược đó, Trung-

quốc ra lệnh cho các nhóm phiến loạn "mao ít" ở các nước Đông Nam Á* chấm dứt đấu tranh vũ trang và hợp tác với các chính phủ các nước này.

Thắng lợi trọn vẹn của nhân dân ta trong cuộc chống Mỹ, cứu nước và thống nhất Tổ quốc, thắng lợi của cách mạng Lào và thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ ách thống trị của bè lũ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ry đã giáng một đòn chí mạng vào các mưu đồ đen tối của Trung-quốc, làm thất bại một bước quan trọng chiến lược của Trung-quốc câu kết với đế quốc và phản động. Với những thắng lợi đó, xu hướng hòa bình độc lập ngày càng phát triển mạnh mẽ ở Đông Nam Á. Trong tình hình đó, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã ra sức xuyên tạc việc quân đội ta theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia vào giúp nhân dân Cam-pu-chia truy quét bọn tàn quân Pôn Pốt, chúng vu cáo « Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia », dựng lên cái gọi là « mối đe dọa của Việt-nam », gây đối địch giữa Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương với các nước ASEAN. Chúng đang ngày càng dẫn sâu vào con đường thù địch chống nhân dân các nước Đông-dương và gây đối địch giữa các nước ASEAN với các nước Đông-dương.

Việc Trung-quốc dùng bọn Pôn Pốt gây ra lò lửa chiến tranh ở Đông Nam Á và dùng hơn 60 vạn quân tiến công Việt-nam tháng 2 năm 1979 trước hết là nhằm xâm lược, can thiệp và làm cho Việt-nam suy yếu, và chia rẽ ba nước Đông-dương. Đồng thời, còn nhằm tạo ra một cuộc khủng hoảng lớn ở Đông Nam Á, phá hoại xu thế hòa bình và hợp tác hữu nghị đang phát triển giữa các nước Đông Nam Á từ sau thắng lợi của các nước Đông-dương. Cuộc khủng hoảng này góp phần tạo ra một sự tập hợp lực lượng mới ở Đông Nam Á: một bên là Trung-quốc, Mỹ, Nhật, các nước ASEAN chống lại một bên là các nước

Đông-dương. Cuộc khủng hoảng này góp phần thúc đẩy sự cấu kết giữa Mỹ và Trung-quốc lên đến đỉnh cao trong năm 1979 và 1980. Hiện nay bọn phản động Bắc-kinh là những kẻ hung hăng nhất ra sức chống lại việc gạt bỏ Pôn Pốt và chống xu thế đối thoại ở Đông Nam Á. Bị quân và dân ta đánh bại, Trung-quốc phải rút quân về nước nhưng vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược. Mặt khác, bọn phản động Trung-quốc đang cố gắng dùng sức ép quân sự ở biên giới Trung-quốc với Việt-nam, Lào, đi đôi với việc dùng cái gọi là « vấn đề Cam-pu-chia » để duy trì tình hình đối địch ở Đông Nam Á. Đối với các nước ASEAN, một mặt chúng ra sức ve vãn mua chuộc, phá xu hướng của các nước này muốn đối thoại với các nước Đông-dương, mặt khác-liếp tục dùng đòn bẩy viện trợ kinh tế và các nhóm phiến loạn mao ít để gây sức ép hòng buộc chính phủ các nước ASEAN đi theo quỹ đạo của Trung-quốc chống Liên-xô, Việt-nam. Các nhóm phiến loạn mao ít ở các nước Đông Nam Á đã trở thành những công cụ của Bắc-kinh nhằm chống lại cách mạng Đông-dương và chống lại lợi ích của nhân dân nước họ.

Âm mưu bành trướng của nhà cầm quyền Trung-quốc đối với Đông Nam Á còn được thể hiện qua ý đồ và tham vọng của họ đối với biển Đông là vùng biển rất quan trọng đối với lợi ích của các nước Đông Nam Á. Trung-quốc muốn độc chiếm vùng biển rộng khoảng 4 triệu km² này và biến nó thành cái ao riêng của mình. Bản đồ do Trung-quốc xuất bản vẽ biên giới biển phía nam Trung-quốc trùm lên toàn bộ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt-nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, v.v. Không chế được vùng biển này có nghĩa là không chế được Đông Nam Á về mặt biển, độc chiếm việc khai thác tài nguyên dưới đáy biển và kiểm soát con đường

giao thông quốc tế chạy qua khu vực này.

Mâu thuẫn chủ yếu hiện nay ở Đông Nam Á là mâu thuẫn giữa một bên là các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cấu kết với đế quốc Mỹ và các phần tử phản động trong giới cầm quyền một số nước ASEAN với một bên là ba nước Đông-dương, nhân dân Đông Nam Á và các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc khác trong khu vực. Cuộc đấu tranh của các dân tộc Đông Nam Á hiện nay là cuộc đấu tranh vì hòa bình và độc lập dân tộc.

Tóm lại, thực tế 30 năm qua cho thấy Đông Nam Á là hướng bành trướng chủ yếu và công cụ chủ yếu của bọn phản động Bắc-kinh trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Chúng chỉ có thể lợi dụng được Đông Nam Á trong tình hình Đông Nam Á không có hòa bình và ổn định. Nhưng Đông Nam Á cũng là nơi Trung-quốc bị thất bại thảm hại nhất.

Cuộc đấu tranh vì hòa bình và độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trước đây cũng như hiện nay là cuộc đấu tranh giữa một bên là bọn đế quốc, bọn phản động Bắc-kinh với một bên là các lực lượng hòa bình và độc lập trong khu vực, đồng thời là cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng ở khu vực này: con đường theo chủ nghĩa Mác và con đường độc lập tự chủ. Những hoạt động của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry và các nhóm phiến loạn thân Mao ở Đông Nam Á cho thấy con đường theo chủ nghĩa Mao là con đường làm tay sai cho Bắc-kinh, trái với lợi ích của dân tộc mình, nó chỉ đưa đến khủng hoảng và phản động. Kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân các nước Đông-dương và các nước Đông Nam Á khác cho thấy chỉ có đi theo con đường độc lập tự chủ, đoàn kết với tất cả các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động Bắc-

kinh, thì các dân tộc Đông Nam Á mới có thể đưa cuộc đấu tranh của mình đến thắng lợi, nền độc lập dân

tộc của mình mới được củng cố và nền hòa bình, ổn định trong khu vực mới được bảo đảm.

HÒA BÌNH VÀ ỔN ĐỊNH Ở ĐÔNG NAM Á TRÊN CƠ SỞ CÙNG TỒN TẠI HÒA BÌNH GIỮA ĐÔNG-DƯƠNG VÀ ASEAN

Chính sách xâm lược và can thiệp của các thế lực đế quốc và bành trướng không những đã chìm Đông Nam Á 40 năm qua trong chiến tranh mà còn làm cho các nước trong khu vực này luôn luôn chống đối, kinh địch nhau. Sự can thiệp của Mỹ và nhất là cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam đã phân hóa sâu sắc các nước ở Đông Nam Á. Ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, một số nước đã sớm trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Philip-pin và Thái-lan trở thành thành viên chính thức của khối xâm lược Đông Nam Á (SEATO) do Mỹ đứng đầu. Năm 1967 ASEAN được thành lập nhằm đối phó với thắng lợi của cách mạng Đông-dương và thất bại của Mỹ.

Sau khi Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh và rút quân khỏi Việt-nam và lực địa Đông Nam Á thì quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông-dương cũng chuyển sang một thời kỳ mới. Sự chống đối về quân sự cơ bản chấm dứt. Quan hệ ngoại giao bình thường đã lần lượt được thiết lập hoặc phục hồi lại. Đặc biệt trong các năm từ 1976 đến 1978, quan hệ giữa Việt-nam, Lào với các nước ASEAN đã có nhiều tiến bộ đáng khích lệ và đây cũng là thời kỳ mà không khí hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực được cải thiện hơn bao giờ hết, mở ra nhiều hứa hẹn cho việc biến Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định.

Song tình hình đã không diễn ra như sự mong muốn của các dân tộc. Từ khi Trung-quốc dùng bọn Pôn Pốt

tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây nam và đưa 60 vạn quân tiến hành xâm lược Việt-nam ở phía bắc, chính quyền Ca-tơ đầy mạnh việc chơi «con bài Trung-quốc» thì các nước ASEAN một lần nữa lại đứng về phía các lực lượng thù địch chống các nước Đông-dương. Do lực lượng đối sánh trong khu vực đã thay đổi trong thời kỳ Sau Việt-nam cho nên sự chống đối lẫn nhau của các nước ASEAN chủ yếu là trên mặt trận chính trị, kinh tế và ngoại giao. Các nước ASEAN đã đề cho Trung-quốc lời kéo vào chiến dịch bao vây kinh tế và cô lập các nước Đông-dương về mặt đối ngoại. Họ phụ họa với luận điệu của bọn phản động Trung-quốc vu cáo Việt-nam là nguyên nhân gây tình hình căng thẳng và mất ổn định ở Đông Nam Á. Họ cố tình phủ nhận nguyên nhân gây ra tình hình không có hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á suốt 40 năm qua là chính sách xâm lược và can thiệp của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế, và chính nhờ cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia mà những nhân tố phá hoại này đã bị đẩy lùi, các cuộc chiến tranh xâm lược dài nhất và ác liệt nhất của đế quốc đã chấm dứt. Thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia trong việc đánh đổ bè lũ diệt chủng Pôn Pốt tay sai của Bắc-kinh, thắng lợi của nhân dân Lào chống âm mưu lật đổ và gây bạo loạn của Trung-quốc và thắng lợi của nhân dân Việt-nam đánh tan cuộc xâm lược của 60 vạn quân Trung-quốc đã chặn được nguy cơ bành trướng của Trung-quốc

vùng Đông Nam Á. Nguyên nhân chính phá hoại hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á hiện nay là việc bọn phản động Bắc-kinh cấu kết với đế quốc Mỹ tiếp tục chính sách xâm lược chống ba nước Đông-dương và can thiệp vào công việc nội bộ của các nước Đông Nam Á. Sự có mặt của quân đội Việt-nam ở Cam-pu-chia hiện nay là theo yêu cầu của Chính phủ và nhân dân Cam-pu-chia đề đối phó với mối đe dọa của Trung-quốc. Một khi mối đe dọa của Trung-quốc không còn nữa thì Việt-nam và Cam-pu-chia sẽ thỏa thuận với nhau về việc rút quân đội Việt-nam về nước như đã làm hai lần trước đây, khi các cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp và Mỹ kết thúc. Đòi quân đội Việt-nam rút khỏi Cam-pu-chia trong lúc các nước ASEAN ủng hộ việc Trung-quốc đe dọa « dạy cho Việt-nam bài học thứ hai », công khai tăng cường can thiệp, lật đổ chống các nước Đông-dương, và tiếp tục đề cho Trung-quốc dùng lãnh thổ Thái-lan làm « đất thánh » cho bọn diệt chủng Pôn Pốt và các lực lượng Khor-me phản động khác chống nhân dân Cam-pu-chia, là tước bỏ quyền tự vệ chính đáng của nhân dân Việt-nam và các nước Đông-dương, đồng lõa với các thế lực đang phá hoại hòa bình và ổn định ở khu vực này. Một số nhà cầm quyền trong các nước ASEAN cũng cố tình phủ nhận một thực tế khác là tình hình căng thẳng và không ổn định hiện nay ở Đông Nam Á không phải đang diễn ra giữa ba nước Đông-dương với các nước ASEAN. Trái lại tình hình căng thẳng đang diễn ra giữa một bên là Trung-quốc với một bên là Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia. Hàng chục vạn quân Trung-quốc đang được tập trung để chuẩn bị một cuộc xâm lược mới chống Việt-nam và các nước Đông-dương. Nhà cầm quyền Bắc-kinh đã tuyên bố rõ ràng họ tiếp tục gây sức ép về quân sự đối với các nước Đông-dương, đồng thời kéo

dài các hoạt động vũ trang của bọn phản động lưu vong Cam-pu-chia và Lào và của các phần tử hiếu chiến trong quân đội Thái-lan chống Cam-pu-chia và Lào. Đã từ lâu Trung-quốc coi biên Đông là biên của Trung-quốc, vi phạm quyền của các nước ven biển về vùng kinh tế đặc quyền và thềm lục địa. Năm 1974 Trung-quốc đã đưa quân chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Biên Đông đang là một khu vực chịu đựng những nguy cơ của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh. Trên nhiều vùng đất đai lớn của Thái-lan, Miến-diện và các nước Đông Nam Á, Bắc-kinh không chịu chấm dứt việc ủng hộ hàng nghìn quân phiến loạn hoạt động lật đổ. Tình hình căng thẳng và không ổn định cũng đang diễn ra ở ngay bản thân một số nước ASEAN, đặc biệt là Thái-lan, nơi đảo chính đã trở thành cơm bữa, và Đông Ti-mo, nơi hằng ngày hằng giờ đã diễn ra các cuộc đàn áp giết chóc thường dân vô tội.

Thực tế tình hình Đông Nam Á hiện nay cho thấy, nếu có mối đe dọa đối với nền hòa bình, ổn định trong khu vực và đối với nền an ninh của Thái-lan và các nước ASEAN thì mối đe dọa đó xuất phát từ sự can thiệp của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh chứ không phải từ các nước Đông-dương. Trái lại, các nước Đông-dương từ trước đến nay là nạn nhân của các cuộc xâm lược và can thiệp của bọn đế quốc và phản động Bắc-kinh. Lịch sử chứng minh rằng chưa bao giờ các nước Đông-dương xâm lược các nước ASEAN. Ngược lại Thái-lan đã ba lần xâm lược Việt-nam và rất nhiều lần xâm lược Cam-pu-chia và Lào. Trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ chống nhân dân các nước Đông-dương, các nước ASEAN đã đứng về phía Mỹ và ở mức độ khác nhau đều đã giúp sức cho cuộc xâm lược của Mỹ. Thái-lan và Philip-pin không những đã đề đất đai của mình làm căn cứ cho quân đội Mỹ xâm

lược Việt-nam và các nước Đông-dương mà còn gửi quân đội sang cùng Mỹ xâm lược các nước này. Các nước ASEAN, đặc biệt là Thái-lan, Xanh-ga-po và Phi-líp-pin, là những nước đã làm giàu do phục vụ chiến tranh xâm lược của Mỹ chống nhân dân Đông-dương. Nguyên nhân tình hình không có hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á cũng không phải xuất phát từ Liên-xô hay quan hệ Việt - Xô. Trong lịch sử 60 năm tồn tại của mình, Liên-xô chưa bao giờ xâm lược một nước nào trên thế giới. Trong 5 nước lớn ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, Liên-xô là nước duy nhất không hề dính líu vào các cuộc chiến tranh xâm lược chống nhân dân các nước Đông Nam Á. Trái lại, Liên-xô luôn luôn đứng về phía các dân tộc Đông Nam Á trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và hòa bình trong khu vực. Chính nhờ sự giúp đỡ và viện trợ to lớn của Liên-xô mà nhân dân Việt-nam và các dân tộc khác ở Đông-dương đã đánh bại các thế lực xâm lược hung hãn nhất thời đại, đem lại nền độc lập cho dân tộc mình và góp phần lập lại hòa bình ở Đông Nam Á. Vì vậy quan hệ Việt - Xô cũng như quan hệ giữa Liên-xô với Lào và Cam-pu-chia không đe dọa một ai, trái lại nó đã góp phần quan trọng vào nền độc lập của ba nước Đông-dương và nền hòa bình ổn định trong khu vực.

Rõ ràng hiện nay giữa các nước Đông-dương và các nước ASEAN không có chống đối về quân sự như giữa các nước Đông-dương và Trung-quốc, nhưng có những bất đồng rất sâu sắc về nguyên nhân gây tình hình không có hòa bình và ổn định ở khu vực và từ đó bất đồng về giải pháp cho các vấn đề Đông Nam Á. Giữa các nước Đông-dương và các nước ASEAN lại có những lợi ích chung rất cơ bản trong nền hòa bình và ổn định của khu vực. Trước mắt, chưa có khả năng giải quyết ngay những bất đồng

này, nhưng giữa các nước Đông-dương và ASEAN lại có cơ sở chung dễ đi đến một giải pháp cho các vấn đề của khu vực. Hiện nay các dân tộc Đông Nam Á chỉ có sự lựa chọn: hoặc tiếp tục chống đối và áp đặt như các nước ASEAN đã làm trong hai năm qua. Đó là con đường dẫn đến tình hình căng thẳng và khủng hoảng, con đường mà các thế lực đế quốc và bành trướng đã dùng trong 40 năm qua để chia rẽ và thống trị các dân tộc chúng ta. Hoặc tiếp tục quá trình cùng tồn tại hòa bình giữa Đông-dương và ASEAN như đã bắt đầu và diễn ra tốt đẹp trong thời gian 1976 - 1978. Lợi ích của các dân tộc ở Đông Nam Á đòi hỏi mọi người phải ra sức làm cho quá trình cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội khác nhau trở thành một quá trình vững chắc và không thể đảo ngược được. Đó là con đường dẫn đến hòa bình, độc lập cho mỗi dân tộc và hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc trong khu vực, và xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định. Trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, các dân tộc Đông Nam Á, trước hết là Đông-dương và ASEAN cần tiến hành bàn bạc và thỏa thuận về các vấn đề trong khu vực với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không áp đặt ý kiến cho nhau và chống lại sự áp đặt từ bên ngoài. Công việc Đông Nam Á phải do các nước Đông Nam Á giải quyết. Đó là con đường mà các nước châu Âu, các nước A-rập, các nước châu Phi, các nước châu Mỹ la tinh và nhiều nước khác trên thế giới đang áp dụng để giải quyết các vấn đề trong khu vực mình. Con đường đó hoàn toàn phù hợp với tinh thần Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Một số nước ASEAN cho rằng họ không chống việc đối thoại với các nước Đông-dương nhưng mặt khác họ lại khăng khăng đòi áp đặt nghị quyết của Liên hợp quốc về Cam-pu-chia cho các nước Đông-dương và đòi lấy việc giải quyết cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia làm điều kiện tiên quyết cho việc giải quyết các vấn đề trong khu vực và trong quan hệ giữa Đông-dương và ASEAN. Đó không phải là con đường dẫn đến hòa bình và hòa giải. Đây là tiếp tục đi theo con đường phục vụ cho sự xâm lược và can thiệp của bọn đế quốc và bọn phản động Bắc-kinh chống nhân dân ba nước Đông-dương. Nhân dân Cam-pu-chia đã hy sinh biết bao xương máu không phải để đòi lấy sự áp đặt này bằng một sự áp đặt khác. Bất cứ nghị quyết nào về Cam-pu-chia mà không có sự tham gia, thỏa thuận của người đại diện chân chính và hợp pháp duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia là Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đều không có giá trị. Chính việc Liên hợp quốc bằng một đa số phiếu duy trì « chiếc ghế » của bọn diệt chủng Pôn Pốt đã bị cả loài người đặt ra ngoài vòng pháp luật là một, việc làm chống nhân dân Cam-pu-chia, chống hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trái với luật pháp quốc tế. Do đó nghị quyết của Liên hợp quốc về Cam-pu-chia là bất hợp pháp và vô giá trị.

Trong khi nhân dân thế giới được hưởng hòa bình, nhân dân Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia phải trải qua 40 năm chiến tranh. Cho nên nhân dân ba nước Đông-dương không có nguyện vọng nào to lớn hơn là được sống trong hòa bình và hữu nghị với các dân tộc, đặc biệt là với các dân tộc ở Đông Nam Á. Xuất phát từ nguyện vọng tha thiết và chân thành đó, sau khi chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ kết thúc, nhân dân các nước Đông-dương đã bỏ qua quá khứ và sẵn sàng phát triển quan hệ hữu

ngợi với các nước ASEAN. Hiện nay trong tình hình còn có bất đồng, các nước Đông-dương chủ trương tạm thời gác các bất đồng sang một bên, đề cùng với các nước ASEAN đi vào bàn bạc những vấn đề mỗi bên quan tâm trên cơ sở bình đẳng và cùng thỏa thuận để chấm dứt tình trạng chống đối và từng bước xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình và ổn định. Những đề nghị do Hội nghị ba ngoại trưởng các nước Đông-dương đưa ra ở Phnôm Pênh, Viên-chăn, và thành phố Hồ-Chí-Minh là đề đàm phán và thỏa thuận. Dư luận thế giới đã thấy rõ thái độ thiện chí và lập trường hợp tình hợp lý của các nước Đông-dương. Chúng ta kiên trì chờ đợi sự đáp ứng của các nước ASEAN. Tình hình Thái-lan gần đây cho thấy tiếp tục đường lối đi theo đế quốc Mỹ và câu kết với bọn bán trướng Trung-quốc chống các nước Đông-dương thì chẳng những các nước Đông-dương mà cả Thái-lan và các nước ASEAN khác cũng không có hòa bình và ổn định. Kể có lợi là bọn bá quyền Bắc-kinh. Cách mạng ba nước Đông-dương còn có thể phải trải qua nhiều khó khăn thử thách nhưng thời kỳ thử thách lớn nhất đã qua rồi. Không có một thế lực phản động nào trên thế giới đủ lớn đến đâu có thể đảo ngược được tình hình ở Đông-dương hiện nay.

Trước đây 10 năm Đông Nam Á là sân sau vững chắc của ba chủ nghĩa thực dân lâu đời và mạnh nhất thế giới. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay Đông Nam Á là một trong những vùng ảnh hưởng lớn nhất của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và là địa bàn bành trướng lớn nhất của chủ nghĩa bá quyền Bắc-kinh. Do đó cuộc đấu tranh ở Đông Nam Á giữa hai lực lượng đối lập của thời đại — một bên là các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và một bên là các thế lực thực

dân, quân phiệt, đế quốc, hành trưởng và các lực lượng phản động khác - đã diễn ra rất ác liệt.

Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, trước hết là thắng lợi của nhân dân Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, đã lần lượt làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ, làm phá sản nghiêm trọng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và đẩy lùi một bước chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh, biến Đông Nam Á từ chỗ là sân sau của chủ nghĩa đế quốc trở thành tiền tuyến của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lực lượng đối sánh

ngày nay ở Đông Nam Á đã thay đổi to lớn, có lợi cho hòa bình và cách mạng. Lần đầu tiên trong lịch sử đã xuất hiện trên bán đảo Đông-dương ba nước độc lập, có chủ quyền, đoàn kết chặt chẽ với nhau và cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Một cục diện mới đã mở ra ở Đông Nam Á: cục diện cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống quốc gia có chế độ xã hội chính trị và kinh tế khác nhau và cùng cần có hòa bình và ổn định để phát triển. Với chính sách đối ngoại hòa bình và độc lập của mình, ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia ngày càng phát huy vai trò là nhân tố tích cực của hòa bình và ổn định trong khu vực Đông Nam Á

Cải tiến công tác phân phối, lưu thông...

(Tiếp theo trang 8)

cần được quy định lại cho phù hợp với tình hình và cơ chế quản lý mới, vừa bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất những cái cơ bản, những việc chủ yếu, vừa đủ linh hoạt cho các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo.

Các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở không được tự ý đặt ra chính sách, chế độ trái với quy định chung của Nhà nước về giao nộp sản phẩm, thu chi tài chính và tiền mặt, về giá cả và tiền lương... Những việc làm sai trái cần được nhanh chóng khắc phục và phải được xử lý nghiêm minh theo đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cải tiến công tác phân phối, lưu

thông là một cuộc đấu tranh gay go muốn đạt được mục đích cần phải có sự chuyển biến thật sự từ trung ương đến địa phương và cơ sở, nhất là trong các ngành phân phối, lưu thông. Mỗi cán bộ, đảng viên trên cương vị công tác của mình, có ý thức *nghĩa vụ đầy đủ và có hành động thiết thực* đóng góp phần mình vào cuộc đấu tranh chung vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Mọi người chúng ta đều có nghĩa vụ bảo vệ các cơ sở sản xuất, các kho tàng, cửa hàng, bến bãi và mọi hoạt động kinh tế; luôn luôn *cảnh giác trước âm mưu phá hoại của kẻ thù*, thực hiện đúng đắn nghị quyết của Đảng và Nhà nước về lưu thông, phân phối.

MỞ RỘNG VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ, TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẬP TRUNG THỐNG NHẤT CỦA NHÀ NƯỚC

VÕ-TRÍ-CAO

TRONG công tác quản lý tài chính, một mặt phải bảo đảm tính thống nhất cao của tài chính Nhà nước và quyền quản lý tập trung của Nhà nước ở trung ương; mặt khác, phát huy mạnh mẽ vai trò và chức năng của bộ máy Nhà nước ở địa phương và cơ sở, tạo điều kiện cho địa phương và cơ sở phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể, làm tốt việc quản lý kinh tế tài chính, làm chủ kế hoạch và ngân sách của mình, chủ động sử dụng công cụ tài chính, tin dụng phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế.

Do đó, mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở, nhất là quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp, là một yêu cầu cấp bách và thiết thực của việc cải tiến công tác quản lý tài chính của Nhà nước, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển. Xí nghiệp quốc doanh là đơn vị cơ sở, là khâu tổ chức cơ bản của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất. Xí nghiệp là nơi trực tiếp sản xuất của cải vật chất cho xã hội, trên cơ sở đó, bảo đảm phân tích lũy xã hội chủ nghĩa quan trọng nhất và cơ bản nhất. Xí

niệp cũng là nơi thể hiện tập trung và cụ thể quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân, và thể hiện hiệu lực về quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong quan hệ kinh tế và quan hệ pháp lý, xí nghiệp là đơn vị cơ sở có tư cách pháp nhân đầy đủ, có tài khoản riêng ở ngân hàng, có danh nghĩa đề tự chịu trách nhiệm về tài chính, cụ thể là có quyền hạch toán kinh tế đầy đủ, quyền ký kết các hợp đồng kinh tế... Xí nghiệp có nhiệm vụ hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, bảo đảm nộp đủ sản phẩm và các nguồn thu về tài chính cho Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chính sách, chế độ và kỷ luật của Nhà nước, nâng cao năng lực quản lý, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hạch toán kinh tế, các hợp đồng kinh tế, bảo đảm kinh doanh có lãi.

Muốn đạt kết quả cao nhất với số hao phí ít nhất, vì lợi ích của xã hội, cần kết hợp nguyên tắc lãnh đạo tập trung với việc phát huy trí sáng tạo của công nhân viên chức các xí nghiệp. Tùy tình hình và trình độ quản lý

trong nền kinh tế quốc dân và năng lực quản lý cụ thể của các xí nghiệp, Nhà nước trao cho các xí nghiệp quyền tự chịu trách nhiệm thích hợp về kinh tế và tài chính.

Nhà nước giao cho xí nghiệp tự liệu sản xuất, tài sản, vốn liếng và đòi hỏi xí nghiệp thực hiện nghiêm túc kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính đã được duyệt. Thực hiện mối quan hệ hai chiều này, xí nghiệp có trách nhiệm làm tốt khâu khởi điểm của sản xuất xã hội, của tài chính Nhà nước, đồng thời cũng có quyền đòi hỏi cơ quan quản lý cấp trên làm tốt nhiệm vụ cung cấp vốn và những tư liệu sản xuất cần thiết và hợp lý cho mình. Với quyền sử dụng tư liệu sản xuất và vốn liếng được giao, xí nghiệp trước hết phải nghiêm chỉnh thi hành các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước; nếu còn thừa năng lực sản xuất sau khi đã bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, xí nghiệp có quyền sản xuất thêm những mặt hàng ngoài kế hoạch Nhà nước, nhằm tăng thêm hàng hóa cho xã hội, đáp ứng nhu cầu nhiều về của thị trường, và xí nghiệp cũng tăng thêm được lợi nhuận. Để thực hiện nhiệm vụ sản xuất hằng năm, xí nghiệp còn có quyền tự xác định lại các hình thức tổ chức sản xuất và chỉ huy sản xuất thích hợp; được quyền ký các hợp đồng hợp tác sản xuất, các hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mà xí nghiệp thấy có lợi nhất; xí nghiệp được quyền chủ động sử dụng các loại vốn cấp phát và tính toán số vốn phải vay ngân hàng sao cho tiết kiệm nhất, hiệu quả nhất, được trích lập các quỹ để lại cho xí nghiệp và sử dụng các quỹ đó vào việc cải tiến kỹ thuật và cải thiện đời sống công nhân viên chức trong xí nghiệp; được dùng các đòn bẩy kinh tế, tiền lương, tiền thưởng để thúc đẩy và khuyến khích sản xuất kinh doanh.

Thực tiễn của công tác quản lý tài chính trong thời gian qua đã chứng minh sự cần thiết phải cải tiến công tác quản lý tài chính: mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở nhằm phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hóa cho xã hội.

Do yêu cầu cải tiến công tác quản lý tài chính, Chính phủ đã sửa đổi chỉnh sách thuế và cải tiến công tác thuế, đã sửa đổi chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp, mở rộng cho vay thay cho cấp phát của ngân sách và cải tiến quản lý tài chính ở cơ sở, mở rộng việc áp dụng các hình thức lương khoán, v.v.

Đến nay, nhiều cơ sở đã mở rộng những hoạt động tự làm và sản xuất phụ, đã áp dụng nhiều hình thức lương khoán, đã thực hiện mua bán theo giá thỏa thuận, bên cạnh giá chỉ đạo. Nhờ đó, nhiều cơ sở đã làm thêm được nhiều sản phẩm hàng hóa tiêu dùng. Nhiều giám đốc xí nghiệp đã sử dụng công cụ tài chính trong quản lý như là thước đo và đòn bẩy kích thích phát triển kinh tế, đồng thời kìm hãm những hành động tiêu cực. Các hình thức lương khoán và tiền thưởng cải tiến đã kích thích người lao động hăng say sản xuất. Dần dần đã xuất hiện nhiều cơ sở thật sự thực hiện hạch toán kinh tế, thật sự làm chủ về tài chính, giảm dần và cắt hẳn quan hệ cấp phát vốn từ ngân sách Nhà nước bằng cách tự đầu tư phát triển, tự bảo đảm nhu cầu tăng vốn lưu động.

Đối với Nhà nước, việc nộp thu quốc doanh, trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước theo kế hoạch Nhà nước đang được bổ sung ngày càng nhiều bằng số nộp thực tế do kế hoạch tự làm và kế hoạch làm phụ của cơ sở đem lại. Nguồn tài chính mới của Nhà nước phát sinh trên cơ sở phát triển sản phẩm và dịch vụ làm thêm của cơ sở bổ sung kế hoạch sản phẩm của Nhà nước; đồng thời

khả năng giảm chi của ngân sách Nhà nước phát sinh trên cơ sở phát triển và củng cố hạch toán kinh tế, tăng cường quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp.

Quyền làm chủ về tài chính của cơ sở đã bắt đầu thật sự phát huy tác dụng : kích thích gia tăng sản phẩm và dịch vụ ở các cơ sở, đưa lại lợi ích thiết thực cho quần chúng, đồng thời tăng thêm lợi ích cho Nhà nước và tập thể. Sự gia tăng sản phẩm đó cũng là nhân tố đầu tiên phải có để tiến đến ổn định giá trị đồng tiền, ổn định tài chính Nhà nước.



Đi đôi với việc mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở, phải tăng cường quản lý tài chính tập trung thống nhất của Nhà nước, nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc thống nhất quản lý nguồn hàng và nguồn tiền để ổn định tài chính Nhà nước.

Lưu thông hàng hóa và tiền tệ ngày càng phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các tỉnh, thành, giữa các cơ sở sản xuất và dịch vụ, giữa các thành phần kinh tế... trong đó có những quan hệ có tổ chức và những quan hệ không có tổ chức. Lợi ích toàn dân đòi hỏi các cơ sở, ngành, địa phương phải quản lý lưu thông hàng hóa — tiền tệ qua các tổ chức thương nghiệp Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước. Vì lợi ích của toàn dân, Nhà nước phải tổ chức quản lý tập trung các quan hệ hàng — tiền, trong đó mỗi người có thể nhận thấy được lợi ích của mình. Nếu mỗi người dùng tiền mua hàng hóa của thương nghiệp quốc doanh thì Ngân hàng Nhà nước sẽ thu ngay được tiền mặt về. Nếu người mua không dùng tiền mặt mà rút tiền gửi ở Ngân hàng Nhà nước để trả cho người bán hàng là cơ sở quốc doanh, thì Ngân hàng

Nhà nước có thể thu lại được ngay số tiền đó ở người bán hàng; nhờ đó, Ngân hàng Nhà nước có thể tiếp tục cho người mua rút tiền để mua hàng tiếp. Nếu khi luân chuyển tiền — hàng không ăn khớp với nhau, thì người có tiền thừa có thể gửi tiền thừa của mình tại Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước có thể dùng số tiền đó cho người có hàng còn dự trữ vay tiền. Như vậy hàng hóa, tiền tệ có thể lưu thông tăng nhiều lần theo tốc độ phát triển lưu thông hàng hóa, mà Nhà nước không cần phát hành thêm nhiều tiền.

Lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ phát triển đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, đồng thời cũng đem lại lợi ích cho Nhà nước dưới hình thức giao nộp một phần thu nhập của các cơ sở và của nhân dân vào ngân sách Nhà nước.

Đối với người có tiền do chưa mua được hàng nên thừa tiền, thì tài chính Nhà nước đòi hỏi họ gửi tiết kiệm để xã hội có thể sử dụng được số tiền thừa của nơi này cho nơi khác đang thiếu. Ngân sách Nhà nước phải cân đối giữa thu với chi, nếu có tiền thừa thì gửi vào Ngân hàng Nhà nước và khi thiếu cũng được tạm vay số tiền thừa đã được dành riêng trong xã hội.

Việc ổn định tài chính Nhà nước có mâu thuẫn gay gắt với những hoạt động đầu cơ trục lợi xâm phạm của công ; do đó, nhân dân phải cùng với Nhà nước đấu tranh chống những hoạt động tiêu cực nói trên một cách thường xuyên và có hiệu quả. Ngoài ra, những hiện tượng cục bộ, địa phương trong công tác quản lý tài chính cũng là những trở ngại lớn cho việc ổn định tài chính Nhà nước. Hiện nay, có nhiều xí nghiệp, cơ quan tự giữ hàng, giữ tiền để sử dụng riêng cho xí nghiệp mình, cơ quan mình vượt quá nhiều lần tiêu chuẩn, định mức Nhà nước quy định, làm cho Ngân hàng Nhà nước từng

nơi, từng lúc không tập trung đủ tiền mặt để phát lương cho cán bộ, công nhân, viên chức theo đúng kỳ hạn. Gần đây, ngày càng có nhiều người tố giác những hiện tượng cục bộ, bản vị, chỉ tiêu phóng túng, không quan tâm đầy đủ đến lợi ích của Nhà nước, vi phạm lợi ích lâu dài của nhân dân lao động, làm cho ngân sách Nhà nước phải chi quá số thu, tín dụng ngân hàng không kiểm soát được các cán cứ kinh tế, thời gian thanh toán tiền— hàng trong nền kinh tế quốc dân kéo dài, số nợ nần day dưa quá lớn.

Đó là những biểu hiện không đúng cần đấu tranh khắc phục, nhằm nâng cao vai trò quản lý thống nhất hàng— tiền của Nhà nước, trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, quyền tự chủ về tài chính của các ngành và cấp.



Mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính cơ sở, tăng cường quản lý tài chính tập trung thống nhất của Nhà nước là những hoạt động quản lý tài chính diễn ra hằng ngày của cơ sở, ngành, địa phương và Chính phủ ở trong từng quyết định về tài chính.

Hoạt động quản lý tài chính có những loại hình giống nhau ở các cấp bao gồm *kế hoạch hóa tài chính, tổ chức bộ máy công tác tài chính, điều hành tài chính và kiểm tra tài chính*.

Trong lĩnh vực kế hoạch hóa tài chính, hoạt động của cán bộ quản lý tài chính thường phải bảo đảm cân đối các nguồn vật tư, lao động, tiền vốn với kết quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các chỉ tiêu tài chính với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, bảo đảm gắn liền các yếu tố thu và chi của đơn vị với cân đối thu và chi tài chính của đơn vị, với ngân sách Nhà nước; nhưng trong

thực tế, quá trình tập trung quan liêu và bao cấp tài chính đã làm cho những yêu cầu kế hoạch hóa tài chính nói trên trở thành những yêu cầu có tính chất giấy tờ gây phiền phức và dần dần tách khỏi hoạt động quản lý tài chính hằng ngày của các cơ sở, ngành và địa phương.

Ngày nay, khi mà quyền tự chủ về tài chính của cơ sở đã phát huy tác dụng trong điều kiện lưu thông hàng hóa— tiền tệ phát triển, thì các hoạt động kế hoạch hóa tài chính ở cơ sở cũng đang được phục hồi và hoàn thiện dần theo những yêu cầu linh hoạt về chỉ tiêu kế hoạch của cơ sở và khản trương về thời kỳ kế hoạch, nhằm thích nghi với nhiều hoạt động đang được mở rộng ra như sản xuất tự làm, sản xuất phụ... với nhiều thứ giá cả cho phép như giá chỉ đạo, giá thỏa thuận, giá khuyến khích. Sự chuyển biến ở cơ sở như thế cũng đòi hỏi hoạt động kế hoạch tài chính ở cấp trên cơ sở phải hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu quản lý của ngành, địa phương và trung ương.

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy tài chính, về nguyên tắc, chúng ta đã có hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách công tác tài chính từ Bộ tài chính đến các cục, vụ tài chính ngành, cơ sở, tự tài chính địa phương, đến các bộ phận tài chính ở cơ sở, cùng với hệ thống những chế độ tài chính được hình thành từ thời kỳ kháng chiến. Mỗi khâu trong hệ thống tổ chức bộ máy này vừa là chủ thể quản lý đối với cấp dưới, vừa là khách thể quản lý của cấp trên; vừa là tổ chức thực hiện quản lý tài chính của thủ trưởng đơn vị cơ sở, ngành, địa phương. Nhưng do phương pháp quản lý tập trung quan liêu và bao cấp tràn lan, bộ máy này thực chất đã giảm dần hiệu lực, ngày càng trở thành xộc xệch, hoạt động rời rạc, mỗi khâu hoạt động một kiểu, mất tính chất hệ thống của bộ máy. Ngày nay quyền tự chủ về tài chính của cơ sở đã

phát huy tác dụng, quyền chủ động về tài chính của các ngành, các địa phương đã được đề cao, hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách công tác tài chính phải được hoàn thiện để hoạt động đều đặn ăn khớp từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên.

Là đối tượng quản lý (chủ thể và khách thể), mỗi khâu trong hệ thống bộ máy phải nâng cao trình độ kế hoạch tài chính, trình độ điều chỉnh tài chính và nâng cao hiệu lực kiểm tra tài chính, cải tiến và hoàn thiện những hình thức và phương pháp quản lý tài chính, nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ lành nghề của cán bộ nhân viên tài chính.

Là tổ chức thực hiện quản lý tài chính của thủ trưởng đơn vị cơ sở, ngành, địa phương, mỗi tổ chức chuyên trách công tác tài chính phải áp dụng những hình thức và phương pháp huy động các nguồn tài chính và phân phối sử dụng các nguồn tài chính đó đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả kinh tế, bảo đảm cho mỗi người trong hệ thống quản lý trực thuộc thủ trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm được giao, trong đó có trách nhiệm giao nộp sản phẩm, cung cấp dịch vụ và thu, nộp phần tích lũy tiền tệ cho Nhà nước, nâng cao trình độ khoa học trong các quyết định của thủ trưởng về quản lý tài chính.

Mỗi khâu trong hệ thống bộ máy chuyên trách công tác tài chính dù là khách thể hay chủ thể, hay là tổ chức thực hiện quản lý tài chính của thủ trưởng đơn vị cơ sở, ngành, địa phương đều cần thiết phải tổ chức bộ máy theo cơ cấu thống nhất để bảo đảm thực hiện những loại hình hoạt động quản lý tài chính giống nhau ở các cấp.

Trong lĩnh vực điều chỉnh tài chính, đã đến lúc các cơ quan quản

lý cấp trên phải thực hiện kịp thời việc hình thành những quy chế thiết lập và sử dụng các nguồn vốn phù hợp với tình hình phát triển sản xuất kinh doanh ở cơ sở và yêu cầu của Nhà nước, mặt khác phải cấp tiến theo đúng quy chế. Có như thế mới bảo đảm đủ vốn cần thiết và sử dụng hợp lý các nguồn vốn ở tất cả các khâu từ xí nghiệp đến ngành, địa phương, đến trung ương, bảo đảm cho Nhà nước quản lý tài chính tập trung thống nhất, đồng thời bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở. Trước mắt, cần thay đổi kịp thời cung cách điều chỉnh tài chính hiện hành với nhiều chế độ, thể lệ cũ kỹ, mất hiệu lực: vốn nơi thừa không điều được cho nơi thiếu, các cấp thường không thực hiện đúng kỷ luật tài chính thống nhất của Nhà nước, mà không được kiểm tra, thanh tra, uốn nắn kịp thời.

Trong lĩnh vực kiểm tra tài chính, các cơ quan quản lý thường có tổ chức hạch toán kế toán và thống kê để thông tin kinh tế và để có căn cứ phân tích và kiểm tra xử lý. Nhưng vì đã thích nghi lâu ngày với những hình thức và biện pháp quản lý tài chính tập trung quan liêu bao cấp, cho nên công tác kế toán chậm được cải tiến cho phù hợp với hoạt động kinh tế tài chính của cơ sở trong điều kiện mới, hoạt động quản lý tài chính kém nhạy cảm không chính xác, công tác kiểm tra tài chính bị buông lỏng. Hậu quả là những hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật có điều kiện phát triển. Để đáp ứng kịp thời yêu cầu mở rộng quyền tự chủ tài chính của cơ sở và tăng cường quản lý tài chính tập trung thống nhất của Nhà nước, các cơ quan quản lý tài chính từ trung ương đến địa phương, ngành đến cơ sở phải đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính.

VỀ KIỂM KÊ VÀ KIỂM SOÁT TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA THỜI KỶ QUÁ ĐỘ TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

LÊ-DOÃN-TÁ



VỚI chủ nghĩa xã hội, *kiểm kê và kiểm soát* thực chất là vấn đề quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Một khi có chính quyền của giai cấp vô sản rồi, kiểm kê và kiểm soát của công nhân và nhân dân lao động có thể trở thành sự kiểm kê, kiểm soát toàn diện, tỉ mỉ nhất đối với toàn bộ việc sản xuất và phân phối sản phẩm. Với ý nghĩa đó, thực chất của kiểm kê và kiểm soát là cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiểm kê lao động và sản phẩm, kiểm soát sản xuất và phân phối sản phẩm. Do vậy mà kiểm kê và kiểm soát cũng là điều chủ yếu cần thiết cho cả việc « tổ chức » lẫn hoạt động đều đặn của chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của xã hội cộng sản.

Hiện nay, đất nước ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ. Nước ta lại từ một nền nông nghiệp lạc hậu, đại bộ phận là sản xuất nhỏ, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chiến tranh kéo dài và ác liệt cũng để lại

cho chúng ta những hậu quả nặng nề. Chúng ta lại còn có thiếu sót trong tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Bởi vậy, việc *quan triết quan điểm của Lê-nin về kiểm kê và kiểm soát trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ*, có một ý nghĩa rất quan trọng.



Lê-nin đã từng chỉ ra rằng, sau khi lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, vấn đề kiểm kê và kiểm soát là « vấn đề căn bản đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ». Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tiến hành kiểm kê và kiểm soát toàn diện đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm. Nếu không làm như vậy thì chính quyền của những người lao động, nên tự do của họ, sẽ không thể nào duy trì được, và nhất định chủ nghĩa tư bản sẽ được phục hồi. Người nói: « Nếu không rơi vào không tưởng thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, người ta sẽ tức khắc có thể làm việc cho xã hội mà không cần phải có tiêu chuẩn pháp quyền nào cả, hơn nữa, việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản không thể đem lại ngay được

những tiền đề kinh tế cho một sự thay đổi như vậy» (1).

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế của bất kỳ một nước nào cũng đều bao gồm nhiều thành phần, mà chủ yếu là ba thành phần sau đây: chủ nghĩa tư bản, sản xuất hàng hóa nhỏ và chủ nghĩa xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tiến hành cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa tiến hành cải tạo kinh tế tư bản tư doanh, quốc hữu hóa ngân hàng, các xí nghiệp lớn, độc quyền ngoại thương, v.v. Song mấu chốt của vấn đề, như Lê-nin đã nói, sẽ không phải là tịch thu tài sản của bọn tư bản, mà là sự kiểm soát của Nhà nước đối với bọn tư bản và tất cả bọn nào có thể đi theo bọn tư bản. «Chỉ có tịch thu thôi thì sẽ không ích gì cả, vì việc tịch thu không có lấy một yếu tố tổ chức nào cả, không có lấy một cái gì để kiểm soát sự đúng đắn trong việc phân phối cả» (2).

Tuy nhiên, trong quá trình cải tạo thành phần kinh tế này, Nhà nước còn cho phép họ kinh doanh trong một chừng mực nhất định. Song còn có tự do kinh doanh tức là còn có đầu cơ. Điều đó không thể bỏ qua được. Hơn nữa, trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, bọn lưu manh và bọn ăn bám, những anh em sinh đôi với giai cấp bóc lột, không thể không tăng thêm những tội ác, những hành động lưu manh, hối lộ và tất cả những hành vi ti tiện, xấu xa đủ loại. Do đó, Nhà nước xã hội chủ nghĩa tất yếu phải kiểm kê và kiểm soát chặt chẽ đối với bọn chúng và thẳng tay khi cần trấn áp bọn bóc lột và bọn lưu manh. Bởi vậy phải duyệt lại và sửa đổi tất cả các luật lệ chống đầu cơ; phải tuyên bố rõ ràng rằng

mọi hành vi *đi cấp*, mọi hành động trực tiếp hoặc gián tiếp, công khai hoặc lén lút, *toan trốn tránh sự kiểm tra sự giám sát của Nhà nước*, đều có thể bị *trừng phạt* và *trừng trị* nặng.

Tuy nhiên, trong thực tiễn của nền kinh tế nước Nga lúc đó cũng như ở nước ta hiện nay còn có hiện tượng buông lỏng quản lý và thật ra nhiều lúc đúng như Lê-nin đã nói, *chính quyền ta lại quá hiền: thường thường nó giống thạch hơn là giống thép*. Do đó mà bọn bóc lột và các phần tử hủ hóa khác đã lợi dụng những nhược điểm, những sơ hở trong quản lý của ta để làm cho tình trạng phóng túng và hỗn loạn thêm trầm trọng. Tình trạng Nhà nước không nắm được nguồn hàng, không nắm được tiền và làm chủ được thị trường đã gây ra nhiều tác hại trong việc phát triển sản xuất, phân phối sản phẩm, bảo đảm đời sống của nhân dân lao động. Bởi vậy cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi Nhà nước vô sản phải tăng cường quản lý kinh tế, quản lý tài chính, phải tỏ ra thật sự là một Nhà nước chuyên chính vô sản, và quán triệt nghiêm chỉnh lời dạy của Lê-nin: «Chuyên chính là một chính quyền sắt, có dũng khí cách mạng và nhanh chóng, thẳng tay khi cần trấn áp bọn bóc lột và bọn phá rối trật tự» (3).

Nền sản xuất nhỏ cá thể là cơ sở rất rộng, cơ sở có cội rễ rất sâu và rất chắc, của chủ nghĩa tư bản. Nhà nước vô sản nhất định phải tiến hành cải tạo nền sản xuất nhỏ đó, phải đấu tranh từng bước, từng li, từng tí..., phải đấu tranh cho chế độ làm ăn tập thể. Song bước quá độ này tất nhiên là rất dài, không thể dùng những biện

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập 33, tr 116.

(2) V.I. Lê-nin: *Về kiểm kê và kiểm soát*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1974, tr. 23.

(3) Sách đã dẫn, tr. 150.

pháp hành chính, hấp tấp dễ giải quyết được. Phải có những bước đi thích hợp, những khâu trung gian thích ứng với trạng thái của nền sản xuất để tăng sức sản xuất lên. Tuy vậy, phải nhận thức rõ ràng, thói quen và truyền thống tiêu tư sản đều chống lại sự kiểm soát của Nhà nước. Và chẳng, ở một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta còn phải chịu đựng một tình trạng mà bản thân nền sản xuất nhỏ phân tán tạo nên. Ta chưa có cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển, và nhất là chưa có thói quen và nền nếp làm việc theo lời đại công nghiệp. Những người làm công tác quản lý chưa được rèn luyện trong trường học quản lý sản xuất lớn. Thậm chí chúng ta cũng chưa có cả kinh nghiệm quản lý hành chính một cách nghiêm túc.

Tất cả những cái đó chỉ nói lên một điều hiển nhiên sau đây: có Nhà nước của giai cấp vô sản rồi mới là một việc, «*khó khăn chủ yếu là ở trong lĩnh vực kinh tế: thực hiện ở khắp mọi nơi sự kiểm kê và kiểm soát hết sức chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, tăng năng suất lao động, thật sự xã hội hóa sản xuất*» (4). Như vậy, kiểm kê và kiểm soát chẳng những chỉ là một nấc thang cần thiết để tẩy trừ thói xấu của chủ nghĩa tư bản và tàn dư của chế độ tư hữu, mà mang một ý nghĩa tích cực, mang tính chất xây dựng, nhằm thiết lập một hệ thống quan hệ tổ chức mới, một hệ thống kinh tế phức tạp bao gồm sự sản xuất và phân phối sản phẩm thiết yếu cho đời sống của hàng chục triệu con người.



Trong mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa, kiểm kê và kiểm soát có một nội dung cụ thể, và phương pháp của kiểm kê và

kiểm soát phải phù hợp với nội dung đó.

Nội dung của kiểm kê và kiểm soát mà Lê-nin đề cập đến chính là xuất phát từ thực tiễn nước Nga đầu những năm 20, thực tiễn đấu tranh chống nạn đói, chống sự phá sản về kinh tế do mấy năm nội chiến gây ra, thực tiễn thi hành chính sách kinh tế mới, để thoát khỏi tình trạng nói trên, để khôi phục và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Lê-nin tập trung vào mấy nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Một là, phải quốc hữu hóa ngân hàng và tổ chức ngân hàng theo chủ nghĩa xã hội, công cụ kiểm kê và kiểm soát quan trọng bậc nhất này nằm trong tay giai cấp vô sản bảo đảm cho chính quyền vô sản có điều kiện đứng vững được trong thời gian đầu và sau đó khôi phục kinh tế và xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Lê-nin nói: «*một ngân hàng quốc gia duy nhất, to lớn trong số những ngân hàng to lớn nhất, với nhiều chi nhánh ở trong mỗi tổng, ở cạnh mỗi nhà máy, đó cũng đã là chín phần mười bộ máy xã hội chủ nghĩa rồi. Đó là kế toán trên phạm vi toàn quốc, là kiểm kê trên phạm vi toàn quốc đối với sản xuất và phân phối các sản phẩm, đó là cái gì giống bộ xương của xã hội xã hội chủ nghĩa, nếu chúng ta có thể nói được như vậy*» (5).

Điều này đặt ra một vấn đề quan trọng là Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có chính sách và tổ chức ngân hàng sao cho nó thật sự trở thành một cơ quan thống nhất, thực hiện chức năng kế toán và điều tiết đời sống kinh tế trong cả nước, làm cho ngân hàng thành những trung tâm kế toán công cộng đầu mối dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong thực tế ở nước ta, có nơi có lúc Nhà nước không làm chủ được việc quản lý lưu thông

(4) Sách đã dẫn, trang 33.

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập 34, tr. 404-405.

tiền tệ. Tiền rơi vào tay các tầng lớp không lao động, làm hỗn loạn thị trường. Điều này do nhiều nguyên nhân tạo nên, trong đó có nguyên nhân thuộc chính sách cụ thể về kinh tế, tài chính. Chẳng hạn như, thời gian qua chính sách giá còn bảo thủ, trì trệ so với thực tiễn cuộc sống, gây nên tác hại cả trong lĩnh vực sản xuất và phân phối, lưu thông. Bởi vậy, trước tình hình mới, chúng ta cần phấn đấu thực hiện bằng được các chủ trương mới của Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng và Nghị quyết 26 của Bộ chính trị.

Hai là, thực hiện chính sách thuế lương thực và thu mua lương thực, nhằm chống đầu cơ tích trữ, giải quyết nạn đói và thực hiện những biện pháp cấp bách để tăng lượng sản xuất trong nông nghiệp. Lê-nin coi đó là một nhiệm vụ rất cơ bản, bức thiết, dù sao cũng phải thực hiện ngay. Người coi thực hiện tốt việc thu thuế lương thực và thu mua lương thực là tiêu chuẩn để kiểm tra toàn bộ công tác lúc đó, là đặt nền móng cho việc thực hiện kế hoạch, một kế hoạch mà tình hình lúc đó « phải lấy lương thực làm khởi điểm, vì gốc rễ của tất cả những khó khăn chính là ở chỗ đó » và « sau đó là vấn đề nhiên liệu ».

Chúng ta cần nhớ rằng, đầu những năm 20, do nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, cho nên nước Nga xô viết đã lâm vào một tình trạng khó khăn nghiêm trọng: sản xuất giảm sút, đất nước đứng trước vực thẳm của nạn đói gay gắt. Lúc này nhờ có chính sách kinh tế mới cho nên trong nông nghiệp, lực lượng sản xuất phát triển mạnh. Do vậy, chỉ một năm sau, nông dân đã nộp đủ thuế lương thực, thoát khỏi nạn đói và hài lòng với tình hình được cải thiện của họ. Ngày nay, trong điều kiện nước ta, Trung ương Đảng ta đã có những chính sách khuyến khích sản xuất và nhất là có những biện pháp cải tiến quản lý, như

việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay, nhằm làm cho nông dân lao động gắn liền với sản phẩm cuối cùng, kết hợp đúng đắn ba lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động, chính là tạo điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Ba là, kiểm tra và giám sát việc sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội, trước hết là lương thực thực phẩm, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc phân phối theo lao động, nhằm đẩy mạnh sản xuất và nâng cao năng suất lao động, giám sát và khống chế bọn bóc lột, bọn ăn bám và chây lười.

Lê-nin đã nhiều lần nói rằng phải làm sao cho không có một sản phẩm nào, một cân bánh mì nào thoát được sự kiểm soát, vì chủ nghĩa xã hội trước hết là sự kiểm soát. Bởi vì mục đích của kiểm kê và kiểm soát, cũng chính là làm sao cho mọi người có cơm ăn, có áo mặc, được học hành, nói một cách khác là làm cho mọi người được hưởng thành quả của chủ nghĩa xã hội. Trong những năm đầu của chính quyền xô viết, đất nước còn đầy đầy những khó khăn, sản xuất phát triển chậm, đời sống thiếu thốn, vấn đề đặt ra là phải phân phối sao cho công bằng, nhằm làm cho mọi người lao động có được những điều kiện tối thiểu cần thiết để mang hết sức mình vào công cuộc xây dựng xã hội mới. Song trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội, chúng ta không thể nhanh chóng thoát ra khỏi những điều kiện kinh tế và xã hội vốn có trong giai đoạn phát triển lịch sử đầu tiên của nó. Không thể đốt cháy giai đoạn, vượt ra khỏi nguyên tắc phân phối theo lao động được.

Trong vấn đề kiểm kê và kiểm soát sản xuất và phân phối sản phẩm của các hộ kinh doanh tư nhân, Lê-nin đã đặc biệt lưu ý đến việc đánh thuế vào tài sản và thu nhập. Đối với các hộ kinh doanh tư nhân, Nhà nước xã hội chủ nghĩa buộc họ phải mở tài

khoản ở ngân hàng; phải kê khai mọi khoản thu nhập và phải nộp thuế đủ và đều đặn cho Nhà nước và qua đó mà nâng cao tinh tổ chức của chúng ta trong việc kiểm kê và kiểm soát.

Người còn đề cập đến việc lập các ủy ban nhà máy, coi đó là một tổ chức để quản lý toàn bộ sinh hoạt của Nhà nước; việc lập ra các tập đoàn chịu sự kiểm soát của Nhà nước; việc tổ chức các hợp tác xã tiêu dùng, v.v. Tất cả những tổ chức đó đều có quan hệ đến việc thực hiện kiểm kê và kiểm soát sản xuất và phân phối sản phẩm, đến việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Lê-nin cũng yêu cầu phải thực hành chế độ cưỡng bức lao động đối với bọn lưu manh và những phần tử cận hạ của xã hội.

Bốn là, *kiểm tra công tác, kiểm tra việc chấp hành pháp luật xã hội chủ nghĩa, nội quy, quy trình, quy tắc, chế độ, v.v.* thiết lập chế độ báo cáo chính xác, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật xã hội chủ nghĩa, thực hành tiết kiệm, chống các tệ tham ô, hối lộ, lãng phí, quan liêu, vô trách nhiệm, v.v. là những thói xấu của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

Xuất phát từ tình hình thực tế đầu những năm 20, Lê-nin đã nhắc nhở việc kiểm tra, kiểm soát về kế hoạch kinh tế quốc dân; chính sách kinh tế, tài chính và kiểm tra những biện pháp tổ chức thực hiện đường lối chính sách.

Về *kế hoạch kinh tế quốc dân*, Lê-nin đã từng chỉ ra rằng, kế hoạch Nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng, nó phải phản ánh đúng đường lối của Đảng do Đại hội đề ra. Lê-nin nhắc nhở khi đặt kế hoạch kinh tế quốc dân, không được "đặt hy vọng vào cái tốt nhất", thuận lợi nhất, mà phải "căn cứ vào những kết quả của kinh nghiệm thực tế để ước tính tài nguyên của đất nước và tìm ra con đường

chắc chắn hơn hết để cải thiện đời sống của công nhân và nông dân, nhằm tiếp tục tiến hành một cách rộng rãi hơn và kiên quyết hơn công cuộc xây dựng kinh tế". Cho nên, trước hết cần kiểm tra xem kế hoạch kinh tế đã phản ánh đúng đường lối chung của Đảng chưa; phải kiểm tra mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng; giữa khả năng về thực hiện và những chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Một điều rất quan trọng mà Lê-nin nhắc nhở chúng ta là phải xem xét các ngành kinh tế trong mối liên hệ hữu cơ, phải biết phối hợp hoạt động giữa các ngành đó, nhằm loại trừ những sự va chạm, tác phong lề mề, tính bản vị cục bộ và thói thủ cựu.

Một khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng và định ra kế hoạch, tập trung giải quyết những nhiệm vụ kinh tế quan trọng, thì theo Lê-nin, phải tăng cường giám sát, tăng cường kiểm soát, "giám sát không lúc nào ngơi, có nghĩa là lấy đầu mình mà *bảo đảm* việc sử dụng hợp lý số nhiên liệu và lúa mì, bảo đảm dự trữ tới mức tối đa cả hai thứ đó" (6).

Về *vấn đề kiểm tra các chính sách kinh tế, tài chính*. Các chính sách kinh tế đúng đắn có tác dụng làm đòn bẩy phát triển kinh tế. Một chính sách kinh tế sai lầm hoặc bảo thủ sẽ cản trở sản xuất, thậm chí phá hoại sản xuất. Bởi vậy việc kiểm tra, kiểm soát các chính sách kinh tế, từ chính sách thu mua lương thực đến chính sách giá cả và tiền tệ nói chung, là rất quan trọng. Đường lối kinh tế và chính sách kinh tế đúng đắn sẽ mở đường cho sự phát triển kinh tế. Bởi vậy, một chính sách kinh tế, tài chính đúng đắn là một chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, tr. 647.

Đề cho kế hoạch kinh tế quốc dân và các chính sách kinh tế được thực hiện đầy đủ, việc kiểm tra tình hình chấp hành chính xác các công tác, kiểm tra thề lệ tổ chức công tác, có một tầm quan trọng to lớn. Lê-nin đặc biệt chú ý đến vấn đề kiểm tra việc chấp hành pháp luật xã hội chủ nghĩa và nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo đảm việc vận dụng và thi hành pháp chế một cách nhất quán trong cả nước. Người nhắc nhở nhiều đến việc nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc kiểm kê và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, thực hành tiết kiệm, chống các tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu, vô trách nhiệm trong việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Người cũng nhiều lần lưu ý đến hiện tượng « xoay xở » pháp luật, « xoay xở » các chế độ, chính sách Nhà nước đã ban hành. Điều này đối với tình hình nước ta hiện nay cũng thật là rõ. Một số nhà máy, xí nghiệp... cũng đã có lúc lợi dụng những sơ hở của chính sách để « làm ăn », biến chính phẩm thành phế phẩm, và « xoay xở » pháp luật nhằm thu lợi cho tập thể xí nghiệp của họ mà không giao nộp đầy đủ sản phẩm cho Nhà nước. Bởi vậy việc thiết lập chế độ báo cáo chính xác, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật xã hội chủ nghĩa có một tầm quan trọng đặc biệt. Phải « kiểm tra toàn bộ công việc người ta làm, bằng những thắng lợi thực tiễn trong công cuộc xây dựng kinh tế, nhằm làm cho lời nói không phải là lời nói suông » (7).



Để thực hiện tốt việc kiểm kê và kiểm soát, Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của Đảng trong công tác kiểm tra. Lê-nin yêu cầu Đảng phải chú ý đầy đủ đến các cơ quan kiểm tra, phải nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan kiểm tra. Phải lập ra các cơ quan kiểm tra thật gương mẫu.

Những người được chọn vào các cơ quan kiểm tra phải là những người có phẩm chất và có năng lực, những người công tác tốt nhất, tuyệt đối trung thành và « có tài cán », những con người mà ta có thể bảo đảm rằng « họ sẽ không bao giờ tin cái gì trên lời nói cả, và họ sẽ không bao giờ nói một lời nào trái với lương tâm của họ », những con người này phải không sợ bất cứ khó khăn nào và không lùi bước trước bất cứ cuộc đấu tranh nào để đạt được mục đích mà cách mạng yêu cầu họ phải tiến hành. Có được một bộ máy kiểm tra thật gương mẫu và những cán bộ kiểm tra ưu tú thì công tác kiểm tra nói chung và nhất là công tác kiểm tra trên lĩnh vực kinh tế mới có thể đạt được kết quả, bởi vì ngày nay, cái mà chúng ta yếu và thiếu chính là vấn đề tổ chức thực hiện, vấn đề lựa chọn người và kiểm tra sự chấp hành.

Song vấn đề chưa thể dừng ở đó được. Vấn đề mấu chốt là phải tạo ra được sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của quần chúng lao động. Do vậy Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tạo mọi điều kiện để thu hút quần chúng lao động vào công tác kiểm kê và kiểm soát. Phải làm cho họ giác ngộ rằng việc kiểm tra và giám sát sản xuất và phân phối sản phẩm là công việc của bản thân họ, đụng chạm đến lợi ích thiết thân của họ, và họ có đầy đủ khả năng để thực hiện nhiệm vụ đó. Nhà nước phải đề ra những quy định cụ thể để quần chúng lao động dễ dàng tham gia vào việc kiểm tra và giám sát. Phải đặt ra quy chế tiếp quần chúng ở mọi nơi, mọi lúc, tiếp quần chúng một cách tự do, không cần một thứ giấy phép nào, cả trong các ngày lễ và ngày chủ nhật. Các phòng tiếp quần chúng phải có nghĩa vụ trả lời, bằng miệng hoặc bằng giấy, tất cả những ý kiến của nhân

(7) V.I. Lê-nin : Về kiểm kê và kiểm soát, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1974, tr. 204.

dân hỏi, và thậm chí còn phải viết đơn hộ cho quân chúng. Chỉ có như vậy thì mới dần dần khắc phục được bệnh quan liêu, bệnh lạm dụng chức quyền đề ức hiếp quần chúng, dần dần xây dựng được chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trước hết là trên lĩnh vực kinh tế.

Trong cuộc đấu tranh để thực hiện kiểm kê và kiểm soát, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quyết định. Biện pháp chủ yếu để kiểm kê, kiểm soát có hiệu quả là tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phải tăng cường vai trò của tòa án trong quản lý kinh tế. Tòa án phải trở thành biểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bức trong điều kiện mà quản lý trở thành nhiệm vụ trung tâm. Tòa án còn là công cụ để giáo dục kỷ luật. Phải xét xử phân minh và kiên quyết, không để bất kỳ một sự vi phạm nào lại không được đưa ra xét xử, dù cho vụ vi phạm đó là do hành vi quan liêu, chậm trễ gây ra.

Vấn đề cải tổ bộ máy và lề lối làm việc của một số cơ quan kinh tế như Ngân hàng, Tổng cục thống kê... có một tầm quan trọng đặc biệt trong kiểm kê và kiểm soát. Các cơ quan này phải trở thành những cơ quan có hiệu lực trong quản lý kinh tế, phải thật sự là bộ máy của xã hội xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được yêu cầu khôi phục và phát triển kinh tế trong giai đoạn lịch sử này của cách mạng xã hội chủ nghĩa.



Hiện nay chúng ta có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống. Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chúng ta lại gặp thiên tai trong nhiều năm liền. Về mặt chủ quan, chúng ta có những thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Một trong những thiếu sót là chúng ta không kiên quyết thực hiện một chế độ kiểm kê và kiểm soát chặt chẽ, nhằm đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

Đứng trước những khó khăn về kinh tế hiện nay, chúng ta chỉ có một con đường là ra sức thực hiện những nghị quyết của Đảng đã đề ra và quán triệt thật tốt những điều mà Lê-nin đã dạy: không để cho mình mất tinh thần trước những khó khăn, «góp nhặt từng viên đá một để xây nên nền móng vững chắc của chủ nghĩa xã hội, không ngừng ra sức tạo nên một kỷ luật và một kỷ luật tự giác, ra sức củng cố ở khắp nơi tinh thần, trật tự nền nếp, đầu óc thực tiễn, sự hợp tác nhịp nhàng giữa các lực lượng của toàn thể nhân dân, việc kiểm kê và kiểm soát rộng khắp đối với sản xuất và phân phối sản phẩm, — đó là con đường dẫn đến chỗ tạo ra được sự hùng mạnh quân sự, hùng mạnh xã hội chủ nghĩa » (8).

(8) V. I. Lê-nin: *Về kiểm kê và kiểm soát*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1974, tr. 30 — 31.

Tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật cho cơ quan lãnh đạo các cấp

PHẠM-QUÁN

NGÀY nay, khoa học, kỹ thuật không ngừng thâm nhập các lĩnh vực hoạt động của con người và thúc đẩy các hoạt động đó. Những phát minh, sáng tạo về khoa học, kỹ thuật tác động vào sản xuất như một sức mạnh vật chất, mang lại hiệu quả to lớn và có khi tạo nên những bước nhảy vọt trong sản xuất. Ngược lại, sự thiếu hiểu biết, sự kém cỏi thường phải trả giá rất đắt, và thậm chí có khi còn là nguyên nhân của tội ác. Chẳng hạn khai hoang mà không biết bảo vệ rừng thì dễ đi tới triệt phá rừng; khai thác mà không biết bảo vệ thì có thể dẫn tới nguy cơ làm tiêu diệt một số loại thực vật, động vật; xây dựng các nhà máy mà không tính toán trước và không có những biện pháp khắc phục thì sẽ làm bẩn môi trường sống, có thể gây hậu quả không lường hết được đối với sức khỏe của con người.

Muốn xây dựng và phát triển kinh tế thì điều đặc biệt quan trọng không thể thiếu là phải biết quản lý, tức là biết xây dựng cơ chế kinh tế với các bộ máy hoàn chỉnh của nó, biết điều hành công việc, thực hiện kiểm tra, v.v. để đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất và kinh doanh. Để

quản lý giỏi, dĩ nhiên là phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, hiểu rõ thực tiễn của đất nước, của ngành, của đơn vị, đồng thời phải có kiến thức về khoa học quản lý. Lê-nin đã từng cho rằng tính khoa học của quản lý được bảo đảm bằng một hệ thống các bộ môn khoa học và bằng một bộ môn khoa học đặc biệt — khoa học quản lý, — thiếu nó thì không thể làm công tác quản lý được. Phát biểu tại cuộc họp của Đảng đoàn cộng sản trong Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga tháng ba năm 1920, Lê-nin đã nói: «... Làm sao có thể quản lý được nếu không có kiến thức đầy đủ, nếu không tinh thông khoa học quản lý?... Muốn quản lý được, thì cần am hiểu công việc và phải là một cán bộ quản lý giỏi » (1).

Thực tế của các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng chứng tỏ rằng một người quản lý giỏi phải nắm vững nhiều bộ môn khoa học, như mô hình tính toán, lý thuyết xác suất, thống kê học, điều khiển học,

(1) Lê-nin : *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 257.

lô gíc học, dự báo học, v.v. và phải làm chủ được những phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Hiện nay, Đảng ta đang lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, mà nhiệm vụ trung tâm là xây dựng và phát triển kinh tế. Ở bất cứ địa phương nào, ở bất cứ ngành nào, các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước đều phải có năng lực và sự hiểu biết cần thiết mới đảm đương được nhiệm vụ. Trong cơ cấu của các cơ quan lãnh đạo đó, bên cạnh một số đồng chí vững vàng về chính trị, có vốn kinh nghiệm đấu tranh cách mạng phong phú, phải có một tỷ lệ thích đáng các cán bộ có trình độ hiểu biết về khoa học kỹ thuật, về quản lý kinh tế và tỷ lệ đó phải ngày càng tăng theo sự phát triển của các nhiệm vụ chính trị. Có thể, các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước mới có được năng lực toàn diện, bảo đảm được tốt mọi lĩnh vực công tác.

Việc tăng cường cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế cho các cơ quan lãnh đạo các cấp còn là do những thay đổi trong đối tượng lãnh đạo và quản lý. Ngày nay, nhân dân lao động ở nước ta đã có trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa cao hơn trước rất nhiều. Cán bộ, công nhân, viên chức của ta, số đông đã được đào tạo có hệ thống, có trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cần thiết. Các phương tiện thông tin, sách báo, vô tuyến truyền hình ngày càng phát triển nhanh chóng đã thúc đẩy sự giao lưu kiến thức trong nước với nước ngoài, khiến cho cán bộ và nhân dân ta hằng ngày nhận được lượng thông tin khá lớn, làm cho trình độ hiểu biết của họ được nâng lên nhanh chóng. Với một đối tượng như vậy, mọi kiểu lãnh đạo chung chung, nặng về động viên chính trị, ít đi vào những vấn đề kinh tế - kỹ thuật, thiếu cách tổ chức, quản lý khoa học, đều hoàn toàn không phù hợp. Những

cán bộ chỉ quen với cách lãnh đạo, quản lý đó cần phải được thay thế bằng những cán bộ có vốn hiểu biết cần thiết về kinh tế và kỹ thuật, có khả năng đề ra được những phương án tối ưu, có sức chiến đấu cao và có năng lực tổ chức một cách khoa học việc thực hiện các phương án đó. Có thế mới lôi cuốn được những người cộng sự và đồng đạo quần chúng hăng hái làm theo, tiến lên hoàn thành tốt các nhiệm vụ.



Hàng chục năm qua, mặc dù nền kinh tế còn thấp và chiến tranh kéo dài, nhưng với quyết tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước ta, với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, chúng ta đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế khá đông đảo, gồm tuyệt đại bộ phận là con em của cán bộ, công nhân, nông dân tập thể, trong đó có khoảng 1/3 là những người đã kinh qua sản xuất và chiến đấu. Đến nay, đã có 26 vạn cán bộ có trình độ đại học, trong đó gần 4000 người có trình độ trên đại học, hơn 400 giáo sư, phó giáo sư và 60 vạn cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp. Được đào tạo theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội, v.v., cho nên mặc dù còn những nhược điểm, khuyết điểm, đội ngũ cán bộ đó về căn bản là đội ngũ tri thức của giai cấp công nhân, trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Đó là một cơ sở xã hội, chính trị tốt để lựa chọn những người có đủ phẩm chất và năng lực bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý giỏi ở các cấp, các ngành. Những năm qua, chúng ta đã bước đầu làm việc lựa chọn, bồi dưỡng đó. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý của ta, trước đây chỉ bao gồm chủ yếu các

cán bộ chính trị, cán bộ quân đội chuyên ngành, đã được bổ sung ngày càng nhiều cán bộ khoa học, kỹ thuật. Số cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ đại học đã chiếm 22% trong tổng số huyện ủy viên, 32% trong tổng số tỉnh ủy viên, 50% trong tổng số các đồng chí lãnh đạo các cục, vụ, viện, 37% trong tổng số các đồng chí lãnh đạo các bộ.

Sự đổi mới từng bước đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành đã mang lại những chuyển biến bước đầu trong hoạt động của bộ máy của Đảng và Nhà nước, làm cho nó thích ứng hơn với những nhiệm vụ mới của cách mạng. Những kết quả đó đã khẳng định phương hướng lựa chọn những cán bộ khoa học, kỹ thuật để bồi dưỡng đưa vào cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành là phương hướng đúng đắn và cần thiết. Chúng ta cần tiếp tục kiên trì phương hướng đó. Tuy nhiên, để thực hiện tốt hơn nữa phương hướng đó, vẫn cần có sự nhất trí sâu sắc hơn về một số vấn đề cần thiết.

Trước hết, cần thấy rằng không phải bất cứ cán bộ khoa học, kỹ thuật nào, kể cả những đồng chí có bằng cấp, học vị cao, đều có thể trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Lãnh đạo, quản lý đòi hỏi phải biết đề ra chủ trương công tác đúng, biết tổ chức bộ máy, điều hành công việc, lôi cuốn những người chung quanh làm theo mình. Người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không phải chỉ cần có kiến thức khoa học, kỹ thuật là đủ, mà còn phải có phẩm chất chính trị cần thiết, có vốn sống, có kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, có năng lực đoàn kết, phát huy tài năng của những người cộng sự, v.v., và chính những cái đó tạo cho họ bản lĩnh vững vàng. Có những cán bộ khoa học, kỹ thuật có thể phần đầu trở thành những nhà nghiên cứu khoa học, những người làm công tác giảng dạy, những người thực hành kỹ thuật

giỏi, thậm chí có thể trở thành những đỉnh cao, những tài năng lỗi lạc trong các lĩnh vực đó, song không thể trở thành những người lãnh đạo, quản lý tốt vì họ thiếu những khả năng và đặc tính để làm công tác lãnh đạo, quản lý. Biết hướng dẫn họ phấn đấu theo hướng đi tốt nhất đối với họ thì không những làm cho tài năng của từng người được phát triển tốt mà còn mang lại lợi ích lớn cho sự nghiệp cách mạng. Ngược lại, cứ "buộc" họ phải trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, tức là dẫn họ vào tình trạng «trái khoáy», vừa không phát huy được tài năng của họ, vừa làm ảnh hưởng không tốt đến công việc chung, vì dù có được bồi dưỡng nhiều chăng nữa, với cốt cách sẵn có, họ cũng chỉ có thể trở thành những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trung bình, thậm chí tồi nữa là khác. Chỉ những cán bộ nào vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý khoa học, kỹ thuật, vừa có những khả năng đặc tính để có thể trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý thì mới nên bồi dưỡng họ thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Về đại thể những khả năng và đặc tính đó có thể là:

— Biết cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, định ra được nhiệm vụ, vạch ra được chương trình công tác của đơn vị, cơ quan, ngành mình phụ trách.

— Biết tổ chức lao động, phân công lao động, tìm ra các hình thức tổ chức, phương pháp, phương tiện tiến hành nhiệm vụ, đặc biệt là có khả năng chỉ huy, tổ chức, kiểm tra hoạt động của cấp dưới.

— Biết dựa vào tập thể, hợp tác với những người cộng sự, biết quy tụ, đoàn kết được cán bộ.

— Biết động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng, tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng.

Do quá trình trưởng thành và tính chất công tác của cán bộ khoa học,

kỹ thuật, lúc đầu, những khả năng và đặc tính đó có thể chưa bộc lộ rõ nét ở từng người. Sự nhạy bén của những người phụ trách và những cơ quan chuyên trách công tác tổ chức và cán bộ là biết phát hiện được đúng những cán bộ khoa học, kỹ thuật có những khả năng và đặc tính đó.

Để phát hiện đúng, cần thực hiện việc xem xét cán bộ như nghị quyết số 32 của Bộ chính trị về công tác tổ chức đã nêu rõ: « Kết hợp tự nhận xét của người cán bộ, nhận xét của cơ quan và người có trách nhiệm quản lý cán bộ, tham khảo ý kiến nhận xét của cán bộ và quần chúng có quan hệ mật thiết, biết người, biết việc ».

Trong số những cán bộ khoa học, kỹ thuật có những khả năng và đặc tính nói trên, cần chú ý trước hết những người đã kinh qua sản xuất và chiến đấu, đã tỏ ra vững vàng trước những thử thách. Đó chính là lực lượng cần thiết để bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành.

Năng lực lãnh đạo, quản lý hoàn toàn không phải là thiên tính bẩm sinh, mà là kết quả của việc học tập, rèn luyện một cách công phu. Vì vậy, việc chuẩn bị cho một cán bộ khoa học, kỹ thuật trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải là một quá trình. Mức độ, nhịp độ, và thời gian chuẩn bị tùy thuộc vào cương vị, chức vụ sẽ giao cho người đó và « vốn liếng » mà người đó đã có. Quá trình đó bao gồm nhiều khâu công tác, song đại thể là phải bồi dưỡng cho cán bộ đó những hiểu biết cần thiết về chính trị, về công tác lãnh đạo, quản lý, và làm cho họ bằng hoạt động thực tiễn quen dần với công tác lãnh đạo, quản lý. Có thể đưa dần họ từ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở cấp thấp lên cấp cao hơn, từ chức vụ lãnh đạo các đoàn thể đến chúng, các tổ chức xã hội rồi đến các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

Điều cần chú ý là phải kiên quyết chống tư tưởng ản ỉ, cứ ngồi chờ cho có những cán bộ khoa học, kỹ thuật đáp ứng những đòi hỏi của công tác lãnh đạo quản lý đề cất nhắc, đề bạt mà không quan tâm đào tạo, bồi dưỡng. Với kiểu cách làm ản ỉ đó thì việc đưa cán bộ khoa học, kỹ thuật vào cơ quan lãnh đạo các cấp chỉ là một khẩu hiệu, một lời kêu gọi chung, khó mà trở thành hiện thực. Về vấn đề này, các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã cho chúng ta những kinh nghiệm về cách làm chu đáo, công phu của họ. Chẳng hạn, ở Cộng hòa dân chủ Đức, việc chuẩn bị để có cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý thường theo một quy trình như sau: lựa chọn những công nhân ưu tú có trình độ văn hóa phổ thông trung học, giới thiệu đi học ở một trường đại học theo quy hoạch cán bộ của cơ sở sản xuất. Học xong, trở về xí nghiệp trực tiếp làm công tác khoa học, kỹ thuật. Tại đó, họ được phân công phụ trách đoàn thanh niên, công đoàn, v.v., rồi được đưa đi học trường Đảng (hoặc trường quản lý ngành). Sau đó, về công tác ở một ban chuyên môn của tổ chức Đảng cấp trên trong một thời gian để có tầm nhìn rộng và có điều kiện nắm được đường lối, chủ trương của Đảng. Tiếp đó, được đưa về cơ sở giữ chức phó, rồi từ đó đưa lên chức trưởng.

Đưa cán bộ khoa học, kỹ thuật vào các cương vị lãnh đạo, quản lý các cấp là nhằm phát huy vốn hiểu biết của họ trong công tác lãnh đạo, quản lý, để với cương vị mới, với phạm vi trách nhiệm rộng hơn, họ càng mang lại hiệu quả cao hơn trong công tác. Vì vậy, phải có sự tinh tế, sự hợp lý trong khi bố trí cán bộ, cố gắng đến mức cao nhất làm cho từng cán bộ khoa học, kỹ thuật với cương vị lãnh đạo, quản lý, vẫn có thể sử dụng đến mức tối đa trình độ khoa học, kỹ thuật của mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ ở cương vị mới. Phải

chống mọi sự bố trí tùy tiện, chẳng hạn bố trí một giáo sư giỏi làm hiệu phó phụ trách hành chính quản trị ở một trường đại học, hoặc bố trí một nhà khoa học đã có nhiều công trình nghiên cứu làm vụ trưởng ở một vụ chuyên chỉ đạo phong trào quần chúng.

Việc đưa cán bộ khoa học, kỹ thuật vào cơ quan lãnh đạo các cấp cần được tiến hành *khôn trương* nhưng *thật vững chắc*.

Phải khôn trương là đề gắp rút năng cao trình độ hiểu biết và năng lực của các cơ quan lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, làm cho các cơ quan đó có đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ mới, đặc biệt là các nhiệm vụ về kinh tế, kỹ thuật. Đó là một việc làm bức thiết bởi vì hiện nay, tổ chức chỉ đạo thực tiễn và quản lý kinh tế đang là những khâu yếu nhất trong hoạt động của Đảng và Nhà nước ta.

Khôn trương có nghĩa là không bỏ sót những tài năng. Những cán bộ khoa học, kỹ thuật nào có thể tham gia công tác lãnh đạo, quản lý và một khi được tham gia, họ có thể cống hiến được nhiều hơn cho sự nghiệp chung thì đều cần được bồi dưỡng để đưa vào cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành. Cần sắp xếp họ vào những cương vị tương xứng, bởi vì đối với những người có thực tài thì với cương vị càng cao, phạm vi trách nhiệm càng rộng, họ càng có điều kiện phát huy tác dụng tốt. Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ nói chung và trong đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật nói riêng, vẫn còn những đồng chí có tài năng mà chưa được sắp xếp đúng chỗ. Nguyên nhân là vì ở nơi này, nơi khác còn những nhận thức, những quan điểm lệch lạc về cách đánh giá cán bộ. Vì vậy, trong những trường hợp đặc biệt, việc đề bạt vượt cấp cũng là cần thiết.

Khôn trương còn có nghĩa là không đề chỗ trống. Ở mọi cấp, mọi ngành

trong bộ máy của Đảng và Nhà nước ta, các cơ quan lãnh đạo đều cần có một tỷ lệ cán bộ khoa học, kỹ thuật hợp lý. Đặc biệt ở những nơi phải thường xuyên giải quyết những vấn đề về kinh tế, kỹ thuật thì, trong cơ quan lãnh đạo ở các nơi đó càng có đông cán bộ khoa học, kỹ thuật càng tốt.

Tính vững chắc trong việc đưa cán bộ khoa học kỹ thuật vào cơ quan lãnh đạo các cấp biểu hiện ở sự lựa chọn đúng đắn, thận trọng, sự chuẩn bị chu đáo, sự tập dượt công phu. Từ một cán bộ khoa học, kỹ thuật ở cương vị thực hiện và thừa hành lên làm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là sự thay đổi cả về chức năng và phương hướng hoạt động. Với cương vị mới đó, nếu người cán bộ phát huy được tốt tác dụng của mình thì sẽ mang lại lợi ích thiết thực cho cách mạng. Ngược lại, nếu người cán bộ đó bất lực trước nhiệm vụ mới thì sẽ gây nên nhiều hậu quả xấu, bởi vì ở cương vị càng cao thì sự non yếu về năng lực và phẩm chất càng mang lại những tác hại lớn. Vì vậy phải rất thận trọng trong việc xem xét, đánh giá, lựa chọn cán bộ, phải kiên quyết chống mọi biểu hiện hấp tấp, nóng nảy khi thay đổi, đề bạt cán bộ. Để bảo đảm tính vững chắc trong việc đưa cán bộ khoa học, kỹ thuật vào cơ quan lãnh đạo các cấp thì những người phụ trách và những cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ phải biết tìm ra người cán bộ dự bị hợp với từng chức danh. Muốn vậy, việc sắp xếp bố trí cán bộ trong một cơ cấu phải chú trọng tính kế thừa liên tục cả về trình độ, ngành nghề, theo hướng vừa bảo đảm tính ổn định vừa bảo đảm việc đổi mới đúng lúc.

Việc tăng cường cán bộ khoa học, kỹ thuật cho các cơ quan lãnh đạo các cấp, cũng như mọi hoạt động khác của công tác cán bộ, là một loại công tác về con người, hoàn toàn không thể dung nạp những cách làm

(Xem tiếp trang 63)

KHI GHÉT... VÀ KHI YÊU...



RONG công tác cán bộ, Lê-nin đã định ra nguyên tắc lựa chọn và sử dụng cán bộ một cách rất nghiêm ngặt. Người thường dạy rằng phải vì tổ chức, vì công việc mà lựa chọn và bổ trí cán bộ; tuyệt đối không được vì cán bộ mà đặt việc, đặt tổ chức. Phải căn cứ theo năng lực công tác và phẩm chất chính trị của người cán bộ mà sắp xếp làm việc này hay việc khác, ở cương vị này hay cương vị khác; tuyệt đối không được vì «thích» hay «không thích», vì «yêu» hay «ghét» và vì người cán bộ đó «ngoan» hay «không ngoan», Lê-nin viết: «Chúng ta cứ đi con đường của chúng ta, và chú ý tìm cho ra và thử thách một cách hết sức nhẫn nại, hết sức thận trọng những người thật sự có tài tổ chức, những người có bộ óc sáng suốt và có bản lĩnh thép vát trong thực tiễn, những con người vừa trung thành với chủ nghĩa xã hội, lại vừa có khả năng lặng lẽ (bất chấp sự ồn ào và hỗn loạn) tổ chức một cách vững chắc và nhịp nhàng công việc làm chung của một khối người to lớn trong phạm vi tổ chức xã viết. Chỉ có những người như thế chúng ta mới dễ bắt lên những chức vụ lãnh đạo lao động của nhân dân, lên những chức vụ quản lý, sau khi đã thử thách họ hàng chục lần bằng cách cho họ đảm nhận từ những nhiệm vụ đơn

giản nhất đến những nhiệm vụ khó khăn nhất » (1). Đồng chí Lê-Duẩn cũng viết: «Phải từ những yêu cầu rất cụ thể của mỗi tổ chức, mỗi chức năng, mà nêu lên những tiêu chuẩn rất cụ thể cần có đối với con người, từ đó tuyển lựa và đặt đúng con người» (2).

Lâu nay, chúng ta đã lựa chọn, bổ trí và sử dụng cán bộ dựa trên những nguyên tắc như thế. Chính vì vậy mà «hiện nay, Đảng ta có một đội ngũ đông đảo cán bộ; đảng viên về cơ bản là tốt nhờ được rèn luyện thử thách trong chiến đấu và xây dựng, và từng bước được bồi dưỡng về kiến thức. Nói chung đó là một đội ngũ trung thành với Đảng, với chế độ, chịu đựng được khó khăn gian khổ; nhiều đồng chí tận tụy lăn lộn trên chiến trường và trong phong trào quần chúng» (3). Song, rất đáng tiếc là ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn có người lựa chọn, bổ trí và sử dụng cán bộ dựa trên cơ sở thích hay không thích, yêu hay ghét như đã nói ở trên. Đồng chí Lê-Duẩn đã gọi tình

(1) Lê-nin: *Tồn tập*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1971, tập 27, tr. 330.

(2) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-Nội, 1976, tập II, tr. 431.

(3) Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác tổ chức.

trạng đó là «những cục bướu đang bám trên các cơ thể của chúng ta» (4).

Biểu hiện cụ thể của tình trạng trên là: anh là cán bộ già hay trẻ, có năng lực hay không, điều đó đối với họ không quan trọng lắm. Họ chỉ biết rằng anh là cán bộ thuộc quyền quản lý của họ. Mà đã là cán bộ thuộc quyền quản lý của họ thì yêu cầu trước hết là anh phải biết vâng lời. Những điều họ nói ra dù đúng hay sai, những mệnh lệnh của họ dù hợp lý hay không hợp lý, nhất nhất anh đều phải tuân theo.

— Anh phản đối họ khi họ sai? Được lắm! Họ sẽ tìm cách đẩy anh đi. Nếu anh là cán bộ già (cho dù anh còn sức khỏe và có nhiều kinh nghiệm trong công tác), họ nếu ra lý do cần có những cán bộ trẻ có năng lực, có sức khỏe, có văn hóa đảm đương phần việc mà anh đang phụ trách — lý do ấy hợp lý lắm chứ — thế là họ chuyển anh sang công tác khác không phù hợp với năng lực và sở trường của anh, đẩy anh đi xa, hoặc đẩy anh về hưu một cách «êm như ru». Còn nếu như anh là một cán bộ trẻ, có sức khỏe, có năng lực, nhiệt tình và xông xáo? Vâng! Họ thừa nhận. Nhưng trọng dụng anh ư? Đề bạt anh ư?! Khoan đã! Phải thận trọng, phải có thời gian thử thách đã chứ. Nhất định họ sẽ trả lời như vậy. Và thế là họ tìm cách «ghim» anh lại, giữ anh làm lực lượng gọi là «dự trữ», chỉ giao cho anh những nhiệm vụ thứ yếu, những công việc lặt vặt, chờ người giữ trọng trách về hưu. Cho đến lúc đó thì mái tóc anh đã điểm sương rồi, và với thời gian chờ đợi đó, anh đã tiêu phí hết cả nhiệt tình và sự sôi nổi.

— Ngược lại nếu anh làm họ vừa lòng thì mọi việc sẽ êm đẹp cả thôi, chẳng ngại. Anh là cán bộ già, anh yếu; năng lực anh kém thì họ sẽ nói rằng cần phải chiếu cố các đồng chí cán bộ cũ, phải trân trọng kinh nghiệm của các đồng chí cũ... Thế là

họ có lý do để giữ anh ở lại chiếc ghế của anh. Và, nếu cần, họ có thể đưa anh lên ngôi ghế cao hơn nữa kia. Còn nếu như anh là một cán bộ trẻ nhưng bất tài thì sao? Thật ra, đã bất tài thì cái tuổi trẻ của anh cũng chẳng có ý nghĩa gì đâu. Nhưng không sao! Lúc đó họ sẽ biện luận rằng: cần phải chú ý đến cán bộ trẻ, không nên khắt khe quá, không nên đòi hỏi các đồng chí trẻ phải phát huy ngay được tác dụng của mình ở cương vị công tác mới. Cứ mạnh dạn giao việc cho các đồng chí trẻ, lúc đầu có thể làm chưa tốt, nhưng được sự giúp đỡ của lãnh đạo, của tập thể chắc rằng các đồng chí ấy sẽ làm được. Chúng ta không nên bảo thủ, không nên hẹp hòi và thành kiến. Đã đến lúc nếu như thấy mình không đủ sức khỏe, không đủ năng lực thì phải «tự nguyện nhường ghế» của mình cho các đồng chí trẻ, v.v. và v.v. Nói như thế ai dám phản đối họ nào. Thế là họ cứ đưa anh lên, đặt anh ngồi vào chiếc ghế mới.

Thế đấy!

Chẳng thích thú gì khi phải đề cập đến những chuyện không hay như vậy. Nhưng đó là sự thật. Những «cục bướu» như thế vẫn đang bám trên các cơ thể của chúng ta.

Tại sao còn những cục bướu như vậy?

Người thủ trưởng tốt và có kinh nghiệm, luôn xuất phát từ lợi ích của cách mạng, bao giờ cũng biết suy nghĩ xem cần sắp xếp và bố trí cán bộ như thế nào, ai cần giao công tác nặng hơn, ai nhẹ hơn, ai ở cương vị này, ai ở cương vị khác; biết bồi dưỡng, đào tạo và kịp thời đưa những cán bộ có năng lực, có phẩm chất lên vị trí cao hơn và thay thế những cán bộ không có khả năng đảm đương công việc. Ngược lại, người thủ

(4) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, tr. 431.

trường không nắm vững quan điểm của Đảng, không có kinh nghiệm, giải quyết vấn đề không xuất phát từ lợi ích của cách mạng, mà chỉ xuất phát từ suy nghĩ của cá nhân mình, làm việc theo ý muốn chủ quan của mình... thì chắc chắn sẽ gây ra những cục bướu như đã nói ở trên.

Mặt khác, phải nói rằng công tác cán bộ của ta còn có những thiếu sót đáng kể. Đó là tình trạng kéo dài việc xây dựng đội ngũ cán bộ một cách tự phát, thiếu quy hoạch trước mắt và lâu dài; chính sách, chế độ đối với cán bộ có nhiều điểm đã cũ kỹ, không được kịp thời bổ sung, sửa đổi; việc quản lý cán bộ còn theo lối hành chính, tập trung quan liêu; việc đánh giá, nhận xét, đề bạt, sử dụng cán bộ thiếu quy chế rõ ràng; công tác kiểm tra bị buông lỏng, những việc làm sai trái không được ngăn chặn kịp thời, v.v. Những khuyết điểm đó là môi trường rất thuận lợi cho những hiện tượng tiêu cực trong công tác cán bộ nảy sinh và phát triển.

Có thể nói rằng lựa chọn đúng, sử dụng đúng cán bộ là vấn đề của mọi vấn đề, là chìa khóa cho phép ta khai thác và phát huy một cách có hiệu quả nhất tiềm năng to lớn của cán bộ để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Ngược lại, lựa chọn và sử dụng cán

bộ dựa theo cảm tính, lấy việc thích hay không thích, yêu hay ghét và cán bộ đó dễ bảo hay không dễ bảo làm căn cứ xuất phát sẽ gây ra những tác hại không nhỏ, thậm chí rất nghiêm trọng. Nó làm cho người cán bộ đó (kể cả người « được yêu » và người « bị ghét ») không phát huy được năng lực và sở trường của mình. Nó làm cho người cán bộ « được yêu » tưởng rằng mình có đức, có tài thật sự và mình « tiến » được như thế là nhờ có một thủ trưởng « anh minh và sáng suốt », từ đó sinh ra chủ quan, tự mãn, coi thường tập thể, chỉ chú ý xu nịnh và làm đẹp lòng thủ trưởng. Nó làm cho người cán bộ « bị ghét » dễ sinh ra bất mãn, chán nản công tác, hoặc là chịu khuất phục, không dám tiếp tục đấu tranh bảo vệ chân lý, cốt sao cho vừa lòng thủ trưởng là được rồi. Nó gây ra tình trạng bè phái, mất đoàn kết nội bộ, làm suy yếu đi đến phá vỡ tổ chức, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng mất lòng tin.

Đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ theo kiểu « yêu nên bực, ghét ra ma », bắt tài thì được trọng dụng, có tài thì bị đem pha, hắt hủi... là vi phạm trắng trợn nguyên lý mác xít - lê nin nit về công tác cán bộ.

NGUYỄN-TRUNG-THỰC

VẤN ĐỀ HÌNH THÀNH DÂN TỘC VIỆT-NAM

GIÁO SƯ PHAN-HUY-LÊ

Nhìn lại lịch sử cuộc thảo luận

Dân tộc Việt-nam hình thành từ bao giờ, trên cơ sở nào và đã phát triển, biến đổi như thế nào qua các thời kỳ lịch sử, đó là những câu hỏi đặt ra chung quanh một vấn đề lớn của lịch sử dân tộc. *Vấn đề hình thành dân tộc Việt-nam.*

Việc nghiên cứu và thảo luận vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn lớn lao này từ năm 1955 đến nay có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, cuộc thảo luận dấy lên khá mạnh mẽ trong những năm 1955, 1956, 1957 và lắng xuống dần cho đến những năm 1962, 1963.

Cuộc thảo luận đã dẫn đến những kiến giải cụ thể rất khác nhau về sự hình thành của dân tộc Việt-nam. Một số người muốn, chứng minh sự hình thành sớm của dân tộc ta, nhưng xác

định những thời điểm khác nhau rất xa, hoặc thế kỷ X, thế kỷ XV, hoặc thế kỷ XVIII. Một số người khác, ít hơn, chấp nhận một quá trình hình thành dân tộc trên một số phương diện nào đó từ thế kỷ XVIII hay thế kỷ XIX, nhưng cho rằng, đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt-nam vẫn chưa phải là một dân tộc đã thành hình đầy đủ. Sự hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-nam cũng bước đầu được nói đến. Có người coi sự thành lập Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam năm 1930 là mốc mở đầu quá trình này và nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là Nhà nước dân tộc đầu tiên theo phương hướng dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Xét về mặt lý luận, tất cả những kiến giải cụ thể trên quy tụ vào hai quan điểm cơ bản khác nhau.

Quan điểm thứ nhất xuất phát từ định nghĩa dân tộc của J.V. Nta-lin, coi dân tộc là một phạm trù lịch sử gắn liền với thời kỳ phát sinh và phát

triển của chủ nghĩa tư bản, coi dân tộc tư sản là loại hình dân tộc đầu tiên trong lịch sử loài người. Quan điểm lý luận này phủ định khả năng hình thành dân tộc trước chủ nghĩa tư bản.

Nhưng khi vận dụng quan điểm lý luận đó vào lịch sử Việt-nam, lại phân hóa làm hai khuynh hướng khác nhau.

Một khuynh hướng đòi hỏi vận dụng chặt chẽ những tiêu chuẩn của dân tộc tư sản với bốn đặc trưng cơ bản mà J.V. Xta-lin đã nêu lên. Những tác giả này cho rằng, những mầm mống tư bản chủ nghĩa nảy sinh trong thế kỷ XVIII, XIX chỉ mới mở đầu quá trình hình thành dân tộc. Tiếp theo đó, dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bị kìm hãm và phát triển rất yếu ớt. Quá trình hình thành dân tộc vẫn tiếp diễn nhưng chưa đủ tạo thành một dân tộc thật sự. Việt-nam không trải qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên cũng không đủ cơ sở cấu thành một dân tộc tư sản.

Một khuynh hướng khác muốn vận dụng một cách linh hoạt hơn những tiêu chuẩn của một dân tộc tư sản vào điều kiện cụ thể của lịch sử Việt-nam. Những tác giả này cho rằng, sự phát triển của kinh tế hàng hóa và mầm mống tư bản chủ nghĩa trong thế kỷ XVIII kết hợp với những điều kiện đặc thù của nước ta, trước hết là yêu cầu chống ngoại xâm, làm cho dân tộc Việt-nam có thể hình thành sớm với đầy đủ những đặc trưng theo định nghĩa của J.V. Xta-lin.

Quan điểm thứ hai cũng dựa vào lý luận của V.I. Lê-nin và định nghĩa dân tộc của J.V. Xta-lin, nhưng có chứng minh rằng, trong khi khẳng định và nghiên cứu sâu sắc loại hình dân tộc tư sản, J.V. Xta-lin không phủ nhận khả năng tồn tại của một loại hình dân tộc trước chủ nghĩa tư bản.

Theo tác giả, ở Tây Âu dân tộc ra đời với chủ nghĩa tư bản, ở Đông Âu dân tộc hình thành trong điều kiện chủ nghĩa tư bản còn non yếu và chế độ phong kiến chưa bị thủ tiêu, ở phương Đông dân tộc có thể xuất hiện trước chủ nghĩa tư bản khi chế độ phong kiến còn thống trị.

Trong giai đoạn đầu của cuộc thảo luận, quan điểm thứ nhất chiếm ưu thế rõ rệt. Quan điểm thứ hai bị phê phán, thậm chí có lúc bị lên án, nhưng vẫn không lùi bước.

Giai đoạn thứ hai của cuộc thảo luận bắt đầu khoảng sau năm 1965 cho đến nay.

Chiều hướng chung của cuộc thảo luận trong giai đoạn thứ hai này là chứng minh sự hình thành sớm của dân tộc Việt-nam.

Có người cho dân tộc ta hình thành từ thời dựng nước đời Hùng-vương. Cùng với sự xuất hiện của Nhà nước đầu tiên, dân tộc Việt cũng được xác lập với tư cách là một dân tộc, một cộng đồng người khá ổn định.

Một số người khác công nhận, trong điều kiện cụ thể của lịch sử Việt-nam, quá trình dựng nước và giữ nước cũng đồng thời là quá trình hình thành và phát triển của dân tộc. Điều đó có nghĩa là, từ thời dựng nước đời Hùng-vương, quá trình hình thành dân tộc đã bắt đầu với sự nảy sinh và phát triển dần dần của những yếu tố tạo thành dân tộc. Nhưng phải sau một quá trình hình thành, dân tộc Việt-nam mới được xác lập như một cộng đồng dân tộc thống nhất. Thời điểm đó, có người đặt vào thế kỷ X với sự thành lập chính quyền độc lập của triều Ngô và công cuộc thống nhất đất nước của triều Đinh, có người đặt vào thế kỷ XI và coi các thế kỷ XI - XV như giai đoạn xác lập và trưởng thành của dân tộc.

Cũng có người cho dân tộc Việt chỉ mới bắt đầu hình thành từ thế

kỷ X với sự thành lập chính quyền họ Khúc và hình thành hoàn chỉnh vào nửa sau thế kỷ XI sau khi triều Lý củng cố vững vàng quốc gia tập quyền thống nhất và sau thắng lợi phá Tống bình Chiêm.

Về mặt lý luận, khuynh hướng mới của những người tham gia thảo luận là muốn vượt ra khỏi sự ràng buộc của định nghĩa về dân tộc tư sản, đặt thành vấn đề về khả năng tồn tại của một loại hình dân tộc trước chủ nghĩa tư bản.

Có người trở lại khái niệm « dân tộc » của C. Mác và F. Ăng-ghe-nê để chứng minh rằng, theo quan điểm của những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác thì dân tộc hình thành từ các bộ lạc vào lúc chuyển từ thời đại dã man sang thời đại văn minh, nghĩa là đồng thời với sự xuất hiện của Nhà nước. Theo tác giả thì dân tộc biến đổi theo các chế độ kinh tế - xã hội, trước dân tộc tư sản và dân tộc xã hội chủ nghĩa, đã có dân tộc chiếm hữu nô lệ và dân tộc phong kiến. Người khác lại quan niệm trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ « dân tộc » (nation) thường có hai nghĩa: nghĩa rộng thông thường và nghĩa hẹp coi như một thuật ngữ khoa học chỉ một cộng đồng người ổn định. Trong nghĩa thứ hai, quan điểm của C. Mác, F. Ăng-ghe-nê và V.I. Lê-nin, J. V. Xta-lin đều thống nhất. Ở nhiều nước châu Âu, những cộng đồng dân tộc như thế, đến thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản mới hình thành. Ở Việt-nam và một số nước khác, dân tộc hình thành sớm trước chủ nghĩa tư bản là do những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của những nước này có khác với đặc điểm của chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến ở nhiều nước châu Âu.

Đáng chú ý là trong giai đoạn thứ hai của cuộc thảo luận, vấn đề xây dựng dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-

nam được nhiều người quan tâm hơn và được nêu lên như một nội dung quan trọng và một nhiệm vụ chính trị.

Theo ý kiến của nhiều người, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bắt đầu mở ra quá trình hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam. Đó là một tất yếu lịch sử đã được chuẩn bị từ khi Đảng tiên phong của giai cấp công nhân thành lập và nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Sau thắng lợi của cách mạng dân tộc - dân chủ trên phạm vi cả nước, cùng với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá trình hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa càng được đẩy mạnh. Có người đã bàn về những đặc điểm của cộng đồng dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-nam và phương hướng tăng cường khối đoàn kết thống nhất của một cộng đồng dân tộc gồm nhiều thành phần dân tộc, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy quá trình thống nhất ngôn ngữ trong mối quan hệ giữa tiếng Việt, tiếng nói chung của cả cộng đồng dân tộc, với tiếng nói của những thành phần dân tộc thiểu số ở Việt-nam.

Những thành tựu đã đạt được.

Cuộc thảo luận đang tiếp tục và chắc chắn còn phải tiếp tục trong một thời gian khá dài nữa. Nhưng sau 25 năm nghiên cứu và thảo luận với gần 40 luận văn và tác phẩm bàn về sự hình thành dân tộc Việt-nam, không kể những bộ thông sử và những công trình nghiên cứu chuyên đề có ít nhiều đề cập đến vấn đề này, chúng ta có thể và cần phải xác định những thành tựu đã đạt được.

Thành tựu trước hết là qua thảo luận, chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng và ý

nghĩa nhiều mặt của vấn đề hình thành dân tộc.

Vấn đề hình thành dân tộc là một trong những vấn đề cơ bản của lịch sử dân tộc, vừa có ý nghĩa khoa học, vừa có ý nghĩa thực tiễn, ý nghĩa chính trị lớn lao. Nghiên cứu và xác định đúng quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của dân tộc Việt-nam là một cơ sở khoa học rất quan trọng để tìm hiểu quy luật và đặc điểm phát triển của lịch sử Việt-nam, đề lý giải hàng loạt vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng. Chúng ta sẽ không thể giải thích được một cách đầy đủ sức sống phi thường của dân tộc, bản chất của nền văn hóa dân tộc, những truyền thống dân tộc... cho đến những đặc điểm của phong trào nông dân, kết cấu kinh tế - xã hội, thiết chế chính trị của chế độ phong kiến Việt-nam... nếu tách rời khỏi sự hình thành dân tộc.

Vấn đề hình thành dân tộc gắn liền với vấn đề dân tộc nói chung, không phải chỉ là vấn đề của quá khứ, mà còn là một trong những vấn đề nóng hổi của cách mạng Việt-nam, trong cách mạng dân tộc - dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã phát huy cao độ sức mạnh của thời đại, đưa cách mạng Việt-nam tiến lên giành những thắng lợi ngày càng rực rỡ. Nhận thức đúng đắn con đường và đặc điểm cấu thành của dân tộc Việt-nam với tất cả chỗ mạnh chỗ yếu của nó, là cơ sở khoa học cần thiết để Đảng ta giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Nhiệm vụ đầy nhanh quá trình, hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa cũng như công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ

quốc xã-hội chủ nghĩa Việt-nam đang đặt ra nhiều vấn đề khoa học liên quan đến vấn đề hình thành dân tộc mà chúng ta đang thảo luận.

Nhìn rộng ra trên phạm vi thế giới, hình thành dân tộc cũng là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi nước cũng như mối quan hệ giữa các nước trong cộng đồng thế giới. Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, khi mục tiêu đấu tranh cao cả của các dân tộc và cả loài người tiến bộ là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đang ra sức phá hoại và lợi dụng phong trào dân tộc, kích động chủ nghĩa sô vanh nước lớn hoặc chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, thì vấn đề dân tộc lại càng mang ý nghĩa trọng đại hơn bao giờ hết.

Qua cuộc thảo luận, nhiều vấn đề lý luận về sự hình thành dân tộc và về thực tế lịch sử Việt-nam đã được nêu lên. Ý kiến còn khác nhau, thậm chí về một số vấn đề còn trái ngược nhau. Nhưng phân tích *khuyến hướng phát triển của cuộc thảo luận* thì dễ dàng nhận thấy, càng ngày càng có nhiều người, nhất là trong thời gian gần đây, tán thành ý kiến cho rằng *dân tộc Việt-nam hình thành sớm và thuộc một loại hình dân tộc trước chủ nghĩa tư bản*. Dân tộc ta hình thành không phải do yêu cầu phát triển của chủ nghĩa tư bản như loại hình dân tộc tư sản, mà do những yêu cầu khách quan và bức thiết của sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong những điều kiện thiên nhiên và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước. Vì vậy, *quá trình dựng nước và giữ nước cũng đồng thời là quá trình hình thành và phát triển của dân tộc*.

Một vấn đề nữa có thể nêu lên như một thành tựu được nhiều người chấp nhận là, dân tộc ta cũng như mọi dân tộc trên thế giới, đều *biến đổi theo các hình thái kinh tế - xã hội*.

Vào thế kỷ XVIII, XIX, những mầm mống đầu tiên của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện nhưng rất yếu ớt. Dưới thời kỳ thống trị của chủ nghĩa thực dân, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có phát triển trong mức độ nào đó, nhưng bị kìm hãm gay gắt. Cùng với quá trình phát triển của mầm mống tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, *một số yếu tố nào đó của dân tộc tư sản đã xuất hiện*. Nhưng lịch sử Việt-nam không trải qua một thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên *dân tộc Việt-nam cũng không trải qua một thời kỳ tồn tại và phát triển của dân tộc tư sản*. Đó là một đặc điểm quan trọng trong tiến trình phát triển và biến đổi của dân tộc ta. Trước khi dân tộc tư sản hình thành thì giai cấp vô sản thông qua Đảng tiên phong của mình, đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Do đó, *sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Việt-nam bước vào quá trình hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa*. Đây là một tất yếu lịch sử và cũng là một kỷ nguyên mới trên con đường phát triển của dân tộc Việt-nam.

Những vấn đề đang đặt ra.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta đang đứng trước hàng loạt vấn đề phức tạp về lý luận và thực tế lịch sử cần tiếp tục nghiên cứu và thảo luận.

Về mặt lý luận, chúng ta đều xuất phát từ những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đối với loại hình dân tộc tư sản thì quan điểm của C. Mác, F. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin rất rõ ràng và sau đó, đã được J. V. Xta-lin tổng kết trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*. Loại hình dân tộc tư sản này là một phạm trù lịch sử gắn liền với thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản. Qua thực tế lịch sử của nhiều nước châu Âu, J. V. Xta-lin đã khái quát thành hai con đường

hình thành dân tộc tư sản : con đường *quốc gia dân tộc* (Etat-nation) và con đường *quốc gia nhiều dân tộc* (Etat-multinations). Nhưng trước dân tộc tư sản, các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê-nin có trực tiếp hay gián tiếp đề cập đến một loại hình dân tộc nào không? Đó là câu hỏi đã từng được đặt ra không phải chỉ ở nước ta, mà ở nhiều nước trên thế giới khi thảo luận vấn đề hình thành dân tộc.

Có người căn cứ vào một câu của J.V. Xta-lin trong tác phẩm *Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa Lê-nin*: *"Trên thế giới có đủ loại dân tộc"*, để cho rằng, ngoài dân tộc tư sản và dân tộc xã hội chủ nghĩa, trong quan niệm của J.V. Xta-lin không hề phủ nhận loại hình dân tộc trước chủ nghĩa tư bản. Nhưng chúng ta giải thích điều đó như thế nào, khi chính J.V. Xta-lin đã từng kịch liệt phê phán một số đồng chí ở Liên-xô vào khoảng trước năm 1929 đã nêu lên luận điểm về sự hình thành dân tộc trước chủ nghĩa tư bản, khi chế độ phong kiến còn thống trị. J.V. Xta-lin viết: *"Các đồng chí cho rằng những dân tộc đã phát sinh và tồn tại ngay cả trước khi có chủ nghĩa tư bản. Nhưng làm sao các dân tộc lại có thể phát sinh và tồn tại được trước thời kỳ chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ chủ nghĩa phong kiến, khi mà các nước đều chia ra thành từng địa phương độc lập, chẳng những đã không được gắn chặt với nhau bởi những liên hệ dân tộc, mà lại còn triệt để phủ nhận sự cần thiết của những liên hệ ấy nữa? Trái với những nhận xét sai lầm của các đồng chí, không hề có và cũng không thể có những dân tộc trong thời kỳ tiền tư bản, vì chưa có những thị trường dân tộc, những trung tâm dân tộc, cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa; do đó, không có những nhân tố đề thủ tiêu tình trạng chia xé về mặt kinh tế của một dân tộc nhất định và kết hợp các bộ phận của dân tộc ấy."*

lúc đó còn bị chia cắt, thành một chỉnh thể dân tộc » (1). Quan điểm của J.V. Xta-lin thật rõ ràng, dứt khoát và phù hợp với thực tế lịch sử nước Nga và nhiều nước châu Âu.

Có người đã trích dẫn và phân tích một cách rất công phu khái niệm « dân tộc » (nation) trong những tác phẩm của C. Mác và F. Ăng-ghe-nê để chứng minh rằng, theo C. Mác và F. Ăng-ghe-nê thì dân tộc hình thành từ các bộ lạc, đồng thời với sự xuất hiện Nhà nước. Ở Nga vào cuối thế kỷ XIX cũng đã từng lưu hành một quan niệm tương tự như thế mà người đại biểu là N.C. Mi-khai-lốp-xki. Nhưng V.I. Lê-nin đã chế giễu và phê phán quan điểm đó, phân tích lịch sử nước Nga và chỉ rõ « chỉ trong thời kỳ cận đại của lịch sử Nga (khoảng từ thế kỷ XVII) thì tất cả những khu vực, lãnh địa và hầu quốc đó mới thật sự hợp nhất thành một toàn bộ » (2), nghĩa là mới bắt đầu quá trình hình thành dân tộc Nga.

Như thế chẳng lẽ, giữa C. Mác, F. Ăng-ghe-nê và V.I. Lê-nin có mâu thuẫn trong quan niệm hình thành dân tộc? Vả lại, học thuyết dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được C. Mác, F. Ăng-ghe-nê đặt cơ sở và được V.I. Lê-nin xây dựng hoàn chỉnh. Nghiên cứu lý luận về sự hình thành dân tộc không thể chỉ dừng lại ở những tác phẩm của C. Mác và F. Ăng-ghe-nê, mà phải đặc biệt chú ý những tác phẩm của V.I. Lê-nin.

Trong những trường hợp bàn về sự hình thành dân tộc được xác định một cách rõ ràng, C. Mác, F. Ăng-ghe-nê cũng như V.I. Lê-nin, J.V. Xta-lin đều thống nhất cho rằng, phải đến thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, dân tộc mới có điều kiện hình thành và như thế, dân tộc tư sản là loại hình dân tộc đầu tiên. Nhận định đó hoàn toàn phù hợp với thực tế lịch sử của nhiều nước châu Âu mà lúc bấy giờ, sự hình thành dân

tộc đã được nghiên cứu và làm cơ sở cho những khái quát khoa học trên.

Vấn đề đặt ra trước chúng ta là, từ những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phải làm sáng tỏ những vấn đề sau đây :

1 - Về khái niệm « dân tộc » (nation), trong ngôn ngữ của ta cũng như nhiều nước trên thế giới, thường dùng theo hai nghĩa rộng và hẹp, rất khó phân biệt và dễ gây ra sự nhầm lẫn trong khoa học. Chúng ta nói « dân tộc Việt-nam là một », nhưng lại cũng nói « dân tộc Kinh », « dân tộc Mường », « dân tộc Thái »...

Về mặt thuật ngữ khoa học, cần xác định rõ ràng hơn khái niệm « dân tộc » với nội dung quy định chặt chẽ. Có người đã gợi ý nên dùng khái niệm « quốc gia » hay « quốc tộc » thay thế cho khái niệm « dân tộc » theo nghĩa hẹp. Vấn đề cần được thảo luận và cân nhắc kỹ hơn nữa.

2 - Về định nghĩa dân tộc, nhiều nhà nghiên cứu vẫn dựa vào định nghĩa của J. V. Xta-lin trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, coi như một định nghĩa kinh điển về dân tộc. Theo J. V. Xta-lin: « Dân tộc là một khối người cộng đồng ổn định, được thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, lãnh thổ, sinh hoạt kinh tế và tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng văn hóa » (3). Định nghĩa này được nêu lên khi tổng kết sự hình thành dân tộc tư sản cho nên nội dung chủ yếu của nó nhằm vào dân tộc tư sản, nhưng cũng mang ý nghĩa bao quát cho mọi loại hình dân tộc nói chung.

Vậy định nghĩa đó đã phản ánh đầy đủ những đặc trưng chung của mọi

(1) J.V. Xta-lin: *Vấn đề dân tộc và thực địa*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 421.

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 1, tr.183.

(3) J.V. Xta-lin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập 2, tr. 357.

loại hình dân tộc chưa và có thể coi là một định nghĩa tổng quát về dân tộc không? Đó là điều băn khoăn suy nghĩ của nhiều người, mà đến nay vẫn chưa được giải đáp một cách thỏa đáng.

3- Về tiến trình phát triển của các hình thái cộng đồng người: đi từ bộ lạc lên bộ tộc rồi lên dân tộc hay đi từ bộ lạc tiến thẳng lên dân tộc? Vấn đề này đã từng gây ra nhiều cuộc tranh luận trên thế giới và phải được giải quyết trên cơ sở kết hợp những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những kết quả nghiên cứu mới nhất về các hình thái cộng đồng người.

Những vấn đề lý luận trên, nếu được giải quyết, sẽ soi sáng rất nhiều cho việc nghiên cứu sự hình thành dân tộc Việt-nam cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, nhất là phương Đông.

Sự hình thành của dân tộc Việt-nam cũng như các dân tộc phương Đông, trước đây hoàn toàn chưa được nghiên cứu và dĩ nhiên chưa được khái quát trong những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Vì vậy, *lĩnh thần khoa học đòi hỏi chúng ta phải vận dụng một cách sáng tạo những luận điểm tổng quát về sự hình thành dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào những điều kiện cụ thể của lịch sử Việt-nam.*

Về mặt thực tế của lịch sử Việt-nam, chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để nghiên cứu và thảo luận. Nhưng về phương diện này, cũng còn nhiều vấn đề đòi hỏi phải thu thập thêm tư liệu và nghiên cứu sâu sắc hơn.

1- Dân tộc ta hình thành sớm trước hết là do yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam. Nước ta đất không rộng, dân không đông, nhưng có lịch sử lâu đời và tồn tại, phát

triển trong hoàn cảnh gần như phải thường xuyên đấu tranh gian khổ khắc phục nhiều thiên tai của một thiên nhiên nhiệt đới gió mùa vừa giàu đẹp vừa khắc nghiệt và phải chiến đấu ác liệt chống nhiều kẻ thù xâm lược. Không kể những trang sử chống ngoại xâm còn mang tính chất nửa lịch sử nửa huyền thoại thời Hùng-vương, chỉ tính từ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của đế chế Tần hồi thế kỷ III trước Công nguyên đến nay, nhân dân ta đã phải tiến hành gần hai chục cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước và rất nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều cuộc chiến tranh giải phóng để giành lại độc lập dân tộc. Trong lịch sử, nhân dân ta đã phải đương đầu với những mưu đồ thôn tính, nô dịch, hủy diệt của những thế lực bành trướng ở Trung-quốc và nhiều cường quốc đế quốc chủ nghĩa trên thế giới. Dựng nước đi đôi với giữ nước vì thế trở thành một đặc điểm lớn chi phối toàn bộ tiến trình lịch sử Việt-nam, ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành dân tộc.

Điều kiện dựng nước và giữ nước đó rõ ràng đã tạo nên sự gắn bó trong vận mệnh chung của cả cộng đồng, thắt chặt sự cố kết dân tộc và thúc đẩy sự phát triển sớm của tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc. Nhưng vấn đề cần nghiên cứu thêm là những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử ấy đã tác động cụ thể đến tiến trình dân tộc như thế nào, không những về phương diện tổng quát của cả tiến trình, mà cả về phương diện từng yếu tố tạo thành dân tộc như lãnh thổ, ngôn ngữ, đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa, tư tưởng...

Hơn nữa, không thể tách rời sự hình thành sớm của dân tộc Việt-nam ra khỏi tiến trình chung của lịch sử thế giới. Đây không phải là con đường duy nhất của lịch sử Việt-nam, mà là đặc điểm của một số nước, nhất là ở phương Đông.

Không phải ngẫu nhiên mà khi nghiên cứu và thảo luận vấn đề hình thành dân tộc của nhiều nước phương Đông, giới sử học của những nước này nhận thấy có sự cố kết dân tộc khá sớm và không phải đến thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, dân tộc mới bắt đầu hình thành. Vậy những kết cấu kinh tế — xã hội trước chủ nghĩa tư bản của phương Đông mà C. Mác F. Ăng-ghe-n thường gọi là « hình thái châu Á », là « phương thức sản xuất châu Á », có quan hệ và ảnh hưởng gì đến sự hình thành dân tộc của những nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh ?

2 — Dân tộc là một cộng đồng người ổn định phải được xác lập trên những cơ sở và với những đặc trưng không thể thiếu được của nó.

Đối với dân tộc Việt-nam, trong số những yếu tố tạo thành dân tộc thì yếu tố *lãnh thổ và tâm lý — văn hóa* đã được xác định khá sớm và đã được nhận thức tương đối rõ (dĩ nhiên còn phải nghiên cứu thêm). Nhưng yếu tố *tiếng nói và sinh hoạt kinh tế* thì cơ sở tư liệu của nhiều thời kỳ chưa có bao nhiêu và cũng chưa được nghiên cứu kỹ. Chúng ta còn phải đầu tư nhiều công sức hơn nữa trên các lĩnh vực này và cần có sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học và kinh tế học.

Khi tổng kết những đặc trưng của dân tộc, J. V. Xta-lin không nêu lên yếu tố Nhà nước. Điều đó hoàn toàn đúng đối với những quốc gia nhiều dân tộc. Ở đây, chỉ có Nhà nước của giai cấp thống trị của dân tộc đa số, còn các dân tộc bị trị không có Nhà nước riêng. Vì vậy, Nhà nước không phải là đặc trưng không thể thiếu được đối với những dân tộc này. Nhưng đối với Việt-nam và những quốc gia — dân tộc, sự hình thành dân tộc lại liên quan mật thiết với sự thống nhất quốc gia, trong đó Nhà nước trung ương tập quyền giữ vai trò quan

trọng. Như vậy, có nên tính đến nhân tố Nhà nước trong sự hình thành dân tộc Việt-nam hay không? Vấn đề đã được nêu lên, nhưng đến nay vẫn chưa đi đến một kết luận vững vàng về mặt lý luận chung và về những điều kiện cụ thể của lịch sử nước ta.

3 — Từ khi lập quốc, nước ta đã gồm nhiều thành phần dân tộc. Hiện nay, dựa trên kết quả nghiên cứu và xác minh của Viện dân tộc học và Ủy ban dân tộc trung ương, Tổng cục thống kê đã thay mặt Hội đồng chính phủ, ban hành quyết định về *Danh mục các thành phần dân tộc Việt-nam* gồm 54 thành phần dân tộc. Vậy mối quan hệ giữa thành phần dân tộc đa số với các thành phần dân tộc thiểu số trong quá trình hình thành và phát triển dân tộc đã diễn ra như thế nào?

Trong thảo luận, có người đặt vấn đề sự hình thành dân tộc Việt-nam, nhưng cũng có người chỉ đặt vấn đề sự hình thành dân tộc Việt.

Xu hướng chung của lịch sử là dân tộc đa số đóng vai trò trung tâm đoàn kết và tập hợp các thành phần dân tộc thiểu số vào trong một quốc gia thống nhất, rồi dần dần cũng có thành một cộng đồng dân tộc thống nhất gồm nhiều thành phần dân tộc. Cần nghiên cứu để xác định rõ quá trình đó trước đây đã được thực hiện qua các thời kỳ lịch sử như thế nào, đến mức độ nào và ngày nay, đang được thực hiện trọn vẹn trong cộng đồng dân tộc xã hội chủ nghĩa như thế nào.

4 — Dân tộc Việt-nam hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước, nhưng đến lúc nào thì quá trình đó mới tạo đủ cơ sở để *xác lập thành một cộng đồng dân tộc với đầy đủ ý nghĩa của nó*.

Sau khi thành hình, dân tộc ta đã phát triển, trưởng thành và biến đổi qua các thời kỳ lịch sử như thế nào?

Ở đây có một vấn đề quan trọng là xác định cơ sở kinh tế — xã hội và nội dung giai cấp của dân tộc. Trong lịch sử Việt-nam, sự phát triển và thay thế của các hình thái kinh tế — xã hội của một số thời kỳ chưa được nghiên cứu đầy đủ, đã ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề trên. Khái niệm « dân tộc trước chủ nghĩa tư bản » mang tính chất chung chung và rõ ràng không phản ánh được bản chất của loại hình dân tộc này.

5 — Từ lịch sử hình thành và phát

triển của dân tộc Việt-nam trong quá khứ, cần xác định rõ những đặc điểm nội tại của quá trình đó, phân tích những chỗ mạnh, chỗ yếu của nó. Trên cơ sở đó, rút ra những kết luận góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, và phục vụ trực tiếp cho công cuộc xây dựng cộng đồng dân tộc Việt-nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đây là mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, giữa khoa học và chính trị, giữa lý luận và thực tiễn.

Tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 51)

tuy tiện, thiếu sự chuẩn bị, thiếu tính toán cân nhắc chu đáo. Không nên nghĩ một cách đơn giản rằng « có đến tay ai người ấy phát ». Muốn phát được « cò », phải có bản lĩnh của người cầm « cò ». Trao « cò » không đúng đối tượng, khi nhận ra được sai lầm thì việc khắc phục sai lầm đó thường phải trả giá không ít. Ý kiến của Lê-nin về việc lựa chọn cán bộ sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, đối với chúng ta ngày nay vẫn là bài học bổ ích. Lê-nin đã dạy: « Chúng ta cứ di con đường của chúng ta, và chủ ý tìm cho ra và thử thách một cách hết sức nhẫn nại, hết sức thận trọng những người thật sự có tài tổ chức, những người có bộ óc sáng suốt và có bản lĩnh tháo vát trong thực tiễn, những con người vừa trung thành với chủ nghĩa

xã hội lại vừa có khả năng lạng lã (và bất chấp sự ồn ào và hỗn loạn) tổ chức một cách vững chắc và nhịp nhàng công việc làm chung của một khối người to lớn trong phạm vi tổ chức xô viết, Chỉ có những người như thế chúng ta mới dễ bật lên những chức vụ lãnh đạo lao động của nhân dân, lên những chức vụ quản lý, sau khi đã thử thách họ bằng chục lần bằng cách cho họ đảm nhận từ những nhiệm vụ đơn giản nhất đến những nhiệm vụ khó khăn nhất... » (2).

Nắm vững thực chất lời dạy đó của Lê-nin, chúng ta nhất định sẽ tìm được hướng làm, cách làm tốt nhất.

(2) Lê-nin : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tập 27, tr. 330.

Bước phát triển mới của TIỆP-KHẮC

HẢI-VÂN

TRONG những năm 70, nhân dân Tiệp-khắc đã giành được những thành tựu rực rỡ, có tính chất lịch sử trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế.

Sau khi kế hoạch 5 năm thứ 6 hoàn thành tốt đẹp, Đại hội thứ 16 của Đảng cộng sản Tiệp-khắc họp vào tháng 4-1981 đã thông qua kế hoạch 5 năm thứ 7. Kế hoạch này đánh dấu một thời kỳ phát triển mới, quan trọng trên con đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ nhưng hết sức vẻ vang của nhân dân Tiệp-khắc. Ngày nay, với công nghiệp phát triển, nông nghiệp hiện đại và khoa học kỹ thuật tiên tiến, nền kinh tế Tiệp-khắc phát triển vững mạnh, ổn định và phồn vinh. Ở Tiệp-khắc, chế độ xã hội chủ nghĩa đã được củng cố vững chắc, khối đoàn kết toàn dân và các dân tộc được tăng cường, nhân dân có mức sống cao với một hệ thống chăm sóc xã hội mẫu mực. Tiệp-khắc là nước thứ hai trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, sau Liên-xô, đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và đang xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Với tiềm lực kinh tế lớn mạnh, đất nước có hòa bình, Tiệp-khắc có nhiều khả năng và thuận lợi trong quan hệ hợp tác quốc tế, và có vị trí quốc tế cao (*). Trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, Đảng cộng sản Tiệp-khắc đóng góp tích cực vào sự đoàn kết và hùng cường của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và là một bộ phận vững chắc của hệ thống xã hội chủ nghĩa và của phong trào cách mạng thế giới. Là một trong những thành viên sáng lập Liên hợp quốc, tại diễn đàn của tổ chức quốc tế này cũng như ở mọi nơi, Tiệp-khắc luôn luôn kiên quyết đấu tranh bảo vệ sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Tiệp-khắc là một trong những nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới. Số dân chỉ bằng 0,4% số dân thế giới nhưng thu nhập quốc dân của Tiệp-khắc bằng từ 1,1% đến 1,4% thu nhập quốc dân của thế giới. Sản

(*) Tiệp-khắc có quan hệ với 120 nước, là thành viên của 60 tổ chức của Chính phủ và có đại diện trong 1200 tổ chức quốc tế khác.

phẩm công nghiệp tính theo đầu người nhiều gấp 4 lần mức bình quân của thế giới, và về mặt này, Tiệp-khắc là một trong những nước đứng đầu thế giới. So với năm 1948, năm 1979 tổng sản phẩm xã hội tăng gấp 20 lần, thu nhập quốc dân tăng 5,9 lần, sản xuất công nghiệp tăng 11 lần, công

ng nghiệp xây dựng tăng 13 lần và sản xuất ngũ cốc tăng gần 50%.

So với các nước công nghiệp phát triển khác, mức sản xuất một số sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp tính theo đầu người của Tiệp-khắc thuộc loại cao. Sau đây là số liệu của năm 1978:

	Tiệp-khắc	CHDC Đức	CHLB Đức	Pháp	Áo	Thụy-điển
Điện (kwh)	4564	5725	5764	4177	5068	10891
Thép (kg)	1019	416	695	428	612	510
Chất dẻo (kg)	54	45	114	49	58	67
Xi măng (kg)	673	747	547	526	764	278
Ngũ cốc (kg)	723	569	391	854	617	699
Sữa (kg)	372	486	380	562	432	393
Thịt (kg)	93	106	72	90	76	62
Trứng (kg)	18	17	15	14	12	13

Trong kế hoạch 5 năm thứ 6 (1976 - 1980), sản lượng công nghiệp và xây dựng tăng 25%, công nghiệp cơ khí tăng 36,5%. Tiệp-khắc cũng đạt được nhiều thành tựu trong việc thay đổi cơ cấu về năng lượng, đã khai thác 15 triệu tấn than mỗi năm và đưa vào sử dụng những cơ sở điện lực mới với tổng công suất là 4300 mê ga oát. Về nông nghiệp, mặc dù thời tiết không thuận lợi, sản lượng lúa mì tăng 3,8 triệu tấn so với kế hoạch 5 năm thứ 5. Năm 1980, thu nhập quốc dân đạt 433,6 tỷ của ron, tăng 20% so với năm 1975 và gấp 1,5 lần so với năm 1970. Lương trung bình của cán bộ và công nhân trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa tăng 15%, thu nhập của nông dân tập thể tăng 16% so với thời kỳ kế hoạch 5 năm thứ 5.

Tiệp-khắc ngày càng tích cực tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, nhất là hợp tác với Liên-xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Vào cuối kế hoạch 5 năm thứ 6, việc trao đổi hàng hóa với các nước xã hội chủ nghĩa chiếm 67% doanh

số về ngoại thương. Chất lượng các loại thực phẩm, hàng may mặc, hàng tiêu dùng, v.v. đạt trình độ của các nước công nghiệp phát triển trên thế giới. Sản xuất xã hội và đời sống nhân dân được nâng cao. Trung bình mỗi người dân tiêu thụ 85kg thịt mỗi năm và 10 người có một ô tô du lịch. Vấn đề nhà ở cũng được cải thiện, các ngành giáo dục, văn hóa, y tế, đều phát triển mạnh.

Đại hội thứ 16 của Đảng cộng sản Tiệp-khắc đánh dấu một bước phát triển mới, quan trọng trên con đường xây dựng đất nước. Cơ sở của đường lối của Đại hội là đường lối chung xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đã được Đại hội thứ 14 thông qua và Đại hội thứ 15 phát triển. Đó là một cương lĩnh đồng bộ, dài hạn về phát triển chính trị, kinh tế, xã hội, về chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng cộng sản Tiệp-khắc. Mục tiêu quan trọng nhất của Đảng cộng sản Tiệp-khắc trong kế hoạch 5 năm thứ 7 là: trong điều kiện có những khó khăn nhất định do những biến động về giá cả, nguyên

liệu, năng lượng trên thị trường thế giới, vẫn cố gắng giữ vững và nâng cao mức sống của nhân dân phù hợp với những thành tựu đã đạt được trong xây dựng và phát triển kinh tế. Chia khóa đề giải quyết vấn đề là triệt để nâng cao hiệu quả và chất lượng lao động bằng cách nâng cao hiệu suất các phương tiện sản xuất trên cơ sở phát huy sáng kiến và tận dụng đến mức tối đa những thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới, đồng thời tăng cường tham gia vào sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhất là phát triển và tăng cường về chiều sâu liên minh và hợp tác trong mọi lĩnh vực với Liên-xô. Mặt khác, chú trọng việc kiện toàn công tác quản lý có kế hoạch và thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của nhân dân lao động vào quá trình sản xuất.

Vấn đề tăng năng suất lao động, sử dụng tốt và hợp lý các loại nhiên liệu, năng lượng, nguyên liệu, vật liệu cũng như vốn cố định và lực lượng lao động hiện có là những vấn đề được đặt lên hàng đầu. Việc giảm chi phí sản xuất và nâng cao tính hoàn lại của vốn sản xuất được chú trọng. Việc quy định cơ cấu sản xuất, tốc độ phát triển của sản xuất dựa trên nhu cầu phát triển một cách có hiệu quả nền kinh tế quốc dân, chú trọng phát huy các khả năng xuất khẩu, ưu tiên phát triển tối đa hàng xuất khẩu, giảm nhập khẩu.

Đề đạt được những mục tiêu của chính sách kinh tế và xã hội, Tiệp-khắc dự kiến trong kế hoạch 5 năm thứ 7, sẽ tăng thu nhập quốc dân 14 - 16% so với kế hoạch 5 năm trước. Sản xuất công nghiệp giữ vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân sẽ tăng 18 - 20%, 90% mức tăng đó

là do tăng năng suất lao động. Ngành cơ khí và ngành điện là cơ sở để phát triển nền kinh tế quốc dân, sẽ tăng 33 - 35%, năng suất lao động trong hai ngành này tăng 30 - 32%. Sản lượng công nghiệp nhẹ đến năm 1985 sẽ tăng 15%.

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp để đi đến tự túc lương thực và thực phẩm là một nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch 5 năm thứ 7. Sản lượng nông nghiệp sẽ tăng khoảng 10%, trong đó trồng trọt tăng 11 - 16%.

Trong quan hệ kinh tế với các nước, Tiệp-khắc chú trọng hợp tác toàn diện và chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là với Liên-xô, xem đó là điều kiện bảo đảm sự ổn định và phát triển của nền kinh tế Tiệp-khắc. Sẽ tạo điều kiện để tăng 25% doanh số trao đổi hàng hóa với các nước xã hội chủ nghĩa. Tích cực thực hiện các chương trình liên kết trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế.

Tiếp tục nâng cao mức sống của nhân dân gắn liền với nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất của xã hội; phát huy khả năng sáng tạo của nhân dân; nhấn mạnh tác động tích cực của sự nâng cao mức sống trong khi phát triển lực lượng lao động và tăng cường tính hài hòa giữa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Tiệp-khắc, nhân dân Tiệp-khắc nhất định sẽ thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm thứ 7, làm cho đất nước Tiệp-khắc thêm giàu mạnh, cổ vũ bạn bè ở khắp nơi trên thế giới, góp phần thúc đẩy sự nghiệp cách mạng thế giới tiến lên.

Trung-quốc: ĐIỀU CHỈNH KINH TẾ KÉO DÀI NHIỀU NĂM

CHỦ trương điều chỉnh kinh tế, thay cho kế hoạch phát triển 10 năm 1976 - 1985 bị phá sản, được đưa ra lần đầu tiên tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc hồi cuối năm 1978. Khi đó, Bắc-kinh nói dành 2 năm 1979 và 1980 để điều chỉnh, từ 1981 bắt đầu kế hoạch 5 năm mới. Tháng 6-1979, tại Quốc hội Trung-quốc, Hoa-Quốc-Phong nói phải dành 3 năm để điều chỉnh, chứ không phải 2 năm. Tháng 3-1980, Hứa-Điền-Tân, Phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Trung-quốc nói, thời gian điều chỉnh phải kéo dài đến cuối năm 1982. Xã luận Nhân dân nhật báo ngày 2-12-1980 thú nhận rằng việc điều chỉnh kinh tế không thể làm xong trong ba bốn năm tới, mà cần một thời gian lâu dài hơn! Báo chí phương Tây nói phải hết những năm 80 Trung-quốc mới điều chỉnh xong. Như vậy là sau khi đưa ra kế hoạch điều chỉnh, Bắc-kinh đã ba lần « điều chỉnh » thời gian của « kế hoạch điều chỉnh ». Điều chỉnh là gì? Trung-quốc chính thức nói rằng điều chỉnh là hãm bớt hoặc ngừng

hẳn mọi kế hoạch phát triển do chính sách kinh tế bốc đồng trước đó đề ra, nhằm phục hồi sự phát triển cân đối của nền kinh tế. Năm 1957, thu nhập quốc dân Trung-quốc đạt 95 tỷ nhân dân tệ và tổng sản phẩm xã hội 159,2 tỷ. Sau cuộc « đại nhảy vọt » 1958 - 1960, theo tạp chí *Tám gương* (Công hòa liên bang Đức) số 49 tháng 12-1980, nền kinh tế Trung-quốc bị giảm sút 25%. Hồi đó, Trung-quốc đã mất 5 năm (1961-1965) để điều chỉnh. Tiếp ngay sau đó là cuộc « đại cách mạng văn hóa » đã tàn phá nền kinh tế Trung-quốc một cách tệ hại hơn nhiều so với cuộc đại nhảy vọt. Nhà đương cục Trung-quốc thú nhận nền kinh tế Trung-quốc « đứng bên miệng hố sụp đổ ». Chỉ riêng từ 1974 đến 1976, ba năm cuối cùng của cách mạng văn hóa, ngành công nghiệp bị thiệt hại khoảng 100 tỷ nhân dân tệ (Hoa-Quốc-Phong nói ngày 9-5-1978).

Trước tình hình kinh tế thảm hại đó, nhà cầm quyền Trung-quốc vẫn liều lĩnh đặt chương trình bốn hiện đại hóa có tính chất nhảy vọt, mà « 10 năm then chốt » là kế hoạch 1976 -

1985 với những chỉ tiêu bốc đồng được công bố hồi tháng 8-1977. Nhưng chỉ 20 tháng sau, người ta bắt đầu phát hiện đó là chuyện phiêu lưu, khác nào bắt một người ốm liệt giường phải nhồm dầy chạy (theo lời Trần-Văn nói hồi tháng 4-1979). Việc điều chỉnh kinh tế đã được tiến hành hơn 2 năm, nhưng đến nay « tình trạng mất cân đối nhiều mặt chưa có gì thay đổi căn bản. Điều chỉnh chưa có kết quả gì... Trong điều chỉnh, có những vấn đề mới xuất hiện mà chúng ta không nhìn thấy trước » (*Kinh tế đạo báo*, tuần báo xuất bản ở Hương-cảng, phản ánh quan điểm của Bắc-kinh, số ra ngày 1-1-1981).

Ở Trung-quốc hiện nay, nông nghiệp rất bấp bênh. Về công nghiệp, so với năm 1976 năm 1977 tăng 14%, 1978: 13,5%. Năm 1979, bắt đầu điều chỉnh, tăng 7,8%. Năm 1980, riêng công nghiệp nặng chỉ tăng 1,6%, trong đó dầu mỏ, than giảm gần 3%; nhưng nhờ công nghiệp nhẹ tăng nhiều, cho nên toàn bộ công nghiệp có tăng. Giới kinh tế phương Tây dự đoán trong thời kỳ điều chỉnh, tốc độ tăng chỉ vào khoảng 3-4%. Như vậy, mức độ tăng ngày càng chậm. Kế hoạch 1981 được đưa ra tháng 9-1980, nay lại điều chỉnh. Thép từ 33 triệu tấn rơi xuống còn 33 triệu, dầu mỏ từ 106 triệu tấn xuống 100 triệu, than 359 triệu tấn xuống 339 triệu. Đầu tư xây dựng cơ bản từ 55 tỷ nhân dân tệ xuống 30 tỷ. Năm 1980 phát hành 7,6 tỷ nhân dân tệ, gây lạm phát nghiêm trọng, chính thức là 5-6%, nhưng giới kinh tế phương Tây cho rằng lạm phát ít nhất là trên 15%. Năm nay, thay cho việc phát hành tiền, nhà cầm quyền Trung-quốc cho phát hành công trái (1-5 tỷ nhân dân tệ) và vay quỹ địa phương (8 tỷ). Những biện pháp này trực tiếp đánh vào đời sống nhân dân, càng gây khó khăn cho việc điều chỉnh.

Theo tờ *Nhân dân nhật báo* ngày 5-12-1980, sự mất cân đối trong kinh

tế Trung-quốc tập trung ở mấy mặt như sau: *Một là*, các ngành kinh tế mất cân đối nghiêm trọng. *Hai là*, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ còn lạc hậu, chưa thỏa mãn được nhu cầu của đời sống nhân dân. *Ba là*, công nghiệp nặng thì nhiều, nhưng công kênh, kỹ thuật lỗi thời, không có tác dụng chủ đạo. *Bốn là*, kết cấu hạ tầng rất mỏng và yếu, cản trở sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. *Năm là*, tích lũy quá cao trong nhiều năm, ảnh hưởng đến tiêu dùng. *Sáu là*, quy mô xây dựng quá lớn, vượt quá sức người sức của. Riêng việc xây dựng quá khả năng tài chính đã gây nên tình trạng: thiếu vật tư gay gắt, tài chính bội chi nghiêm trọng, năng lượng căng thẳng, phương hướng đầu tư bị đảo lộn, tích lũy quá cao, hiệu quả kinh tế quá thấp, đời sống giảm sút.

Cũng tờ *Nhân dân nhật báo*, số ra ngày 12-2-1981, đã tổng kết những căn bệnh hiện nay của kinh tế Trung-quốc như sau: *một là*, các chỉ tiêu quá cao, tích lũy quá cao, coi nhẹ hiệu quả, coi nhẹ tiêu dùng. *Hai là*, chạy theo tốc độ, coi nhẹ cân đối, đồng bộ. *Ba là*, nặng về xây dựng cơ bản, xem nhẹ sản xuất. *Bốn là*, nặng về sản xuất, nhẹ về đời sống. *Năm là*, chú trọng quá mức đến sản xuất, coi nhẹ lưu thông phân phối. *Sáu là*, chú trọng cân đối tổng hợp của ngành, xem nhẹ cân đối tổng hợp khu vực.

So sánh cuộc điều chỉnh lần này với cuộc điều chỉnh hồi 1961 — 1965, bài báo cho thấy: *Một là*, trước đây mất cân đối chỉ là bệnh « cấp tính », lần này mất cân đối đã kéo quá dài, hơn nữa lại là mất cân đối toàn diện, mất cân đối có tính chất tổng hợp, có thể gọi là « bệnh tổng hợp », « nhiều bệnh cùng đồng thời bộc phát ». *Hai là*, lần trước điều chỉnh khi mà hầu như mọi người đều thấy được yêu cầu cấp bách phải điều chỉnh. Lần này, nhiều hiện tượng bề ngoài che lấp những nguy cơ tiềm tàng của nền kinh tế.

làm cho nhiều người không thống nhất nhận thức về yêu cầu phải điều chỉnh. *Ba là*, trước đây chủ yếu điều chỉnh những công trình nhỏ, thiệt hại ít, cho nên thực hiện tương đối dễ. *Lần này*, những công trình phải điều chỉnh phần lớn là công trình lớn, tổn thất lớn, khó khăn nhiều. *Bốn là*, trước đây, việc hạn chế đầu tư tương đối dễ dàng, nay vì có nhiều nguồn vốn khác nhau, cho nên khó kiểm soát, khó khống chế. *Năm là*, trước đây, trong quá trình điều chỉnh, sản xuất năng lượng vẫn tăng; bây giờ sản xuất năng lượng lên xuống bấp bênh. *Sáu là*, lần điều chỉnh trước, Nhà nước đã động viên được hai chục triệu công nhân, viên chức về nông thôn lao động sản xuất, lần này, chẳng những không thể làm được như thế, mà còn phải giải quyết công việc cho hàng chục triệu người thất nghiệp ở thành thị. Tất cả những điều đó chứng tỏ kỹ điều chỉnh này rất khó khăn và phức tạp.

Tờ *Kinh tế đạo báo* nói trên mô tả sự mất cân đối giữa các ngành như sau. So với năm 1949, năm 1978, công nghiệp tăng 38,2 lần, nhưng nông nghiệp chỉ tăng 2,4 lần; công nghiệp nặng tăng trên 90 lần, trong khi đó công nghiệp nhẹ chỉ tăng trên 19 lần. Về đầu tư, kể từ năm 1958 đến những năm gần đây, vốn đầu tư vào công nghiệp nhẹ chỉ bằng 1 phần 10 của công nghiệp nặng. Kể từ năm 1958, tích lũy bao giờ cũng trên 30%, năm 1959 lên tới 43,8%, có năm lên tới 45%. Tích lũy quá cao và đầu tư cho công nghiệp nặng quá nhiều, đã gây mất cân đối nghiêm trọng, và ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống.

Như vậy, theo tài liệu chính thức của Trung-quốc, nền kinh tế Trung-quốc đang mất cân đối nghiêm trọng về mọi mặt. Về tốc độ phát triển thì công nghiệp nặng là khá hơn cả. Vậy công nghiệp nặng của Trung-quốc hiện nay như thế nào? Trước hết là ngành chế tạo cơ khí, đại bộ phận

thiết bị của ngành này còn ở trình độ kỹ thuật những năm 50, 60, một bộ phận thuộc những năm 30, 40, hiệu suất rất thấp (*Nhân dân nhật báo* ngày 12-3-1980). Tờ *Kinh tế đạo báo* số ra ngày 14-5-1980 đã chỉ ra nhiều vấn đề nghiêm trọng trong công nghiệp cơ khí hiện nay của Trung-quốc như: không thể thỏa mãn nhu cầu của xã hội, không phục vụ được việc cải tạo kỹ thuật, chất lượng sản phẩm thấp kém, v.v. Trong số ra ngày 28-5-1980, tờ báo này viết: « Công nghiệp gang thép của nước ta chưa thể đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế quốc dân, còn cách rất xa các nước tiên tiến về mặt trang bị kỹ thuật, mặt hàng, chất lượng... Hiện nay Trung-quốc còn phải nhập khẩu thép. Trong nước, ngành khai thác quặng và ngành cán thép lạc hậu so với ngành luyện kim ». Còn ngành sản xuất dầu mỏ và than thì giảm chân tại chỗ trong 2 năm qua, dự kiến trong nhiều năm tới cũng không nhích lên được bao nhiêu vì thiếu vốn và vật tư kỹ thuật.

Tình hình kinh tế tồi tệ nói trên buộc nhà cầm quyền Trung-quốc phải tiến hành điều chỉnh, mà việc điều chỉnh lần này, theo họ thú nhận, hết sức khó khăn và hậu quả hết sức tai hại làm nảy sinh những nguy cơ nghiêm trọng, gây tâm trạng hoang mang lo ngại trong cán bộ và nhân dân. Riêng ở Quảng-dông có khoảng 400 công trình lớn nhỏ trị giá trên 900 triệu nhân dân tệ bị đình lại. Tờ *Nhân dân nhật báo* ngày 21-1-1981, viết: « Lần điều chỉnh này, diện xáo động rất lớn, nhất định ảnh hưởng đến rất nhiều thanh niên, việc thu hẹp xây dựng cơ bản sẽ gây thêm nhiều khó khăn cho những người chưa có việc làm, nhiều xí nghiệp sẽ ngừng hẳn hoặc giảm bớt sản xuất, sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của công nhân viên chức ». Ngày 16-1-1981, cũng tờ báo trên viết: « Các hoạt động đầu cơ tích trữ ngoài xã hội bao gồm cả các xí nghiệp quốc doanh và tập thể, hàng loạt viên

chức và công nhân Nhà nước đã làm ăn phi pháp, đầu cơ tích trữ, buôn lậu hàng hóa của Nhà nước, kê cả vàng bạc, các loại thuốc quý, hàng nước ngoài, gây thiệt hại nghiêm trọng cho lợi ích cả nước, phá hoại trật tự kinh tế và sự ổn định thị trường, trực tiếp gây nguy hại cho sự ổn định xã hội, phá hoại công cuộc điều chỉnh kinh tế ».

Việc điều chỉnh lần này của Trung-quốc gây thiệt hại cho Nhật-bản và các nước phương Tây. Riêng đối với Nhật-bản, việc Trung-quốc đơn phương hủy bỏ 15 dự án lớn trong

các hợp đồng với Nhật-bản mà toàn bộ giá trị lên tới 60 tỷ đô la (kể từ 1978 đến 1990), đã làm cho nước này trước mắt thiệt hại tới 2 tỷ đô la

Tờ Tranh minh số ra tháng 2-1981 ở Hương-cảng, sau khi đăng 4 bài nói gần đây của Trần-Vân, Đặng-Tiêu-Bình, Triệu-Tử-Dương và Lý-Tiến-Niệm, đã cho biết chính Trần-Vân đã dự đoán rằng tình hình kinh tế - xã hội Trung-quốc đang đưa đến nguy cơ bùng nổ bạo động đối kháng trong quần chúng thành thị và nông thôn.

LÊ-TỊNH

Thành công tốt đẹp của đại hội thứ IV...

(Tiếp theo trang 11)

xây dựng bởi xương máu của hàng chục vạn chiến sĩ Việt-nam - Cam-pu-chia - Lào, tình đoàn kết ấy của ba nước Đồng-dương đã trở thành một sức mạnh vật chất to lớn, bảo đảm cho cách mạng mỗi nước phát triển thắng lợi.

Cũng như Đảng và nhân dân Cam-pu-chia anh em, Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam hết sức quý trọng mỗi tình đoàn kết thiêng liêng của các nước Đồng-dương. Thể hiện tình-cảm cao quý ấy của nhân dân ta, trong lời chào mừng Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, Đồng chí Lê-Đuẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, đã trình trọng tuyên bố: « Chính sách trước sau như một của Đảng cộng sản Việt-nam là ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân Cam-pu-chia cũng như với nhân dân Lào, từng cường tinh

đoàn kết chiến đấu, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ nhau về mọi mặt giữa ba nước trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, làm cho ba nước vốn gắn bó với nhau trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì độc lập tự do và phồn vinh của mỗi nước ».

Với tình cảm thân thiết của người bạn chiến đấu cùng đứng trên một trận tuyến chống kẻ thù chung, nhân dân ta chân thành chúc nhân dân Cam-pu-chia anh em, dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong cách mạng của mình, giành được những thắng lợi ngày càng to lớn hơn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Cam-pu-chia thân yêu; góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng và hòa bình ở Đồng-dương, Đông Nam Á và trên toàn thế giới.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 6 – 1981

ЛЕ ДУАН – О совершенствовании форм распределения и обращения товаров в целях интенсификации производства и нормализации жизни населения. ★ ★ ★ – Успешное завершение IV съезда Народно-революционной партии Кампучии. **ФАМ ХУНГ** – Весь народ – на охрану политической безопасности и общественного порядка. **ФУК КЫОНГ** – Путь к миру, независимости, солидарности и сотрудничеству народов Юго – Восточной Азии. **ВО ЧИ КАО** – О расширении и обеспечении прав самостоятельно решать финансовые дела трудовым коллективам, об унификации и централизации управления финансами со стороны государства.

...

REVIEW OF COMMUNISM № 6 – 1981

LE-DUÂN – Improve distribution and circulation with a view to pushing production forward and stabilizing living conditions. ★ ★ ★ – Splendid success of the Fourth Congress of the Revolutionary People's Party of Kampuchea. **PHAM-HÙNG** – The entire people safeguard political security and social order. **PHÚC-CUÔNG** – The road that leads to peace, independence, friendship and cooperation for the nations of Southeast Asia. **VÕ-TRÍ-CAO** – Broaden and ensure financial autonomy for the base, strengthen unified central financial management by the State.

...

REVUE DU COMMUNISME № 6 – 1981

LE-DUÂN – Améliorer le travail de distribution et de circulation des marchandises en vue d'activer la production et de stabiliser la vie. ★ ★ ★ – Le succès du IV^e Congrès national du Parti populaire révolutionnaire du Kampuchéa. **PHAM-HÙNG** – Le peuple tout entier participe à la défense de la sécurité politique et de l'ordre social. **PHÚC-CUÔNG** – Le chemin conduisant à la paix, l'indépendance, la fraternité et la coopération des peuples de l'Asie du Sud-Est. **VÕ-TRÍ-CAO** – Elargir et assurer l'autonomie financière des bases de production, renforcer la gestion centralisée et unifiée des finances de l'État.

...

REVISTA DEL COMUNISMO № 6 – 1981

LE-DUÂN – Mejorar el trabajo de distribución y circulación con miras a impulsar el acremento de la producción y estabilizar la vida. ★ ★ ★ – Brillante éxito del IV Congreso Nacional del Partido Popular Revolucionario de Kampuchea. **PHAM-HÙNG** – Todo el pueblo asegura la seguridad política y el orden y seguridad social. **PHÚC-CUÔNG** – El camino llevando a la paz, independencia, amistad y cooperación de los pueblos del Sureste Asiático. **VÕ-TRÍ-CAO** – Ampliar y asegurar la autodeterminación financiera de las bases, al mismo tiempo mejorar la gestión centralizada y unificada del Estado en este aspecto.

...

MỤC LỤC

LÊ-DUẬN - Cải tiến công tác phân phối, lưu thông, nhằm thúc đẩy sản xuất, ổn định đời sống	1
★ ★ ★ - Thành công tốt đẹp của Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia	9
PHẠM-HÙNG - Toàn dân bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội	12
PHÚC-CƯỜNG - Con đường dẫn đến hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác của các dân tộc Đông Nam Á	20
VÕ-TRÍ-CAO - Mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở, tăng cường quản lý tài chính tập trung thống nhất của Nhà nước	35
LÊ-DOÃN-TÁ - Về kiểm kê và kiểm soát trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội	40
PHẠM-QUÁN - Tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật cho cơ quan lãnh đạo các cấp	47
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN-TRUNG-THỰC - Khi ghét... và khi yêu...	52
Nghiên cứu ★ PHAN-HUY-LÊ - Văn đề hình thành dân tộc Việt-nam	55
HẢI-VÂN - Bước phát triển mới của Tiệp-khắc	64
Tư liệu ★ LÊ-TINH - Trung-quốc : Điều chỉnh kinh tế, kéo dài nhiều năm	67

From:

交流
CHIAO !

Tìm đọc :

HỒ-CHÍ-MINH TOÀN TẬP

TẬP 2 (1925 — 1930)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

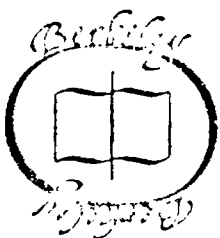
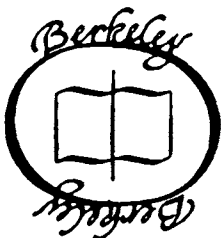
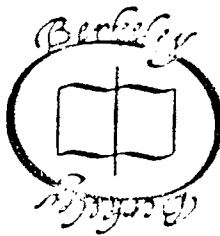
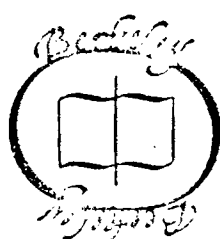
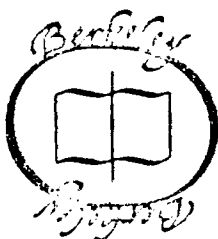
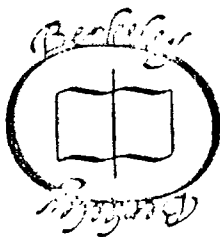
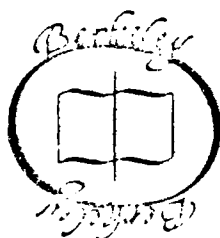
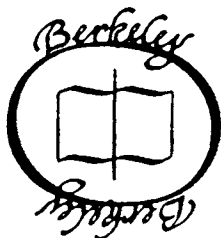
In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số · 12651

Giá : 0đ40

147880

PERIODICALS



GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY



8000582864

